

SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
SỞ THỂ DỤC THỂ THAO BÌNH ĐỊNH

LÊ THÌ

*Nguyên Giám đốc Sở Thể dục Thể thao Bình Định
Nguyên Chủ tịch Liên đoàn Võ thuật cổ truyền
Bình Định*

VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

Năm 2004



Ảnh: Phạm Văn Chai



LÊ THÌ

- Sinh năm 1933 tại Phước Thắng
- Tuy Phước - Bình Định
- Trước 1954: Bộ đội Bình
Định - Huân chương Chiến
Thắng Hạng 2
- 1954 - 1960: Cán bộ bưu
điện Hà Nội
- 1960 - 1965: Lưu học sinh
Học viện Thể dục Thể thao
Bắc Kinh - Trung Quốc
- 1967 - 1972: Cán bộ Tổng
cục Thể dục Thể thao
- 1973 - 1975: Vào Nam -
Huân chương chống Mỹ cứu
nước Hạng 1
- 1975 đến nay: Giám đốc
TDTT Bình Định. Chủ tịch
Liên đoàn Võ thuật Bình Định.
Là trưởng đoàn Võ thuật Việt
Nam đi các nước Liên Xô
(trước đây), Cu Ba, Pháp...
Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng,
Huân chương Lao động Hạng
3 về công tác TDTT.

SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
SỞ THỂ DỤC THỂ THAO BÌNH ĐỊNH

LÊ THÌ

*Nguyên Giám đốc Sở Thể dục Thể thao Bình Định
Nguyên Chủ tịch Liên đoàn Võ thuật cổ truyền
Bình Định*

VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

NĂM 2004

LỜI GIỚI THIỆU

Trong giới võ thuật, nhiều người vẫn còn quan niệm một cách đơn thuần rằng: *nói đến võ thuật tức là nói đến những đường quyền, ngọn roi, những cú đâm mạnh mẽ, những ngón đòn hiểm hóc v.v...* mà đôi khi không để ý tới bản sắc văn hóa truyền thống được biểu hiện khá đậm nét từ chính tinh thần thượng võ. Bình Định cũng như các vùng quê khác trên dải đất giàu truyền thống lịch sử dựng nước và giữ nước đã hình thành một bản sắc văn hóa dân tộc phong phú, đa dạng, trong đó *Võ Cổ truyền Bình Định* là một trong những di sản văn hóa khá đặc biệt.

Kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc mà Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) gợi mở và Nghị quyết Trung ương 10 (khóa IX) đúc kết thành lý luận cho mỗi hành động của chúng ta hôm nay. Những ý tưởng ấy được thể hiện trong tập sách: *Võ Cổ truyền Bình Định* của tác giả *Lê Thị* Nguyên Giám đốc Sở Thể dục Thể thao Bình Định, nguyên Chủ tịch Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Bình Định.

Qua nhiều năm sưu tầm, nghiên cứu, với 4 chương, 24 mục, tập sách như muốn tiếp tục cùng những công trình nghiên cứu trước đây, gửi gắm những tư liệu, những suy nghĩ về võ thuật cổ truyền Bình Định qua những bước thăng trầm để cháu con đời sau có điều kiện hơn sẽ nghiên cứu và hệ thống hóa thành bộ môn võ thuật khoa học và hiện đại.

Truyền thống là niềm tự hào đã đi vào sông núi, lòng người. Những tấm lòng vì quê hương như tác giả *Lê Thị* qua tác phẩm: *Võ Cổ truyền Bình Định* cũng chính là tinh thần văn hóa, một tinh thần văn hóa gắn liền với tinh thần thượng võ của một dân tộc, của một miền quê. Thay mặt những người làm công tác Thể dục thể thao tỉnh nhà, xin được giới thiệu tập sách đến với độc giả và rất mong đón nhận những ý kiến đóng góp quý báu của quý vị và các bạn.

LÊ VĂN MINH

Giám đốc Sở Thể dục Thể thao Bình Định

LỜI NÓI ĐẦU

VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH – DI SẢN VĂN HÓA QUÝ BÁU CỦA NHÂN DÂN BÌNH ĐỊNH

Trong lịch sử văn hóa dân tộc, mỗi nước đều có nền văn hóa dân tộc riêng của mình; Bình Định có một niềm tự hào có môn võ cổ truyền thật độc đáo, thật cao thượng và thật quý báu. Bình Định là cái nôi của võ thuật, người bốn phương gọi Bình Định với cái tên trù mến là “Miền đất võ”. Nguồn gốc của miền đất võ xuất phát từ ấp Tây Sơn. Nơi đây là căn cứ cách mạng của nghĩa quân Tây Sơn. Là nơi quy tụ nhiều “anh hùng hảo hán”, nhiều tướng lĩnh, nhiều nhân tài cùng chung một lý tưởng đứng lên dựng cờ khởi nghĩa. Cũng là nơi tập hợp nhiều dòng võ khác nhau từ “Đàng Ngoài”, “Đàng Trong” trong cả nước. Nguyễn Huệ là vị anh hùng “Áo vải cờ đào” lập nên sự nghiệp chói lọi trong lịch sử nước nhà. Sự nghiệp của Nguyễn Huệ không những tỏa hào quang trong những trang sách ghi lại những chiến công đánh dẹp thù trong giặc ngoài, thống nhất đất nước, khuyến khích học hành và nhiều quốc sách xây dựng đất nước. Nguyễn Huệ còn là một nhà võ tài ba, đã tập hợp quanh mình nhiều võ tướng hùng mạnh, ông là người sáng lập ra dòng võ Tây Sơn mà nòng cốt là phái võ “Tây Sơn tam kiệt”. Ông đã xây dựng dòng võ tương đối về võ lý, võ đạo và võ thuật, kế thống được các bài võ về “Cương quyền” và “Nhu quyền”, để ra được Nguyên tắc biên soạn một bài võ gồm võ lý là lời thiệu và thực hành là thao tác và đưa ra những đòn thế tuyệt kỹ về tấn công và phản công, về phòng thủ và thủ công. Nguyễn Huệ là ông vua biết vận dụng tài tình đưa võ nghệ vào nghệ thuật quân sự, ông xây dựng quân đội không những giỏi chiến thuật quân sự mà còn phải biết và tinh thông võ nghệ.

Người dân Bình Định tự hào về truyền thống thượng võ của triều đại Tây Sơn và những nghệ thuật chiến đấu của quân Tây Sơn, được cho là di

sản văn hóa dân tộc, mà nhân dân cả nước nói chung, Bình Định nói riêng, đã và đang giữ gìn cái di sản văn hóa dân tộc quý báu đó.

Võ Tây Sơn là nền tảng hình thành và phát triển võ cổ truyền Bình Định. Võ không đơn thuần là những bài quyền, bài thảo mang ra biểu diễn để mọi người thưởng thức. Võ là một phạm trù, một tinh thần, một đạo đức mà còn là một tiềm thức đã ăn sâu vào huyết thống của người dân Bình Định. Không có nơi nào có nhiều người tập võ như Bình Định. Vì vậy, các võ sư, võ sĩ của tỉnh phải có trách nhiệm rất lớn đối với việc học võ và dạy võ. Đối với các nhà nghiên cứu thì võ cổ truyền Bình Định là một đề tài lớn, cần phải tập trung nghiên cứu. Võ cổ truyền Bình Định là một hình thái di sản văn hóa dân tộc còn tồn đọng và phản ánh về thời Tây Sơn một cách trung thực nhất. Trong những bài thiếu, bài thảo không những mang theo ngôn ngữ của thời đại đó, mà còn mang theo cả những hình thức tư tưởng cũng như bóng dáng của công việc lao động của thời đại. Trong dân gian Bình Định, võ nhập vào nhân dân bằng nhiều con đường, vào từng gia đình, vào từng thế hệ, lúc thăng lúc trầm, có thời được xem là võ nghệ điêu tàn nhất “thời Nguyễn Ánh”. Nhưng không mất đi mà còn giữ từ đời này sang đời khác, cho đến ngày nay võ cổ truyền Bình Định là thời hưng thịnh nhất.

Trách nhiệm của chúng ta là làm sao nghiên cứu được nội dung võ để đưa vào hệ thống giảng dạy trong nhà trường. Bởi trong võ đã chứa chất cả tinh thần đạo đức lịch sử và thể chất. Phải chọn lọc và hệ thống lại các bài võ, để áp dụng vào từng đối tượng mà nhất là đối tượng thanh thiếu niên học sinh. Giáo dục tính truyền thống, bản sắc dân tộc là có một ý nghĩa to lớn đến thời kỳ hiện đại ngày nay. Việc đưa võ vào nhà trường không thể tùy tiện, mà phải có nội dung thích hợp cho từng cấp học, phải biên soạn hệ thống giáo trình thật hoàn chỉnh và khoa học. Nếu thực hiện được là một cách gìn giữ, bảo tồn và phát triển võ cổ truyền Bình Định.

Ở làng võ quê tôi “văn rừng võ biển”, không ai chịu ai, đánh võ thì rất hay, rất giỏi, còn trí tuệ về võ thì rất hạn chế. Một võ sư chỉ biết thầy dạy mình, còn ai dạy thầy thì mù tịt. Thuộc bài thiếu, đánh bài quyền thì rất hay, nhưng nguồn gốc bài thiếu bài quyền xuất xứ từ đâu? thì còn lâu mới giải thích được. Cụm từ “Hư hư thật thật” là nói lên điều đó.

Nội dung võ cổ truyền rất đa dạng và phong phú bao gồm: Võ tay không (võ múa), võ với binh khí (ngắn và dài) và võ đấu. Có bài có lời

thiệu, để nói rõ lời thiệu còn có bài phú (Bài phú thì ít, chỉ có một số bài có) võ đấu (còn gọi là võ đài). Võ đấu xưa khác xa với võ thi đấu hiện nay, võ đấu là một võ sư thủ đài, thách đấu với tất cả mọi người, không phân biệt tuổi tác, gái trai, nặng hay nhẹ, ai rớt đài thì thua cuộc. Không có trọng tài giám sát gì cả.

Sau ngày giải phóng, nhiều nhà khoa học đã đề tâm nghiên cứu, cũng đã xuất hiện nhiều tập sách về Tây Sơn – Bình Định của nhiều tác giả trong và ngoài tỉnh. Đặc biệt từ năm 1997 – 2000 đã hình thành một Ban chủ nhiệm để nghiên cứu đề tài: “*Bước đầu nghiên cứu nguồn gốc và đặc trưng võ cổ truyền Bình Định*” kết quả, được Hội đồng giám định Tỉnh xếp loại đề tài xuất sắc.

“Sanh nghề tử nghiệp”, qua bao nhiêu năm mơ ước, đem khả năng trí tuệ, về hiểu biết võ nghệ và sống thực tế trong làng võ Bình Định. Tôi cùng một số võ sư mạnh dạn biên soạn tập sách “*Võ cổ truyền Bình Định*” gồm 4 chương. Mỗi chương đề cập đến những vấn đề riêng biệt, nhưng có quan hệ mắc xích và hệ thống thống nhất một chủ đề là quá trình hình thành và phát triển võ cổ truyền Bình Định, với lòng mong muốn, góp phần giữ gìn văn hóa nền văn hóa dân tộc. Ngoài ra tập sách còn đề cập đến vấn đề quá trình hình thành người Bình Định, nguồn gốc hình thành võ Bình Định, võ nghệ qua các thời kỳ và đề cập đến nhiều vấn đề về võ lý, võ đạo và võ thuật bước đầu được hệ thống mang tính chất khoa học cao.

Điều chúng ta quan tâm hiện nay, làm sao bảo tồn và phát triển võ cổ truyền Bình Định, không bị hao hụt, mất mát và đưa võ thuật thành một nội dung “*Xây dựng nền văn hóa*” ở khu dân cư trong thời kỳ hiện đại hóa và công nghiệp hóa. Sức khỏe, thể lực và trí tuệ của con người là nhân tố quyết định để thực hiện nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

Muốn phát huy tác dụng của việc dạy và học võ, tập sách này nhằm giới thiệu những lý luận và kiến thức cơ bản về lý luận và kỹ thuật cơ bản võ cổ truyền Bình Định. Nhưng với khả năng hạn chế, tư liệu tản mạn còn ít, cho nên không tránh khỏi sai sót.

Chúng tôi chân thành cảm ơn và thành thật tiếp thu mọi ý kiến của các bạn và các giới làng võ của tỉnh nhà.

CHƯƠNG MỘT

VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

MỤC MỘT:

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

I- VÀI NÉT VỀ BÌNH ĐỊNH

Bình Định là quê hương của người anh hùng Nguyễn Huệ – là người nông dân “Áo vải cờ đào”, đứng lên dựng cờ khởi nghĩa, đánh Nam dẹp Bắc, lập nên một vương triều nhà Nguyễn với niên hiệu là Quang Trung. Thống nhất đất nước sau bao nhiêu năm Trịnh – Nguyễn phân tranh.

Bình Định – một tỉnh duyên hải miền Trung, bị thiệt hại nặng nề trong cuộc chiến tranh chống Pháp – Mỹ mà nhất là thời kỳ chống Mỹ. Nhân dân Bình Định một lòng một dạ theo Đảng đến cùng. Bọn Mỹ – ngụy sợ hãi tặng cho nhân dân Bình Định hai chữ vàng là “Bất trị”.

Bình Định là quê hương của thơ ca và hát bội. Nhà hát tuồng Đào Tấn, người sáng lập “Hát bội” ngàn năm còn đó.

Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Chế Lan Viên là các nhà thơ lớn của quốc gia và quốc tế. Lời thơ của các ông đã thu hút hàng vạn con tim và làm rạng danh cho quê hương xứ sở.

Bình Định còn là quê hương của võ nghệ, là cái nôi của nền võ nghệ cả nước. “Miền đất võ” cái tên triu mến của bạn bè bốn phương tặng cho Bình Định. Võ cổ truyền Bình Định còn mang dáng dấp, đậm đà bản sắc dân tộc, ít bị pha tạp. Võ cổ truyền Bình Định bao gồm: Võ múa (là võ biểu diễn) và võ đấu (đối kháng) hay còn gọi là võ đài. Võ đài cổ truyền Bình Định rất độc đáo. Đấu võ không có sàn đài, không có trọng tài giám định,

không có dụng cụ bảo hiểm. Võ sư thách đấu với bất kỳ đối tượng nam – nữ, tuổi tác và già hay trẻ. Đánh bại đối thủ là thắng cuộc.

Bình Định gồm ba vùng: Miền núi, đồng bằng và biển cả.

Bờ biển của Bình Định dài 112 km, có nhiều cửa biển, thuyền bè ra vào thuận tiện; phía Bắc có cửa Tam Quan. Ở Phù Cát có cửa biển Đề Gi, ở Quy Nhơn có Cảng Thị Nại, nay gọi là cảng Quy Nhơn. Cảng Quy Nhơn là cảng biển có độ sâu lý tưởng. Tàu 20 vạn tấn vào ra vô cảng. Hàng năm đón hơn 100 con tàu ra vào ăn hàng. Lượng bốc xếp hàng năm đạt trên dưới hai triệu tấn. Cảng được trang bị máy móc hiện đại, lại nằm trong thành phố có hệ thống kho tàng và có hệ thống giao thông thuận tiện.

Bình Định có hệ thống gồm: Đường sắt, đường quốc lộ 1A chạy suốt Bắc – Nam, có sân bay (có hai). Sân bay trong thành phố Quy Nhơn nay thành suốt phố mới. Nhà cửa nguy nga đẹp đẽ. Có trục đường cắt đôi thành phố, to lớn mênh mông nối liền từ Bắc vào Nam của thành phố. Có hệ thống đèn với thiết bị hiện đại, mỗi trục trang bị hệ thống đèn chùm với ánh sáng lung linh huyền ảo, tô điểm vẻ đẹp nguy nga tráng lệ (nhất là ban đêm). Nay chỉ còn sân bay Phù Cát. Còn có quốc lộ 19 nối liền Bình Định với các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk và hai nước bạn Lào, Campuchia. Mới xây dựng đường Quy Nhơn – Sông Cầu để tránh đường đèo Cù Mông. Đường rộng thênh thang, tráng nhựa bằng phẳng bóng loáng. Xe chạy uốn lượn quanh co theo dọc bờ biển thơ mộng.

Dân số Bình Định hiện nay là: 1.416.640 (tính đến năm 1999).

Diện tích có: 6.076 km²

Bình Định gồm 11 đơn vị địa danh hành chính (1 thành phố và 10 huyện).

Thành phố Quy Nhơn được Nhà nước công nhận là thành phố loại hai – là tỉnh lỵ Bình Định – là trung tâm chính trị, văn hóa, thương mại và du lịch.. Những năm gần đây thành phố được xây dựng, chỉnh trang nhà cửa, đường sá sạch đẹp. Hệ thống cây xanh, điện đường sáng đẹp khang trang. Đời sống người dân càng ngày được nâng cao. Thiên nhiên ưu đãi cho TP Quy Nhơn có bãi biển dài hàng chục kilômét, có nhiều bãi tắm nước trong xanh

mênh mông vô tận. Đặc biệt là bãi Trứng (bãi tắm Hoàng Hậu) nước xanh biếc, sóng vỗ trên hàng ngàn hòn đá tự nhiên, nằm trong một hố sát bờ. Một cảnh vật hoang sơ đẹp đẽ, tráng lệ và nên thơ. Khách du lịch đến Quy Nhơn không bao giờ quên tắm biển. Thăm mộ Hàn Mặc Tử một nhà thơ nổi tiếng của Bình Định. Mộ nằm trên dốc núi nhìn ra biển. Ở khu vực này đang xây dựng khu du lịch (Bãi Dài) bao gồm nhiều danh lam thắng cảnh trên núi non, biển cả.

Ba huyện miền núi là Vân Canh, Vĩnh Thạnh và An Lão. Nhà máy điện Vĩnh Sơn nằm ở địa phận huyện Vĩnh Thạnh. Ba huyện này thời chống Mỹ là căn cứ cách mạng, là nơi nuôi dưỡng cán bộ, bộ đội. Hiện nay Bình Định có nhiều chính sách ưu đãi xây dựng ba huyện này ngày càng khang trang, phố xá nhà cửa đông vui, đường xá thuận tiện, đời sống của dân ngày càng được cải thiện nâng cao. Các dân tộc anh em đoàn kết một lòng suốt đời theo cách mạng. Mục tiêu phấn đấu của Bình Định là tìm mọi biện pháp và chính sách để đưa các huyện miền núi đuổi kịp miền xuôi.

Bảy huyện đồng bằng là Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát, An Nhơn, Tây Sơn và Tuy Phước, nằm dọc hai bên đường quốc lộ 1A và quốc lộ 19. Từ đèo Bình Đê chạy dài đến đèo Cù Mông với chiều dài hơn 100km. Nguồn sống chính là làm ruộng và một nghề phụ khác. Đời sống tương đối ổn định, không có hộ đói. Hộ nghèo chiếm tỷ lệ rất thấp.

Bình Định trước đây là thị trường tiêu thụ hàng hóa của Sài Gòn. Sau giải phóng đã xây dựng một nền công nghiệp non trẻ gồm: Khu công nghiệp Phú Tài, trong có 40 – 50 doanh nghiệp. Có nhà máy bia, nhà máy đường, nhà máy súc sản, nhà máy đông lạnh và nhà máy gạch... Hằng năm đóng góp cho ngân sách tỉnh với tỷ lệ không nhỏ.

Bình Định có nền nghệ thuật hát bội (hát tuồng) đặc sắc mang đậm văn hóa dân tộc. Do ông Đào Tấn một nhà nghệ sĩ bậc thầy sáng lập nên. Có một số nhà văn, nhà thơ lỗi lạc, tiếng tăm của các ông đã vượt ra ngoài tỉnh và thế giới như: Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Yến Lan, Phạm Hồ...

Bình Định là cái nôi của nền võ nghệ cổ truyền Việt Nam. “Miền đất võ” cái tên trù mến của mọi miền đất nước tặng cho Bình Định. Võ nghệ Bình Định còn mang dáng dấp, đậm nét bản sắc dân tộc, ít bị pha tạp, bao gồm: Võ biểu diễn (tay không – binh khí) và võ đài. Võ đài Bình Định rất khác xa với võ đài cổ truyền hiện nay. Người võ sĩ với trang bị chỉ có mặc quần đùi độc nhất, trên cơ thể không có một dụng cụ bảo hiểm gì. Thượng đài thách đấu với tất cả các võ sĩ không tính tuổi tác, giới tính và trình độ, ai rút đài là thua, không có giám định và trọng tài gì cả.

Khách đến Bình Định mà chưa xem hát bội và đánh võ thì xem như chưa đến Bình Định.

II- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NGƯỜI BÌNH ĐỊNH

II.1. Người bản địa:

Đất Bình Định xưa là đất của dân tộc Chăm (Chăm Pa) là nơi định cư của các dân tộc như: Bana, H'rê, Xê Đăng, Gia Rai... Là vùng đất núi rừng hiểm trở, đất đai chưa được khai phá. Đất rộng người thưa, họ sống theo từng làng, từng bộ tộc. Đứng đầu là già làng, tộc trưởng. Những ông này có đầu óc quản lý giỏi, có tài làm nương rẫy, giỏi săn bắn và thông thạo võ nghệ. Dân làng nghe theo làm theo sự chỉ dẫn của già làng, tộc trưởng. Họ xây dựng buôn làng ở những thung lũng bằng phẳng, có suối nước gần bên. Cuộc sống của họ nhiều khó khăn lắm. Quanh năm suốt tháng ăn củ ăn khoai là chủ yếu. Họ phá rừng để làm nương làm rẫy, tía ngô, tía khoai và tía lúa. Họ khai phá nhiều chỗ nhiều nơi, nhưng thu hoạch không được bao nhiêu vì khí hậu núi rừng khắc nghiệt và nạn thú rừng tàn phá. Họ săn bắn rất giỏi, thú rừng là thực phẩm thường niên, bán được thú họ tổ chức nấu nướng ăn mừng tại chỗ, còn lại đem muối để làm thức ăn dự trữ. Họ thích sống du canh du cư, chỗ ở lâu nhất của họ không quá hai mùa rẫy. Họ không muốn tiếp giao với người bên ngoài.



Cụ Mang Nhào – Sử dụng các thế võ chống lại thú dữ và tự vệ.

Tuy rằng đời sống người Chăm có rất nhiều khó khăn, cho nên họ dần dần di dân vào phía Nam, các người dân tộc anh em ở lại bám trụ với núi rừng. Từ trong lao động nặng nhọc, với khí hậu khắc nghiệt, với đời sống trong môi trường tự nhiên hoang dã, luôn luôn nghe chim kêu, vượn hú, đã làm cho tâm hồn của họ sáng khoái, trong sạch. Họ đã tạo dựng nên một nền văn hóa đặc biệt cho riêng dân tộc mình, mà đến nay là thời đại khoa học mà người đời vẫn tôn kính và bái phục. Hàng loạt Tháp Chăm với nét kiến trúc độc đáo, với những chất dính độc nhất vô nhị, mà các nhà khoa học, nhà xây dựng và nhà kiến trúc đã qua nhiều năm nghiên cứu mà chưa xác định được chất dính liên kết giữa gạch với gạch, giữa đá với đá. Đó là chất gì? Những phù điêu chạm khắc khá tinh vi thể hiện mọi cảnh sinh hoạt lao động cộng đồng. Tượng Phật, tượng lãnh Chúa, tượng già làng tộc trưởng

mà ngay cả ma quỷ (Ri xấu). Trải qua thời gian dài biến thiên thay đổi của lịch sử, của thiên nhiên và con người. Nhưng nền văn hóa của dân tộc Chăm vẫn tồn tại, các Tháp Chăm ở Bình Định vẫn còn đứng yên ở đó, thể hiện đậm nét màu sắc văn hóa của dân tộc mình.

Đất Bình Định thế kỷ thứ X là vương quốc Chăm pa cổ, có kinh đô đặt tại thị trấn Đập Đá, huyện An Nhơn là thành Đồ Bàn. Tuy đã thay ngôi đổi chủ, nhưng vẫn còn tồn tại đến nay.

Người dân bản địa như đã kể trên, còn đại bộ phận (mà chủ yếu là dân tộc Kinh) lại ở vùng đồng bằng, trung du. Những nơi có đường sá giao thông đi lại thuận tiện. Họ sống theo từng thôn xã, khai hoang phá rừng, xây dựng đồng ruộng, để trồng lúa, trồng ngô, trồng khoai. Đời sống tương đối khá, đắp đổi được qua năm tháng. Nhưng còn nhiều gian nan lắm, họ phải lao động cật lực, mùa màng thất bát, năm được mùa thì khấm khá, mất mùa thì túng bấn.

Đất Bình Định xưa là của người Chăm, người các dân tộc anh em là H'rê, người Bana, người Kinh... Địa giới phân chia ranh giới hai vùng rõ ràng (miền núi và miền xuôi). Người Chăm và người dân tộc anh em hầu hết ở vùng miền núi. Người Kinh và một số người khác ở vùng đồng bằng (miền xuôi).

II.2. Những người di cư vào Bình Định

a) Người Đàng Ngoài (phía Bắc) vào Bình Định

Từ thế kỷ thứ XV trở đi, người Việt cổ xưa vào Nam ngày càng nhiều. Nhiều dòng họ mang cả gia đình vào Bình Định để khai hoang lập ấp, xây dựng chỗ ở, khai phá rừng núi để xây dựng nương rẫy và đồng ruộng. Xây dựng cuộc sống lâu dài. Trong quá trình hội nhập, họ nhanh chóng tiếp xúc giao lưu với người bản địa, hòa đồng lối sống, làm ăn. Trao đổi qua lại nền văn hóa riêng biệt khác nhau giữa các dân tộc, để tìm ra nền văn hóa cộng đồng của người Bình Định.

Giữa thế kỷ thứ XVI (1558) vua Lê cử Nguyễn Hoàng vào Nam trấn giữ vùng đất Thuận – Quảng. Ở đây ông xây dựng hệ thống hành chính, mở mang xây dựng vùng đất mới, mở mang khai phá ruộng đồng, hướng dẫn người dân làm ruộng nương, trồng tía sắn, ngô, nuôi trồng hải sản để có

lượng thực đảm bảo cuộc sống và dự trữ binh lương. Đạo Phật được coi trọng, hàng loạt chùa chiền được xây dựng như chùa Thiên Mục, Bảo Châu...

Vì điều kiện làm ăn sinh sống có nhiều khó khăn thường mất mùa đói kém. Triều đình thì thối nát, chỉ chăm lo tranh giành quyền lực, không ai chăm lo đến cuộc sống của người dân. Do đó rất nhiều người dân hòa vào đội quân của Nguyễn Hoàng vào Nam để sinh cơ lập nghiệp, tìm một cuộc sống tương lai khấm khá sáng lạng hơn.

Nguyễn Hoàng vào Bình Định cùng với mục đích khai phá mở rộng bờ cõi cho đất nước. Theo lời khuyên của Nguyễn Bỉnh Khiêm là: “Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân”. Do đó rất nhiều người ngoài Bắc (Đàng Ngoài) đưa cả gia đình ào ạt vào Nam. Đàng Trong vốn là một vùng đất phì nhiêu màu mỡ, dễ khai phá, có vùng núi trùng điệp với nhiều loài gỗ quý, với nhiều loại lâm sản, có nhiều loại thú rừng hoang dã. Có biển cả mênh mông là kho hải sản vô tận. Có đồng ruộng rộng lớn, có nhiều vùng gò đồi, dễ dàng khai phá để trồng lúa trồng ngô khoai.

Con người Bình Định dễ thương, dễ mến rất coi trọng tình nghĩa, sẵn sàng mở rộng vòng tay đón bạn bè. Người Đàng Ngoài chịu thương chịu khó, năng động linh hoạt, dễ dàng hòa đồng với người bản địa. Thích hợp việc phát triển kinh tế – xã hội và dân số của Chúa Nguyễn.

Lớp người đầu tiên vào Nam theo Nguyễn Hoàng, họ rất nhanh chóng hòa đồng với người dân bản địa, họ cùng các dân tộc Chăm, Bana, H'rê khai hoang lập ấp, xây dựng làng xóm buôn làng. Cùng nhau làm ăn sinh sống, xây dựng cuộc sống bình yên và ổn định. Năm 1602 cùng với quân binh Nguyễn Hoàng còn mang theo nhiều tù binh và nhiều dân Đàng Ngoài đi vào sâu tận chân đèo Cù Mông (đây là đất của Quy Nhơn) khai phá ruộng đồng lập nên làng ấp, làm ăn sinh sống, xây dựng ở đây cuộc sống lâu dài.

Như vậy sau một thế kỷ, người dân Đàng Ngoài vào khai thác lập nghiệp ở hầu hết vùng đất của Bình Định, kể cả dưới chân đèo Cù Mông, cũng có lúc, người dân cũng đã đến lập làng, làm ăn sinh sống bên kia đèo Cù Mông (đất của Phú Yên).

Năm 1648 có một đợt chuyển dân lớn trong lịch sử vào vùng đất phía Nam. Đó là năm chúa Nguyễn đánh thắng quân Trịnh bắt hơn ba vạn tù

binh. Chúa Nguyễn Phúc Loan có cái nhìn sáng suốt, ông bảo: “Hiện nay từ miền Thăng (phủ Thăng Bình Quảng Nam) trở vào Nam đều là đất của người Chăm, dân cư thưa thớt, nếu đem chúng (tù binh) an tách vào đất ấy, cấp cho canh耨u điễn khí, chia ra từng tốp, từng bộ, từng xóm, tính theo nhân khẩu cấp cho lương ăn, để chúng khai khẩn ruộng hoang, trong khoảng mấy năm, thuế má thu được có thể giúp Quốc dụng và sau hai mươi năm, sinh sản càng nhiều, có thể cho vào quân số, có gì mà lo về sau”. Thực hiện chủ trương này, số tù binh được phân ra nhiều nơi, cứ năm mươi đưa nhóm thành một ấp, cấp cho lương ăn nửa năm, ra lệnh cho những gia đình giàu có bỏ thóc ra cho họ vay và ưu tiên cho họ khai thác các nguồn lợi núi, đầm để sinh sống. Chủ trương này ban hành có chừng sáu trăm làng ra đời sau năm 1648 ở các tỉnh như: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định mà nhiều nhất là Bình Định, làng mạc dân cư ngày càng trù phú và đông hơn.

Tiếp tục bổ sung nhân lực cho vùng đất mới ở Bình Định. Năm (1655 – 1660) trong lần tấn công ra Nghệ An, quân Nguyễn đã bắt được nhiều tù binh và nông dân vùng Nghệ An và Hà Tĩnh, đưa họ vào khai phá mở mang, xây ấp dựng làng, xây cơ lập nghiệp làm ăn lâu dài ở vùng đất mới này. Trong số đó có tổ tiên dòng họ nhà Tây Sơn.

b) Gia đình họ Nguyễn vào lập nghiệp ở Bình Định:

Họ Nguyễn Tây Sơn vốn là họ Hồ, ở làng Hương Cái, huyện Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An, ở dưới chân hòn núi Thái Sơn có hòn núi nhỏ bên cạnh là hòn Đại Hải, vì chán ghét triều đình thối nát của triều đình. Thời thế kỷ XVII đời Lê Nhân Tông. Vua thì yếu hèn, dựa vào một đám quân thần xu nịnh tài cán không ra sao, chăm lo tranh giành quyền lực, công hầu bổng lộc, hà hiếp dân lành. Ông nội của ba anh em Tây Sơn đưa cả gia đình vào lập nghiệp ở vùng An Khê (lúc này An Khê là đất của Bình Định). Đó là ấp Tây Sơn Thượng.

Gia đình Hồ Phi Tiểu (ông nội của ba anh em Tây Sơn) ngoài khai phá núi rừng làm nương làm rẫy còn làm nghề buôn bán trâu để làm ăn sinh sống. Đến đời Nguyễn Phi Phúc (cha của ba anh em Tây Sơn). Tại sao từ họ Hồ đổi sang họ Nguyễn sử sách không ghi lại rõ ràng. Nhiều người cho rằng: để gia đình làm ăn yên ổn, muốn vắng tăm biệt tích, tránh xa dòm ngó miệng lưỡi của thế gian, im hơi lặng tiếng để không ai phát hiện ra họ Hồ

làm ăn sinh sống ở đây, để che mắt thiên hạ và sự săn lùng của triều đình. Có lẽ là từ họ Hồ đổi sang họ Nguyễn (gia đình họ Hồ có quan hệ với đời Hồ Quý Ly).

Nguyễn Phi Phúc tiếp tục nghề buôn trâu tại chợ Kiên Mỹ – thôn Kiên Mỹ ở dưới thôn Phú Lạc (gọi là Bến Trâu) bên bờ sông Kôn. Mở rộng hàng hóa buôn bán có các loại lâm sản quý hiếm như: Trầm hương, da thú v.v... Nhưng hàng chính vẫn là trâu. Đi buôn bán lên xuống nhiều lần ông Phi Phúc xây dựng gia đình tại Kiên Mỹ. Đây cũng là nơi sinh trưởng ba anh em Tây Sơn.

Trải qua thời gian dài biến đổi của lịch sử, sự trả thù của nhà Nguyễn nêu trên mảnh đất này đã bị hủy hoại và biến dạng. Nhà Nguyễn sau khi đánh bại quân Tây Sơn đã dùng nhiều thủ đoạn diệt phá những di sản về kinh tế, xã hội và văn hóa của nhà Tây Sơn. Cấm đoán và tru di tam tộc những ai có quan hệ với nhà Tây Sơn (trong đó có võ nghệ), nhà của họ Nguyễn bị đập phá sạch, nhưng đất đai vườn tược nên nhà chúng không thể đào bới, di dời được. Lòng dân Kiên Mỹ và Tây Sơn vẫn âm thầm thương nhớ, cúng lễ nhang khói thường xuyên từ đường nhà Nguyễn Tây Sơn. Về sau khi đã có điều kiện nhân dân trong vùng tự quyền góp tiền của xây dựng lại nhà từ đường trên nền đất cũ để nhân dân đến cúng lễ.

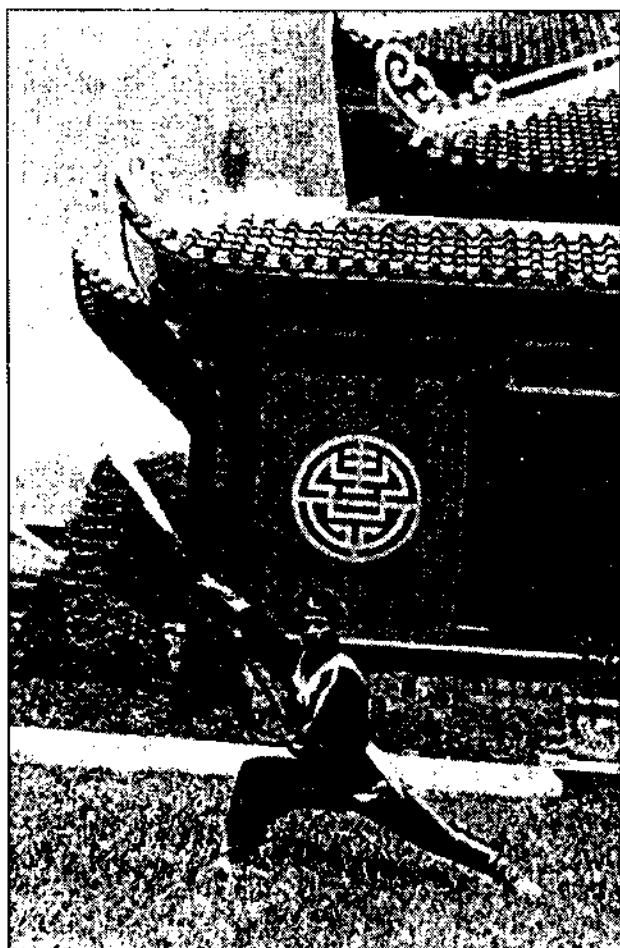


Nhìn lên bến Trâu ngày xưa.

Sau ngày giải phóng toàn miền Nam (1975) tỉnh Bình Định đã xây dựng tại khu vườn cũ nhà Nguyễn Tây Sơn Nhà bảo tàng Tây Sơn. Nhà bảo tàng lộng lẫy khang trang, theo lối kiến trúc xen kẽ giữa hiện đại và dân tộc, thật tô đẹp thật bề thế oai hùng. Bên trong bảo tàng trưng bày nhiều tư liệu quý hiếm, nhiều hiện vật cổ xưa (trong đó có binh cụ võ nghệ), nhiều tranh ảnh có liên quan đến nhà Tây Sơn. Có thể nói nơi đây lưu giữ những tư liệu vô giá mà các nhà nghiên cứu lịch sử cần đến.

Bên cạnh bảo tàng còn có nhà từ đường thờ cúng ba anh em Tây Sơn (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ), giếng nước, nước vẫn trong xanh ngọt lịm. Cây me gốc càng to, cành lá xum xuê, trĩu quả. Nơi biểu diễn võ thuật rộng rãi bề thế.

Hàng năm khách du lịch đến bảo tàng ngày càng đông, thu hút nhiều nhà nghiên cứu đến đây truy tìm tư liệu. Khách trước khi ra về được xem biểu diễn các tiết mục đặc sắc về võ Tây Sơn – Bình Định, một dấu ấn khó quên. Một chuyến đi du lịch về thăm cội nguồn (thời Tây Sơn) thoải mái, hấp dẫn khó quên.



*Nhà Bảo tàng
Quang Trung*

c) Các danh nhân Bắc Hà vào sinh sống tại Bình Định:

c.1. TRƯƠNG VĂN HIẾN (thường gọi là Thầy giáo Hiến)

Sách “*Amanach các nền văn minh thế giới*” của Quách Hải Lương viết Trương Văn Hiến là người có tư tưởng chống đối Trương Phúc Loan. Vì quyền thần Trương Phúc Loan đã hãm hại Nội hữu Trương Văn Hạnh là bằng hữu của ông. Lúc này ở triều đình loạn lạc, chia bè chia phái, giết hại lẫn nhau để tranh giành quyền lực. Sợ liên lụy và truy bức và không thể sống yên thân ở nơi bất ổn này. Ông mang cả gia đình vào Bình Định tìm nơi nương tựa lánh nạn. Quá trình di chuyển của gia đình ông lắm gian nan vất vả. Không dám ra đi công khai giữa thanh thiên bạch nhật. Sợ kẻ xấu tà gian biết tin báo cho bọn quân thần xu nịnh thì khốn khổ. Có đoạn thì đi bằng thuyền (Thuận Hóa vào Hội An), có đoạn, cả bầu đoàn thể tử gánh gồng đi bộ. Có lúc lắm đói gian nan, ăn đói uống khát, vợ con đau ốm, tưởng như đi không đến nơi, về không đến chốn. Lăn mò vừa đi vừa hỏi thăm đường sá và nhờ sự giúp đỡ của những người dân tốt bụng. Cuối cùng thì gia đình ông cũng vào đến Bình Định, định cư tại làng An Thái thuộc huyện An Nhơn. Sau khi ổn định chỗ ăn chỗ ở, gia đình xin một mảnh đất hoang hóa, lâu nay chưa ai khai phá. Gia đình gồm 6 người, ngoài hai vợ chồng ông còn có bốn người con (ba trai một gái). Trừ hai con út còn nhỏ, gia đình tập trung sức lao động khai vỡ mảnh đất, lúc đầu trồng mía sau này trồng lúa, thu hoạch cũng khá khá đắp đổi qua ngày. Nhưng cuộc sống gia đình còn khó khăn lắm, nhất là những lúc trở gió trái trời nên hai đứa con út thường đau ốm, không biết làm sao trang trải được cuộc sống cho gia đình.

Một hôm trên đường đi tìm nơi mở trường dạy học. Nhỡ đường, xin ngủ trọ tại nhà một người ở Mỹ Phú (gần bến đò Phủ cũ, thôn Mỹ Thạnh, xã Nhơn Phúc ngày nay). Đêm hôm đó có người kêu cướp ở ngoài sông. Ông Hiến là người võ nghệ cao cường, liền xông ra nhổ cọc tre đánh cướp. Toán cướp sợ hãi bỏ chạy, Hiến mới biết đoàn thuyền bị cướp là của họ Phan là một cự tộc trong vùng. Họ Phan đem rất nhiều báu vật để tạ ơn. Ông Hiến không lấy một thứ gì và nói: Nguyên vọng của tôi là đi tìm một địa điểm mở trường dạy học, tìm kiếm để đào tạo nhân tài. Nghe nói vùng này địa linh nhân kiệt, mọi người ham muốn được học hành văn hóa và học võ, nhưng chưa tìm được. Nay muốn nhờ họ Phan giúp đỡ việc này. Họ Phan vui vẻ

nhận lời, tìm mua được một miếng đất ở Thắng Công và xây dựng ngôi trường để cho ông Hiến dạy học. Họ Phan còn giới thiệu người bạn thân quen của mình là Hồ Phi Phúc với ông, để sau này gửi con đến học (tức là ba anh em Tây Sơn). Câu chuyện này cũng được ghi trong sách *"Tây Sơn danh tướng anh hùng truyện"* của Nguyễn Bá Huân.



Vùng đất Thắng Công, nơi thầy giáo Hiến ở và dạy học, dạy võ trước đây.

Đất mở trường của thầy giáo Hiến

Trường mới mở ra đã có nhiều người tại chỗ và người lân cận đến xin theo học. Càng về sau đến học ngày càng đông. Trong đó có ba anh em Tây Sơn là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ. Ba anh em rất ham học, rất thông minh, học cả văn lẫn võ. Thầy giáo Hiến rất quý mến, đem hết khả năng hiểu biết của mình để giảng dạy. Nguyễn Nhạc học giỏi chữ nghĩa, Nguyễn Huệ học giỏi cả văn lẫn võ mà nhất là võ. Nguyễn Lữ không so bì với hai anh được, vì sức khỏe yếu thường hay đau yếu.

Sau một thời gian giảng dạy, thầy giáo Hiến phát hiện tài năng đặc biệt của ba anh em mà nhất là Nguyễn Huệ.

Lúc này bọn quan tham ô lại, cậy thế cậy quyền ức hiếp dân lành, vơ vét tài sản, sưu cao thuế nặng, bắt bớ tù đầy. Lòng dân ca thán, ra sức chống đối, nhưng tài hèn thế tận không chống đỡ nổi. Rất mong các bậc

hiền tài đứng lên phát cờ khởi nghĩa để đánh đổ bọn quan lại của triều đình thối nát phong kiến đương thời.

Một hôm sau giờ học, thầy giáo Hiến gặp riêng ba anh em và nói rằng: “*Các con là người của đất Tây Sơn, Tây Sơn khởi nghĩa sẽ làm nên nghiệp lớn*”. Không thể để cảnh dân phải chịu cảnh lầm than áp bức mãi được. Ba anh em tâm đắc nghe theo lời thầy. Nhưng lúc này cần phải tập trung nỗ lực học cho giỏi, chóng thành đạt để sau này tiêu diệt bọn quan lại, tiêu diệt triều đình phong kiến bất tài thối nát.

Lúc này quyền thần Trương Phúc Loan cậy thế cậy quyền tác oai tác quái hà hiếp muôn dân.

Thầy giáo Hiến là người nho giáo hiền tài, có tư tưởng chống đối Trương Phúc Loan nguyên là môn khách của Trương Văn Hạnh, ngoại hữu dưới thời Nguyễn Phúc Thuần (1765 – 1777). Sau khi Hạnh bị Phúc Loan ám hại, giáo Hiến bỏ quê vào Bình Định vẫn nuôi ý chí báo thù. Thầy giáo Hiến còn nói cụ thể hơn với ba anh em họ Nguyễn là: “*Anh là người Tây Sơn, hãy cố đi*” sách “*Đại nam chinh biến liệt truyện*”. Anh em Tây Sơn thúc giục những câu sấm đầy kích lệ là “*Tây Sơn nghĩa Bắc thụ công*”. Ba anh em Tây Sơn vừa học vừa nuôi ý chí lớn đứng lên dựng cờ khởi nghĩa.

Gia đình thầy giáo Hiến có ba người con trai. Người con trai cả theo phong trào Tây Sơn, lần vào Nam đánh phá Gia Định đã hy sinh. Người con trai thứ 2 là thầy tướng, năm tháng say mê theo quẻ toán, chữa bệnh cho dân thiên hạ, an phận thủ thường không quan tâm gì đến xã hội và phong trào Tây Sơn. Người con gái chăm lo công việc gia đình khi mẹ mất. Nết na dịu dàng, xinh đẹp lanh lợi giúp cha trong việc lớp, sắp xếp ngăn nắp cho từng lớp học. Trong quá trình lên xuống học tập, Nguyễn Huệ có cảm tình với cô gái này. Nhưng bị gia đình ràng buộc, không thể thoát ra lễ giáo phong kiến. Sau khi thôi học, Nguyễn Huệ là người có ân có nghĩa, sẵn sàng giúp đỡ khi gia đình thầy gặp khó khăn. Cậu trai út lớn lên theo Nguyễn Huệ, cậu có tài, có đức được Nguyễn Huệ trọng dụng, có lúc sắp xếp làm thư ký cho mình. Riêng thầy giáo Hiến có thời gian Nguyễn Nhạc mời lên giúp phong trào Tây Sơn một số công việc về quốc sách chống triều đình và dạy học. Nhưng hai người tư tưởng không hòa đồng được, nên

thầy giáo lại trở về quê cũ.

Thầy giáo Hiến có công lớn với nhà Tây Sơn, dạy dỗ ba anh em Tây Sơn học hành đến nơi đến chốn, định hướng đi đúng đắn, trợ giúp đắc lực cho phong trào Tây Sơn. Gia đình ông cũng trực tiếp tham gia phong trào Tây Sơn (hai con trai) đánh Nam dẹp Bắc. Các học sinh của thầy, lớn lên đại bộ phận đều tham gia phong trào Tây Sơn.

c.2. ĐÌNH VĂN NHƯNG

Thủy tổ của dòng họ Đình là ông Đình Văn Hòe, quê ở Ninh Bình, đã có vợ con ở Bắc, nhưng phiêu bạt vào trong Nam đi lính cho Chúa Nguyễn. Lấy một người vợ nữa ở thôn Thanh Liêm, xã Nhơn An, huyện An Nhơn. Vùng này xa xưa là ấp thời đôn, toàn là rừng núi, cây cối um tùm rậm rạp mà chủ yếu là cây muồng. Là rừng nguyên sinh với nhiều loài cây quý hiếm. Do lâu năm chưa khai thác, có nhiều động vật hoang dã mà nhiều nhất là cọp dữ (hổ mang), chó sói.

Ông Hòe và bà Quyền sinh được ba người con (trong đó có Đình Văn Nhưng). Nhưng sau đó ông Hòe lại bỏ vợ con ra Bắc trở lại. Một mình bà Quyền nuôi dạy ba người con khá vất vả. Vì thế ba anh em sớm bước vào cuộc sống tự lập. Khai phá núi rừng làm nương rẫy. Khai hoang vỡ hóa xây dựng đồng ruộng, cày cấy, trồng đậu trồng khoai. Họ lao động cật lực không kể nắng mưa, chịu nắng nồm sương. Trời đất không phụ công lao của họ. Nên được mùa liên tục, trồng ít thu nhiều. Lúa thóc ngô khoai thừa thãi. Ba anh em săn bắn rất giỏi nhất là ông Nhưng, thịt thú rừng rất nhiều ăn không hết phơi khô. Lâu lâu họ mang thóc lúa, sắn ngô, thịt rừng và một số lâm sản quý hiếm xuống miền xuôi để bán và mang về một số đồ dùng cho cuộc sống và sản xuất. Không bao lâu gia đình trở nên giàu có.

Thuở nhỏ ông Nhưng rất siêng năng ham học, ông thích nhất là người cha truyền dạy võ cho ông. Tiếp thu rất nhanh học ít hiểu nhiều nên người đã truyền hết bí quyết võ nghệ cho ông. Khi lớn lên ông trở thành một người giàu có và võ nghệ cao cường. Ông dọn nhà về ở thôn Bằng Châu, Đập Đá, huyện An Nhơn, để thuận tiện cho cuộc sống và dạy võ.

Khi Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đi buôn bán trâu qua vùng này. Nghe tin ông Nhưng võ nghệ cao cường, tìm đến xin thọ giáo. Ông Nhưng thấy

hai anh em lễ phép, nết na, diện mạo khôi ngô nhất là Nguyễn Huệ, người cao lớn, mặt mày tươi tắn, có đôi mắt tinh khôn. Ông vui vẻ nhận lời (nhận làm con nuôi) dạy dỗ và nuôi nấng chu đáo (Theo sách *"Trên đất Nghĩa Bình"* của tác giả PTS. Quang Ngọc, trong sách *"Quang Trung Nguyễn Huệ"* của Giáo sư Phan Huy Lê cũng cho biết: Ba anh em Tây Sơn có học võ với ông Đinh Văn Nhưng, mà nhân dân vùng này quen gọi là ông Chưởng. Đó là một con người yêu nước, trọng nghĩa khinh tài, tính khí rất ngang tàng, rất ghét kẻ xu nịnh, cường hào ác bá hà hiếp muôn dân. Từ đó đây truyền lưu câu nói: *"Ngang quá ông Chưởng"*, hay là *"Chưởng ngang thiên"* đã trở thành câu tục ngữ dân gian. Sau này ông tham gia phong trào Tây Sơn.



Từ đường họ Đinh – Bằng Châu – Đập Đá

c.3. ĐẠI TƯỚNG NGÔ MÃNH

Ngô Mạnh là ông nội của Ngô Văn Sở quê ở Ninh Bình, phục vụ cho chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Khoát. Năm 1705 – Nguyễn Phúc Khoát chết. Một quan to của triều đình là Trương Phúc Loan nổi dậy chiếm quyền bính, gây nên cảnh triều đình rối loạn, chia bè gây cảnh chém giết lẫn nhau để tranh giành quyền lực. Trong bối cảnh bất ổn đó Ngô Mạnh cùng cháu

nội là Ngô Văn Sở vào Bình Định trú ở Tây Sơn tại nhà bà Bùi Thị Xuân. Lịch sử có cho biết rằng: Chính đại tướng Ngô Mạnh là thầy dạy võ và quân sự cho bà Bùi Thị Xuân. Thấy Bùi Thị Xuân là cô gái mạnh dạn, gan dạ (đã từng giả làm con trai đi học lúc còn nhỏ), có ý chí kiên cường, biểu hiện lòng yêu nước, căm ghét quân cường bạo. Ngô Mạnh hết lòng dạy bảo cho Bùi Thị Xuân và Ngô Văn Sở về võ nghệ và những kiến thức quân sự và kinh nghiệm chiến đấu trận mạc. Bùi Thị Xuân sau này trở thành vị tướng tài và là nữ đô đốc đầu tiên của nhà Tây Sơn (phần sau sẽ viết kỹ về bà).

Ngô Văn Sở sau này cũng trở thành một tướng tài, một mực trung thành với nhà Tây Sơn, sát cánh cùng Nguyễn Huệ đánh Nam dẹp Bắc. Ông cũng là một võ tướng uyên thâm, dày dạn trận mạc, hết lòng hết dạ cho phong trào Tây Sơn. Ông từng được phong làm tham tán quân vụ cùng Vũ Văn Nhậm trấn thủ Thăng Long. Về sau Vũ Văn Nhậm đem lòng phản trắc, bị Nguyễn Huệ giết. Ông được cử thay ông Nhậm lại trấn thủ Thăng Long.

Cuối năm 1788, quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu, ồ ạt xua quân xâm lược nước ta. Trước sức mạnh của quân thù tấn công như vũ bão, sức ta khó bề chống trả. Ông cùng Ngô Thì Nhậm bàn mưu tính kế, rút quân về đóng giữ ở núi Tam Điệp để bảo toàn lực lượng, rồi cấp báo về Bắc Bình Vương – Nguyễn Huệ. Chiều theo ý dân và ba quân tướng sĩ, Bắc Bình Vương làm lễ đăng quang phong vua (tức là vua Quang Trung – Nguyễn Huệ). Vua Quang Trung lập tức ra lệnh cho ông và Phan Văn Lân lãnh ấn tiên phong đem quân ra Bắc Hà để đánh quân Thanh xâm lược. Ông cùng các tướng sĩ, dưới sự chỉ huy của vua Quang Trung chỉ trong một thời gian ngắn đánh đuổi quân Thanh thất điên bát đảo, kéo chạy về nước không còn một chiếc mũ và mảnh giáp. Trận đánh vang dội chiến công, chiến thắng oai hùng, các trận Ngọc Hồi – Đống Đa. Hai mươi chín vạn quân Thanh tới tấp, đa phần là chết, kẻ sống sót chạy dài tìm đường quay về mẫu Quốc.

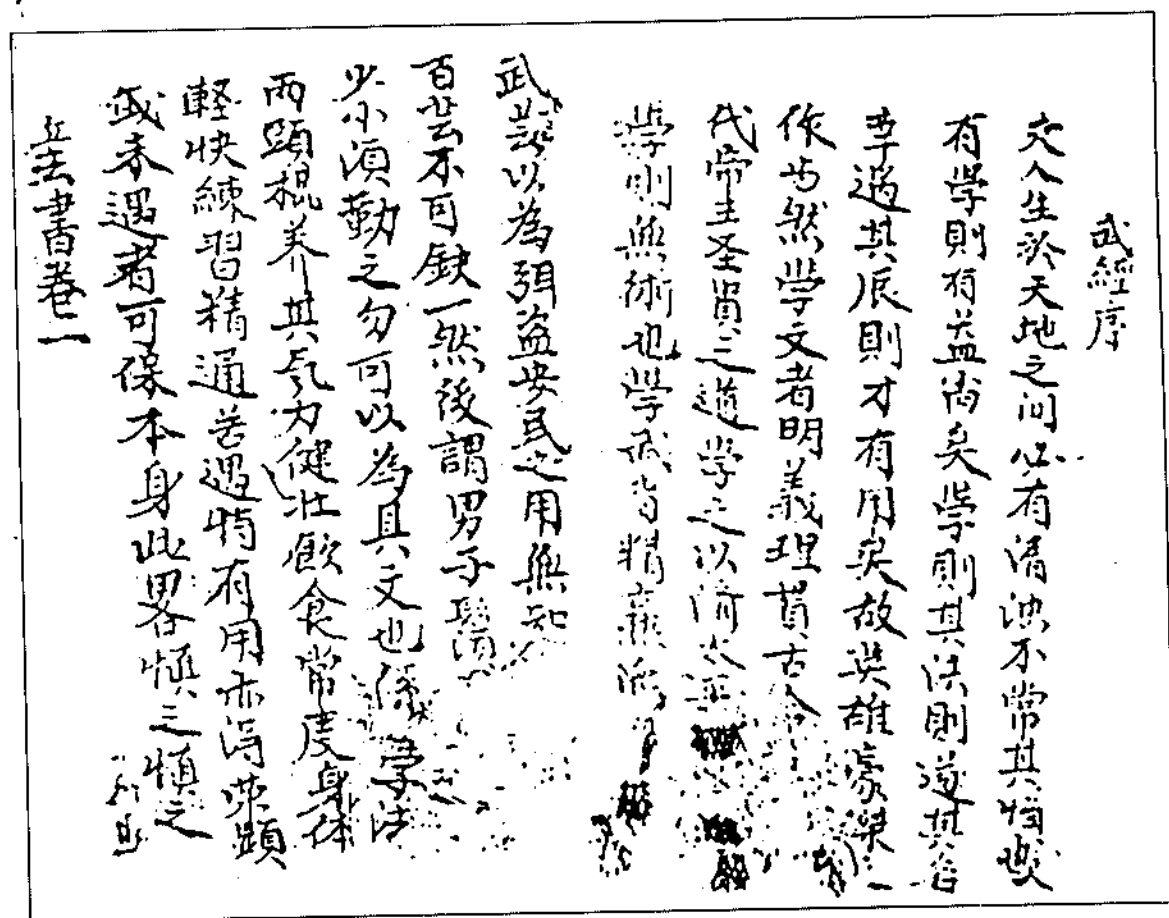
c.4. DÒNG HỌ TRƯƠNG (TRƯƠNG ĐỨC GIAI)

Ông tổ dòng họ Trương là Trương Đức Thưởng từ xã Thanh Hà – Hải Dương, vào lập nghiệp ở đất Tú Xương (nay thuộc xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ), thế kỷ XVII (1605), sau đó vào định cư xã Mỹ Hiệp.

Theo gia phả của dòng tộc để lại thì dòng họ này có nhiều người học giỏi. Ông thi đỗ cử nhân cả văn lẫn võ và hầu như cả cuộc đời theo nghiệp

văn chương và võ nghiệp. Trương Đức Huyền là ông nội của Trương Đức Giai. Ông Huyền làm quan chức của nước Đại Việt, sinh năm Ất Sửu, mất năm Ất Hợi thọ 71 tuổi. Ông Trương Đức Giai thi đậu cử nhân cùng một lúc cả văn lẫn võ và ra làm quan cho Triều đình Nguyễn (Nguyễn Gia Niên). Sau đó đến đời ông Trương Đức Lân, Trương Trạch đều là cử nhân võ. Ông Trương Trạch chính là dạy võ cho ông Trương Thành Đăng, sau này làm chủ môn Sa Long Cương (phái võ Bình Định) mở võ đường tại Sài Gòn.

Theo ông Trương Quang Miến là tộc trưởng của họ Trương kể lại ông Giai mở trường dạy võ tại Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ. Tại từ đường họ Trương, các bài vị còn ghi lại, ông Giai là người biên soạn ra tập tư liệu về võ (bằng chữ Hán) trước khi thi đỗ cử nhân võ. Trong gia phả có ghi lại công đức sự nghiệp các thế hệ của dòng họ Trương. Tài liệu mới phát hiện tập sách võ gồm 26 trang. Trong đó ghi chép 15 bài thiệu bằng chữ Hán và 2 bài chữ Nôm (chủ yếu là Thảo bộ).



Ảnh tài liệu bài "Võ kinh lược", mới phát hiện

Trong số lời thiệu (các bài Thảo bộ) nói trên, có một số bài trùng lập với các bài thảo đang lưu hành ở Bình Định. Cụ thể như: “*Ngũ môn thảo*” hay “*Trực chỉ thảo*”. Nhưng có một số bài chưa lưu hành. Qua tư liệu mới phát hiện này đều xuất xứ từ các vùng đất có truyền thống võ thuật lâu đời của Bình Định.

Theo sử sách còn ghi lại, còn có rất nhiều người ở nước Đại Việt di chuyển vào Bình Định bằng nhiều con đường khác nhau, để sinh cơ lập nghiệp ở vùng đất mới. Nhưng tập sách số trang có hạn, chỉ đề cập đến những người đến Bình Định liên quan đến võ nghệ.

c.5. VÕ SƯ TRẦN KIM HÙNG

Võ sư Trần Kim Hùng người Bình Định, có thân hình vạm vỡ, sức khỏe kỳ lạ, nói năng hoạt bát. Hồi còn nhỏ, một đêm đi hái chè, bị đi lạc vào rừng sâu, tìm mãi không thấy lối ra. Bỗng gặp một bà lão quái thước, đầu tóc bạc phơ, dáng đi thông thả nhẹ nhàng lạnh lẽ, sống một mình trong túp lều xiêu vẹo cheo leo trên vách núi. Biết bà có võ, xin ở lại thọ giáo. Bà vui vẻ nhận lời và nói: Ở đây chàng chỉ biết học võ. Cấm không được tò mò hỏi han gì cả. Được tu luyện, hàng ngày chàng mãi miết học các môn võ, tâm trí dồn vào việc rèn luyện võ nghệ. Bà truyền dạy các môn và các thế võ bí hiểm, bà bảo phải tập đi tập lại nhiều lần cho thuần thuộc. Bà thường ra đi từ sáng tinh mơ đến tối mịt mới về. Bà thường để chàng ở nhà một mình tập luyện, tối về bà ôn lại rồi dạy tiếp. Ròng rã hơn mười năm. Bà bảo Kim Hùng, việc học hành võ nghệ của con đã vững, có thể tự lập được, về nhà tiếp tục tự luyện, rồi đưa chàng xuống núi.

Tuy ở nhà giúp cha mẹ làm ruộng, Kim Hùng vẫn thường tìm chỗ vắng luyện võ hoặc ngồi thiền dưỡng khí luyện công. Chàng đã giúp dân giết con trăn thường quấy phá ăn vẹt heo và nhiều phen làm cho dân khiếp sợ. Lại đánh dẹp được một băng cướp võ nghệ cao cường quấy nhiễu trong vùng, nên thanh danh vang dội khắp nơi.

Nhiều người xin đến thụ giáo võ nghệ, nhưng Kim Hùng thấy đa số họ không có chí lớn nên chẳng nhận, chỉ dung nạp một số ít cùng dạy chung với con trai là Trần Kim Bảo thành võ sĩ có hạng. Kim Bảo sinh được hai con thì vợ mất, nên bỏ nhà ra đi tránh bớt buồn phiền. Hai con

gái ở nhà với ông bà. Người chị là Trần Thị Huệ theo bà nội học nữ công, sau lấy Nguyễn Nhạc. Người em gái là Trần Thị Lan theo ông nội học võ và rất giỏi kiếm thuật.

Ở An Nhơn võ sư Kim Hùng chinh phục được đầu nậu Nguyễn Văn Thuyết. Biết Thuyết là người có bản lĩnh, nhưng thiếu giáo dục. Ông thu nhận truyền dạy võ công. Sau đó ông bỏ nhà đất Thuyết theo đường núi vào sâu phía Nam. Trong quá trình đi đường, mỗi khi gặp trở ngại, ông lại dạy cho Thuyết một thế võ và sau đó thực nghiệm luôn. Ông giảng dạy về quan hệ giữa thế công và thế thủ, mà nhất là thế thủ dồn sức lực xuống đôi chân. Đôi chân là bộ ngựa, vừa phải vững, vừa phải nhanh, vừa di chuyển nhẹ nhàng. Ở đất bằng thì dễ, còn nơi gồ đá lởm chởm thì khó gấp bội. Phải chú ý không chỉ dùng thế công mà coi nhẹ thế thủ. Còn đánh thú dữ phải dùng mưu kế, nhằm vào chỗ yếu của nó mà đánh. Nhược điểm của cọp là hạ bộ, chỉ cần một quả đấm trúng thì đủ hạ được cọp rồi. Đòn đánh của cọp rất mạnh, cần tránh né để đỡ tổn sức, và dạy luôn cách né tránh cho Thuyết.

Đi mãi đến một ngôi chùa ở trên núi cao, nằm sâu trong rừng. Ở đây hai thầy trò cùng đi tu theo lối tịnh tâm. Ở đây hai năm, không ai trò chuyện gì với ai, chỉ biết phận riêng của mình. Kim Hùng vẫn tiếp tục dạy và ôn lại những đòn thế võ học ở dọc đường để bổ sung thuần thực. Năm sau dạy luyện phép nội công, để hỗ trợ nội lực thêm vững vàng. Thế mà quay đi quay lại đã 5 năm trôi qua, Thuyết càng học càng thông minh. Ngoài học võ nghệ còn học đạo đức, học đạo làm người, học điều hay lẽ phải mà thầy đã chỉ giáo. Một hôm Kim Hùng bảo Nguyễn Văn Thuyết sự nghiệp ta truyền dạy đã trọn vẹn, đã thành tài, nên xuống núi để xây dựng đất nước, quê hương. Nghe đầu dưới đó phong trào nghĩa quân Tây Sơn đang lớn mạnh, xuống núi tìm Nguyễn Huệ, đi theo ông ta. Trước khi đi, Kim Hùng lại truyền thêm nội lực cho Thuyết, bằng cách chỉ đặt nhẹ tay lên vai mà như có sức mạnh ngàn cân truyền lực cho người và dặn: cứ theo cách này mà tập, phương châm xử thế là *"Từ bi hỷ xả"*.

III- NGƯỜI TRUNG HOA DI CƯ ĐẾN BÌNH ĐỊNH

Trong dòng người vào Bình Định để lập nghiệp, còn có rất nhiều người Hoa. Họ đến bằng nhiều con đường, nhiều dạng khác nhau, với thành phần

như: Thương nhân, là những nghĩa sĩ “*Phản Thanh phục Minh*” như: Trung nghĩa đoàn, Thiên địa hội... Họ đến Bình Định để lánh nạn, mai danh ẩn tích, tập hợp lực lượng chờ thời cơ để báo thù. Lại có những người là thầy cúng, thầy địa đi tìm đất mới để hành nghề làm ăn. Có những người là thầy thuốc (mở cửa hiệu bán thuốc bắc). Lại có người chuyên bán hàng rong như: Phở tàu xá, bánh bao... Họ rao bằng tiếng mõ “lốc cốc lốc cốc” suốt đêm. Có những người mở trường dạy võ và giao lưu với võ cổ truyền Bình Định mà tiêu biểu là dòng họ Diệp và họ Lý.

1. Diệp Trường Phát (*Tàu Sáu*)

Diệp Trường Phát sinh năm 1806 tại An Thái, xã Nhơn Phúc. Cha là người Tàu, mẹ là người Kinh hương. Lớn lên ông mở trường dạy võ (trước là võ thiếu lâm). Năm mười ba tuổi, ông được cha cho về quê nhà là tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc để ăn học, mà nhất là học võ. Sau ông lại sang Hồng Kông để tu nghiệp thêm võ nghệ. Sau mười lăm năm ông trở về lại An Thái mở trường dạy võ, nhiều môn sinh sau này trở thành võ sĩ nổi tiếng trong vùng như: Chín Kỳ, Năm Tường, Phó Tuần Chuẩn, Ba Phùng... Ông qua đời, con là Diệp Bảo Sanh nối nghiệp cha vẫn tiếp tục dạy võ.



Sân dạy võ của võ sư Diệp Trường Phát ngày xưa.

An Thái và các vùng lân cận võ nghệ đã phát triển khá rộng, ở đâu cũng có phong trào học võ. Có người bắt đầu nói đến võ thiếu lâm và võ Bình Định. Võ nghệ ở Bình Định ngày càng phát triển, trong đó có phần đóng góp không nhỏ của dòng họ Diệp, đã góp phần xây dựng nên nền võ học Bình Định. Đã hình thành hệ thống Quyền thuật khá chặt chẽ, đặc biệt là các bài Quyền tiêu biểu cho các con vật như: Hổ quyền, Long quyền, Hươu quyền và Xà quyền mà trong đó Hổ quyền, Long quyền thuộc ngành công (sức mạnh) làm nền tảng cho hươu quyền và xà quyền thuộc nhóm nhu công.

Ngoài ra, Diệp Trường Phát còn là một lương y tài ba, sáng tạo ra nhiều bài thuốc võ gia truyền nổi tiếng, để chữa trị chấn thương khi tập võ và đấu võ, hoặc phương pháp bấm huyệt, xoa bóp mà không cần dùng thuốc.

Võ nghệ Trung Hoa du nhập vào Bình Định khá sớm. Sự có mặt của các viên tướng võ nghệ cao cường như: Tập Đình, Lý Tài. Cùng chiến đấu trong hàng ngũ quân Tây Sơn, lúc đầu được Nguyễn Huệ trọng dụng. Trong quân đội Tây Sơn cũng có một bộ phận là người Hoa, họ nhanh chóng hòa đồng, chiến đấu gan dạ bên cạnh người Việt. Trong nhiều trận đánh thắng lớn cũng có góp phần của họ. Trong hàng ngũ quân lính người Hoa có rất nhiều người tinh thông võ nghệ (ảnh Từ Đường Họ Trương).

2. Dòng họ Lý (Lý Hùng)

Võ thuật Trung Hoa du nhập vào Bình Định quá sớm. Trong số người vào Bình Định, có một người vào mở trường dạy võ, còn đại bộ phận là thương gia. Họ giao lưu qua lại giữa hàng hóa Việt Nam (Bình Định) và Trung Quốc. Họ có tinh thần tương thân tương ái khá cao. Trong số người Hoa có người giàu và người nghèo. Người giàu sẵn sàng giúp đỡ người nghèo, họ san sẻ cho nhau cung cách làm ăn để có một cuộc sống tương đối trong cộng đồng người Hoa, để có một cuộc sống tương đối ổn định trên miền đất mới khi xa rời Tổ quốc của họ.

Từ giữa thế kỷ XVI dòng họ Lý, đứng đầu là ông tổ Lý Hùng ở tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc) rời bỏ quê cha đất tổ, du nhập vào đất Bình Định (huyện Tuy Phước) để sinh cơ lập nghiệp. Thời gian đầu thì đi buôn bán hàng tạp hóa để kiếm sống, sau đó mở trường dạy võ. Gia đình sống ở

Tuy Phước một thời gian, sau di chuyển về xã Đập Đá, huyện An Nhơn ngày nay.

Đập Đá là một địa thế làm ăn mua bán thuận lợi, có đường giao thông ngang dọc, di chuyển vào Nam ra Bắc dễ dàng. Người cư trú ở đây rất đông. Gia đình vừa buôn bán (nghe đâu là mở cửa hiệu bán thuốc Bắc), cũng vừa dạy võ thu hút người trong vùng đến học càng đông.

Sau khi Lý Hùng qua đời, các con ông là: Lý Xuân Mưu, Lý Xuân Hải vẫn nối nghiệp cha suốt đời vẫn theo võ nghệ. Các môn sinh tứ phương về đây học võ. Đến các đời cháu Lý Xuân Tạo, Lý Xuân Hỷ là những võ sư nổi tiếng của đất Bình Định và cũng đã đào tạo nhiều nhân tài về võ nghệ.

Người Bình Định là đa sắc tộc, nhiều thành phần với tính tình trầm lặng, gan dạ, ham học, ham làm, chịu thương chịu khó, lao động hăng say, thích làm việc nghĩa, dễ hòa đồng, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau. Có tinh thần chiến đấu cao, không khuất phục kẻ thù nào khi học xua quân vào xâm lược nước ta. Trước đây là Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Quang Trung... đã đánh đuổi kẻ thù phong kiến phương Bắc chạy dài, không xiêm không giáo, đua nhau tháo chạy về mầu quốc. Các đế quốc cho rằng mình giàu mạnh, lắm tiền nhiều của với quân đội hùng mạnh, trang bị vũ khí hiện đại như: Pháp, Nhật và Mỹ đều thua cuộc với Việt Nam (trong đó có Bình Định), ngậm đắng nuốt cay, tháo chạy về nước.

Học vấn của người Bình Định tương đối khá, chủ yếu theo nền văn hóa Nho giáo (chữ Nôm, chữ Hán), chân thật, không ưa văn hoa. Nhiều người là quan lớn trong các triều đình phong kiến. Nhiều nhà văn nhà thơ nổi tiếng trong cả nước như: Xuân Diệu, Chế Lan Viên... Cuộc sống giản dị mộc mạc, không khoe khoang, không xu nịnh. Thời gian rảnh rỗi thì hát bội, tập võ. Một đặc điểm của người Bình Định là học võ để tự vệ bản thân là chính. Học võ để lao động sản xuất để nâng cao thể lực. Học võ để săn bắn thú rừng hoang dã, bảo vệ nương rẫy. Học võ để đánh trả kẻ thù xấu đến trộm cướp xóm làng buôn rẫy.

Bình Định trải qua nhiều thế kỷ, biến động và thay đổi rất nhiều, nhưng vẫn giữ được vùng đất thượng võ (miền đất võ), vẫn giữ được nét độc đáo của một nền võ nghệ mang đậm màu sắc dân tộc đậm đà. Người Bình Định

vẫn hướng về cội nguồn, hồn thiêng sông núi, của những người con ưu tú, với hào khí anh hùng bất khuất, làm rạng danh cho non sông đất nước. Với bao sự tích oanh liệt. Cuộc khởi nghĩa của nông dân nghĩa quân Tây Sơn, đánh tan gần ba mươi vạn quân Thanh, mà sử sách muôn đời còn ghi lại. Từ xưa đến nay lòng dân vẫn ghi nhớ, kẻ thù vẫn còn khiếp sợ.

MỤC HAI:

VÕ BÌNH ĐỊNH QUA CÁC THỜI KỲ

I- THỜI KỲ SƠ KHAI CỦA VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

Lao động gian khổ của người xưa (nguyên thủy) có thể xem là một hoạt động thể lực, những hoạt động đánh bắt, săn bắn với sự khéo léo của động tác, sự nhanh nhẹn và sức mạnh của thể lực có thể xem là yếu tố sơ khai của võ. Nhưng công cụ thô sơ, nặng, thô kệch ở thời đại đồ đá cũ kỹ, kích thước lớn, không thể ném xa được, mà hao phí sức lực lại nhiều mà hiệu quả lao động lại quá thấp. Do đó đòi hỏi con người phải có hệ thống cơ bắp rắn chắc rất khỏe. Trong điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, rừng sâu nước độc, thú dữ hoang dã lại nhiều. Cho nên trong quá trình lao động khai phá núi rừng để làm nương rẫy để trồng trọt phải hết sức đề phòng thú dữ bất ngờ ập đến. Còn việc săn bắn chủ yếu là vây đuổi, dùng tập thể uy hiếp dồn thú dữ đến đường cùng mệt mỏi sa bẫy. Mọi người xông vào ném đá, dùng gậy gộc vây đánh đến thú chết. Vậy mà người xưa vẫn đuổi bắt được những con thú to lớn như: Cọp, heo rừng, hươu nai, voi, tê giác... Chúng khỏe rất nhiều lần so với sức người. Phải đánh trúng, ném trúng chính xác hiểm độc với những động tác thuần thục và mạnh mẽ. Với sự hợp đồng chặt chẽ và có người đầu đàn chỉ huy.

Về sau có sự xuất hiện một số công cụ lao động như: Cung tên, đồ dùng bằng sắt như: Dao, rựa, búa, rìu... đã tạo thêm thuận lợi cho điều kiện lao động. Ngoài đánh bắt được thú lớn như: Hổ, voi, trâu rừng... còn săn bắn được cả các loài động vật nhỏ như: Khỉ, sóc, mèo, chó, gà, chim... Như vậy chiều hướng hoạt động sức mạnh, đông người giảm để nhường chỗ cho chỗ đánh bắt, săn bắn chuyên nghiệp.

Từ đánh bắt cả ở ao hồ, trên sông nước nội địa lại càng quen thuộc. Từ chỗ lao động đánh cả bằng thuyền nan nhỏ bé trên sông nước trong nội địa quen thuộc. Sau này vươn ra lao động đánh bắt ở biển khơi, đòi hỏi phải có ghe thuyền to, phải có thể lực (nhất là đôi tay) tốt mới đủ sức chèo chống sóng to gió cả, nhiều khi phải vật lộn, thậm chí chiến đấu với những con cá to hung dữ. Do đó người xưa không những làm chủ mặt đất, rừng núi mà còn phải làm chủ sông biển, mặt nước.

Từ lao động săn bắn, đánh bắt các loại thú dữ, đánh bắt cá để nuôi cuộc sống và chiến đấu bảo vệ cộng đồng. Những động tác kỹ thuật lao động và chiến đấu được hệ thống và nâng cao về thể lực, sức mạnh và khéo léo thành một số đòn thế võ đơn giản riêng lẻ.

Dù sao nhưng hoạt động lao động và chiến đấu của người xưa, chỉ là tự nhiên mang tính chất sơ khai của một loại hình hoạt động. Nó chưa thể hiện rõ nét riêng biệt một bài võ. Nhưng nó lại gắn với sự sống còn của từng cá thể và cả của một cộng đồng. Vì thế người xưa dù chưa có ý thức về loại hình này là võ. Nhưng nó vẫn tồn tại và phát triển, chuyển dần từ hoạt động đại trà sang hoạt động của một số người, một số bộ tộc và một số buôn làng, về sau càng mang tính chuyên sâu.

II- VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH HÌNH THÀNH TỪ VÕ CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA

Chúng ta biết rằng người xưa sinh sống trong điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, rừng sâu nước độc, điều kiện lao động muôn vạn khó khăn, khai phá núi rừng để làm nương rẫy. Nhưng sau hai ba mùa thu hoạch lại phải di chuyển đến nơi khác. Với xã hội chậm phát triển vô cùng phức tạp, nạn trộm cướp quấy phá thường xuyên xảy ra. Người các dân tộc anh em như: Chăm, Bana, H'mông, H'rê... thường xây dựng buôn làng theo từng bộ tộc, ở núi rừng (cả rừng sâu và rừng cao). Do địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn. Để chống chọi với thiên nhiên thú dữ, người dân thường phải tìm mọi cách để chống đỡ, trang bị cho mình một số đòn thế, miếng võ để tự vệ giữ thân giữ nhà và giữ buôn rẫy, để bảo vệ cuộc sống yên lành. Thường các trưởng tộc và già làng rất giỏi võ nghệ.

Từ buổi sơ khai, các dân tộc anh em đã biết vận dụng các thao tác lao động hợp lý, không ngừng cải tiến lao động cầm tay từ hòn đá đến cung tên, đến dao, rựa, cuốc và xẻng... Từ chỗ dùng lực, dùng sức mạnh đến

thao tác có kỹ thuật nhẹ nhàng khéo léo hơn. Người miền núi thì khỏe đôi chân vì phải di chuyển đi lại, chạy nhảy leo núi nhiều. Người đồng bằng làm nương ruộng cấy cày, thường xuyên là vận động đôi tay nhiều hơn, hoạt động phối hợp tay chân nhịp nhàng, dùng lực dùng sức hợp lý, biết vận dụng kỹ thuật sơ sài. Người miền biển chủ yếu dùng sức lực của đôi tay để chèo chống, nhiều khi phải vượt qua phong ba bão táp (khi biển động).

Trong tình hình đời sống lao động khó khăn, muốn tồn tại và phát triển phải lao động cật lực mới có miếng cơm manh áo. Các dân tộc bản địa đã hình thành một số đòn thế võ sơ khai. Chứ chưa có thầy nào dạy cả. Bình Định thuở xưa là một địa danh rừng núi trùng điệp, ruộng đồng hoang dã, nhiều đầm lầy và biển cả mênh mông. Đời sống của người dân khó khăn trăm bề. Phải khai phá núi rừng, chặt cây đốn gỗ để làm nương rẫy.

Phải biết săn bắt thú rừng. Phải dỡ hoang, biến vùng đất hoang dã thành ruộng đồng để cấy cày. Phải vũng tay chèo để thả neo buông lưới, vượt sóng to gió lớn để đánh bắt cá.



Cù Đình Phương 75 tuổi, người Bana bắn cung diệt thú dữ.

Theo dòng thay đổi của lịch sử và sự phát triển của cuộc sống, thao tác lao động và công cụ lao động dần dần được cải thiện, sức lao động của con người cũng được hợp lý hóa, dẫn đến năng suất lao động được nâng cao. Sự hoạt động của đôi tay tự nhiên hình thành một số động tác võ tay không, vận dụng theo học thuyết “Âm Dương” là Ngũ hành pháp (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ).

Đôi chân leo đèo vượt núi, đi bộ, chạy nhanh, khỏe rắn chắc. Từ hoạt động với thao tác đơn giản, cũng hình thành những bộ ngựa đơn giản như: đi chuyển, đá trụ theo Bát quái pháp (Long, Hổ, Khỉ, Hạc...).

Nhiều nhà nghiên cứu, qua nhiều lần quan sát các động tác của loài vật. Mỗi một loài mang đặc điểm riêng biệt của chúng. Ví dụ: Loài chim thường bay nhảy trên cây, di chuyển bay xa từ nơi này đến nơi khác. Cũng có loài chim chân cao như: Cò, sếu, hạc... thường đi lặn đắm trên đồng ruộng, ao hồ để săn bắt tôm cá (loại nhỏ). Lại có những loài vật bò sát trên mặt đất như: Trăn, rắn... cũng có loại chuyên dùng sức mạnh, núp bóng để săn bắt mồi như: Cọp, chó sói, báo...

Từ những động tác sinh hoạt của các loài thú. Các bậc võ sư tiền bối đã chọn lọc, đúc kết và hệ thống, đã biên soạn ra Bài quyền như là Hổ quyền, Long quyền, Xà quyền... theo phương pháp mô phỏng. Võ sư Bình Định cũng dựa vào động tác sinh hoạt của các loài vật, đã biên soạn ra một số bài võ như: Bài “Song đao phá thạch”, “Thái Sơn”... So với các bài quyền trước đây là một bài quyền chỉ tượng trưng cho một con vật, còn hiện thời Bài quyền bao gồm nhiều con vật như: “Song đao phá thạch”.

“Chấp thủ long đao, trung bình thượng nghịch

Long tả hữu, nhập triều bữu diện

Phung tự giao thời, võ ngô đồng

Lân lô bộ binh, nguyên kí túc

Qui hành hành, thủy đề mai phong”.

Toàn bộ bài gồm năm câu thiệu, mà đã cấu tạo bốn con vật. Điều này chứng minh các hoạt động, động tác của các loài vật là một trong những nguồn gốc hình thành của võ Bình Định.

Bài “*Song dao phá thạch*”, cấu tạo gọn gàng mà độc đáo, đòn thế rõ ràng, công thủ song toàn, cương nhu phối hợp chặt chẽ, không nặng về cương công và thể hiện rõ bản sắc dân tộc. Nguồn gốc Bài Quyền này xuất xứ từ đâu? Tác giả là ai cũng chưa xác định được. Nhưng nó được lưu truyền rộng rãi ở Bình Định từ đời này sang đời khác. Qua tìm hiểu võ sư nổi tiếng Phan Thọ ở huyện Tây Sơn cung cấp. Bài này ra đời từ thời nhà Tây Sơn, thuộc môn phái của nữ tướng Bùi Thị Xuân. Sau này Phan Thọ kế thừa và dạy cho môn sinh thuộc môn phái mình.

III- NGƯỜI ĐẰNG NGOÀI VÀO GÓP PHẦN HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

Người Đàng Ngoài di cư vào vùng đất Bình Định ngày càng đông, đi bằng nhiều con đường, với nhiều mục đích khác nhau. Có người là lính tráng đi thừa hành công vụ như: Đội quân của Nguyễn Hoàng. Có người đi tìm mảnh đất mới để lập nghiệp để có một cuộc sống khấm khá và ổn định lâu dài. Có quan chức chống đối triều đình tìm nơi lánh nạn, vào Bình Định để mở trường dạy võ. Kể cả một số người Hoa vào đất Bình Định làm ăn mua bán và cũng mở trường dạy võ.

Bình Định là một địa danh quen thuộc mà nhiều người nhắc đến cái tên “*Miền đất võ*”. Nhiều dòng võ khác nhau tập trung vào Bình Định góp phần hình thành võ cổ truyền Bình Định mang màu sắc đa sắc tộc. Bình Định xưa nay là vùng đất của dân tộc Chăm-pa. Một dân tộc có nền võ thuật rất sớm. Một truyền thống thượng võ đã được minh chứng rõ nét mà đã thể hiện trên những bức chạm điêu khắc ở những Tháp Chàm. Các dân tộc Bana, Êđê, H'Mông cùng với dân tộc Chăm từ trong nhu cầu lao động sản xuất, đã có một số động tác tay chân tự nhiên đã hình thành những thế võ hiểm hóc để tự vệ và đảm bảo cuộc sống.

Năm 1602 từ khi Nguyễn Hoàng đưa đội quân và người dân Đàng Ngoài vào khai phá vùng đất phía Nam. Trong đó có nhiều võ tướng và nhiều người nông dân chất phác rất giỏi võ nghệ. Họ vừa khai phá núi rừng, mở mang đồng ruộng để làm ăn lâu dài. Vừa xây dựng quân đội thiện chiến, thường xuyên tập rèn võ nghệ. Trong quá trình luyện võ nghệ, vừa truyền bá võ nghệ Đàng Ngoài, vừa hòa nhập và kế thừa nền võ nghệ độc đáo của người bản địa.

Thời kỳ này bọn tham quan ô lại, hà hiếp muôn dân, xã hội suy thoái loạn lạc, nhân dân lầm than đói khổ. Nhiều bậc danh nhân, sĩ phu yêu nước lẩn tránh vào Chùa mai danh ẩn tích, vừa dạy võ cho các môn sinh đệ tử. Một số anh hùng hảo hán, tập hợp lực lượng ở vùng núi cao hẻo lánh tập luyện võ nghệ, chờ thời nhằm chống lại bọn quan tham, bảo vệ dân lành, giúp người nghèo khó. Trong đó trường hợp của chàng Lía, năm 1769 ông đánh bọn nhà giàu cướp của đem phân phát cho dân nghèo. Chàng Lía tên thật là Võ Văn Doãn, sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo khổ. Lớn lên nhìn thấy cảnh áp bức bóc lột của bọn cường hào ác bá, bọn quan tham ô lại. Ông càng hiểu nỗi tình cảnh thống khổ của dân nghèo. Nhà nghèo cha mất sớm, đi chăn trâu cho nhà bá hộ để nuôi mẹ già. Đứng trước cảnh bất công của xã hội phong kiến đương thời, ông tập hợp trai tráng trong làng. Những người tinh thông võ nghệ. Lập căn cứ Truông Mây, thề cùng nhau giết sạch bọn quan lại gian ác, đi cướp của nhà giàu chia cho dân nghèo, chàng Lía ngang tàng võ nghệ cao cường đã làm cho bọn quan lại, nhà giàu nhiều phen khiếp sợ. Chúng tìm trăm mưu nghìn kế bắt cho được ông. Còn người dân Bình Định thì ngưỡng mộ, nhớ đời tên ông. Sau khi ông bị bắt, nhân dân vô cùng thương tiếc, nhớ đến công lao của ông, nên đã có bài vè lưu truyền trong dân gian từ xưa đến nay:

*“Chiều chiều én liệng Truông Mây
Cảm thương chú Lía bị vây trong rừng”.*

Ở thế kỷ XVIII, một số võ sư danh tiếng vào Bình Định để lập nghiệp, lánh nạn và mở trường dạy võ như:

- Trương Văn Hiến, người ở Nghệ An vào Bình Định mở trường dạy học (cả văn lẫn võ) ở ấp Yên Thái (nay là xã Nhơn Phúc). Học trò của ông ngày càng đông. Trong đó có ba anh em Tây Sơn. Nguyễn Nhạc học cả văn lẫn võ, nhưng nặng về văn, học nửa chừng không đến nơi đến chốn. Nguyễn Huệ chăm học, học ít hiểu nhiều, rất thông minh, sáng tạo. Ông học nặng về võ. Nguyễn Lữ cũng theo học một thời gian, nhưng do sức yếu, thường hay bệnh hoạn. Ông thích học nhu quyền. Sau đó đi tu. Các học sinh của thầy giáo Hiến sau đều trưởng thành, hầu hết tham gia phong trào Tây Sơn và nhiều người được thăng quan tiến chức.

- Đinh Văn Nhưng: Thủy tổ của dòng họ Đinh và Đinh Văn Hòe, gốc ở

Ninh Bình làm ăn sinh sống lấy vợ là bà Nguyễn Thị Quyên ở thôn Liêm Thanh, xã Nhơn An, huyện An Nhơn, sinh được ba người con (trong đó có Đinh Văn Nhưng). Sau đó ông Hòe bỏ ba người con ra Bắc trở lại. Hoàn cảnh gia đình nghèo túng, ba anh em phải làm lụng nuôi mẹ. Ông Nhưng rất giỏi võ nghệ mở trường dạy học. Ba anh em Tây Sơn cũng theo học võ của ông mà chí cốt chăm học chỉ có Nguyễn Huệ, ở thôn Bằng Châu, xã Đập Đá, huyện An Nhơn ngày nay. Tính khí của ông rất ngang tàng, không sợ một ai, rất ghét thói nịnh bợ, thương dân nghèo. Ông rất kính trọng Nguyễn Huệ, đem hết tài sức và những đòn võ bí hiểm truyền dạy cho ông ta. Ông cũng tiên tri đoán trước sau này Nguyễn Huệ sẽ là một tướng tài cứu dân dựng nước.

Dân trong vùng đặt ra nhiều câu hò ví von, về sau thành tục ngữ dân gian "*Chẳng ngang thiên*" hay "*Ngang quá ông' Chăng*". Lúc bấy giờ, ở vùng đó người giỏi võ không hiếm. Nhưng những người dám lên đến vùng hoang vu, rừng rậm núi cao để khai thác lâm rừng, làm nương làm rẫy, săn bắn thú rừng từ hồi giữa thế kỷ XVII, đều là những tay cự phách, anh hùng hảo hán. Con cháu của họ cũng không có cách gì khác là lao động cật lực để sinh tồn, chống lại thiên tai địch họa, hơn nữa vào đúng thời điểm đó, các sĩ phu đang bất mãn trốn tránh triều đình tìm về nơi xa xôi hẻo lánh mà ẩn núp chờ thời cơ. Các tay giang hồ hảo hán cũng tìm thấy nơi tiếp giáp giữa đồng bằng và rừng núi, địa thế mà họ cần. Các thổ hào địa phú cũng khai phá mở rộng trang trại khắp cùng. Những thương nhân người Hoa cũng lánh nạn sang làm ăn ở vùng này. Trong số các người nói trên đa phần là biết võ. Nơi đây cũng là nơi quy tụ sinh sống lâu đời của các dân tộc như: Bana, Xedang, Chăm... Một mặt họ phải đấu tranh với mối hiểm nguy khắc nghiệt của thiên nhiên và với bọn kẻ xấu trộm cướp và xã hội phức tạp bên ngoài. Họ sống theo từng bộ lạc. Trong các bộ lạc có tộc trưởng (già làng) đứng đầu, thường mấy người này rất giỏi võ nghệ (võ dân tộc). Họ xây dựng lên những toán quân thiện chiến để bảo vệ buôn làng. Ấp Tây Sơn xưa vốn là cái rốn đất Chiêm Thành. Ở đây có nhiều đặc sản như: nón chiếu, tơ lụa, hàng gốm và nhiều lâm thổ sản quý hiếm. Nhưng muốn mang đi các nơi khác gặp không ít khó khăn. Bởi vì phía Bắc giáp Quảng Ngãi phải qua đèo Bình Đê. Muốn vào Phú Yên phải qua đèo Cù Mông, phía Tây giáp dãy núi Trường Sơn hùng vĩ, có hai đèo An Khê và Mang Giang

ngăn chặn. Những người thương nhân mang hàng đi bán các nơi phải là người khỏe mạnh và tinh thông võ nghệ mới mong đi đến nơi về đến chốn, mà kẻ cướp đường quấy rầy. Từ hàng thế kỷ trước, khi anh em Nguyễn Huệ ra đời. Dân vùng này đã có những truyền thuyết và giai thoại về những người lái buôn là *“Nhất nhân địch quân nhân”*.

Đó là khung cảnh về võ học, trước khi có cuộc khởi nghĩa Tây Sơn. Nhưng chỉ đến khi Nguyễn Huệ với phong trào khởi nghĩa Tây Sơn, thì võ học Tây Sơn gia mới được hình thành, kết tinh những nét tinh hoa nhất của các môn phái võ khác nhau và sáng tạo ra một nền võ học mới là: Võ Tây Sơn.

- NGÔ MÃNH

Ngô Mạnh là một tướng của tập đoàn Nhà Nguyễn. Không phục tùng sự chuyên quyền của Trương Phúc Loan. Sau khi Nguyễn Phúc Thoát chết, ông cùng cháu nội là Ngô Văn Sở sau này là một võ tướng có tài của quân Tây Sơn, đã bỏ quê vào vùng đất Tây Sơn, Bình Định trú tại nhà bà Bùi Thị Xuân. Dạy võ và binh thư quân sự cho Bà. Sau này Bà là một nữ đô đốc tài ba duy nhất của quân Tây Sơn.

Võ nghệ ngoài Bắc vào Bình Định còn rất nhiều người, kể cả binh lính và dân thường với nhiều dòng võ khác nhau đã bổ sung thêm nội dung võ đa dạng và phong phú, đã góp phần hình thành và phát triển võ cổ truyền Bình Định.

IV- VÕ TRUNG HOA CŨNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH VÕ BÌNH ĐỊNH

Thời kỳ đất nước Trung Hoa hỗn loạn. Mãn Thanh lật đổ nhà Minh, gây nên cảnh tranh giành quyền lợi, chém giết thanh trừng lẫn nhau. Các tướng sĩ, các nghĩa sĩ của các tổ chức Hội đoàn lánh sang Việt Nam (Bình Định). Các thương gia Trung Hoa trong hoàn cảnh đất nước bị xáo động, cũng vội vã trốn sang Việt Nam tìm đất sống mới theo số người di cư. Võ Trung Hoa theo chân một số võ sư có bố hoặc mẹ là Trung Hoa, hòa nhập vào cộng đồng võ thuật ở miền Nam nước ta như trường hợp Diệp Trường Phát (Tàu Sáu).

Tàu Sáu mở trường dạy võ ở An Thái. Môn sinh của ông rất đông và ở nhiều vùng khác nhau. Ông đã có công làm phong hóa võ Bình Định qua

những nét rút tĩa từ võ Trung Hoa. Đã có giai đoạn hai hệ phái võ An Vinh và An Thái hòa hợp bổ sung cho nhau thành ba trung tâm võ thuật như: An Vinh, An Thái, Thuận Truyền nổi tiếng của võ Bình Định. Nhưng sau đó có những điểm không thống nhất, tuy không có gì to lớn, nhưng những đợt sóng ngầm, ít nhiều cũng có ảnh hưởng tổn thất đến hệ phái. Đợt sóng này có cao hơn lên, từ lúc thành lập "*Bình Thái đạo*" và xuất bản quyển sách "*Võ Bình Định chân quyền*" của môn phái "*Tàu sáu*" đã gây một làn sóng bất bình trong những võ sư có tên tuổi người Bình Định.

Cho dù trong quá trình dạy võ, tuy có va chạm chút ít giữa các hệ phái với nhau, nhưng dù sao tên tuổi Diệp Trường Phát sau này con là Diệp Bảo Sanh nổi nghiệp, cũng đã lưu lại trong giới võ nghệ Bình Định, mà nổi lên là đưa võ Trung Hoa góp phần hình thành, phát triển võ cổ truyền Bình Định.

- DIỆP ĐÌNH TÔNG:

Võ sư Diệp Đình Tông, tổ tiên là người Trung Hoa sang lập nghiệp ở Bình Định ba đời thì sinh ra ông. Lên mười tuổi Diệp Đình Tông về lại quê ở Phúc Kiến – Trung Quốc tìm thầy học võ. Sau ba mươi năm học võ thành tài, ông trở lại ở hẻm Bình Định. Dáng người mảnh khảnh thư sinh, nhưng có sức mạnh phi thường, một mình với đôi tay không đánh ngã gục con bò đực điên to lớn đình dằng hung dữ. Người địa phương mới biết tài võ nghệ của ông. Ông đã lên An Thái tìm gặp thầy giáo Hiến. Hai ông trao đổi với nhau về võ thuật, về phương pháp dạy võ, về việc mở trường dạy võ và nhiều việc khác nữa, hai ông rất tâm đắc và phục tài nhau. Về sau ông cũng mở trường dạy võ, môn sinh ở địa phương và các nơi khác đến thọ giáo rất đông. Một hôm đi qua huyện lỵ An Khê, thấy viên tri huyện lộng hành, đang đánh đập ức hiếp dân lành, đang đứng xem bọn cai ngục hành hạ tù nhân. Ông nổi khùng xuống tay đánh chết viên tri huyện, đánh đuổi bọn cai ngục, phá ngục thả hết người bị giam. Bị truy nã gắt gao, sợ tránh không được sự bắt bớ của bọn gian lại, ông đem cả gia đình lên núi cao sâu vào trong rừng ẩn náu. Do cuộc sống quá thiếu thốn kham khổ, vợ con lần lượt qua đời. Trong một hôm ông gặp một thanh niên to khỏe tuần tú đang quần đánh nhau với hổ dữ. Ông ra tay đánh đuổi hổ cứu người, thanh niên khỏi bị lâm nguy. Người thanh niên đó là Trần Quang Diệu đứng dậy chấp tay bái

lay Đình Tông và xin được theo ông thọ giáo võ nghệ. Hai thầy trò chuyện trò hồi lâu ông nói cho Quang Diệu rõ cuộc sống của mình ở trên núi cao, ăn uống kham khổ, làm lụng lại vất vả, ngày ngày lao động trồng trúa lúa ngô, săn bắn thú kiếm thức ăn. Quang Diệu đâu có sợ gì gian khổ, ước vọng là được học võ, hăng hái mang bị theo thầy lên núi. Từ ngày có Quang Diệu, ngôi nhà lá thô sơ ấm cúng hơn, tươi vui hẳn lên. Hai thầy trò vừa lao động, vừa tập võ nghệ, vừa đi săn bắn. Hôm nào bắn được thú, đồng lửa càng cháy to hơn, mùi thơm của thịt thú nướng thơm phức hòa tan trong không khí núi rừng heo lạnh. Thịt nóng ngon miệng, chung rượu nồng sưởi ấm lòng thầy trò, xua tan nỗi khó nhọc hằng ngày. Ông kể cho Quang Diệu nghe về lai lịch của mình, càng nghe càng kính phục tài nghệ võ nghệ, về tài đức của thầy. Tuy tuổi đã cao, nhưng sức lực vững chắc, lanh lẹ, da dẻ hồng hào, quách thước với đôi mắt sáng bùng, đầy hào khí của một anh hùng võ tướng. Ông thương mến Quang Diệu, dốc lực truyền dạy cho ông thành tài về võ nghệ đủ các môn: Dao, Côn, Kiếm, thương và cung tên, có thể cưỡi ngựa đánh nhau, đánh trên bộ và cả trên thuyền. Khi ông gần một trăm tuổi, biết không thể sống được nữa. Ông bảo Quang Diệu, nay con đã thành tài đủ lông đủ cánh rồi, con hãy xuống núi tìm kiếm anh hùng hào kiệt để cùng lo nghĩa lớn. Nói xong ông nằm xuống lấy tay gõ nhẹ trên đỉnh đầu rồi âm thầm ra đi.

Như vậy trong những thập kỷ gần đây, võ cổ truyền Bình Định được phát triển mạnh trong sự thừa nhận và hòa hợp giữa các võ phái bản xứ và các võ phái khác có gốc từ Trung Hoa. Theo các tài liệu thu thập được, ở Bình Định có nhiều võ phái thiếu lâm khác nhau. Có thể nói võ cổ truyền Bình Định thật là đa dạng, phong phú nội dung, các đòn thế bí hiểm hơn. Thật đáng tự hào, thể hiện một bề dày truyền thống võ học của lớp lớp các thế hệ người Bình Định. Truyền thống cao đẹp đó phải được trân trọng, gìn giữ, kế thừa và phát triển.

V- VÕ NGHỆ TRONG NHÀ CHÙA:

Chùa Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp văn hóa phật giáo của Trung Quốc và Ấn Độ, nên hai nền văn hóa trên đã vào nhà chùa Việt Nam. Những phép “*Đi trên không*”, “*Ngồi trên nước*”, dùng tay không đóng đinh vào

bàn tay rồi nhỏ ra của nhiều nhà sư thời Nhà Lý là hoạt động bình thường của những võ sư cao cấp. Các thời Đinh, Lê, Lý, Trần đều có nhiều nhà sư là võ sư.

Võ nhà chùa nhưng không phải là Thiếu lâm của Trung Hoa vào ta thời kỳ cận đại, mà là võ cổ truyền xưa của Việt Nam, có qui phạm, có võ lý, gắn nhà chùa với đời thường, cho nên đã lưu truyền rộng rãi trong dân gian từ đời này sang đời khác.

Đất võ Bình Định có rất nhiều chùa mà thường là ở vùng núi cao, hẻo lánh. Nhà chùa là nơi ẩn nấp của những người quan lại thất sủng, của những người sa cơ thất thế, của những danh nhân yêu nước, bị triều đình truy bức nên tìm lánh vào nhà chùa nương theo cội phật để che mắt thế gian.

Diệp Đình Tông dạy võ cho Trần Quang Diệu ở ngôi chùa trên mái cao ở huyện Hoài Ân, Kim Hùng cùng Nguyễn Văn Thiết cũng đi tu theo thuyết Định mệnh, cũng ở tại ngôi chùa ở trên núi cao xa lánh trần tục. Nguyễn Lữ cũng đi tu, nhưng tu ở chùa nào mà sử sách không nhắc đến.

Ở Bình Định nhiều hòa thượng, thượng tọa ở các nhà chùa, ngoài việc tụng kinh niệm phật còn dạy võ cho một số nhà sư ở chùa để phòng thân, dạy cho một số phật tử ngoan đạo. Thượng tọa Thích Huyền Ấn ở Quy Nhơn giỏi võ giao du rộng lớn các võ sư trong và ngoài tỉnh. Trong số đó có nhà sư trụ trì đời thứ 38 một ngôi chùa cổ thuộc phái Tiểu thừa, chuyên dạy cho các môn sinh về võ đạo trước khi dạy võ nghệ.

Ở Tuy Phước có chùa Long Phước là của một phái võ chùa đặc sắc hiện do thầy Thích Hạnh Hòa làm trụ trì. Xây dựng một câu lạc bộ võ thuật tại chùa cho các môn sinh và võ sĩ. Làm nhiệm vụ đào tạo các võ sĩ trẻ cho huyện và cho tỉnh. Trong mảnh vườn của nhà chùa sửa sang thành nơi tập võ. Thường xuyên có vài chục thanh thiếu niên (cả nam lẫn nữ) đến tập luyện những môn võ nghệ cổ xưa, những môn võ cổ truyền độc đáo của Bình Định là thảo bộ, quyền roi, cùng một số võ binh khí như: Thương, Kiếm, Dao,... với các bài song đấu: roi đấu với roi, thương đấu với kiếm,... các bài tam đấu như: (roi, thương, kiếm), sa vân kiếm pháp, đăng vân sát kiếm... Các bài tứ đấu như Lạc mã trùng dương (roi, thương, kiếm, đao, hãm kiếp trùng dương...)

CHƯƠNG HAI

VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH THỜI TÂY SƠN

MỤC MỘT:

BỐI CẢNH LƯỢC SỬ THỜI TÂY SƠN

Nếu có phần nào nhắc đến những chiến công của quân binh thời Tây Sơn, hoặc nhắc tới những câu nói của vĩ nhân liên quan tới thời đó, hay nhắc lại, trích dẫn một đoạn kinh văn cổ cũng chỉ là minh họa thêm cho có chứng cứ lịch sử. Còn tư liệu này chủ yếu là cung cấp đề tài võ học thời Tây Sơn. Tất nhiên không có thứ học thuật nào tách rời khỏi khung cảnh lịch sử của thời đại cả. Nhưng trong công cuộc nghiên cứu về mọi mặt của vương triều Tây Sơn, chỉ đề cập đến võ học ngày đó. Lĩnh vực văn hóa này còn ít người đi sâu nghiên cứu, mổ xẻ. Ai cũng biết đến những câu ca dao về võ của đất Bình Định như:

“Ai về Bình Định mà coi

Con gái Bình Định cầm roi đi quyền”

Ai cũng biết rằng: Mảnh đất ấy có một phong trào võ rộng rãi và mang đậm màu sắc dân tộc, với những bài võ còn lưu truyền một cách khá nghiêm túc về lai lịch và động tác. Vả lại nguồn gốc của võ Tây Sơn, đôi khi trong các sách vở của một số tác giả không liên quan đến lĩnh vực này viết không giống với cội nguồn của môn nghệ thuật chiến đấu rất mực tinh vi, uy dũng mà cách đây hơn 200 năm quân triều của Vua Quang Trung đã dương danh cùng lịch sử.

Khởi từ xa xưa, khi còn chưa có tên gọi các dòng võ trên lịch sử võ thế giới thì võ nghệ Việt Nam cũng là một cái nôi văn hóa của loài người. Hơn nữa đất đai của nước ta, vốn địa hình phong thổ phức tạp, tổ tiên ta phải luôn chống chọi với thiên tai địch họa. Võ bắt nguồn từ bản năng sinh tồn của con người. Tổ tiên ta cũng lấy nghề săn bắn thú để sống, cũng qua các thời

kỳ lịch sử tiến hóa của nhân loại, gắn liền với công cuộc giữ nước và dựng nước. Hết giặc nọ đến giặc kia, kiên trì chiến đấu năm này qua năm khác, từ thất bại đến thành công. Hàng ngàn thế hệ nối nhau, truyền cho nhau nghệ thuật chiến đấu để giữ nước gìn đất đai bờ cõi của nước nhà. Sau đời Hùng Vương của truyền thuyết thì phải kể đến cái mốc đầu tiên của lịch sử võ học dân tộc. Ấy là cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, cho đến lúc này võ học được sử sách ghi được khá rõ ràng, mà dấu tích lịch sử cũng còn lưu đọng ít nhiều. Rồi đến Bà Triệu *Ấu “Cưỡi sóng chém cá kình ngoài biển khơi”* và sau đó nối tiếp các vương triều Đinh, Lý, Trần, Lê mà các dũng tướng văn võ song toàn, còn đề tên trong các thư tịch cổ của cả hai bên xâm lược và chống xâm lược. Thực ra nếu có so sánh về thời điểm đầu tiên của bước xuất phát trong lịch sử, xuất hiện nền võ, của ta với các nước có nền võ học phát triển thì cũng chỉ có hai nước Ấn Độ và Trung Quốc là đáng kể. Nước ta nằm giữa hai khu vực văn hóa ấy, cho nên ngay trong các lĩnh vực khác của văn hóa cũng là sự du nhập, tái tạo và tổng hợp rất nhiều.

Trong các cuộc chống ngoại xâm mà chủ yếu là giặc phương Bắc. Nghệ thuật chiến đấu của dân tộc ta đã được nâng lên đến mức hoàn thiện, hễ một lần chiến đấu sau chúng ta lại có chiến thắng to lớn hơn, oanh liệt hơn. Chiến thắng to lớn bậc nhất, thần tốc là chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa, đập tan 29 vạn quân Thanh trong một thời gian ngắn mà quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy thiên tài của Quang Trung – Nguyễn Huệ cách đây hơn 200 năm. Bây giờ chúng ta đã tìm nguồn gốc nghệ thuật chiến đấu của nhà Tây Sơn, mà nhất là đường võ học càng trở nên cấp thiết vô cùng.

Nhà Tây Sơn xuất hiện và kết thúc nằm gọn trong thế kỷ XVIII. Kể từ khi ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ, sinh ra và lớn lên dựng cờ khởi nghĩa rồi lập nên vương triều, đã để lại trong lịch sử những chiến công lẫy lừng mà các nhà nghiên cứu lịch sử quân sự dù có tốn trí hao tâm cũng không sao làm nổi công việc đào bới mổ xẻ để dựng lại một khoảng thời gian sôi động nửa sau thế kỷ XVIII. Trong sự nghiệp đó có một lĩnh vực được khai sáng là sự tổng hợp và hình thành nền võ học Tây Sơn. Thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ thì rực rỡ, to lớn và phong phú lắm, đòi hỏi chúng ta phải có nhiều công trình nghiên cứu công phu hơn nữa, mà chưa chắc nắm được thấu đáo cái tinh thâm huyền ảo của đầu óc sáng tạo thần kỳ của Quang Trung – Nguyễn Huệ. Chúng ta chỉ có thể nêu lên các

vấn đề, để cùng nhau nghiên cứu về một thời oai hùng đã qua của lịch sử.

Sau khi lên ngôi vua, Nguyễn Huệ kéo đại quân ra Bắc để đánh phá quân Thanh. Trong lúc dừng chân tuyển quân ở Nghệ An và cho duyệt binh. Vì hoàng đế áo vải đã tuyên bố: “... *Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ. Các ngài không nỡ ngồi nhìn cảnh nước mất nhà tan, cảnh máu rơi máu chảy, cảnh chém giết tàn bạo của quân thù, nên đã đứng lên dựng cờ khởi nghĩa, đánh đuổi quân xâm lược chạy về phương Bắc trở lại, để cho nước ta yên bình*”.

Nhắc lời tuyên bố đó, chính là để lại một lần nữa khẳng định rằng: truyền thống thượng võ của tiền nhân luôn được nhắc lại khi nước nhà có giặc ngoại xâm và đời đời con cháu nước nhà không mất đi được cái dòng máu ấy.

Đó là khi quân Tây Sơn đã mạnh như triều dâng thác đổ, khi Nguyễn Huệ giơ tay ra hiệu, cũng là lúc có hàng vạn quân bổ sung và trung thành theo sát bên ông, nhưng điều ta muốn nói ở đây là với phép lạ nào trong một thời gian ngắn, mà những lính mới của quân Tây Sơn đã nhập cuộc nhanh chóng vào các cơ đội thiện chiến để xông trận mà không hề bỡ ngỡ? Đó chính là biệt tài trong cách đào luyện quân sĩ của Quang Trung – Nguyễn Huệ. Bây giờ trở lại với thời gian trước khi Tây Sơn tam kiệt sinh ra và lớn lên, thụ giáo các bậc thầy văn võ, tụ tập anh tài, thu nạp tất cả tinh hoa mọi vùng để tìm ra con đường sáng nghiệp và võ học.

Năm (1527) Mạc Đăng Dung cướp ngôi vua Lê Chiêu Thống lập lên triều mạc. Nguyễn Kim cầm đầu một tập đoàn phong kiến chạy vào Thanh Hóa tìm Lê Duy Ninh đưa lên ngôi (tức là Lê Trang Tông), cốt để lấy chiêu bài phò Lê mà tập trung binh mã. Khi Nguyễn Kim chết, con rể Kim là Trịnh Kiểm giết con trai Nguyễn Kim là Nguyễn Uông để chiếm quyền. Từ đó đất nước chia làm hai triều đình. Họ Mạc chiếm giữ phía Bắc, gọi là Bắc Triều. Trịnh Kiểm chiếm giữ vùng Thanh Nghệ (Thanh Hóa, Nghệ An) gọi là Nam Triều. Trong khi Mạc – Trịnh đánh nhau liên miên suốt gần nửa thế kỷ, thì Nguyễn Hoàng con trai của Nguyễn Uông chạy vào mảnh đất phía Nam mở mang đất đai và thu phục quân sĩ nuôi chí báo thù họ Trịnh. Năm (1592) Trịnh Tùng gắng sức đè bẹp người cầm đầu quan trọng cuối cùng

của họ Mạc là Mạc Mậu Hợp (tức Hồng Linh) – Lúc đó đã bị dồn lên miền núi Cao Bằng. Tưởng đã thu được giang sơn vào một mối thì lúc đó tập đoàn phong kiến nhà Nguyễn đã vương khí nhốm lên cuộc chiến tranh khốc liệt hơn, lâu dài hơn. Kể từ năm (1627) đến năm (1672), vừa tròn 45 năm, hai họ đã đưa dân chúng vào cuộc chiến tranh chém giết tàn khốc máu lửa 7 lần. Các cuộc chiến tranh đó xảy ra vào các năm: 1627, 1630, 1635, 1645, 1655, 1661 và 1672. Mỗi lần đánh nhau như thế kéo dài từ 2 – 3 tháng đến vài năm. Đời sống người dân cực kỳ đói khổ. Nhiều bậc anh hùng đã dấy quân khởi nghĩa, để chống lại triều đình thối nát, nhưng không thành công.

Khi tất cả các cuộc khởi nghĩa tạm thời bị dập tắt, rất nhiều anh hùng nghĩa sĩ rút lui, về sống ẩn dật chờ thời dịp khác. Nhiều danh nhân và tướng lĩnh của các cuộc khởi nghĩa đó một mặt bị bắt bị giết, lớp khác thì trôi dạt giang hồ trốn tránh bất vô âm tín. Nhiều võ nhân lúc loạn lạc nhiều nhưong như cơn gió thổi tràn ra khắp nước. Mọi người đua nhau học võ. Học võ trước tiên để tự vệ bản thân, học võ để đầu quân khởi nghĩa. Cũng có người học võ để đi ăn cướp giành miếng cơm manh áo. Trong lúc đó, nước láng giềng Trung Quốc cũng xảy ra một phen náo loạn. Nhà Mãn Thanh lật đổ Nhà Minh và thanh trừng các tổ chức Hội đoàn “*Phản Thanh phục Minh*”, nên nhiều nghĩa sĩ chạy lánh nạn sang Việt Nam càng nhiều. Trong số họ gồm các thương gia sang tìm đất sống. Từ thời xa xưa võ học Trung Hoa đã giao lưu và trao đổi thường xuyên với nước ta. Đặc biệt trong thời chiến tranh, huống hồ trong cơn hoạn nạn lại càng có dịp gieo lại trên mảnh đất này. Người Việt Nam suốt một cuộc đời đau khổ, vì chiến tranh liên miên, cho nên trong dòng máu cả một dân tộc luôn có máu hiếu võ. Chính tất cả các nền võ học phong phú của ba bề bốn bên quanh lãnh thổ đổ dồn vào đất nước ta, mà dân tộc ta đã trở thành một dân tộc thiện chiến, với nền võ học đa phương và đa dạng.

Nói vậy là để khái quát chung vài nét tình hình võ học nước ta vào thời điểm đó. Trở lại với nền võ học thời Tây Sơn mà chính Hoàng đế Quang Trung, chứ không phải bất kỳ người nào khác tạo ra. Nói đến những chiến công trong lịch sử nhà Tây Sơn thì phải kể đến các mốc đầu tiên khi Nguyễn Huệ cầm quân giành chiến thắng ở Phú Yên. Chính từ trận đó, quân Tây Sơn mới mang cái sắc thái đặc thù là quân cốt tinh chứ không cốt đa. Cũng từ trận đánh đó Nguyễn Huệ mới chính thức bước vào vị trí chủ soái. Người

chỉ huy đánh trăm trận trăm thắng. Trực tiếp đào luyện quân sĩ, trang bị binh khí, truyền dạy võ công cho đội quân hùng mạnh của mình.

Trong 7 lần Trịnh – Nguyễn phân tranh, thì lần thứ 5 quân Nguyễn đánh ra Bắc, chiếm được 7 huyện phía Nam của Sông Lam (1655). Nhưng sau đó các tướng lĩnh nhà Nguyễn không đồng lòng với nhau, nội bộ mất đoàn kết, năm bè bảy mối, lại kéo nhau rút quân về Nam, mang theo nhiều tù binh và nhiều của cải vơ vét được.

Ông tổ 4 đời của Nguyễn Huệ vốn họ Hồ ở Nghệ An, thuộc làng Thái Lão gần chân núi Đại Phong và núi Đại Hải (nay thuộc xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An), cũng nằm trong số tù binh bị đồn vào miền đất hoang vu ở bìa rừng Tây Nguyên, từ giữa thế kỷ XVII.

Từ đời Hồ Thế Viên truyền qua đời Hồ Phi Khang, Hồ Phi Phúc rồi đến đời ba anh em (Nhạc, Huệ, Lữ). Thuở nhỏ Nguyễn Huệ có tên là Hồ Thơm, lại còn có tên nữa là Hồ Bình. Thời Hùng Vương dựng nước, nơi ấy vẫn được gọi là Bộ Việt Thường, nhưng cũng chính nơi đây là quốc gia người Chiêm Thành mà trong lịch sử các vị vua của vương quốc này từng xưng hùng và gây chiến với ngoài Bắc trong các triều đại Lý Trần. Lịch sử của đất nước Chiêm Thành đã khép kín lại trong quá khứ, nhưng dấu vết của “*Chế Đồng Nga*”, “*Chế Củ*” vẫn còn đầy rẫy trên miền đất ấy, mà Thành Đồ Bàn (huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định) ngày nay là một trong những di tích hùng tráng nhất của nhà Chiêm Thành.

Các bài biểu diễn binh khí riêng lẻ như: U linh thương của Lý Công Uẩn, bài Tru hồn kiếm của Đinh Tiên Hoàng, bài Phong vân kiếm pháp của Phạm Ngũ Lão, bài Lữ đao thương của Trần Quốc Toản v.v...

Các bài biểu này với trình độ kỹ thuật rất cao, uy mãnh lạ thường, tốc độ nhanh như rồng bay phượng múa, được nhiều người ca ngợi. Võ sư Nguyễn Đức Mộc – Chủ tịch Liên đoàn võ Việt Nam tại Pháp, trong một lần về thăm Bình Định và chùa Long Phước đã nói: võ cổ truyền Bình Định và nhất là võ phái ở chùa còn mang đậm màu sắc dân tộc, ít pha trộn. Sư thầy Hạnh Hòa cho biết, chùa còn đang lưu giữ một số tư liệu võ nghệ rút từ pho binh thư “*Lục tướng Tăng vương, phổ minh chiêu pháp*” do tổ Hư Minh sáng lập từ mấy trăm năm trước (?). Tài liệu bằng chữ Hán viết tay. Thứ hai là tập: “*Tây Sơn bí kiếp*” gồm hai quyển là:

- *Tây Sơn liệt oanh chi binh pháp*

- *Phổ đại Nam triều chi tướng thao.*

Do Nguyễn Trung Như một quan thời Tây Sơn soạn thảo và hoàn thành vào ngày 20 tháng 12 năm Kỷ Mùi (1799) lúc ông 52 tuổi.

I- ẤP TÂY SƠN

Nói đến võ nghệ thời Tây Sơn, không thể bỏ qua một địa danh ra đời “*Miền đất võ*”, là nơi sinh sống của gia đình Họ Hồ (sau đời thành họ Nguyễn) là căn cứ cách mạng của Nghĩa quân Tây Sơn. Ấp Tây Sơn gồm Tây Sơn thượng đạo và Tây Sơn hạ đạo. Sau này dân quen gọi là Tây Sơn (Thượng Hạ) bỏ chữ đạo.

1. Tây Sơn Thượng Đạo

Tây Sơn thượng là vùng đất thuộc huyện An Khê, tỉnh Gia Lai ngày nay, là vùng núi non hiểm trở, lưng dựa vào dãy núi Trường Sơn hùng vĩ. Cây cối um tùm, rừng núi trùng điệp, có nhiều loại gỗ quý, nhiều đặc sản lâm sản như: măng le, trầm hương... và nhiều thú rừng hoang dã. Người dân sống ở đây đa số là người dân tộc như: Bana, ÊĐê, Chăm, Giarai v.v... Họ xây dựng buôn làng tạm bợ, khai phá núi rừng để làm nương làm rẫy, trồng lúa ngô. Nương rẫy làm được một vài lần thì bỏ đi khai phá nơi khác. Do đó buôn làng cũng đi theo. Sản xuất thu hoạch không được bao nhiêu, lại bị nạn thú dữ tàn phá và kẻ xấu cướp bóc. Đời sống quanh năm suốt tháng kham khổ đói kém thường bám theo họ. Do điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, phải luôn đề phòng kẻ xấu và thú dữ, cho nên người dân ai ai cũng có một số đồn thế võ để phòng thủ mà nhất là già làng. Trưởng tộc võ nghệ lại càng giỏi.

Ở đất An Khê có nhiều gò cao gồm: Hòn ông Bình cao 814m, nhưng trông rất hùng vĩ và có vẻ bí hiểm. Hòn ông Nhạc cũng có núi non hiểm trở, rất nhiều lợi thế về quân sự. Vốn là trại lính của quân Tây Sơn với nhiều vùng đất bằng phẳng rộng mênh mông, làm địa thế tập luyện quân đội rất thuận lợi.

Từ khi Tây Sơn Thượng đạo trở thành căn cứ cách mạng của nghĩa quân Tây Sơn càng trở nên sầm uất, sôi động hẳn lên. Người bốn phương tụ tập về đây ngày càng đông. Họ là những anh hùng hảo hán. Tức giận bọn

quan tham, đến đây để tham gia phong trào Tây Sơn.

Những bậc hiền nhân, căn ghét với triều đình thối nát, mang cả gia đình vào Tây Sơn lập nghiệp làm ăn sinh sống gồm gia đình ông giáo Trương Văn Hiến vào An Thái mở trường dạy học (cả văn lẫn võ). Trong đó có ba anh em Tây Sơn. Như võ tướng Đinh Văn Nhưng quê ở Ninh Bình vào sinh sống tại Bằng Châu – Đập Đá cũng mở trường dạy võ. Như đại tướng Ngô Mạnh ông nội của Ngô Văn Sở bỏ quê vào Tây Sơn, trú tại nhà bà Bùi Thị Xuân.

Nhiều võ sư nổi tiếng như: Trần Quang Diệu, Nguyễn Văn Thuyết... Có người trước đây có một lai lịch bất hảo như: trộm cướp, ngang tàng coi trời bằng vung, trên đời không sợ một ai, đều tự nguyện đứng trong hàng ngũ quân Tây Sơn và nhiều võ sư rất giỏi võ nghệ ở tứ phương cũng quy tụ về đây.

Đội quân đa sắc tộc này đến ấp Tây Sơn, người ngày càng đông, họ vừa rèn luyện binh đao, vừa khai sơn phá thạch, xây dựng nương rẫy để trồng ngô sắn, xây dựng nhiều cánh đồng ở vùng đất bằng phẳng để làm ruộng trồng lúa để làm ra thóc gạo. Ngoài săn bắn thú rừng để làm thực phẩm, họ còn nuôi heo, gà, trâu, bò và trồng rau xanh để có cái ăn.

Ở Tây Sơn Thượng còn có nhiều buôn làng của người dân tộc như Bana, H'rê, Chăm. Đời sống còn lắm gian nan khó khăn, nhưng họ vẫn sẵn sàng chung sống với quân Tây Sơn. Họ còn giúp đỡ nhường đất rẫy, đồi nương để quân Tây Sơn sản xuất.

2. Tây Sơn Hạ đạo

Tây Sơn Hạ là rừng bán sơn địa, có dãy núi ngang chỉ cao 364m nhưng dài và rộng từ An Khê trở xuống đến thôn Kiên Mỹ huyện Tây Sơn ngày nay. Đứng trên đỉnh đèo An Khê nhìn xuống thì thấy có một số gò đồi, đồng rộng mênh mông, có dòng sông Kôn chảy uốn quanh ở giữa, chia đôi dòng sông thành hai bên (tả – hữu); men theo hai bờ sông là những nương dâu, bãi ngô xanh tốt.

Dân sống ở đây đa phần là người Kinh, đời sống tương đối khá, do thiên nhiên ưu đãi, mưa thuận gió hòa được mùa liên tục. Lại có một số

nghề phụ như: Nuôi tằm ươm tơ làm ra vải lụa, tơ tằm, làm nón, dệt chiếu...

Nếu Tây Sơn Thượng là miền sơn cước, với núi rừng hiểm trở, đời sống khó khăn, quanh năm chỉ nhờ vào lâm thổ sản. Còn ở Tây Sơn Hạ là vùng bình nguyên, dồi dào lúa gạo, sắn, ngô đậu và có nhiều nghề phụ như: ươm tơ dệt vải, dệt chiếu, làm nón v.v... Cho nên đời sống của người dân tương đối khấm khá.

Ấp Tây Sơn gồm Tây Thượng, Tây Sơn Hạ. Giữa núi rừng An Khê mà việc giao lưu giữa người Kinh và người dân tộc càng phát triển. Bên cạnh giao lưu kinh tế cũng được tăng cường. Những sản phẩm lâm thổ sản mang về xuôi để lấy gạo, mắm cá, dụng cụ đồ sắt như: Cuốc, xẻng, búa, rìu... Do đó nhân dân hai vùng có câu ca dao như:

Ai về nhẩn với nậu nguồn

Mãng le gỏi xuống, cá chuồn gỏi lên.

Việc giao lưu võ nghệ cũng lên xuống thường xuyên. Nhiều quân Tây Sơn xuống học võ thầy giáo Hiến, Nhưng, học đã thành đạt lên tham gia quân Tây Sơn. Chính nơi đây là mảnh đất hùng vĩ, thiên nhiên đã ưu đãi cho nghĩa quân Tây Sơn.

Di tích của Tây Sơn Thượng đạo là gò đầu, nơi Tây Sơn luyện tập quân sự và võ và cũng là tiền đồn bảo vệ khu căn cứ.

Từ một đội quân gồm nhiều thành phần, dân nhiều địa phương quy tụ về đây. Trong đó mang theo nhiều trường phái võ nghệ khác nhau. Người dân bản địa sống lâu đời ở đây. Họ luôn bảo vệ quyền lợi và sắc tộc. Trong đội quân đông đảo ấy thường xuyên sinh ra mâu thuẫn, cãi lộn, gây gổ không ai chịu ai xảy ra hằng ngày, không ổn an ninh trật tự. Nếu không có sự điều hành tài ba của Nguyễn Huệ, thì tình hình khu căn cứ mới ổn định được.

II- THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP VÕ NGHỆ NHÀ TÂY SƠN

Họ Nguyễn Tây Sơn vốn là họ Hồ (Triều đại Hồ Quý Ly) ở làng Hưng Cái huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, ở dưới chân hòn Thái Sơn vì chán ghét triều đình bỏ vào Bình Định làm ăn sinh sống.

Nơi định cư đầu tiên của họ Hồ là thôn Cửu An và thôn An Khê nay

thuộc xã Cửu An và xã Phú An, huyện An Khê tỉnh Gia Lai (Tây Sơn Thượng). Cũng là nơi Nguyễn Nhạc thiết lập đồn trại đầu tiên của quân Tây Sơn.

Nơi ở thứ hai của họ Hồ là làng Phú Lạc, ấp Kiều Thành, Tổng Phú Phong (Nay là thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, Huyện Tây Sơn). Hồ Phi Tiễn là ông nội của ba anh em Tây Sơn, buôn bán trâu ở ấp Tây Sơn, vùng Tây Sơn Hạ (thôn Phú Lạc). Hồ Phi Phúc cũng lấy vợ ở vùng này là Nguyễn Thị Huệ và cư ngụ tại quê vợ, quê mẹ. Là tục lệ phổ biến của người Bình xưa. Cho đến nay ở Phú Lạc vẫn còn di tích (Gò Găng), là nền nhà và vườn ở của gia đình ông bà Hồ Phi Phúc. Tiếp tục nghề buôn trâu tại thôn Kiên Mỹ, ở dưới thôn Phú Lạc. Chợ này sát bến bờ sông đò đậu ở chỗ người buôn bán. Gọi là bến Trường Trầu bên bờ sông Côn. Kiên Mỹ là nơi sinh trưởng của ba anh em Tây Sơn.

Nhà của ba anh em Tây Sơn ở cạnh bến Trường Trầu, trước nhà có một sân rộng để luyện võ nghệ. Nguyễn Phi Phúc là một phú thương có uy tín nhất trong vùng. Sau này chỉ có Nguyễn Nhạc tiếp tục nghề buôn trâu.

Ba anh em Tây Sơn cùng sinh ra và lớn lên trên ấp Tây Sơn. Ấp Tây Sơn mà tổ tiên nhà Nguyễn Huệ góp phần khai phá là một miền đất núi rừng hiểm trở, nhưng lại có nhiều lâm sản quý, lại là một trung tâm giao dịch giữa miền núi và đồng bằng. Phía hữu ngạn sông Kôn là dãy núi Tây Sơn nối tiếp với Trường Sơn trùng điệp chạy mãi về hướng tây. Ba anh em Tây Sơn lớn lên trong cảnh phồn thịnh của gia đình về miền đất mới được khai phá mở mang. Theo sử chép thì ba anh em: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ theo học thầy giáo Hiến cả văn lẫn võ. Thầy giáo Hiến vốn là môn khách của Nội hữu Trương Văn Hạnh đã bị quyền thần Trương Phúc Loan giết hại nên bất bình bỏ về vùng Tây Sơn dạy học. Ngoài vốn văn võ của thầy giáo Hiến cái chí tang bồng và nổi bất bình vì xã hội thối nát. Cũng từ sự giáo huấn đầu tiên của thầy giáo Hiến. Đầu tiên trong đời nhen nhóm lên trong đầu của ba chàng trai mà sau này làm thay đổi cả một khoảng trời để xây dựng một vương triều hùng cường.

Về võ, Nguyễn Huệ còn tìm xuống Bằng Châu (thuộc xã Đập Đá huyện An Nhơn) để học võ của ông Chưởng – tên thật là Đinh Văn Nhưng, một người có tinh thần yêu nước, có thân hình tráng kiện và võ nghệ cao

cường nhưng ngang ngạnh vào bậc nhất trên đời.

VÕ TÂY SƠN – BÌNH ĐỊNH

Qua một thời gian dạy võ, giáo Hiến phát hiện tài năng của ba anh em Tây Sơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ mà nhất là Nguyễn Huệ, nên hết lòng dạy cả văn lẫn võ. Ông nói: Các con là người Tây Sơn, Tây Sơn khởi nghĩa sẽ làm nên sự nghiệp lớn ở Bắc Hà. Hằng ngày được học với thầy giáo Hiến, anh em nhà Tây Sơn tiếp thu tư tưởng chống đối triều đình, lại được thúc giục bởi các câu sấm đầy kích lệ *“Tây Sơn nghĩa Bắc thu công”*. Thầy giáo Hiến còn nói cụ thể hơn là *“Các anh là người Tây Sơn, hãy cố lên. Dựng cờ khởi nghĩa đi!”*.

Ba anh em Tây Sơn bắt đầu nuôi chí lớn từ đây.

III. BA ANH EM TÂY SƠN



Ba anh em nhà Tây Sơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ.

1. Nguyễn Nhạc

Nguyễn Nhạc sinh năm (? – 1793) tại Kiên Mỹ ở thôn Phú Lạc. Lớn lên Nguyễn Nhạc ở lại quê nhà, còn hai em (Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ) giúp gia đình buôn bán trâu với người “*thượng*”, để chờ thời cơ chiêu tập nghĩa binh để dựng cờ khởi nghĩa.

Theo nghiệp cha làm nghề bán trâu và nhiều hàng hóa khác. Giao lưu buôn bán được mở rộng. Có khi Nguyễn Nhạc sử dụng cả đoàn ngựa thồ chở hàng hóa đến Quy Nhơn, nước mặn, gò bồi đưa hàng từ miền núi về miền xuôi. Việc mua bán ngày càng phát đạt. Nguyễn Nhạc không những là một nhà buôn giàu kinh nghiệm, giàu tiền bạc, từng là nhà phú thương mạnh nhất vùng mà còn là một võ sư nổi tiếng, lại nổi tiếng hào hoa phong nhã nên uy thế càng gấp bội. Những tay “*anh chị*”, những người khá giả ở các nơi, đều thích giao du với ông ta. Người đương thời thường kêu Nguyễn Nhạc là ông Hai Trâu.

Biết rõ lòng người chán ghét cuộc nội chiến dài triền miên của hai họ Trịnh – Nguyễn, oán giận chế độ bất lương của Trương Phúc Loan và mong muốn có một sự thay đổi về chế độ. Nguyễn Nhạc mang trọn số tiền bạc của gia đình lên ấp Tây Sơn (Tây Sơn Thượng), cùng hai em xây dựng khu căn cứ nghĩa quân Tây Sơn, chờ thời cơ thực hiện chí lớn. Vào năm Tân Mão (1771) Nguyễn Nhạc thiết lập đồn trại đầu tiên của quân Tây Sơn là thôn An Cựu và thôn An Khê, nay thuộc xã Cửu An và xã Phú An huyện An Khê, tỉnh Gia Lai. Nguyễn Nhạc vừa xây dựng khu căn cứ về mọi mặt, vừa khai phá núi rừng, vừa khai hoang phục hóa, mở rộng loại hình sản xuất để làm ra thóc gạo, khoai sắn... để đủ nuôi quân đội ngày một đông ở khu căn cứ, vừa tích trữ quân lương, kho cung ứng hậu cần cho nghĩa quân, vừa đẩy mạnh giao lưu buôn bán trong vùng và mở rộng, dùng ghe bầu chở hàng hóa ra Hội An – Quảng Nam, để đổi lấy thực phẩm, mang về để nuôi quân đội, Nguyễn Nhạc thường lui tới ở các buôn làng người *thượng* để mua bán trao đổi hàng hóa và vận động tham gia đóng góp cho nghĩa quân về người và của. Ba anh em Tây Sơn bạn bè ngày một đông, ai cũng quý mến họ. Người dân thường gọi tên thân mật của ba anh em là: Nguyễn Nhạc là ông Hai Trâu, Nguyễn Huệ là chú Ba Bình hay Ba Thơm (kiên chữ Huệ), vì vợ của Nguyễn Nhạc là Trần Thị Huệ). Gọi Nguyễn Lữ là Thầy Tư Lữ (vì

có một thời đi tu). Nhiều người đến xin gia nhập hàng ngũ nghĩa quân, và hợp tác lực lượng để chống đối kẻ thù.

Thấy ba anh em Tây Sơn một lòng một dạ chăm lo xây dựng và mở rộng khu căn cứ, xây dựng quân đội ngày càng đông càng mạnh chờ ngày dấy binh khởi nghĩa tiêu diệt quân thù. Là những trang tuấn tú, võ nghệ cao cường, nên đã quy tụ các bậc anh hùng hào kiệt, sĩ phu yêu nước, những võ tướng tài ba và nhân dân đồng lòng theo Nhà Tây Sơn chinh Nam dẹp Bắc, tiêu diệt thù trong giặc ngoài và làm nên chiến thắng vang động đất trời, mà nhất là trận thắng mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789) tiêu diệt 29 vạn quân Thanh, thống nhất đất nước.

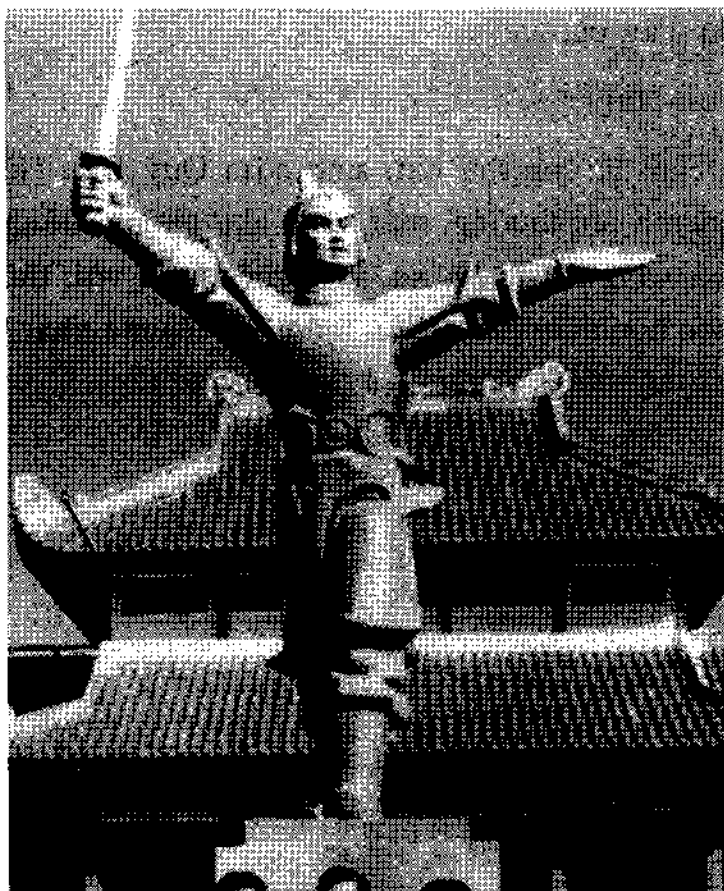
Nguyễn Nhạc một nhà tổ chức quản lý giỏi, ông phụ trách hành chính về cách tổ chức. Điều hành việc sản xuất và các tổ chức bộ máy hành chính khu căn cứ, có cấp trên cấp dưới, với chức năng nhiệm vụ được quy định rõ ràng, kỷ luật nghiêm minh. Ông giao việc đào luyện quân binh tướng sĩ cho Nguyễn Huệ. Nguyễn Lữ với nhiệm vụ đi tuyển mộ quân sĩ và giúp ông điều hành khu căn cứ.

2. Nguyễn Huệ

Nguyễn Huệ là con thứ hai, sinh năm Quý Dậu (1753). Người cao to tuấn tú, sức mạnh phi thường, mắt sáng như gương, tiếng nói lạnh lạnh như chuông có âm vang rất to và xa, võ nghệ tuyệt vời, thông minh và quyết đoán. Ông theo học thầy giáo Hiến (văn lẫn võ) mà nhất là võ. Học võ Đinh Văn Nhưng và một thầy người Tàu (không biết tên). Ở khu căn cứ ông đảm nhận nhiệm vụ huấn luyện quân đội về quân sự và võ nghệ. Lãnh ấn tiên phong đi đánh trong Nam (Gia Định, Rạch Gầm, Xoài Mút). Chinh Bắc diệt Trịnh phò Lê.

Trước tiên phải khẳng định với nhau rằng: Nguyễn Huệ là con đẻ của phong trào Tây Sơn. Nếu không có sự đóng góp của nhân dân vùng Tây Sơn, Quy Nhơn, Quảng Nghĩa và nông dân cả nước nổi dậy thành phong trào nông dân khởi nghĩa rộng lớn ở cuối thế kỷ XVII, thì không thể có được một nhân vật. Nguyễn Huệ xuất hiện trong lịch sử một cách chói sáng như thế, không có phong trào nông dân Tây Sơn với sự tham gia nhiệt tình của đông đảo quần chúng, thì Nguyễn Huệ không thể phát triển và thi thố

thiên tài quân sự vô song của mình. Tự nhận thức mình là người con của nông dân Tây Sơn, nên trong lên ngôi của Nguyễn Huệ có đoạn ghi rằng: *“Trẫm là người áo vải ở Tây Sơn, không có một tấc đất, vốn không có ý định làm vua, chỉ vì lòng người chán ngán đời loạn, vì vậy trẫm tập hợp nghĩa binh, mặc áo tôi đi xe cổ để mở mang núi rừng, giúp đỡ Hoàng đại huynh (chỉ Nguyễn Nhạc) dong ruổi việc nhưng mà gây dựng nước ở Tây Thổ, vỗ yên các nước Xiêm La, Cao Miên, đánh đuổi quân Trịnh lấy Phú Xuân, tiến ra Thăng Long quét sạch quân Thanh, cố gắng dẹp xong loạn lạc, cứu dân thoát khỏi cảnh lâm than trong vòng nước sôi lửa bỏng, rồi sau trả nước lại cho họ Lê, trả đất về cho Đại Huynh, trẫm sẽ ngao du vài nơi làm vui khuây khỏa tâm thần mà thôi...”*. Vị anh hùng áo vải là vậy đó. Không tham quyền cố vị mà chỉ một lòng trung với nước, đem tài lực của mình đổi lại cảnh yên bình cho trăm họ, chứ không vì một nghiệp đế vương đã chủ định từ đầu cuộc khởi nghĩa.



Nguyễn Huệ

Trở lại thời điểm đầu tiên của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, khi ba anh em họ Nguyễn danh là Tây Sơn tam kiệt, thu phục nhân tâm khắp quanh vùng, kết giao anh hùng hào kiệt khắp bốn phương, tích trữ quân lương, quy tập lực lượng và lập nên nhiều kỳ tích để lòng người quy thuận. Trong kho truyền thuyết dân gian ở Tây Sơn kể rằng: Nguyễn Nhạc sau khi lấy được kiếm báu trên núi, rồi có thần hiện ra nói với dân quanh vùng về vai trò của ông, sau đó lấy con gái của vị chúa Xê Đăng rồi lập nên vương triều. Nguyễn Huệ lúc bấy giờ còn nhỏ nhưng đã thể hiện nhiều mưu trí thu phục lòng dân. Nguyễn Lữ thì đi tu, am hiểu binh văn đạo lý, tính tình nhân từ hiền hậu. Trong khung cảnh Trịnh – Nguyễn phân tranh, binh lửa triền miên, nhân dân đói khổ, mùa màng thất bát, bọn giặc cướp bóc hoành hành, lòng dân ly tán. Đúng vào thời điểm nguy hiểm đó. Lá cờ khởi nghĩa của ba anh em Tây Sơn dựng lên, đã khơi dậy lòng muôn dân đứng lên đánh giặc cứu nước.

Năm (1773) khoảng đầu tháng tư, quân đội “*Đằng Trong*” bắt đầu tuần hành các nơi, ban ngày họ xuống chợ, kẻ đeo gươm, người mang cung tên, lại có người mang súng. Họ không hề làm thiệt hại người và của của dân, trái lại họ muốn tỏ ra muốn bình đẳng giữa mọi người “*Đằng Trong*”. Họ vào nhà giàu, nếu đem ít nhiều tiền của thì họ không gây tổn hại gì, nhưng nếu chống cự lại thì họ cướp đi những tài sản quý giá rồi đem chia cho người nghèo. Họ chỉ giữ lại lương thực. Người dân gọi họ là bọn cướp nhân từ và có lòng thương người nghèo khổ.

Chính đường lối vận động cách mạng và những khẩu hiệu đấu tranh đã đoàn kết và tập hợp mọi lực lượng xung quanh cờ khởi nghĩa của anh em nhà Tây Sơn.

Giáo sư E Castuera viết về cuộc khởi nghĩa Tây Sơn (11/1785) sau đó Lorenzo Péres tóm tắt lại trong Quyển sách “*Les capagnoles dane L’Enfurex d’Annam...*” như sau: “... *Quân Tây Sơn cướp của cải của bọn quan lại và nhà giàu rồi đem phân phát cho dân nghèo. Những làng xóm bị thuế má hà khắc đè nặng đã vùng lên tham gia và hưởng ứng phong trào khởi nghĩa Tây Sơn...*”.

Ngay từ ngày đầu ấy. Trong hàng ngũ nghĩa quân đã có mặt hầu hết

các tầng lớp nhân dân và các thành phần dân tộc vùng Quy Nhơn, Quảng Nghĩa, Quảng Nam... Bên cạnh lực lượng dân binh đó là những nhân vật rất có thể lực đã đến với phong trào Tây Sơn, những thổ hào như Nguyễn Thung, những đại phú như Huyền Khê. Trong thành phần của nghĩa quân còn có những người dân tộc anh em như Bana, Xê Đăng, Giarai, người Chăm và người Hán... hai cánh quân của Lý Tài và Tập Đình vốn là các đạo quân Nghĩa Hòa Đoàn và Trung Nghĩa Đoàn tránh giặc bên Tàu chạy dạt sang, rồi các thương nhân người Hoa cũng không phải là ít. Một cuộc khởi nghĩa nông dân trong thời phong kiến, mà tập hợp được nhiều thành phần như vậy là một điều kỳ lạ hiếm có. Ước tính quân số của Tây Sơn vào ngày đầu khởi nghĩa có ngay khoảng 3.000 người, có cả voi chiến và ngựa chiến. Những người lính tiên phong đó là những chiến binh thiện chiến và dũng cảm. Hầu hết trong số người đó đều tinh thông võ nghệ. Để thực hiện chính sách đoàn kết, nghĩa quân Tây Sơn cử ra ba người tiêu biểu nhất đứng ra lãnh đạo. Nguyễn Nhạc làm Chủ trại nhất, đại diện cho những người đề xướng phong trào, cầm quyền hai huyện lỵ Phù Ly và Bồng Sơn. Nguyễn Thung làm chủ trại thứ hai, nắm huyện Tuy Viễn. Nguyễn Khuê làm chủ trại thứ ba phụ trách quân lương hậu cần. Lúc này Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ chưa xuất hiện. Một phần còn nhỏ, nhưng đó lại cũng là một điều hay, bởi khi Nguyễn Huệ nổi lên thì cũng vừa cho tan một ban lãnh đạo không đủ tài năng. Khoảng giữa tháng 9/1773 nghĩa quân Tây Sơn hạ thành Quy Nhơn, như kéo vào chốn không người. Trong vòng có mấy tháng quân Tây Sơn đã làm chủ cả một vùng đất đai rộng lớn, kéo dài từ Quảng Nghĩa vào tận Bình Thuận. Có lẽ trong lúc quân Tây Sơn bị quân “Nguyễn” do Tổng Phúc Hiệp cầm đại quân từ Gia Định kéo ra, đồn quân Tây Sơn trở lại phần đất mới chiếm được là Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Khang và Phú Yên. Cũng trong thời này, quân “Trịnh” do tướng Hoàng Ngũ Phúc vượt sông Gianh tiến vào ép nghĩa quân Tây Sơn lùi lại địa phận Quảng Ngãi, thì lúc đó, Nguyễn Huệ mới đứng lên gánh vác vận mệnh chỉ huy phong trào nghĩa quân để chống lại quân Trịnh và Nguyễn. Từ năm 1771 – 1775, chưa thấy tài liệu nào nói về hoạt động quân sự của Nguyễn Huệ. Nhưng chính vào lúc hiểm nghèo nhất của nghĩa quân, vị cứu tinh lúc đó mới 23 tuổi xuất hiện. Trong một cuộc chiến đấu ngắn ngủi đánh vào thành Phú Yên, với

đạo quân do mình huấn luyện đã đánh tan cả một cánh quân lớn của nhà Nguyễn. Tướng nhà Nguyễn là Lê Văn Hiến tử trận, cai cơ Nguyễn Khoa Khiên bị bắt sống, Tổng Phúc Hiệp chạy vất chân lên cỏ. Tướng Bùi Công Kế đem quân ra cứu viện cũng bị bắt. Tướng Tống Văn Khôi từ Khánh Hòa kéo ra, liền bị quân của Nguyễn Huệ chặn đánh tan tành ở Tam Độc và giết chết tướng Khôi tại trận.

Ngay trận đầu, Nguyễn Huệ đã chỉ huy thiên tài, đập tan ba cánh quân Nguyễn. Hai vạn quân của Tống Phúc Hiệp, bắt sống và chém đầu 4 tướng giặc. Kể từ đó Nguyễn Huệ đi đến đâu là quân giặc tan đến đó. Lối tấn công thần tốc và những đội quân thiện chiến quả cảm làm cho quân giặc sợ thất điên bát đảo. Quân nhà Tây Sơn càng đánh càng lớn mạnh. Từ chiến thắng Phú Yên, cho đến khi Nguyễn Huệ qua đời, gần 20 năm ròng rã, ông là linh hồn của phong trào Tây Sơn. Ông đi đến đâu là chiến thắng đến đó. Lát cờ của nghĩa quân càng phất cao, kẻ giặc càng khiếp sợ. Nhưng còn một vấn đề quan trọng là sự ra đời của nền võ học Tây Sơn mà Nguyễn Huệ là người sáng lập. Ông cùng các tướng lĩnh đã đào luyện cho quân sĩ ngoài nắm vững kỹ thuật chiến đấu và tinh thông võ nghệ, biết sử dụng tốt các loại binh khí quân sự và võ nghệ. Ông chú tâm giáo dục tinh thần quyết tử, chiến đấu gan dạ ngoan cường, xây dựng một đội quân hùng mạnh. Khi Nguyễn Nhạc cầm quân mới chỉ thấy một vài vị tướng nhà giàu, Hoa kiều, hoặc chỉ một vài vị tướng nói trên chỉ huy các toán quân nhỏ, chưa có tên tuổi. Kể từ khi sau trận hạ thành Phú Yên, bằng con mắt thiên tài, Nguyễn Huệ đã tập hợp một khối lượng tướng lĩnh tài ba, võ nghệ xuất chúng bên cạnh mình. Trong số đó có:

Đại tướng : Võ Văn Dũng

Đô đốc: - Bùi Thị Xuân
 - Trần Quang Diệu
 - Nguyễn Văn Tuyết
 - Long, Bảo và Đông...

Sau này có bổ sung các nhà võ tướng Bắc Hà vào như: Đại tư đồ Ngô Văn Sở, tướng Phạm Văn Lân...

Các võ tướng đó xuất thân từ các “*Thế gia phong tộc*”, bản lĩnh võ học uyên thâm, dũng mãnh hơn người. Tương truyền khi vừa tụ nghĩa, có một người Hoa kiều thuộc loại Đại danh gia võ học, vốn nằm trong một tổ chức phản Thanh phục Minh của Thiên Địa Hội ở Trung Quốc bị truy nã phải lánh sang Việt Nam. Ông mang một thanh long đao rất cổ đến để dâng cho Nguyễn Huệ. Bản đao to lớn lạ thường. Người Hoa kiều nói rằng: Đây là thanh đao của Quan Văn Trường đời Hán. Nguyễn Huệ cầm lên múa thử, thấy hơi nặng, không phù hợp với người Việt Nam. Ông cho quân mang đến xóm lò rèn Hưng Nguyên (thuộc ấp Tây Sơn), tập trung các tay thợ giỏi rèn suốt ba ngày cho nhỏ lại. Sau khi rèn lại thanh đao nhỏ lại có màu đen nhánh, nên người ta thường gọi là Ô Long đao. Nguyễn Huệ rất thích cây đao này và luôn mang theo bên người khi ra trận. Nguyễn Huệ còn giỏi thương và kiếm, cho nên có lúc ông giao cây đao này cho Trần Quang Diệu sử dụng. Khi ông giữ chức Tổng chỉ huy quân đội ông sử dụng kiếm lệnh, nhưng có lúc vẫn mang theo bảo đao bên người.

Nguyễn Nhạc lấy được kiếm thần trên núi, nhưng không có chuôi, đến một hôm giết gà làm lễ tế thần thì trong bụng có chuôi kiếm nằm trong đó. Nguyễn Nhạc rất mừng, xem đây là của trời ban lộc, rồi sai quân đem chuôi tra vào kiếm. Thanh kiếm bóng loáng, sắc bén lạ thường. Cầm thanh kiếm múa một hồi, đường nét như rồng bay phượng múa, Nguyễn Nhạc vui mừng khôn xiết, từ đây về sau luôn luôn mang bên người.

Nguyễn Lữ lúc trẻ đi tu, nên người ta thường gọi là Thầy Tư Lữ. Ông giao du rất rộng, gặp gỡ nhiều nhà sư trong nước. Mà đã là nhà sư thì người nào cũng tinh thông võ nghệ (kể cả sư Ấn Độ và Trung Quốc). Họ thường xuyên trao đổi võ công. Cho nên Nguyễn Lữ rất giỏi về quyền (nhất là nhu quyền). Qua nhiều năm nghiên cứu, qua xem nhiều lần đá gà, ông đã sáng tạo biên soạn ra bài Hùng Kê Quyền.

Vùng đất Tây Sơn cũ vốn là nơi có truyền thống võ nghệ, quy được nhiều phái võ đa dạng và phong phú. Không phải dễ dàng gì các môn phái trao đổi học tập lẫn nhau. Dưới ngọn cờ khởi nghĩa, uy danh của Nguyễn Huệ rất lớn, nhân cách của người anh hùng đã cảm hóa được các bậc võ sư cao thủ khắp bốn phương xung quanh mình, mang những tinh hoa ngàn đời của các dòng võ, chung lưng với nhau, mang những chiêu thức hay, thế võ

hiểm, tinh giản hóa, rồi đem dạy cho quân sĩ. Kể các tướng lĩnh trong triều đình, nhất là các quan võ phải thi lần lượt hết trường nhất đến trường nhì, trường ba mà phải lập nên công trạng mới được thăng quan tiến chức. Còn ở giới võ biên bên ngoài thì người đời có câu: “*Văn võ đệ nhất, vô võ đệ nhị*”. Nào có ai chịu ai, khi đã đến một trình độ nào đó, vượt qua những cơ bản công phu bình thường. Võ học Tây Sơn ra đời khi vị tướng trẻ tài ba đứng ra cầm quân vào những năm tháng khó khăn nhất của cuộc khởi nghĩa. Bằng những đạo đức khoa dung, do thiên tử định ngộ mà Nguyễn Huệ đã nhìn thấy những nhân vật chí cốt của phong trào với tầm mắt nhìn xa trông rộng và sớm tham bát tinh thông binh pháp nên lúc dựng cờ khởi nghĩa mới 19 tuổi. Nguyễn Huệ đã chiêu hiền nạp sĩ, và cùng với các bậc danh sư thao luyện quân sĩ, rèn luyện võ nghệ và thao diễn trận đồ chiến sự. Trong trận ra quân đầu tiên đã phá tan hai vạn quân Nguyễn do Tống Phúc Hiệp chỉ huy (tại Phú Yên), tuy là trận đầu ra cầm quân, nhưng đã được các tướng lĩnh, quân sĩ một lòng một dạ ủng hộ, ngay cả việc tướng Hoa kiều là Lý Tài (Sau này Lý Tài phản bội, đầu hàng chúa Nguyễn chống lại nghĩa quân Tây Sơn) cũng chịu làm phó cho Nguyễn Huệ. Đó là trận thao dượt đầu tiên, để rồi mở ra một lịch sử chiến đấu 20 năm tung hoành vào Nam ra Bắc, đánh Đông dẹp Tây, trăm trận trăm thắng, làm nổi danh quân đội Tây Sơn oai hùng và sáng lập nên nền võ học Tây Sơn. Quân tướng chúa Trịnh, chúa Nguyễn khi phải đối đầu với quân Tây Sơn, hoặc khi bị quân Tây Sơn tấn công. Thì từ tướng đến quân đều sợ hãi dùn nhau ra trận, chưa kịp giao chiến thì tướng đã trốn, quân đã chạy, nếu rơi vào tình thế bất buộc không đánh không được, thì họ vừa đánh vừa tìm thế tháo lui, tìm cách chạy trốn. Quân Xiêm khi nghe tiếng quân Tây Sơn, thì hoảng sợ luôn rừng vượt suối mà chạy, vì sợ quân Tây Sơn như sợ cọp. Quân nhà Thanh mang cả đại binh 29 vạn quân, rầm rộ tiến sang xâm lược nước ta. Chúng tưởng nằm chờ quân Tây Sơn đến nộp mạng. Khi bị quân Tây Sơn đánh cho thất kinh bát đảo, chạy tán loạn bỏ cả “*ấn tín*”, mệnh tướng chạy, mệnh quân chạy, mệnh ai nấy chạy, chạy dẫm cả xác chết đồng đội cũng mặc, chạy không còn giáp mã về đến quê cha đất tổ mà vẫn chưa hoàn hồn.

Trong công việc xây dựng quân đội và các bước đào luyện quân sĩ của

Nguyễn Huệ, các nhà nghiên cứu lịch sử thời Tây Sơn đã rút ra mấy nhận định và đặc điểm về nguyên tắc của người anh hùng thiên tài trong nghệ thuật luyện quân và luyện võ. Trước tiên ông rất chú trọng giáo dục tinh thần chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, dám xả thân vì đại nghĩa, lòng tự hào khi được đứng dưới lá cờ cách mạng của nghĩa quân Tây Sơn. Với nguyên tắc: Quân cốt hòa thuận, không cốt đông. Tổ chức biên chế quân đội rất gọn gàng, cơ động, không phân biệt giữa quân cũ và quân mới, để có điều kiện học tập và trao đổi lẫn nhau. Những người lính mới trong các tuyển quân gấp gáp của Nguyễn Huệ hầu như được ghép luôn vào quân đội, luôn bên mình người anh hùng, để ngày đêm được truyền cho nghệ thuật chiến đấu và võ nghệ nhanh nhất. Nguyễn Huệ không có đội quân cấm vệ, ngự lâm hay ngự binh, ưu binh bên mình. Là vì tất cả những người lính của ông dù cũ hay mới đều một lòng một dạ vì đại nghĩa. Chính sự đoàn kết hòa thuận là một đặc điểm nổi bật của quân đội Tây Sơn. Trong các cuộc chinh phạt liên miên dài ngày đầy khó khăn gian khổ, hy sinh mất mát. Chỉ có trên thuận dưới hòa, tuyệt đối tin tưởng vào vị anh hùng thiên tài Nguyễn Huệ, mới có thể mang lại những chiến công vang dội mà mọi kẻ thù phải sợ hãi. Trong các chiến dịch lớn, bằng hành động táo bạo, dũng cảm trong chiến đấu, luôn tiến lên trước trong các hoàn cảnh gay go nguy hiểm, Nguyễn Huệ đã nêu tấm gương sáng cho quân đội của mình. Tinh thần kỷ luật của quân đội Tây Sơn rất cao, cũng là một đặc điểm quan trọng. Đứng về mặt quân sự thì tinh thần kỷ luật đóng một vai trò quyết định mang lại chiến thắng của mỗi trận đánh và quyết định thực hiện tốt chiến thuật quân sự được đề ra. Nhưng nếu đứng về võ học, võ đạo thì tinh thần kỷ luật nằm trong một khía cạnh khác, đó là tầm thức phản ánh con người võ sĩ, có lẽ có đạo là những tinh hoa tích tụ lại của mỗi dòng võ, một hệ phái. Không thể ví những người lính chiến đấu vì một lý tưởng, chủ nghĩa nào đó, với tinh thần chiến đấu của một môn sinh cho dòng võ của mình mà đối lập nhau. Người lính Tây Sơn chiến đấu bằng tất cả các tinh thần đó cộng lại. Quân Nguyễn Huệ là một quân đội bách chiến bách thắng. Khâu quyết định trong khi xung trận chính là ở hiệu quả ở mỗi cá nhân người lính. Bằng những phương pháp huấn luyện nhanh chóng của thiên tài võ học của tất cả những người lính Tây Sơn thời Nguyễn Huệ đều có trình độ võ học và

kỹ thuật sử dụng vũ khí khá cao và huấn luyện chiến thuật vững vàng. Bởi vậy mà quân đội đó vừa có tinh thần chiến đấu cao, có kỷ luật chặt chẽ lại vừa có tài nghệ. Những yếu tố đó khiến quân đội Tây Sơn trở nên gan dạ anh dũng, một địch mười, xả thân vì nghĩa, đánh đâu được đấy như lịch sử đã ghi lại. Cùng một thời điểm lịch sử, giống nhau về trang bị vũ khí nhưng quân của Nguyễn Huệ đã chọc thủng những thành trì phòng tuyến vững chắc mà quân Trịnh – Nguyễn không phá nổi. Về phương tiện di chuyển quân cũng như nhau, nhưng quân Tây Sơn di chuyển thần tốc, cơ động và linh hoạt hơn hẳn đối phương trên mọi địa hình. Vững tin vào thắng lợi và vai trò của mình. Nguyễn Huệ đặt ra những yêu cầu rất cao đối với binh lính và tướng lĩnh thuộc quyền bởi vì ông đánh giá đúng khả năng của quân đội. Vốn xuất thân từ tầng lớp nhân dân lao động, có tâm tư tình cảm, nguyện vọng, lý tưởng và ý chí chiến đấu như quảng đại quần chúng nhân dân lao động. Cho nên Nguyễn Huệ đã tính toán và huy động được hết những khả năng vô tận của nhân tố tinh thần, sức mạnh và nhân tài vật lực của mọi tầng lớp nhân dân lao động vào cuộc chiến đấu chính nghĩa của phong trào Tây Sơn.

Vào thế kỷ XVII và XVIII, việc trang bị vũ khí và phương tiện chiến tranh của quân đội có nhiều cải tiến và thay đổi quan trọng so với các thế kỷ trước. Trong bộ binh bên cạnh các vũ khí thô sơ gồm: Gươm, đao, giáo, mác, cung, nỏ... đã xuất hiện súng trường (loại nòng tròn có tầm bắn xa 100m). Các loại súng hỏa công trên biển, hỏa hổ trên đất đã được thay thế dần bằng các loại súng đại bác. Đó là những nhân tố quyết định đến sự thay đổi phương pháp và hình thức chiến đấu. Vì tốc độ bắn chậm nên súng trường chưa trang bị cho kỵ binh, kỵ binh vẫn dùng vũ khí thô sơ để chặt, phóng và chiếm... Quân Tây Sơn chiến đấu từ tầm xa bằng đại bác rồi đến súng trường, tầm cung nỏ, khi đánh sát lá cà (cận chiến) thì dùng hỏa hổ và khi thật cần thiết mới dùng đến đội nghĩa dũng bạch binh (quân cảm tử). Kinh nghiệm chiến đấu trong nhiều chiến dịch khác nhau, trên những địa hình chiến trường và những kẻ thù khác nhau đã tạo điều kiện cho Nguyễn Huệ không ngừng cải tiến, hoàn chỉnh vũ khí và cách sử dụng tốt nhất cho quân đội Tây Sơn. Đặc biệt là sự phối hợp nhịp nhàng giữa các quân binh chủng. Ngoài binh chủng thay quân phát triển mạnh, Nguyễn Huệ đã xếp

một lực lượng đột kích rất tổng hợp, là dùng tượng binh chuyên chở đại bác, súng đạn nặng và hỏa hổ xung trận phối hợp với kỵ binh và bộ binh. Trong đó bộ binh vẫn là lực lượng chủ yếu để giải quyết các chiến trường.

Các vũ khí của quân đội Tây Sơn sử dụng cũng giống như 18 ban binh khí võ thuật của các quân đội các triều đại phong kiến khác mà tất nhiên là khác ở chỗ sử dụng. Những binh khí đặc dị của quân Tây Sơn mới thật là lợi hại khủng khiếp. Năm Đinh Dậu (1777) Nguyễn Huệ cầm quân tiến vào Gia Định lần thứ nhất đánh tan tác quân chúa Nguyễn. Một số tướng lĩnh kẻ bị giết hại tại trận kẻ tháo chạy như: Tên người Tàu phản động là Lý Tài, hai chúa là Phúc Thuận, Phúc Dương; hai tướng là Trương Phúc Thận, Đỗ Thành Nhân và nhiều tướng lĩnh khác. Trong chiến trận đó, quân Tây Sơn đã sử dụng thứ vũ khí mà sử sách chỉ còn ghi là hỏa hổ, đã làm cho quân Nguyễn sợ hãi kinh hoàng không sao tả xiết. Một giáo sĩ tên là Jean de Jésus viết thư thông báo về giáo hội, tả lại loại vũ khí lợi hại đó là hỏa hổ giống như một cái lao gồm hai bộ phận: Một bộ phận tựa như chiếc gậy ngắn làm bằng gỗ có nhiều gai dài, những gai đó được uốn cong như lưỡi câu (lưỡi câu cá), đoạn gậy này buộc vào một cây sào, phía trên đầu sào trát đầy một thứ nhựa đốt, bên ngoài quấn lá như một cây đuốc. Khi lâm trận, quân Tây Sơn đốt đầu đuốc lên rồi phóng hoặc đâm vào đối phương, nhựa đuốc cháy bắn tung vào mặt và người của đối phương, những dây gậy gai lưỡi câu móc và quần áo, vào người làm bỏng nặng gây nên cảnh bị đâm chết hoặc bị bắt sống. Trong cảnh lửa cháy rực trời, quân Tây Sơn dũng mãnh xông trận với khí thế oai hùng nên không một cánh quân nào địch nổi.

Trong các tài liệu cổ về binh khí có ghi chép thì lao theo tiếng Hán gọi là phiêu. Phiêu là một binh khí cổ mà nhiều nước phương Đông hay dùng. Thường thì lao là một sào tre trên đầu buộc vào một cái vòng để vừa phóng, vừa đâm, vừa giật cho địch ngã. Lao của nhà Tây Sơn nguy hiểm hơn, cả sào và cây gậy buộc trên đầu mũi sào đều làm bằng gỗ rắn, có buộc thêm chùm dây xích hoặc dây thép uốn cong lại như móc câu, sau lại có thêm một lớp nhựa cháy, nên càng nguy hiểm hơn. Loại sào dài có buộc dây ở mũi (thường là sào tre buộc lông đuôi ngựa). Ngoài Bắc thường gọi là “*Thiết lĩnh*”. Ở vùng Tây Sơn có một binh khí có tên là “*Dây câu thiền*”.

Chính là loại lao có buộc gai lưới câu này. Thế kỷ XVIII người Châu Âu sang Việt Nam đều rất khâm phục cách sử dụng loại binh khí này. Còn một số tài liệu ghi chép tên một số vũ khí nữa như: “*Hỏa phun đồng*”, không rõ đó là hỏa hổ này hay một loại binh khí phun lửa nào nữa của Tây Sơn. Trong các trận đánh công thành, quân Tây Sơn thường xếp lại thành từng nhóm 5 – 20 người, khiêng một tấm chắn lớn núp ở dưới để tránh tên đạn địch, rồi áp sát vào chân thành lũy để dựa vào đó rồi vọt lên, dùng đao, kiếm hạ sát địch quân, mở đường cho quân chủ lực vọt lên chiếm thành. Vai trò pháo binh cũng được Nguyễn Huệ đặc biệt ưu tiên phát triển kết hợp chặt chẽ với thủy quân và tượng binh. Các tàu chiến đều có hỏa lực mạnh, trên tàu trang bị nhiều khẩu đại bác, còn chở kỵ, tượng và bộ binh. Khi đại bác nổ vừa dứt thì kỵ binh, tượng binh và bộ binh xuất trận. Quân nào cũng thiện nghệ sử dụng nhiều loại vũ khí như thần.

*

* *

Xem lại trong hệ thống của các bài võ Tây Sơn không có các đòn thế chiêu thức riêng lẻ mà thường theo lời thiệu để thực hiện từng thao tác. Một bài võ gồm 2 phần như: Thiệu (lời), thiệu viết theo thể thơ hay ca dao dân gian có nhịp, phách, có tiết tấu nhanh chậm, có độ dài ngắn khác nhau tùy theo yêu cầu của từng bài. Phần hai là Múa (bài múa) bao gồm nhiều thao tác, tùy theo từng môn mà biên soạn. Kết hợp chặt giữa tấn công và phòng thủ, theo một tốc độ nhịp nhàng giữa nhanh và chậm. Bộ ngựa di chuyển nhẹ nhàng (đi như lá). Bộ tay cấu trúc ngũ hành pháp (Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Do đó cách luyện tập khác hơn các môn võ khác. Khi võ sư đọc lời thiệu thì tất cả các môn sinh đọc theo. Thuộc từng câu thiệu rồi mới tiến hành tập. Múa đến đâu đọc lời thiệu đến đó, thực hiện như thế tạo khí thế hưng phấn tập luyện. Thuộc một đường là sử dụng được một đường. Thuộc một câu thiệu là sử dụng được các thao trong câu. Cứ như thế mà tập đến toàn bài.

Đây là một sáng tạo độc đáo về võ lý trong nền võ đạo của Nguyễn Huệ. Chính ông cũng là người tạo lập nên dòng võ Tây Sơn (Tây Sơn tam kiệt). Đây là cơ sở nền móng cho võ cổ truyền Bình Định ngày nay.

Trong các bài võ Tây Sơn còn lưu truyền lại, ta thấy rõ sự di chuyển toàn bài là liên mạch như: Đánh đỡ, tấn công phòng thủ liên tục đủ cả, nhưng không để dừng lại được khi chưa đi hết bài. Đó cũng là thâm ý của người sáng tạo, khi lâm chiến chỉ có chiến đấu, giải quyết đến cùng để chấm dứt trận đấu. Điều này còn thể hiện trong các tư tưởng chỉ huy của Nguyễn Huệ là đánh tiêu diệt. Đứng về góc độ võ học, nhận xét là trong thập bát ban võ nghệ thì nét độc đáo nhất lợi hại nhất của võ Tây Sơn là 2 môn Quyền và Roi. Những bài thảo bộ (Quyền tay không) và Thảo roi (Quyền binh khí) mà ta vẫn còn thấy là những bài hay. Có tác dụng tốt đến sự tiến bộ của người tập. Song riêng môn này còn có những đường nét riêng được tách ra, trông thì đơn giản, rất ít động tác nhưng có uy lực rất lớn và nguy hiểm vô cùng. Như Bài Hùng Kê Quyền của Nguyễn Lữ hay Bài Roi không tiên của Đô đốc Lộc.

Các võ sư cũng ít người nắm được bí quyết loại hình này mà người xưa thường gọi đó là "*Quyền chiến*", "*Roi chiến*". Đây là bí quyết của hệ thống huấn luyện ngăn ngày của quân Tây Sơn. Những thể thức "*Chiến*" rất ít động tác, nhưng được đúc kết nghiên cứu kỹ càng để khi nhập trận là có kết quả ngay. Chỉ có cái chết mới ngăn người chiến sĩ ngừng lại. Không có gì lạ khi mỗi lần xuất quân, binh sĩ Tây Sơn tiêu diệt cả đoàn quân đối phương từ 10 ngàn đến 30 ngàn cũng vậy. Các võ sư cao niên còn lại ở Bình Định vẫn còn một số nắm được đường nét của Bài Roi và quyền của nhà Tây Sơn như: Hồ Ngạnh Roi "*Thuận truyền*", Quyền An Vinh của cố võ sư Hương Mục Ngạt. Với cây roi, hay cánh tay, võ sĩ có thể đâm thủng hoặc đâm thủng bao cát. Rất khó giải thích nguồn gốc các đường quyền, đường roi này. Để chứng minh theo các yếu tố vật lý khoa học đã ví các đường Quyền – Roi nói trên như: Gàu tát nước, đốn củi hay đốt lò. Trông thì đơn giản nhưng hiệu quả to lớn vô cùng.

Binh khí: Kiếm, đao, thương, cung phổ biến rộng trong quân đội và nhân dân mọi người đều sử dụng thành thạo, từ tướng lĩnh đến dân thường ai ai cũng nắm được một đến hai bài kiếm hay nhiều hơn nữa. Một mình nữ tướng Đô đốc Bùi Thị Xuân tự mình đã tra cứu biên soạn một số bài như:

- *Song phương kiếm*
- *Phong vân kiếm pháp*

- *Tử long môn thân kiếm*

- *Âm dương phương kiếm.*

Nguyễn Huệ cũng tự mình soạn ra một số bài võ để cho mình sử dụng và truyền dạy cho tướng sĩ. Hiện còn lưu giữ được 2 bài là:

- *Tam tinh thần linh kiếm*

- *Nghiêm thương.*

*

*

*

Không phải người lính hay vị tướng nào cũng tinh thông tất cả “18” thấp thập ban võ nghệ, song các cơ, các đội đều có những người giỏi về một hay hai loại binh khí để truyền dạy lại cho đồng đội. Lịch sử còn ghi lại nhiều chiến tích và chiến thắng các trận đánh. Song về võ học còn ít người đi sâu nghiên cứu. Những gì võ nghệ thời Tây Sơn trên đất Bình Định vô cùng khó xác định đâu là thật đâu là giả. Tạm lấy những bài võ hiện còn đang lưu hành. Có bài vẫn có lời thiệu trùng với thảo để nghiên cứu về dòng võ Tây Sơn. Rồi lại chép thiệu của một số võ sư già ở các miền quê xa xôi hẻo lánh, đối chiếu lại với võ Tây Sơn, cũng tìm ra được những bài võ còn phảng phất hương vị hay đích thực của võ Tây Sơn, như bài “*Quyền ngọc trân*” hay Roi “*Thái Sơn*”. Theo các bậc võ sư nổi tiếng mà chúng tôi lần mò tìm ở nhiều làng quê, nhiều vùng núi cao xa hẻo lánh và nhiều địa phương trong toàn tỉnh đã thu thập được một số tư liệu quý bằng chữ Hán Nôm, một số gia phả của một số võ đường và dòng tộc như: Võ đường họ Phan (Phan Thọ), võ đường họ Trương ở Phù Mỹ, gia tộc họ Lý... đã ghi lại một số bài thiệu như: Quyền “*Ngọc Trân*”, hay roi “*Thái Sơn*” hay có một số bài thiệu khác. Nói chung các bài thiệu đó thì cấu trúc khác nhau, lời văn các câu thiệu cơ bản cũng giống nhau, nhưng cũng có một vài từ ngữ khác nhau, nhưng không nhiều, không có ảnh hưởng đến cấu trúc toàn bài. Sau khi đã tra cứu các bài thiệu đó ở Viện Hán Nôm Việt Nam, với tài liệu “*Võ nghệ ngữ quốc cả*” và một số Viện khoa học khác cũng có một số sai lệch nói trên ở các bài thiệu võ nói trên.

Nhất là khi đi thảo lại có nhiều sự khác nhau, nhưng về đại thể thì các bài võ đó giống nhau. Có bài thiếu hoặc dư một số thao, nhưng về lời thiệu

và động tác đại đa số giống nhau cùng chung kết cấu một hệ thống.

Mấy năm gần đây, nhất là sau ngày đất nước được giải phóng đã có một số nhà nghiên cứu võ học đã đi sâu nghiên cứu võ nghệ Tây Sơn đã thu thập và phát hiện một số tư liệu có quan hệ đến võ nghệ của các triều đại phong kiến Việt Nam và võ nghệ nhà Tây Sơn, được ghi chép đầy đủ về võ lý và võ thuật trong nền võ học như: Quyển sách *“Lục tướng tần vương phổ minh chiến pháp”* nói về các bài võ của các vương triều: Đinh, Lý, Lê, Trần (Các bài này đã đề cập ở phần trên). *“Tây Sơn liệt oanh chi binh pháp”* hay còn gọi *“Tây Sơn bí kiếp”* nội dung ghi lại các bài võ của các danh tướng thời Tây Sơn. Mà trong tập tài liệu này đề cập đến võ nghệ cao cường, đã thu phục nhiều võ tướng tài ba, mà trước đây là thành phần bất trị, du thủ, du thực, trộm cướp...

Trong quá trình đào luyện binh sĩ, ông rút tỉa những đòn thế võ hay, tính sát phạt cao, dựa vào võ lý của bài *“Hùng Kê quyền”* và nhiều lần trao đổi với nhiều võ tướng kề cận mà soạn ra một số bài võ để mình sử dụng và huấn luyện quân đội. Trong đó bài *“Nghiem thương”* ra đời.

Phỏng theo câu chuyện:

*“Tây Khê thảo thụ lưu kì tích
Nam quốc sơn hà ký vũ công”*

Tạm dịch:

*“Non Tây cỏ mọc cây còn giấu
Đại Việt còn gìn phép dụng binh”*

Theo Ban nghiên cứu văn học sử tỉnh Bình Định dịch là:

*Núi non, cỏ cây phía Tây còn giữ nhiều sự tích
Non sông đất nước Việt Nam còn ghi võ chiến công.*

Hồi ấy tại quê nhà, Nguyễn Huệ thường đi hầu chuyện với các nhà học giả uyên thâm. Trong số đó có người còn đang giữ chức hào trưởng, lý hương, có người đã nghỉ việc về sống ẩn dật nơi thôn giả. Tất cả mọi người đều ca ngợi, đồng lòng với nghĩa cử yêu nước, đều khuyên Nguyễn Huệ rằng: Tổ tiên ta suốt mấy triều đại thịnh vượng, nhưng từ khi Lê Trung Hưng trở lại đây, đất nước không một phút yên vui, người dân đã khốn khổ

lại càng khốn khổ hơn. Vua thì yếu hèn, chăm lo yến tiệc, cung tần mỹ nữ hơn là lo việc điều hành đất nước, mọi quyền bính trong triều, quyền sinh quyền sát nằm trọn trong tay chúa Trịnh. Các quan trấn thủ tham tàn, tranh giành quyền lực lẫn nhau, bỏ mặc cho người dân đói khổ, ca thán, oán hờn. Lòng dân trông đợi có người anh hùng đứng lên giết giặc, cứu dân cứu nước. Ba anh em Tây Sơn là người có chí lớn, chẳng lẽ ngồi nhìn cảnh non sông chìm đắm mãi hay sao? Nguyễn Huệ chăm chú lắng nghe, mà chẳng dám thưa là sự chuẩn bị mọi mặt chưa đầy đủ, mà nhất là “*Thời cơ*” lại chưa đến! Nguyễn Huệ đem tâm sự lại với các dũng tướng của mình, ai ai cũng động lòng, tích cực mài gươm giáo, mong sao ngày khởi nghĩa dựng cờ đến gần.

Một hôm trên đường đi về nhà, giữa đường Nguyễn Huệ gặp một ông lão, đầu tóc bạc phơ, dáng người tao nhã, mặc bộ đồ bà ba vải trắng. Đang hí hục bưng tảng đá to, đã mấy lần nhấc lên, nhưng hòn đá vẫn nằm ì không nhúc nhích. Một quá ông đứng lên để thở, nhìn thấy một chàng trai vừa đi tới, ông vẫy tay lại và nói: Cháu làm ơn giúp lão một tay, ông chỉ hòn đá, cháu bưng dùm nó đem đặt vào chỗ này. Nguyễn Huệ lễ phép thưa: Thôi cụ nghỉ đi để cháu làm cho. Nói xong Nguyễn Huệ xãng tay áo nhấc bổng hòn đá đem đặt vào chỗ ông lão chỉ. Đặt xong Nguyễn Huệ hỏi: Ủa, thưa cụ. Sao lại đem đặt hòn đá giữa ngã ba đường là để làm gì vậy? Ông lão vui vẻ đáp, nó vốn là của lão, cho nên phải mang nó về. Thôi chuyện của người lớn cháu đừng tò mò hỏi làm gì! Nguyễn Huệ lại nói: Nhưng cháu muốn biết mong cụ phân tích cho. Nghe xong ông lão cúi xuống nhặt một hòn đá nhỏ bằng cườm tay, rồi chọi vào tảng đá lớn, ném xong ông đọc hai câu thơ là:

Tỷ mỗ tiên giao kiêu cung một

Anh hùng sự thế đấu giang sơn

Tạm dịch:

Rảnh rồi như ông rồi cũng uống

Tài tình như cháu giúp giang san.

Rồi ông nắm tay và cảm ơn, rồi chia tay. Nguyễn Huệ đứng tần ngần, nhẩm nhẩm lại hai câu thơ, suy nghĩ mãi mới hiểu ra rằng: Việc nặng nhọc,

việc quốc gia đại sự, bọn trẻ phải ra sức gánh vác. Lớp người đi trước gởi gắm lại lớp người đi sau, sao ta lại có thể thờ ơ với việc nước được. Ra về Nguyễn Huệ cố công đèn sách, mài gươm luyện võ. Ông đã rút tỉa những tinh hoa của các phái võ (Đường Trong và Đường Ngoài), tiếp thu những đòn hay thế hiểm của người bản địa, nghiên cứu hệ thống rồi biên soạn ra những đòn thế và bài võ để truyền dạy cho quân đội, mang tính chiến đấu cao. Ông thường đàm luận võ nghệ với Bùi Thị Xuân và Trần Quang Diệu để tham khảo ý kiến. Bài *"Nghiêm thương"* ra đời cũng có đóng góp của Thị Xuân – Quang Diệu và nhiều võ tướng khác!

3. Nguyễn Lữ

Nguyễn Lữ là con út, sinh năm 1754, thua Nguyễn Huệ một tuổi. Thân hình dong dỏng cao, gầy yếu, tay chân dài. Ông giỏi về quyền (Nhu quyền). Khi ở căn cứ nghĩa quân, ông đảm nhiệm công việc binh lương và đi tuyển quân. Cùng với Nguyễn Huệ tham gia xây dựng quân đội. Trong sử sách ít nói về ông. Vì ông là một người trầm lặng, không hoạt bát sôi nổi như hai anh. Nhưng công lao to lớn của ông đã góp phần xây dựng nên nhà Tây Sơn oai hùng.

Ba anh em nhà Tây Sơn cùng học thầy giáo Hiến giỏi cả văn lẫn võ, nhưng Nguyễn Nhạc giỏi về văn, Nguyễn Huệ giỏi về võ, còn Nguyễn Lữ thì do cơ thể con người nhỏ bé nên chỉ học môn nhu quyền (quyền mềm dẻo). Khi Nguyễn Lữ ở chùa có giao tiếp một số nhà sư Trung Quốc đến nước ta để truyền đạo. Các nhà sư này đều xuất thân ở Thiếu lâm tự ở tỉnh Phúc Kiến (chi nhánh Thiếu Lâm tự Phúc Kiến). Họ gia nhập phong trào chống nhà Thanh để khôi phục nhà Minh. Nguyễn Lữ kết bạn với một số nhà sư này, thường trao đổi với nhau tình hình của mỗi nước, trong đó có cả võ nghệ. Những nhà sư Trung Quốc giới thiệu võ Thiếu lâm, Nguyễn Lữ giới thiệu lại với họ võ cổ truyền dân tộc Việt Nam.

Nguyễn Lữ nhận thấy Võ Thiếu Lâm có sức mạnh, có kỹ thuật toàn diện không thích hợp với người Việt Nam nhỏ bé. Nguyễn Lữ mong muốn sưu tầm một dòng võ thích ứng cho tất cả mọi người nam cũng như nữ, người cao to hoặc nhỏ bé, già hay trẻ, mạnh hay yếu!

Một ngày kia ông đi dã ngoại, Nguyễn Lữ thấy mọi người đang vây

quanh chăm chú theo dõi cặp gà chọi. Một con gà trống to lớn dềnh dàng, từ cổ lên đầu trụi lông, đỏ gay xem diện mạo rất hung hăng, với đôi chân to, cựa dài, nhọn. Một bên là con gà trống bé có bộ lông mượt mà đẹp đẽ, thấp nhỏ nhưng rất nhanh nhẹn. Vào trận tưởng chừng con gà lớn ăn sống nuốt tươi, đè bẹp gà bé. Nguyễn Lữ chăm chú theo dõi hai gà ra đòn đá nhau, gà lớn tỏ ra bức mình vì không thể nào đánh được đòn đối với gà bé. Bởi vì gà bé luôn luôn đút đầu vào nách và bụng gà lớn, thỉnh thoảng cắn vào đùi gà lớn và ra đòn tiếp, gà lớn lại càng bức mình ra đòn cao những ít khi đánh trúng đòn đối với gà bé. Đá qua đá lại hồi lâu gà bé cắn chặt vào đùi và ra đòn liên tiếp, bỗng dưng gà lớn nhảy choài lên, mọi người tưởng nó sẽ giậm nát gà bé này; nhưng không, nó chồm lên bỏ chạy dài, xem ra nó bị cắn nhiều lần ở đùi và bị đòn đau quá chịu không nổi bỏ chạy, gà bé đập cánh gáy o, o biểu thị kẻ chiến thắng.

Về sau Nguyễn Lữ nhiều lần tổ chức chọi gà để tiếp tục quan sát.

Qua nhiều lần quan sát, Nguyễn Lữ phân tích các tư thế, đòn đánh của hai con gà. Sau khi nghiên cứu thu được tư liệu tương đối, trao đổi với các tướng lĩnh, võ sư và nhân dân vùng Tây Sơn cùng nhau bàn bạc, ông đã đề ra quan điểm: "... Yếu có thể đánh mạnh,

Thấp có thể đánh cao,

Nhỏ có thể đánh lớn,

Gần có thể đánh xa.

Và ông đã tự biên soạn ra bài Hùng Kê quyền.

Từ trước ở Trung Quốc đã có nhiều võ sư nghiên cứu những động tác của các loài chim thú để ứng dụng đưa vào võ nghệ như:

Báo quyền.

Hổ quyền.

Hầu quyền,

Xà quyền.

Hạc quyền.

Nhưng tất cả động tác của các loài quyền này đều ở thế thủ, thỉnh

thoảng cũng thấy xuất hiện một số động tác gà chọi ở các thế như: - Kim kê độc lập, - Kim kê triển dực, trong các bài Thái cực quyền hoặc Thiếu Lâm quyền.

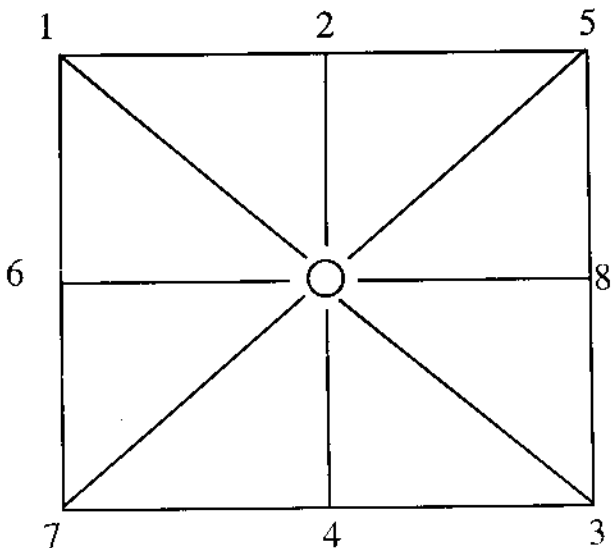
Nguyễn Lữ đã đi sâu nghiên cứu, rút tỉa những tư thế, đòn miếng và chiêu thức của các môn phái võ trong nước (Bình Định) và nước ngoài. Khi biên soạn bài Hùng Kê quyền đề ra các nguyên tắc như sau:

- Không khi nào khiêu khích và tấn công trước.
- Luôn luôn phòng thủ chặt (kín) sẵn sàng tấn công.
- Luôn cảnh giác theo dõi ý đồ của đối thủ.
- Khi đối thủ muốn tấn công ta, ta phải phản công trước khi đòn đánh của địch đến ta.
- Phải nhử đối phương vào tư thế vây bủa.

Cho nên Hùng Kê quyền là một bài quyền đơn giản và toàn diện đã thể hiện các nguyên tắc nói trên. Sau khi ra đời bài Hùng Kê quyền được nhân dân Tây Sơn – tướng lĩnh và binh sĩ đương thời đón nhận và sử dụng rộng rãi và lưu truyền mãi đến ngày nay trong dân gian.

Thảo bộ Hùng Kê quyền

*Lưỡng kê giao nạp thủy tranh hùng
Song túc tề phi thảo thượng sung
Trần ai kim thượng như bạch hổ
Thủ quang ngâu kiếm tự thanh long
Xuyên hầu độc tiễn tàn ư ác
Hồi thủ đơn cân thu tự hung
Thiếu, tấn, dực, trâm thiêm sở tứ
Nhu, cương, cường nhược tận kỳ trung.*



1. Tư thế ban đầu: Đứng thẳng, hai tay nắm để ngang hông, vai phải hướng về số 2 (H.1).

2. Hai chân giữ thẳng, hai tay đan chéo lại trước mặt, dang ra hai bên, tay nắm sấp, mắt nhìn về hướng số 2 (H.2).

0 = Tâm.

2 = Hướng mặt tiền



H1



H2

3. Hai tay kéo về ngang hông, tay vẫn nắm sấp; đồng thời, hai chân khuyu xuống mắt nhìn về hướng số 4 bên trái (H.3).



H3



H4

4. Giữ nguyên tư thế hình 3 nhưng mắt quay về nhìn hướng số 2 (H.4).

5. Bước chân phải ra trước hướng số 2, tay vẫn nắm sấp, hai chân khuyu tạo thành bộ ngựa kim kê tấn; đồng thời, tay phải vòng ra trước mặt gạt ra ngang vai một đòn (long dài chưởng), lòng bàn tay ngửa vào trong, tay trái để ngang bụng nắm sấp chỉ (H.5).

6. Chân phải bước lên trước theo hướng số 2 tạo thành ngựa đinh tấn, bàn tay phải bắt một đòn (long đài chưởng), lòng bàn tay hướng về trước, tay trái để ngang bụng mắt nhìn thẳng về hướng số 2 (H.6).



H5



H6

7. Đứng nguyên bộ định tấn, tay phải gạt ra ngang vai; đồng thời, tay trái dùng sấp chỉ đâm thẳng về trước bàn tay đứng (H.7).

8. Giữ nguyên tư thế hình 7, bàn tay trái xoay một vòng tròn (H.8) rồi đâm thẳng như hình 7.



H7



H8

9. Xoay ngược lại, khuyu chân phải xuống, vai hơi đổ về hướng số 2, tay phải đưa ra một chỗ (Xa long tửu) xuống bộ hạ, bàn tay trái nắm sắp chỉ canh ngang vai phải, mắt nhìn về hướng số 2 (H.9).

10. Giữ nguyên tư thế hình 9, đẩy vai về hướng số 2 càng nhiều càng tốt (H.10).



H9



H10

11. Co chân trái lên, nhảy về phía trước một bước theo hướng số 2 (H.11).

12. Rơi xuống đất thành bộ đỉnh tấn, tay trái dựng đứng đưa về phía trước, lòng bàn tay hướng về trước; đồng thời, tay phải để dưới tay trái, bàn tay nắm sấp chỉ (H.12).



H11



H12

13. Chân phải bước lùi về phía sau một bước theo hướng số 4, bước chéo qua trước chân trái; đồng thời, hai tay đưa ra ngang vai tay nắm sắp chỉ (H.13).

14. Hai tay đan chéo qua trước mặt tay phải đánh một đòn (bằng xa chưởng) từ vai trái xuống, tay trái để sau mang tai, ngồi kê trên đầu gối trái, mắt nhìn về hướng số 2 (H.14).



H13



H14

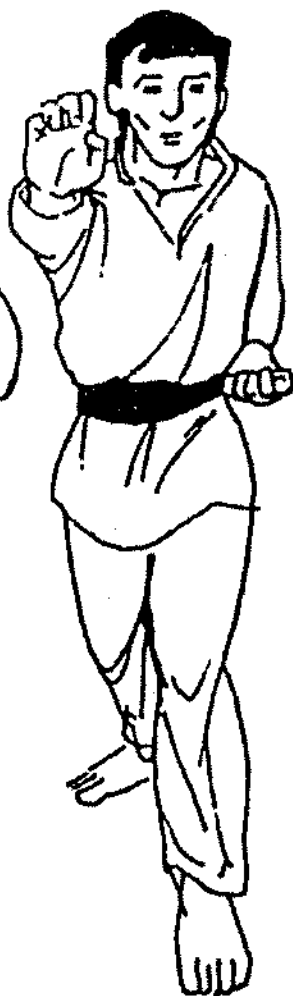
15. Đứng lên bước chân phải về hướng số 2, thành bộ ngựa đinh tấn, tay phải để ngang hông, tay trái canh ngang vai trái, (H.15).

16. Xoay người lại 180° ngược chiều kim đồng hồ tạo thành bộ ngựa đinh tấn, tay phải để ngang hông, tay trái canh ngang vai trái gạt qua mặt kéo về để ngang hông; đồng thời, tay phải đánh một đòn “Mảnh công độc chưởng” về hướng số 2 (H.16).

17. Ngả người về hướng số 4 tạo thành ngựa bại, tay phải gạt ra để ngang vai; đồng thời, tay trái đánh một đòn “Lôi âm chưởng” thẳng vai về hướng số 2 (H.17).



H15



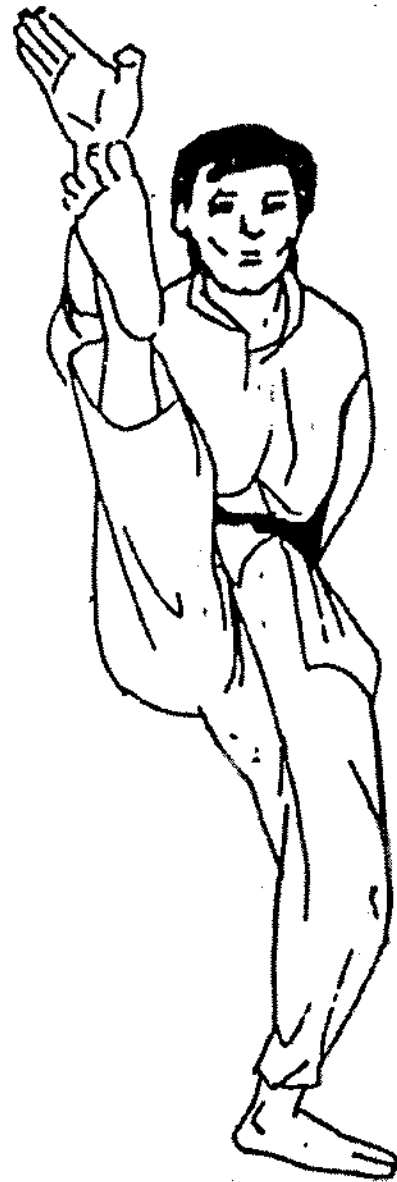
H16



H17



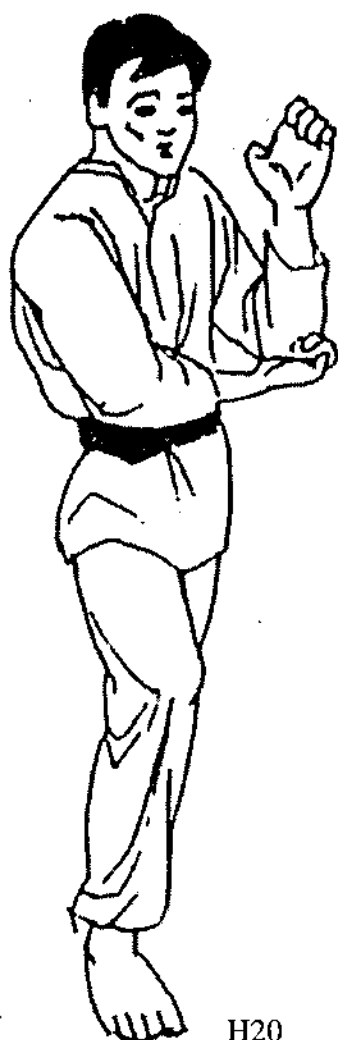
H18



H19

18. Rút chân trái về để sau chân phải, ngồi kê trên gót chân trái; đồng thời, tay trái kéo một đường chỗ từ trên cao xuống, tay nắm sắp chỉ lòng bàn tay hướng vào trong, tay phải để trước ngực (H.18).

19. Nhảy lên đá chân phải lên cao một đòn "Lôi công cước"; đồng thời, bàn tay phải xòe ra đập vào mu bàn chân phải (H.19).



H20



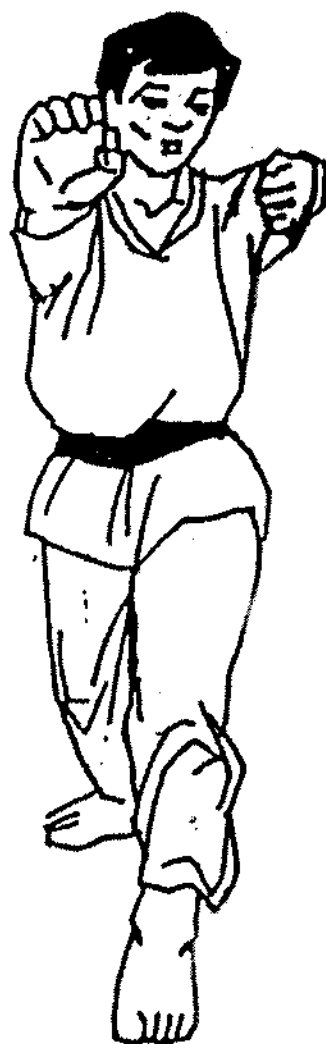
H21

20. Sau khi rơi xuống đất tạo thành ngựa đinh tấn, chân phải đứng trước, tay trái dựng đứng đưa về trước, tay phải để dưới cùi chỏ tay trái, bàn tay nắm sấp chỉ (H.20).

21. Rút chân phải về để sau chân trái, ngồi kê trên gót chân phải; đồng thời, tay phải kéo một chỉ từ trên cao xuống, tay nắm sấp chỉ lòng bàn tay hướng vào trong, tay trái kéo ra ngang vai nhìn về hướng số 2 (H.21).



H22



H23

22. Nhảy lên, đá chân trái lên cao một đòn “Lôi công cước”; đồng thời; bàn tay trái xòe ra đập vào mu bàn chân trái (H.22).

23. Rơi xuống đất tạo thành ngựa đinh tấn, chân trái đứng trước, tay trái gạt qua mặt kéo về để ngang hông; đồng thời, tay phải đánh một đòn “Mảnh công độc chưởng” về hướng số 2 (H.23).



H24



H25

24. Ngả người về hướng số 4 tạo thành ngựa bại, tay phải gạt ra để ngang vai; đồng thời, tay trái đánh một đòn “Lôi âm chưởng” thẳng ngang vai về hướng số 2 (H.24).

25. Kéo gối trái lên cao, đứng thẳng chân phải, tay trái kéo về để ngang vai, lòng bàn tay hướng vào trong. Tay phải để ngang vai, lòng bàn tay hướng trước (H.25).



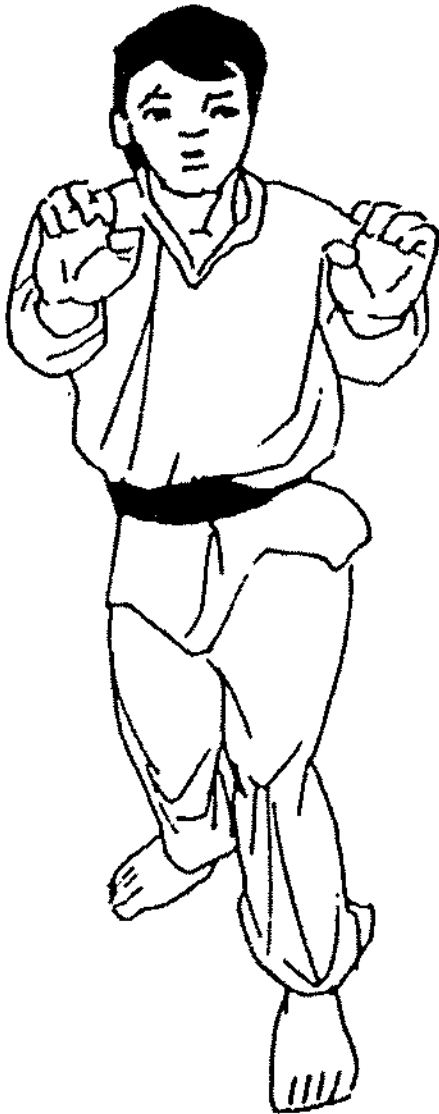
H26



H27

26. Chân phải bước lui về sau theo hướng số 4, bước chéo qua trước chân phải, hai tay giữ nguyên tư thế trước (H.26).

27. Bước chân phải về hướng số 4 thành ngựa đĩnh tấn. Hai tay vẫn canh ngang vai (H.27).



H28



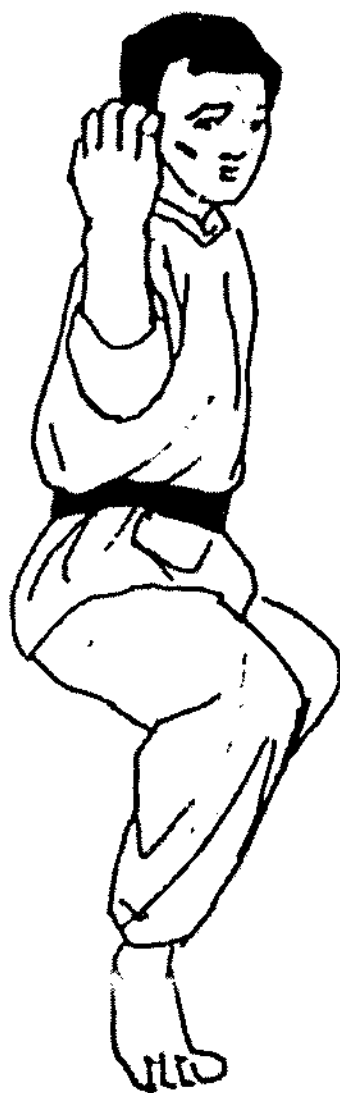
H29

28. Quay người lại 180° ngược chiều kim đồng hồ, về hướng số 2; đồng thời, hai tay đánh ra đòn “Song long thần chưởng” (H.28).

29. Rút chân trái về nửa bước thành ngựa kim kê tấn, hai tay kéo về để ngang hông, mắt nhìn thẳng hướng số 2 (H.29).



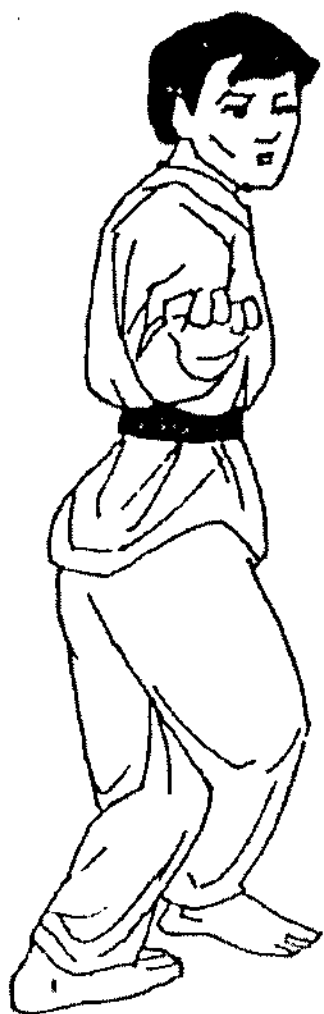
H30



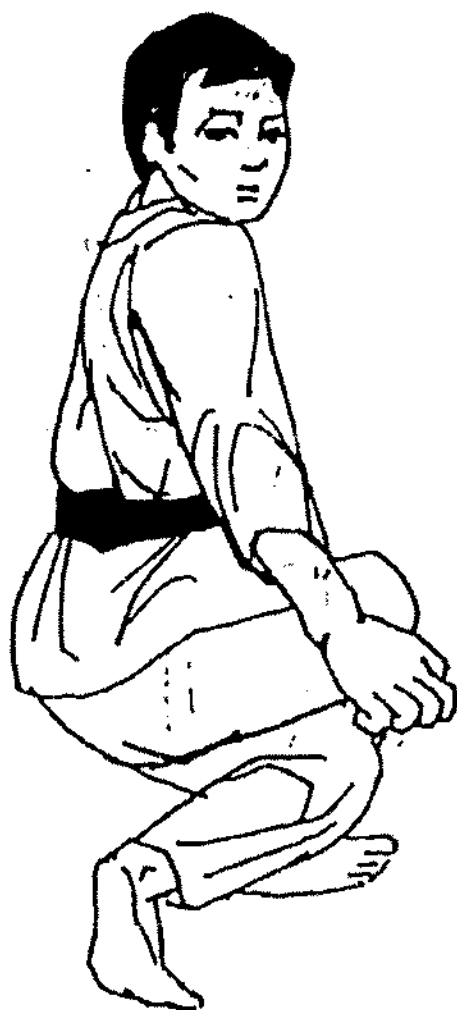
H31

30. Bước chân trái tới trước thành ngựa đỉnh tấn, nắm đấm tay phải đánh xuống chân trái một đòn “Lôi công bàn hạ”, mắt nhìn về hướng số 2 (H.30).

31. Bước chân phải lên phía trước theo hướng số 2, thành ngựa trung bình tấn, nhưng chân phải khóa gót; đồng thời, tay phải đánh một đòn “Long đài chương” lòng bàn tay ngả vào trong, tay trái để ngang bụng, nắm sắp chỉ để ngựa (H.31).



H32



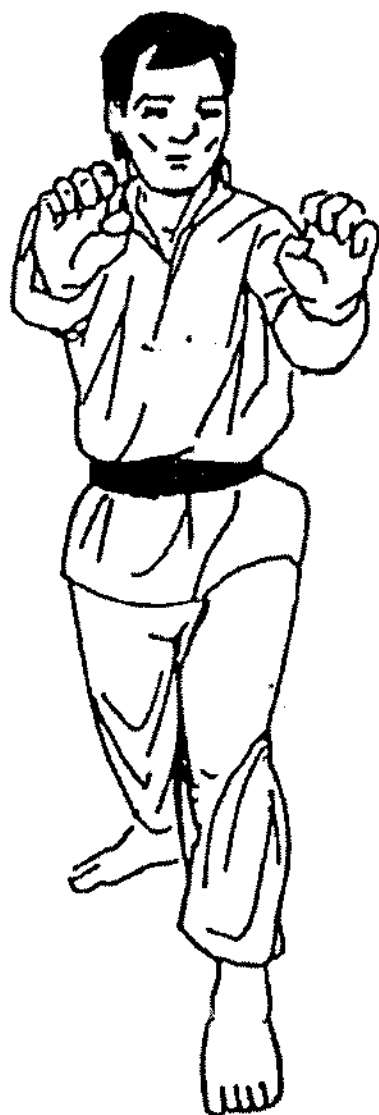
H33

32. Bước chân phải về sau một bước hướng số 4 bước, chéo qua trước chân trước; đồng thời, hai tay đưa ngang vai, bàn tay nắm sắp chỉ (H.32).

33. Hai tay đan chéo qua trước mặt, tay phải đánh một đòn “Bàn xa chưởng” từ vai trái xuống, tay trái để ra sau mang tai, ngồi kê trên đầu gối trái, mắt nhìn về hướng số 2 (H.33).



H34



H35

34. Đứng lên bước chân phải về hướng số 4 thành ngựa đinh tấn. Hai tay nắm sấp chỉ để ngang vai (H.34).

35. Xoay người 180° ngược kim đồng hồ thành ngựa đinh tấn về hướng số 2; đồng thời, hai tay ra đòn “Song long chầu chưởng” (H.35).



H36



H37

36. Rút chân phải về sau nửa bước thành ngựa kim kê tấn. Hai tay kéo về ngang hông, tay nắm sắp chỉ, mắt nhìn về hướng số 2 (H.36).

37. Bước chân trái tới trước thành ngựa đinh tấn. Hai tay cầm nắm đấm, đánh xuống chân trái một đòn “Lôi công bàn hạ” mắt nhìn hướng số 2 (H.37).



H38



H39

38. Kéo chân phải đặt sát gót chân trái ngồi kê trên gót chân phải; đồng thời, hai tay gạt ra ngang vai một đòn “Long đài chưởng” lòng bàn tay ngửa, tay trái để ngang bụng, bàn tay nắm sấp chỉ (H.38).

39. Bước chân phải sang ngang về hướng số 8, thành trung bình tấn đối diện với mặt tiền, hai tay đan chéo ngang bụng, tay trái bên ngoài (Hình 39).

40. Đưa lên trước mặt, hai tay vẫn đan chéo, tay trái bên trong, tay phải bên ngoài (H.40).

41. Bành hai tay ra hai vai, hai bàn tay nắm sấp chỉ, hướng về mặt tiền (H.41).

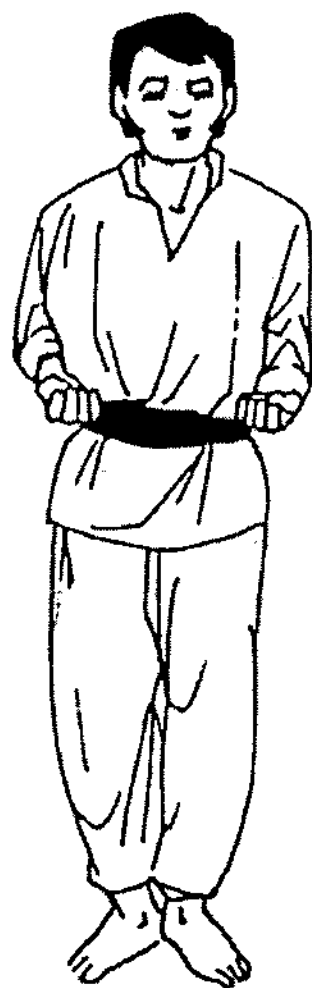
42. Rút hai chân về đứng thẳng, hai tay để ngang hông, tay cầm nắm đấm, cúi chào (H.42).



H40



H41



H42

Nguyễn Lữ không phải là võ tướng tài ba và là người có công đề xướng về võ lý cho võ Tây Sơn. Qua bài *“Hùng kê quyền”* ông đã tập hợp những hiểu biết về võ thuật của tất cả những võ tướng trong nước. Nguyễn Lữ trở thành nhà nghiên cứu võ đầu tiên, đưa ra những quan điểm khi biên soạn một bài võ như:

“Yếu có thể đánh mạnh

Thấp có thể đánh cao

Nhỏ có thể đánh lớn”

Một bài võ gồm hai phần là: Võ lý (là lời thiệu), thực hành là động tác dựa theo lời thiệu mà soạn số động tác cho từng câu thiệu và cả bài. Trong bài quyền, phải thể hiện nhịp nhàng, cân đối giữa:

“Công và thủ

Thế và tâm

Cương và nhu

Nhanh và chậm”

Đi đến mục đích cuối cùng là rút ra những gì tốt đẹp nhất của một bài võ để ứng dụng vào nền võ học mà trước đây còn thiếu sót, chưa thu nhận được.

Đây là những nguyên lý tốt đẹp nhất của tất cả các trường phái, từ nhóm dân tộc ít người, đến những gia đình quan lại lớn, đến những võ tướng hảo hán mà Nguyễn Lữ đã có công nghiên cứu, góp phần Tây Sơn xây dựng một trường phái võ khác thường lấy tên là: *“Tây Sơn võ đạo”*, làm nền móng cho võ cổ truyền Bình Định.

IV- TÂY SƠN TAM KIẾT RA ĐỜI

Quân đội Tây Sơn ngày càng lớn mạnh, quân càng đông, thành phần lại càng phức tạp. Nhiều võ sĩ nổi tiếng bốn phương quy tụ về đây gồm: Phái võ Đàng Ngoài, phái võ Đàng Trong, võ bản địa và một số môn phái khác. Không ai chịu ai, thách đánh nhau lung tung, có lúc có nơi xảy ra tình trạng lộn xộn, mất trật tự trong quân đội và khu căn cứ. Mặt khác, nhằm tổng kết những mặt mạnh, mặt yếu của từng môn phái và chỉ đạo thống nhất về võ nghệ. Từ đó sự ra đời của Tây Sơn tam kiệt là cần thiết và kịp thời.

Tây Sơn tam kiệt gồm:

- Nguyễn Huệ: Là người sáng lập.
- Bùi Thị Xuân: Là nữ tướng phong chức đô đốc.
- Trần Quang Diệu: Một võ tướng tài ba.

1. Nguyễn Huệ – Với bài Nghiêm Thương

Nguyễn Huệ là con thứ trong gia đình, sinh năm Quý Dậu (1773). Niên hiệu Cảnh Hưng 19. Người cao to, có một sức mạnh phi thường, thông minh và quyết đoán. Lúc nhỏ học văn lẫn võ tại nhà thầy giáo Trương Văn Hiến ở An Thái.

Thầy giáo Trương Văn Hiến là một văn nhân của triều đình và là môn khách của hội hữu Trương Văn Hạnh. Trương Văn Hạnh đã bị quyền thần Trần Phúc Loan giết hại. Ông bất bình triều đình và sợ liên lụy đến bản thân, nên mang cả gia đình trốn vào quê vợ tại làng An Thái, cùng các con khai phá ruộng vườn. Thu hoạch lúa gạo và chăn nuôi, gia đình sinh sống tạm ổn. Ông mở trường dạy học, trong số học trò của ông có ba anh em Tây Sơn theo học. Học chăm và thông minh là Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ rất kính trọng thầy giáo mình, có sự giúp đỡ chút đỉnh khi gia đình thầy gặp khó khăn. Các con trai của thầy giáo Hiến có tham gia phong trào Tây Sơn. Người trai cả đã hy sinh tại mặt trận Gia Định, khi nhà Tây Sơn đem quân vào Nam đánh chiếm Gia Định lần thứ nhất. Người con trai út một thời gian dài làm thư ký cho Nguyễn Huệ. Sau khi đánh thắng quân Thanh, lấy thành Thăng Long. Nguyễn Huệ đem quân về đóng đô ở Thuận Hóa. Từ đó hai người thất lạc nhau.

Nguyễn Huệ còn học võ một người thầy Tàu (không rõ tên). Trong lần đem quân ra Thuận Hóa để tiêu diệt triều đình Chúa Trịnh. Nguyễn Huệ có mời thầy tham gia để làm chủ một hiệu buôn lớn của người Tàu, với nhiều loại hàng đẹp, sang và quý hiếm. Hiệu buôn đó chính là địa điểm liên lạc cho nghĩa quân Tây Sơn và là giao tiếp giữa nghĩa quân Tây Sơn với người Tàu.

Nguyễn Huệ còn học võ của ông Chưởng (tên thật là Đinh Văn Nhưng)

là người Ninh Bình (Đằng Ngoài). Ông là người yêu nước võ nghệ cao cường. Tính khí “Ngang thiên động địa”. Ngang ngành bậc nhất trên đời, thường gọi là ông “Chưởng” vào làm ăn sinh sống tại Bằng Châu – Đập Đá. Ông truyền dạy chí tình, đến nơi đến chốn cho Nguyễn Huệ về võ nghệ xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Ninh Bình và Hà Tĩnh (võ Đằng Ngoài).

Sau về căn cứ nghĩa quân Nguyễn Huệ được phân công làm nhiệm vụ tổ chức xây dựng quân đội, thực hiện chương trình giáo dục và huấn luyện quân đội. Ở đây ngoài huấn luyện quân sự, ông dày công tập hợp hệ thống lại toàn bộ võ phái khác nhau, để biên soạn ra một số bài võ, thế võ để đưa vào nội dung huấn luyện quân sự, thiết thực phục vụ chiến đấu và chiến đấu đi đến thắng lợi.

Mỗi lần vào Nam đánh chiếm Gia Định, Xoài Rút, Rạch Gầm, hay mỗi lần chinh phạt phía Bắc, Thuận Hóa ra Thăng Long lần thứ nhất đều mang về một số quân lính và dân lánh nạn, ở Thanh Hóa, Nghệ An và một số tỉnh phía Nam. Trong số đó có nhiều người tinh thông võ nghệ bổ sung cho căn cứ nghĩa quân. Với một đội quân đủ thành phần Bắc Trung Nam và người bản địa. Với nhiều dòng võ đa dạng và phong phú mang nhiều sắc tộc khác nhau, nhiều uẩn khúc và tâm tư riêng biệt. Nếu không có tài ba lỗi lạc của Nguyễn Huệ, biết chinh phục lòng người, biết vận dụng thu phục các môn phái võ khác nhau, biết rút tỉa những tinh hoa của các môn phái “Đằng Ngoài”. Chọn lọc hệ thống các phái võ “Đằng Trong”. Vận dụng sáng tạo các môn phái võ ở bản địa và các võ phái khác “Tàu”. Để xây dựng được dòng võ riêng biệt, độc đáo của mình là Tây Sơn võ đạo.

Dựa vào võ nghệ, dựa vào lòng dân mà xây dựng đội quân nông dân bách chiến bách thắng. Đội quân kỹ thuật nghiêm, trên dưới một lòng, hùng mạnh thiện chiến, dám hy sinh chiến đấu đến cùng, bất kỳ kẻ thù nào ở đâu. Tổ chức huấn luyện khoa học, trang bị nội dung quân sự, võ nghệ khá cao để chiến đấu trên mọi địa hình, rừng núi, đồng bằng và đô thị, với trang thiết bị thô sơ và hiện đại. Thường sử dụng cách đánh cận chiến, linh hoạt và sáng tạo để tiêu diệt kẻ thù.

Qua thu thập, hệ thống chọn tất cả các dòng, các môn phái để soạn thành bài huấn luyện cho quân đội. Nguyễn Huệ còn tự sáng tạo biên soạn một số bài võ cho riêng mình. Có bài bản hắc hoi. Một bài võ có hai phần

lời thiệu “chữ nôm chữ hán” và phần động tác, để sử dụng trên mọi điều kiện, ngồi trên ngựa hay dưới mặt đất như: Bài “Nghiem Thương” hay bài “Tam tinh thần linh kiể”. Trích trong quyển “Tây Sơn bí kiếp”. Do chùa Long Phước cung cấp.

Nguyễn Huệ là một vị anh hùng dân tộc tiếng tăm lừng lẫy khắp bốn phương là một nhà tổ chức tài ba đã xây dựng một đội quân hùng mạnh, có kỷ luật nghiêm, có tinh thần chiến đấu cao trăm trận trăm thắng, ông còn là một nhà võ kiệt xuất. Ngoài chăm lo biên soạn nội dung võ để đưa vào huấn luyện quân đội. Ông còn tự biên soạn cho mình một số bài võ như: Tam tinh thần binh pháp hay bài Nghiem Thương bao gồm hai phần: lời thiệu gồm tám câu thơ mỗi câu bảy chữ.

Lời thiệu nguyên bản chữ Hán Nôm:

BÀI NGHIÊM THƯƠNG

严鎗

卫 国 严 鎗 謁 圣 皇
 塲 沙 莫 尽 的 雄 英
 常 情 矯 格 严 軍 陣
 統 率 招 凡 大 班 师
 以 此 江 山 韜 贯 徹
 千 秋 不 改 護 危 城
 英 雄 盡 世 饒 星 色
 梵 俗 咸 藏 比 千 山

Lời thiệu dịch theo âm:

Vệ quốc nghiêm thương yết thánh hoàng
Sa trường mạc trận đích hùng anh
Thương tình kiêu cách nghiêm quân trận
Thống xuất niên phân đại ban sư
Dĩ thừa giang sang theo quân triệt
Thiên thu bất cải hộ Long Thành
Anh hùng cải thế khiêm tinh sắc
Phạm tục hàm tàn tử thiên sơn

Dịch ra tiếng Việt:

Cầm cây thương điện bái thánh quân
Ra nơi sa trường gặp nhiều đấng anh tài
Cách thức thương tình cũng nghiêm được quân trong trận
Nơi đây cầm quân phải vượt tục chờ ngày đại thắng trở về
Khắp núi sông từ đây thao này đến mức
Dẫu ngàn thu không để đổi mà để giữ thành rồng
Anh hùng xuất chúng ra đời nhiều như sao mọc
Giới mức của đời chứa đựng trong ví như ngàn cụm núi

Phân động tác:

Toàn bài nghiêm thương có 80 động tác liên theo. Theo nghệ thuật cấu trúc các thao không bị trùng lặp và có tầm sát phạt theo từng câu thiệu rõ ràng.

Câu 1: Có 10 liên thao (động tác) chuyên bay tránh và đánh ở tầm cao.

Câu 2: Có 12 liên thao. Chuyên trả bại và công phá các loại binh khí.

Câu 3: Có 9 liên thao. Chuyên đánh trong loạn quân.

Câu 4: Có 10 thao. Chuyên đánh tấn công

Câu 5: Có 9 thao. Chuyên đánh nhiều người (từ 8 người trở xuống)

Câu 6: Có 10 thao. Chuyên đánh đường thương đạo.

Câu 7: Có 10 thao. Chuyên đánh vào nơi hiểm yếu.

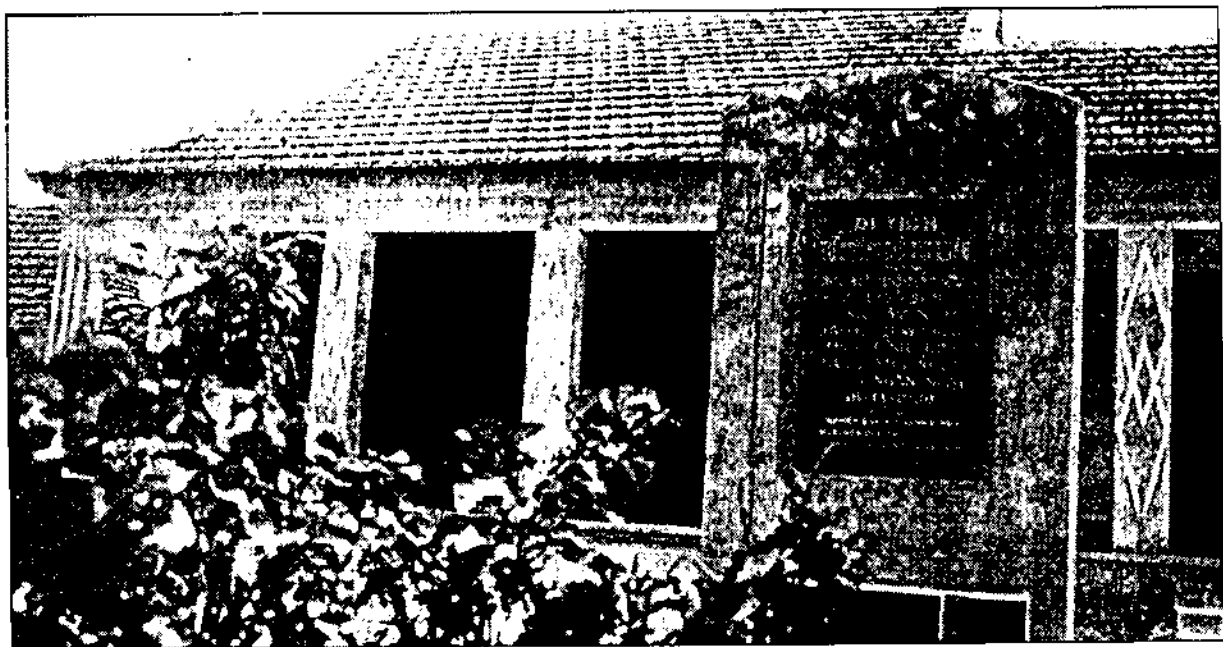
Câu 8: Có 12 thao. Chuyên đánh phá vây giữa nơi nguy cấp.

2. Bùi Thị Xuân

Bùi Thị Xuân sinh ở thôn Phú Xuân, xã Bình Phú, huyện Bình Khê. Thuở nhỏ bà thích làm con trai ham mê học võ và vào rừng săn bắn. Thầy dạy võ đầu tiên cho Bùi Thị Xuân là một bà lão. Hằng ngày bà đến dạy võ, đến tối ra về, bà về đâu không ai biết! Thị Xuân chỉ biết học võ, cấm không được hỏi bà về tên họ, làm gì ở đâu. Khi Thị Xuân nắm được võ nghệ khá tương đối, thì bà lão không trở lại nữa! Thầy dạy thứ hai là Võ tướng Ngô Mạnh, quê ở Ninh Bình, vì bất mãn với triều đình thời nát, sợ liên lụy tránh sự truy lùng bắt bớ, mang theo cháu nội là Ngô Văn Sở, vào lánh nạn, sinh sống rồi dạy võ cho Bùi Thị Xuân.

Bùi Thị Xuân là một nữ tướng (đô đốc) duy nhất của Nhà Tây Sơn, được giao nhiệm vụ là huấn luyện tướng binh. Những trận đánh lớn, bà đảm nhận Đội quân hậu tập với đoàn voi chiến dũng mãnh, dám xông pha trận mạc, chặn đánh trả phía sau, khi quân thù đánh bọc hậu. Ở căn cứ nghĩa quân Tây Sơn, một hôm bà cùng chị em đưa đoàn voi ra nơi bãi tập, bỗng bà nghe tiếng hổ gầm thét. Men theo bìa rừng bà đến nơi có tiếng hổ gầm, bà thấy cảnh tượng rất hãi hùng. Một con cọp hung dữ gầm thét đang muốn đớp mồi thịt người. Một bên là một chàng trai oai hùng đang sử dụng những đòn thế hiểm để đánh và né sức mạnh tấn công của con cọp. Có lẽ hai bên quần nhau đã lâu, chàng trai đã thấm mệt, máu ra đầy người. Trước tình thế hiểm nghèo đó, Bùi Thị Xuân vung kiếm đâm thẳng vào con cọp đánh nhau một lúc con cọp lại dấn đòn, đau quá quần quai bỏ chạy, bà thu kiếm đến chăm sóc người bị thương, rồi đưa về nhà nhờ lão ông chăm sóc chạy chữa thuốc thang; chàng trai đó là Trần Quang Diệu, mối tình võ nghệ. Hai người sống bên giúp đỡ nhau trong võ nghệ và chiến đấu. Hai người đồng tâm hiệp lực, trung thành tuyệt đối với phong trào Tây Sơn. Đã góp sức đánh thắng lợi ở những trận đánh quyết tử.

Sau khi Quang Trung mất đột ngột, phong trào Tây Sơn suy yếu, các tướng lĩnh hết lòng chống đỡ, nhưng đều bị bại trận. Mỗi người thất lạc khắp nơi, tìm nơi ẩn núp, Bùi Thị Xuân bị bắt ở Hương Hóa tỉnh Nghệ An, trong lúc sa cơ thất thế bà được gặp lại Trần Quang Diệu cũng ở trong hoàn cảnh tướng bại trận bị bắt. Gia Long giết hại bà một cách gian ác, tàn bạo bằng cách cho voi chà lòi kéo đạp bà cho đến chết...



Từ đường họ Bùi.

Bùi Thị Xuân chết đi, nhưng để lại tấm gương oai hùng, “*Trung quân liệt sĩ*” để mãi về sau.

Bùi Thị Xuân là một nữ tướng văn võ song toàn thật là kiệt xuất về võ nghệ. Bà đã có công to lớn để xây dựng lên dòng võ độc đáo mang đậm màu sắc dân tộc – Đó là võ Tây Sơn. Trong quá trình xây dựng dòng võ Tây Sơn, bà cũng đã đóng góp nhiều cho kho tàng võ nghệ đó, bằng cách tự mình biên soạn ra một loạt bài võ hiếm như:

Song phượng kiếm

Âm dương phượng kiếm và một số bài khác nữa.

Nguồn gốc ra đời các bài Song phượng kiếm:

Trời đã hé sáng mà lớp sương mù còn phủ kín cả núi rừng, lại còn ngọn gió Bắc thổi bay bay về, làm cho mọi người thấm lạnh thêm. Khi mặt trời lên cao, xóa tan lớp sương lạnh đem hơi ấm về sưởi ấm cho muôn loại chim chóc, chúng vui mừng nhảy hót làm sôi động cả núi rừng. Những đám

hoa rừng cùng nhau khởi sắc, đón chào một ngày mới tốt đẹp.

Trên bãi tập voi, Bùi Thị Xuân đứng với phong thái oai vệ, cầm kiếm chỉ huy. Chỉ bài tập trước mặt để mọi người quán tượng đưa voi vào trận. Thúc quân xông lên (quân xanh) quần đánh nhau với voi mãi cho đến trưa mới kết thúc. Buổi tập nào Bùi Thị Xuân cũng nhìn lên trời thấy hai con chim bay lượn trên không theo dõi buổi tập, hết buổi tập hình như hai con chim ngược xuống nhìn bà, rồi từ giã bay mất.

Tối đến trong giấc ngủ ngon lành, Bùi Thị Xuân mơ thấy đôi chim phượng từ trên núi cao bay về đậu trên hai cây siêu trước trại, chúng chợp cánh vui đùa nhảy hót một lúc rồi bay đi mất. Rồi một bài tập như thường lệ, cũng đôi chim phượng đó, mỗi con ngậm một thanh kiếm bay đến đậu trước mặt bà chỉ huy buổi tập, rồi bay lượn ba vòng rồi sà xuống, gập đầu ba lần rồi nhả kiếm ra, vụt bay đi mất. Từ đó đến hết buổi tập không thấy đôi chim quay trở lại. Bà vui mừng xúc động, nhặt hai thanh kiếm lên xem, cán kiếm làm bằng gỗ lim, thanh kiếm sáng loáng và rất sắc bén. Bà cầm hai thanh kiếm lên lay trời đất, thánh thần đã ban cho hai thanh kiếm báu, để tập luyện và chiến đấu. Vào lúc hư vô bà mong đợi hai chim phượng bay về. Lúc đó gà vỗ cánh cất tiếng gáy đầu, Bùi Thị Xuân giật mình tỉnh giấc, mới hiểu đây là mẩu chuyện trong mơ.

Một chiều, Bùi Thị Xuân cùng chị em đi ra bờ rừng ngoạn cảnh. Bà đứng nhìn phương trời xa xa, thấy nhiều đàn chim đang bay lượn trên bầu trời mênh mông bao la. Bùi Thị Xuân quên đi tất cả, mãi theo dõi các động tác bay nhảy của đàn chim, với những chấm đen nhỏ trong bầu trời, rồi rút thanh gươm múa may một lúc, nhái theo động tác bay nhảy của đôi chim phượng. Trục nhìn lại thì bóng tối đã ngã xuống, phủ kín bầu trời mờ mịt. Xung quanh núi rừng chiều trong ảm đạm. Các chị em rủ nhau ra về.

Đêm nay Bùi Thị Xuân không sao ngủ được mà ngồi loay hoay hòa lên bài thơ nói về Đôi chim phượng bay lượn trong buổi trời đẹp với tình cảm của một người con gái, khi thấy nước nhà bị mắc phải lầm than.

Thơ rằng:

Thiên quang xuân cạn điệp hồng cao

Lưỡng phượng an du thanh thượng bích

Tình duyên sơn thủy câu hàm thệ

Mãng số đào thơ lụy kiếm sầu

Tạm dịch ra tiếng Việt:

Đẹp thay phong cảnh cuối đông

Có đôi chim phượng lượn vòng trời xanh

Cuốc kêu nặng nợ bình sanh

Đời người nhi nữ lụy tình kiếm cung.

Chợt nhớ đến câu chuyện trong mơ. Bùi Thị Xuân dựa theo ý thơ mà viết ra lời thiệu cho bài Song Phượng kiếm.

Ngoài kia trăng khuyết đã lên cao, màn sương đêm buông lạnh. Bùi Thị Xuân mang cặp song kiếm đi ra nơi trường dạy võ. Đứng nhìn vào bầu trời mịt mù u tịch mênh mông xa thẳm, như thu gọn cả non sông vào tầm mắt. Hình dung lại mọi động tác bay lượn của đôi chim phượng. Bùi Thị Xuân vung kiếm đưa qua đưa lại, mô phỏng theo những động tác đó. Rồi biên soạn thành bài pháp Song phượng kiếm. Tập đi tập lại khá lâu, khi đã khá thuần thuộc. Dừng lại, xếp đôi song kiếm lại, tìm chiếc áo choàng ngoài, che lên người đã thấm mệt và lạnh. Ra về với nụ cười mừng vui, vì đêm nay bà đã hoàn thành một việc mà bấy lâu nay hằng mong muốn.

BÀI SONG PHƯỢNG KIẾM

双 鳳 劍
利 劍 募 魂 鎗
雲 飛 何 月 走
鳳 翼 到 林 前
四 季 保 南 邦
東 霜 留 溪 隘
征 日 見 鳳 飛
西 天 何 劍 客
鳳 翼 到 山 蓬

Dịch theo âm chữ Hán:

SONG PHƯỢNG KIẾM

*Lợi kiếm mộ hồn thương
Vân phi hà nguyệt tẩu
Phượng dực đảo lâm tiền
Tư quý bảo nam bang
Đông sương lai quan ải
Hậu nhật kiếm loan phi
Tây thiên hà kiếm khách
Phượng diệt đảo sơn bông.*

Tạm dịch ra tiếng Việt:

ĐƯỜNG GƯƠM ĐÔI PHƯỢNG

*Hồn thương theo kiếm báu
Mây trắng chạy nào quen
Bìa rừng chim phượng múa
Bốn mùa giữ nước Nam
Đông về sương quan ải
Chiều lại thấy chim loan
Trời Tây nào kiếm khách
Cánh phượng đến non bông.*

Bài gồm tám câu thơ theo thể ngũ ngôn, mỗi câu có tám thao. Toàn bài có 64 hành pháp liên thao. Theo nghệ thuật cấu trúc các thao không trùng lặp. Về tầm sát phạt có mấy ưu điểm như sau:

Câu 1: Chuyên phá đường thương (Các binh khí dài)

Câu 2: Chuyên lia đường gương đảo

Câu 3, 4: Dụ địch vào thế hiểm để sát phạt

Câu 5 – 8: Chuyên đánh phá vây trong tình thế loạn quân.

Bài này do Bùi Thị Xuân tự cứu pháp biên soạn ra, trong thời kỳ huấn

luyện tướng binh ở vùng Tây Sơn Hạ. Theo lưu truyền là bà dựa vào đôi chim phượng trong mơ, đem gương dâng cho bà. Cảm nhận được cái ân vô hình ấy, mà bà soạn thảo ra bài kiếm này. Soạn xong vào ngày 20 tháng 12 năm Canh Dần (1770). Bà đem truyền dạy lại cho năm chị em đệ tử của bà. Năm người con gái này theo bà đánh giặc, được vua Quang Trung phong tặng là Ngũ Phụng tiên.

3. Trần Quang Diệu

Trần Quang Diệu sinh tại thôn Lộc Lâm, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Năm sinh chưa rõ. Thầy dạy võ cho ông là một sư lão ở trên núi cao, đem Diệu về tu luyện võ nghệ ở đó. Qua mười năm ăn học thành tài, sư lão bảo Diệu: Bây giờ con có thể sống tự lập được rồi, ta rất tự hào mười năm khổ luyện tu nghiệp của con. Thu nhận được vốn võ nghệ tài ba của ta. Nay con nên xuống núi, đi vào hướng Nam. Ở đây đang có phong trào Tây Sơn tự nghĩa. Cần người tài ba ra giúp nước.

Ông là một võ tướng nổi tiếng thời Tây Sơn. Theo Nguyễn Huệ đi đánh khắp đó đây, khi vào Nam, lúc ra Bắc, lập được chiến công vang dội. Được Nguyễn Huệ trọng dụng. Vợ là đô đốc, nữ tướng lừng danh Bùi Thị Xuân. Võ nghệ cao cường, có tài điều khiển voi trận. Được vua Quang Trung tin cậy, giao phó cho bà việc tổ chức xây dựng và huấn luyện nữ binh. Tham gia vào những trận đánh lớn từ Nam ra Bắc, lập nhiều chiến công, thắng lợi to lớn, nổi tiếng là một nữ tướng tài ba, lừng danh khắp nơi.

Sau vua Quang Trung băng hà, thế lực nhà Tây Sơn giảm sút. Vợ chồng ông hợp sức cùng các tướng lĩnh, cố chống cự với quân Gia Long, chống không nổi, giữ không được cuối cùng đều thất bại.

Đến tháng 3 năm Nhâm Tuất (1802) ở Quy Nhơn Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng được tin Trần Ninh chống giữ ở Nghệ An thất thủ, liệu bề chống không nổi quân Nguyễn, hai ông đem quân đi đường thượng đạo qua Ai Lao rồi về Nghệ An để hiệp sức với cánh quân Tây còn lại mà lo bề chống giữ. Vừa đến nơi thì Nghệ An đã thất thủ. Lúc này Trần Quang Diệu bị bệnh sốt trầm trọng. May đã gặp được vợ Bùi Thị Xuân. Trong hoàn cảnh hiểm nghèo này chỉ còn biết tìm cách thoát nạn. Hai vợ chồng đui dắt nhau chạy sang huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An. Bao nhiêu binh sĩ đều

bỏ chạy tán loạn khắp mọi nơi. Được mấy hôm hai vợ chồng đều bị bắt. Gia Long hành hạ, sát hại họ một cách tàn nhẫn và thảm thương.

Trần Quang Diệu là một võ tướng tài ba. Ông đã sử dụng các môn thể võ đã học được ở sư lão trên núi. Kết hợp với các môn phái võ thịnh hành lúc bấy giờ. Ông đã tự bạch ra một số bài võ đóng góp cho kho tàng võ nghệ của Tây Sơn thêm đa dạng và phong phú. Bài Lôi phong tùy hình kiếm ra đời từ đó.

Xuất xứ bài Lôi phong tùy hình kiếm phỏng theo câu chuyện sau:

Trời đã tối, cảnh vật núi rừng chìm đắm trong âm u tịch. Dưới mái nhà đơn sơ, đĩa đèn dầu tỏa sáng leo lét vừa đủ sáng trong căn phòng nhỏ hẹp. Hai vợ chồng ngồi bên nhau tỉ tê tâm sự, giọng nói trầm trầm qua lại, rất đầm ấm và vui vẻ.

Bên ngoài các cô gái, chàng trai nô nức tập võ nhộn nhịp, các loại binh khí va chạm vào nhau, gây ra tiếng vang khắp bầu trời. Trần Quang Diệu lấy trong túi áo ra một trang giấy đưa cho vợ và nói: Em xem đi, anh vừa viết xong bài thiệu này, em góp ý nhé! Rồi anh sẽ sửa, tinh lọc lại các thao, bổ sung thêm một số miếng đánh thật sắc sảo, để hoàn chỉnh bài kiếm này. Bùi Thị Xuân vui vẻ nhận lấy trang giấy, rồi xich lại gần chiếc đèn dầu chăm chú đọc. Đọc xong bà từ tốn nói với chồng rằng: Hay quá! Từ đoạn đầu đến đoạn giữa lối hành văn rất hùng dũng sắc bén. Sao điệu văn của hai câu cuối xem ra có vẻ nhẹ nhàng và mềm yếu đi! Trần Quang Diệu cười yêu và ôn tồn nói với vợ không đâu em ạ! Chúng ta vẫn biết trong nghiệp võ vừa có cương vừa có nhu. Trong nhu có cương và trong cương có nhu. Cái tài của người võ là biết kết hợp hài hòa giữa cương và nhu thì bài võ mới có nhiều tác dụng và hoàn chỉnh. Theo ý anh đó là hai câu cuối, tuy lời văn mới đọc nghe như nhu, nhưng lại chứa đựng nhiều đường kiếm đầy nguy hiểm, do mấy đoạn trên dồn xuống, nên tầm lia gươm, chém kiếm rất nhanh, tuy nhẹ nhàng mà rất lợi hại. Nghe chồng phân tích xong, bà vui vẻ đồng tình, mừng cho chồng đã soạn một bài kiếm hay.

Qua mấy lần tập đi tập lại, bỏ bớt và thêm vào một số thao cần thiết, soạn xong bài kiếm hoàn chỉnh. Ông thấy trong người lâng lâng dâng lên niềm vui dào dạt. Đứng nhìn ánh trăng gieo ngập cả núi rừng và hơi lạnh

cũng bắt đầu thấm nhẹ qua làn da, thu kiếm vào bao, thông thả ra về. Thế là bài Lô phong tùy hình kiếm ra đời, đóng góp cho kho tàng võ nghệ nhà Tây Sơn thêm phong phú.

BÀI LÔ PHONG TÙY HÌNH KIẾM

Nguyên âm chữ Hán

雷風隨劍

出劍是威風
林春花葉落
虎鳥叫驚天
雷風聲動地
衝雲劍而候上帝
勅竜刀降水洞停
是日出行當先電
急急追捕天雷之斧道
重宣而急事
早我盡積契桑棒

Dịch theo nguyên âm:

Xuất kiếm thị oai phong
Lâm Xuân hòa dịp lạc
Hổ, điều kiều kinh thiên
Lôi phong thịnh động địa
Xuân vân kiếm nhi hầu thượng đế
Sắc long đao giáng thủy động đình
Thị nhựt ử xuất hành dương tiêu điều
Cấp cấp truy bộ thiên lôi chi phụ đạo
Trung tuyên nhi đại sự
Tảo ngã tận tích khí tang bồng

Dịch ra chữ Việt:

Tuốt gươm ra là gió thổi mịt mù
Rừng mùa xuân hoa lá rụng xác xơ
Hổ hét, chim kêu trời chấn động
Gió đùa, sấm nổ đất rung rinh
Lìa cây gươm lên mây về chầu thượng đế
Báo lưỡi long đao xuống viếng điện long quân
Sao ngày kia phải ra đi trước chớp
Đuổi theo bắt búa của thiên lôi
Dận dò đã nhiều phen kéo muộn
Để cho ta sớm rảnh nợ tang bồng.

Toàn bài có 72 hành pháp liên thao. Có tâm sát phạt cao.

Bài này do Trần Quang Diệu tự tra cứu biên soạn, ở núi Thạch Bi thuộc vùng Tây Sơn hạ. Hai vợ chồng chọn vùng này, lập căn cứ để chiêu mộ anh hùng hào kiệt và rèn luyện võ công. Chờ cơ hội thuận đứng lên đánh đổ bọn quan tham.

Bài Lôi phong tùy hình kiếm ông soạn xong ngày 21 tháng 3 năm Kỷ Sửu (1769).

(Trích trong quyển Tây Sơn bí kiếp)

Võ cổ truyền Bình Định dựa trên cơ sở bước đầu võ lý của dòng võ Tây Sơn và một số dòng võ khác đang lưu hành trong địa phương mình, đã hệ thống chọn lọc và nâng cao để xây dựng lên dòng võ học tương đối hoàn chỉnh bao gồm: võ lý, võ đạo và võ thuật cho riêng mình.

Mỗi người đều tự biên soạn cho mình một bài võ như:

Nguyễn Văn Hưng: với bài “Phong vân kiếm pháp”, Trần Văn Lộc: với bài roi “Không tiên”, Nguyễn Trung Như: với bài “Đoạn khúc âm hồn kiếm” và còn một số bài khác nữa.

Nguyễn Trung Như là một quan chức cấp cao ở triều đình Nhà Tây Sơn, quê ở huyện An Nhơn, sau khi nhà Tây Sơn sụp đổ, ông về quê mở trường dạy võ. Ông hồi ức lại thời oanh liệt, chiến công vang dội một thời. Nhất là thời thịnh vượng về võ nghệ của các tướng lĩnh nhà Tây Sơn, thôi thúc ông viết ra quyển Tây Sơn bí kiếp gồm hai tập như:

Tây Sơn liệt oanh chi binh pháp.

Phổ đại nam triều chi tướng thao

Ông hoàn thành tác phẩm này vào ngày 20 tháng 12 năm Kỷ Mùi (1799) và thọ 56 tuổi.

CUỘC GẶP GỠ HAI NGƯỜI **TRẦN QUANG DIỆU – BÙI THỊ XUÂN**

Sáng hôm nay trời quang mây tạnh, gió hiu nhẹ mát mẻ, ánh ban mai đã lên khỏi lũy tre. Xa xa về phương Đông, Bùi Thị Xuân nai nịt gọn gàng, lấy cung kiếm đeo vào mình, đến xin cha cho vào rừng săn bắn.

Dáng đi nhanh nhẹn, mới đó là đã qua mấy cụm đồi – cô liền lấy cung tên cầm sẵn trong tay, vội đi lần vào trong mấy cụm đồi xa. Bỗng nghe tiếng gầm gừ của một con hổ như muốn xé xác con mồi. Bùi Thị Xuân dừng lại lắng tai nghe thật đỉnh đặc rồi lần theo tiếng gầm gừ của con hổ. Đến nơi trông thấy một chàng trai tuấn tú tay không đang đánh nhau với con hổ, mình chàng đâm máu đi lại không vững, còn hổ thì cứ lao vào hòng nuốt sống chàng, sự chống đỡ yếu ớt và khó nhọc của chàng, e sợ hổ vô chàng, không kịp suy nghĩ Bùi Thị Xuân bỏ cả cung tên xuống đất, rút nhanh thanh

kiếm ra khỏi bao tiến tới xua chàng trai qua một bên. Nhanh như chớp con hổ lao tới và nhảy vọt lên cao qua một bên vừa rơi xuống đất thì bị ngay nét gươm "*Kinh thiên tà hình kiếm*" đã đâm trúng vào tròng mắt phải của con hổ. Hổ tuy bị trúng đòn lại càng điên cuồng gầm thét dữ dội vang động núi rừng, nanh vuốt bày ra hung dữ, nhảy loạn xạ chồm tới định chụp mồi. Bùi Thị Xuân thấy vậy bình tĩnh lao tới đâm thêm mấy nhát nữa vào mắt và mắt hổ. Hổ không còn chủ động được nữa hoảng lên đâm đầu chạy một mạch vào rừng sâu.

Chàng trai này giờ đứng thờ người xem cô gái đánh cộc rất kính nể, cố gượng bước tới nghiêng mình chào nữ khách ân nhân. Chưa nói được lời nào chàng mệt lả, ngúi xuống chỗ đất mà dấu chân hổ dậm nát khi quần nhau với cô gái. Bùi Thị Xuân giắt gươm vào, thu nhật cung tên vội đến đỡ chàng. Sau đôi lời hàn huyên trao đổi, khuyên chàng về gia đình để cha nàng giúp đỡ thuốc thang vì những vết thương của chàng quá nặng và đi lại khó khăn.

Về đến nhà, Bùi Công biết qua câu chuyện của chàng đánh cộc gan dạ đã bị trọng thương. Ông khuyên chàng, cháu cứ yên tâm ở lại đây bác lo thuốc thang khi nào bình phục sức lực cháu mới tính chuyện trở về. Được nghe những lời nói ân tình của Bùi Công khuyên nhủ, chàng mới yên tâm điều trị. Bùi Thị Xuân không chút e ngại mà chính nàng lo chăm sóc cho chàng trai rất tử tế, không nề hà khó khăn gian khổ nào. Qua mấy tuần tận tình thuốc thang cứu chữa của hai cha con ông Bùi Công, sức khỏe của chàng dần dần được bình phục. Chàng xin phép từ giã và vô cùng biết ơn ân nhân đã hết lòng giúp mình qua cơn hoạn nạn. Không thể giữ chàng trai được nữa, ngậm ngùi chia tay, mong ngày tái ngộ.

Mấy năm sau, Bùi Thị Xuân đến tuổi trưởng thành. Cô xin cha cho mở võ đài mong chọn được người bạn trăm năm xứng đáng. Một ngày nay trai tráng gần xa xin đến võ đài, hòng gặp mặt giai nhân tuyệt hảo đủ tài lẫn sắc. Hai ngày qua nhiều chàng trai đã bị loại khỏi võ đài. Đến ngày thứ ba, nàng chờ mãi mà không thấy chàng trai nào đến bước lên võ đài. Trước cảnh vắng vẻ, yên tĩnh, Bùi Thị Xuân thấy ngậm ngùi, xốn xang trong dạ, thoáng chút buồn, đang suy nghĩ miên man. Bất chợt, có một chàng trai mình vận áo nâu từ dưới đất vọt lên võ đài nghiêng mình chào quan khách.

Cả một rừng người nhao nhao hướng về phía chàng trai tấm tấ và khen ngợi. Riêng Bùi Thị Xuân vừa bối rối, vừa vui mừng là chàng trai mà mình hòng mơ tưởng đã gặp từ độ năm nào, một mình tay không đánh nhau với hổ dữ, bao nhiêu luồng suy nghĩ cứ dồn dập và làm cho tim nàng càng đập mạnh. Đang miên man suy nghĩ, bỗng tiếng chuông báo hiệu, tiếng trống thúc đồn là cuộc đấu võ bắt đầu? Cô gái hiên ngang trên võ đài, ba lần ra đòn liên tiếp tấn công làm cho chàng trai phải né tránh cực nhọc. Sau đó trước mặt Bùi Thị Xuân dường như chàng trai nghiêng mình bái tổ, thế là nhanh như chớp chàng trai đã ra đòn phản công hầu như phá hết tất cả các đòn công của Bùi Thị Xuân khiến cô không ra được miếng đòn nào nữa, cuối cùng cô lui về góc đài và rút lẹ thanh gươm nhảy vọt lên cao bay qua khỏi đầu của chàng trai, vừa rơi xuống một nhát kiếm lia ngang đầu ngực chàng trai, tuy rằng trong tay chàng không có vũ khí. Trên võ đài toàn nhan nhản đường gươm chém ngang dọc. Chàng trai lặn hụp né tránh tất cả những đường kiếm bủa vây bốn hướng xung quanh người chàng rất nguy hiểm. Biết không thể nào đoạt được kiếm của nàng. Chàng trai phải quăng người lên trên lưỡi kiếm của nàng bay đến góc đài rút vội thanh gươm, vừa xoay người lại thì Bùi Thị Xuân tiến sát đến bên chàng. Hai người thi nhau lia gươm qua lại, trái phải trên dưới. Kể cả người thủ, kẻ thủ người công. Hai người xoay chặt vào nhau thi nhau ra đòn tưởng chừng không một chiếc lá nào rơi lọt trên mặt của sân đài. Sau cùng chàng trai phải dừng đến một thế kiếm tuyệt kỹ đánh bạt cây kiếm của Bùi Thị Xuân, tung thế nàng chớp nhảy về góc đài, cung hai tay nghiêng mình khâm phục.

Tiếng reo hò vang dậy, tiếng chiêng trống đánh liên hồi náo động cả một vùng, nhìn thấy không khí tung bừng và sôi động, Bùi Thị Xuân mở một nụ cười e lệ, đưa bàn tay che gò má và cúi mình chào người đấu thủ kính yêu. Mối tình hai người đã bắt đầu từ giờ phút đó. Chàng trai đó chính là Trần Quang Diệu.

Ngày kia khi nghe pháo nổ vang rền, bà con dân làng gần xa đều biết rõ đó là ngày thành hôn của đôi trai gái võ nghệ, cao cường, đẹp đôi loan phượng. Mọi người nô nức kéo nhau đến chúc mừng. Có người nói như trên võ đài hôm nào, nếu chàng trai nào thì sẽ bị nhiều đường kiếm của Xuân hạ thủ ở ngay hiệp đấu đầu. Hễ mỗi khi thấy hai vợ chồng tài năng này đi

ngang qua, mọi người reo hò hoan nghênh chúc mừng, nếu đang làm việc ngoài đồng ruộng khi hai người đi ngang qua, mọi người dừng làm tán thưởng và nhìn theo khi họ đi khuất mới thôi.

Rồi thời gian thấm thoát trôi qua họ đã sống với nhau dư năm. Một hôm Trần Quang Diệu nói với vợ rằng: Mình thấy địa thế núi Thạch Bi rất đẹp, đất đai màu mỡ rất thích hợp việc canh tác khai khẩn đất hoang. Chúng ta sẽ lên đó lập nghiệp, trước để sống, sau xây dựng sự nghiệp tránh sự dòm ngó của bọn quan tham. Hai người dẫn nhau lên núi Thạch Bi chăm chỉ khai khẩn vùng đất mới. Sau một thời gian cuộc sống ổn định, bà con xa gần biết đến và rất mến mộ tài năng võ nghệ của 2 người, đem con cháu lên tham gia khai khẩn và học võ. Nhiều khách giang hồ nghe tiếng cũng đến thăm và bái phục, nguyện ở lại làm nghĩa sĩ. Thân thế và sự nghiệp của 2 vợ chồng ngày càng phát triển, qui tụ được nhiều người tài, chờ cơ hội đứng lên dựng cờ khởi nghĩa, đánh đổ quân tham tàn đem lại cuộc sống ấm no cho muôn dân.

Khi phong trào Tây Sơn thành đạt thì chính hai vợ chồng trở thành tướng lĩnh của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ. Đó chính là Đô đốc Trần Quang Diệu và nữ Đô đốc Bùi Thị Xuân.

Trích: CÂN QUẮC ANH HÙNG TRUYỆN
CỦA NGUYỄN BÁ HUÂN (1848 – 1899)

Để minh họa rõ cuộc gặp gỡ của 2 vị tướng: Trần Quang Diệu
Bùi Thị Xuân.

...
Bụi lau cạnh suối bất thân cộp ra
Mỗi ngon trước miệng hổ già
Cộp vươn móng sắc nhảy qua chup liền
Diệu đâu phải kẻ tài hèn
Múa quyền tiến thối rất kêu vững vàng
Hai giờ chiến đấu ngựa ngang
Nổi xung cộp mới quay sang thế màu
Giả vờ mệt mỏi, cúi đầu
Dọa Trần Quang Diệu xông vào tấn công
Hai chân trước cộp đóng vung
Chup vai Quang Diệu máu hồng vọt ra
Tiếp theo vừa trảo vừa nha
Cẩn quào tới tấp thế đà hiểm thay
Họ Trần mệt nhọc xiết chi
Lui thì không được tiến thì làm sao
Bỗng nghe vó ngựa ào ào
Một nàng thiếu nữ khác nào Lộc Lan
Đến nơi, hạ mã, ly an
Tay vung song kiếm xông tràn cứu nguy
Cộp điên nào có kể gì
Bỏ Trần Quang Diệu đáp ngay họ Bùi
Thị Xuân chém trúng mõm đuôi
Cộp đau hoảng hốt vội lùi bên khe
Hai chân cào đất hăm hè

Lấy đà nhảy tới quyết đê Thị Xuân
Khen thay hữu dũng giai nhân
Kiếm vung như điện, mười phần tinh vi
Trúng thương cộp ngã tức thì
Lăn vòng mấy bận chạy ngay vào rừng
Một trường ác chiến lấy lừng
Khiến cho Quang Diệu cũng bưng chí trai
Cầm dao, xông bụi lướt gai
Đuổi theo cộp dữ dương oai anh hùng
Thị Xuân xem thấy ung dung
Bảo rằng: cộp gặp thế cùng chớ truy
Vết thương phải buộc ngay đi
Nếu không máu chảy như ri càng phiền
Nơi đây là chốn lâm truyền
Thuốc đâu băng bó cho yên thân này
Nhà tôi kể cũng gần đây
Dám xin rời bước đi ngay cho chầy
Thị Xuân Quang Diệu cả hai
Trở về trang trại đường dài ruối rong
Bước vào trình với Bùi Công
Cả nhà tiếp đón hết lòng chăm lo

...

Tây Sơn tam kiệt ra đời đã có tiếng vang rất lớn trong làng võ nghệ. Nó làm nòng cốt cho võ Tây Sơn phát triển và làm cơ sở cho võ cổ truyền Bình Định phát triển sau này. Nguyễn Huệ là người sáng lập ra võ Tây Sơn – Bình Định, mà Tây Sơn tam kiệt là khâu quan trọng. Ngoài ra sự đóng góp của các võ tướng như:

- Ngô Văn Sở là cháu nội của Đại tướng Ngô Mạnh, trở thành võ tướng quân Tây Sơn, thể hiện nhiều tài năng, là một đô đốc tài ba đầy mưu trí, góp sức cùng Nguyễn Huệ đánh tan quân xâm lược nhà Thanh.

- Võ Văn Dũng là một võ sư gia nhập đầu tiên vào phong trào Tây Sơn. Ông sử dụng trường kiếm rất uyên thâm và điêu luyện. Ông cũng là Đô đốc đầy uy lực của quân Tây Sơn.

- Nguyễn Văn Thuyết là người huyện An Nhơn, từ nhỏ đã có sức mạnh phi thường. Ông theo học võ võ sư Trần Kim Hùng, được thầy truyền dạy suốt 5 năm với những đòn thế võ tuyệt chiêu. Thành tài ông tìm đến gia nhập quân Tây Sơn sau cũng trở thành đô đốc.

- Nguyễn Văn Lộc quê ở xã Phước Sơn, Tuy Phước. Nhà nghèo phải đi chăn trâu, bí mật học võ, khi đạt đến trình độ võ nghệ cao cường, bèn xin gia nhập nghĩa quân Tây Sơn.

- Võ Đình Tú ở thị trấn Phú Phong, huyện An Khê. Từ nhỏ đã tỏ ra can đảm và hào phóng, được một nhà sư dạy cho võ nghệ và binh pháp trong 10 năm. Trở thành một thanh niên vạm vỡ và khỏe mạnh, tinh thông võ nghệ, côn, quyền xuất chúng, binh pháp thuần thục, giỏi bắn cung, nhảy cao và cưỡi ngựa dùng thiết côn đánh thắng 100 người. Được Nguyễn Huệ yêu thương. Ông đã lập nhiều công lớn trong quá trình quân Tây Sơn khởi nghĩa. Vào giai đoạn cuối của Tây Sơn trong một trận đánh nhau với quân Nguyễn Ánh tại Quy Nhơn, ông sa vào bẫy phục kích, phải tả xông hữu đột múa côn gạt phẳng bao mũi tên bắn tới của quân địch, sau cùng trúng tên chết ngay trên lưng ngựa.

- Lê Văn Hưng: Vốn là một tướng cướp ở Tuy Viễn, nhưng tính tình khoan hậu, cầm đầu vài ba chục thủ hạ, chỉ cướp của nhà giàu ở xa, chỉ đánh nhau với người đuổi theo. Sử dụng rất giỏi môn roi (côn), một đòn đánh ngã nhiều người, chỉ khi nào bức bách lắm mới đánh chết người. Bị triều đình truy nã gắt gao, buộc phải trốn tránh, rồi xin gia nhập quân Tây Sơn, từ người lính tiến dần lên hàng tướng.

- Lý Văn Bưu: Người huyện Phù Cát, từ nhỏ đã nổi tiếng nhanh và mạnh, có tài cưỡi ngựa múa kiếm phóng lao và bắn cung trăm phát trúng cả trăm, có biệt tài luyện ngựa chiến. Nhờ có tài thao lược nên được phong chức đô đốc của quân Tây Sơn.

- Võ Văn Nhậm: Người ở Quảng Nam vốn là quan của trấn thủ địa phương, có sức mạnh phi thường, đánh giặc giỏi. Tính tình phóng khoáng,

rất căm ghét bọn nịnh thần, cường hào ác bá. Không nén được tức giận có một lần đánh chết một tên cường hào, định ra đầu thú thì gặp Trần Quang Diệu và được tiến cử vào nghĩa quân Tây Sơn.

- Ngô Văn Sở: Người ở huyện Tuy Phước, có sức mạnh, võ nghệ cao cường, tinh thông binh pháp, cũng tìm đến quân Tây Sơn và xin gia nhập. Đã kết bạn tam giao với Võ Văn Dũng và Trần Quang Diệu.

- Anh em Nguyễn Văn Huân, Nguyễn Văn Danh: Người Quảng Nghĩa, nhà nghèo hiếu học, đã thọ giáo thầy Trương Văn Hiến và là bạn đồng môn với anh em nhà Tây Sơn.

- Nguyễn Huy và Tư Linh: Là những tên “lục lâm”, là những tráng sĩ võ nghệ cao cường, tính hung hăng, cũng theo về đầu quân cho nghĩa quân Tây Sơn.

Ngoài ra cũng còn có một số võ tướng nữa cũng tham gia quân Tây Sơn và đã đem tài năng võ nghệ của mình đóng góp cho sự phát triển dòng võ Tây Sơn.

V. VÀI NÉT VỀ VÕ TÂY SƠN

Sau khi đánh đuổi quân Thanh, đất nước thanh bình. Khi lên ngôi vua Nguyễn Huệ dồn công sức xây dựng đất nước về kinh tế, xã hội và quân sự. Công cuộc cải cách mới tiến hành dở dang. Thù trong lại ập đến, cảnh huynh đệ tương tàn. Sóng chung không được phải phân chia đất nước. Nguyễn Nhạc cai quản phía Nam. Nguyễn Huệ trấn giữ kinh đô Thuận Hóa. Hoàn cảnh này đã hạn chế rất nhiều chương trình cải cách. Rồi, bỗng nhiên Nguyễn Huệ từ trần sau cơn bệnh hiểm nghèo (mà lịch sử không xác định được bệnh gì?). Ông để một sự nghiệp dở dang, làm lung lay nghiêm trọng vương triều sụp đổ, làm tan nát tương lai đất nước.

Nguyễn Ánh lên ngôi, khủng bố tất cả những ai còn nhắc đến Nhà Tây Sơn, dùng chính sách đốt phá tất cả những gì mà nhà Tây Sơn xây dựng lên. Cấm đoán, trấn áp và khủng bố một cách hèn hạ, những võ đường rút khỏi chính trường. Những võ sư thời Tây Sơn rút vào bí mật, về sống ẩn dật ở làng quê. Họ vẫn kín đáo truyền đạt cho nhau về những nguyên tắc và các bài võ thời Tây Sơn.

Lịch sử đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm, xã hội nhiều đổi thay và võ nghệ có nhiều biến động. Nhưng võ Tây Sơn vẫn gìn giữ và lưu truyền trong dân chúng mãi đến ngày nay.

Có mấy nhận định về võ Tây Sơn như sau:

1. Thời kỳ Tây Sơn là giai đoạn võ nghệ phát triển thịnh hành nhất.

Mọi người đổ xô học võ với mục tiêu để tự vệ bản thân, mặt khác mà nhất là nam nữ thanh niên học võ để được gia nhập vào hàng ngũ nghĩa quân Tây Sơn. Võ xem như loại giấy thông hành để di chuyển từ nơi này sang nơi khác, nhất là đội ngũ thương gia. Họ muốn mang hàng lên Gia Lai thì phải qua đèo An Khê và Mang Giang. Muốn ra Quảng Ngãi phải qua đèo Bình Đê. Muốn vào Phú Yên phải qua đèo Cù Mông. Đường sá xa xôi, núi rừng hiểm trở, bọn lâm tặc, người trộm cướp lại nhiều. Cho nên buộc đội ngũ thương gia này phải tinh thông võ nghệ.

Ấp Tây Sơn là một địa danh của võ nghệ. Ở đây bao gồm nhiều dòng võ khác nhau như: võ ngoài Bắc (Đàng Ngoài), võ trong Nam (Đàng Trong), võ Trung Hoa (thiếu lâm) và võ người bản địa (gồm võ Chăm và các dân tộc khác). Từ khi ấp Tây Sơn trở thành căn cứ cách mạng của nghĩa quân Tây Sơn thì hoạt động võ nghệ lại càng sôi động và cũng tại đây võ Tây Sơn ra đời gồm ba anh em nhà Tây Sơn, mà nòng cốt là Tây Sơn tam kiệt, cộng với mười bốn võ tướng nhà Tây Sơn và một số môn phái khác hợp thành.

2. Võ Tây Sơn là dòng võ đã hệ thống và xây dựng được một nền võ học tương đối hoàn chỉnh bao gồm: võ lý, võ đạo và võ thuật.

Về võ lý đã đề ra nguyên lý biên soạn một bài võ gồm hai phần. Phần lời thiệu thường viết theo thể thơ theo thể loại lục bát hay ngũ ngôn... Một bài võ có từ 8 – 10 câu thiệu, mỗi câu gồm 9 – 12 thao (động tác). Phần động tác ít hay nhiều tùy theo lời thiệu với cấu trúc hài hòa giữa cương và nhu, với ngoại hình và nội công, với nhịp độ giữa nhanh và chậm... với các đòn thế nguy hiểm tùy theo bài võ đề ra. Võ Tây Sơn đã đề ra được nguyên tắc như:

Yếu có thể đánh mạnh

Nhỏ có thể đánh lớn

Gần có thể đánh xa

Thấp có thể đánh cao.

Các quan điểm này rút ra được ở Bài Hùng kế quyền của Nguyễn Lữ. Sau khi nghiên cứu thấy rằng: nguyên tắc này không những chỉ áp dụng cho bài Hùng kế quyền mà còn có thể áp dụng cho các bài quyền (có binh khí) khác.

Một số ví dụ để chứng minh cho nguyên tắc này là: võ cổ truyền Bình Định trước đây có thi đấu võ đài. Người thủ đài thách đấu nhau với tất cả võ sĩ mà không phân biệt tuổi tác, già hay trẻ, nam hay nữ, cao hay thấp và lớn hay nhỏ. Ai hạ được võ sĩ thủ đài rồi là thắng cuộc.

Nguyên tắc này xuyên suốt thời xưa mà hai cuộc chiến tranh chống Mỹ và chống Pháp. Người Mỹ và người Pháp to lớn dềnh dàng, sức mạnh, cân nặng gấp đôi người Việt Nam. Thế mà người Việt Nam ta nhỏ bé, thấp lùn đã hạ đo ván hai đấu thủ to lớn kia. Chiến thắng rất huy hoàng mà bản dân thiên hạ đến tán thưởng và khâm phục.

Về võ đạo, võ Tây Sơn đã đề cập đến “tâm đạo” và “tà đạo”

“Tâm đạo” là nói đến tu luyện tư duy đạo đức làm người, sống phải cao thượng, trung với nước, hiếu với dân. Trung thật với môn phái, truyền dạy những điều hay việc nghĩa. “Tà đạo” là những điều cấm kỵ đối với môn sinh như: không ham tử sắc, dâm ô trụy lạc, không rượu chè say sưa, gây lộn đánh người. Về võ thuật, võ Tây Sơn với nội dung: luyện công, luyện quyền, luyện binh khí và luyện tinh thần với phương tập luyện đơn giản mà mang lại hiệu quả cao như: Giai đoạn tự luyện, tập với các binh khí, tập với dụng cụ (bao cát, người nộm) và tập trên trận địa giả để làm quen khi xung trận.

3. Võ Tây Sơn là một nội dung huấn luyện quân sự và thiết thực phục vụ cho chiến đấu.

Ngay từ ngày đầu tổ chức xây dựng quân đội. Nguyễn Huệ đã đưa nội dung võ thuật là nội dung cơ bản để huấn luyện quân đội. Dựa theo yêu cầu thực tế chiến đấu của các binh chủng mà đưa môn võ nào cho phù hợp như: bộ binh thường sử dụng quyền, kiếm, côn... Kỵ binh và tượng binh sử dụng

kiếm, thương, đại đao và lao. Khi ở căn cứ Nguyễn Huệ phân công các đồ đốc theo sát từng binh chủng để đảm nhận công việc huấn luyện võ thuật và quân sự, phù hợp với khả năng và trình độ của từng người như: Bùi Thị Xuân phụ trách huấn luyện đội nữ binh và tượng binh.

Đội quân Tây Sơn hình thành nhanh chóng lớn mạnh và thiện chiến. Đã có công lập nên một vương triều nhà Tây Sơn. Trong đó có nhân vật quan trọng là vị hoàng đế áo vải đã cùng các võ tướng tài giỏi của mình đã đưa võ thuật vào quân đội, biến đội quân nông dân thành đội quân chính quy hùng mạnh, có kỷ luật nghiêm, có tinh thần chiến đấu cao, lại vừa tinh thông võ nghệ. Đội quân đó chiến đấu có lý tưởng mục đích rõ ràng. Trên thuận dưới hòa, thương yêu đoàn kết giúp đỡ nhau giữa lính cũ và lính mới để cùng nhau chiến đấu và xây dựng quân đội lớn mạnh. Võ Tây Sơn xây dựng trên nền tảng võ bản địa và các dòng du nhập giao lưu trên vùng đất này, qua giao lưu kinh tế, văn hóa qua nhiều thời kỳ, kết hợp với óc tổ chức thiên tài của Nguyễn Huệ với sự góp phần của các vị danh sư để xây nên một dòng võ với luồng tư tưởng mới. Đó là tính quyết tử trong chiến đấu, trong các bài võ và thế võ mà đã qua sàng lọc, rút tỉa và hệ thống của các dòng khác, cho phù hợp với đội quân nông dân của mình. Sau này, với những chiến công lẫy lừng của quân Tây Sơn. Khởi đầu từ trận đánh chiếm Quy Nhơn, trận Phú Yên (1775), tiếp sau là những trận đánh Gia Định, Rạch Gầm, Xoài Mút (1785). Rồi trận đánh thắng 29 vạn quân Thanh ở Bắc Hà (1789) đội quân Tây Sơn là đội quân bách chiến bách thắng, mà sử sách đã ghi chép đầy đủ.

Suốt chiều dài lịch sử, biết bao vị anh hùng dân tộc chống ngoại xâm đã để lại nhiều chiến công oai hùng, để lại những kinh nghiệm chiến đấu quý báu. Nhưng chưa có vị danh tướng nào đưa võ thuật vào huấn luyện quân sự như: Võ Tây Sơn của Nguyễn Huệ Quang Trung. Đây cũng là một trang sử mới.

4. Nguyễn Huệ, với võ Tây Sơn:

Một dòng võ, một môn phái võ mà không có Sư tổ thì rất hạn chế. Qua thực tế ở Bình Định thấy rằng: mỗi võ sư chỉ biết được người thầy của mình, còn ai là người dạy thầy mình thì không biết rõ. Nói đến Nguyễn Huệ cũng

vậy, thầy ông là Trương Văn Hiến, còn ai dạy cho thầy giáo Hiến vẫn không biết.

Việc xác định sự tổ của một dòng võ là rất khó khăn và quan trọng, cần đến nhiều nhà khoa học, nhiều nhân tài vật lực và nhiều thời gian tập trung nghiên cứu. Qua từng giai đoạn lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, đã xuất hiện nhiều anh hùng, nhưng không thể lấy người anh hùng này đại diện cho người anh hùng khác được.

Chúng ta biết rằng: Nguyễn Huệ là một bậc thiên tài về quân sự, xuất thân từ một người nông dân mà xây dựng một quân đội thiện chiến hùng mạnh, bách chiến, bách thắng, ông còn là một nhà tổ chức, cải cách xã hội bậc thầy. Sau khi đánh đuổi quân Thanh xâm lược ra khỏi bờ cõi Việt Nam. Ông bắt tay xây dựng Vương triều về kinh tế, xã hội và văn hóa. Ông còn là một tướng kiệt xuất, ông đã lựa chọn rút tỉa và hệ thống các dòng võ du nhập, võ bản địa và võ Trung Hoa có mức độ để lập nên dòng võ Tây Sơn độc đáo của mình, ông còn là nhân vật thu phục nhân tâm, đi sâu vào lòng dân, cho nên đã thu phục được nhiều anh hùng hảo hán, võ nghệ cao cường (14 võ tướng). Lực lượng nòng cốt của võ Tây Sơn gồm: ba anh em nhà Tây Sơn, Tây Sơn tam kiệt và 14 võ tướng của mình, ông cũng sáng tạo xây dựng võ Tây Sơn là một dòng võ có nền võ học hoàn chỉnh gồm: võ lý, võ đạo và võ thuật.

Do đó Quang Trung – Nguyễn Huệ là người sáng lập ra võ Tây Sơn. Hợp sức cùng nhau xây dựng nên dòng võ Tây Sơn còn có một số võ tướng như:

- Ngô Văn Sở là một võ tướng bậc thầy, là cháu nội của đại tướng Ngô Mạnh, cũng là thầy dạy võ cho ông. Ngô Mạnh đã từng phục vụ cho Nguyễn Phúc Khoát, khi Nguyễn Phúc Khoát qua đời (1705). Một quan to trong triều đình là: tướng Phúc Loan nổi dậy chiếm quyền binh lộng hành, gây thù oán lung tung, cảm thấy ở đây không sống ổn, cuộc sống luôn luôn bị đe dọa. Ngô Mạnh đành bỏ quê hương xứ sở vào lập nghiệp ở vùng đất Tây Sơn sống trong gia đình bà Bùi Thị Xuân. Dân gian còn lưu truyền chính ông đã truyền dạy cho Ngô Văn Sở và Bùi Thị Xuân về kiến thức quân sự, võ nghệ và kinh nghiệm chiến đấu trận mạc, Ngô Văn Sở là một

võ tướng tài ba, thể hiện khả năng của mình ở các trận mạc và rèn luyện binh võ. Ông là một danh tướng quan trọng của nhà Tây Sơn đánh đuổi quân Thanh xâm lược, đã lập nên nhiều chiến công hiển hách.

- Võ Văn Dũng: cũng là một võ tướng đại tài. Ông là người tham gia phong trào Tây Sơn sớm nhất, trên lưng ngựa ông sử dụng cây trường kiếm (có thể là cây đại đao), rất uyên thâm và lợi hại, ông cũng tham gia huấn luyện quân sự và võ nghệ cho quân đội Tây Sơn.

- Nguyễn Văn Hưng, Trần Văn Lộc và Nguyễn Trung Như.

VI. LƯỢC SỬ TÁC GIẢ QUYỀN: TÂY SƠN DANH TƯỚNG BÍ KIẾP NGUYỄN TRUNG NHƯ (1747 – 1803)

Nguyễn Trung Như sinh năm 1747 con ông Nguyễn Kim Châu và bà Lê Thị Yến ở làng Nhơn Phúc – huyện An Nhơn – tỉnh Bình Định, gia đình có 2 người con, trai là Nguyễn Trung Như, em gái là Nguyễn Thị Hiền, lớn lên lấy chồng và chết ở quê chồng. Nguyễn Trung Như theo học thầy giáo Hiến ở làng Thắng Công (An Thái) cả văn lẫn võ. Đến năm 25 tuổi thì cha mẹ của ông qua đời.

Một hôm Nguyễn Trung Như thưa với thầy: nghe phong trào Tây Sơn chiêu mộ hiền tài, con có thể lên đường giúp Tây Sơn được không? Thầy giáo Hiến đáp: nay đất nước đang trong lầm than mà anh em Nguyễn Huệ là người có chí lớn, nếu con tự nguyện lên đường giúp Tây Sơn thì đó là điều may cho quốc gia đại sự, ông từ giã thầy về nhà sắp xếp đồ đạc và tìm đến anh em Tây Sơn. Ông đã được Nguyễn Nhạc tin dùng và giao cho nhiệm vụ đi chiêu mộ hiền tài hào kiệt bốn phương. Nhờ bản tính thông minh lanh lợi, nên ông đi đến đâu cũng được dân chúng mến mộ và anh hùng hào kiệt hưởng ứng tham gia phong trào Tây Sơn, có những lúc ông đã đến những nơi xa xôi có những lò võ giỏi để trao đổi học tập và thuyết phục họ. Qua hai mươi mấy năm theo Nguyễn Huệ đánh Nam dẹp Bắc ông đã được phong Đô đốc quản những đội quân tinh nhuệ của Tây Sơn. Sau khi vua Quang Trung mất (1792) nội bộ bất ổn và bị nhà Nguyễn truy lùng gắt gao, ông đã từ bỏ quân ngũ trở về làng cũ làm ruộng. Mùa xuân năm Mậu Ngọ 1798, trước cảnh đao binh nhân dân khốn khổ, quần thần Tây Sơn ngày càng tan rã, các tướng trung thành sức cùng lực tận chống đỡ không nổi,

người thì bị bắt, người thì chết. Một buổi chiều, bên trường dạy võ, ông Như ngồi trầm ngâm im lặng hồi tưởng thời đã qua và từ ấy ông dồn tâm dồn trí vào việc biên soạn lại các bí kiếp của các danh tướng hào kiệt thời Tây Sơn mà nhiều năm ông đã lăn lộn sống bên nhau với họ. Ông soạn quyển: Tây Sơn danh tướng bí kiếp vào ngày 20 tháng 12 năm Kỷ Mùi (1799), lúc này ông 52 tuổi.

Sau đó ông từ bỏ quê nhà sang sống ở làng Thiết Tràng (Phù Cát) và tiếp tục dạy võ. Trong số môn sinh của ông có Nguyễn Trung Dung và Hồ Tâm Phúc là người được ông truyền thụ võ công đến nơi đến chốn. Một chiều sau khi đã cúng tổ ông cùng các môn sinh lên núi Tiêu Du dạo chơi ngắm cảnh trong lúc hứng thú ông đã vẽ những thế rồng phụng tụ nhau trên điểm cao. Sau đó ít lâu ông lâm bệnh và mất, thọ 56 tuổi.

Tác phẩm của ông lưu lại có quyển Tây Sơn danh tướng bí kiếp mộ hồn thu. Chia làm hai tập:

- Tây Sơn liệt quang chi bệnh pháp.
- Phổ đại Nam triều chi tướng thao.

Trong hai tập này ông đã ghi rất tỉ mỉ về các sở trường của những danh tướng thời Tây Sơn ví dụ như Quang Trung giỏi về kiếm và thương, Nguyễn Văn Lộc giỏi về roi, Bùi Thị Xuân giỏi về song kiếm...

Tài liệu này do thầy Hạnh Hòa ở chùa Long Phước xã Phước Thuận, Tuy Phước cung cấp.

Các tài liệu về thời Tây Sơn hiện nay rất hiếm. Tài liệu này nằm chung trong hệ thống sách phật, là một tài liệu quý mang tính khoa học rõ nét đối với các nhà võ. Vì là bằng chữ Hán nên việc dịch thuật rất khó khăn chưa thể công bố hoàn toàn được.

TÂM SỰ CỦA NGUYỄN TRUNG NHƯ

VỚI BÀI: ĐOẠN KHÚC ÂM HỒN KIẾM

(1743 – 1803)

Mặt trời vừa ló dạng, ánh hồng bắt đầu tỏa sáng khắp bầu trời phá tan bầu không khí tịch mịch của đêm tối. Đàn chim vỗ cánh cất tiếng kêu vang mừng khung cảnh buổi bình minh. Các cánh bông điệp trước nhà đua nhau đung đưa trước gió sớm, thoang thoang mùi hương quen thuộc, tô đậm thêm nét mộc mạc, buổi đầu buổi sáng đồng nội.

Ngoài kia bầu trời vẫn còn chìm trong không gian huyền ảo, trên chiếc gỗ mộc, ở giữa còn đĩa đèn dầu chong leo lét, lời tâm sự của đôi bạn tri kỷ mỗi lúc càng thêm bề bộn. Người bạn Lê Thụ Khoa quay người lại hỏi bạn: Anh (Trưng Như) anh chép quyển “*Tây Sơn Bí Kiếp*” ý nói là các “*Nghĩa sĩ Tây Sơn*” ấy là điều tốt nên ráng mà thực hiện cho bằng được. Nhưng tôi e rằng: Mai sau các con cháu không biết được cái thiết ở nơi anh! Vậy tối thiểu anh phải lưu lại một vài nét suy tư về tinh hoa của mình, để mai sau con cháu không còn dị nghị. Trưng Như suy nghĩ một lúc rồi hỏi lại bạn: Nếu như tôi ghi chép đầy đủ các bài võ của các nghĩa sĩ Tây Sơn cùng đưa luôn bài “*Đoạn khúc âm hồn kiếm*” tôi học được ở thầy giáo Hiến và ghi tên người biên soạn quyển sách này. Liệu con cháu của tôi nếu có mệnh hệ gì không? Lê Thụ Khoa đáp: Ấy là điều tất nhiên, nhưng anh phải thật khéo léo mới được, nghĩa là anh phải thận trọng chọn người biết tôn sư học đạo mà phò thác. Trưng Như không giấu nổi vui mừng, đôi mắt sáng ngời nhìn xuyên qua bầu trời trong sáng rồi quay sang nói với bạn rằng: Khi nay tôi rất định ninh việc này, nghĩ mãi mà chưa ra lối thoát, nay anh sinh đã phôi bày chỉ đường vẽ lối. Đây là dịp may mắn cho tôi lắm, nhưng còn một điều quan trọng nữa là phải tìm nơi trú ngụ khác mới được... Nghe qua Thụ Khoa lặng người một lúc rồi nói: Việc này cũng dễ thôi, anh thử nghĩ xem, những người hào kiệt ở đất Bình Định, đa phần là người bốn phương tụ tập về đây, họ đều đổi họ và tên để mai danh ẩn tích, hay tìm nơi làm ăn mới ở xứ lạ quê người để yên ổn làm ăn, có như thế mới mong bề yên ổn làm ăn, có như thế mới mong bề yên ổn. Còn mình là người Bình Định, quê cha đất tổ mình ở đây, con cháu mình sẽ tự hào biết bao, khi tiền bối của mình để lại tài sản

quý báu về võ nghệ. Trung Như mừng rỡ, ông yên tâm ẩn dật tại quê nhà mở trường dạy võ và dồn thời gian vào việc hoàn thành ghi chép Quyển “*Tây Sơn bí kiếp*”. Ông bưng tỉnh lại như vừa uống thuốc giải mê, vùng dậy đứng lên ra ngoài hít thở không khí trong lành như người vừa khỏi bệnh, thấy trước mắt mình một mùa xuân rực rỡ.

Trong khi hai người cười cười nói nói về chuyện khói lửa binh đao, chuyện hào khí của nhà Tây Sơn, đề phòng nhà Nguyễn tàn phá những di sản văn hóa của nhà Tây Sơn để lại, chuyện võ nghệ của các tướng lĩnh Tây Sơn vang bóng một thời, chuyện nước chuyện nhà, chuyện lo liệu cuộc sống riêng tư của mỗi người và nhiều chuyện khác nữa. Trục nhìn ra bên ngoài thì trời đã sáng tỏ. Lê Thụ Khoa bèn xin phép cáo từ ra về, nhưng Trung Như cố lưu người bạn tri kỷ ở lại chơi một ngày nữa. Cầm lòng không dứt chiều theo lời thỉnh cầu của bạn, hai người lại tiếp tục hàn huyên mọi sự việc trên đời, nhưng vẫn xoay quanh việc ghi chép và gìn giữ các bài võ của các tướng lĩnh nhà Tây Sơn. Sáng hôm sau Thụ Khoa xin từ giã ra về, Trung Như lưu luyến tiễn bạn ra khỏi ngõ, trong khi Thụ Khoa ngập ngừng quay lại đọc hai câu thơ:

*“Bình sanh liễu hậu âu dương lãng
Tổ đức niên trường đại sự xương”.*

Tạm dịch:

*Sóng biển gieo thù nay với hận
Trông về tổ đức gắng lo xa.*

Trung Như vui vẻ ứng theo:

*Nhất điểm tây thu triện
Bông chu tề hân duyên*

Tạm dịch:

*Trời thu vẽ nhạt bóng nghiên
Bến dò nững nịu cái thuyền sang sông.*

Tối đến Trung Như ngồi trầm ngâm ôn lại những chiêu thức từ lâu mà mình sử dụng trong chiến chinh vào sinh ra tử mà đã rút được kinh nghiệm, ông đem giấy bút ra nhớ ghi lại từng lời và từng câu thiệu. Dưới ánh trăng

sáng tỏ, ông cầm thanh kiếm ra khu vườn rộng tập võ. Lấy bài thiệu đọc và cất nhắc sàng lọc từng câu từng chữ, đưa từng thao tác cho thích hợp vào mỗi câu văn.

Đang mải mê tra cứu từng nét chữ từng đường thao, thành linh xuất hiện con rắn hổ mun phan vào cán ông. Trung Như tròng mình tránh khỏi, nhanh như cắt lia thanh kiếm định xả làm đôi con rắn, rắn ta đâu có sợ ngẩng đầu lên lao vào người Trung Như, nhưng bị thanh kiếm thuận thế phứt đầu con rắn lia khỏi cổ. Lúc này Trung Như mới sực nhớ tới chiêu “*Động địa quan*” mà qua bao năm khổ luyện, nay mới có cơ hội thực hành. Sau đó ông có cơ hội tra cứu lại các chiêu thức để thay đổi và đưa vào sử dụng trong bài “*Đoạn khúc âm hồn kiếm*”.

Bóng trăng sắp chiếu qua hướng Tây, Trung Như còn suy nghiệm lại Bài pháp một lần nữa, lắp ráp thao tác với lời thiệu thật khớp nhau từ hành pháp, lời văn riêng lẻ đến toàn bài hoàn chỉnh. Cuối cùng được thỏa mãn. Ông ung dung ngồi nhấp từng hớp trà, khi thấm giọng, đem bài thiệu ra ngâm với thú vui tràn trề, bất tận.

Bài “*Đoạn khúc âm hồn kiếm*” do thầy giáo Hiến truyền dạy tại lớp học cho nhà Tây Sơn, trong đó có Nguyễn Trung Như tham dự tại làng An Thái. Qua thực tiễn chiến chinh và cuộc sống Nguyễn Trung Như có điều chỉnh và đem chép vào quyển “*Tây Sơn bí kiếp*”, và được lưu truyền trong dân gian mãi đến bây giờ.

Bài “ĐOẠN KHÚC ÂM HỒN KIẾM”

段曲陵覓鈞

段曲陵覓

呼風喚雨

幽光晃鈞 夏

伏夢捏青虛

騰雲伏豔

剎比魔風

壩陳跑刑

檣羅閣納法

Dịch âm Việt: “ĐOẠN KHÚC ÂM HỒN KIỂM”

*Đoạn khúc âm hồn
Hô phong hoài vũ
U quang trường kiếm
Sa mộng kiệt thanh hư
Đằng vân phục lộ
Sát tử ma phong
Khiếp trận báo hình
Tinh la quang nạp pháp.*

Tạm dịch nghĩa: “ĐƯỜNG GƯƠM ÂM HỒN TỪNG ĐOẠN”

*Âm hồn từng đoạn
Kêu gió gọi mưa
Lia gươm trong tối sáng
Vào mộng đối trời xanh
Trước cõi mây sau núp bên đường
Tiết giặc như ngọn gió ma
Giữa trận lừng oai, khiến giặc chạy trốn
Rồi cắt nét gươm vào chiêu
“Trinh Sơ Quan”.*

Thuở đó Bài kiếm này rất thịnh hành trong giới võ lâm. Bởi vì cấu trúc của bài được hoàn hảo, phối hợp giữa công thủ toàn diện, độ sát phạt cao gồm nhiều đòn thế lợi hại. Toàn bài gồm 74 hành pháp liên thao, với 8 câu thiệu, mỗi câu thiệu có một hành pháp và cách đánh khác nhau.

- Câu một: Gồm 8 thao, chuyên dụ địch vào thế hiểm nghèo, vô phương chống đỡ, luôn luôn lâm vào thế bị động.

- Câu hai: Gồm 9 thao, chuyên xông pha vào vòng vây nguy hiểm của địch để đánh giải vây.

- Câu ba: Gồm 8 thao. Chuyên đánh công phá với nhiều loại binh khí khác nhau với nhiều người sử dụng nó.

- Câu bốn: Gồm 10 thao. Chuyên đánh phá giải vây, khi bị địch quân

vây hãm ở vào thế bất lợi, rồi chuyển từ thế thủ sang thế công.

- Câu năm: Gồm 10 thao. Chuyên đánh phục binh, chặn đường rút lui tháo chạy của loạn quân.

- Câu sáu: Gồm 9 thao. Chuyên đánh nhanh, đánh mạnh, đánh liên tục tới tấp, không cho địch quân kịp chống đỡ.

- Câu bảy: Gồm 10 thao. Đánh đuổi theo quân địch, rồi quay ra trả bại, dụ địch vào vòng vây bất lợi, dùng thế bí truyền hạ sát.

- Câu 8: Gồm 10 thao. Đánh cho quân địch hoang mang, chạy loạn xạ hỗn quân loạn quan. Đánh cho tới bởi không có thời gian chống đỡ.

Học xong bài kiếm này vào ngày 16 tháng 2 năm Mậu Ty (1768). Ông đem chép vào quyển “Phổ đại nam triều chi tướng thao”.

Phỏng theo câu chuyện:

THẦY GIÁO HIẾN DẠY BÀI “ĐOẠN KHÚC ÂM HỒN KIẾM”.

Vừa đến nhà thấy Trương Văn Hiến, Nguyễn Trung Như đã nghe tiếng ngâm thơ về Lý cây quỳnh và mộng của hoa phù dung. Ngồi trong nhà mọi người tâm đắc khen hay. Trung Như vừa vào nhà định lui xuống tìm chỗ ngồi thì có một ông già đầu tóc bạc phơ với dáng người oai hùng quách thước, vẫy Trung Như lại và hỏi thầy giáo Hiến, có phải thằng cháu này mà hôm trước đây phải không? Thầy giáo gật đầu vui vẻ đáp: Đúng, chính là đứa cháu này đây. Nó là một môn sinh ngoan đạo và ham học. Xem ra ông lão tâm đắc lắm.

Ánh trăng đã dội lên thêm hè, mọi người phân tán, đi theo thầy ra nơi tập võ. Thầy đứng uy nghi với phong thái nghiêm nghị, ra hiệu phát tay bảo các môn sinh quỳ xuống, im lặng lắng nghe thầy dạy. Hôm nay thầy dạy cho các con chiêu “Qua binh thước”. Chiêu này có công năng vào ra nơi loạn quân như đi vào chỗ không người. Thầy nói rõ: Đây là một trong tích xưa thời Tam Quốc “*Tam Quốc chí*” hay “*Tam quốc diễn nghĩa*” cũng là một tên. Triệu Tử Long là một võ tướng đầy tài ba thao lược, mưu sĩ bậc thầy, đã giúp Lưu Huỳnh Đức giải vây nhiều phen nguy hiểm. Có một lần Lưu Bị bị hùng binh của Tào Tháo vây đánh bị thất lạc. Triệu Tử Long phải có bốn phen theo phò Nhị Tẩu (hai bà vợ của Lưu Bị). Khi phu nhân Cam bị thất lạc, My phu nhân và một ấu tử còn nằm trong bọc vải, cũng còn nằm

trong vòng vây hãm của Tào Tháo. Triệu Tử Long múa thương xông thẳng vào đám loạn quân, đánh cho chúng thất điên bát đảo tháo chạy. Khi tìm gặp lại thì Cam phu nhân đã chết. Còn My phu nhân ôm con vào lòng khóc thảm thiết. Sự thế đã gấp lắm rồi. Triệu Tử mời phu nhân lên ngựa. My phu nhân không chịu mà trao ấu chúa cho Triệu Tử và dạy rằng: Tính mạng của ấu tử nhờ tướng quân lo liệu, nói xong bà nhảy xuống giếng gần đó tự tử. Trước bi cảnh này Triệu Tử lòng dạ rối bời. X xuống ngựa lấy đất lấp miệng giếng, rồi nhanh chóng quán ấu tử vào lòng lên ngựa phóng đi.

Tào Tháo thấy tướng của Lưu Bị một mình một ngựa tìm bề tẩu thoát ra lệnh cho quân lính chặn lại đánh. Triệu Tử Long một mình một ngựa xông pha giữa trùng vây, xa thì dùng trường thương đánh dạt, gần thì rút gươm (kiếm) ra chém liên hồi. Quân lính của Tào Tháo quá sợ hãi định chạy tháo lui. Tào Tháo nhìn thấy tướng của Lưu Bị tài quá, bèn ra lệnh cho quân sĩ bắt sống cho được. Quân lính của Tào Tháo vừa la hét, vừa vung gươm giáo xông vào vây bắt Triệu Tử Long. Thế lực của quân giặc vừa đông vừa mạnh. Trong giây phút lâm nguy, tính mạng ngàn cân treo sợi tóc. Triệu Tử Long không ham đánh, vừa đánh chống đỡ, lia kiếm dọn hai bên đường đánh trả, vừa tìm đường tháo lui. Quân sĩ của Tào Tháo vừa chết vừa bị thương nằm la liệt hai bên đường, cũng không dám liều mạng xông lên nữa. Khi rút lui đến cầu Trường Bản, Triệu Tử Long gặp Trương Phi trên đường ra trận để đánh giải vây Lưu Bị. Hai anh mừng rỡ xiết bao! Cùng bàn mưu tính kế đi tìm Lưu Hoàng Thúc.

Thế là tại trận Đương Dương, Triệu Tử Long một mình một ngựa xông pha tung hoành nơi trận mạc, càng đánh càng hăng gây cho kẻ giặc bạt vía kinh hồn và thoát hết trùng vây này đến trùng vây khác, đảm bảo an toàn cho mình và ấu chúa.

Thầy giáo Hiến nói tiếp: Người học võ mà không sử dụng chiêu thức “*Qua binh thước*” thì khi lâm trận thì khó bề chống đỡ. Nói xong thầy cầm kiếm vung lên lia lên xuống từng đường nét rõ ràng, cả lớp răm rắp tập theo từ từng thao một đến liên thao toàn bài. Tập một hồi lâu. Thầy đọc từng câu thiệu cả lớp vừa đọc lời thiệu vừa tập hành thao. Thầy kiểm tra từng người đều gật đầu. Duy có Nguyễn Huệ thầy chưa gọi đến vì thầy biết rằng: Nguyễn Huệ là một học trò thông minh, học ít hiểu nhiều vả lại có đầu óc sáng tạo, biết vận dụng các chiến thế võ vào thực tế cuộc sống và chiến

đấu. Cho nên không cần kiểm tra nhắc nhở.

Trong yên lặng, thầy oai nghiêm đứng lên bảo các môn sinh rằng: Qua ba hôm nữa, thầy sẽ dạy và kiểm tra hoàn cảnh bài “*Đoạn khúc âm hồn kiếm*”. Bài này có rất nhiều công năng, trong nét kiếm lia chứa đựng nhiều mưu mẹo, cho nên người xưa nhớ mãi hai câu thơ:

“*Giang hồ đệ nhất kiếm
Sa mộng kiệt thanh hư*”

Tạm dịch:

“*Khách giang hồ, gươm kia bậc nhất
Vào trong quân, đối cả trời xanh*”.

Đoạn trưởng cho cả lớp ra về, để lại bãi tập phía sau nhà trở nên vắng lặng.

Thời gian trôi qua nhanh quá, thoáng mà đã đến ngày thầy hẹn. Trung Như cố đi thật sớm, nhưng khi đến nơi đã thấy võ sĩ tập hợp đầy đủ rồi. Đến giờ học, thầy giáo Hiến cầm trên tay thanh bảo kiếm, phân tích từng phần, lia kiếm từng đoạn, rồi bảo cả lớp tập theo. Tập tới tập lui, tập đến thuần thuộc toàn bài. Một hồi lâu thầy theo dõi việc tập rèn của các môn sinh, cảm thấy vừa lòng, rồi tra gươm vào vỏ và dặn rằng: Việc tập thuộc bài là một việc mà quan trọng là khi sử dụng nó phải phát huy hết công lực của bài. Ví dụ: như câu chuyện Triệu Tử Long thầy kể hôm nào, các con ráng sức làm theo. Bây giờ thầy dạy sang “*Tâm pháp*”, cả lớp im lặng nghe và làm theo thầy. Tan lớp mọi người ra về ai nấy đều biểu lộ một niềm vui thầm kín.

Đêm nay ánh sáng mười sáu soi sáng cả bầu trời, xóm làng nhộn nhịp cảnh vật vui tươi. Đàn trẻ em nô đùa ca hát nhẩy múa dưới ánh trăng. Càng đổ về khuya, cảnh vật càng êm đềm, mọi người đang say trong giấc mộng. Trung Như ngồi thanh thản với chiếc đèn dầu leo lét, ôn lại những lời dạy của thầy, gói gắm tâm tư tình cảm của mình vào trọn bài “*Đoạn khúc âm hồn kiếm*”, rồi đem chép vào quyển “*Phổ đại nam triều chi tướng thao*”. Bên ngoài không gian vô tận, sông núi reo hò, tĩnh mịch đưa hồn người vào giấc mộng ngàn thu và ghi tạc công lao to lớn về nghiệp võ của Nguyễn Trung Như.

VÕ NGHỆ THỜI NHÀ NGUYỄN

I. SỰ SỤP ĐỔ CỦA NHÀ TÂY SƠN:

Sau khi lên ngôi, Nguyễn Huệ thiết chế nhiều cải cách về mọi mặt về: Kinh tế, xã hội, văn hóa và quân sự. Nguyễn Huệ còn chủ trương soạn thảo lại bộ luật “*Hồng Đức*” ban hành từ những năm 1470 – 1497 dưới triều Lê Thánh Tông (1460 – 1497) để đem lại cho nhân dân sự công bằng và tự do.

Tiến thay trong giai đoạn cuối, trong gia đình họ Nguyễn nhiều bất đồng và xung đột xảy ra giữa hai anh em Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ. Càng ngày càng trầm trọng, không thể dung hòa được, phải chia giang sơn ra làm đôi. Nguyễn Huệ trấn giữ từ Thuận Hóa trở ra. Từ Thuận Hóa trở vào Nam giao cho Nguyễn Nhạc cai trị. Hoàn cảnh này đã đem lại hậu quả là hạn chế thực hiện chương trình cải cách. Rồi bỗng nhiên Nguyễn Huệ qua đời (cái chết mà lịch sử không xác định được nguyên nhân), để lại một sự nghiệp dang dở. Cái chết bất ngờ này đã làm lung lay nghiêm trọng vương triều, đem lại một hiệu quả xấu, làm tan nát tương lai của đất nước. Sau đó con trai của Nguyễn Huệ là Hoàng tử Nguyễn Quang Toản lên nối ngôi khi mới có 10 tuổi. Nhưng chỉ là hình thức, vì tất cả quyền binh trong triều, đã ở trong tay Bùi Đắc Tuyên, người anh của Thái hậu, với bản chất là con người độc đoán chuyên quyền, Bùi Đắc Tuyên đã gây ra bấy nhiêu bất bình, lộn xộn trong hàng ngũ thượng quan trong triều đình, đã chia ra nhiều phe phái chống đối, chia bè gây cánh, tranh giành quyền lực triệt tiêu lẫn nhau, trên dưới cá mè một lứa không ai chịu ai, triều đình vô phương cứu chữa.

Lợi dụng hoàn cảnh này, Nguyễn Ánh là một lãnh chúa nhà Nguyễn, đang đồn trú ở Xiêm, trở lại tập hợp lực lượng, xua quân xâm chiếm đồng bằng sông Cửu Long, rồi tiến ra miền Trung, tiến ra phía Bắc để đánh đổ triều đại Tây Sơn, lập nên Vương Triều hậu Nguyễn kéo dài đến năm 1945.

Nguyễn Ánh khủng bố tất cả những ai nhắc nhở lại triều Tây Sơn. Tất cả những ai đã làm việc cho nhà Tây Sơn đều bị đuổi, theo dõi và hành quyết. Hai dân tộc BaNa và Hêrê đã tích cực tham gia phong trào Tây Sơn

đều bị giết sạch. Các tên quận Tây Sơn và di sản văn hóa đều bị xóa sạch trên bản đồ. Tất cả các dấu vết của thời Tây Sơn đều bị xóa sạch. Chúng triệt hạ nơi ở của gia đình Họ Nguyễn, phá tất cả nhà cửa vườn tược, khu căn cứ cách mạng của nghĩa quân Tây Sơn.

Trước sự khủng bố tàn ác, xấu xa và hèn hạ, những võ tướng còn sống sót tìm nơi ẩn dật lánh nạn, những võ đường đều rút khỏi chính trường, những võ sư đều lui vào hoạt động bí mật, vẫn tiếp tục dạy võ trong bóng tối ở những địa điểm kín đáo.

Những nguyên tắc và hệ thống võ lý của võ Tây Sơn vẫn được nâng niu giữ gìn và sống mãi trong lòng giới võ nghệ Bình Định, những võ sư cao niên đã hệ thống và ghi chép lại những bài, những kỹ thuật tổng quát, nhưng dấu không truyền dạy cho người địa phương vì sợ sự dòm ngó và nghi ngờ của nhà hậu Nguyễn.

Họ chỉ truyền dạy võ trong gia đình, trong dòng tộc, cha dạy cho con, anh dạy cho em, vợ dạy cho chồng, liên tục từ đời này sang đời khác. Võ Tây Sơn vẫn tồn tại cho đến ngày nay và mãi mãi không bao giờ bị tiêu diệt.

II. TRƯỜNG THI VÕ VÀ CÁC VÕ SƯ NỔI TIẾNG CỦA BÌNH ĐỊNH

Sau khi Nguyễn Ánh – Gia Long chiếm ngôi (1902 – 1920). Thời gian đầu dùng chính sách giết sạch, phá sạch những di tích của thời Tây Sơn, chúng quyết xóa sạch những dấu vết của họ, cấm đoán tất cả mọi người dân không ai được nhắc đến tên Tây Sơn. Tất cả những võ sư, các võ đường đều tan rã và lẫn tránh. Do đó nhân tài ngày càng cạn kiệt. Nguyễn Ánh chỉ chú tâm củng cố vương triều với hệ thống tổ chức mà chính mình sáng lập ra dưới nhãn hiệu là “*Gia Long*”.

Buổi đầu nhà Nguyễn, các quan võ đều thành qua đánh nhau với quân Tây Sơn, quân lính chưa được dạy võ nghệ một cách hệ thống, nên trong đời Gia Long chưa nói đến thi võ. Khi khủng hoảng quân tướng tài giỏi võ nghệ đã cạn kiệt, nếu không nghĩ đến đào tạo tướng quan thì e rằng khó giữ được vương triều. Sang đời Minh Mạng, năm 1826 mới mở việc dạy võ và học võ. Cho bắt đầu đặt binh giáo đường như một trường dạy võ. Đây chính là tiền thân của trường thi võ, có các cuộc kiểm tra định kỳ và sau quy định

ba năm thi võ một lần. Nếu ai thi trúng hạng nhất được dẫn vào ra mắt Vua và đợi chiếu chỉ quan tước. Nếu trúng hạn nhì, được triều đình cấp lương và ở lại học tập đợi ba năm thi lại.

Đến tờ đạo dụ năm 1836, Minh Mạng nói rõ sự quan tâm của mình đối với các võ tướng. Ông nói: *“Trẫm nghĩ bấy lâu nay, những bề tôi vâng lệnh chuyên trách trong việc đánh giặc, chỉ biết dựa vào tài năng sẵn có như: lòng yêu nước, bày mưu tính kế hay để chống kẻ thù, dẹp yên ngoại biên thật có công to lớn”. Nhưng chưa có khoa thi nào võ được mở. Vậy đối với những người tài giỏi võ nghệ, có can đảm, giàu mưu trí, hiểu biết tình lược (qua thi cử), sao ta không thu nhận họ vào lo công việc triều đình càng nhiều càng tốt, để phụng thờ triều đình khi quốc gia hữu sự.*

Chờ đợi nhân tài, nhưng hết đời Minh Mạng vẫn chưa tổ chức được cuộc thi nào, qui chế thi cử cũng chưa ra sao. Mãi đến mười năm sau, vào cuối đời Thiệu Trị năm 1846 mới ra được bản qui chế thi võ cụ thể và mới mở khoa thi võ đầu tiên của triều Nguyễn.

Những sửa đổi bản qui chế thi cử được hoàn thiện. Những hình thức thi cử cũng quy định rõ ràng. Dưới thời Minh Mạng, Thiệu Trị (1841 – 1847) người ta ghi nhận rằng: Thường chỉ một trong ba khoa thi (Hương, Hội, Đình) được tổ chức hằng năm, theo niên pháp, có nghĩa là:

1- Thi Hương, mở vào những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu (cấp cơ sở)

2- Thi Hội: mở vào các năm: Sửu, Thìn, Mùi, Tuất (cấp vùng)

3- Thi Đình: tổ chức tùy theo quyết định của Nhà Vua đang cai trị, khoa thi này phải được mở ngay sau khi thi Hội trong năm (hàm là tiến sĩ võ) ấy. Thông thường định mức của những khoa thi, là do sự cần thiết của triều đình về quan lại lúc bình thường. Nhưng khi có hoàn cảnh đặc biệt thì nhà Vua có thể điều chỉnh ngày tháng thích hợp.

Để phục vụ cho vương triều, nhà Nguyễn đã tổ chức các trường thi võ nhiều hơn để chọn nhân tài, đào tạo các loại quan lại từ dưới lên trên để phục vụ cho bộ máy từ triều đình đến cơ sở. Bình Định đã trở thành một địa phương được mở trường thi vào năm 1867 sau Hà Nội và cố đô Huế nhưng chưa mở được khoa thi nào.

III. VÕ SƯ BÌNH ĐỊNH THAM GIA CÁC KHOA THI CỦA TRIỀU ĐÌNH NGUYỄN:

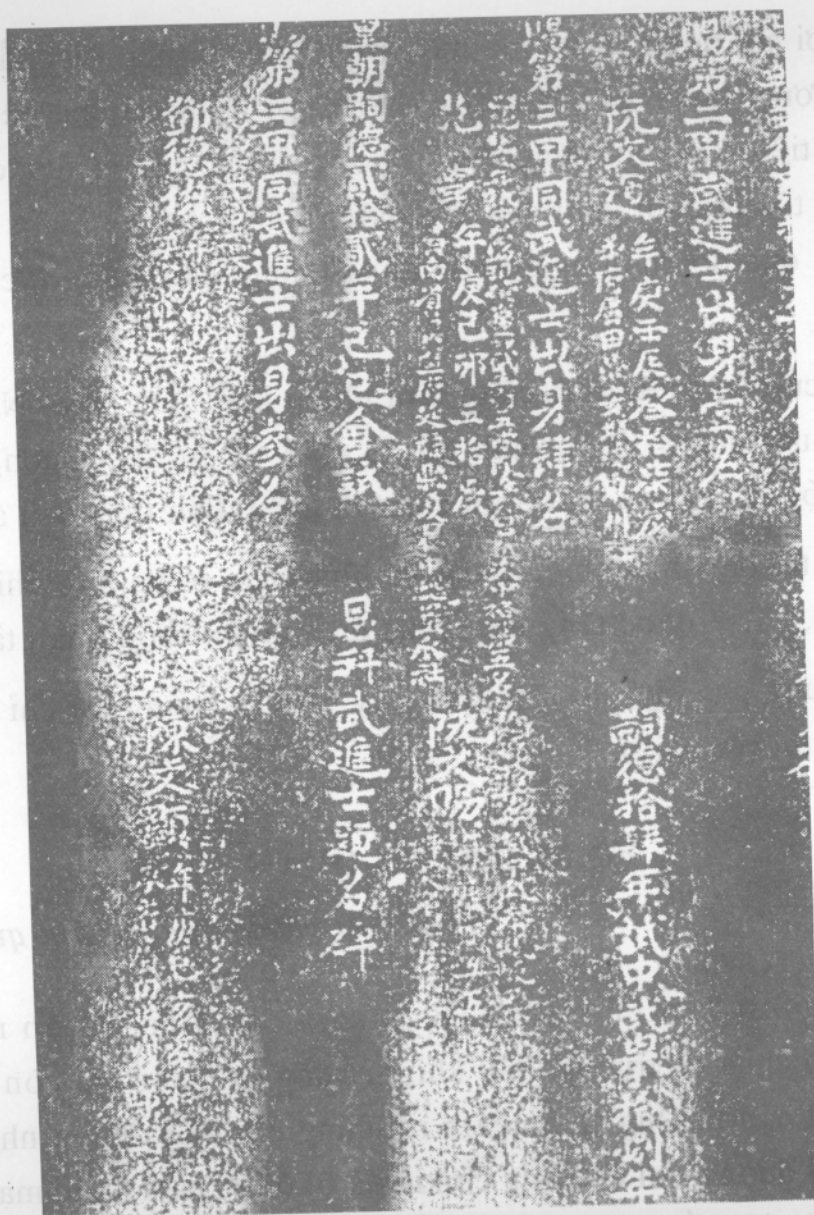
1. Tiến sĩ võ người Bình Định.

Thời gian này võ nghệ Bình Định đã được mở rộng, nhiều võ đường xuất hiện. Các môn sinh tham gia học võ dễ dàng hơn, nhiều nhân tài võ nghệ được phát hiện. Các võ sư Bình Định tham gia nhiều khoa thi (Hương, Hội, Đình).

Nhiều võ sư tài giỏi Bình Định tham gia khoa thi “Đình” được triều đình mở tại Huế vào năm 1865 (kỳ thi đầu tiên). Năm Canh Thìn (1880) thi cả văn lẫn võ tại kinh đô Huế là kỳ thi cuối cùng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn ở nước ta. Trong kỳ thi này triều đình đã đúc kết chọn lọc, kế thừa và hình thành tập sách có tên là: “*Bình pháp thư*” để làm tài liệu giảng dạy và đào tạo quan lại và các trường thi võ của triều đình. Sách “*Bình pháp thư*” gồm 15 bài thiệu bằng chữ Hán, hai bài thiệu bằng chữ Nôm. Bài mở đầu có tên là: “*Võ kinh tự*”, bài cuối có tên là “*Võ ký khoa văn*”.

Trong khoa thi năm Mậu Thìn (1868) và năm Kỷ Tỵ (1869) có hai võ sư Bình Định thi đậu tiến sĩ là:

- Nguyễn Văn Tư – Sinh năm Đinh Sửu, 52 tuổi đậu đệ tam giáp đồng
- Đặng Đức Tuấn – Sinh năm Giáp Ngọ, 36 tuổi, người huyện Phù Mỹ, đậu đệ tam giáp đồng.



Sắc phong tiến sĩ võ (nguyên bản chụp lại)

Vua Tự Đức thứ XXI (1868), Ban ơn cho Phong tặng, Đệ tam giáp đồng võ tiến sĩ xuất thân cho khắc tên vào bia đá, bia được đặt tại khu Vạn Thanh ở Huế. Khu Vạn Thanh cho đặt rất nhiều bia gồm Tiến sĩ Văn và Tiến sĩ Võ. Hai tiến sĩ võ của Bình Định làm gì ở triều đình Nguyễn? Cho đến nay vẫn chưa thấy sử sách nào ghi lại.

2. Các võ sư nổi tiếng của Bình Định

Trường thi võ được thiết lập ở Huế vào thời Minh Mạng (1836). Lúc đó cả nước mới có 2 trường thi võ ở Huế và Hà Nội để chọn tiến sĩ. Đến cuối năm 1867 do yêu cầu cấp thiết chọn những võ tướng nên triều đình đã chọn

Bình Định, nơi nổi tiếng về võ mở một trường thi võ nữa. Ban đầu thực tế là trường thi Hương, tuyển cử nhân võ (không gọi là tú tài như bên văn). Nói như vậy là vì tiến sĩ võ gọi đúng tên là tạo sĩ và được phong chức chỉ huy. Ở trường võ khi tổ chức thi phải qua các môn: binh thư trận, huấn luyện và tổ chức quân sĩ... qua đó chọn người có văn võ song toàn, dũng lực, tinh thông binh thư.

Việc thi cử của triều đình cũng lắm nhiều khê mưu mẹo. Những người tổ chức chỉ muốn người triều đình thi đỗ, các võ sư địa phương khó lòng địch hại với họ, và nếu có thi đỗ thì cũng bị triều đình tìm cách ám hại.

Nội dung thi quy định nhiều môn, về hình thức có ba loại: thi hương, thi hội và thi đình, và sẽ được tăng theo mục đích tuyển chọn nhân tài cuộc thi.

Để tập trung cho chủ đề tập sách này, ở đây chúng tôi chỉ đề cập về nội dung môn thi roi (côn).

VÕ SƯ TRUNG QUÂN

(Thi đấu mà không ra làm quan)

Thời bấy giờ ở Thọ Lộc (Bình Định) có võ sư Trung Quân ra Huế thi võ vì Bình Định chưa có trường. Sau khi thi xong các môn chỉ còn môn cuối là thi roi với 10 người. Ông Quân cầm roi đứng đợi ông cử thứ nhất ra đấu. Chỉ mới qua vài đường, roi của ông cử kia đã bị ông Quân khắc mạnh bị gãy và văng xa cách đó đến khoảng 30m. Ông cử thứ hai xách roi ra đấu tiếp, võ sư Trung Quân lúc này không sử dụng đòn đánh trước mà lại giả vờ như buông rơi đầu roi ra khỏi tay, nhưng đầu thủ của ông lúc này không phải là hạng xoàng và cũng hiểu rõ đó là thế rất lợi hại. Ông cử này đã dùng thế phá nhằm đá đầu roi văng ra xa rồi thừa thế xông tới đâm thẳng. Và tin chắc là thắng cuộc. Nhưng vừa rắc một tiếng thì chiếc roi trên tay ông cử này đã bị gãy và đồng thời ông cũng bị quật ngã.

Nhân đây xin nói thêm về thế “Lạc côn”. Đây là một thế dùng đánh lừa đối phương. Thả tay trước cho đầu roi rơi xuống đất giữa hai chân của đối thủ. Nếu đối thủ không biết thì khi roi vừa rơi chạm đất thường vội vàng tranh thủ sấn tới đâm là coi như đã lâm mưu kế. Và sau đó người cài thế

bước sang một bước tránh đầu roi của đối thủ, cầm nhanh đầu roi mình lên lật nhanh một cái giữa hai chân đối thủ. Khi đối thủ bước tới thì đầu roi đã được hất lên làm cho lúng túng không sử dụng được roi của mình. Nếu người sử dụng thế này khỏe mạnh thì có thể dùng đầu roi hất đối thủ lên cao, ngược lại thì bằng thế này cũng hất một chân của đối phương làm cho chới với. Muốn phá thế này đối thủ phải nhanh chóng lấy gót chân của mình đá cho đầu roi kia văng ra rồi mới vào đâm, làm cho đối phương không né tránh được chỉ còn lui chạy. Trong thế này, võ sư Trung Quân không chạy lui mà chụp lấy đầu roi kia bẻ trái làm cho đối thủ ngã và roi bị gãy. Khi nói về Trung Quân, võ sư Đoàn Phong có kể lại giai thoại sau khi đi thi ở triều đình về, ông Trung Quân làm già làng đóng cày bừa như một lão nông thực thụ chứ không có dáng dấp gì của một ông võ quan. Một hôm dân làng mở một cuộc săn cọp ông cùng đi không dùng dao mà nhổ một gốc tre già cả gốc chuốt cho láng một đầu để cầm. Ông được phân công cùng cháu nội gác một góc. Khi con cọp bị sa lưới ông cầm gốc tre đứng nhìn, hai bên hăm hăm và ông đưa gốc tre lên nhằm vào đầu cọp giáng xuống. Con cọp đưa hai chân lên bắt nhưng đã bị vỡ đôi đầu ra và chết tươi. Từ đó tiếng lành đồn xa lừng danh ông Trung Quân dùng gốc tre thay roi giết cọp.

VÕ SƯ BẦU ĐÊ, DANH BẮT HƯ TRUYỀN

(Không thi mà đậu cao)

Ở Bình Định khi nói đến các danh sư thì người ta nghĩ ngay đến Bầu Đê một người rất nổi tiếng của làng võ Bình Định. Bầu Đê quê ở huyện Tuy Phước, ông có một cá tính khác với các danh sư khác là không bao giờ đi thi võ nhưng không một kỳ thi nào mà ông bỏ qua không đến xem, Bầu Đê chuyên sử dụng roi trường, và tài điều luyện của ông đã làm nhiều người bái phục. Ông cũng rất tinh thông kỹ thuật về roi đấu. Các võ sư giỏi về roi ở Bình Định rất ngại khi phải so đấu với ông, và nếu nhận đấu thì ít nhiều cũng phải bị đấu lọ ở nách hay trên ngực do bị dính đòn của ông. Đối với ông những môn thi quy định ở trường thi là những môn vô bổ và phải chăng vì thế mà không bao giờ ông đi thi... Thông thường, ở các cuộc thi sau khi đã tuyển chọn được các người võ nghệ tài giỏi, thì Ban giám khảo sẽ mở tiếp

kỳ phúc hạch để phân hạng, kỳ phúc hạch này là cuộc đấu roi trường được làm bằng gỗ rất chắc và dẻo, dài 7,5 thước ta (2m625), to bằng cổ tay, đầu nhỏ bằng cán cuốc. Để tránh nguy hiểm khi thi đấu ở đầu roi nhỏ có bọc giẻ trong có tóc và được thắm lọ để người bị đánh đòn còn để lại dấu vết trên mình và đó là căn cứ để tính điểm. Ông Bầu Đê thường chờ cho cuộc thi đấu xong đã phân hạng nhất, nhì thì mới cầm roi vào xin phép Ban giám khảo cho ông được thi đấu với các vị kia và thường vào thi đấu thì các vị tân khoa đã bị ông đánh văng roi và chịu thua. Đến ông cử nhì dù có thận trọng hơn để không bị văng roi, nhưng roi trong tay bị niêm cứng và bất thành linh nhanh đến nỗi không ai kịp nhìn đòn thế ra sao thì đã nhìn thấy ông cử nhì ngã ngửa và cây roi rơi nằm một bên, cùng lúc cây roi của Bầu Đê đã thọc vào đúng bụng. Bầu Đê thu roi và đỡ ông cử đứng dậy. Tuy đầu roi của Bầu Đê đã được bọc giẻ nhưng vùng bụng của ông Cử đau nhói phải uống rượu mật gấu mới thấy bớt. Từ những trận đấu này mà nhiều danh sư đã đến gặp Bầu Đê tôn làm sư phụ.

Sau khi hai ông cử bị thua Bầu Đê thì Ban giám khảo đưa ông cử thủ khoa ra đấu. Sau khi qua lại vài đường roi, bỗng Ban giám khảo bảo dừng lại và tuyên bố hòa nhau. Có hai người phản đối là quan Chánh lãnh binh trong Ban giám khảo và ông Bầu Đê. Ban giám khảo chưa kịp lý giải thì ông cử thủ khoa đã tiến ra đấu trường xin chịu thua và đưa hai tay lên thì ở hai bên nách đã có hai dấu lọ khiến ai cũng ngạc nhiên bái phục tài nghệ của Bầu Đê. Quan Chánh lãnh binh vốn là tiến sĩ võ, đã ngửa nghề cỡi áo cầm roi xuống sân đề nghị Bầu Đê thi đấu 10 hiệp. Bầu Đê khiêm tốn từ chối nhưng quan Chánh nói là cứ thi đấu để ông biết thêm về kỹ xảo đánh văng roi và đâm nách của Bầu Đê. Hai bên tiến ra thi đấu, hai roi đánh vào nhau qua lại. Bầu Đê xin phép trở tài và tức khắc roi của quan Chánh đã bật khỏi tay. Chờ quân sĩ nhặt roi đưa cho quan Chánh, hai bên lại quần nhau và Bầu Đê lại trở tuyệt kỹ thứ hai. Lúc sau quan Chánh nhả ra và hô: xin thua. Bầu Đê thu roi, quan Chánh cầm roi vái chào và nói: thật là roi thần, ta đã gặp hàng trăm cây roi bậc thầy nhưng chưa có cây roi nào cao thủ như thế. Thật là bậc thầy. Ban giám khảo mời Bầu Đê thưởng rượu và cho một cây lụa. Lúc này quan Chánh giơ cao tay trái lên cho mọi người thấy vết lọ trong nách do Bầu Đê ghi trúng. Mọi người chưa biết ông bị đâm lúc nào thì ông

nói: “Dù ông đã cố giữ chặt roi nhưng vẫn bị đánh văng roi ra xa và bị đâm vào nách, dù tay ông vẫn khỏe hơn tay Bầu Đê”. Bầu Đê thông thả thưa: “Đó là phép mượn sức người đánh người. Đánh văng roi quan lớn không phải dùng sức tôi mà là sức của tôi và quan lớn cộng lại, nhưng phải đánh lựa chiều nghịch với hướng các ngón tay bấu lại để roi khỏi bị tuột trong khi đó tay roi của quan lớn vì bị tuột nên bị văng ra”. Nghe xong quan Lãnh binh khen hay và hỏi tiếp là kỹ xảo đâm vào nách thì sao? Bầu Đê thưa: “Thường với mình khi đã canh giữ nhiều thì cho là kín nhưng cũng có những kẽ hở rất bất ngờ. Tôi đã lựa chỗ hở này để tấn công. Đâm vào nách là một kỹ xảo mà chúng tôi gọi nôm na là “đâm so đũa”. Lúc đầu roi của quan lớn đâm tới ngực tôi, tôi đã luồn đầu ngọn roi của tôi theo thân roi của quan lớn mà đâm tới. Nếu hai bên đều vô tình thì mỗi bên sẽ bị nhận một vết lọ, nhưng tôi đã chủ động gạt đầu roi của quan lớn ngay sau khi quan lớn thẳng tay, xoay người. Lúc này quan lớn cứ tưởng là đã đâm trúng ngực tôi, nhưng chính khi đó đốc roi của tôi đưa từ dưới lên gạt đầu roi của quan lớn ra. Vì tiếc là đâm chưa trúng nên quan lớn cả mắt và tâm đều chú ý đến đầu roi để đâm tiếp phải gìm đầu roi xuống lại, đốc roi và tay cầm có đưa lên cao. Chính lúc này đầu roi của tôi đã điểm vào nách quan lớn. Bí quyết là ở chỗ đó”. Quan lớn đứng dậy vái Bầu Đê và nói: “Thật là bài học đáng ngàn vàng, tôi sẽ theo đó mà tập luyện thêm”.

Về kỹ thuật đổi tay roi cũng như đấu kiếm một tay bất ngờ đổi tay đã gây bất ngờ và nguy hiểm nhiều cho đối phương. Tay kiếm sang thì tương đối đổi dễ, nhưng tay roi sang đòi hỏi kỹ thuật cao vì roi trường thường cầm tay phải ra trước tay trái giữ đốc roi, ngực phải ra, trước ngực trái ra sau để che tim. Muốn đổi tay rất khó vì đốc roi luôn bị đối phương kìm chặt không thể buông ra được, mà phải dùng động tác vỗ đâm với roi ra trước cho đốc roi đến vừa tầm tay phải, lúc ấy tay trái mới từ trong vuốt vào roi cầm đoạn trước thay cho tay phải.

Câu chuyện về Bầu Đê do học trò của ông là Lê Công Trí, tục gọi là Hương Lễ Nghè con của ông Lê Công Đạo ở An Định (xã Nhơn Thạch - Quy Nhơn) kể lại. Ông là một võ sư có ngọn roi tuyệt chiêu nhất là về roi chiến (ngang tầm người) đánh cả hai đầu, khó có người địch lại, mà ông đã học của Bầu Đê. Vì vậy, mỗi lần tổ chức tết Tây (14/7) hoặc lễ Vạn Thọ

(Sinh nhật Bảo Đại) có thi đấu roi thì các võ sư đều tôn ông làm sư trưởng để khi có gặp một võ sư cao cường khác không thể đấu lại thì mới mời ông ra thi đấu và bao giờ phần thắng cũng thuộc về ông. Một lần tổ chức tết Tây có đấu roi tại sân nhà thờ Quy Nhơn, có một thị vệ ở Huế vào là một tay roi cự phách. Các võ sư danh tiếng như Chức Giác, Bảy Lịch và cả Hai Tửu cũng bị ông ta đâm lọ vào ngực. Lúc nguy cấp này ông Hương Mục Ngạn mới cho đi mời ông Hương Lễ Nghè tới giáp trận. Và với tuyệt chiêu đâm so đũa mà thầy Bầu Đê đã truyền, ông Hương Lễ đã thắng đối phương một cách oanh liệt. Riêng kỹ nghệ đâm vắng roi chưa thấy ông Hương Lễ thi thố lần nào, chỉ có dạy cho học trò mà thôi.

Trở lại chuyện Bầu Đê, một cây roi chiến thượng thừa để chúng ta thấy và hiểu đúng hơn về con người của ông. Là một con người thật thà, chất phác ông có nhận dạy võ cho một số học trò (trong đó có Hồ Ngạn). Vì khi thu nhận đệ tử ông chú trọng đến truyền dạy võ nghệ mà không chú tâm đến nhân cách hành vi hàng ngày của học trò, đã dẫn đến cái chết của ông thật oan uổng bi thảm. Một hôm Bầu Đê đang ở nhà thì có người đến báo là học trò của ông đang bị vây đánh. Nghe được tin không kịp mặc áo, ông vội vàng chạy đến nơi thấy học trò của mình đang bị cả làng vây đánh. Không kịp hỏi đầu đuôi, Bầu Đê đã xông vào giải cứu cho học trò mình. Sau khi học trò đã chạy thoát chỉ còn mình ông tả xông hữu đột với dân làng. Hễ mỗi lần mõ làng nổi lên với nhiều tiếng hô: Ăn cướp – Ăn cướp thì dân làng lân cận lại càng đổ đến đông để tiếp sức. Vì “Mãnh hổ nan địch quần hồ” không cân sức, cân người hai bên quần nhau cho tới chiều tối. Bầu Đê bị thương tích khá nặng. Mãi lúc đó có người hô lớn: Đừng đánh nữa, ông Bầu Đê đó không phải ăn cướp đâu. Mọi người nghe vậy và vì thấm mệt nên bỏ nhau kéo về. Lúc này ông đã kiệt sức, nhưng cũng không hiểu tại sao học trò mình bị vây đánh. Ông đã cố trở về với trên mình đầy vết thương máu chảy khắp người. Đến bên con suối gần nhà thì ông gục xuống và ngất xỉu. Học trò đi tìm và mãi gần sáng mới phát hiện ông bên bờ suối đang thoi thóp. Khi đưa ông về nhà, ông chỉ trần trối mấy câu thì mất. Và cho đến lúc này ông không hiểu vì sao bị dân các làng vây đánh cho đến chết. Cái chết của ông thật oan uổng và bi thảm, vì ông có biết đâu học trò của ông đã đi ăn cướp của dân, mà ông không hay biết. Người sau vẫn lưu truyền câu chuyện này như một bài học.

CHƯƠNG BA

CÁC MÔN PHÁI NỔI TIẾNG VÔ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

MỤC MỘT

CÁC MÔN PHÁI TRONG TỈNH

I- ROITHUẬN TRUYỀN VÀ TÊN TUỔI VÕ SƯ HỒ NGẠNH

Khi nói đến roi Thuận Truyền thì mọi người trong tỉnh Bình Định nói riêng và những người hiểu biết về roi cả nước không thể không kể đến tên tuổi võ sư Hồ Ngạnh, một con người nổi tiếng nhất ở đây về roi chiến và coi như người chân chính của võ Tây Sơn – Bình Định.

Có một lần do ham vui mà ông đã vào Phú Yên theo lời rủ rê của bạn bè. Hồ Ngạnh thật không ngờ chuyến đi chơi ấy thật ra là chuyến ăn cướp có tính toán nhằm một nhà giàu người Hoa ở Phú Yên. Chủ nhà là dòng dõi vong thân nhà Minh nên võ nghệ khá cao cường. Khi cả bọn xô cửa vào đã thấy chủ nhà cầm cây roi đứng chờ sẵn. Vì nhà có một cửa vào mà chủ nhà chủ động tấn công tới tấp nên có người đã bị thương. Khi ấy Hồ Ngạnh còn đứng ngoài thấy như vậy kêu bạn bè lui ra để một mình ông vào. Qua mấy đường thi đấu thì ưu thế đã thuộc về ông, chủ nhà thấy yếu thế đã lùi vào sân. Sau một hồi giao đấu Hồ Ngạnh đã sử dụng tuyệt chiêu chọc một roi xuyên luôn qua người đối phương. Đánh xong ông không nói năng gì mà lẳng lặng bỏ ra về. Từ đó tiếng tăm của ông lừng lẫy, nhưng cũng câu chuyện đi ăn cướp này đã làm ông khổ tâm và dần vật mải.

Từ lâu Hồ Ngạnh nghe tin ở An Thái có người Hoa kiều tên Tàu Sáu (Diệp Trường Phát) võ nghệ thật cao cường, nhất là về võ Thiếu lâm Trung Quốc, ông rất muốn tiếp kiến, trước làm chỗ thân quen, sau thử tài và tìm hiểu thêm về võ Tàu. Tại nhà Tàu Sáu, Hồ Ngạnh đã thuyết phục ông nhận giao đấu. Để tránh nguy hiểm, hai bên đã mặc võ phục, tay quấn vải và không được đánh mạnh vào thân nhau, mà chỉ dùng kỹ thuật điểm vết trên

võ phục của nhau. Thời gian đấu là tàn cây nhang 3 tấc ta và đấu quyền trước, đấu roi sau.

Hai người ra sân tập, Hồ Ngạnh chấm hai tay vào mực đỏ, Tàu Sáu chấm hai tay vào mực xanh, cùng bái tổ và vào cuộc. Hai bên đánh nhau nhanh như chớp và quần nhau liên tục. Sau một hồi bỗng Hồ Ngạnh nhảy ra và nói: Thôi đủ rồi, quả là danh bất hư truyền, Tàu Sáu bắt tay ông và chỉ vào người mình nói: Bốn vết mực đỏ của anh... Hồ Ngạnh tiếp lời: Hai vết mực xanh của anh trên ngực tôi đây cũng đủ hạ tôi rồi, tôi phục anh lắm, thôi bây giờ ta sang đấu roi.

Hai cây roi mỗi đầu có bọc vải trắng có đệm bông được đưa ra. Một thấm mực xanh do Hồ Ngạnh cầm, một thấm mực đỏ do Tàu Sáu giữ. Nhang được đốt lên lại và hai người giao đấu. Những tuyệt kỹ được hai bên tung ra, người phản công, người tấn công hai bên qua lại rất nhanh và cũng rất nguy hiểm. Hồ Ngạnh thử dùng đường roi sát thủ bí truyền xem đối phương đối phó ra sao, tấn công liên tiếp làm Tàu Sáu không kịp phản công mà chỉ lo chống đỡ. Sắp tàn cây nhang Tàu Sáu nhảy ra ngoài và nói: Vạn lần cảm ơn anh đã nhường tay, thật cảm phục vô vàn. Những vết roi của anh điểm vào rất đúng chỗ hiểm huyệt, thật tuyệt quá. Hồ Ngạnh mỉm cười nói: Những vết mực của anh đây cũng độc đáo lắm. Kể từ lần giao đấu ấy, hai người thân nhau và kết nghĩa thâm giao. Tàu Sáu đã tặng Hồ Ngạnh câu:

- *Đoản côn Thuận Truyền duy hữu nhất*

(Roi Thuận Truyền chỉ có một)

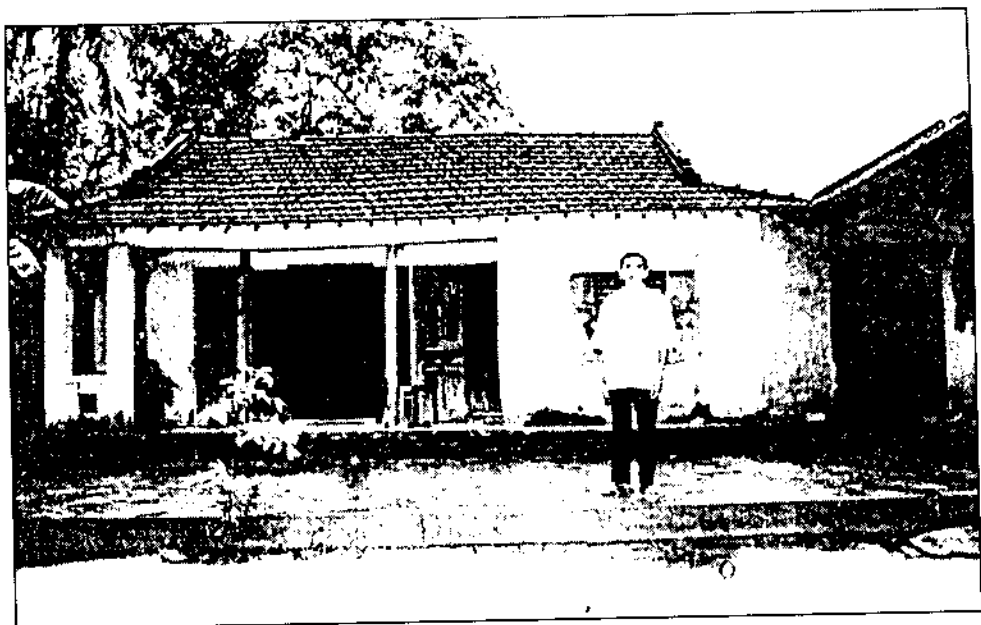
Hồ Ngạnh cũng tặng lại câu:

- *Thủ vũ An Thái ngã vô song*

(Tay quyền An Thái cũng không hai).

(Tàu Sáu tên thật là Diệp Trường Phát, sinh năm 1896 ở Trung Hoa sang Việt Nam làm ăn. Lúc nhỏ ông học võ Thiếu lâm ở quê nhà, sau này sang sinh sống ở làng An Thái. Ông có hai người con là Diệp Bảo Sanh và Diệp Bảo Sơn đều là võ sư nổi tiếng ở Bình Định một thời).

Sau này, triều đình có triệu Hồ Ngạnh ra kinh đô dạy võ cho một số thanh niên Hoàng tộc. Trong số này có một người rất thông minh và lại rất muốn thử tài với thầy, tạo mọi cơ hội thượng đài so tài với các danh sư khác, có thể mới có hy vọng học được ngọn roi bí truyền của thầy. Lúc ấy có một nhóm Sơn Đông mãi võ có mặt tại chợ Đông Ba, trong đó có tên Trịnh Hoàng Kế là võ sư thượng đẳng môn đại đao sẵn sàng nhận thi đấu với bất kỳ ai. Ông Hoàng môn sinh của Hồ Ngạnh đã vui vẻ và sốt sắng đứng ra tổ chức cho thầy mình đấu với Trịnh Hoàng Kế. Võ đài được lập tại khu chợ Gia Lạc. Qua nửa giờ thi đấu những người ủng hộ Hồ Ngạnh thấy ông ở thế bị động, rất lo lắng vì thông thường ông đánh trên khoảng gò rộng còn ở đây võ đài di chuyển bị hạn chế vì hẹp, nên Hồ Ngạnh khó di chuyển. Thanh đao của đấu thủ vun vút tung ra những độn thế lạ. Bỗng ông Hoàng hét to: “Xin dừng trận đấu”, cũng vừa lúc roi của ông Hồ Ngạnh bị chém làm hai khúc. Lập tức được thay thế cây roi khác, nhưng Trịnh Hoàng Kế không chịu, vì cho rằng y đang thắng vì đã làm gãy roi của đối phương. Ông Hoàng chưa biết làm sao thì Hồ Ngạnh đã từ tốn trả lời đồng ý đấu tiếp và yêu cầu nếu lần sau có bị gãy roi thì cũng đừng bận tâm. Chưa nói hết câu thì Hồ Ngạnh đã nghe tiếng xé gió của thanh đao từ phía sau chém tới của đối thủ. Đúng lúc hai đấu thủ đang tập trung cao độ vào các thế đánh của nhau thì roi của Hồ Ngạnh bị chém trúng một lần nữa, chỉ còn lại một khúc khoảng 30cm. Mọi người hồi hộp vì đoạn roi còn lại trong tay Hồ Ngạnh quá ngắn. Nhưng thật bất ngờ vì đoạn roi đó đã trở thành mũi dao sắc bén nhanh như chớp cắm ngập vào chiếc thắt lưng xanh có thêu dòng chữ “Vô địch võ lâm” trên người của Kế; bằng đòn đánh bí truyền này Hồ Ngạnh đã gây cho đấu thủ cảm giác ghê sợ khi ngọn roi kia đã được vót nhọn do chính nhát đao của ông lúc nãy. Lúc này Trịnh Hoàng Kế không tự chủ được nữa, và Hồ Ngạnh đã bằng thế “Ứng trảo quyền” đoạt thanh đao rất đẹp mắt trong tiếng reo hò cổ vũ của mọi người và sự cảm phục của đối phương.



Từ đường họ Hồ ở Thuận Truyền, Bình Tân, Tây Sơn.

Võ sư: Hồ Sừng (cháu nội ông Hồ Nhu)

II- QUYỀN AN VINH

Quyền An Vinh gắn liền với dòng họ Đinh. Họ Đinh gốc ở Bắc vào lập nghiệp ở Bằng Châu (huyện An Nhơn). Võ sư Đinh Văn Nhưng (hay còn gọi là Đinh Chưởng) là một võ sư với võ nghiệp cao cường, đã từng dạy cho ba anh em Tây Sơn, mà chủ yếu là Nguyễn Huệ và một lòng một dạ với nhà Tây Sơn. Khi Gia Long lên ngôi trả thù nhà Tây Sơn thì ông đã qua đời. Họ Đinh ở Bằng Châu phải đổi sang họ Đào để tránh sự truy lùng trả thù của nhà Nguyễn. Đến khi tình hình trở lại bình yên thì trở lại họ Đinh. Vậy có câu nói: “*Sinh Đào tử Đinh*”.

Ở An Nhơn có một số người di tản vẫn giữ họ Đinh, về ở An Vinh. Họ Đinh ở đây về nghiệp Võ vẫn nhận võ sư Đinh Văn Nhưng làm sư tổ. Đinh Văn Nhưng tiếp tục truyền dạy võ đến Đinh Khải (tức là Đinh Cát), rồi đến Đinh Hể (tức là Lương Kiếm Mỹ).

Hương Mục Ngát là võ sư tiêu biểu cho võ phái An Vinh.

An Vinh nằm bên bờ tả ngạn sông Côn, thuộc huyện Tây Sơn, đối diện với thị tứ An Thái ở bờ bên kia sông, quanh năm xanh mát, đất đai màu mỡ

do phù sa của con sông Côn bồi đắp. Đời sống kinh tế có phần sung túc nên nạn cướp luôn đe dọa, nhiều người cần phải học võ, nhất là các nhà khá giả, địa chủ, phú hộ. Từ đó các môn phái võ được ra đời, đứng đầu trong giới võ có võ sư: Nguyễn Ngạt (tức Hương Mục Ngạt), Khiển Phạm, Năm Nghĩa, Hương Kiếm Cáo (con trai Hương Mục Ngạt) đến Bảy Lụt, Bà Tám Cẳng, Đội Sẻ, Đinh Hề (Hương Kiếm Mỹ), Ba Thông, Tuần Sửu, Sáu Hà, Bốn Mỹ... đã cùng nhau tạo dựng được những thế mạnh của mình với những đường quyền hiểm hóc và được lưu truyền đến mãi ngày nay. Một trong những trụ cột của vùng đất An Vinh phải nói đến dòng họ Nguyễn (Nguyễn Ngạt). Ông sinh năm 1850 trong một gia đình có võ nghệ cao cường; chính ông là người đứng ra thành lập môn phái và chọn cho mình một hướng đi riêng. Từ nhỏ ông đã chuyên tâm nghiên cứu về môn quyền thuật, vì theo ông quan niệm: Quyền chính là cái gốc của võ, hơn nữa lúc bấy giờ ở vùng đất Thuận Truyền có đường roi tuyệt kỹ của Hồ Nhu thì An Vinh phải “bá chủ” về quyền. Trong dân gian có câu: “Roi tiên, quyền tiếp” nhằm khẳng định sự lợi hại, mối quan hệ liên hoàn và hỗ tương của nó.

Môn phái này đã truyền thụ cho hàng trăm môn đệ ở khắp nơi. Sau khi ông Ngạt qua đời, các con cháu của ông đã lần lượt giữ vai trò chưởng môn và thu nhận nhiều môn sinh, gây được tiếng vang và có ảnh hưởng rộng lớn trong vùng, tiêu biểu có võ sư: Bảy Lụt, bà Tám Cẳng, Chín Giác đến các con của Bảy Lụt như: Nguyễn Tiếp, Nguyễn Thiếp... đều là những võ sư nổi tiếng đã cùng dòng tộc, vun đắp môn phái của mình ngày càng đơm hoa kết quả.

Ở An Vinh còn gia hai phái nữa, đã một thời tiếng tăm lừng lẫy (cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX). Đó là đôi bạn Võ Năm Nghĩa (tên thật là Hữu Nghĩa) và Hương Mục Ngạt, khởi xướng vào năm 1892. Năm Nghĩa truyền dạy cho Hồ Hảo, còn Hương Mục Ngạt truyền cho ba người con là: Bảy Lụt, Tám Cảnh (nữ) và Chín Giác. Nhưng chỉ hai cha con nổi tiếng về môn Quyền An Vinh. Một vài giai thoại kể lại, khoảng năm 1920 – 1921 võ sư Bảy Lụt danh tiếng đã tham gia đánh bắt bọn cướp Dư Đành và chị Tám Cảnh trừng trị bọn thanh niên côn đồ chọc ghẹo chị.

Võ An Vinh là sự kết hợp giữa võ nghệ người dân tộc (người Chăm-pa, Bana, Hơ-rê) với những người Kinh đầu tiên đến vùng đất này (Đảng Ngoài) sinh cơ lập nghiệp và người Kinh bản địa, trong sự chung lưng đấu cật giữa các dân tộc để bảo vệ sự sống, để chống lại thiên nhiên khắc nghiệt và các thế lực bên ngoài. Dòng võ An Vinh kết hợp vốn võ của mình cùng với những đòn thế độc đáo của võ họ Đinh và võ của các dân tộc bản xứ thành một dòng võ đặc sắc chỉ có vùng này mới có, đặc điểm của võ An Vinh là *“đi như lá, đứng như đá, công thủ đi liền và vừa hư vừa thật”*.

Võ sư Bảy Tông (tức là Từ Tâm), quê gốc An Thái, song đã tìm đến An Vinh và xây dựng gia đình ở đây. Ông học võ thầy Sáu Hà, tiếp nhận một số vốn võ của An Vinh và Bình Định. Ông cho biết: Quyền An Vinh là lối đánh chậm, chắc nhưng kín đáo và chắc đòn, biết nhu, cương đúng lúc, đúng chỗ, lại có những thế né tránh phản đòn rất lợi hại (mà tiêu biểu là *“thế đòn”*), thường truyền dạy vốn võ cổ truyền dân tộc, ngoài các bài thảo quyền, võ sư Bảy Tông còn dạy những bài Côn, Kiếm, Song đao, với tất cả tâm huyết cho những võ sinh đã được chọn *“chọn mặt gửi vàng”*.

Trong bài Quyền An Vinh còn phải kể đến gia phái võ sư Mười Đậu ở Trường Úc (Tuy Phước). Võ sư Mười Đậu là bạn với Hương Mục Ngạt và Năm Nghĩa từ cuối thế kỷ XIX, đã truyền dạy cho Xã Hào (tên thật là Trần Trọng). Xã Hào là một võ sư nổi tiếng ở vùng Tuy Phước ở những thập kỷ đầu và giữa thế kỷ XX. Lập võ đường vào thập kỷ 30 để dạy võ. Ông đặc biệt quan tâm đến truyền dạy đạo đức (tâm đạo) cho con nhà võ, kiên quyết từ chối thu nhận những môn sinh có biểu hiện hung khí. Ngày nay người con trai thứ ba là võ sư Minh Tịnh, đang phụ trách Xã Hào xưa. Võ đường chuyên dạy các môn như: Quyền, Roi, Kiếm (độc kiếm), đặc biệt coi trọng bộ tay (ngũ hành pháp) và bộ ngựa (Bát quái pháp). Với những đòn sắc khí,

xuất ra có hiệu quả cao. Ngoài ra, tại An Vinh còn có võ sư Trần Dần, võ sư Lý Thành Phiên, ở Bình Nghi có võ sư Phan Thọ, ở Tây Sơn còn có võ sư Trần Vĩnh Nghệ. Cũng vận dụng võ An Vinh.

III. VÕ PHÁI TUY PHƯỚC

Biệt danh con *"Hùm Xám miền Trung"* – đó là võ sư Hà Trọng Sơn, ông sinh năm 1924 (theo giấy tờ tùy thân thì ông sinh ngày 06 tháng 11 năm 1926) tại An Hòa, xã Phước An, huyện Tuy Phước. Theo lời ông kể, năm mới lên 8 tuổi, ông đã được bác và chú dạy võ gia truyền cho các võ sư: Hà Cảnh, Hà Tùng và Hà Đế là các anh con ông Bát truyền dạy. Sau đó ông còn học thêm võ sư Lâm Đắc Đạo, người xứ Bắc vào lập nghiệp.

Tại Đại hội võ thuật Đông Dương tổ chức ngày 12 tháng 10 năm 1944 tại Tourane (Đà Nẵng). Ông đấu với võ sư người Pháp, cao, to và nặng hơn ông rất nhiều, mọi người sợ hãi, lo cho ông đánh không lại. Hai bên giáp trận, thăm dò nhau khoảng 3 – 5 phút. Đánh qua, đánh lại 15 – 20 phút. Võ sư người Pháp ra đòn rất mạnh, hồng đê bẹp Hà Trọng Sơn. Né tránh hết các đòn đánh. Thành linh Hà Trọng Sơn ra đòn bí truyền nguy hiểm. Võ sư người Pháp dính đòn sụp đổ (tên là: Esperpaire). Tiếng hoan hô vang dậy. Hà Trọng Sơn đoạt giải vô địch.

Ảnh võ sư Hà Trọng Sơn múa kiếm



Sau đó ông đoạt giải vô địch Miền Trung, được tổ chức tại Hội chợ Bình Định. Ông lại tiếp đoạt giải lần nữa tại Đà Nẵng. Theo giới báo chí lúc đương thời ông được mệnh danh là *“Con hùm xám Miền Trung”*. Có lần thách đấu với *“Con cáo già Miền Nam”* là Huỳnh Tiền, Hà Trọng Sơn kể rằng: Huỳnh Tiền rất mê tin dị đoan, ngâm thỏ ông Phật trong miệng để *“phật”* phù hộ ông đánh thắng. Đánh qua đánh lại, kẻ đánh người đỡ, hai võ sư xoay tròn trên sàn đài. Rất nhiều đòn đánh hay được mọi người vỗ tay hô vang tán thưởng. Với những đòn võ bí truyền, khoảng hơn 10 phút, Hà Trọng Sơn hạ võ sư Huỳnh Tiền đo ván trước hàng ngàn tiếng vỗ tay reo hò. Trận đấu được tổ chức năm 1950 tại Đà Nẵng.

Có lần chúng tôi tìm đến nhà Hà Trọng Sơn, khoảng giữa trưa, thấy hai cha con ông (con gái) đang tập võ trước sân. Ánh nắng ban trưa chen qua lá cây trong vườn rọi ánh sáng đến cha con ông, mồ hôi nhầy nhụa. Hà Trọng Sơn người cao, to, tráng kiện hồng hào, tay chân dài, có đôi mắt sáng long lanh. Thấy chúng tôi, ông ngừng tay và chào cô gái thẹn thùng chào theo. Đáp lễ, thầy đang dạy bài kiếm gì vậy. Ông trả lời ngay, đây là bài *“Mai hoa kiếm pháp”* là gia bảo của họ Hà đấy. Bài này xuất xứ từ đâu? Ai truyền dạy cho thầy? Đã nói là gia bảo, thì nó phải thuộc về dòng tộc họ Hà, do các con ông Bác truyền dạy. Trong nhà tôi từ già đến trẻ ai cũng biết bài kiếm này. Bài kiếm này có liên quan gì đến các trận đấu võ đài mà thầy hạ gục đối phương? Nói có cũng được mà nói không cũng chẳng sao. Bài này mang tính chất võ biểu diễn, nhưng cũng có các đòn thế tuyệt kỹ, nếu biết ứng dụng nó qua quyền tay cũng không lợi hại lắm. Tôi hạ đối phương là khi dùng đến những đòn bí truyền như: *“thủ trước đánh sau”*, *“đánh lật sườn”*.

Hà Trọng Sơn là người có công bảo vệ bản sắc dân tộc võ cổ truyền Bình Định, đấu tranh chống lại ai lợi dụng thanh danh võ Bình Định mà truyền bá trong môn phái võ của mình như: họ Diệp mà tiêu biểu là Diệp Trường Phát khi cho xuất bản quyển sách *“Võ Bình Định chân truyền”* và năm 1972, với nội dung sai sự thật. Ngoài bìa ghi là võ Bình Định, nhưng nội dung bên trong là võ Thiếu Lâm. Ông cùng một số võ sư Bình Định soạn ra bài Kiếm *“Mười hai”*, có nghĩa là mười hai võ sư, mười hai động tác và mười hai phút cho bộ đội và cán bộ tỉnh nhà sử dụng khi đi tập kết ra Bắc năm

1954. Ở Tuy Phước có võ sư Hữu Nghĩa, Phi Long Vịnh và Thanh Hoàng là những võ sư có công xây dựng võ Bình Định.

IV- VÕ PHÁI TÂY SƠN

Nói đến Tây Sơn là mọi người nhớ ngay đến võ sư Phan Thọ, ở Bình Nghi – Tây Sơn.

Trong gia đình ông mọi người biết võ mà đặc biệt là biết nhiều môn. Sân tập võ có đầy đủ các loại binh khí, sắp theo thứ tự, binh khí dài dựng trên một cái giá làm bằng tre đơn giản gồm: Roi, đại đao, chĩa ba, cào cỏ... xếp hàng sát tường nào kiếm, song đao, búa và nhiều loại khác nữa.

Một lần chúng tôi đến nhà Phan Thọ để sưu tầm tư liệu phục vụ cho đề tài nghiên cứu võ Bình Định. Ông tiếp chúng tôi từ tốn, mời chúng tôi vào nhà, rồi nhặt bình rượu mang ra và nói: “*Tiểu bôi khai khẩu*”, dùng chung rượu trước đã, nói chuyện sau. Khách muốn nhập môn phái võ Tây Sơn thì phải uống rượu “*Bầu đá*” Tây Sơn. Đây là thứ rượu ngâm thuốc làm mạnh gân cốt, rượu đặc biệt của con nhà võ đấy. Thảo luận qua lại hồi lâu, ly rượu bầu đá uống cạn, hơi nóng thơm dịu hòa tan trong không khí ấm áp tấm lòng con nhà võ.

Võ sư Phan Thọ bảo anh con trai lớn đem tất cả các loại binh khí bày la liệt trên chiếc phẳng gỗ. Vừa giới thiệu vừa vuốt ve những thứ binh khí, cán đao, cán kiếm và những thân cây roi, cây đại đao bóng loáng vì năm tháng, những thứ gỗ đã ngả màu sẫm như màu sắt. Nói ra thì những người hiểu võ thấu đáo thì cho rằng khoe khoang của võ sư Phan Thọ. Thật không phải là như vậy, trái lại gìn giữ và bảo vệ binh khí tốt cho bài võ thực hiện tốt. Võ sư Phan Thọ ra sân đứng xuống ngựa, múa vài đường trong những bài Quyền trông rất chân phương quê mùa, toát ra những đường nét võ nghệ cao cường. Người có bộ tay ung dung thư thái nhưng rất hay, đúng kỹ thuật. Hai tay co lên che ngực rồi bắt đầu thao diễn bộ tay theo ngũ hành pháp (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) trên ngựa trung bình tấn, khi bài Quyền được chuyển động mới thể hiện hết cốt lõi kỹ thuật và nghệ thuật cao siêu mà ít người có được.

Dân gian truyền thuyết, cách đây nhiều năm, có một con lợn rừng (loại lợn độc) xuống phá cánh đồng mía của An Vinh, dân làng sợ hãi chạy tán

loạn sợ hãi, chạy về gọi bác Phan Thọ. Một mình xách một cây chĩa ba, chạy ra cánh đồng tìm con lợn. Con lợn trong cơn điên loạn, đang đào ủi đất lên thành từng đồng đã phá nát một khoảng ruộng mía. Thấy có người đến, con lợn hung hăng lao vào. Người với lợn quần nhau hơn một tiếng đồng hồ dưới ánh nắng trời chiều oi ả. Dân làng được chứng kiến một cuộc đọ sức giữa người và vật rất sợ hãi mà thú vị. Khi hoàng hôn bắt đầu buông xuống, mồ hôi đầm đìa, bác Thọ cẩn thận quất một gậy thật mạnh vào đầu con heo, con vật lăn đùng nằm bất động. Cát tiếng cười hả hê chất phát, thu chĩa ba rào bước ra về, như vừa làm xong việc đồng áng. Dân làng vui mừng khiêng con heo về làng, làm thịt trước cúng tổ tiên, sau ngả ra nhậu một bữa no nê.

Chúng tôi đàm đạo với võ sư Phan Thọ, rất đỗi ngạc nhiên trước sự hiểu biết sâu rộng về võ nghệ với một trí nhớ phi thường về võ, mà vùng đất này không mấy người sánh kịp. Vùng đất Tây Sơn còn in đậm dấu ấn, nơi sinh ra và trưởng thành của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ – Một nông dân đã viết một trang sử oai hùng trong lịch sử nước nhà. Đặc biệt là những huyền thoại về con người tài nghệ song toàn, đầy dũng khí, xả thân vì nước.

Khai thác mãi, võ sư Phan Thọ mới chịu cung cấp một tập sách, dày 136 trang, viết bằng chữ Nôm và chữ Hán. Trong đó 66 trang ghi các bài thiệu, các đòn thế và biểu thế các bài võ. Đặc biệt có bài võ được phân thế rõ ràng. Tư liệu này do ông Đào Thống ký. Trong do để lâu ngày có một số trang bị mực nát, rách nát nhiều chỗ. Chỉ còn lại 18 bài thiệu nguyên vẹn.

Ảnh tư liệu cổ do võ sư Phan Thọ cung cấp.

Ở Tây Sơn còn có võ sư Trần Vĩnh Nghè (chết), Trần Dân, Lê Thành Khâu, Hồ Xuân Kỳ và Phan Hùng (con trai Phan Thọ) sau này kế tục sự nghiệp của cha.



Tập tư liệu cổ do võ sư Phan Thọ cung cấp.

MỤC HAI

VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH Ở NGOÀI TỈNH

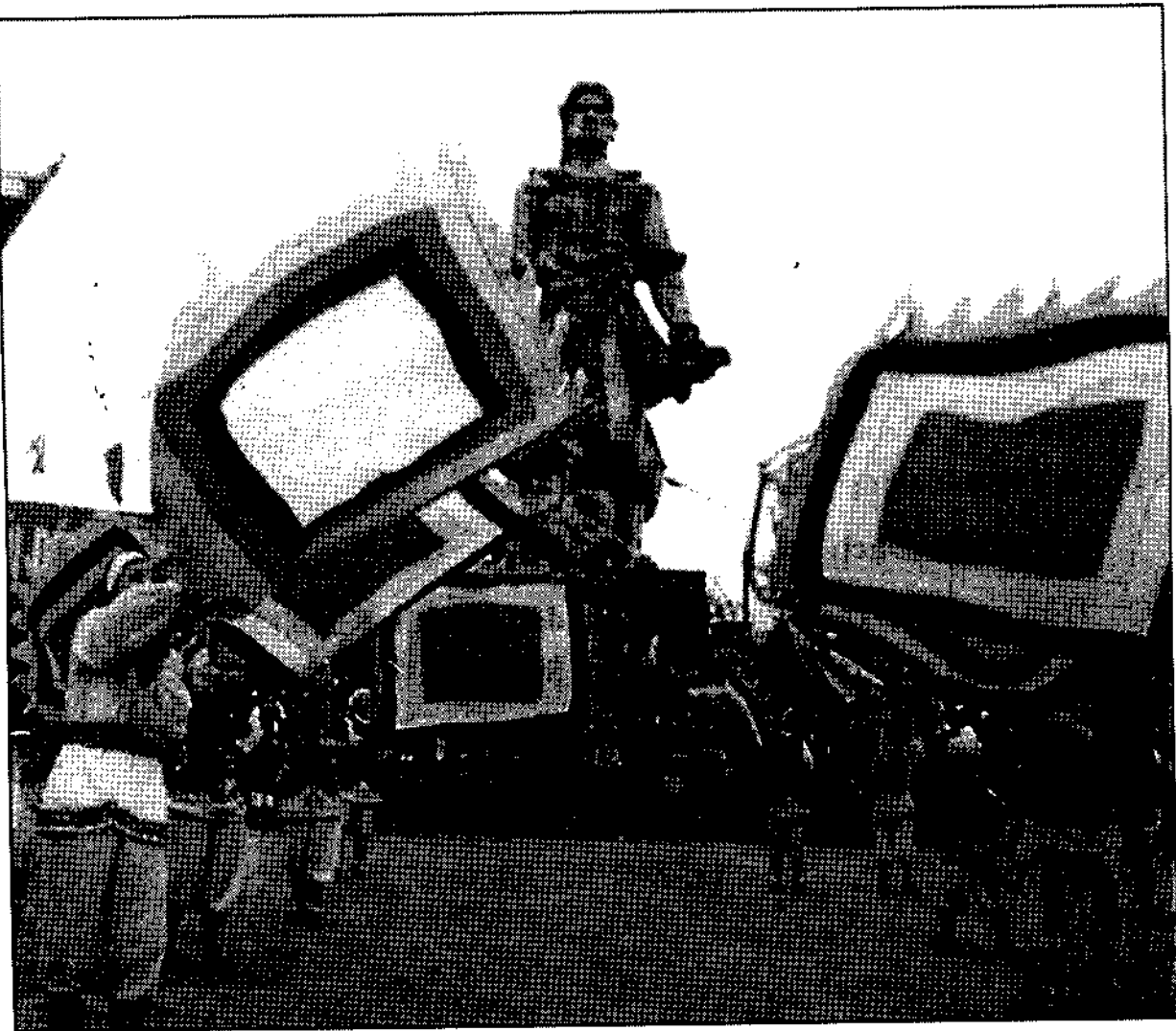
Dưới thời Nguyễn Ánh, sợ liên lụy đến nhà Tây Sơn, để tránh sự truy bức và sát hại cho nên có nhiều võ sư đi tìm nơi ở mới để mai danh ẩn tích và tìm điều kiện để tiếp tục truyền dạy võ – Hay do chính sách cai trị hà khắc của thực dân Pháp cũng đau lòng rời bỏ quê hương đi tìm đường tự cứu mình – Hay cũng có một số võ sư vì điều kiện gia đình hay công tác, cũng chia tay nơi chôn nhau cắt rốn để hợp thức hóa gia đình và việc làm. Ở đây không thể đề cập đầy đủ mọi trường hợp mà chỉ nêu lên một số võ sư ra đi khỏi tỉnh Bình Định như:

I- PHÍA BẮC:

BÌNH ĐỊNH GIA – NGƯỜI SÁNG LẬP – TRẦN HƯNG QUANG (HÀ NỘI)

Các võ sư người Bình Định tập kết ra Bắc năm 1954 tiêu biểu có các võ sư như: Mai Liên Kỳ, Trương Cẩn (người Tuy Phước), Dương Tài (Hoài Nhơn), Nguyễn Tiếp, Nguyễn Thiệp là con của võ sư nổi tiếng An Vinh – Bảy Lụt và võ sư Trần Hưng Quang (Phù Cát). Chính các võ sư này đã truyền dạy võ cổ truyền Bình Định ở nhiều tỉnh và thành phố ở miền Bắc.

Riêng võ sư Trần Hưng Quang là một nghệ sĩ hát tuồng. Đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa võ nghệ và hát tuồng. Ông đã đào tạo hàng ngàn võ sĩ và một số được phong cấp võ sư. Ông trực tiếp huấn luyện ở Hà Nội và một số tỉnh, thành phố miền Bắc.



*Các võ sĩ Hà Nội đang luyện tập võ cổ truyền Bình Định tại gò
Đống Đa – Hà Nội do võ đường “Bình Định gia” truyền dạy.*

II- VÕ BÌNH ĐỊNH Ở PHÍA NAM:

1. Võ phái Sa Long Cương:

Trên cơ sở võ cổ truyền Bình Định, do võ sư Trương Thành Đảng sáng lập tại Sài Gòn năm 1945. Tên của môn phái võ hàm ý một sự chịu đựng kiên cường như cây xương rồng sống trên cát (sa là cát, long cương là xương rồng). Hiện nay võ phái này phát triển mạnh ở thành phố Hồ Chí Minh. Con trai võ sư Thanh Đảng là võ sư Trương Bá Đường làm chấp chương môn phái. Nay là võ sư Lý Huỳnh là diễn viên nổi tiếng điều hành môn phái.

2. Võ trận Bình Định

Là võ phái được thành lập từ năm 1965 tại Phú Yên, do võ sư Tống Văn Điền sáng lập. Nguồn gốc của võ phái là võ trận mà Nguyễn Huệ đã sử dụng huấn luyện nghĩa quân từ thế kỷ XVIII. Võ phái này được phát triển mạnh tại thành phố Hồ Chí Minh do võ sư Minh Thế, con trai của võ sư sáng lập làm chấp chương môn phái.

3. Tây Sơn Bạch Long

Trên cơ sở võ Tây Sơn Bình Định, do võ sư Lê Khánh Dư sáng lập năm 1943 tại thành phố Hồ Chí Minh. Tây Sơn Bạch Long là sự kết hợp võ cổ truyền Bình Định với võ thiếu lâm (tân). Từ năm 1950 – 1959 do võ sư Lê Mô làm chấp chương môn phái đời thứ hai. Hiện nay võ sư Lê Thành Trung làm chấp chương môn phái đời thứ ba. Từ năm 1960 đến nay, Tây Sơn Bạch Long có võ đường tại Mỹ, Irắc và Thái Lan.

4. Tây Sơn Thiếu Lâm:

Do võ sư Lê Văn Lắm, người Bình Định khởi xướng từ năm 1962 tại Sài Gòn. Hiện nay do võ sư Danh Ngợi làm trưởng môn phái. Võ sư Lê Văn Lắm là con bốn đời gia đình dạy võ. Ông đã bỏ công học võ hơn hai mươi năm, để rồi thành lập ra môn phái. Đây là võ phái có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa võ cổ truyền Bình Định gắn với cái đặc sắc của võ thiếu lâm – Tây Sơn (hay Tây Sơn – thiếu lâm). Vì vậy mặc dù trong tên gọi có thiếu lâm, nhưng cái gốc vẫn là đại diện phái võ Bình Định. Hiện nay võ phái này đang phát triển rộng rãi ở một số địa phương như: Bến Tre (Võ sư Lê Phi Long),

Tây Ninh (Võ sư Lê Văn Thôi), Sông Bé (Võ sư Huỳnh Ngọc Châu).

III- VÕ CỔ TRUYỀN ĐẾN NƯỚC NGOÀI

1- Võ cổ truyền Bình Định tại Mockba – Liên Xô (Tham dự giải Wushu thế giới tháng 5 năm 1990)

Kết thúc giải bóng đá hạng đội mạnh năm 1990. Tôi được lệnh của Tổng Cục ra Hà Nội ngay (14/5) để nhận nhiệm vụ Trưởng đoàn võ cổ truyền Việt Nam tham dự giải Wushu thế giới tổ chức tại Mockba. Đây là môn võ của Trung Quốc được nghe nói lần đầu. Được lãnh đạo giao nhiệm vụ và giải thích rằng: Chủ yếu là giới thiệu với bạn các nước về môn võ cổ truyền của dân tộc ta. Còn nhiệm vụ thi đấu thì sang bên đó tùy cơ ứng biến, tìm hiểu học tập là chủ yếu.

Mọi thủ tục bộ phận quốc tế đã làm xong. Ngày 16/5 lên đường.

Đoàn gồm có 15 người:

Trưởng đoàn Lê Thì
Phiên dịch Nguyễn Ngọc
Các võ sĩ: * Hà Nội có 4 người:

- Thúy Hiền
- Thanh Lan
- Văn Chương
- Văn Tám.

Đoàn Hà Nội nhỏ tuổi nhất (từ 8 – 9 tuổi).

Tôi rất áy náy về 4 võ sĩ Hà Nội ! Không biết trình độ võ nghệ ra sao? nhỏ tuổi thế này (mà nhất là Văn Tám mới có tám tuổi) có gây khó khăn gì cho đoàn không? Việc đã rồi, không thể nào thay đổi được.

* Các võ sĩ Sông Bé 3 người:

- Thị Phương
- Văn Tính
- Văn Nam

(Sở trường là môn tam đấu)

* Võ sĩ Thừa Thiên Huế 2 người

- Nguyễn Ngọc

- Văn Tuấn

* Võ sĩ Bình Định 4 người

- Thị Hạnh

- Thị Liên

- Văn Cảnh

- Đức Thắng.

Tôi xuống nhận quân tại Nhà khách Chính phủ (37 Hùng Vương – Hà Nội) và tổ chức tập luyện ngay. Qua ba lần tập, đã nắm được trình độ của từng võ sĩ. Lê chương trình biểu diễn từ 30 – 45 phút, với các nội dụng hay nhất. Biểu diễn từng môn xen kẽ đánh đôi và tam đấu. Tôi giao cho võ sĩ Nguyễn Ngọc kiêm huấn luyện viên, vì Ngọc lớn tuổi và trình độ tương đối khá.

Trước khi lên đường. Đoàn tổ chức một buổi biểu diễn, mời lãnh đạo Tổng cục và các Vụ chuyên môn đến xem và cho ý kiến chỉ đạo. Các đồng chí lãnh đạo rất hoan nghênh và khen ngợi, mới qua có mấy ngày thời gian luyện tập không nhiều mà đoàn đã sắp xếp được một chương trình hợp lý, đã phát huy được khả năng của các võ sĩ từ nhỏ đến lớn. Khá nhất là môn võ song (Thúy Hiền và Văn Chương), côn hai đầu hỏa (Tuấn), kiếm, song đao phá thạch (Thị Thanh, Thị Liên), song đấu roi và thương (Thắng, Cảnh), tam đấu roi, kiếm và dây (Sông Bé). Tôi kiêm luôn người hướng dẫn chương trình.



*Tác giả tham quan
Lăng Lênin (1990).*

Đoàn xuất phát tại sân bay Nội Bài lúc 3 giờ 30 chiều ngày 16/5. Hành trình bay hết 14 giờ. Giữa đường có quá cảnh sân bay Karaxi và Tacken để tiếp nhiên liệu. 6 giờ chiều đến sân bay Moskva. Bạn ra đón đưa về khách sạn thể thao. Khách sạn to đẹp, cao 20 tầng, nằm trên lộ chính (đại lộ mang tên Lênin). Moskva to đẹp quá, nguy nga tráng lệ quá. Đường sá to rộng sạch sẽ, nhiều nhà cao tầng, trên nóc chạm trổ lát vàng chói chang cả bầu trời. Sau một đêm ngủ ngon lành. 9 giờ ăn sáng xong. Đoàn võ thuật phương Đông ở Nga đến thăm và bàn một số việc liên quan đến thi đấu. Tôi nói rõ với bạn, đây là lần đầu tiên dự thi đấu Wushu, mà ở Việt Nam môn này chưa phổ biến, không biết tham gia thi đấu ra sao? Mời đoàn chiều nay xem buổi tập của chúng tôi, rồi sau đó sẽ tính.

Xem xong đoàn bạn thích thú và ca ngợi. Với trình độ khá cao, mang

đậm màu sắc dân tộc độc đáo. Các bạn được quyền tham dự các môn thi đấu tự chọn và mời đoàn biểu diễn buổi khai mạc giải với thời gian 30 phút. Phấn khởi quá, tôi bàn với Ngọc thay đổi một số tiết mục để phù hợp với thời gian mà bạn đã yêu cầu.

Đêm khai mạc ngắn gọn, đơn giản mà nguy nga long lẫy. Nhà thi đấu không còn chỗ trống. Các đoàn quốc tế tham dự có các nước như: Pháp, Thụy Sĩ, Hà Lan, Ba Lan, Ý, Hunggari, Đài Loan, Nam Triều Tiên, Tây Ban Nha và hai đoàn của Nga (nước chủ nhà). Cùng với 14 đoàn các nước cộng hòa (Liên Xô cũ). Sau lễ nghi thức ngắn gọn bạn giới thiệu đoàn Việt Nam biểu diễn chào mừng. Mọi thành viên trong Đoàn ai nấy đều vui mừng và hồi hộp. Tiếng vỗ tay vang dội khi Văn Tám (8 tuổi) kết thúc tiết mục đầu tiên. Càng biểu diễn càng sôi động, càng hấp dẫn, liên tục từ đầu đến cuối. Đặc biệt là môn tam đấu (kiếm, roi và dây) kết thúc chương trình biểu diễn lại càng được vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Các bạn Nga và quốc tế đều bắt tay chúc mừng. Thật cảm động khi một cán bộ sứ quán ta chúc mừng và nói: Cảm ơn đoàn đã đem vinh dự của đất nước, cống hiến một tài nghệ võ thuật dân tộc cho bạn bè bốn phương để biết và ca ngợi Việt Nam.

Thi đấu bắt đầu là môn thương (loại binh khí dài) có 8 võ sĩ tham gia. Đức Thắng – Bình Định đạt 9,3 điểm, được xếp thứ ba (đoạt huy chương đồng), cả đoàn hồi hộp, mừng vui. Tôi cảm động, run cả người, khi nhìn theo lá cờ đỏ sao vàng từ từ kéo lên đúng vị trí trong nhà thi đấu long lẫy trước sự chứng kiến hàng chục ngàn người. Tôi không cầm nổi nước mắt tuôn trào.

Môn thi đấu đối kháng (thi tự chọn). Việt Nam tham gia thi đấu (tam đấu) gồm: kiếm, roi và dây nhảy (võ sĩ Sông Bé) đạt được 9,5 điểm, cùng điểm với võ sĩ Nga đành chịu xếp thứ hai (đạt huy chương bạc). Cờ đỏ sao vàng lại kéo lên, nhưng lần này cao hơn (ở vị trí thứ hai).

Mừng quá, trút được nỗi lo, mà mừng là hai lần cờ đỏ sao vàng được kéo lên (một bạc, một đồng). Thành công rồi, ước mơ lâu đời của Việt Nam là cờ Tổ quốc được kéo lên trong đấu trường thi đấu thế giới. Mà nhất là ở nhà thi đấu Moskva được thực hiện rồi. Các anh chị ở đại sứ quán và các bạn Việt Nam đang nghiên cứu học tập tại đây đã đến chúc mừng và chia

sẻ niềm vui, thành tích mà đoàn đạt được ở đêm thi đấu đầu tiên này. Tối nay tôi và Ngọc (phiên dịch) được phép uống bia ăn mừng.

10 giờ sáng hôm sau, sứ quán đưa xe ra đón, mời Đoàn về thăm sứ quán. Chị Huyền tùy viên văn hóa và các anh sứ quán thân mật tiếp Đoàn, thăm hỏi sức khỏe và lo đến việc ăn ở sinh hoạt của Đoàn. Đêm hôm qua mấy anh chị ở sứ quán đi xem, cảm động và vui mừng vô hạn, khi nhìn thấy cờ Tổ quốc kéo lên hai lần, một hiện tượng mà thể thao Việt Nam trước đây chưa bao giờ có được. Tôi báo cáo tình hình ngắn gọn và kính mời đại sứ và anh chị tối nay đi xem tiếp (rất tiếc là đại sứ Nguyễn Mạnh Cẩm đi vắng). Đoàn sẽ cố gắng hết mình đạt thành tích cao hơn.

Tối nay anh chị em Việt Nam học tập và công tác đến xem đêm thi đấu thứ hai rất đông. Tiết mục bài "*Mai hoa kiếm pháp*" của võ sư Kim Thành (Bình Định) biểu diễn rất đạt được hoan nghênh nhiệt liệt. Ban trọng tài mấy phút (trọng tài toàn người TQ) đi kiểm tra cây kiếm (kiếm thẳng và kiếm cong). Kim Thanh bị trừ 1 điểm vì sử dụng (kiếm cong) đạt 9,76 (Huy chương bạc). Tôi cứ tưởng được quốc ca của Tổ quốc rồi, tiếc quá!

Bài đoản côn của Nguyễn Ngọc (Trị Thiên Huế) cũng được 9.45 (Huy chương bạc). Đặc biệt bài "*Song đao phá thạch*" của nữ võ sĩ Kim Liên (Bình Định) được hoan nghênh vỗ tay kéo dài của khán giả (có lẽ nhắc nhở trọng tài), kết quả cuối cùng cũng chỉ đạt huy chương bạc. Ba lần cờ Tổ quốc được kéo lên ở mức cao thứ hai đã làm nao nức khán giả Liên Xô và bè bạn bốn phương mà nhất là các anh chị em Việt Nam với nét mặt rạng rỡ, vui mừng, trên đất khách quê người được sưởi ấm tình quê hương đất nước với trình độ võ nghệ cao, võ nghệ cổ truyền mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam.

Đêm thi đấu thứ ba đã thu hút nhiều võ sư Việt Nam mở câu lạc bộ dạy võ ở khắp nước Nga, có nơi ở rất xa, nghe tin Báo, Đài của bạn đưa tin kết quả của đoàn Việt Nam, đến xem và mong gặp đoàn Việt Nam để chúc mừng. Vì chuẩn bị biểu diễn bế mạc, chỉ tham gia thi đấu một môn song đầu roi và thương của Đức Thắng và Văm Cảnh (Bình Định) đã thu hút mọi người chăm chú theo dõi và hoan nghênh vỗ tay kéo dài. Hai võ sĩ đánh ba hiệp, đánh thật sự, đánh nhanh quá đổi, quay vòng lấy nhau chỉ nghe tiếng

vụt vụt của thương và roi. Cờ Tổ quốc lại được kéo lên lần nữa đã làm xôn xao, vui mừng khôn xiết biết bao nhiêu người.

Thật vinh dự cho đoàn Việt Nam được biểu diễn 30 phút đêm bế mạc, với các tiết mục được chọn lọc, đặc sắc hơn. Tiết mục song đấu kiếm của Thu Hiền và Văn Chương (Hà Nội) được hoan nghênh tán thưởng, tiếp liên tiếp, tiết mục sau hấp dẫn, sôi động hơn và hấp dẫn cho các tiết mục đánh đôi và tam đấu. Tiết mục nữ tay không của Thị Phương và nam võ sĩ Văn Tính (Sông Bé), càng đánh càng hay, đánh nhau thật sự, khi Thị Phương chèn ngựa, đá bay thanh kiếm của Văn Tính rất điệu nghệ và nguy hiểm, cũng là tiết mục cuối cùng. Đoàn Việt Nam ra chào, khán giả trên tất cả khán đài đứng lên chào tạm biệt.

Sau những ngày thi đấu sôi nổi khẩn trương. Hôm nay (24/5) sứ quán đưa xe chở đoàn thi đi tham quan một số di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh thủ đô Moskva, điện Kremli, Quảng Trường Đỏ, Lăng Lenin, thật to lớn, thật đồ sộ và cũng thật trang nghiêm, ghé lại Bách hóa đại lâu, hàng hóa thì nhiều mà không sao mua được, vì ít tiền, những thứ cần mua lại không có. Mấy cháu mua búp bê cũng phải mua lại, đắt hơn chút ít. Buổi tham quan đầy thú vị và lưu lại ấn tượng tốt đẹp.

Mấy hôm nay khách đến thăm đoàn nhiều, trao đổi võ nghệ, mời đoàn về thăm võ đường của mình, các bạn đặt vấn đề mời chuyên gia võ Bình Định sang công tác. Các anh chị em Việt Nam đến chia vui và tặng quà cho đoàn, cảm động quá, nặng tình nghĩa quê hương nơi đất khách quê người.

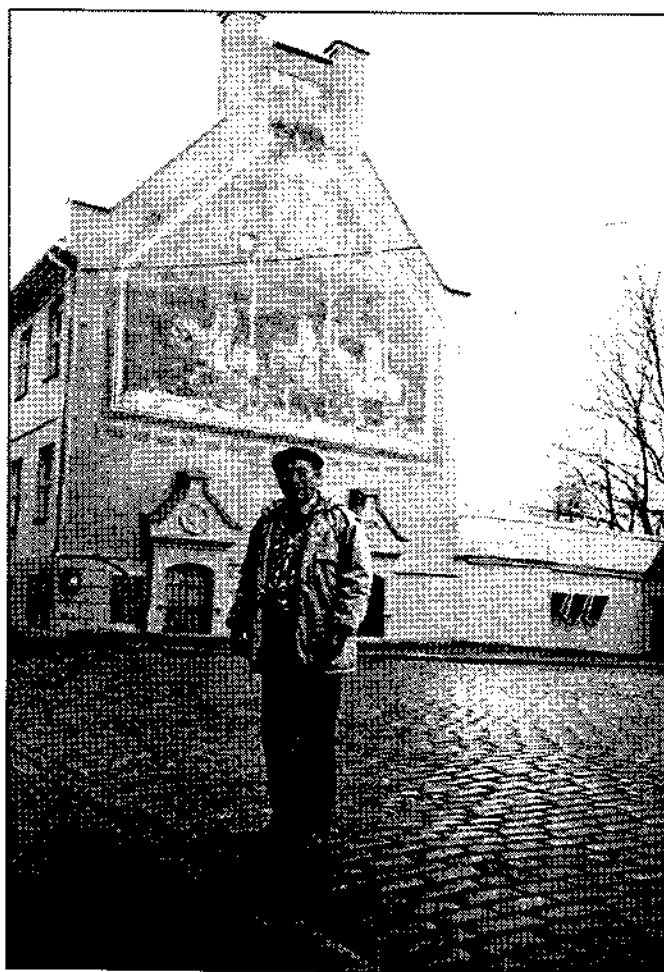
Về đến Hà Nội nghỉ được một ngày. Hôm sau đoàn báo cáo kết quả chuyến đi thi đấu võ này. Đoàn đạt 5 huy chương bạc, 3 huy chương đồng, thành tích khá tốt, được lãnh đạo Tổng cục khen và hoan nghênh. Trong số 8 huy chương đó, các võ sĩ Bình Định đạt 3 huy chương bạc và 1 huy chương đồng. Tôi đã chuyển 7 tập sách của 7 bài thi quy định cho ông Mai Văn Muôn – Tổng cục phó, và đề nghị cho dịch ra và nên quan tâm phát triển môn Wushu này của các trọng tài Trung Quốc tặng và nói Việt Nam có nhiều khả năng, chỉ qua lần thi nữa sẽ trở thành đối tượng mạnh của các nước.

Hà Nội là đơn vị đầu tiên mời chuyên gia Trung Quốc đến huấn luyện

phát triển môn Wushu này. Quả là không phí công vô ích, mới qua mấy năm mà đã gặt hái nhiều thành quả đáng kể, hàng loạt võ sĩ đạt danh hiệu Châu Á và thế giới, mà đặc biệt là cô gái bé nhỏ lần đầu tiên đến Moskva thi đấu Wushu mới lạ- Nguyễn Thúy Hiền thì nay đã là vô địch châu Á và thế giới. Đúng như lời nhận xét của người Trung Quốc. Đúng Việt Nam hôm nay đã là một cường quốc Wushu.

2. Riga – Lapvia

Nhận lời mời của Liên đoàn võ thuật phương Đông nước Cộng hòa Lapvia (trước đây là trong 15 nước cộng hòa Liên Xô cũ) là một nước vùng Bantích. Thủ đô là Riga, mời đoàn võ cổ truyền Bình Định tham dự Liên hoan võ thuật phương Đông, từ ngày 12 – 20/11/1990, được tổ chức tại thủ đô Riga.



Nhà văn hóa Riga – Lapvi

Nhà văn hóa Riga là địa điểm tổ chức liên hoan võ thuật phương Đông.

Đoàn gồm 10 người: Trưởng đoàn: Lê Thị – Chủ tịch LDVT Bình Định.

Phó đoàn: Hoàng Đông – PCT huyện Tuy Phước

Huấn luyện viên: võ sư Lý Xuân Hỷ

Võ sĩ gồm 7 người (4 nam, 3 nữ)

Nữ:

Bảo Thương (An Nhơn)

Thị Trà (Quy Nhơn)

Kim Liên (Quy Nhơn)

Nam:

Văn Thắng (Tuy Phước)

Văn Cảnh (Tuy Phước)

Văn Thắng (Tuy Phước)

Trần Thị (Quy Nhơn)

Đoàn ra Hà Nội mấy ngày để làm thủ tục. Sáng 9 giờ ngày 7 tháng 11 xuất phát tại ga Nội Bài, quá cảnh tại sân bay Moskva. Hôm nay là ngày Quốc khánh Liên Xô. Bạn đón tại sân bay đưa về nghỉ tạm tại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô. 3 giờ chiều cùng ngày ra ga xe lửa đi về Riga. 5 giờ sáng đến nơi, bạn đón đưa về chỗ ở (Trung tâm Thể thao Riga) cùng với một số đoàn khác.



Đoàn võ sĩ Việt Nam và bạn Liên Xô cùng ở chung một khách sạn

Khách sạn 4 tầng ở trong một khu rừng rậm, mặt tiền ngó ra hồ nhỏ thơ mộng, có hệ thống đường đi khu trung tâm rất sạch sẽ. Ở đây có nhiều dân tập ở trong nhà và ngoài trời. Có nhà ăn khang trang, mỗi người tự lấy ăn, thức ăn ngon và nhiều. Có đội ngũ nhân viên trẻ đẹp, phục vụ chu đáo. Trung tâm cách xa thành phố độ 10km.

Thủ đô Riga không ồn ào, ít nhà cao tầng, nhà thưa có khuôn vườn đẹp, có nhiều bồn hoa, cây cảnh. Đường sá sạch sẽ, ít thấy người đi bộ, xa xa một vài km là biển Bantích, mùa hè thu hút hàng ngàn người đến đây du lịch và tắm biển. Cuộc sống của dân có vẻ sung túc, họ ăn mặc đẹp lắm (nhất là phụ nữ). Dân Riga tự họ cho mình là châu Á. Đầu tóc đen, mũi không cao lắm, giao thiệp theo lối phương Đông nhưng cũng còn mang dấu ấn Châu Âu.

Ông Chủ tịch Liên đoàn võ thuật phương Đông của Lapvia tiếp đoàn Việt Nam rất thân mật và cởi mở, lịch thiệp mến khách. Ông nói: Hồi tháng 5 vừa rồi xem đoàn võ Việt Nam biểu diễn tại Moskva tôi thích thú và đáng khen quý trọng lắm. Lần này đoàn sang thăm và biểu diễn tại Lapvia còn gì vui thú cho bằng ! Rất cảm ơn Nhà nước Việt Nam đã quan tâm và cử đoàn sang Lapvia. Ở đây thể hiện đầy đủ tình hữu nghị giữa nhà nước và nhân dân hai nước Việt – Lapvia. Nhân dân chúng tôi rất quý trọng nhân dân Việt Nam là người anh hùng của thời đại, đánh thắng bất cứ kẻ thù nào cho dù họ giàu và mạnh hơn mình gấp trăm lần như đế quốc Pháp và Mỹ. Ngày nay trong khôi phục và xây dựng lại đất nước cũng theo con đường riêng của mình theo sức lực của mình và thu hút được nhiều nước trên thế giới đến đầu tư và làm ăn với Việt Nam. Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh nhất định Việt Nam sẽ thực hiện được ở thế kỷ 20 này.



Buổi gặp chào mừng đoàn võ Việt Nam của ông Chủ tịch Lapvia – Lapvi

Trong thời gian chuẩn bị khai mạc, bạn bố trí cán bộ chăm lo chỗ ăn chỗ ở đi lại tập luyện của đoàn rất chu đáo. Thỉnh thoảng bạn đưa đoàn ra ăn ở cửa hàng ăn ở thủ đô Riga. Bữa ăn ở đây khác lắm là tự mình lấy một cái khay đi qua một đoạn dài bày sẵn các món ăn, tự lấy ăn theo sở thích ra, cuối dãy có máy tính tiền rồi ra bàn ngồi ăn. Lúc đầu anh em mình còn ngỡ bạn phải hướng dẫn (nhất là các cô nữ). Sau thì quen tự mình thực hiện theo ý muốn của mình. Dân ở đây họ sống thoải mái lắm, không quan tâm đến ai, ăn là chỉ biết đi ăn, sắp hàng vào lấy thức ăn. Nhưng khi thấy đoàn Việt Nam nhiều người họ cũng nhường cho mình vào lấy trước. Bạn xem các buổi tập của Việt Nam thích thú lắm, bạn cũng tham gia vào việc sắp xếp chương trình, từ biểu diễn cá nhân, song đấu kết thúc là tam đấu (Cảnh, Thắng, Tính) kiếm, roi và thương. Chương trình quá hay, quá đặc sắc, sôi động từ đầu đến cuối. Bạn bố trí đoàn ta biểu diễn khai mạc 30 phút và mỗi ngày 2 xuất biểu diễn chiều và tối. Các buổi biểu diễn của đoàn Việt Nam được khán giả, bạn bè khắp nơi hoan nghênh nhiệt liệt, có tiết mục đánh kiếm của Văn Cảnh phải múa đi múa lại nhiều lần.

Qui mô tổ chức những ngày liên hoan võ thuật phương Đông “Riga-90” thật đồ sộ, trình độ tổ chức rất cao, qui tụ hàng ngàn võ sư võ sĩ tham gia. Hầu hết 15 nước cộng hòa Liên Xô cũ đều cử võ sĩ đến tham gia. Sau

mỗi buổi biểu diễn, nhiều võ sĩ ở các nơi đến thăm và chúc mừng đoàn Việt Nam. Nhiều nơi mời đoàn về địa phương mình thăm chơi và trao đổi kinh nghiệm về võ thuật. Đặc biệt có đoàn võ (Công Fu) một môn phái võ Trung Quốc có dáng dấp giống võ Việt Nam ở Ucraina tha thiết mời đoàn về thăm Kiep. Đành hẹn bạn lần sau. Đoàn nóng lòng muốn về nước lắm rồi.



02 võ sĩ Võ cổ truyền Việt Nam của Nga.

Kết thúc liên hoan, Đoàn Việt Nam nhận được giải thưởng đặc biệt (tượng võ sư nặng 30kg bằng đồng đen). Đoàn không mang về được gửi cho Phương người Hà Nội (hợp tác lao động) mang về theo đường biển.

Kết thúc liên hoan đã một tuần và chưa đăng ký vé máy bay về được (phụ thuộc ở Maoskva).

Bạn chuyển về ở khu ký túc xá một trường Đại học, gần đơn vị hợp tác lao động Hà Nội may và đóng giày da. Lúc đầu bạn đưa xuống ăn nhà ăn của trường thấy bất tiện quá. Đề nghị bạn cấp tiền hằng ngày để Đoàn tự nấu ăn. Vì ở đây có phòng ăn, có bếp điện lớn và đồ dùng nấu ăn đầy đủ, cửa hàng bán thực phẩm ngay ở tầng một, rất thuận tiện. Phòng ngủ cũng đầy đủ tiện nghi. Sáng dậy tôi và Đồng đi chợ mua thức ăn. Thịt gà trứng gà rẻ lắm, sữa chua, sữa nóng đầy đủ, hoa quả cũng nhiều, duy thịt bò hơi đắt,

thịt heo thì tùy nghi. Khan hiếm nhất là gạo. Ngày ăn 3 bữa đầy đủ, bia cũng sẵn (cứ 4 vỏ chai đổi được 4 chai). Tôi và Đồng thường đi mua bia cửa hàng bên cạnh (có cả bia đen).

Hiện nay ở Riga có hai hệ thống thương nghiệp, một của quốc doanh, một của tư nhân. Hôm nay có Hà và Phương đến đưa hai anh em (tôi và Đồng) đi chợ mua thức ăn và gạo ở chợ tự do. Chợ cách chỗ ở vào trung tâm thành phố 5 trạm xe lửa, đi lại rất thuận tiện, đi mất khoảng 15 phút. Cứ 5 phút có một chuyến xe lửa. Chợ to quá, bán nhiều thứ quá. Thịt heo, thịt bò, thịt xông khói, vịt quay, ngỗng quay, batê xúc xích đủ mọi thứ mua gì cũng có. Đi dạo một vòng mấy anh em mua mấy kg thịt bò, mua một đầu heo, mua mấy kg xương, mua một con ngỗng quay gần 3kg, một ít xúc xích, batê gan và mua 10 kg gạo (giá gạo 4 rúp một kg). Mua nhiều thứ như thế chỉ mất 60 rúp. Còn lại 31 rúp về mua sữa, mua trái cây hết 17 rúp còn lại mua bia. Hôm nay có gạo nấu cơm một bữa thịnh soạn với nhiều món ăn Việt Nam. Trứng chiên, thịt heo kho trứng, sườn nướng v.v... ăn ngon quá là ngon. Ban ngày cho mấy đứa nhỏ đi chơi với anh chị em lao động. Trừ Hỷ và Cảnh ở nhà dạy võ cho bạn (khoảng 10 người). Đến tháng 12 mà chưa về được. Lúc thì bạn bảo ngày này, có mấy vé, ngày kia có mấy vé, có nghĩa là Đoàn không về cùng một lúc được. Bạn cũng khá vất vả về chuyện đi về của Đoàn. Tôi nói với bạn là bằng mọi cách lo cho tôi về trước vì có việc cần ở nhà. Trong thời gian chờ đợi tôi cùng Phương về Moskva nhờ sứ quán giúp đỡ mua vé máy bay về. Sứ quán cũng không lo được. Về khách sạn thể thao gặp Mai Văn Muôn ở Tiệp Khắc về, định nhờ Muôn để Ngọc phiên dịch về sau xuống giúp đoàn, nhưng rất phiền cho bạn. Hôm nay ngày 4/12 tiễn Muôn về nước. Phương đưa tôi sang chơi ở ôpa 5 (xe zukho) ở đây có khoảng 300 anh chị em Việt Nam làm việc. Ngoài giờ làm việc lo buôn bán là chủ yếu, ở hành lang, trong phòng chỉ trừ chiếc giường nằm, còn ngoài ra là đủ loại hàng như: Xoong nồi, xô xách nước, tủ lạnh v.v... chất cao như núi. Tôi hỏi Phương mua chỉ những thứ này nặng nề bên ta thiếu gì, mà lợi lộc bao nhiêu? Phương bảo, anh đừng lầm to, thứ này là hàng nghi binh chứ ăn nhau là đựng các thứ trong ruột như: Thuốc tây, vòng bi và phụ tùng xe ô tô lớn nhỏ. Anh em nói: Ở đây không buôn bán làm thêm lấy gì mà sống, chúng em mua từ Hải quan (mời Hải quan đến tận nơi

kiểm tra và kẹp chì). Mua từ trạm cân đo ở bến cảng đến thuyền trưởng của các tàu. Một công tơ nơ qui định có 1 tấn theo quy định, nhưng thực tế có từ 2 – 3 tấn. Thế thì mới có ăn được, chú thật thà quá có mà ăn cảm, còn mua hàng thì đến tận nhà máy bao luôn từng lô hàng đến mấy chục tấn. Ở Moskva là trạm trung chuyển qua các nước Đông Âu và những nơi xa xôi hẻo lánh cùng ngõ hẻm khắp mọi nơi trên đất nước Liên Xô (như Xibirie). Ở ấp 5 có cửa hàng bách hóa, cửa hàng ăn uống không thiếu thứ gì, ngay cả những thứ bên ngoài rất khó mua như: bia tươi. Lên tàu lửa một đêm sáng hôm sau về đến Riga. Đồng mừng rỡ hỏi thăm đủ điều, lo lắng sợ về không được. Đến nay bạn cũng chưa nói gì ngày về. Hôm qua bạn lại phát tiền một tuần nữa. Ngày mai bạn đưa Đoàn xuống chơi ở nhà máy giấy. Ở đây có khoảng 100 anh chị em Việt Nam làm việc. Tôi nói với Đồng một chuyến đi là khó, bạn cũng muốn cho ta về sớm chứ ở đây bạn phải nuôi ăn ở cho Đoàn cũng tốn kém chứ. Ở đây có anh em Việt Nam là vui lắm, chúng mình muốn đi đâu làm gì anh em họ sẵn sàng đáp ứng. Những ngày là mùa đông, tuyết rơi phủ kín cả thành phố và mọi con đường. Thật tội nghiệp cho cô gái Renina phục vụ đoàn, ngày nào cũng đến và lo toan mọi công việc cho Đoàn. Tuyết rơi mỗi ngày một nhiều, hôm nay anh chị em trong đoàn lại đi xa, ở nhà buồn quá nhìn tuyết rơi khắp cả bầu trời, tôi lại làm thơ:

RIA – CÔ GÁI

(Tháng 12-1990)

*Anh đứng nhìn qua cửa sổ tuyết rơi
Bóng hình em thấp thoáng bên đường
Chạnh lòng anh nhớ đến quê hương
Thao thức đêm trường, rừng tuyết trắng.*

*Riga đẹp, thành phố xinh, mắt em đẹp
Đôi mắt dịu hiền sâu thẳm xa xăm
Đôi mắt xanh em tràn đầy sức sống
Xao động lòng anh hồi cô gái Riga*

*Thành phố Riga – Quy Nhơn thành phố tôi
Bà mẹ Riga – cùng Quang Trung Nguyễn Huệ
Xương máu đổ cho hạnh phúc muôn người
Cho dân Lapvia và cho cả quê tôi*

*Biển Riga mênh mông một màu xanh biếc
Biển Quy Nhơn một vòng cung bán nguyệt
Sóng biển chan hòa tình nghĩa đôi ta
Cho tình Lapvia – Quy Nhơn bên nhau mãi.*

*Ôi! tuyết tan, tan cả bóng hình em
Bừng tỉnh dậy, tuyết vẫn rơi, rừng tuyết trắng
Em vẫn đứng, bên đường em vẫn đứng
Riga ôi! Anh vẫn trông, vẫn đợi chờ em!*

Đọc đi đọc lại bài thơ ngẫu hứng mình viết ra. Thôi đây cũng là một kỷ niệm ở đất khách quê người, xứ băng giá rét mướt, nỗi buồn vô hạn. Đang trông chờ thì cô gái Rivina đến báo tin vui, ngày 12 có 2 vé tôi và bé Trà về nước trước. Xúc động quá tôi ôm hôn Rivina, cảm ơn cô quá đổi lo cho đoàn từ việc lớn đến việc nhỏ. Bàn bạc công việc với Hoàng Đồng, đồng viên chú nó ở lại chăm nom cho anh chị em rồi về sau. Đồng rất lo là không về được. Tôi phải an ủi Đồng lâu lắm. Ở đây có bạn, có bè muốn sao được vậy. Bạn không thể giữ Đoàn ở lại mãi, hứa chậm nhất là cuối tháng 12 đoàn sẽ về.

Ngày 12 Étgá đưa tôi và cháu Trà về sân bay Moskva. Rất khổ sở mới qua được vòng ngoài. Đến Hải quan sân bay thì tắc lại, là vì không qua thị thực ở Lapvia. Étgá đưa 2 bố con vào khách sạn hàng không, nhưng cũng không nghỉ được, Étgá liên hệ với trạm thường trú tại Moskva về đó nghỉ, lúc này đã 1 giờ sáng. Bà trực trạm thấy 2 bố con rất cảm thông đưa sữa và bánh cho bố con ăn, mệt quá nên bố con ngủ không biết gì cả. Sáng hôm sau có người đến đưa bố con đi ăn và đi chơi thành phố Moskva. Ba ngày trôi qua như thế, chiều nay bạn lại đưa bố con ra sân bay (3 giờ chiều ngày

22/12/1990). Thật tội nghiệp cho Étgá đi về Riga để thị thực hộ chiếu, mai 3 giờ 15 phút mới đến ga, làm thủ tục nhanh hơn lần trước nhiều. Hai bố con lên máy bay đúng 5 giờ chiều, tạm biệt và cảm ơn nhiều Étgá. Trưa hôm sau về đến Sài Gòn, đi xe tắcxi về Sở TDTT thành phố. Đoàn võ thuật thành phố cũng chuẩn bị ra Quy Nhơn để dự Đại hội võ cổ truyền Việt Nam tổ chức tại Quy Nhơn từ ngày 25 – 30/11/1990. May quá hai bố con theo đoàn về.

Sau Đại hội Đoàn võ Bình Định cũng về đến Quy Nhơn. Hai anh em (Hoàng Đồng và tôi) mừng rỡ quá, Hoàng Đồng kể lại nỗi khó khăn vất vả của Đoàn. Phải nằm lại ở sân bay 14 tiếng mới lên máy bay về được. Thật tội nghiệp cho Étgá lo lắng cho Đoàn quá cỡ, chạy xuôi chạy ngược lo cho Đoàn thật chu đáo.

Một chuyến đi dài ngày, nhiều kết quả, nhiều kỷ ức, nhiều lo lắng là về nước khó khăn, nhưng nhiều lý thú để lại nhiều kỷ niệm giữa giới võ nghệ Lapvia và Bình Định.

3. Paris – Pháp

Quan hệ giữa hai Liên đoàn võ cổ truyền Việt Nam tại Pháp và Liên đoàn võ cổ truyền Bình Định có từ lâu, mối quan hệ giữa hai bên rất tốt. Bình Định đã cử nhiều võ sư có tên tuổi như: Kim Dũng, Đinh Văn Tuấn. Các đoàn võ cổ truyền Pháp lần nào về thăm Việt Nam đều vào thăm Bình Định. Liên đoàn võ cổ truyền Việt Nam tại Pháp do ông Nguyễn Đức Mộc sáng lập ra từ năm 1934 được Chính phủ Pháp cấp giấy phép hành nghề. Ông đã quy tụ nhiều môn sinh ở Pháp và nhiều nước trên thế giới như: Ý, Thụy Sĩ, Angiêri, Tây Ban Nha, Ba Lan, Thụy Điển, Maroc và nhiều nước khác nữa. Ông là người quê ở Hà Bắc đi lính Pháp rồi ở lại luôn Paris.

Ông sống độc thân là chủ yếu, tuy cũng đã có mấy đời vợ Pháp và Việt Nam nhưng cho đến cuối đời vẫn sống cô độc. Năm nay ông đã ngoài 80 tuổi (1997) ước muốn của ông về thăm Việt Nam và quê nhà lần cuối, các môn sinh của ông quý trọng ông lắm, thường gọi ông là “Me”, Việt Nam gọi là Sư tổ.



Ông có một võ đường tại Paris gồm một phòng tập trong nhà khoảng 40m², một phòng tập ngoài trời rộng gấp đôi. Ông cất một túp lều nhỏ nhỏ khoảng 12m² ở góc bên trái sân tập. Không thể gọi là nhà, mà gọi là “cái am” đúng hơn. Có lẽ ông theo lối sống của sư tổ là Hoàng Hoa Thám ở căn cứ núi rừng tỉnh Bà Bắc. Môn phái võ của ông là môn phái Hoàng Hoa Thám. Cờ hiệu của Liên đoàn là 3 dãy núi liên tiếp, tượng trưng cho căn cứ địa núi rừng của Hoàng Hoa Thám. Nhưng khi về Việt Nam ông đi từ Bắc vào Nam, ngay cả quê hương Hà Bắc để tìm dấu vết võ cổ truyền Việt Nam. Ông mừng quá khi về đến Bình Định, ông mới công nhận dòng võ Tây Sơn – Bình Định là tượng trưng cho võ cổ truyền Việt Nam. Quang Trung – Nguyễn Huệ đúng là sư tổ. Người không những sáng lập ra dòng võ Tây Sơn – Bình Định mà là người kế thừa và chấn hưng võ cổ truyền Việt Nam. Tại sao Liên đoàn võ cổ truyền Việt Nam tại Pháp lại mặc võ phục quần áo màu? Màu nâu là tượng trưng cho giai cấp nông dân Việt Nam. Hoàng Hoa Thám và Quang Trung - Nguyễn Huệ là những bậc hiền sĩ lừng danh, lập căn cứ cách mạng, lấy áo vải cờ đào để quy tụ anh hùng hiệp sĩ bốn phương dựng cờ khởi nghĩa đánh đuổi ngoại xâm để xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh, giữ gìn bản sắc độc đáo nền văn hóa Việt Nam (trong đó có võ nghệ).



*Tác giả và võ sư Nguyễn Văn Cảnh tại Quảng trường Paris
Tháp này chở từ Ai Cập về quảng trường.*

Tháng 6/1991, Liên đoàn võ cổ truyền Việt Nam tại Pháp mời tôi và một số võ sư sang Paris thăm và tham dự trại hè hằng năm. Năm nay tổ chức tại Đảo Oliôn, miền Trung nước Pháp.

Do trục trặc về vé máy bay nên mãi đến ngày 25/6 mới xuất phát tại sân bay Tân Sơn Nhất. Đúng 1 giờ 30 chiều máy bay cất cánh, đến 3 giờ chiều thì đến sân bay Thái Lan (Băng Cốc). Sân bay to lớn hiện đại quá. Từ sân bay vào hành lang đến phòng đợi, không xuống được sân bay. Nhà sân bay cao 4 tầng, dài hơn 100m có 4 hành lang vào. Mỗi hành lang có 10 máy bay đậu hai bên. Ở đây cứ 5 phút có một máy bay lên xuống, trên sân bay thường có khoảng 30 – 40 chiếc máy bay đậu chờ lấy khách. Hai thầy trò ngỡ quá cứ đi theo dòng người đi vào phòng đợi ở tầng hai. Ở đây nhiều phòng đợi, nhiều người qua lại tấp nập. Xuống tầng dưới để làm thủ tục quá cảnh, được biết là 12 giờ 30 phút mới xuất phát đi Paris. Thế là hai thầy trò

đi lang thang hết tầng này đến tầng khác. Tầng 3 là tầng ăn uống và bán hàng. Nhiều hàng hóa quá, xem đến choáng ngợp, chứ tiền đâu mà mua. Đói bụng, hai thầy trò đành chịu, nhìn vậy chứ tiền đâu mà ăn uống. Hai thầy trò hết đi dạo lại vào phòng đợi. Đúng giờ lại theo dòng người vào phòng đợi để ra máy bay. Máy bay lớn chứa gần 300 người chia thành nhiều khoang. Khoang nào cũng có ti vi loại lớn, có máy nghe nhạc, ghế ngồi rộng rãi, hai thầy trò ngồi dãy bên trái máy bay 3 ghế, có một ghế bỏ trống. May quá lên máy bay khoảng 15 phút đến bữa ăn. Xe đưa nước giải khát rượu bia đi trước, xe thức ăn theo sau. Hôm nay bữa ăn đầu tiên trên máy bay ngon quá, ăn nhiều quá, hết suất ăn. Ăn xong ngủ một giấc ngon lành, cứ sau 4 giờ lại đến bữa ăn. Máy bay đổ xuống sân bay sau 12 giờ bay. Cứ tưởng là đến Paris hai thầy trò mang hành lý theo đoàn người ra sân bay, đến Hải quan bị giữ lại, may gặp được một ông Việt kiều hỏi ra mới biết đây là sân bay Stóchôm – Thụy Điển. Hai thầy trò lại hỏi thăm đến phòng đợi đi Paris. Sau 02 giờ bay, ăn một bữa cơm cuối cùng trên chuyến bay. Đến sân bay Paris khoảng 7 giờ sáng. Đi theo dòng người ra cửa, thủ tục Hải quan làm rất nhanh. Lấy hành lý xong ra cửa, nhìn mãi mới thấy một cô gái cầm bảng hiệu “Võ Việt Nam”. Ba thầy trò bắt tay mừng rỡ. Cô gái nói tiếng Việt chưa thạo, là con một gia đình cha Tây, mẹ Việt; ông bà đã già ngoài 70 tuổi, có 2 con, một trai đã có gia đình. Cô gái khỏe đã theo võ sư Mộc học võ Việt Nam đã được 3 – 4 năm. Hiện đang dự trại hè ở đảo Oliôn, cách xa Paris hàng ngàn km. Xuống đến tầng 1 thấy xe ô tô nhiều vô kể đậu ngay hàng thẳng lối. Xe đây rồi! Một thanh niên cao lớn đẹp trai mở cửa xe, 3 thầy trò lên xe đi lòng vòng mãi mới ra được cửa sân bay. Sân bay cấu trúc theo hình tròn cao 7 tầng, tầng 3 – 6 là nơi làm việc, các tầng còn lại là đậu xe. Ra khỏi sân bay xe chạy với tốc độ hơn 100km/giờ. Đường cao tốc sạch sẽ bóng loáng. Ngăn cách hai bên ở giữa có đoạn là bức tường, có đoạn là bồn hoa, có đoạn là rừng cây. Mỗi bên có 3 làn xe và một đường nhỏ bên ngoài dành riêng cho xe hỏng. Xe cứ chạy tùy theo tốc độ. Tốc độ cao là bên trong, tốc độ chậm là bên ngoài. Trên đường cứ cách 100km có trạm bán xăng ngay giữa đường, mua bán xăng do người lái xe xuống lấy vòi xăng cho vào bình, do máy tính ghi chép lại. Sau khi mua xăng vào trạm

ngủ, ăn nhẹ “bánh mì kẹp thịt” uống cà phê, làm vệ sinh cá nhân rồi tiếp tục hành trình. Trên đường đi có bảng báo hiệu từng địa danh, di tích lịch sử, điểm du lịch và nhà máy v.v... Người lái xe rất nghiêm túc, nắm vững luật lệ giao thông, đường ai nấy chạy, muốn rẽ trái, rẽ phải đều phải xin đường. Hệ thống điện thoại phục vụ cho mạng lưới giao thông rất tiện lợi, cứ 10km có máy điện thoại dành riêng bên lề đường. Nếu xe có sự cố thì 5 phút sau có cảnh sát giao thông đến can thiệp. Mỗi mê nhìn phong cảnh, say đắm cảnh vật bên đường, quên đi mệt nhọc sau chuyến bay dài mất 16 giờ, lại đi ô tô gần 10 giờ nữa. Đến nơi trại lúc 4 giờ chiều.

Ông Mộc và mấy người trong Liên đoàn chào đón, bắt tay thân mật, đưa hai thầy trò về một trại dành riêng.

Trại hè này gồm gần 200 môn sinh nhiều quốc tịch khác nhau như: Thụy Sĩ, Ý, Ba Lan, Đan Mạch, Ma Rốc, Tuynidi, Angeri v.v... ở đây cứ 5 – 7 người một trại, thay nhau làm bếp nấu ăn. Mỗi môn sinh tham dự trại một tháng phải đóng từ 1.000 – 1.200 đồng Phrăng.



Cùng tham gia buổi tập võ tại Pháp.

Trại đã khai mạc hơn một tuần. Sau khi làm việc trao đổi với Chủ tịch Đức Mộc, võ sư Cảnh sẽ huấn luyện hai bài: Quyền Ngọc Trản, roi Thái Sơn và đại đao dành riêng cho võ sư các nước. Thời khóa biểu hàng ngày: sáng tập từ 9 – 11 giờ; 12 giờ ăn trưa. Tắm biển từ 2 – 4 giờ. Chiều tập từ 4 – 7 giờ. Ở đây trời tối muộn lắm. Tôi tập trung soạn giáo án cho Cảnh và nghiên cứu phương pháp tập của ông Mộc mà nhất là tập đánh đôi. Rút ra cũng nhiều điều bổ ích. Ông giữ nguyên cách tập nguyên thủy, không dùng dụng cụ bảo vệ tay chân gì cả. Cũng giống như võ tự do hay võ Việt Nam bên ta. Các môn sinh trai lẫn gái tập luyện hăng say lắm. Nhất là sự hướng dẫn của Cảnh thu hút và lôi kéo các môn sinh hăng say tập luyện.

Qua một tuần sống ở trại, say cảnh, say tình và thâm cảm ơn Bác Mộc, một mình ở đất khách quê người đã có công xây dựng phát triển võ cổ truyền Việt Nam trên đất Pháp và nhiều nước khác trên thế giới. Thật đáng tự hào.



Đại sứ Nguyễn Bình Việt Nam tại Pháp tiếp tác giả và võ sư Đức Mộc.

Tôi làm bài thơ “**Đảo võ**” tặng người sáng lập võ cổ truyền Việt Nam
tại Pháp: *Chủ tịch: Nguyễn Đức Mộc.*

*Trên đảo Olion mọi người đang tập võ
Áo đẫm mồ hôi dưới ánh nắng hè
Người tập võ đủ màu da, chủng tộc
Tự hào thay võ quê mình tại Pháp*

*Võ Việt Nam trên đường phát triển
Khắp năm châu tự nguyện tập rèn
Tập võ cho anh, cho quê mình
Môn thể thao võ cổ truyền Việt Nam*

*Người sáng lập lâu năm vẫn còn đây
Tám mươi tuổi vẫn tràn đầy sức sống
Ngày vẫn tập rèn truyền dạy các con
Dấu nắng mưa, dấu bão táp không sờn*

*Ai đến đây mới thấy đáng cay, hạnh phúc
Công sức người thầy, người sáng lập thuở xưa
Võ Việt Nam trên đất Pháp, dầm dãi nắng mưa
Ai đến đó, mới thấy công người sáng lập.*

*Tôi đến bên anh cùng chung ý nguyện
Lan truyền võ Việt đến Pháp mọi miền
Nhân loại ấm no, hạnh phúc muôn người
Để thế giới, biết quê ta, miền đất võ.*

Olion, ngày 18-7-1991.

Ở đây khí hậu mùa hè, có ánh nắng mặt trời. Trưa thì nóng, hể lặn mặt trời là lạnh. Thường đi tắm biển vào buổi trưa, trên bãi biển người là người, nằm sấp hàng phơi nắng. Dưới biển thuyền lớn, thuyền nhỏ “băng cao su”, đủ kiểu đủ màu sắc. Nước biển lạnh lắm không thể ở lâu dưới biển được.

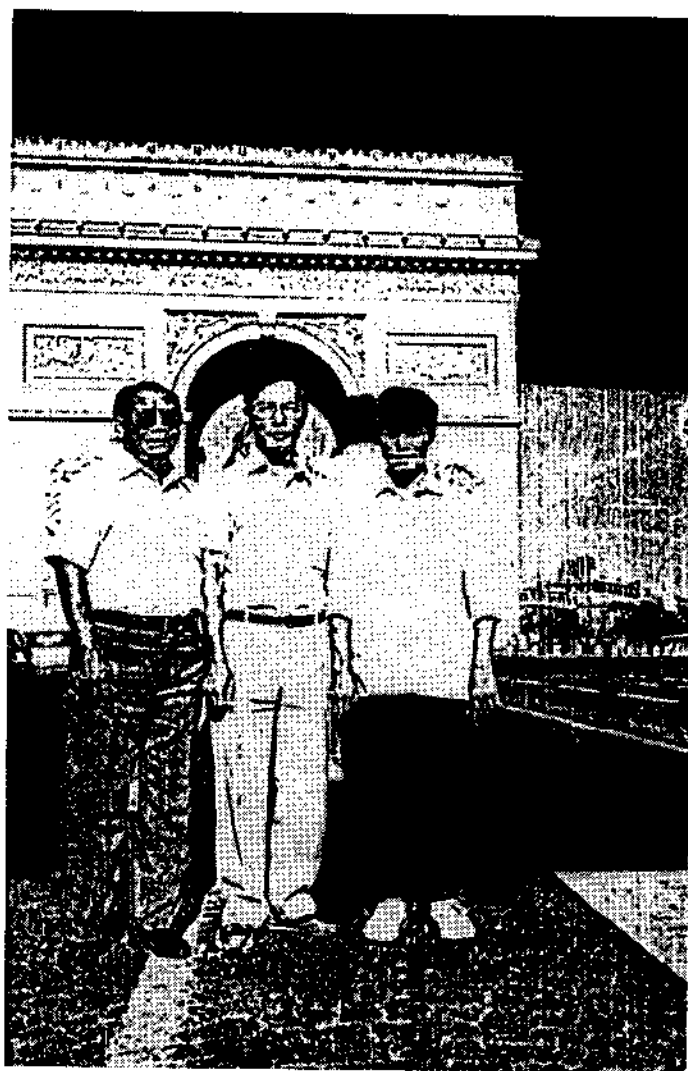
Trại cắm trên một khoảng đất khá rộng, lô khô có đến 20 – 30 trại lớn, nhỏ. Trại do các môn sinh mang đến, trừ một số trại của Ban tổ chức. Sáng chiều tập võ, trưa tắm biển, ăn uống đầy đủ, đi hái táo tùy thích, cây táo hoang ở đây nhiều lắm.

Đại sứ Nguyễn Bình và đại sứ Nguyễn Tài bên cạnh Unetos và một cán bộ sứ quán cũng về thăm chơi mấy ngày ở trại. Trại tổ chức mua dê về nướng theo kiểu lửa trại. Ai muốn ăn gì tùy nghi, uống rượu hời, Cồnhắc, bia tha hồ. Những ăn thế này quá ngon. Đại sứ mời tôi khi về Paris đến thăm sứ quán và đề nghị tôi soạn thảo giúp điều lệ Liên đoàn võ Việt Nam ở hải ngoại, trên cơ sở LD Võ cổ truyền Việt Nam tại Pháp. Tôi đã vui vẻ nhận lời, và đã trao đổi với bác Mộc và một số võ sư người Việt tại Pháp.



Những môn sinh chí cốt của Chủ tịch Nguyễn Đức Mộc

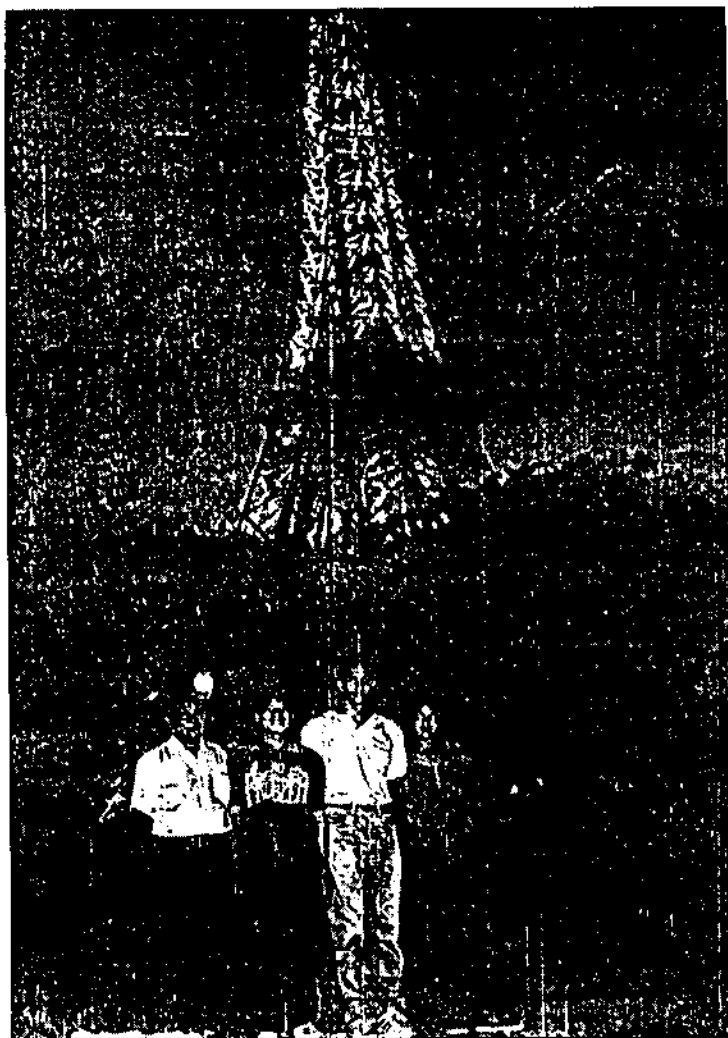
Thời gian mới mà trôi nhanh quá, đã kết thúc một tháng ở trại hè. Hôm chia tay thật đầm ấm, thật lưu luyến. Tiến xong các đoàn ra về. Ban tổ chức còn lưu lại một ngày để thu xếp và trang trải trả lại dụng cụ cho dân địa phương. Sáng nay mặt trời vừa lên cao soi rọi ánh nắng đến cây cỏ muôn vật cho cánh rừng thưa thớt, đón gió mát se lạnh ở biển Đông thổi vào. Ăn sáng uống café xong khoảng 10 giờ xuất phát lên đường về Paris. Ghé ăn trưa ở cửa hàng bên đường. Khoảng 7 giờ tối về tới nơi. Thủ đô Paris ban đêm đủ ánh đèn nhiều màu. Điện sáng các con đường. Điện ở các nhà cao, điện ở khắp mọi nơi tăng vẻ đẹp cho thành phố về đêm.



Khải hoàn môn cũ của Paris
(Người đứng giữa là anh Trọng cán bộ sứ quán)

Mười ngày ở Paris, anh chị em ở sứ quán (anh Lân, anh Trọng và chị Huyền) và các đệ tử của bác Mộc thay nhau đưa hai thầy trò đi tham quan các danh lam thắng cảnh của thủ đô Paris như: Quảng trường, cung văn hóa, tháp Baren, đi chơi thuyền trên dòng Xen thơ mộng. Nhà thờ nổi tiếng, các phố ăn nhậu của các nước tại Paris. Ngoài ra Cảnh còn có chương trình dạy thêm cho các đệ tử ruột của bác Mộc tại phòng tập ở trong nhà.

Thứ nhất ở Paris là sau đi dạo chơi (bách bộ) vào quán uống một cốc bia tươi mát lạnh và ngon vô cùng. Bác Mộc còn đưa tôi ra thăm sứ quán Việt Nam tại Pháp. Hai đại sứ tiếp đón tôi rất chân tình. Bác Mộc báo cáo kết quả chuyến công tác của hai thầy trò và mối liên hệ của hai liên đoàn võ cổ truyền Việt Nam tại Pháp và Liên đoàn võ cổ truyền Bình Định. Đại sứ Nguyễn Bình rất hoan nghênh, mà nhất là bản điều lệ Liên đoàn võ Việt Nam ở hải ngoại. Ông mong muốn giữ mãi mối quan hệ tốt đẹp giữa hai liên đoàn. Đại sứ mời bác Mộc và tôi ăn cơm chia tay tại sứ quán. Bác Mộc còn đưa tôi đi thăm một số bà con Việt kiều tại Paris mà nhớ nhất bữa nhậu do bà bồ cũ của bác (người Lào) có chả rán và các món ăn Việt Nam ngon tuyệt. Bà bồ này cũng xinh gái, sống độc thân.



*Tháp Beren tại thủ đô Paris
Hai thầy trò Lê Thì - Nguyễn Văn Cảnh*

Những ngày còn lại ở Paris, bác Mộc sợ tôi buồn, bác rất hài lòng việc huấn luyện của Cảnh, tập bài hai người đánh roi, những động tác mới lạ, di chuyển mau lẹ, né đỡ khôn khéo thể hiện trình độ võ nghệ rất cao đã thu hút một số môn sinh của bác Mộc thích thú tập luyện, có ngày bỏ cả việc nấu ăn, mua thức ăn nguội về vừa ăn vừa tập. Để bọn trẻ ở nhà tập, bác lại đưa tôi đi đây đó, đi ăn nhà hàng, bác tự lái xe đưa tôi đi thăm khu Paris mới, Khải hoàn môn mới cách Khải hoàn môn cũ khoảng 30km nằm trên đại lộ cao nhất quốc tế. Khu Paris mới sẽ dành riêng cho các tập đoàn kinh tế, các xí nghiệp quốc doanh lần lượt cũng về đây, để dành riêng khu Paris cũ thành khu vực hành chính và du lịch.

Chuyến đi Pháp lần này hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc và thu hoạch nhiều điều lý thú. Ngày về đã đến (3/8/1991), cũng xuất phát từ sân bay cũ, nhưng lộ trình thì khác. Quá cảnh sân bay Đan Mạch sau 2 giờ bay, rồi tiếp tục bay 12 tiếng nữa về lại sân bay Băng Cốc (Thái Lan). Chuyển máy bay nhỏ, về đến sân bay Tân Sơn Nhất lúc 7 giờ sáng. Hai thầy trò thuê xe tắcxi về 43 Điện Biên Phủ (Trường nghiệp vụ Sở TDTT thành phố Hồ Chí Minh). Hôm sau Sơn đưa xe vào đón về Quy Nhơn. Kết thúc chuyến đi Pháp 38 ngày.



Hai thầy trò trước võ đường của Chủ tịch LĐVTCT Việt Nam tại Pháp.

TÂM SỰ CỦA VÕ SƯ NGUYỄN ĐỨC MỘC – CHỦ TỊCH LĐVVN TẠI PHÁP

Năm 1978 lần đầu tiên ông về thăm Việt Nam cùng với ba mươi võ sinh. Ông đến Bình Định. Sau khi qua một đêm biểu diễn hỗn hợp giữa Đoàn võ Bình Định và Đoàn Pháp. Người dân Bình Định rất khen ngợi. Tuy rằng về đòn thế với trình độ cao còn hiếm thấp, nhưng được cái là biểu diễn (tập thể) đồng đều đẹp mắt, nhất màu trang phục là màu nâu, toát lên hình ảnh người nông dân Việt Nam dễ mến. Sau đêm biểu diễn rất cảm động. Ông nói: Tôi về Việt Nam đã nhiều lần, được tiếp xúc với nhiều giới võ nghệ và cũng được xem nhiều môn phái biểu diễn. Người Bình Định các võ sĩ Bình Định đã khơi dậy trong tôi niềm tự hào dân tộc. Vì võ Bình Định còn mang đậm màu sắc dân tộc. Còn các nơi khác thì có pha tạp ít nhiều các môn phái khác mà nhất là võ thiếu lâm. Tại sao, ở Pháp mà võ sư trang bị cho môn sinh mặc trang phục màu nâu? Võ sư vui vẻ trả lời: Tôi xuất thân là một nông dân, quê hương Đề Thám (ý nói là căn cứ nghĩa quân Hoàng Hoa Thám). Khi còn ở trong nước tôi có tìm hiểu võ Tây Sơn – Bình Định, mà người anh hùng áo vải cờ đào, đã lập nên một vương triều thống nhất nước Việt Nam mà sau bao nhiêu năm Trịnh – Nguyễn phân tranh. Chiến công oai hùng đó, chẳng những nhân dân trong nước và các nước trên thế giới khâm phục. Nguyễn Huệ là người sáng lập ra dòng võ Tây Sơn mà nòng cốt là “*Tây Sơn tam kiệt*”. Tôi muốn chứng tỏ võ đường chúng tôi là võ cổ truyền Việt Nam, đứng vững tại nước Pháp. Môn sinh của chúng tôi có hàng vạn, với nhiều nước như: Ý, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Angereri, và một nước châu Âu khác nữa. Bất kỳ nước nào mà đã tự nguyện nhập môn thì phải mặc sắc phục võ màu nâu.

Hằng năm, sau này điều kiện khó khăn, vài năm mở trại một lần. Liên đoàn mở trại hè, để kiểm tra ôn lại các bài võ tập từ trước và truyền dạy các nội dung mới. Lớp tập huấn theo hình trại, các trại viên tự quản lý, tự nấu ăn, tự tổ chức thời khắc biết tập võ, và các buổi vui chơi khác. Có những năm quy tụ trên mười nước tham gia như: Pháp, Ý, Thụy Sĩ, Ba Lan, Rumani, Liên Xô cũ, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, In đô, Philíppin v.v...

Nhiều năm Liên đoàn mời chuyên gia Bình Định sang giảng dạy. Võ sư: Kim Dũng, Đình Văn Tuấn qua lại các trại này nhiều lần. Liên đoàn đã

hợp đồng với Bình Định, như mời võ sư Bình Định sang giảng dạy và các đoàn thuộc Liên đoàn về Việt Nam (có Bình Định để giao du qua lại).

Những lần gặp sau, ông lại tâm sự: Tôi nhớ quê hương lắm, mà nhớ nhất là võ Bình Định. Ông chỉ cho tôi xem những hiện vật kỷ niệm của Bình Định ông lưu giữ cẩn thận. Ảnh Quang Trung – Nguyễn Huệ ông đặt ở vị trí quan trọng. Ông xem là sư tổ của võ cổ truyền Việt Nam. Còn lá cờ màu đỏ, ở giữa thêu ba ngọn núi liền nhau, tượng trưng căn cứ cách mạng của Hoàng Hoa Thám, (Đề Thám) ở Hà Bắc. Càng nhớ quê hương đất nước, càng nhớ đến cội nguồn võ nghệ Việt Nam (mà nhất là Bình Định), tôi càng truyền dạy cho môn sinh hiểu biết về con người, xứ sở và võ cổ truyền Việt Nam. Hằng năm tôi lấy ngày mừng năm tháng giêng (ngày lễ hội Quang Trung) làm ngày giỗ tổ cho môn phái võ của mình. Các môn sinh gần xa, bạn bè Việt Nam và quốc tế về dự, có năm đông lắm. Cũng làm lễ dâng hương, biểu diễn võ thuật, liên hoan ca hát nhảy múa suốt đêm. Kể chuyện cho nhau về Việt Nam, về võ nghệ, về cội nguồn của dòng võ Tây Sơn – Bình Định, về các võ tướng Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu v.v..., về các võ sư nổi tiếng của Bình Định như: Hồ Ngạnh, Phan Thọ, Hà Trọng Sơn và Phi Long Vịnh v.v... Mọi người nhắc nhiều đến chùa Long Phước, thầy Hạnh Hòa. Ngày giỗ tổ là ngày sum họp của giới võ nghệ xa quê hương đất nước hướng về cội nguồn Việt Nam, rất trang trọng và đông vui.

Cuối đời tôi cố xây dựng một số Liên đoàn võ cổ truyền Việt Nam ở một số nước như: Thụy Sĩ, Ý, Angiêri v.v... Tôi cũng hướng dẫn cho họ nên quan hệ thường xuyên với Liên đoàn võ thuật Bình Định, mời võ sư Bình Định sang công tác dạy võ cho các Liên đoàn. Năm 1998 Liên đoàn võ Việt Nam – Ý (chi nhánh của Liên đoàn võ Việt Nam tại Pháp) đã mời lãnh đạo Sở (Lê Văn Minh – Giám đốc Sở) và võ sư Đình Văn Tuấn sang công tác tại Thụy Sĩ một thời gian. Hai bên cũng có hợp tác qua lại giữa Bình Định và Thụy Sĩ. Thụy Sĩ hằng năm mời chuyên gia Bình Định sang giảng dạy võ và đưa đoàn võ Thụy Sĩ về thăm Việt Nam và học võ một thời gian tại Bình Định.

Năm 2000, nhân dân cũng đã cử võ sư Đình Văn Tuấn sang dạy võ ở Angiêri với thời gian 3 – 4 tháng, đã được đón tiếp nồng hậu và kính trọng. Quan hệ giữa Liên đoàn võ thuật Bình Định với Liên đoàn võ thuật Việt

Nam tại các nước được tăng cường và mở rộng, các đoàn võ của Bình Định ra các nước ngày càng nhiều và Bình Định đón các đoàn võ các nước vào ngày càng đông.

Thế kỷ XXI này, thế kỷ giao lưu võ nghệ ngày càng rộng, nhiều môn phái võ của các nước vào Việt Nam ngày càng nhiều, chạy theo thi đấu lấy huân chương là mục tiêu tối thượng, thúc đẩy võ cổ truyền Việt Nam càng rộng rãi. Theo đó võ cổ truyền Bình Định càng được gìn giữ và tăng nhanh tốc độ phát triển để đáp ứng nhu cầu tập luyện của dân.

MỤC BA

NỘI DUNG VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

Ý muốn của mọi người và các võ sư Bình Định là khi nói đến võ cổ truyền Bình Định phải làm sao thể hiện cho được nội dung và những đặc thù của nó, không được một môn phái nào lấy bản sắc của võ Bình Định làm bản sắc của môn phái mình.

Võ cổ truyền Bình Định kế thừa võ cổ truyền Việt Nam. Lấy võ thời Tây Sơn làm nền tảng. Tiếp thu chọn lọc các dòng võ ngoài miền Bắc (Đăng Ngoài); kết hợp hài hòa võ Đăng Trong (võ miền Nam); rút tỉa những tinh hoa võ Trung Hoa (Thiếu lâm); vận dụng nền võ bản địa và võ của dân tộc anh em.

Trong quá trình đi lên phát triển của dân tộc. Qua thời gian dài chiến đấu chống giặc ngoại xâm để giành lại tự do độc lập cho Tổ quốc. Đi sâu võ nghệ là bạn đồng hành không thể thiếu được của dân tộc. Võ nghệ cũng đã góp phần đánh thắng quân ngoại xâm giành thắng lợi to lớn cho Tổ quốc. Người dân Bình Định rất tự hào và thấy rõ tác dụng của nó đem lại thể lực, sức khỏe cho nhân dân để sản xuất, chiến đấu và góp phần xây dựng cuộc sống ấm no.

A- NỘI DUNG VÕ THỜI TÂY SƠN:

Trước khi nói đến võ cổ truyền Bình Định, chúng ta nên xem lại nội dung võ Tây Sơn.

Võ Tây Sơn kết hợp hài hòa giữa cương công và nhu công; giữa ngoại

công và nội công. Nội dung võ Tây Sơn bao gồm nhiều môn, phân chia thành bốn nội dung như:

- Phần một là luyện công

Luyện công là một nội dung rèn luyện thể lực bao gồm hai phần là khinh công và khí công.

Khinh công là phương tiện luyện tập ngoại hình, luyện sức bền, sức chịu đựng dẻo dai và linh hoạt (Sức chịu đựng bên ngoài).

Khí công là phương pháp luyện tập nội lực (sức chịu đựng bên trong cơ thể). Tập thở mà chủ yếu là nín thở. Tập lên gong là tập nín thở, đưa tất cả sức lực, vận khí làm cho các cơ bắp căng ra (trương cơ) to phình lên. Cho đối phương mặc sức đâm đá.

- Phần hai là quyền thuật.

Quyền thuật bao gồm các môn luyện tập tay không, không có binh khí chỉ dùng tay chân. Cấu tạo bằng cương quyền và nhu quyền, với kỹ thuật từ đơn giản đến phức tạp, bao gồm đòn công và đòn thủ lợi hại, đánh trả đòn rất quyết liệt, mang tính chất sát thương cao. Những bài quyền dùng sức mạnh với mục đích tiêu diệt đối phương nhanh. Còn nhu quyền mang tính thủ, né tránh linh hoạt, lợi dụng tình thế từ thủ sang tấn công nhanh, linh hoạt mà lợi hại.

- Phần ba là Võ với binh khí.

Binh khí bao gồm: dài và ngắn: Dài bao gồm các môn như: Roi, thương, đại đao và lao v.v... Binh khí ngắn bao gồm: Cung tên, dao mác, kiếm ngắn và kiếm dài v.v...

- Phần bốn là Luyện tinh thần

Luyện tinh thần bao gồm: “Tâm đạo” và “Tà đạo”. Tâm đạo là nói đến luân thường đạo lý (luân lý). Trên dưới phân minh; Tôn sư học đạo và những điều cấm đối với võ sinh.

Với phương pháp tập luyện bao gồm 4 bước như sau:

- Tập luyện để rèn luyện dáng hình
- Tập luyện để đi vào áp dụng

- Tập luyện thực hành trên các dụng cụ

(Bao cát, người giả)

B- NỘI DUNG VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

Nội dung võ cổ truyền Bình Định bao gồm các môn như:

B.1. VỀ QUYỀN (VÕ MÚA)

Quyền còn gọi là thảo bộ, hay còn gọi là Quyền tay không, khi thực hiện một bài quyền, tất cả các bộ phận trong cơ thể đều tham gia hoạt động mà nhất là bộ tay, bộ chân và nhãn pháp tham gia hoạt động nhiều hơn.

Quyền thường là có bài (Bình Định hiện có khoảng bốn mươi bài) bao gồm: Nhu quyền và Cương quyền. Với nội dung tập thể và cá nhân.

Nhu quyền là bài quyền thể hiện mềm mại, uyển chuyển, linh hoạt, chủ yếu là biểu diễn cá nhân và né tránh đòn thế tấn công của đối phương, như: Quyền thể dục, Quyền dưỡng sinh, quyền biểu diễn và quyền tự vệ.

- Quyền thể dục là nội dung tập võ (có thể thay bài thể dục buổi sáng) ở khối nhà trường và cho tất cả đối tượng khác.

- Quyền dưỡng sinh: là môn tập cho những người lớn tuổi (Thường là nhu quyền).

- Quyền biểu diễn (võ múa).

Thường các ngày lễ hội, quyền là một môn biểu diễn chủ yếu và một nội dung thi đấu của võ cổ truyền Bình Định (thi đấu này sau ngày giải phóng mới xuất hiện).

- Quyền tự vệ (Võ tự vệ).

Quyền tự vệ chủ yếu là sử dụng các đòn thế, không có bài bản gì cả. Thời Tây Sơn mọi người dân đua nhau học võ để tự vệ bản thân, chống chọi với khí hậu rừng thiêng nước độc, đánh thú dữ và chống bọn xấu cướp đường, cướp phá buôn làng. Chống bọn tham quan ô lại, hà hiếp dân lành, bọn lý hương xã thôn quấy nhiễu người dân, đòi siêu cao thuế nặng. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ của nhân dân ta. Võ tự vệ là một nội dung của binh chủng đặc công. Bộ đội hoạt động ở nội thành vận dụng nó để tiếp cận quân thù, tiêu diệt chúng mà không để lại dấu vết.

Nghe đến hai tiếng đặc công là kẻ thù mất ăn mất ngủ, lo sợ đề phòng triền miên, sợ bộ đội đặc công ta tiêu diệt chúng lúc nào, nơi nào không biết.

B.2. VÕ VỚI BÌNH KHÍ

Võ binh khí bao gồm hai loại như:

Võ binh khí ngắn

Võ binh khí dài.

- Binh khí dài gồm các môn như: roi, thương, đại đao, chia ba v.v... các môn này lưu hành rất rộng rãi, nhưng đặc biệt có môn roi (côn) là thịnh hành rộng rãi nhất. Các võ đường ở Bình Định đều tập môn roi, chiếm tỷ lệ 30 – 40%. Môn côn (roi) còn có trường côn và đoản côn. Môn đoản côn phát triển cũng khá rộng. Đã sưu tầm được 80 bài roi.

- Binh khí ngắn gồm các môn như: đao, rựa, kiếm, búa, lưỡi lê, song đao, bắn cung và nhị khúc (Tam khúc) v.v...

Kiếm là một môn phát triển rộng ở trong và ngoài tỉnh Bình Định. Chiếm khoảng 20 – 30% nội dung dạy võ ở các võ đường. Kiếm gồm song kiếm và độc kiếm. Kiếm cũng có hai loại như: kiếm cong và kiếm thẳng.

Kiếm cong còn có vỏ bọc bên ngoài, thường gọi là kiếm lệnh dùng cho những ai đảm trách được nhiệm vụ ra lệnh cho người khác thi hành (còn gọi là kiếm chỉ huy). Nói là kiếm cong nhưng chỉ cong một đoạn ở mũi kiếm.

Kiếm thẳng (có bao hoặc không bao) là kiếm phổ thông dùng trong tập luyện, thi đấu và giáp trận. Bình Định đã sưu tầm được 20 bài kiếm đang lưu truyền trong dân gian. Nhiều nhất là kiếm thời Tây Sơn. Nhiều bài có lời thiệu, có bài không. Bài “Mai hoa kiếm pháp” được lưu truyền rộng rãi từ đời này sang đời khác.

B.3. VÕ CHIẾN ĐẤU

Võ chiến đấu gồm: võ thi đấu và võ đấu, hai loại đều mang tính đối kháng.

1. Võ thi đấu:

Là một trong nội dung quy định thi đấu, như các môn võ đã nói ở trên thi đấu theo điều lệ, có trọng tài giám định.

Võ chiến đấu là võ đánh nhau thật sự, đánh với mọi đối tượng, đánh không có sự ràng buộc gì cả. Đánh nhau trên mọi trận địa với tất cả các loại võ khí hiện có. Chủ yếu đánh nhau ở cự ly gần (cận chiến hay còn gọi là đánh sát la cà). Mà loại võ chiến đấu này thể hiện và được áp dụng rộng rãi ở giai đoạn trước và trong thời Tây Sơn. Trong thời chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ. Bộ đội đặc công của ta đã vận dụng võ chiến đấu đến tận sào huyệt của Mỹ, Pháp mà tiêu diệt chúng. Võ chiến đấu thường là ít có bài bản nhất định mà chủ yếu là sử dụng các đòn thế mà đặc biệt là đòn thế bí truyền nguy hiểm. Đánh mà kẻ địch không biết đau mà chết tại chỗ, hay là chết dần chết mòn sau đó mà không cách nào thuốc gì cứu chữa được. Chỉ có phương cách duy nhất là dùng thuốc võ đặc trị mà hay nhất là tìm được thuốc võ người đã đánh mình (phương pháp giải độc).

2. Võ chiến đấu bao gồm một số môn như:

- Võ tay không đánh với tay không (dùng đòn tay đòn chân)
- Võ tay không đánh với binh khí (kể cả các loại binh khí)
- Võ binh khí đánh với binh khí

(Hai người cùng đấu một loại vũ khí như roi, kiếm, thương v.v... hay là khác vũ khí).

- Một người đánh với nhiều người

Một mình khi bị bao vây nhiều người, thì sử dụng đòn đánh phá vây.

- Đánh võ trên mọi địa hình, mọi trận địa.

(Khi xông trận)

- Thách đấu võ với nhau mà không cần tuổi tác, nam nữ (võ đài).
- Võ tự vệ chiến đấu như nói phần trên.

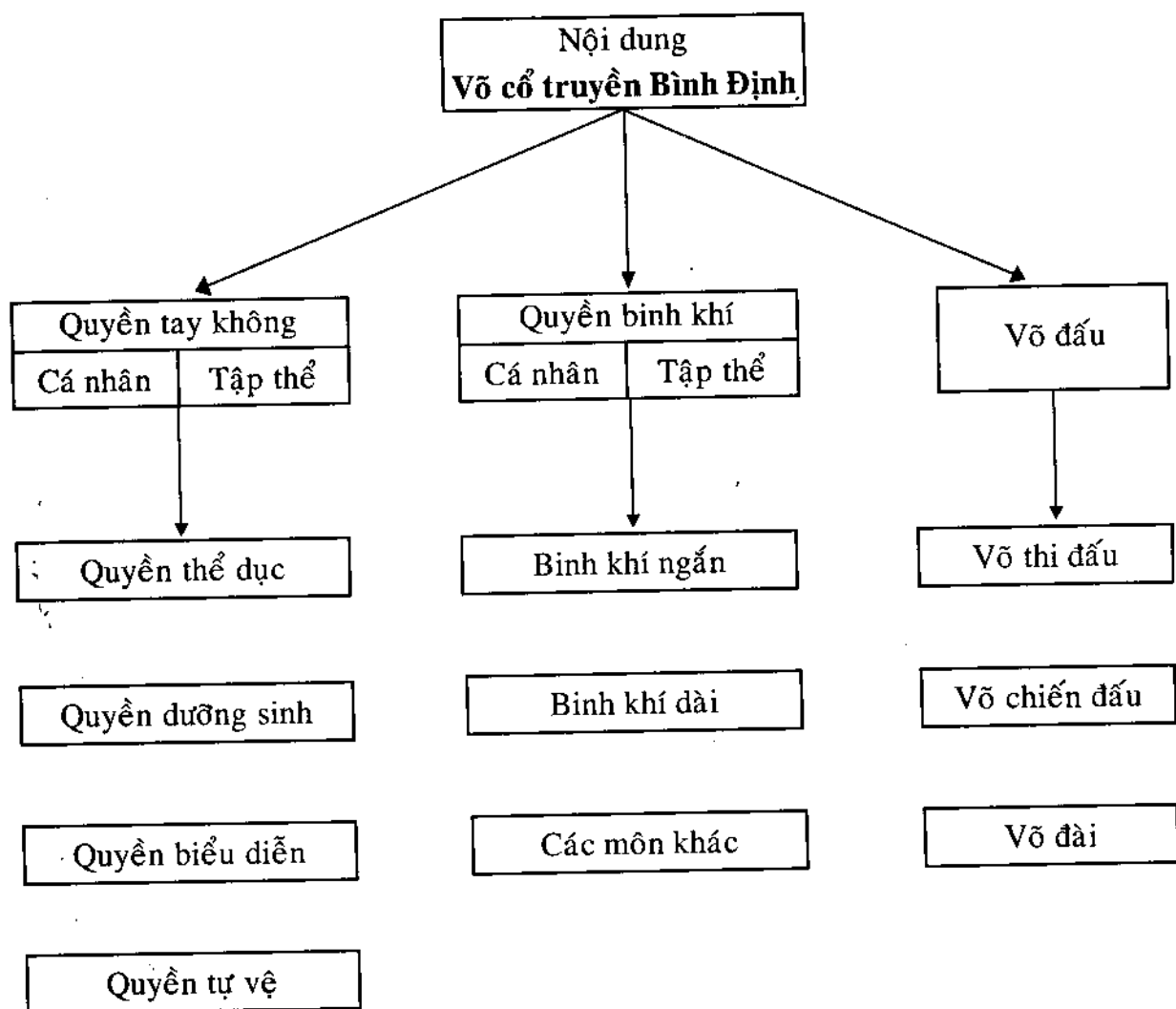
Nội dung võ Bình Định cũng còn một số môn khác như: Lãng khiêu, dùng dây, ném dao, ném chì, roi hai đầu, chùy v.v... nhưng không phổ biến, lâu lâu mới thấy xuất hiện, lúc ở nơi này lúc thì nơi khác, mà nhất là ít người biết đến chỉ có một hai võ đường dạy, theo cách gia phả lưu truyền.

B.4. VÕ ĐÀI:

- Võ đài: Đây là một loại hình thi đấu khá đặc biệt, chỉ có Bình Định tổ chức mà thôi, có một võ sư thủ đài, đài ở đây không cố định, có lúc trên đồng ruộng khô, trên đồi núi, miễn sao có một khoảng đất trống để hai người có thể đâm đá là được. Có lúc cũng có sàn đài cao hơn 1 mét, có chiều rộng hẹp không cố định, không có dây Rìn bảo vệ xung quanh. Võ sư thủ đài thượng đài thách đấu tất cả các võ sư không phân biệt nam nữ, tuổi tác, cũng không cần đến trọng tài, hai người dùng đủ mảnh khỏe, ra đòn công thủ tùy ý, đánh nhau cũng không tính thời gian, hễ ai bỏ chạy và rơi xuống đài là thua cuộc.

Mối tình võ nghệ thời Tây Sơn Bùi Thị Xuân thượng đài thách đấu, qua ba ngày chưa gặp đối thủ. Cha Bùi Thị Xuân công bố, nếu võ sư nào đánh hạ đài được con gái ông thì ông gả luôn thành chồng vợ. Một võ sư xuất hiện không xưng danh tánh, khăn che mặt lên đài thi đấu. Đầu tiên hai người đấu kiếm, xoay vòng bên nhau, đường kiếm kẻ đâm người đỡ, kẻ chém người kê, giao đấu mấy trận khá lâu, bỗng thành linh võ sư nam đá bay kiếm của Bùi Thị Xuân. Hai người lại đấu với nhau võ tay không. Đấu với nhau cũng khá lâu mà chưa phân thắng bại, linh tính của Bùi Thị Xuân cho đây là võ sư quen bà xin dừng trận đấu, đúng đây là võ sư Trần Quang Diệu mà trước đây bà đã đánh cộc cữu chàng. Từ đó hai người thành vợ chồng và cũng là hai vị tướng nổi tiếng của thời Tây Sơn.

HỆ THỐNG VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH



CHƯƠNG BỐN

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KỸ THUẬT CƠ BẢN VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

Bình Định là một địa danh của võ nghệ. Võ cổ truyền Bình Định với nội dung nhiều, đa dạng và phong phú. Trên cơ sở võ Tây Sơn đã tập hợp, hệ thống, tinh gọn và rút tủa những tinh hoa võ “đăng ngoài”, chọn lọc đúc kết võ “đăng trong”, vận dụng uyển chuyển võ Trung Hoa “Thiếu lâm tự”, kết hợp với các dòng võ tại bản địa mà xây dựng lên thành dòng võ độc đáo, mang đậm bản sắc dân tộc – Võ cổ truyền Bình Định.

Võ cổ truyền Bình Định có một nền võ học hoàn chỉnh, bao gồm võ lý, võ đạo, võ thuật và thể hiện một số đặc điểm độc đáo của riêng mình “Nhất nhanh, nhì lẹ, ba giỏi”, đòn đánh hiểm hóc, biến hóa linh hoạt, đánh dứt điểm nhanh chóng, có thể lực tốt, phản ứng nhạy bén và trình độ kỹ thuật cao. Ngoài ra, võ cổ truyền còn thể hiện một số đặc trưng mang tính chất quần chúng, tính khoa học, tính chiến đấu là những đặc trưng chung của nó.

“Ai về Bình Định mà coi,

Con gái Bình Định cầm roi đi quyền”

“Ai về Bình Định mà coi” đây không phải là lời thách đố! Mà là lời mời chào thân tình. Người dân Bình Định hiền hòa, khoan dung, mến khách, rất muốn người mọi miền của đất nước về thăm quê mình, xem Bình Định có phải là “Miền đất võ” hay không? Ở đây còn có một số địa danh võ nổi tiếng như “Roi Thuận Truyền” mà tên tuổi của Hồ Ngạnh với ngọn roi bí truyền vang lừng khắp bốn phương. “Quyền An Vinh” mà tên tuổi của võ sư Hương Mục Ngạt mà mọi người thường nhắc đến. Một số võ sư như: Hà Trọng Sơn con Hùm xám của miền Trung, Ba khùng, Mười Đậu, Năm Nghĩa, Bảy Lụt v.v... là những bậc võ sư tiền bối, vang bóng một thời, mọi người kính phục. Các bậc võ sư nổi tiếng hiện thời (khoảng 60 – 70 tuổi) là Phan Thọ, Trần Dầu, Phi Long Vịnh v.v...

Võ nghệ thời Tây Sơn là thời hưng thịnh nhất. Thời đó mọi người dân đua nhau đi học võ để tự vệ bản thân chống lại mọi loài thú dữ ở chốn núi rừng hoang dã, rừng thiêng nước độc Võ là giấy thông hành để giao lưu với

các vùng phụ cận, để chống lại bọn cướp đường và bọn lâm tặc. Một điều quan trọng nữa là học biết võ để mong muốn được vào đầu quân phong trào nghĩa quân Tây Sơn.

Nguyễn Huệ không những là bậc vĩ nhân thiên tài mà còn là một Nhà võ lỗi lạc, người đã vận dụng sáng tạo đưa võ nghệ vào huấn luyện quân đội. Xây dựng đội quân bách chiến, bách thắng, tinh thông võ nghệ, có kỷ luật nghiêm minh và có tinh thần chiến đấu cao.

Bình Định còn là một địa danh du lịch. Ở đây có Bảo tàng Quang Trung lưu giữ các tư liệu quan trọng và những báu vật (trong đó có võ nghệ). Địa danh du lịch như “Hầm Hô” nằm trên đường 19 từ Quy Nhơn lên Phú Phong thuộc địa phận xã Tây Phú, huyện Tây Sơn. Ở đây có nhiều cảnh đẹp, “Sơn thủy hữu tình” nhiều cảnh tự nhiên hoang dã giữ được thời hoang sơ xa xưa trước đây. Người dân tộc Chăm khi rời khỏi đất Bình Định còn để lại nhiều di sản văn hóa độc đáo, các tháp Chăm “Cánh Tiên”, “Tháp Bánh Ít” và “Tháp Đôi”. Chất dính để xây dựng tháp rất độc đáo mà hiện nay nhiều nhà khoa học chưa tìm ra. Cảng Quy Nhơn là một cảng biển có thể đón tàu 10 – 20 tấn vào cập cảng. Có bờ biển dài hơn 10km, hình bầu nguyệt, có nhiều bãi tắm nước trong xanh, độ sâu của nước vừa phải, không nguy hiểm lắm như: Bãi trứng... (Bãi tắm Hoàng hậu). Ở đây còn có Đầm Thị Nại rộng mênh mông, cung cấp nhiều hải sản quý vùng nước lợ.

Ở Quy Nhơn còn lưu giữ mộ Hàn Mặc Tử là nhà thơ nổi tiếng thời 1930 – 1940 để lại cho đời nhiều bài thơ trữ tình rất hay mà nhiều người biết đến.

“Con gái Bình Định cầm roi đi quyền”, con gái mà đã biết đánh võ thì những lớp người khác lại càng giỏi võ hơn, đa số người dân Bình Định từ già trẻ, gái trai, ai ai cũng biết võ.

“Cầm roi đi quyền” điều này nói lên người dân Bình Định biết nhiều môn võ khác nhau như roi, quyền, côn, kiếm... qua đây cũng nói lên nội dung võ Bình Định bao gồm nhiều môn đa dạng và phong phú. “Cầm” mang nghĩa thách đấu, cầm thử xem đánh môn này, rồi đánh môn khác tiếp theo.

“Roi tiền quyền tiếp”

Đánh roi trước rồi đánh quyền tiếp theo. Điều này cũng nói lên người dân Bình Định không những biết võ mà còn biết nhiều môn võ khác nhau.

Hai câu ca dao trên thể hiện tính quần chúng rộng rãi của võ cổ truyền Bình Định và là đặc trưng nổi bật của nó. Người dân Bình Định rất tự hào được mang tên “Miền đất võ”.

Họ học võ để nâng cao thể lực sức khỏe để phục vụ cho sản xuất, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp, để chiến đấu chống ngoại xâm, giữ gìn giang sơn gấm vóc, bờ cõi của Tổ quốc, đảm bảo cuộc sống yên lành của người dân, mặt khác giữ gìn một di sản văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc-Võ cổ truyền Bình Định.

Như chúng ta đã biết qua bao giai đoạn lịch sử, có nhiều biến cố thay đổi thì võ nghệ cũng có nhiều thay đổi nhất định. Đặc biệt là thời sau của nhà Tây Sơn, với âm mưu tiêu diệt tất cả mọi di sản của nhà Tây Sơn lập nên trong đó có võ nghệ rất khắc nghiệt và tàn bạo. Nhưng với truyền thống thượng võ, nhân dân Bình Định vẫn ngấm ngấm giữ gìn, bảo vệ và lưu truyền võ Tây Sơn Bình Định cho đến ngày nay.

Võ cổ truyền Bình Định không có trường lớp đào tạo qui mô, không ồn ào phô trương, mà âm thầm ẩn dật, truyền dạy theo môn phái gia truyền. Trong gia đình cha dạy cho con, chồng dạy cho vợ, anh dạy cho em. Trong xóm làng của truyền dạy cho nhau người trong gia tộc và môn phái. Họ truyền dạy cho nhau những bài võ gia truyền từ thời xa xưa của môn phái, gia tộc lưu giữ từ đời này sang đời khác. Điều này nói lên tính kế thừa rất đậm nét. Võ Bình Định ngày càng phát triển rộng rãi, ngày càng bổ sung và hoàn chỉnh. Cho nên các môn phái cũng đua nhau cải tiến phương pháp và bổ sung nội dung để đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội. Nhưng vẫn giữ được những đòn thế bí truyền của môn phái như: “Roi Thuận Truyền” tiêu biểu ngọn roi bí truyền của Hồ Ngạnh mà được gọi là bí quyết. Trong một lần thi đấu roi với cự vô địch “Sơn đông mãi võ” thuộc nhóm võ sĩ người Trung Hoa, trong lúc thi đấu roi của Hồ Ngạnh bị chặt gãy làm đôi. Tức là nhờ đối phương vót hộ ngọn roi thành mũi lao nhọn sắc, rồi bằng một thế võ độc đáo “Ứng trào quyền” đã đoạt được trường đao của đối phương.

Khẳng định danh hiệu “Danh bất hư truyền” của Hồ Ngạn.

Bài roi Ngũ Môn phá trận và bài Mai hoa kiếm pháp là hai môn gia truyền của võ sư nổi tiếng Hà Trọng Sơn.

Ở trường phái quyền An Vinh ngoài môn phái Hương Mục Ngạt, Côn có võ sư Mười Đậu đã truyền dạy cho võ sư Mười Mỹ ở Trường Úc huyện Tuy Phước. Ngoài những bài võ, đòn thế võ, còn chú tâm truyền dạy các bộ pháp cơ bản như: Nhãn pháp, khí pháp, tâm pháp, chỉ pháp, thủ pháp và tấn pháp theo học thuyết “Âm dương”. Võ phái xã hào lấy các bộ pháp cơ bản là một nội dung gia truyền của môn phái mình.

Một đặc trưng nổi bật nữa của Võ cổ truyền Bình Định là tính liên hoàn và đa dạng.

Nội dung Võ cổ truyền Bình Định rất đa dạng và phong phú, bao gồm nhiều môn như: quyền tay không, quyền binh khí (binh ngắn và binh khí dài) và võ đối kháng. Cấu tạo một bài quyền, bài roi hay bài kiếm đều theo nguyên tắc liên hoàn có trước có sau có mở đầu và có kết thúc trọn vẹn. Có sự kết hợp hài hòa giữa cương và nhu, giữa nhanh và chậm, giữa động tác riêng lẻ đến liên hoàn, giữa công và thủ hợp lý. Một bài võ có hai phần: Lời thiệu và động tác. Lời thiệu thường theo thể thơ lục bát, ngũ ngôn hay ca dao dân gian... Phần động tác nhiều hay ít tùy theo mục đích yêu cầu của bài võ và bao gồm các bộ pháp hoàn chỉnh. Bộ tay thì theo ngũ hành pháp là: kim mộc thủy hỏa thổ, bộ ngựa dựa theo bộ hình bát quái. Các đòn thế cấu tạo vào một bài võ cũng phải hài hòa hợp lý. Sử dụng đòn gì? Sử dụng ở đâu? Lúc nào sử dụng? cũng phải thể hiện rõ.

- Roi tiên quyền tiếp: Điều này nói lên khi lâm trận nên sử dụng đòn gì? Nếu sử dụng roi thì phải ra đòn trước dành thế chủ động để khống chế đối phương, khi sử dụng quyền thì phải ra đòn liên tiếp, nhanh chóng và chớp nhoáng sát thủ đối phương không để đối phương kịp trở tay tấn công lại mình.

- Túc bất li địa: Đây là biểu hiện đòn chân của Võ cổ truyền Bình Định. Bộ ngựa làm trụ cho bộ tay hoạt động, bộ ngựa di chuyển theo bộ hình bát quái, nhưng lúc di chuyển rất nhẹ nhàng, một chân làm trụ để chân kia di chuyển là trên mặt đất, nhẹ nhàng, uyển chuyển “đi như lá” theo đồ hình

bát quái, chứ không phải lúc nào hai chân cũng không rời mặt đất, khi có thời cơ dùng đến thế đá và hạ bộ, là xĩa bàn chân làm nguy hại đến tính mạng của đối phương. Khi đối thủ dùng thế đá ngang sườn thì Võ cổ truyền Bình Định sử dụng chân ngựa, tiếp cận kẹp thế đá đó hoặc với thế đá của địch thủ, tùy theo thế thuận nghịch mà tấn công lại đối phương, luôn sát đưa ngựa vào hạ bộ của địch thủ, bắt chân vật địch thủ té nhào. Đây là bản chất của danh từ “Túc bất ly địa”.

Tính chiến đấu cao cũng là một đặc trưng của Võ cổ truyền Bình Định. Lịch sử 4000 năm từ khi Vua Hùng có công dựng nước, đến các triều đại phong kiến chiến đấu chống ngoại xâm đều sử dụng đến võ nghệ, mà tiêu biểu là thời nhà Tây Sơn đã đưa võ nghệ vào huấn luyện quân đội, để xây dựng một đội quân tinh thông võ nghệ, có kỷ luật nghiêm, có tinh thần chiến đấu dũng mãnh, đánh đâu thắng đó, bách chiến bách thắng.

Thời chống Pháp Võ cổ truyền Bình Định có điều kiện phát triển, nhiều võ sĩ của Bình Định đã chiến thắng oanh liệt đối với võ sĩ người Pháp. Thời chống Mỹ về lại đất Bình Định, thú vị nhất là các võ sĩ Bình Định với các võ sĩ Hàn Quốc. Trước và sau năm 1970, Sư đoàn đánh thuê Nam Triều Tiên có tên là Mãnh Hổ, đồng lõa với quân Mỹ vào đóng quân dọc theo quốc lộ 19 (từ Quy Nhơn lên Gia Lai – Kontum). Trong quân đội xâm lược này có nhiều võ sĩ có đẳng cấp cao, chúng nghe nói vùng đất Tây Sơn có nhiều võ sĩ nổi tiếng. Chúng lân la tìm đến các võ sĩ của ta nói là để làm quen trao đổi võ nghệ cho nhau, sau đó thì chúng thách đấu. Thật ra, các võ sĩ Bình Định không muốn chạm trán với quân xâm lược làm gì! Nhưng chúng vẫn kiên trì thách đấu. Khi chạm đến tự ái dân tộc, chịu không nổi, đành phải cho chúng nếm mùi thế nào là Võ cổ truyền Bình Định. Chàng thanh niên võ lược là học trò của võ sư Phan Thọ, đã đánh gục tên Trung úy Lee, võ sư bốn đẳng của Đại Hàn (Nam Triều Tiên) tại Võ đài An Khê năm 1969.

Một lần khác các võ sư Nam Triều Tiên tìm đến nhà Võ sư Vương Kiểm Mỹ đòi thách đấu. Ông bảo “Tôi già rồi đánh đấm làm sao được nữa!” nhưng chúng gạ gẫm mãi, chịu không nổi. Ông nói “Tôi đứng dậy, ai vào xô ngã tôi thì xin bái phục”. Ông đứng thật vững “Túc bất ly địa”. Thấy ông già yếu ớt, bọn Nam Triều Tiên, thằng nào cũng muốn xông vào. Có một tên cao to, khỏe nhất trong bọn và cũng là có đẳng cấp cao về võ nghệ,

dùng hết sức bình sanh để xô ngã ông. Qua nhiều lần xô đẩy, nhưng không sao đẩy nhúc nhích ông được, bọn chúng xấu hổ xin chịu thua lạng lẽ ra về. (Đứng như đá).

Lại một lần khác, một toán lính Đại Hàn lại tìm đến nhà võ sư Hồ Ngạnh để trao đổi giao lưu võ Đại Hàn và võ Bình Định, sau đó chúng ga găm thách đấu. Lúc đầu Hồ Ngạnh cũng viện lý do là già cả rồi đánh đấm gì được nữa đâu! Chúng vẫn không nghe, đấu cho vui để học tập mà! Hồ Ngạnh cầm lòng không được bèn nói: Thôi thì sau ba tiếng hô, mỗi người ra một đòn nhưng không được sát hại lẫn nhau! Chúng đồng ý. Sau tiếng hô thứ ba, nhanh như chớp, Hồ Ngạnh xuống ngựa đưa sát vào đối phương, bằng hai ngón tay (Song xỉ) đã thọc đúng vào hai lỗ mũi của võ sĩ Hàn Quốc, trong lúc võ sĩ này không kịp né tránh hay phản đòn gì cả.

Trong thời kỳ chiến tranh chống Pháp và Mỹ, bộ đội đặc công của ta đã dùng những đòn võ bí hiểm đánh vào tận sào huyệt của quân địch, làm cho chúng kinh sợ thất điên bát đảo, mất ăn mất ngủ, lúc nào cũng lo sợ quân ta đánh vào sào huyệt của chúng. Những năm đầu khi quân Mỹ vào xâm lược miền Nam nước ta. Thấy chúng đứa nào cũng to lớn dềnh dàng. Quân đội giải phóng ta hơi lo! Khẩu hiệu “nắm thắt lưng mà đánh”, động viên quân ta xông lên diệt Mỹ, làm cho chúng sợ hãi kinh hoàng. Chúng sợ nhất là lối đánh “cận chiến” của quân ta. “Xuất quỷ nhập thần”, ở hang cùng ngõ hẻm nào quân ta cũng vào được để đánh tiêu diệt chúng.

MỤC MỘT

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

Văn rừng võ biển. Văn học không bao giờ hết, võ học không bao giờ cạn. Văn mà không có võ là văn nhu (yếu ớt) có nghĩa là người giỏi văn mà không biết võ trở thành nhu nhược. Võ mà không có văn là võ biển (là võ rừng). Cho nên một con người toàn diện phải là con người văn võ song toàn. Giỏi võ mà không nắm được võ lý thì là “vô tặc” chỉ biết đánh nhau trộm cướp mà không biết mục đích của võ là gì? Võ phục vụ cho ai?

Thời Nhà Tây Sơn – Nguyễn Huệ là người có công và sàng lọc tất cả các dòng võ trong cả nước để xây dựng một dòng võ đặc sắc độc đáo là võ

Tây Sơn Bình Định. Ông bước đầu đã đề xướng một nền võ học, một nền võ lý về nguyên tắc biên soạn một bài võ bao gồm hai phần là lời thiệu và động tác. Nguyễn Lữ qua nhiều năm nghiên cứu cặp gà đá mà sáng tạo ra bài “Hùng kê quyền” ông nêu lên những quan điểm rất quan trọng là:

“Yếu có thể đánh mạnh,

Thấp có thể đánh cao,

Nhỏ có thể đánh lớn,

Gần có thể đánh xa”

Trên những nguyên lý chung dòng võ Tây Sơn tam kiệt bao gồm: dòng họ Hồ, tức là Nguyễn Huệ; dòng họ Bùi là Bùi Thị Xuân và dòng họ Trần là Trần Quang Diệu cùng mười bốn võ tướng hợp thành dòng võ Tây Sơn Bình Định. Mỗi một thành viên trong dòng võ Tây Sơn tam kiệt đều sáng tạo biên soạn ra các bài tập cho mình.

I. VẬN DỤNG HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG

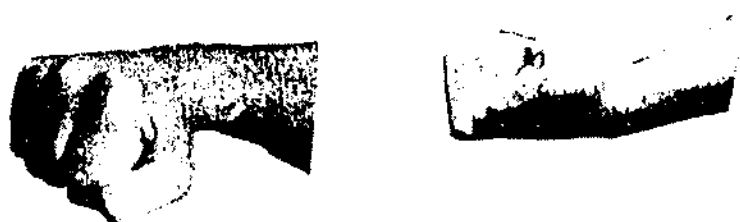
Võ cổ truyền Bình Định vận dụng học thuyết âm – dương của triết học phương Đông làm cơ sở lý luận cho dòng võ của mình. Học thuyết âm – dương được nhiều ngành khoa học vận dụng như: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học ứng dụng, và cả y học cổ truyền dân tộc. Qua mạch bồng trầm, mạnh yếu mà các nhà y học chẩn đoán bệnh tật, ra toa bốc thuốc có hiệu nghiệm. Võ học các nước phương Đông, trong đó có võ cổ truyền Bình Định vận dụng học thuyết âm – dương theo sắc thái riêng của nó.

Vũ trụ (Thái Cực) là một thể thống nhất gồm hai phần âm và dương, hoạt động theo nguyên tắc đối nhau mà sinh ra ngày và đêm do vòng quay của quả đất trong Thái Dương hệ, ngày là dương, đêm là âm. Trong quá trình vận chuyển có điểm giao nhau. Từ đó sinh ra hiện tượng, trong thái dương có thiếu âm, rồi ngược lại trong thái âm có thiếu dương. Thể này mang mầm mống của thể kia, thể kia có mang mầm mống của thể này. Nguyên lý này được vận dụng trong võ học và thể hiện ở tính chất “cương và nhu”.

Trong võ thuật, cương, nhu kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn thì bài võ và thế võ mới phát huy hết tác dụng và đem lại hiệu quả cao.

Ví dụ:

Khi ta muốn đâm mạnh, thì thường dùng nắm đấm sắp “mãnh hổ thôi sơn” (xem hình vẽ 1), ít khi dùng nắm giữa bàn tay để đâm vì không mạnh. Khi ta muốn chặt mạnh thì dùng giữa bàn tay (là âm) để thực hiện, không ai dùng sắp bàn tay để chặt (xem hình 2) “Cương đao phạt mộc”



Hình 1



Hình 2

Tính chất này vận dụng vào võ thuật rất quan trọng, lúc nào tấn công thì ra đòn mạnh, lúc nào lui về thế thủ thì nhẹ nhàng, uyển chuyển, linh hoạt để né tránh đòn của đối phương. Rồi từ thế thủ chuyển sang thế tấn công ra đòn liên tiếp để hạ thủ đối phương.

Còn Thái cực lại sinh ra hai thế tương phản là “lưỡng nghi” mà ta thường gọi là âm – dương. Từ đó tạo thành bốn hiện tượng (trí tượng): “Thái âm”, “Thiếu dương”, “Thái dương”, “Thiếu âm”. Bốn hiện tượng ấy lại giao nhau sinh ra tám quẻ gọi là “Bát quái”. Bát quái là tám con vật và chỉ rõ tám hướng, được võ cổ truyền Bình Định vận dụng làm cơ sở lý luận cho bộ ngựa của mình. “Lưỡng túc bát quái vi căn” hay còn gọi là “tấn pháp”. Tám quẻ là cụ thể hóa vạn vật biến thiên trong vũ trụ. Bát quái gồm: càn,

khảm, cần, chấn, tốn, ly, khôn, đoài. Mỗi quẻ tượng trưng cho một con vật, mà mỗi con vật là một bộ ngựa của võ Bình Định như: Long Tấn, Xà Tấn, Phụng Tấn, Kê Tấn, Nhạn Tấn, Hổ Tấn, Hạc Tấn, và Hâu Tấn, còn gọi là “bát quái pháp”.

Thái cực chỉ có một động và một tĩnh mà phân ra âm – dương nhị khí. Âm – dương có tính “ “Tương sinh” và “Tương khắc”. Khi dương động thì âm tĩnh, mà âm tĩnh thì tích tụ. Trên cơ sở nguyên lý này, âm – dương sinh ra ngũ hành là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. “Song thủ ngũ hành vi bản” là cơ sở võ lý cho bộ tay của võ cổ truyền Bình Định mà người ta thường gọi là “ngũ hành pháp”.

Thuyết âm – dương áp dụng vào võ thuật rất lợi hại, nếu biết vận dụng và kết hợp hài hòa thì phát huy cao độ tác dụng của đòn thế võ. Chúng ta hãy quan sát bước đi của con người thì thấy rõ: Động tác chân tay luôn luôn có sự tương phản. Ví dụ: Khi đi chân trái bước tới thì chân phải bước ra sau và ngược lại. Đồng thời lúc này tay phải đánh ra trước thì tay trái phải đưa ra sau và ngược lại. Không bao giờ có sự trùng lặp chân trái và tay trái cùng đưa ra trước một lần. Tại sao vậy? Đó là hiện tượng âm – dương tương phản để hóa sinh tạo thế cân bằng cho cơ thể.

Trong võ thuật người võ sĩ cần nắm vững và áp dụng thuyết âm – dương vào cách di chuyển bộ ngựa trong luyện tập và giao đấu. Ví dụ: Khi đứng ngựa trung bình tấn thì trọng tâm có thể rơi vào giữa hai chân. Phía trước mặt là dương, phía sau lưng là âm. Như vậy bộ tay ra đòn tấn công và phòng thủ ở phía trước mặt là tốt nhất, rất hạn chế ra đòn về phía bên trái (hướng âm), phía bên phải “hướng dương”, vì phải xoay người về hai hướng đó không tiện. Khi ta di chuyển chân trái về phía trước mặt, chân phải lui về phía sau để tạo thành ngựa chữ Đinh (J). Lúc này đã thay đổi hướng, phía bên phải là hướng “dương”, phía bên trái là hướng “âm”, tức là mở rộng đường vòng của hướng “dương”. Như vậy các đòn thế đều tung về phía bên phải (hướng dương) rất lợi. Đặc biệt có thể sử dụng đòn đánh “lật lưng” để thuận tiện. Ngược lại, nếu di chuyển chân trái về phía bên trái, chân phải rút về bên phải tạo thành ngựa chữ Đinh (J), bên trái (hướng âm). Lúc này bộ tay ra đòn đều đánh theo hướng trước mặt và bên phải (hướng dương), hầu như không được ra đòn về hướng “âm”, vì tư thế con người và kỹ thuật chuyên môn của võ thuật không cho phép.

Người xưa đã dạy rằng: Học võ không phải để biết một hai bài võ, hay biết một số đòn thế là đủ. Mục đích của học võ là phải nắm vững võ lý, võ đạo, võ thuật và cả võ y. Phải luyện tập thường xuyên, khắc khổ, chịu khó, kiên trì tập luyện theo đúng phương pháp, dưới sự chỉ dẫn của võ sư. Quá trình tập luyện là quá trình tiêu hao năng lượng, đồng thời cũng là quá trình tích tụ tăng cường thể lực, nâng cao sức đề kháng và sức khỏe. Cơ thể có khỏe mạnh thì tinh thần mới minh mẫn. Tinh thần có minh mẫn, thì mới xử lý nhanh chóng, kịp thời mọi tình huống xảy đến. Thân thể tráng kiện mới đủ sức lực tung ra những đòn thế sắc bén và quyết định.

Đối với con nhà võ, đôi chân, bộ tay là vũ khí chủ lực để tập luyện và đánh trả đối phương, biết vận dụng, biết dựa vào sự hóa sinh của thuyết “âm – dương”. Đó là: Tấn pháp trong bát quái, thủ pháp trong Ngũ hành. Luyện được thuần thục hai phương pháp này là tạo được cơ sở tốt để phát triển bộ chân và bộ tay (lưỡng chi), vì trong tấn pháp (bát quái) và thủ pháp (ngũ hành) có sự cấu tạo của hai phương tiện Ngoại công và Nội công.

Tập ngoại công là tập thao tác của từng thế võ, tập sức chịu đựng bên ngoài, tập thể hình cường tráng. Tập nội công là tập cách phối hợp, điều hơi vận khí, nhuyễn khớp, tăng cơ tạo sức mạnh từ bên trong cơ thể.

II. VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH HÌNH THÀNH DỰA VÀO THAO TÁC LAO ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI VÀ TÍNH NĂNG VẬN ĐỘNG CỦA CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT

- Võ cổ truyền Bình Định hình thành dựa vào các thao tác lao động của con người.

Lao động gian khổ của người nguyên thủy, có thể xem là một hoạt động thể lực và những thao tác đánh bắt, săn bắn, chặt, cuốc với sự khéo léo của từng động tác, sự nhanh nhẹn và sức mạnh của thể lực, có thể xem là yếu tố sơ khai của võ. Công cụ lao động thời đó rất đơn giản, nặng nề, kích thước lớn và thô kệch, đòi hỏi cơ bắp phải rất khỏe, hao phí sức lực nhiều mà hiệu quả lao động thấp. Trong điều kiện thiên nhiên, khí hậu khắc nghiệt, muốn gặt hái được thành quả lao động thật khó khăn, nguy hiểm, vì bất ngờ có thể đụng độ với thú dữ, đòi hỏi có sự tự vệ cao. Còn việc săn bắt chủ yếu là vây đuổi, dùng tập thể sức người uy hiếp dồn con thú rừng vào đường cùng, rồi xông vào đánh đập mới bắt được. Vũ khí chỉ là gậy gộc và đá chọi, vậy mà có khi người ta đuổi bắt được hổ, lợn rừng, bò

rừng, hươu và tê giác...

Về sau có sử dụng cung tên, với mũi tên tre, trong việc săn bắn chim muông, có khi còn sử dụng nó trong việc tranh chấp quyền lợi, giải quyết mâu thuẫn giữa các bộ lạc với nhau. Tuy nhiên, trong việc săn bắt thú dữ thì việc săn đuổi, vây hãm đánh bẫy có hiệu quả hơn so với săn bắn bằng cung tên, nhưng phải cần đến số đông người có sức khỏe tốt và vận động di chuyển với cường độ cao.

Càng về sau, xuất hiện công cụ cầm tay là búa rìu bằng đá, sau có tra cán để bổ chém thuận lợi hơn. Muốn phát huy tác dụng của công cụ này người sử dụng phải tập đi, tập lại các động tác đâm chém cho thuần thục, phải đạt đến sự linh hoạt của các khớp tay như: khớp cổ tay, khuỷu tay và khớp bả vai, cần có sức mạnh của lực vận cột sống và cơ hông để tạo được thế đứng vững chắc, tung ra đòn tay bổ, chém, và ném chính xác. Di chuyển nhanh để phòng thủ và tấn công có hiệu quả. Dù sao, những hoạt động trong lao động và chiến đấu của người nguyên thủy chỉ là bản năng tự nhiên mang tính sơ khai của một loại hình vận động. Nó chưa thể hiện rõ nét về đòn thế võ. Nó gắn liền với sự sống còn của từng cá thể và cả một cộng đồng.

Vì thế người nguyên thủy dù chưa có ý thức về bộ môn võ, nhưng võ tự nó phát triển thành thói quen chuyển dần từ hoạt động đại trà sang hoạt động của một số ít người hơn. Do đó, mầm mống võ thuật hình thành và ngày càng mang tính chuyên sâu trong hoạt động của con người.

Bình Định xưa kia là một vùng núi rừng trùng điệp, đời sống của người dân muôn vàn khó khăn. Nguồn sống chính dựa vào lao động săn bắn thú rừng, chọt lỗ trên sườn đồi để trồng tría lúa, ngô, cày cuốc khai phá núi rừng để làm nương, làm ruộng. Người miền biển đôi tay chèo chống, buông lưới, kéo neo. Do yêu cầu thao tác lao động, từ đó tự nhiên hình thành một số động tác võ tay không đơn giản. Theo sự phát triển của cuộc sống, thao tác lao động dần dần được cải tiến, sức lao động của con người cũng được hợp lý hóa, dẫn đến năng suất lao động được nâng cao từng bước, các động tác võ tay không được vận dụng ngày càng thuần thục hơn.

Người miền núi thường leo trèo vượt núi qua đèo, khai phá núi rừng để làm nương, làm rẫy, có đôi chân rắn chắc, khỏe, chạy nhanh. Người miền xuôi đi bộ, chạy nhảy. Từ thao tác lao động đơn giản của đôi chân cũng đã

hình thành động tác võ đơn giản như: di chuyển, đá, trụ, rồi chuyển dần thành bộ ngựa ngày càng linh hoạt hơn.

- Từ những tính năng vận động của những loài động vật mà hình thành các động tác võ cổ truyền Bình Định.

Nhiều nhà nghiên cứu đã nhiều lần quan sát các động tác, sự di chuyển linh hoạt của các loài động vật. Mỗi một loài có những đặc điểm riêng của chúng.

Ví dụ: - Các loài chim thường bay nhảy trên những cành cây, bay từ nơi này sang nơi khác. Cũng có những loại chân cao như: cò, hạt, thường đi lẫm lẫm trên đồng ruộng hoặc sông ngòi để săn tìm tôm, cá. Có những loài bò sát trên mặt đất như: rắn, rắn... Cũng có loài dùng sức mạnh thường núp bóng để săn bắt mồi như: hổ, báo, chó sói... Từ những động tác đó người ta đã hệ thống hóa, chọn lọc, đúc kết, biên soạn ra một số bài quyền như: Long, xà, hâu, phụng, kê quyền... theo phương pháp mô phỏng. Võ cổ truyền Bình Định cũng dựa theo cách đó đã biên soạn ra một số thế võ, bài võ để tự vệ và chiến đấu, từ đó được lưu truyền rộng rãi ở Bình Định từ đời này sang đời khác. Cụ thể như bài “Hùng kê quyền” của Nguyễn Lữ.

Tương truyền ông đã nghiên cứu, hình thành bài “Hùng kê quyền” (xem phụ lục số 5 – bản phiên âm và bản dịch).

Lưỡng kê giao nạp thủy tranh hùng

Song túc tề phi thảo thượng xung

Trấn ải kim thượng như bạch hổ

Thủ quan ngân kiếm tự Thanh Long

Xuyên hâu độc tiễn tàng ư trác

Hồi thủ đơn câu thủ tự hung

Khiêu, tẩu, dục, trầm, thiên sở tứ

Nhu, cương, cường, nhược, tận kỳ trung.

Qua bài võ tiêu biểu nói trên cho thấy võ cổ truyền Bình Định đã chú trọng nghiên cứu, quan sát những động tác của các loài vật mà đưa vào kết cấu các bài võ của mình.

Ví dụ một trường hợp khác: Bài roi Thái Sơn có lời thiệu:

Thái Sơn trích thủy địa Xà liên
Thương thượng lộng ky, lân thoái bạch Viên
Huy ky độc giác trung bình hạ
Thượng thích đại đẳng tấn thừa Thiên
Hồi đầu trực chỉ liên tam thích
Đồng tân thuận thế giáng vân biên
Tẩu độc thổ, Trưng sơn hoành gián kiếm.
Linh miêu mai phục tấn thích ngư
Thừa châu bố địa khai côn thích
Hồi tiểu kim kê tả trung lan
Phi phong tẩu vũ khai ngư, giác
Tiểu tử tam phiên giá mã an
Bái Tổ sư, lập như tiền.

III- VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH DỰA VÀO CƠ SỞ LÝ LUẬN VÕ NGHỆ THỜI TÂY SƠN ĐỂ HOÀN THÀNH NỀN VÕ HỌC CỦA MÌNH

Võ Tây Sơn là một dòng võ đa dạng. Tổng hợp bao gồm: Võ đảng ngoài “miền Bắc” võ đảng trong “miền Nam”; võ bản địa và võ Trung Hoa. Nguyễn Huệ đã rút tỉa, tinh lọc và hệ thống những tinh hoa, những cái hay, cái độc đáo để xây dựng lên dòng võ riêng mình – Tây Sơn võ đạo; theo nguyên lý võ học bao gồm: Võ lý võ đạo và võ thuật. Ông đã xây dựng một nền võ lý tưởng để áp dụng vào thực tế học và dạy võ. Nguyên lý biên soạn một bài võ nhất thiết phải bao gồm hai phần. Một là lời thiệu (bằng chữ Hán nôm và chữ Việt) thường theo thể thơ lục bát, hay tứ tuyệt v.v... Mỗi một câu thiệu chứa đựng một số động tác và đòn thế. Phần động tác có mở đầu (thường là động tác bái tổ bao gồm 4- 5 động tác; có kết thúc hoàn chỉnh. Ông đưa nguyên tắc: Nhỏ có thể đánh lớn; yếu có thể đánh mạnh v.v... của Nguyễn Lữ, vào khi biên soạn một bài võ phần kết cấu bài võ gồm: động tác cương nhu kết hợp, các đòn công thủ rõ ràng và nhịp độ nhanh chậm khác nhau. Một đặc điểm nổi bật là các bài võ Tây Sơn đều mang tính chất chiến đấu cao (cận chiến) gồm: quyền tay không, quyền với binh khí. Trong đó có loại binh khí thô sơ như: dao, kiếm, cung tên, roi,

thương, đao đao v.v... và có những binh khí gây tác hại như: Rồng phun lửa (Hỏa long), cây lao (chữ Hán gọi là phiên). Lao là một loại dáo dài, cán làm bằng tre hay bằng gỗ, một đầu nhọn có buộc thêm vào các đoạn dây xích hoặc thép uốn cong như các lưỡi câu làm tăng thêm tác hại. Nguyễn Huệ cũng đề ra nguyên lý là: khi sử dụng võ chiến đấu trên tất cả mọi địa hình địa thế như: Đồng bằng, rừng núi và đô thị, đánh đến cùng, đánh nhanh thắng nhanh, đánh không được bỏ chạy, cho dù tình thế hiểm nghèo, kẻ thù đông và mạnh. Đánh cận chiến để nhanh chóng tiêu diệt địch thủ.

Nguyễn Huệ thường nói: Học văn mà không biết võ là nhu nhược. Trái lại giỏi võ mà không biết văn là võ rưng trở thành cường bạo. Biết võ không chỉ biết thực hành mà phải nắm vững võ lý. Văn võ song toàn.

Nguyễn Huệ giỏi về thương và kiếm. Nguyễn Lữ giỏi về quyền nhất là “Nhu quyền”. Vùng đất Tây Sơn lúc bấy giờ rất nhiều người giỏi võ với nhiều môn phái khác nhau, không ai chịu ai. Nguyễn Huệ đã sử dụng tài ba võ nghệ của mình, đã thu phục được nhiều tướng tài giỏi võ nghệ như: Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu, Võ Văn Sở, Võ Văn Dũng... gồm mười bốn võ tướng.

Đầu tiên là tự tập để đạt được những tư thế, động tác riêng biệt chính xác, rồi sáng tạo áp dụng những phương pháp luyện tập cơ bản kể trên. Rồi đến thực hiện trên những hiện trường gần như trận địa chiến đấu thật. Đây là phần rất quan trọng nhất của võ Tây Sơn. Những võ sinh đặt mình trong những điều kiện phức tạp như trận chiến thật để cho quen.

IV- VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH DỰA VÀO CÁC TƯ LIỆU, GIA PHẢ CỦA CÁC MÔN PHÁI VÀ GIA TỘC ĐỂ LÀM CƠ SỞ LÝ LUẬN CHO DÒNG VÕ MÌNH

Ở Bình Định mỗi một môn phái đều có đặc điểm riêng của môn phái mình. Có bàn thờ sư tổ, có quy định tuyển chọn môn sinh và có các điều cấm với môn sinh. Truyền dạy nội dung võ theo gia truyền theo quy định của môn phái. Nhưng bí truyền quy định rõ, môn gì được dạy rộng rãi, môn gì lưu truyền trong môn phái và môn gì không được dạy. Có những võ sư trước lúc qua đời, mới kêu con mình lại để truyền dạy các đòn bí truyền của môn phái. Người võ sư khi thu nhận môn sinh với điều kiện môn sinh đó phải tuyên thệ tuyệt đối trung thành và thực hiện đầy đủ các điều quy định của môn phái. Trước tiên môn sinh phải học thuộc bài thiệu. Võ sư đọc từng câu thiệu trong bài, môn sinh theo đó mà tập động tác. Sau đó môn sinh tự

đọc lời thiệu, tự tập từng câu. Cứ thế mà tập cho đến khi thuộc cả bài.

Sau khi tập xong cả bài. Võ sư đọc bài thiệu từng câu lúc nhanh lúc chậm, môn sinh theo tốc độ đó mà tập, cho đến khi tự mình vừa đọc lời thiệu vừa tập hết bài.

Có những bài võ gia truyền từ đời này sang đời khác, tuy điều kiện lịch sử xã hội có đổi thay hay võ sư qua đời đột ngột không kịp truyền dạy lại cho con cháu. Chính nhờ các gia phả bí truyền còn giữ lại mà môn phái vẫn phát triển với nội dung gia truyền nói trên. Tuy có lúc động tác thiếu thừa, lời thiệu có khi thất lạc một vài chữ, nhưng nói chung vẫn giữ được nguyên bản của bài.

Roi Thuận Truyền của Hồ Ngạnh vẫn còn đó. Qua năm tháng người đời sau theo hoàn cảnh và điều kiện sống có thay đổi đã truy tìm một số nội dung mới để truyền dạy đáp ứng nhu cầu của môn sinh hiện thời. Nhưng những đòn roi bí truyền không bao giờ thất lạc được.

Bài Roi: Ngũ môn phá trận, xuất xứ từ làng Thuận Truyền hiện nay không những đã lưu truyền rộng rãi khắp các võ đường trong tỉnh Bình Định mà còn đi ra xa các địa phương trong toàn quốc và cả một số nước ngoài như: Pháp, Ý, Thụy Sĩ v.v... cũng đã tìm về Bình Định để học bài roi này.

Còn quyền An Vinh với bài Ngọc Trản, lưu truyền về Tuy Phước.

Võ đường Xã Hào cũng lưu giữ thành bài Quyền gia truyền của môn phái mình. Sau đó lan rộng ra trong tỉnh và ngoài tỉnh. Thời triều Nguyễn lấy bài Quyền Ngọc Trản làm nội dung thi võ ở triều đình.

Gần đây qua phát hiện ở gia tộc họ Trương ở Phù Mỹ và một số võ đường trong tỉnh có nhiều bài thiệu (chữ Hán Nôm) về bài quyền Ngọc Trản này.

Roi Thuận Truyền

Quyền An Vinh

Hai võ đường trên tiêu biểu cho hai câu ca dao được lưu truyền rộng rãi trong và ngoài tỉnh. Ngoài hai bài gia truyền, hai võ đường còn truyền dạy một số nội dung võ khác nữa.

Một số võ đường khác cũng lưu giữ các bài võ gia truyền như:

Võ sư Bá Tráng bài quyền Thiên sử; võ sư Từ Tâm với bài quyền Miêu Tảo Diện; võ sư Hà Trọng Sơn với bài Mai hoa kiếm pháp; võ sư

Trần Diễn với bài roi Trục chỉ và võ sư Lý Thành Nhân với bài Roi Tứ môn và còn nhiều võ sư khác nữa.

Càng về sau, nhất là từ năm 1930 trở lại đây, ở Bình Định lại xuất hiện nhiều môn phái võ cổ truyền. Ngoài những bài võ gia truyền các võ đường cạnh tranh với nhau, đua nhau dạy những đòn thế, cải tiến phương pháp giảng dạy với mục đích là bảo vệ môn phái và hạ đài được đối phương. Lúc này võ mang tính chất đối kháng, đánh nhau có kẻ thắng người thua (võ đài), mất dần đi tính chất biểu diễn.

Võ cổ truyền Bình Định đã dựa vào di sản võ nghệ thời Tây Sơn. Dựa vào thao tác lao động đơn giản của con người và động tác hoạt động của loài vật. Dựa vào võ lý sơ bộ của các nhân vật thời Tây Sơn và các tư liệu gia phả của các môn phái. Dựa vào học thuyết Âm dương, ngũ hành Pháp và tấn pháp. Trên cơ sở lý luận đó mà võ cổ truyền Bình Định đã hệ thống, rút tỉa, chọn lọc và nâng cao lên thành một nền võ học tương đối hoàn chỉnh bao gồm: Võ lý, võ đạo và võ thuật. Qua đó để chứng minh võ cổ truyền Bình Định là của người Bình Định.

- Về nhập môn!

Mỗi một môn phái có điều kiện nhập môn khác nhau, nhưng đều có một số nét chung như: Môn sinh phải có người nhà (thường là cha) dẫn đến ra mắt thầy. Qua nhiều lần thử thách mà nhất là để xem xét thái độ xin theo học của môn sinh. Thầy tỏ thái độ hỏi một vài câu và thăm dò việc tập luyện của các môn sinh ở đây ra sao? Có muốn tập luyện ở đây không? Có ông thầy khó tính, bỏ mặc môn sinh không nói năng gì cả. Tuy rằng gia đình môn sinh đã thưa gửi đàng hoàng. Qua nhiều lần tìm hiểu và thử thách, nếu môn sinh nào mà kiên trì và quyết tâm thọ giáo thì thầy mới thu nhận.

Theo lễ nhập môn cổ xưa xem ra có vẻ đơn giản. Cúng lễ là một con gà trống trắng, mà phải qua 6 tháng đến một năm. Ăn gì cũng được nhưng phải uống bằng nước miếng của người cha và ông anh trong gia đình và một bình rượu tự gia đình môn sinh nấu. Sau khi cúng tế, cặp chân gà được phơi khô qua một tuần, thầy xem lại giò quẻ, nếu chưa đạt thì gia đình môn sinh sắm lễ vật cúng lại. Cũng cần nói rõ thêm, tuy chỉ cúng một con gà (như quy định) nhưng người nhà phải mang theo ba con để chọn lựa. Có môn sinh phải qua cúng lễ

vài ba lần mới đạt và được thu nhận làm môn sinh của môn phái. Việc học hành theo tuần tự từ thấp đến cao, từ nhẹ đến nặng, từ dễ đến khó và từ chậm đến nhanh. Thầy dạy theo từng bài theo từng lời thiệu, môn sinh phải học thuộc lời thiệu. Thầy đọc lời thiệu, môn sinh theo đó mà tập động tác. Sau đó môn sinh đã thuộc lời thiệu thì tự mình tự tập động tác. Tập theo từng lời thiệu cho đến hết bài. Thầy kiểm tra bằng cách đọc câu thiệu nào đó trong bài, môn sinh theo đó mà tập. Cứ như thế môn sinh tập đi tập lại cho đến khi thuần thuộc. Thông thường tập quyền thuật trước sau đó tập quyền binh khí. (Binh khí cũng theo trình tự theo từng binh khí). Trước tập đơn sau tập đánh đôi. Hầu hết các võ đường ở Bình Định song song tồn tại môn võ cổ truyền và võ tự do. Khi thượng đài đánh nhau chủ yếu là đánh võ tự do hay là võ đài. Còn các bài quyền võ cổ truyền mang tính chất biểu diễn.

Về võ phục, mỗi võ đường, mỗi môn phái đều có quy định võ phục theo kiểu quy định của từng môn phái, nhưng màu nâu là tiêu biểu. Mỗi môn là tượng trưng cho “áo vải cờ đào”, màu trang phục cho quân Tây Sơn. Chủ yếu là sử dụng ở lễ Hội, còn tập luyện thường ngày và đấu võ chỉ mặc độc nhất chiếc quần đùi, trên đầu quấn băng vải đỏ hay vàng tùy, chứ cũng không có ai quy định.

- Về võ đạo:

Bên ngoài xã hội người ta bàn tán rất nhiều về mặt xấu của việc học võ. Họ nói: học võ để đánh lộn, học võ để trộm cướp, học võ có ảnh hưởng xấu cho học sinh. Tất cả đều là ngộ nhận, không đúng. Tất cả các thầy võ sau khi thu nhận môn sinh vào môn phái của mình với những điều kiện khó khăn nhất. Tất cả các võ sư Bình Định, từ người có võ công cao cường, đến người am hiểu võ nghệ, đều một lòng tôn kính, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dòng võ cổ truyền Bình Định, rất quan tâm truyền bá về võ đạo, nói nom na là đạo làm người. Nói đến “tâm đạo” và “tà đạo”, đào thải “tà đạo” ra khỏi môn phái của mình. Vì tà đạo là kẻ xấu, lợi dụng võ nghệ để xưng hùng xưng bá, làm trái với đạo lý làm người. Những võ sư và giới võ nghệ Bình Định giữ gìn và lưu truyền những tinh hoa độc đáo của tổ tiên mà nhất là võ đạo để tiếp tục truyền lại cho các thế hệ mai sau.

Dân tộc ta có truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng

cây”. Nhắc lại chuyện xưa: Khi Nguyễn Ánh lên ngôi đã hủy diệt toàn bộ thành quả của nhà Tây Sơn, trong đó có sự nghiệp võ học lừng lẫy một thời. Nhưng người dân Bình Định mà nhất là giới võ học, đã một lòng một dạ trung thành và gìn giữ bảo vệ những di sản và tinh hoa của nền võ học nhà Tây Sơn, vẫn tôn thờ nhà võ học tài ba Quang Trung – Nguyễn Huệ. Nhiều người khi được dụ hàng, để hưởng bổng lộc, chức tước của nhà Nguyễn, đều từ chối, tuy biết rằng có quan hệ đến cuộc sống và tính mạng của mình, vẫn âm thầm, kín đáo truyền dạy và gìn giữ dòng võ Tây Sơn cho các thế hệ mai sau, lưu lại tiếng thơm cho muôn đời.

Thời đó nhiều người thi đậu “*tiến sĩ võ*”, nhưng không ra làm quan mà trở về quê mở trường dạy võ, tập hợp tư liệu, hệ thống lại các bài thiệu, bài quyền, bí mật truyền bá võ nghệ cho các thế hệ. Nhờ vậy mà võ cổ truyền Bình Định không bị thất lạc mất mát, mà ngày càng ăn sâu bén rễ, trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu được trong đời sống văn hóa của nhân dân Bình Định.

- Truyền thống thượng võ:

Đây là truyền thống cực kỳ quý báu của người dân Bình Định. Trong làng võ, người học võ trước tiên phải là người có bản lĩnh, lấy “tâm đạo” để chế ngự “Tà đạo”. Tâm đạo là nói đến đạo đức, rèn luyện tu dưỡng đạo làm người, sống phải cao thượng, trung thành với môn phái, truyền bá những điều hay lẽ phải, trọng nghĩa trọng tình, tôn sư trọng đạo. Một võ sĩ giỏi là một công dân tốt không phạm những điều cấm “tà đạo” như: cấm đam mê tửu sắc, dâm ô trụy lạc, rượu chè say sưa, gây lộn đánh người, phá rối trật tự xã hội, bất chấp kỷ cương phép nước. Đây là những điều cấm của võ cổ truyền Bình Định. Ngoài ra giới võ nghệ Bình Định còn phải thuần thuộc và thực hiện các việc cần làm như:

- Phải tu dưỡng bản thân trong sáng, thuần khiết
- Phải tập luyện chuyên cần, trung thành với môn phái
- Truyền dạy võ công theo môn phái “chính đạo”
- Không phản thầy, hại bạn và hà hiếp người khác.
- Không khoe mình, chê người
- Thắng không kêu, bại không nản.

Cấu tạo của một bài võ, bao gồm hai phần là: lời thiệu (võ lý) và động tác. Thông thường phần mở đầu gồm 3 – 5 động tác mà thường gọi là “lễ tổ” và cuối bài có bài tổ lễ tổ và bài tổ chính là sự tôn kính tổ tiên, môn phái, kính thầy và yêu đồng môn. Nhưng võ sư nổi danh có cuộc sống rất bình dị, tài võ nghệ tìm ẩn bên trong, khiêm tốn, giàu lòng vị tha, ít khi lộ diện ra bên ngoài. Ngoài ra họ còn có các đức tính như: Nhân, Nghĩa, Đức, Trí, Tín. Đây là nói lên tinh thần thượng võ mà những người võ sư chân chính phải có.

Hay nói cách khác ở Bình Định, học võ là để tự vệ giữ thân giữ nhà, để cứu giúp đời khi cần thiết. Người võ nghệ càng cao thì đức tính càng khiêm nhường, sống ẩn giật, không khoe khoang kêu ngạo, không đánh người “dưới ngựa”.

Nói tóm lại, võ đạo chính là đạo đức trong sáng, cao cả, tấm lòng hỷ xả của con người có võ “tâm đạo”. Người có võ mà thiếu đạo đức thì trở thành một tai họa và nguy hiểm cho bản thân “tà đạo”, cho gia đình và cả xã hội.

Chính vì vậy võ cổ truyền Bình Định rất tôn trọng những tư liệu, những giá trị của các môn phái, các gia tộc để làm cơ sở võ lý để truyền thụ và giáo dục cho các thế hệ về dòng võ chân truyền, ít bị lai tạp của quá khứ, hiện tại và tương lai. Một di sản văn hóa độc đáo, còn mang đậm màu sắc dân tộc của người dân Bình Định.

MỤC 2:

KỸ THUẬT CƠ BẢN MỘT SỐ MÔN VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

A. QUYỀN THUẬT

Như chúng ta đã biết nội dung võ cổ truyền Bình Định rất đa dạng và phong phú, bao gồm nhiều môn. Nhưng mỗi một môn có đặc trưng kỹ thuật khác nhau, kỹ thuật có rất nhiều nhân tố cấu thành, bao gồm như: Tư thế cơ bản, động tác cơ bản, các bộ pháp và các đòn thế cấu thành.

Dựa vào các yếu tố cơ bản này để đánh giá trình độ kỹ thuật của các võ sư cao hay thấp.

Võ cổ truyền Bình Định gồm nhiều môn như: Quyền tay không, quyền binh khí, binh khí lại có binh khí ngắn như: Kiếm, đao, búa v.v... Binh khí dài gồm: Roi, thương, đại đao v.v...

Vì tập sách số trang có hạn. Ở đây chỉ có một số môn như: Quyền, Roi và Kiếm được giới thiệu vì các môn này được lưu hành rộng rãi trong tỉnh và ngoài tỉnh.

A.1. VỀ KỸ THUẬT CÁC BỘ PHÁP

a) Nhãn pháp: (Đôi mắt)

Cấu tạo một bài quyền bao gồm lời thiệu và động tác, từ các bộ phận riêng lẻ liên kết với các bộ phận toàn thân. Một bài quyền không những thể hiện đúng động tác, mà còn yêu cầu thể hiện cho được sức sống (linh hồn) của bài quyền đó. Muốn như vậy, yếu tố quan trọng là thể hiện được ở đôi mắt. Đôi mắt có lúc nhìn thẳng, có lúc phải liếc ngang, liếc dọc, có lúc còn phải nhìn ngược lên, tùy theo yêu cầu từng động tác của bài quyền. Tốc độ nhanh hay chậm, cường độ mạnh hay yếu mà đôi mắt thực hiện nhìn theo. Có một số võ sư thực hiện một bài quyền rất trọn vẹn, động tác đúng và dứt khoát, nhưng xem ra bài quyền đó không có hồn vì chưa thể hiện được sức sống và phong thái nhịp nhàng của đôi mắt. Trái lại có một số Võ sư vì quá chú ý đến cái nhìn của đôi mắt, mà không thể hiện yêu cầu và phối hợp được với động tác toàn bài. Tóm lại nếu quá cường điệu về cái nhìn của đôi mắt, thì lại càng không thể hiện được hồn của bài quyền.

Nét mặt thể hiện vui buồn tươi sáng, hay buồn trầm lắng qua cái nhìn của đôi mắt, cũng góp phần thể hiện sức sống (hồn) mãnh liệt cương nghị hay im lìm yếu ớt.

Để tăng cường sôi động, hay thể hiện sức mạnh của động tác, có Võ sư kết hợp la hét hay dậm chân, cũng góp phần thể hiện sức sống (hồn) của bài quyền. Không nên quá lạm dụng hiện tượng này mà làm mất ý nghĩa của bài quyền.

b) Khí pháp (thở):

Cuộc sống con người cần phải có năng lượng. Mỗi tế bào, mỗi tổ chức và mọi hệ thống trong cơ thể đều nhu cầu có năng lượng. Muốn có năng lượng, cơ thể đem các chất dinh dưỡng như: chất đường (gluxít), đạm (Protít), mỡ (lipít), đổi với Oxy lấy từ không khí khi ta hít vào (quá trình trao đổi chất). Cho nên các tổ chức, cơ quan và các hệ thống trong cơ thể luôn luôn cần Oxy. Như một gam tổ chức thần kinh võng mạc của đáy mắt, phải cần đến 6 phân khối Oxy trong một phút. Ngược lại nếu thiếu Oxy thì các tế bào trong cơ thể sẽ hoạt động rối loạn và có thể dẫn đến ngừng hoạt động. Trong đó tế bào thần kinh bị ảnh hưởng sớm nhất, chỉ cần 5 – 10 phút thiếu Oxy, hệ thống hô hấp không hoạt động được thì có thể dẫn đến tử vong.

Thở còn là hoạt động tổng khí Cacbonic ra ngoài cơ thể, các cặn bã trong cơ thể được máu vận chuyển sang hệ thống hô hấp và hệ thống bài tiết để thải ra ngoài. Trong lúc làm việc khẩn trương, hay vận động cơ thể với cường độ cao, hay đánh một bài võ với tốc độ nhanh, thì đòi hỏi hệ thống hô hấp làm việc khẩn trương, thì đòi hỏi thở nhiều lên, nhịp thở tăng gấp đến 30 – 40 lần, hay nhiều hơn nữa trong một phút, thở không những là hoạt động cung cấp Oxy cho cơ thể, thải khí Cacbonic ra ngoài, làm cho cơ thể sống để hoạt động và lao động, mà thở còn để tăng cường sức khỏe. Qua những động tác tập võ nhẹ nhàng buổi sáng để khởi động toàn diện cho cơ thể, sau khi nghỉ yên tĩnh qua một đêm từ 8 – 10 giờ. Thở phối hợp với động tác võ nhẹ nhàng lúc này là nạp đủ năng lượng Oxy cho máu, chuẩn bị đầy đủ năng lượng cho một ngày lao động mới.

Những động tác thở sâu trong lao động cung cấp đầy đủ Oxy cho cơ thể, đặc biệt là bù đắp Oxy bất thường do cơ thể làm những động tác đột xuất có cường độ cao. Nghỉ giữa giờ tập võ, nên chú ý luyện thở và thở sâu để nhanh

chống thải khí Cacbonic ra ngoài đồng thời thu khối lượng Oxy thiếu đốt lượng axit lactic sinh ra trong quá trình tập luyện, lao động do thiếu Oxy trong máu để có năng lượng phục hồi lại chất đường của tế bào trong cơ thể. Nhờ vậy mà các cơ bắp tứ chi sẽ giảm mệt mỏi, thần kinh nhanh chóng trở lại minh mẫn và linh hoạt. Ngoài ra thở sâu còn giảm áp lực trong lòng ngực để tìm hút máu tĩnh mạch về nhanh hơn. Nhịp thở của con người tự động thường xuyên nhờ trung tâm điều khiển hô hấp ở hành tủy ăn khớp chung với trạng thái của cơ thể. Nhờ vậy mà cơ bắp tứ chi sẽ giảm bớt mệt mỏi, thần kinh nhanh chóng trở lại minh mẫn và linh hoạt.

Những kích thích hóa học, như nồng độ khí Cacbonic; Oxy nhiều hay ít và những kích thích vật lý, như áp lực máu, nhiệt độ nóng lạnh đều ảnh hưởng đến các trung tâm điều hòa nhịp thở.

: Đi một bài quyền có lúc nhanh lúc chậm, thở cũng phải có lúc nhanh lúc chậm, thậm chí có lúc nín thở là thể hiện tốc độ, biên độ, mật độ và cường độ của động tác. Lúc thực hiện động tác nhanh mật độ cao, biên độ hẹp thì nhịp thở phải nhanh. Trái lại khi thực hiện động tác chậm, cường độ thấp, biên độ rộng và mật độ thưa thì nhịp thở phải chậm. Có lúc động tác ngừng gấp đột ngột, là thể hiện trước hết ở các cơ bắp tay, chân và khống chế vùng cơ bụng, thì lúc này bắt buộc phải nín thở.

Luyện thở cũng như luyện khí công, phải tập chú ý cao độ ở tâm, đặt trọng tâm ở bụng thì phải thở bằng lòng ngực, tận dụng tối đa hết cả khoang bụng để thở. Lúc này yêu cầu phải thở đều và sâu, hít vào bằng mũi thở ra bằng miệng. Nhiều lúc yêu cầu thực hiện động tác nhanh và gấp thì phải thở bằng mồm, thở có quan hệ trực tiếp khi thực hiện động tác. Điều này nói lên khi biên soạn một bài võ nên cấu tạo cương nhu phối hợp hài hòa giữa động tác tấn công nhanh, mạnh với động tác linh hoạt nhẹ nhàng. Ra đòn phải nhanh bất ngờ, phòng thủ phải kín đáo, phải thể hiện cho được ba yếu tố như: Nhanh mạnh, cứng như đá, kín chặt, nhẹ như lá và nửa thật nửa hư nhằm đánh lừa đối phương, cho nên quá trình luyện thở có vị trí quan trọng khi thực hiện động tác võ.

Thở là một hoạt động tự nhiên của cơ thể để hấp thụ Oxy và thải Cacbonic. Thở đầy đủ và đúng phương pháp không những ảnh hưởng tốt đến hệ hô hấp, hệ thống tuần hoàn mà còn ảnh hưởng đến hệ thống thần kinh và quá trình trao

đổi chất trong cơ thể. Vì vậy cần luyện tập thở để nâng cao chức năng hô hấp, đáp ứng yêu cầu hoạt động bền bỉ, chống mệt mỏi cho cơ thể khi luyện tập và thi đấu võ thuật.

c) Chỉ pháp (bàn tay):

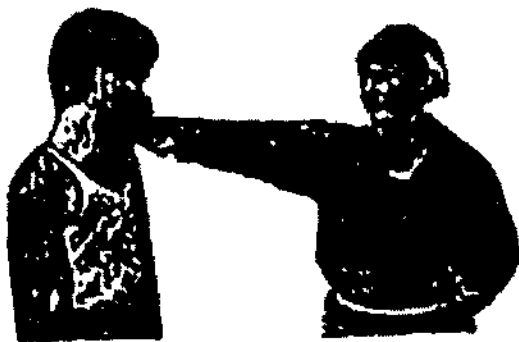
Trong một bài quyền việc sử dụng bàn tay luôn luôn khác nhau, tùy theo yêu cầu của động tác theo thế đánh tấn công hay phòng thủ thì bàn tay luôn thay đổi, cụ thể như sau:

c.1. *Nắm đấm:*

Muốn đấm mạnh ở thế tấn công thì bàn tay nắm chặt (nắm sấp) (hình 1 + 2). Ngón tay cái áp sát chặt vào bên lưng ngón tay thứ hai, chân ở tư thế ngựa trung bình tấn, tay trái nắm hờ để ngang hông, tay phải dùng lực đấm thẳng ra trước.



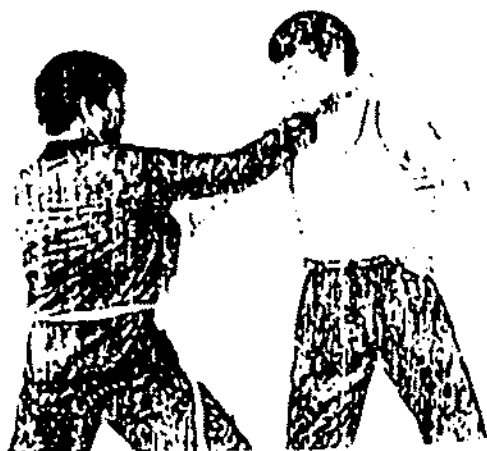
Hình 1



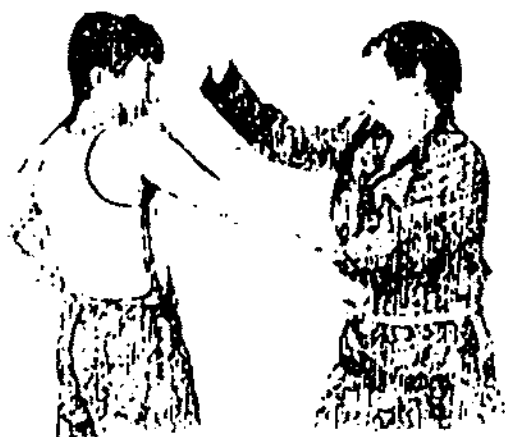
Hình 2

c.2. *Bàn tay (ngửa và sấp):*

Tác dụng của nó là chặt, chém và xĩa ở tư thế tấn công, thường dùng bàn tay ngửa, bàn tay xòe thẳng năm ngón tay khếp thật kín sát vào nhau, phải hết sức chú ý vào các đầu ngón tay (hình 3 + 4).



Hình 3



Hình 4

c.3. Cùi bàn tay:

Tác dụng của nó là vừa công vừa thủ. Năm ngón tay nắm hờ, ngón tay cái thẳng dọc theo bàn tay (hình 5), lấy cùi tay làm trục để hất gạt các đòn tấn công ngang bằng ống tay của đối phương, sau đó nhanh chóng phản công lại đánh cùi tay vào cằm (hình 6) hoặc vào cổ (hình 7) của đối phương. Cùi tay và ống tay cũng thường dùng để gạt các thế đá, tiếp theo lợi dụng đà của đối phương đang lao tới xoay người phản công lại (hình 8).



Hình 5



Hình 6



Hình 7



Hình 8

c.4. Chỉ (các ngón tay):

Tác dụng của nó là: Đâm, thọc, móc và bóp.

c.4.1. Đơn chỉ: Dùng ngón tay cái và ngón tay trỏ (hình 9)

- Ngón tay cái: Bốn ngón tay nắm chặt, ngón tay cái thẳng, bất ngờ chọc vào cổ, vào mắt (hình 10) và các bộ phận khác trên cơ thể đối phương.

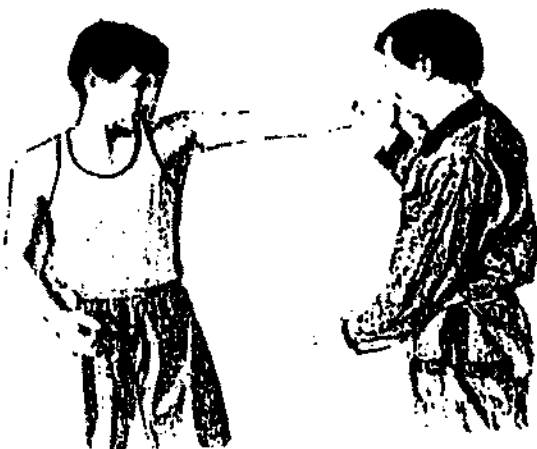


Hình 9



Hình 10

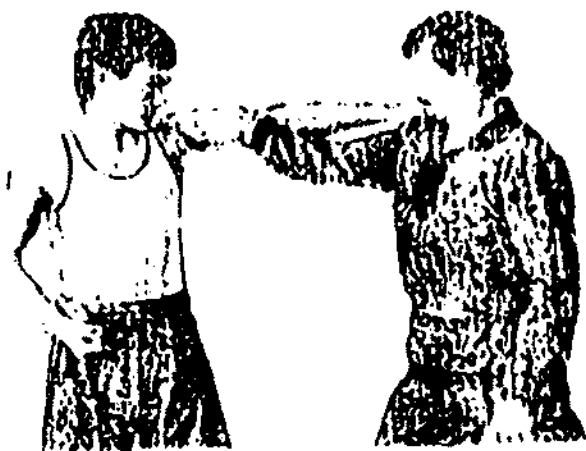
- Ngón tay trỏ: Ngón tay trỏ chia thẳng ra trước (hình 11), các ngón tay khác nắm chặt lại, tập lực ở đầu ngón tay, bất ngờ chọc vào mắt (hình 12) vào các huyệt và vùng mềm ở cổ (hình 13), ở ức và bụng đối phương.



Hình 11



Hình 12



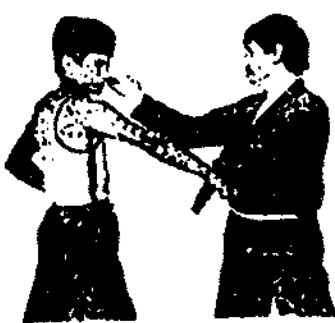
Hình 13

c.4.2) Hộp chỉ: Tác dụng là tát, bấm, chọc.

Bàn tay thẳng bất ngờ tát vào má đối phương (hình 14) nhanh chóng dùng ngón tay cái hay ngón tay trở bấm, chọc vào mắt đối phương (hình 15).



Hình 14



Hình 15

Một cách đánh khác là dùng lực bàn tay tác mạnh vào má đối phương, rồi nhanh chóng dùng cùi tay đánh vào cằm đối phương (hình 16)



Hình 16

c.5. Ngũ chỉ:

Đánh vào đầu và bóp vào hạ bộ đối phương. Năm ngón tay nắm hờ, dang rộng ra (Hình 17), dùng lực các đầu ngón tay gõ vào đầu (Hình 18), hay tận dụng yếu tố bất ngờ bóp vào hạ bộ (cũng hình 18) hay vào vùng cấm của đối phương. Đây là lối đánh nguy hiểm, đối phương nếu không chủ động thì khó chống đỡ.



Hình 17



Hình 18

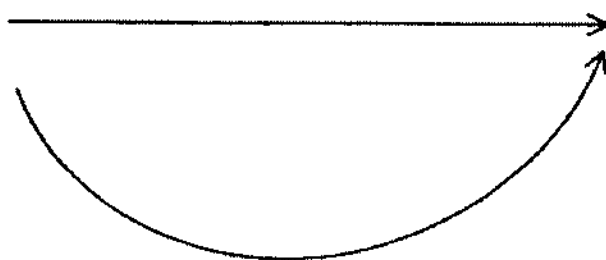


Hình 19

d) Thủ pháp (bộ tay):

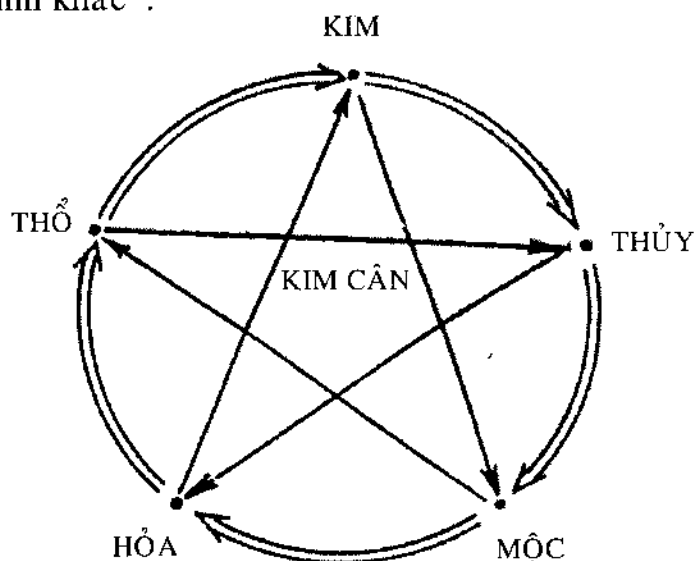
Sự vận động vạn vật trong vũ trụ được biểu hiện bằng thuyết ngũ hành. Nó cụ thể hóa và bổ sung cho thuyết âm dương. Nó vừa biểu thị quan hệ hỗ trợ; tương sinh: kim sinh thủy, thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim. Vừa biểu thị quan hệ ức chế; tương khắc: kim khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa (Hình 20) và thổ khắc kim. Tập hợp lại thành quy luật chế hóa ngũ hành.

Đường biểu diễn “Tương sinh”, tương khắc:



Sinh là đường thẳng mũi tên. Đường biểu diễn đường cong có mũi tên là: khắc ngũ hành. Pháp là phương pháp tập luyện đôi tay để giữ công thủ hoàn chỉnh, di chuyển né tránh, ra đòn tấn công và đòn đánh trả triệt tiêu đối phương. Quá trình di chuyển. Đó là quá trình “Sinh khắc”. Đó là quy luật di chuyển của Ngũ hành pháp.

Đồ hình “Sinh khắc”:



Hình 20

Người xưa nói: “Chơi nhạc mà không biết nhạc lý ấy là nhạc mò, làm người thầy thuốc mà không biết y lý là thầy lang, người võ sư mà không biết võ pháp sẽ thành võ biên, mà võ biên với võ phu cách nhau không xa lắm”. Cho nên tập võ mà không biết gì đến võ lý là vô nghĩa, không giúp gì cho bản thân mà tự mình mang lại tai họa cho mình.

Đối với người tập võ đôi tay và đôi chân là vũ khí chính yếu để tấn công và phòng thủ. Vũ khí ấy tất nhiên là phải qua tập luyện thường xuyên đạt đến thuần thục và điêu luyện. Muốn vậy, người tập võ phải nắm vững võ lý cơ bản về Ngũ hành pháp và tấn pháp (bát quái).

Hai phương pháp này là sự khởi đầu cơ bản cho sự phát triển cường lực lưỡng chi và bản năng cơ thể. Phương pháp thư giãn thả lỏng có thể để cơ bắp dần dần trở lại trạng thái bình thường sau quá trình tập luyện và thi đấu.

Cơ bản bộ tay của võ cổ truyền Bình Định là Ngũ hành pháp. “Song thủ ngũ hành vi bản”. Ngũ hành pháp luyện tập bộ tay theo pháp: Kim, mộc, thủy,

hỏa, thổ. Mỗi một bộ bao gồm nhiều động tác khác nhau, thể hiện nét độc đáo và tác dụng của từng bộ riêng biệt. Dùng lực từ bả vai đến bàn tay (Toàn bộ cánh tay), nhưng khâu thực hiện cuối cùng là bàn tay. Nhưng cùng chung một tác dụng là tấn công hay phòng thủ rõ ràng làm cho người tập dễ dàng tiếp thu. Từ những thế luyện được ở ngũ hành sẽ tạo sự chuẩn mực cho các đòn thế phát sinh sau này.

Cơ bản của năm bộ thế Ngũ hành đó là:

- Kim: Là Mãnh hổ thối sơn
Quả đấm mạnh như con cọp chạy đâm đầu vào núi, ở thế chủ động tấn công.
- Mộc: Là cương long xuất hải.
Con rồng bay nhanh mạnh ra biển, như luồng gió bay nhanh ào ào ra biển, ở thế tấn công.
- Thủy: Là phụng hoàng triển dật.
Con chim phụng hoàng chuẩn bị vỗ cánh bay. Ở thế vừa chuẩn bị tấn công vừa phòng thủ.
- Hỏa: Là Bạch hạt tầm châu.
Con hạt trắng đi tìm châu báu. Ở tư thế chọn sơ hở của đối phương mà tấn công hay phát hiện đòn thế tấn công của đối phương mà đề phòng tìm cách né tránh.
- Thổ: Là Cuồng phong tảo địa
Ngọn gió mạnh thổi tung đất (quét sạch đất)
Chớp nhoáng tiến công hạ sát đối phương.

Các con đường thẳng hình thành ngôi sao năm cánh là biểu hiện đường “Sinh” quy luật:

- Kim sinh mộc
- Mộc sinh thổ
- Thổ sinh thủy
- Thủy sinh hỏa
- Hỏa sinh kim

Là quá trình tương hỗ lẫn nhau, nếu trong quá trình giao đấu, khi sử dụng bộ kim là bị đối phương triệt tiêu, thì nhanh chóng chuyển sang bộ mộc v.v... Đó là quy luật bất buộc. Không thể từ bộ kim mà chuyển sang bộ hỏa được.

Quy luật “Sinh” hình thành ngôi sao năm cánh là sự hỗ trợ dựa vào nhau và ở tâm ngôi sao “Kinh câu”. Kinh câu làm nhiệm vụ điều hòa sự hỗ trợ của các bộ theo hướng thuận theo mũi tên. Kinh câu còn là phương pháp luyện tập nội công của bộ tay (xem hình 20).

Đường mũi tên cong di chuyển vòng tròn bao xung quanh ngôi sao năm cánh là đường “Khắc”. Quy luật của “Khắc” là đường di chuyển né tránh chống đỡ tiêu diệt lẫn nhau. Khi mà kim khắc mộc thì bằng mọi cách né tránh nó đi mà mau lẹ di chuyển sang thủy.

- Kim khắc mộc

- Mộc khắc thổ

- Thổ khắc thủy

- Thủy khắc hỏa

- Hỏa khắc kim

Đường biểu diễn của “Khắc” là mũi tên cong, di chuyển theo đường vòng tròn, bao ngôi sao năm cánh vào giữa. Đường di chuyển này cũng theo thuận, không thể kim di chuyển ngược lại thổ được. Đó là quy luật của Ngũ hành trong nguyên lý “Âm dương”.

Trong các bài võ cổ truyền Bình Định các bộ tay (Ngũ hành) chiếm vị trí rất quan trọng. Các bộ tay làm chủ, thể hiện các đòn thế tấn công và phòng thủ. Các bộ tay thay đổi liên tục, né tránh “khắc” thì phát triển “sinh”. Tùy theo mục đích cấu tạo của bài võ mà thực hiện. Bộ tay là tính từ bả vai đến đầu ngón tay, nhưng chủ yếu là bàn tay. Võ cổ truyền Bình Định ít dùng cùi chỏ (bất đắc dĩ mới dùng đến). Cùi chỏ dùng nhiều ở võ tự do và võ tự vệ chiến đấu, mà dùng chủ yếu từ cẳng tay trở ra, khi đánh một đòn lật ngược. Có nghĩa là xoay người, đổi ngựa, đổi hướng bất ngờ đánh vào cổ, sườn và sau lưng đối phương bằng cánh tay lật ngựa, đòn đánh này thường kết hợp với đòn chân (đá bay đầu đối phương).

Cụ thể năm bộ tay trong Ngũ hành như sau:

1. Kim: Mãnh hổ thối sơn mang tính chất tấn công.

Hai tay nắm hờ để ngang hông. Ngựa trung bình tấn (Hình 21). Tay trái qua bụng gạt mạnh sang trái (Hình 22), không cho đối phương tấn công vào vùng bụng đỡ người sang trái (Hình 23), tránh quả đấm thẳng của đối phương, tay phải dụng lực đấm thẳng, xoay áp bàn tay sang đối phương, bàn tay nắm úp (Hình 24). Hai tay thay nhau tập đấm.



Hình 21



Hình 22



Hình 23



Hình 24

2. Mộc: Phụng hoàng triển dật.

Bắt xuống đánh ngang là nhằm ngăn chặn những đòn tấn công của đối phương, để nhanh chóng tấn công lại bằng đòn ngang.

Hai tay nắm hờ ngửa để ngang hông. Tay trái qua bụng từ trên bắt xuống sang trái, tay phải dùng lực căng tay đánh bổ chéo ngang qua trái (Hình 25, 26, 27, 28). Hai tay thay nhau tập.



Hình 25



Hình 26



Hình 27



Hình 28

Hai bộ Kim và Mộc có quan hệ chặt chẽ với nhau và tương phản nhau: Kim bắt lên, Mộc bắt xuống, Kim đâm thẳng, Mộc đánh ngang.

3. Thủy: Cương long xuất hải.

Đánh như nước chảy từ trên xuống.

Tay trái qua bụng đưa lên cao (bàn tay nắm), ngựa trung bình tấn. Tay phải dùng lực căng tay đâm từ trên cao đâm xuống và dùng lực từ dưới đánh lên. Hai tay guồng nhau như guồng nước chảy (Hình 29, 30, 31, 32).

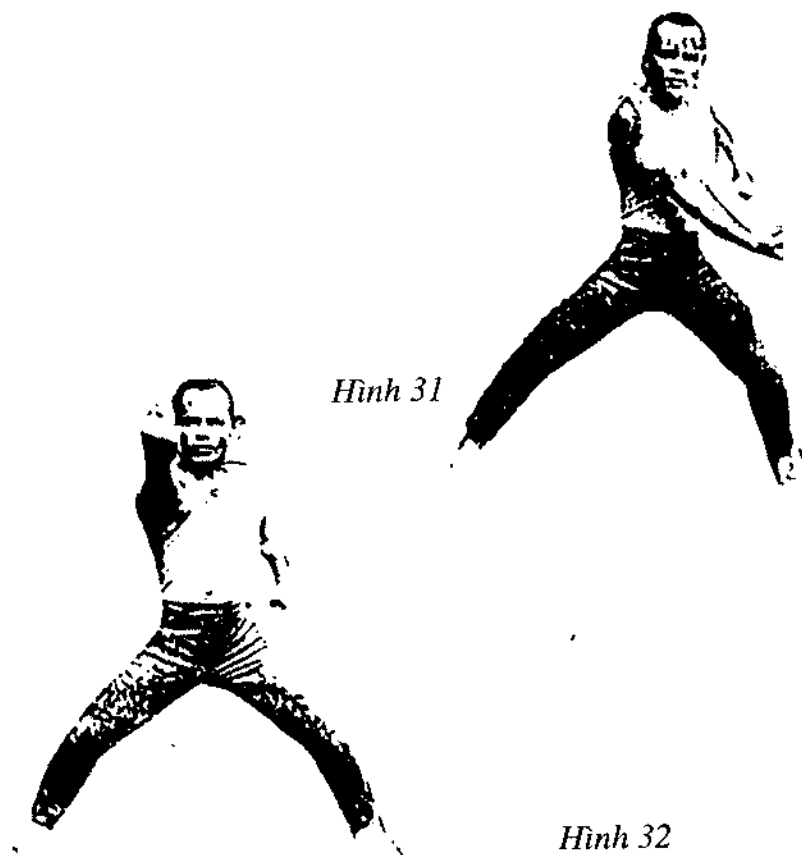
Tác dụng là đánh vào cằm và trung bộ của đối phương.

Hình 29



Hình 30





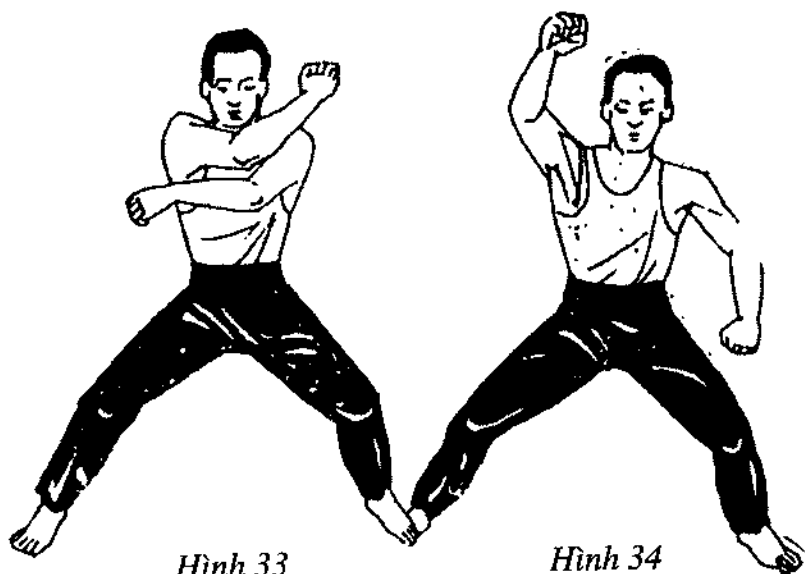
Hình 31

Hình 32

4. Hỏa: Bạch hạt tầm châu.

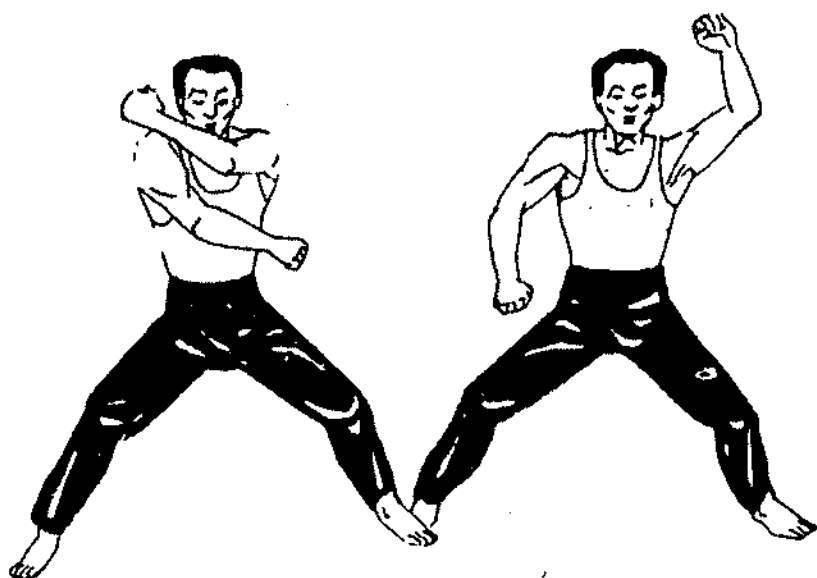
Đánh mạnh như bão táp, đánh phá vây, đánh liên tục không cho đối phương kịp né tránh và tìm ra điểm yếu của đối phương để tiêu diệt.

Hai tay nắm hờ để ngang hông. Ngựa trung bình tấn. Dùng lực hai cẳng tay bắt chéo trước mặt gạt mạnh sang hai bên. Chận đỡ đòn tấn công trên cao của đối phương (Hình 33, 34, 35, 36).



Hình 33

Hình 34



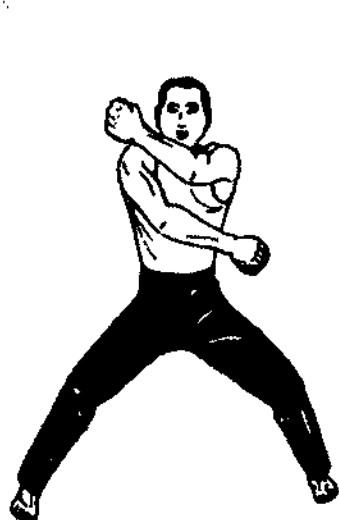
Hình 35

Hình 36

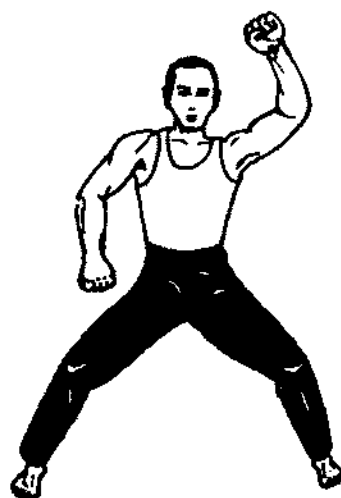
5. Thổ: Cuồng phong tảo địa.

Gạt trên đám dưới.

Hai tay nắm hờ để ngang hông. Ngựa trung bình tấn. Tay trái từ bên phải gạt sang bên trái trên cao, nghiêng người sang bên trái. Tay phải đưa ra bên phải, dùng lực đâm thẳng xuống để vệ hạ bộ. (Hình 37, 38, 39, 40).



Hình 37



Hình 38



Hình 39



Hình 40

e) Tấn pháp: Bộ ngựa “Lưỡng túc bát quái vi căn”

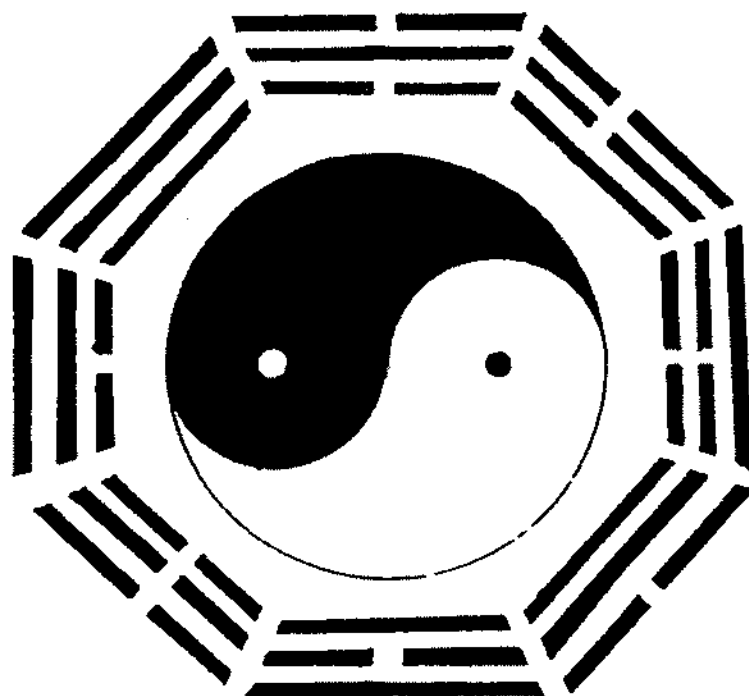
Vũ trụ là một thể thống nhất gồm hai phần Âm và Dương (ngày và đêm). Âm Dương kết hợp sinh ra “Tam tài” tức là Trời, Đất và Con người là ba lực lượng tiêu biểu trong vũ trụ. Mỗi lực lượng đều có sự kết hợp và cân bằng giữa Âm Dương và Ngũ hành. Trong Đại vũ trụ con người là tiểu vũ trụ. Con người phải nắm vững quy luật biến hóa của giới tự nhiên và thích ứng với sự biến hóa đó. Tức là phải giữ nhịp điệu thăng bằng giữa con người và ngoại cảnh. Từ kết cấu chung của vũ trụ và con người. Trong võ thuật cũng có hai phần Cương và Nhu. Có môn võ thiên về Cương, có môn lại ngã về Nhu. Nhưng trong Cương có yếu tố của Nhu, trái lại trong Nhu có yếu tố của Cương. Vậy con người nên phối hợp phát triển Cương – Nhu sao cho đạt hiệu quả cao nhất?

Từ thuyết “Âm Dương” còn sinh ra thuyết “Bát quái”. Để cụ thể hóa tất vạn vật trong vũ trụ, đều quy tụ về tám quẻ. Từng quẻ đều được thể hiện bằng vạch liền nét (—), kết hợp với vạch nét đứt đoạn (— —), vạch liền là dương, vạch đứt là âm. Mỗi quẻ có 3 vạch (mỗi vạch gọi là một hào) 3 vạch đó tượng trưng cho “Tam tài”. Vạch trên là trời, vạch dưới là đất, vạch giữa là người. Người nổi

liền với trời và đất. Tức là dung hòa giữa âm và dương. Trong nam có âm, trong nữ có dương. Dương là số lẻ (vạch liền một nét). Đông, trời còn chu vi gấp 3 đường kính. Âm số chẵn (vạch đứt hai nét). Tĩnh, đất vuông chu vi gấp bốn cạnh. Trời chủ thời gian, đất chủ không gian, con người hoạt động giữa không gian và thời gian, nếu thiên thời địa lợi nhân hòa thì sẽ thuận tiện và ngược lại sẽ gặp khó khăn.

Ví dụ: Trong bát quái có quẻ khảm ($\equiv \text{---} \equiv$) tiêu biểu là nước, là mùa thu ở chính tây và quẻ ly ($\equiv \text{---} \equiv$) là lửa, là mùa xuân ở chính đông, đều có cấu tạo đặc biệt để khi lật ngược không bị đổi dạng. Chú ý hai quẻ này là luận về nước và lửa, để tìm hiểu tính cương và nhu trong võ thuật. Quẻ ly ($\equiv \text{---} \equiv$) thượng và sơ dương bao ngoài, con chính trung là âm. Nghĩa là ngoài là thực, mà trong thì hư. Thế của nó là âm và dụng của nó là dương. Trái lại quẻ khảm ($\equiv \text{---} \equiv$) thượng và sơ âm bao ngoài. Nghĩa là ngoài là hư, mà trong là thực. Thế của nó là dương và dụng của nó là âm. Từ lẽ trên ta thấy nguyên lý trong cương có nhu, trong nhu có cương.

Đồ hình bát quái



Vận dụng nguyên lý “Âm dương” vào võ thuật là rất quan trọng. Từ lý luận đến thực hiện là cả một quá trình, phải rất uyển chuyển, mềm mại và linh hoạt chú trọng di chuyển né tránh, tấn công phòng thủ phải theo đúng ngũ hành pháp và bát quái pháp. Có lúc phải nhẹ nhàng phản đòn, chứ không nên nặng nề dùng sức mạnh, phải khôn khéo chọn đúng thời cơ mới ra đòn, không nên vội vã hấp tấp mà bị thất bại (mạnh dùng sức, yếu dùng chước) không nên chạy theo “dùng sức chọi sức”, làm sao sức một người đánh bại được nhiều người mới là quan trọng. Cương nhu là hai sức đối nhau, nhưng lại phối hợp được với nhau thì ra đòn mới có kết quả. Như vậy lúc cần thiết thì lấy cương làm chính (khi tấn công), nhu đóng vai trò kết hợp, nhằm vào chỗ yếu (nhu) của đối phương mà tiêu diệt. Có lúc tạm thời phải né tránh di chuyển. Khi lấy nhu làm chính, Cương khôn khéo phối hợp để chuyển thế.

Tấn pháp là phương pháp luyện tập đôi chân và di chuyển theo hướng của nguyên lý bát quái. Bát quái tượng trưng cho tám quẻ, theo tám hướng và tám con vật.

Trong tấn pháp gồm có 9 bộ là

- Long tấn: Ngựa con Rồng
(Tấn Rồng vàng)
- Xà tấn: Ngựa con Rắn
(Tấn Rắn xanh)
- Kim kê tấn: Ngựa kim kê
(Tấn Gà vàng)
- Hội phụng tấn: Ngựa con Phụng
(Tấn Phụng vì)
- Hồng hổ tấn: Ngựa con Cọp
(Tấn Cọp hồng)
- Bạch hạc tấn: Ngựa hạc trắng
(Tấn hạc trắng)
- Hắc hâu tấn: Ngựa con Khỉ
(Tấn khỉ đen)

- Lạc nhận tấn: Ngựa lạc Nhận
(Tấn lạc Nhận)

Và trung bình tấn.

Mỗi bộ tấn mang một cách thức khác nhau và tác dụng của nó cũng khác nhau. Trong các phần công thủ, phản biến của các thế võ, tất nhiên là phải hội đủ ba điều kiện: nhanh, mạnh và chính xác. Muốn đạt được vậy, luyện tấn pháp sẽ tạo ba ưu điểm bổ ích như sau:

Tạo được sức mạnh cho đôi chân (rất có lợi cho phần thế đó).

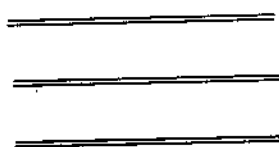
- Từ một bộ tấn có quy cách sẽ chiếm được ưu thế thượng phong và dễ dàng triển khai được mọi sở trường khi giao đấu.

Muốn ra đòn chính xác vào mục tiêu. Tấn phát là phương tiện tạo ra cự ly tốt nhất giữa ta và đối phương. Tạo sự di chuyển nhanh nhẹ, nhẹ nhàng phản công kịp thời phản công chính xác vào mục tiêu.

Tấn phát trong bát quái đồ:

Vị trí các bộ trong đồ hình bát quái (lấy trung bình tấn) làm trung tâm như sau:

1. Căn tam liên, Tây bắc hùng long: có bài Huỳnh long quyền:



Tượng trưng ba gạch nối liền. Với bài thiệu là:

1. Long Tấn:

Huỳnh long quyền địa thích thông thiên

Liêng dịp liên hoa dả diện tiền

Hạ địa tầm chân tung ấn chương

Thanh Long xuất hải tấn sang Quyền:

Tạm dịch là:

Rồng vàng cuốn đất, đâm thẳng lên trời

Hoa lá lung lay, đánh ở hướng trước mặt

Xuống đất tìm ngọc, đánh bằng lòng bàn tay.

Rồng xanh ra biển, tiến đánh hai quyền tay.

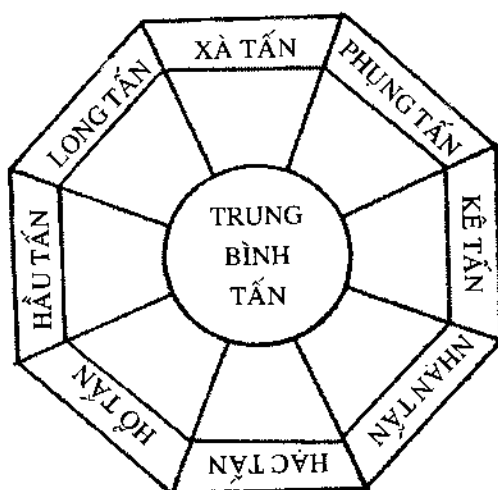
Dịch nghĩa:

Hướng càn ba gạch nguyên (hình 47) hướng tây bắc, tấn rồng vàng (Long tấn).

Tư thế chuẩn bị: hai tay nắm chặt (ngửa) để hai bên hông. Ngựa trung bình tấn nghiên.

Động tác: Xoay vai trái hướng trước, dang chân phải ra sau, chân trái thẳng, đổ nghiêng người theo hướng chân phải, mặt quay về phía trái. Đồng thời tay phải đỡ vòng từ hạ bộ lên gần vành tai phải. Tay trái gạt vòng xuống hạ bộ đến bắp đùi trái trọng tâm dồn về chân phải.

Đồ hình các bộ ngựa



Hình 46

Hình 47

Long tấn:



2. Xà tấn (Hình – 48)

Khảm trung mẫn chính bát Thanh xà.

Hướng khảm gạch giữa nguyên, chính bắc tấn rắn xanh.

Bài Quyền xà tấn

_____	_____	Thanh xà đảo mã	→	Tả tả tung phong
_____	_____	Cường long xuất hải	→	Tấn đả song khai
_____	_____	Ngọc trân Ngân Đài	→	Hắc ngư khai giác
(Hình – 48b)		Hồi mã tướng quân	→	Chuyển thân nghịch cước

Dịch nghĩa:

Rắn xanh trả ngựa →

Theo gió quét hướng trái

Rồng dữ ra biển →

Tiến đánh hai lần

Chén ngọc đài bạc →

Trâu đen mở sừng

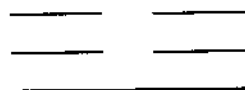
Ngựa về vị tướng →

Nghiêng mình đá nghịch



Hình 48

(Hình 49b)



Tư thế chuẩn bị: Xoay vai phải về hướng trước, hạ người thấp xuống. Đưa bàn chân trái ra phía sau chân phải, tạo thành hai chân chéo nhau (Ngựa trảo mã) trọng lượng thân thể dồn về chân phải. Hai tay giữ nguyên tư thế ban đầu. Mắt nhìn về tay trái.

3. Phụng tấn (Hình 49)

Cấu khúc quyền Đông Bắc, Hội phụng hướng căn gạch dưới nguyên, Đông Bắc tấn phụng về.

Bài phụng hoàng quyền:



Hình 49

Phi phụng tề my → Ngự hồi lưu thủy
 Phụ tử tương tùy → Phục hổ xung phong
 Thiên sư tống khách → Tiêu ông tọa thạch
 Bạch điểu qua hà → Phù hoa cái dực

Dịch nghĩa

Phụng bay ngàn mây → Cá theo nước chảy
 Cha con theo nhau → Cọp núp gió xoáy
 Thầy chùa tiễn khách → Tiên ông ngồi trên đá.
 Chim trắng qua sông → Bông nổi trùm cành

Tư thế chuẩn bị: Hai tay xòe ra, bốn ngón tay khép lại, ngón tay trái cong vào lòng bàn tay. Hơi hạ người, trọng tâm dồn xuống chân phải. Đưa bàn chân trái ngửa lên trên về phía phải. Bàn chân trái cao ngang tầm đầu gối chân phải. Mắt nhìn thẳng về trước.

4. Kê tấn: Ngựa kim kê (H-50)

Chấn ngưỡng bốn chính Đông, kim kê.
 Hướng chấn gạch trên nguyên, chánh Đông
 tấn gà vàng.

Bài kim kê quyền:

Kim kê độc lập →

Đại bàng triển cánh

Phan đả song chùy →

Phi long chiếm gốc

Xung thiên phạt mộc →

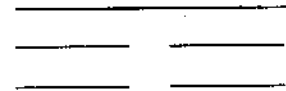
Khước hổ tấn khai

Huỳnh ngư đảo hải →

Thiết tả mai cân

Gà vàng đứng một mình → Đại bàng xòe cánh (chim đại bàng)

Đánh ngược hai chùy → Rồng bay ngược rừng



Hình 50b



Hình 50

Hướng trời chặt cây → Mở tới móng cọp

Cá vàng lượng biển → Sét đánh mây hoa.

Tư thế chuẩn bị: Hạ người thấp xuống. Chân phải bước lên trước, mũi bàn chân chạm đất. Chân trái đưa về sau, trọng tâm dồn lên chân trái, đầu gối khuyên. Hai tay đưa ra trước, bàn tay phải cao bằng mí mắt, tay trái ngang vai. Mắt nhìn thẳng phía trước.

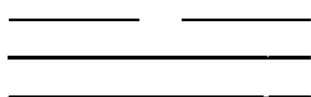


(Hình 51)

5. Nhận tấn (hình 51)

Tư thế chuẩn bị: Xoay vai trái về trước, kéo đầu gối trái lên và nhảy qua phía trái. Chân trái vừa chạm đất, kéo gối phải lên. Đồng thời đánh thốc cú tay phải lên hướng trước mặt. Ngồi xuống, bàn chân phải kê đứng vào mông phải. Chân trái khuyên. Tay phải đề lên đầu gối chân trái cao ngang vai, bàn tay ngửa xoay ra trước. Tay trái để nguyên ngang hông trái. Trọng tâm dồn về chân phải. Mắt nhìn về trước.

(Hình 51b)



Tấn hạ đoạn. Đông Nam lạc nhau. Hướng tấn gạch ngoài cách quãng. Đông Nam tấn nhận đáp

Bài lạc nhận quyền:

Lạc nhận bình xa, ứng trảo quyền

Song long tưởng nguyệt, lập trung thiên

Chuyển thân nghịch cước, kiêm tiểu cước.

Lảo hổ hoành sơn, tảo trực tiền

Nhận đáp cát bằng đường

Quyền móng chim ưng

Hai rồng nghịch trắng đứng giữa trời

Trở mình đá nghịch ngọn đá mũi tên vàng

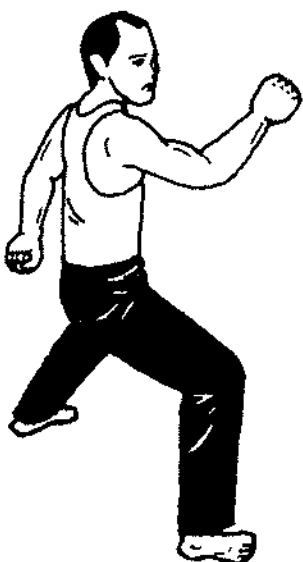
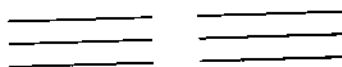
Cọp già ngang núi quét thẳng phía trước

6. Hổ Tấn (H-52) Khôn hạ đoàn tây nam hồng hổ.

Hướng khôn ba gạch đất

(Hình 52b)

Tây nam tấn cập hồng



Hình 52

Tư thế chuẩn bị: xoay vai trái về trước, tiến chân trái về trước, rộng bằng vai. Xoay hai bàn chân song song về hướng tay phải. Mắt nhìn sang trái, hạ người xuống đồng thời đưa tay trái gạt vòng lên trước mắt, ngừng cú tay ngang tầm mắt, tay phải gạt vung hạ bộ. Cú tay chém xuống gần bắp đùi phải. Trọng tâm cơ thể hơi dồn về chân trái.

Bài hổ quyền:

Hồng hổ hai sơn thiết chỉ quyền
Thiểm thư quá hải phản dương tiến
Ô vân cái nguyệt câu hôn cước
Hắc hổ ly sơn thối ngũ liên

Cọc hồng mở núi đường quyền ngọc sắt
Các tiên hoa biến đánh lật hướng dương
Mây đen phủ trắng đá vàng ở hướng âm.
Cọc đen hạ núi lui bộ nằm lăn

7. Hạc Tấn (H-54)

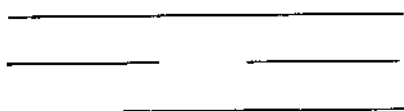
Ly trung hư chánh nam bạch hạc
Hướng ly gạch giữa cách quăng
Chánh nam, tấn hạc trắng

Tư thế chuẩn bị: xoay bả vai trước. Chân trái bước chéo qua phải, kéo đầu gối chân phải lên ngang ngực. Từ đầu gối đến ngón chân tạo thành một góc vuông 90° . Cẳng chân và bàn chân thẳng.



Hình 54

Tay phải đưa lên cao vòng xuống nửa thân gạt sang phải. Tay trái đưa lên cao hướng trước, bàn tay ngửa hướng trước, mắt nhìn thẳng.



(Hình 54b)

Bài hạc quyền

Bạch hạc tâm châu →

Song phi quyền dật

Mãnh hổ ly sơn →

Đơn hồi tam chiến

Thảo dã thông thiên →

Ô quy thối bộ

Khẩn phá tam tịnh →

Trung bình đảo thế

Hạc trắng tìm báu vật → Hai đá bay cuộn cánh

Cọp mạnh xuống núi → Về một đá ba

Đánh thẳng lên trời → Rùa đen lui bước

Chạm phá ba sao → Trở thế trung bình



Hình 53

8. Hưu Tấn (hình 53)

Đoài thượng khuyết chính tây, hắc hâu. Hướng đoài ngách dưới đất chánh Tây. Tấn khi đen.

Tư thế chuẩn bị: Đứng thẳng trên ngựa.

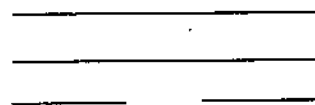
Trung bình tấn. Kéo đầu gối trái lên cao ngang tầm ngực song song với hai tay ra trước khuỷu, hai bàn tay nắm nghiêng cao mang tai. Trọng tâm dồn lên chân phải, mắt nhìn thẳng.

Bài hưu quyền (H – 53b)

Hắc hâu đoạt quả, bàng phi cước

Lưỡng hổ tung sơn, đả phản âm

Thoái bộ kim thượng, miên tẩy diện
Am long đề hải, hổ du tâm



(Hình – 53b)

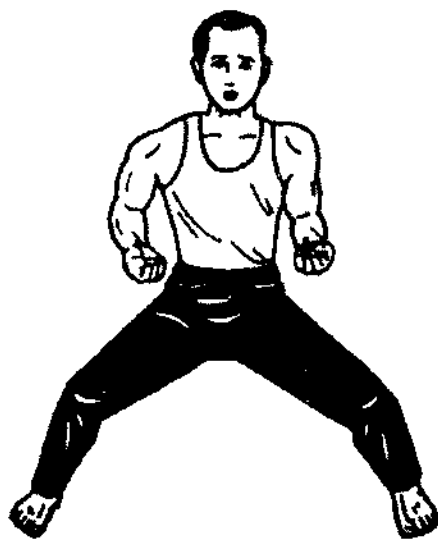
Khỉ đen đá trái, chim bằng đá bay
Hai cọp đập núi, đánh ngược hướng âm
Lui bộ thương vàng, mèo rửa mặt
Rồng núi đẩy biển, cọp vui lòng

9. Trung bình tấn (H-55)

Trung bình tấn là bộ ngựa không di động, làm trụ di chuyển theo yêu cầu của bộ tay. Trụ có vững là tạo điều kiện tốt cho bộ tay hoạt động.

Tư thế chuẩn bị:

Đứng thẳng, từng bước mở rộng hai bàn chân rộng bằng vai, hai bàn chân song song mũi bàn chân hướng trước. Khuyết gối xuống, lưng thẳng. Hai tay cong bàn tay nắm để ngang hông, mắt nhìn thẳng.



Theo nguyên lý đồ hình bát quái, võ cổ truyền Bình Định có 9 bộ châu (ngựa). Mỗi bộ tượng châu cho mỗi con vật, mỗi con vật có một hướng cố định và mỗi con vật lại kèm theo một bài quyền. Nhưng trong thực tế võ cổ truyền Bình Định chỉ sử dụng bốn bộ ngựa là:

- Trung bình tấn
- Đinh tấn: tức là phụng tấn
- Chảo mã tấn: tức là xà tấn
- Kim kê tấn: là kê tấn

Thực chất là rút trong bát quái pháp, để đơn giản hóa dễ dàng sử dụng trong khâu huấn luyện ở trình độ thấp. Trong mỗi bài quyền bộ ngựa thay đổi nhau liên tục tùy theo yêu cầu cấu tạo của bài. Bài quyền càng phức tạp thì bộ ngựa càng di chuyển thay đổi liên tục từ ngựa này sang ngựa khác. Ví dụ: “Túc bất li địa” không có nghĩa là chân không bao giờ rời đất, mà di chuyển nhẹ nhàng trên mặt đất để di chuyển thay đổi ngựa này sang ngựa khác. “Túc bất li địa” còn có nghĩa là chân đá ra đòn rất nguy hiểm, chủ yếu đá vào hạ bộ và hai bên sườn của đối phương. Nhưng dù có thay đổi bộ ngựa nhiều thì cũng nằm trong quy luật của Bát quái đồ hình.

Mỗi bài quyền có bản của tên vật, được cấu trúc bằng những đường quyền và thế đá, kết hợp cương nhu rõ nét, có lúc cương nhu “tương khắc” và mang tính chất “Âm dương” tương phản. Chính trong quá trình “tương khắc”, tương khắc gặp nhau sinh ra xô xát. Nhờ sự xô xát đó mà hóa sinh ra biến thế khôn cùng.

Trong võ học, nguyên lý “âm dương” rất quan trọng. Người võ sư biết áp dụng và sử dụng một cách khéo léo linh hoạt để tấn công và phòng thủ tạo ra thế lợi nhất cho mình. Hai câu thơ cũng là hai nguyên lý đặc trưng cơ bản của võ cổ truyền Bình Định.

“Song thủ ngũ hành vi bản

Lương túc bát quái vi căn”.

Nghĩa là: Luyện đôi tay phải theo phép ngũ hành làm gốc. Luyện đôi chân phải theo phép bát quái làm cội rễ.

Người xưa nói rằng: Học võ không phải để biết Bài quyền, ngọn roi thế đá là đủ, mà mục đích của học võ là phải nắm vững võ lý, nắm vững phương pháp luyện tập đặc biệt là tập đúng phương pháp, theo sự chỉ giáo của võ sư. Học võ không những để biết mà quan trọng là biết sử dụng nó vào đúng mục đích. Quá trình luyện tập là quá trình tiêu hao năng lượng và cũng là quá trình tăng cường thể lực cường tráng, nâng cao sức khỏe. Có sức khỏe thì tinh thần mới minh

mẫn. Tinh thần có minh mẫn mới xử lý đòn thế sắc bén. Học để biết, biết để luyện, luyện để dùng. Đó cũng là một đặc trưng của võ cổ truyền Bình Định.

Đối với con người học võ, đôi tay và bộ chân là vũ khí chủ lực để tự vệ và đánh trả đối phương. Vũ khí đó tất nhiên là phải khổ luyện thường xuyên (văn ôn võ luyện). Khổ luyện theo phương pháp khoa học phải vận dụng vào sự hóa sinh của nguyên lý “âm dương”, “ngũ hành”, “bát quái”. Đó là: tấn pháp trọng bát quái, thủ pháp trọng ngũ hành.

Luyện tập được thuần thục theo hai phương pháp này là tạo được cơ sở tốt để phát triển tay chân (lườn chi), vì trong tấn pháp bát quái và thủ pháp ngũ hành có sự cấu tạo của hai yếu tố ngoại công và nội công.

- Tập ngoại công là tập ngoại hình, thao tác từng thế võ.

- Tập nội công là tập cách phối hợp: điều hơi, vận khí, nhuyễn khớp, tăng cộ để tạo sức mạnh từ bên trong cơ thể.

Phương pháp tập nội công của đôi chân là: trung bình tấn.

Phương pháp tập ngoại công của đôi tay là: “kình cân”.

BÀI QUYỀN TIÊU BIỂU CỦA VÕ CỔ TRUYỀN – BÌNH ĐỊNH

QUYỀN NGỌC TRẦN

Bài quyền Ngọc Trần có từ bao giờ? Xuất xứ ở đâu chưa rõ! Theo lưu truyền trong dân gian, bài Quyền Ngọc Trần là gia phả của võ phái An Vinh, trong môn phái của võ sư Hương Mục Ngạt truyền lại cho ba người con là: Võ sư Bảy Lụt, Võ sư Tám Cảnh (nữ) và Chín Giác. Chỉ có hai đời nhưng hai cha con nổi tiếng về Quyền An Vinh.

Võ sư Hương Mục Ngạt đem bài quyền Ngọc Trần truyền lại cho người bạn thân là Xã Hào (còn gọi là Mười Mỹ) ở trường Úc (huyện Tuy Phước). Xã Hào là võ sư nổi tiếng ở vùng Tuy Phước, những năm đầu của thế kỷ XX. Ông quan tâm truyền dạy cho môn sinh về đạo đức con nhà võ, dạy các bộ tay bộ chân cơ bản và các bài võ gia truyền của môn phái trong đó có bài Quyền Ngọc Trần. Ông cương quyết không dạy cho những người có biểu hiện hung khí.

Người con trai thứ ba của ông là võ sư Minh Tình nổi nghiệp cha tiếp tục dạy các môn gồm: quyền, roi, kiếm. Đặc biệt là coi trọng bộ tay, bộ chân và các đòn thế bí truyền với đặc trưng của Quyền An Vinh là:

“Đi như lá

Đứng như đá

Công thủ đi liền

Hư hư thật thật”

Tại An Vinh còn có một số võ sư nổi tiếng như: võ sư Bảy Tòng (Tù Tâm) gốc người An Thái, nhưng tìm đến xứ sở của quyền và lập gia đình ở đây, có võ sư Trần Dấu, ở Bình Nghi còn có võ sư Phan Thọ và ở Phước An (Tuy Phước) có võ sư Hà Trọng Sơn với biệt danh là con hùm xám miền Trung.

Bài Quyền Ngọc Trần có lối đánh chậm, nhưng kín đáo và chắc đòn. Nhu cương kết hợp đúng lúc, đúng chỗ. Lại có những thế né tránh phản đòn rất lợi hại. Di chuyển nhẹ nhàng, linh hoạt (đi như lá), khi ra đòn thì chắc và mạnh (đứng như đá), khi bị tấn công thì đứng chịu trơ như đá.

Bài Quyền Ngọc Trản là bài quyền chính thống của võ cổ truyền Bình Định. Tất cả các võ đường trong tỉnh đều truyền dạy bài quyền này. Ở ngoài tỉnh nhiều nơi cũng biết và phổ biến rộng rãi nhiều sách báo.

Võ sư Minh Tinh lúc đương thời tham gia hoạt động rất tích cực cho Liên đoàn võ thuật Bình Định. Võ sư cũng đã trực tiếp giảng dạy ở các lớp đào tạo bồi dưỡng võ sĩ của Liên đoàn. Mà bài Quyền Ngọc Trản là nội dung chính của các lớp học nói trên. Bài Quyền Ngọc Trản hiện nay là một nội dung thi quy định của võ cổ truyền Bình Định, mà còn là nội dung thi đấu bắt buộc của Liên đoàn võ cổ truyền Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu về bước đầu nghiên cứu nguồn gốc và đặc trưng võ cổ truyền Bình Định, đã phát hiện nhiều tư liệu (chữ Hán – nôm) về bài Quyền Ngọc Trản này ở một số môn phái võ trong toàn tỉnh như: gia phả họ Trương ở Phù Mỹ; tư liệu ở võ đường Phan Thọ huyện Tây Sơn, hay gia phả dòng họ Lý (Lý Xuân Cảnh) ở An Nhơn...

Cấu tạo bài Quyền Ngọc Trản gồm hai phần: Lời thiệu và động tác. Lời thiệu theo thể thơ gồm hai mươi câu mỗi câu có từ 7 – 9 động tác.

Động tác kết hợp rất chặt chẽ giữa cương và nhu, bao gồm các bộ tay, bộ ngựa toàn diện, linh hoạt, các đòn thế tấn công và phòng thủ rất chặt chẽ, kín đáo và rất lợi hại. Bộ ngựa di chuyển nhẹ nhàng, nhanh lẹ làm trụ vững chắc tạo mọi điều tốt cho bộ tay hoạt động (túc bất li địa). Bộ tay ra đòn mạnh, nhanh và rất lợi hại. Có lúc vờ thủ để đánh lừa đối phương, hay dụ đối phương vào thế vây hãm để tiêu diệt “Hư hư thật thật”.

Lần này Ban nghiên cứu chuyên đề đã thu thập, tổng hợp tất cả các tư liệu (kể cả tư liệu mới phát hiện). Phân tích và tiếp thu mọi ý kiến đóng góp của các võ sư, võ sĩ, nhà nghiên cứu và nhiều nhà hiểu biết về võ nghệ trong và ngoài tỉnh. Dẫu sao chúng tôi nhận thấy cũng chưa thật hoàn chỉnh, chắc còn nhiều thiếu sót, rất mong các bậc sư huynh, các bậc võ sư cao niên và các bạn đồng nghiệp cho thêm ý kiến. Chúng tôi xin tiếp thu và cảm ơn.

Lời thiệu của bài Quyền Ngọc Trản (Chữ nôm):

1. Ngọc Trản Ngân Đài, tả hữu tấn khai
2. Hồi thập tự, liệng điệp liên hoa
3. Đả sát túc, tọa hồi mai phục
4. Tấn đả tam chiến, thối thủ nhị linh
5. Hoành tả tọa, Bạch Xà loan lộ
6. Tả hoành sát, Thanh Long biên giang
7. Phụ Tử tương tùy
8. Hoàng hữu tọa, Bạch xà loan lộ
9. Hữu hoành sát, Thanh Long biên giang
10. Phụ Tử tương tùy
11. Hồi phục địa Hổ, song phi quyển dực
12. Hạ Bàng dẫn đả
13. Hồi tiền tọa khai cung
14. Huỳnh Long quyển địa, tấn đả song quyền
15. Hoành tả phục Hạc khai linh
16. Trực tiền quyển địa, tấn đả song quyền
17. Hoành hữu phục Hạc khai linh
18. Trực tiền quyển địa, tấn đả song quyền
19. Diển Tý Ngọ, hồi hậu đả thập tự
20. Hồi tẩu Mã dương tiên, tam bộ lập như tiên.

Dịch tiếng Việt:

1. Chén ngọc trên đài bạc, tiến mở trái – phải
2. Trở về hình chữ thập, lá bay với hoa
3. Đánh phá chân, trở về ngòi núp
4. Tiến đánh ba bộ, lui thủ hai lần
5. Ngồi qua bên trái, Rắn trắng ra đường
6. Đá ngòi sang trái, Rồng xanh ra bờ sông
7. Cha Con theo nhau
8. Ngồi qua bên phải, Rắn trắng ra đường
9. Đá ngòi sang phải, Rồng xanh ra bờ sông
10. Cha Con theo nhau
11. Cọp núp xuống đất, Chuyển hai cánh tay
12. Đại bàng đánh xuống thấp
13. Trở về ngòi như mở cung
14. Rồng vàng cuộn đất, tiến đánh hải quyền
15. Hạc núp hướng trái
16. Tiến trước mở đất, đánh hai quyền một lúc
17. Hạc núp hướng phải
18. Tiến trước mở đất, đánh hai quyền một lúc
19. Mặt hướng Tý Ngọ, trở về sau đánh chữ thập
20. Trở về chạy Ngựa dong roi, ba bộ đứng như trước.

“Bái tổ”

A) DẪN GIẢI ĐỘNG TÁC BÀI QUYỀN NGỌC TRẦN

Ngọc trần, ngân dài:

* *Ngọc trần*: Ở bộ vị (H.3), tay phải đưa bên bắc lần theo thượng bộ từ trái qua phải. Cùng lúc chân trái bước lên trước một bước đứng theo tư thế ngựa kim kê. Đồng thời tay trái thủ quyền đâm ra trước theo quy tắc dương – âm quyền; tay phải đánh dục chỗ về sau, thủ dương quyền nơi thắt lưng hông bên phải. Hai mắt nhìn phía trước. (Hình 4)

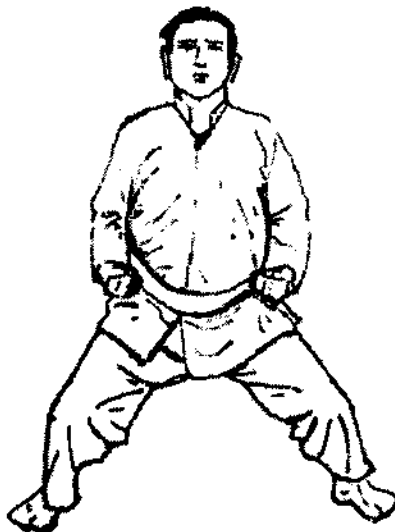
* *Ngân dài*: - Ở bộ vị (Hình 4) giữ y tư thế, tay trái xòe dương đao, đánh theo hướng đao từ trái qua phải. Đồng thời, tay phải đánh thẳng nắm quyền từ dưới lên trên, cùng lúc dương đao tay trái thủ dưới chỗ tay phải, nơi hông tay bên phải. Hai mắt nhìn phía trước (H.5).

Tả hữu, Tấn, Khai, Thập tự:

* *Tả*: - Ở bộ vị (H.4) tay trái bắt dương đao lên từ phải sang. Đồng thời chân phải bước lên phía trước một bước, đứng theo tư thế ngựa kim kê. Cùng lúc, tay phải đánh âm đao từ trên xuống. Đồng thời âm – dương đao đâm thẳng ra phía trước. Hai mắt nhìn thẳng trước (H.6).



H.1



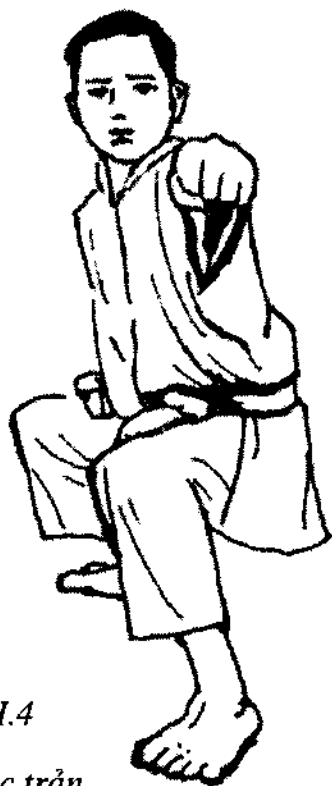
H.2



H.3

Bái

tổ



H.4
Ngọc trản



H.5
Ngân đài



H.6

Tả



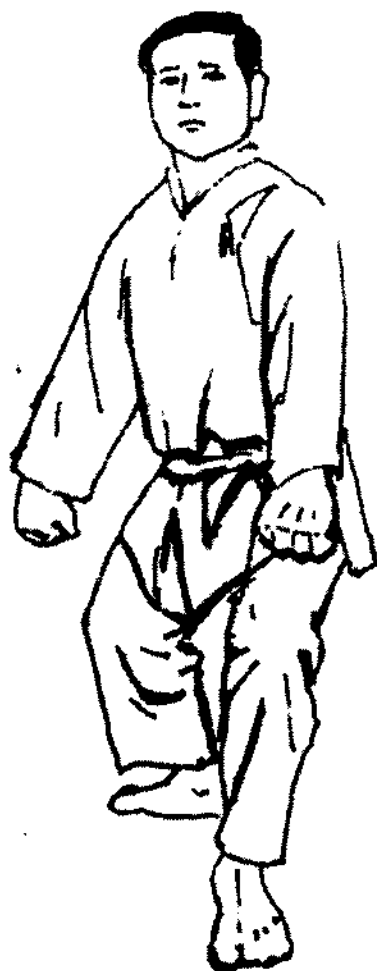
H.7

Hữu



H.8

Tấn



H.9

Khai



H.10

Thập tự

* *Hữu:* Ở bộ vị (H.6), tay phải bắt dương đao lên từ trái sang phải. Đồng thời chân trái bước tới phía trước một bước, đứng theo tư thế ngựa kim kê. Cùng lúc tay trái đánh âm đao từ trên xuống. Đồng thời, âm – dương đao đâm thẳng ra trước. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.7).

* *Tấn:* - Ở bộ vị (H.7) chân phải ở sau bước tới một bước, đứng theo tư thế ngựa kim kê. Cùng lúc tay phải thủ dương quyền, tay trái thủ âm quyền đánh thẳng từ phải, trái vào thủ âm dương quyền nơi trước ngực. Hai mắt nhìn về phía trước (H.8).

* *Khai:* - Ở bộ vị (H.8), chân phải ở trước bỏ về phía sau một bước, đứng theo tư thế ngựa tứ bình, cùng lúc hai âm – dương quyền mở (xé) từ trong ra hai bên trái, phải ở phần trung bộ. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.9).

* *Thập tự:* - Ở bộ vị (H.9), chân phải ở sau giở lên, bỏ nhảy về phía sau một bước, đồng thời ngồi sát xuống; cùng lúc chân trái ở trước kẹp sát nhượng, bàn chân thẳng xuôi lót sát vào mông đít bên trái, trụ theo ngựa Thập Tự. Cùng lúc tay phải ở sau nắm dương quyền thủ ngang trên trán, tay trái ở trước nắm âm quyền thủ dưới mông đít bên trái. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.10).

Luyện điệp Liên Hoa (Đánh ba lần)

* *Lần 1*: - Ở bộ vị (H.10) tay trái bắt âm chuông lên, từ phải sang trái. Cùng lúc ngựa nhõm đứng lên, chân phải ở sau bước tới trước một bước, đứng tư thế ngựa kim kê. Đồng thời tay phải đánh dương chuông theo. Cùng lúc đánh thẳng hai chuông âm – dương ra phía trước. Hai mắt nhìn phía trước (H.11).

* *Lần 2*: - Ở bộ vị (H.11) tay phải bắt âm chuông lên từ trái sang phải. Đồng thời chân trái bước tới trước một bước, đứng tư thế ngựa kim kê, cùng lúc tay trái đánh dương chuông theo. Đồng thời đánh thẳng hai chuông âm – dương ra trước. Hai mắt nhìn phía trước (H.12).

* *Lần 3*: - Ở bộ vị (H.12) tay trái lại bắt âm chuông lên từ phải sang trái, chân phải ở sau bước tới một bước, đứng tư thế ngựa kim kê. Cùng lúc tay phải đánh dương chuông theo, đồng thời hai âm chuông ra phía trước. Hai mắt nhìn thẳng phía trước. (H.13).

Đả sát túc, Tọa, hồi mai phục

* *Đả sát túc*: - Ở bộ vị (H.13) chân trái ở sau đá thẳng ra trước. Ngồi thấp ngựa xuống, cùng lúc tay trái ở trước đâm thẳng nắm quyền từ trên xuống đất. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.14).



H.11

Luyện



H.12

Diệp



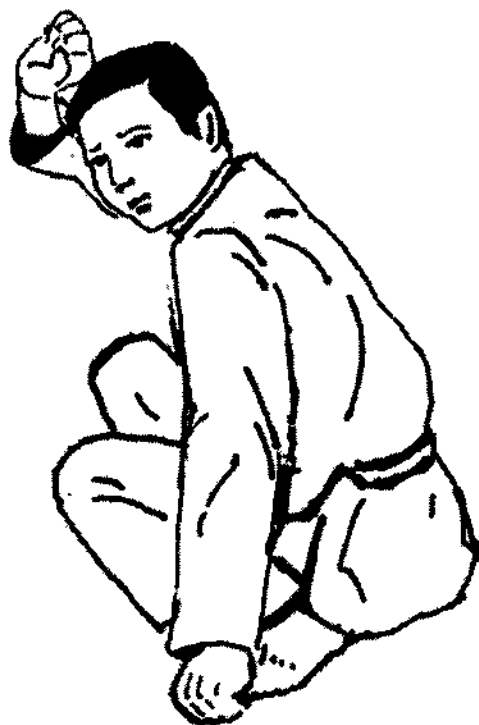
H.13

Liên Hoa



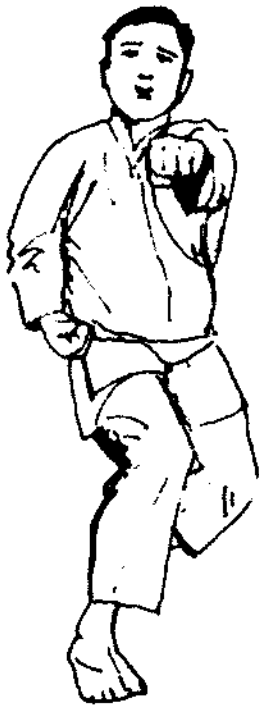
H.14

Đả sát túc



H.15

Tọa, hồi mai phục



H.16



H.17



H.18

Tấn đả tam chiến

* Tọa, hồi mai phục: - Ở bộ vị (H.14) chân phải ở sau giở lên cùng lúc nhảy về sau một bước. Tọa ngựa, tay phải thủ dương quyền ngang trên trán. Tay trái thủ âm quyền trước gối chân trái ở trước. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.15).

Tấn đả tam chiến.

* *Lần 1:* - Ở bộ vị (H.15), nhồm ngựa lên, chân phải bước tới trước một bước đứng theo tư thế ngựa kim kê. Cùng lúc tay phải đánh dương quyền từ trên xuống, từ phải sang trái. Đồng thời tay trái ở sau nơi hông bên trái đâm thẳng quyền ra trước theo âm dương quyền. Tay phải thu về thủ nơi hông phải. Hai mắt nhìn phía trước (H.16).

* *Lần 2:* - Ở bộ vị (H.16), tay trái giữ y tư thế, chân trái ở sau, bước tới trước một bước, đứng theo tư thế ngựa kim kê. Cùng lúc tay trái đánh quyền từ trên

xuống theo dương quyền. Đồng thời tay phải ở sau đâm thẳng âm dương quyền từ hông phải ra trước. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.17).

* *Lần 3:* - Ở bộ vị (H.17), tay phải giữ y thế, chân phải ở sau bước tới trước một bước, đứng theo tư thế ngựa kim kê. Cùng lúc tay phải đánh quyền từ trên xuống theo dương quyền đồng thời tay trái ở sau đâm thẳng dương âm quyền từ hông trái ra trước. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.18).

Thoái thủ nhị linh:

- Ở bộ vị (H.18) chân phải ở trước, bỏ về sau một bước, đứng ngựa theo tư thế ngựa kim kê. Đồng thời đánh thẳng sát hai nắm quyền từ dưới lên trên theo chiều hai mu bàn tay hướng về phía trước. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.19).

Hoành tả, Tọa, Bạch xà lan lộ.

* *Hoành tả:* - Ở bộ vị (H.19) chân trái ở trước, bỏ qua bên trái một bước đứng theo tư thế ngựa ngang về bên trái. Đồng thời tay trái thủ âm quyền ngang trên trán; tay phải thủ dương quyền theo hông bên phải. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.20).

* *Tọa:* Ở bộ vị (H.20) chân trái ở bên tả, giở lên nhảy về bên trái một bước, đồng thời tọa ngựa xuống. Tay trái thủ âm quyền ngang trên trán, tay phải thủ dương quyền trước gối bên phải. Hai mắt nhìn phía trước (H.21).

* *Bạch xà lan lộ:* - Ở bộ vị (H.21), chân phải bước tới trước một bước, đứng theo tư thế bộ hạ; cùng lúc thân pháp hướng ra phía trước, ngực bên phải áp sát chân phải ở phía trước. Đồng thời tay phải ở phía trước thủ xà chỉ đánh thẳng từ sau ra trước; tay trái đánh xà chỉ về sau. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.22).

Hữu hoành sát, Thanh long biên giang.

* *Hữu hoành sát:* - Ở bộ vị (H.22), chân phải ở trước đánh xé ngang qua bên phải, đồng thời tay phải thủ âm quyền theo chân phải, tay trái thủ dương quyền trên trán. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.23).

* *Thanh long biên giang:* - Ở bộ vị (H.23), giữ y bộ vị ngựa, tay phải đánh âm quyền từ dưới lên, tay trái đánh dương quyền từ trên xuống. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.24).



H.19

Thoái thủ nhị linh



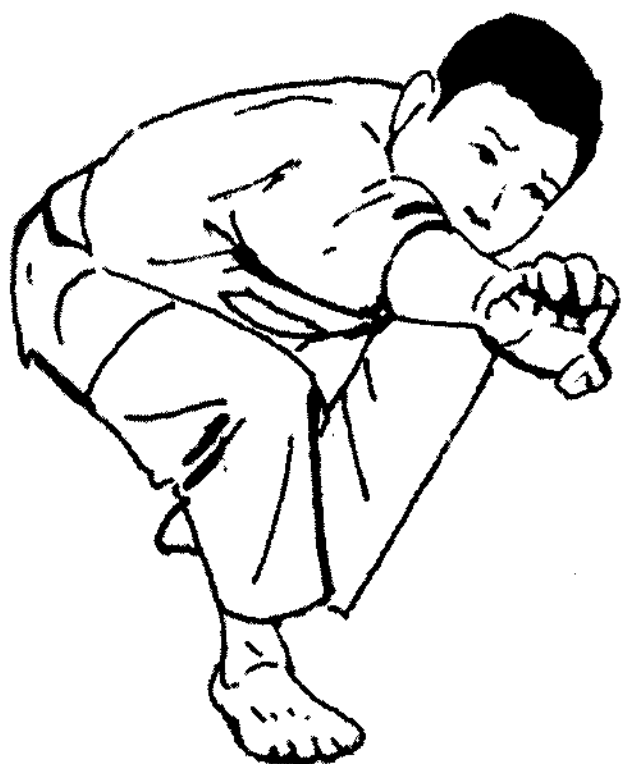
H.20

Hoành tả



H.21

Tọa



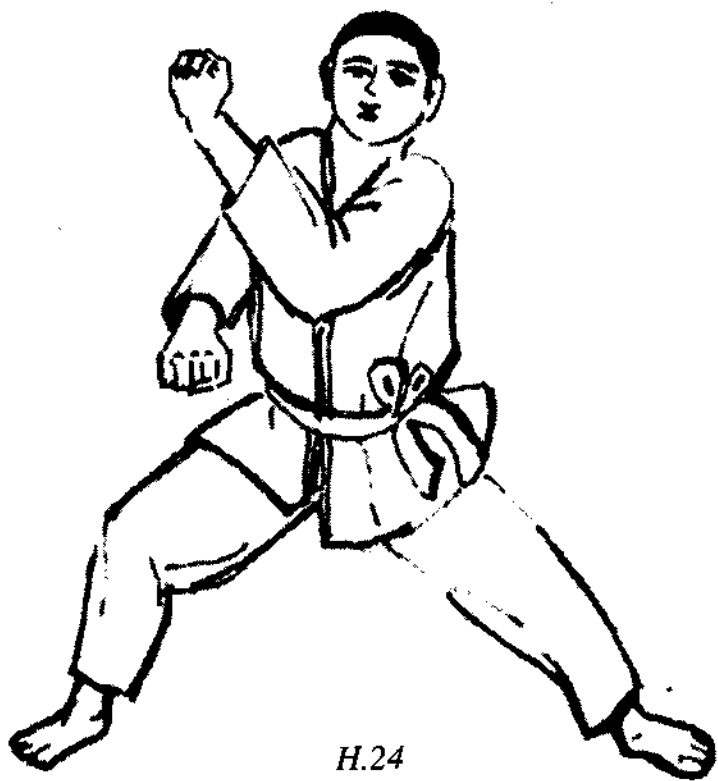
H.22

Bạch xà lan lộ



H.23

Hữu hoành sát



H.24

Thanh long biên giang



H.25

Phụ tử tương tùy



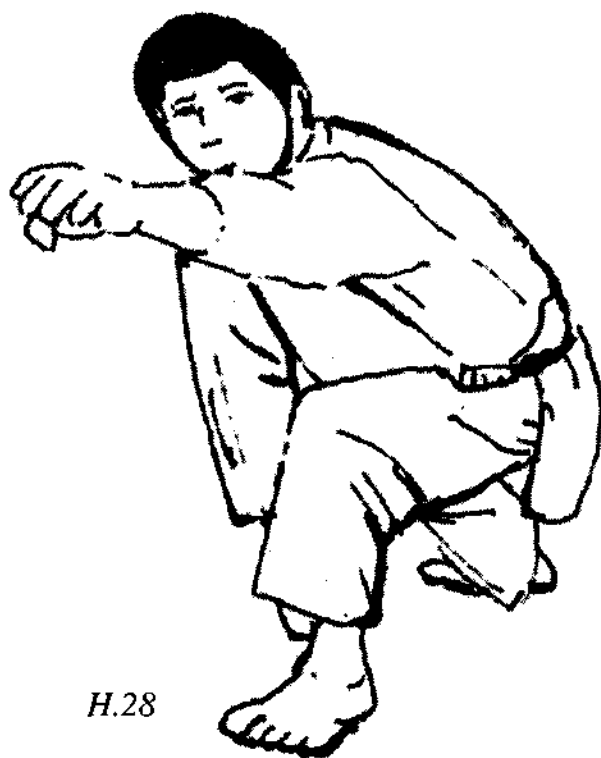
H.26

Hoành hữu



H.27

Tọa



H.28

Bạch xà lan lộ

Phụ tử tương tùy:

- Ở bộ vị (H.24), chân trái ở bên trái, bước tới trước một bước, đứng theo tư thế ngựa kim kê, cùng lúc hai tay áp sát hai âm quyền đánh thẳng từ dưới lên. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.25).

Hoành hữu, tọa, bạch xà lan lộ:

* *Hoành hữu*: - Ở bộ vị (H.25), chân phải ở sau, bỏ ngang qua bên phải một bước, đứng theo tư thế ngựa bên phải; đồng thời tay phải thủ âm quyền ngang trên trán; tay trái thủ dương quyền theo hông bên trái. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.26).

* *Tọa*: - Ở bộ vị (H.26), chân phải ở bên phải giở lên nhảy về bên phải một bước, đồng thời tọa ngựa xuống, tay phải thủ âm quyền ngang trên trán, tay trái thủ dương quyền trước gối bên trái. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.27).

* *Bạch xà lan lộ*: - Ở bộ vị (H.27), chân trái, bước tới trước một bước, đứng theo tư thế bộ hạ, cùng lúc thân pháp hướng ra phía trước, ngực bên trái áp sát gối bên trái ở phía trước. Đồng thời tay trái ở trước thủ xà chỉ đánh thẳng từ sau ra trước, tay phải đánh xà chỉ về sau. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.28).

Tả hoành sát, Thanh long biên giang:

* *Tả hoành sát*: - Ở bộ vị (H.28), chân trái ở trước đánh xé ngang bên trái, đồng thời tay trái thủ âm quyền theo chân trái, tay phải thủ dương quyền trên trán. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.29).

* *Thanh long biên giang*: - Ở bộ vị (H.29), giữ tư thế ngựa, tay trái đánh âm quyền từ dưới lên, tay phải đánh dương quyền từ trên xuống. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.30).

Phụ tử tương tùy:

- Ở bộ vị (H.30), chân phải ở bên phải bước tới trước một bước, đứng theo tư thế ngựa kim kê, cùng lúc hai tay áp sát hai âm quyền đánh thẳng từ dưới lên. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.31).

Hồi tàng địa hổ:

- Ở bộ vị (H.31), chân phải ở trước, bỏ theo phía trước về phía sau một bước. Đồng thời tay phải đánh vát dương chưởng từ sau ra trước, từ dưới lên trên, tay trái thủ âm chưởng trên trán; cùng lúc chân trái giở lên, nhảy về phía

sau một bước, trụ theo tư thế hổ tấn. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.32).

Song phi quyền dục:

* *Song phi*: Đá, đánh ba lần.

- Ở bộ vị (H.32) nhún nhảy cao người trên mặt đất, đồng thời chân trái đá theo phía trước, cùng lúc tay trái đánh dương quyền theo từ trên xuống dưới. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.33).

- Ở bộ vị (H.33), tiếp tục nhảy cao người đá chân phải ra phía trước, cùng lúc tay phải đánh dương quyền theo từ trên xuống dưới. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.34).

- Ở bộ vị (H.34), tiếp tục nhảy cao người đá chân trái ra phía trước, đồng thời đánh dương quyền tay trái từ trên xuống dưới. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.35).

* *Quyển dục*: Ở bộ vị (H.35), chỏ tay trái đánh cuộn tròn từ trước ra sau, đồng thời đánh dục chỏ trái từ sau ra trước. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.36).

Hạ bàn, đoản đả:

* *Hạ bàn*: - Ở bộ vị (H.36), chân phải ở trước đánh xé ngang gót chân sát mặt đất từ phải sang trái, đồng thời tay trái đánh vót âm quyền theo từ phải sang trái, từ dưới lên trên. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.37).

* *Đoản đả*: - Ở bộ vị (H.37), giữ y bộ vị, tay phải ở bên phải đánh thẳng dương quyền từ sau ra trước, từ trên xuống dưới. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.38).

Ở bộ vị (H.38), chân phải ở bên phải đạp thẳng gót chân ra phía trước. Hai mắt nhìn phía trước (H.39).

Hồi tiểu tọa, khai, cung:

* *Hồi tiểu tọa*: Ở bộ vị (H.39) chân trái ở sau giở lên nhảy về sau một bước, tọa ngựa, tay phải thủ dương quyền nơi gối chân phải ở trước, tay trái thủ âm quyền trên trán. Hai mắt nhìn phía trước (H.40).

* *Khai, cung*: - Ở bộ vị (H.40), chân trái ở sau bước tới trước một bước, đứng theo tư thế ngựa tứ bình. Đồng thời đánh xé hai nắm quyền từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài. Hai mắt nhìn phía trước (H.41).



H.29

Tả hoành sát



H.30

Thanh long biên giang



H.31

Phụ tử tương tùy



H.32

Hồi tàng địa hổ



H.33



H.34



H.35

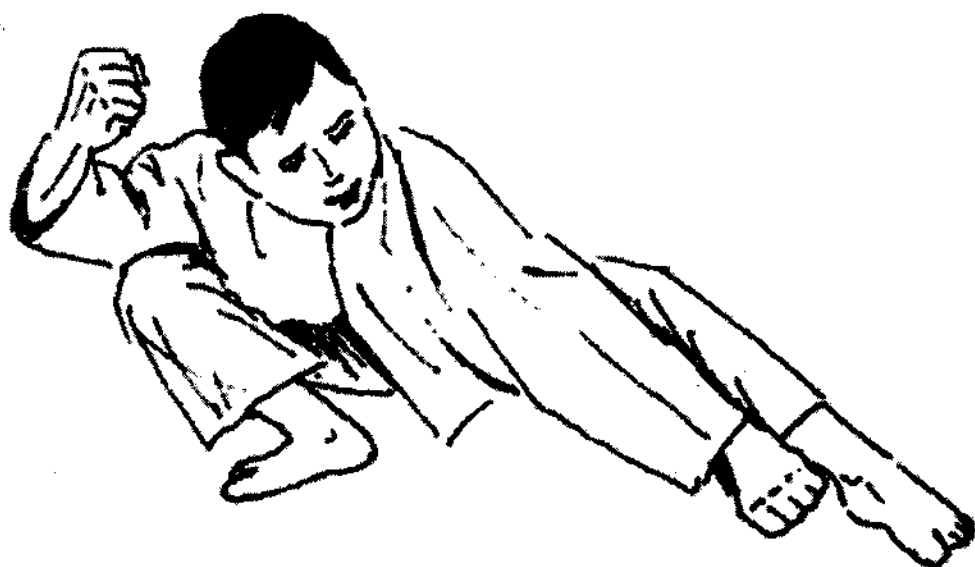
Song

Phi



H.36

Quyển dục



H.37

Hạ bàn



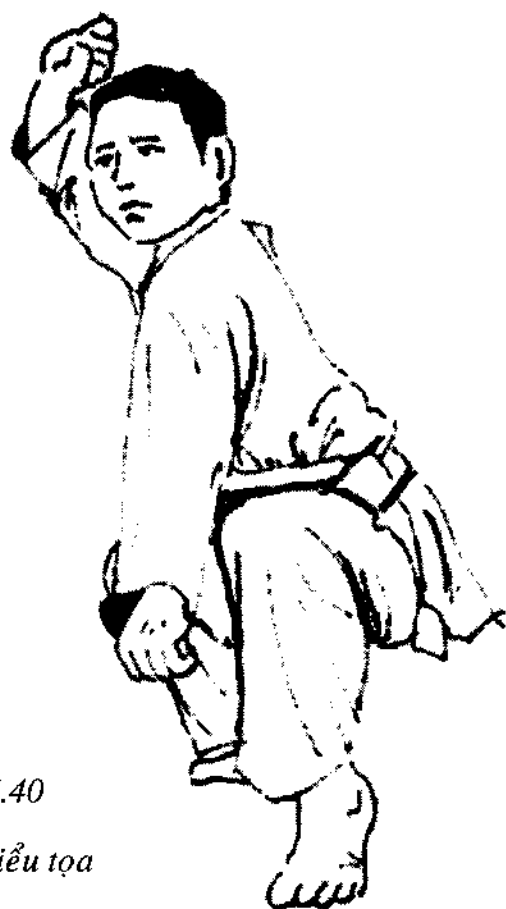
H.38

Đoàn



H.39

Đả



H.40
Hồi tiểu tọa



H.41
Khai



H.42

Cung

- Ở bộ vị (H.41), chân phải ở sau bước tới trước một bước, đứng theo tư thế ngựa kim kê. Cùng lúc tay phải thủ dương quyền, tay trái thủ âm quyền đánh móc ngang từ ngoài vào trong, âm – dương quyền thủ trước ngực. Hai mắt nhìn phía trước (H.42).

Huỳnh long quyền địa

- Ở bộ vị (H.42), chân trái ở sau bỏ về sau một bước. Đồng thời triển người về phía sau. Hai bàn tay chụp xuống sát mặt đất, cùng lúc đánh ngược lại từ dưới lên, từ sau ra trước. Hai mắt nhìn phía trước (H.43).

- Ở bộ vị (H.43), bàn chân trái ở sau rút đưa lên sát bàn chân phải ở trước, đồng thời chân phải ở trước bỏ về sau một bước, thân người triển về phía sau, cùng lúc chụp hai bàn tay xuống sát mặt đất. Đồng thời đánh ngược lại từ dưới lên, từ sau ra phía trước. Hai mắt nhìn phía trước (H.44).

Tấn, đả, song quyền:

* *Tấn*: - Ở bộ vị (H.44), giữ y bộ vị, tay phải ở sau đâm thẳng âm quyền ra trước, tay trái thủ dương quyền nơi hông trái. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.45).

* *Đả*: - Ở bộ vị (H.45) chân phải ở sau đá trước thẳng gót chân từ sau ra trước. Hai mắt nhìn phía trước (H.46).

* *Song quyền*: - Ở bộ vị (H.46), tay trái ở sau đang thủ dương quyền đâm thẳng âm quyền ra phía trước. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.47).

- Ở bộ vị (H.47), giữ y bộ vị ngựa, chân phải ở trước, chân trái sau; tay phải ở trước đang thủ dương quyền, đâm thẳng âm quyền ra trước. Hai mắt nhìn phía trước (H.48).

Hoành tả, phục hạc khai linh.

* *Hoành tả*: - Ở bộ vị (H.48), chân trái ở sau bỏ ngang qua bên trái một bước, đứng theo tư thế ngựa kim kê, tay trái thủ âm quyền trên trán, tay phải thủ dương quyền nơi hông đùi phải. Hai mắt nhìn phía trước (H.49).

** Phục hạc khai linh*

- Ở bộ vị (H.49), chân trái ở bên trái, bước tới trước một bước, đứng theo tư thế ngựa kim kê. Cùng lúc tay trái đánh âm chưởng theo từ trên xuống, tay trái sang phải. Tay phải thủ dương chưởng trên trán. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.50).

- Ở bộ vị (H.50), giữ y bộ vị, tay trái ở trước tiếp tục đánh ngược lại theo dương chưởng. Hai mắt nhìn phía trước (H.51).

- Ở bộ vị (H.51), giữ y tư thế ngựa, hai tay thủ hạc chỉ, tay trái ở trước đánh hạc chỉ từ trên xuống; tay phải ở sau đánh hạc chỉ từ dưới lên. Hai tay thủ theo hạc chỉ âm dương. Hai mắt nhìn phía trước (H.52).

Trực tiền quyền địa

- Ở bộ vị (H.52), chân phải ở sau, quét bàn chân sát mặt đất cong tròn từ sau ra trước, đứng theo tư thế ngựa bộ hạ. Cùng lúc hai tay bắt đánh hai dương quyền từ trên xuống, đồng thời đánh móc thẳng hai nắm quyền từ dưới lên. Hai mắt nhìn phía trước (H.53).



H.43



H.44

Huỳnh Long quyền địa



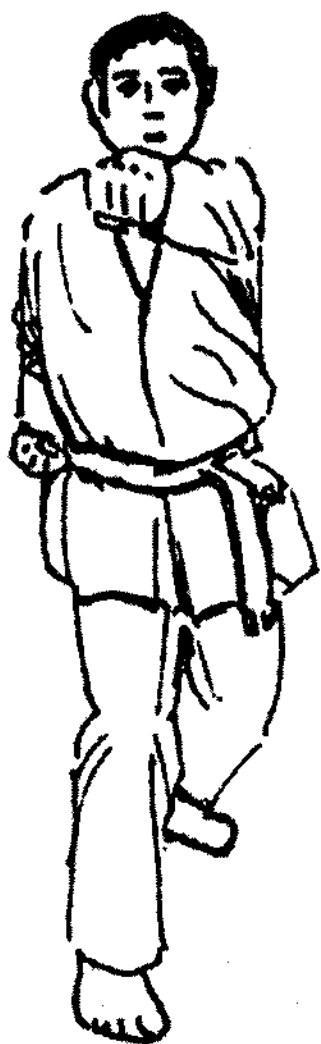
H.45

Tấn



H.46

Đả

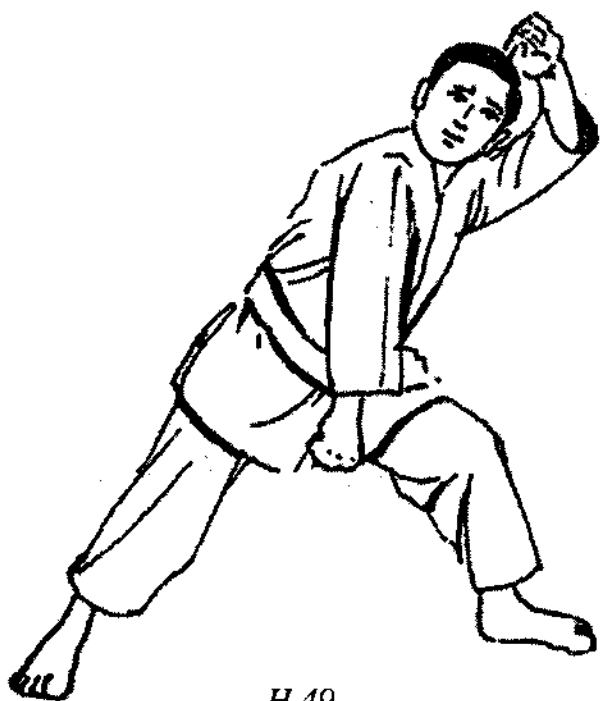


H.47



H.48

Song quyền



H.49

Hoành tả



H. 50



H. 51

Phục hạc



H.52

Khai linh



H.53

Trục tiền quyền địa

Tấn, đả, song quyền

* *Tấn*: - Ở bộ vị (H.53), giữ y thế ngựa, tay trái ở sau nắm thẳng năm quyền ra phía trước. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.54).

* *Đả*:

- Ở bộ vị (H.54), chân trái ở sau đá thẳng từ sau ra trước. Hai mắt nhìn phía trước (H.55).

* *Song quyền*:

- Ở bộ vị (H.55), giữ y tư thế ngựa chân trái trước, chân phải sau. Đồng thời tay phải ở sau nắm thẳng năm quyền ra phía trước. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.56).

- Ở bộ vị (H.56), giữ y bộ vị, tay trái ở trước tiếp tục nắm thẳng năm quyền ra phía trước. Hai mắt nhìn phía trước (H.57).

Hoành hữu, phục hạc khai linh

* *Hoành hữu*: - Ở bộ vị (H.57), chân phải ở sau, bỏ ngang qua bên phải một bước, đứng theo tư thế ngựa ngang, tay phải thủ âm quyền trên trán, tay trái thủ dương quyền nơi mông đùi chân trái. Hai mắt nhìn phía trước (H.58).

* *Phục hạc khai linh*:

- Ở bộ vị (H.58), chân phải ở bên phải, bước tới trước một bước, đứng theo tư thế ngựa kim kê. Cùng lúc, tay phải đánh căn chưởng theo từ trên xuống, từ phải sang trái; tay trái thủ dương chưởng trên trán. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.59).

- Ở bộ vị (H.59), giữ y bộ vị, tay phải ở trước tiếp tục đánh ngược lại theo dương chưởng. Hai mắt nhìn phía trước (H.60).

- Ở bộ vị (H.60), giữ y tư thế ngựa, hai tay thủ hạc chỉ, tay phải ở trước, đánh hạc chỉ từ trên xuống, tay trái ở sau đánh hạc chỉ từ dưới lên. Hai tay thủ theo hạc chỉ âm – dương. Hai mắt nhìn phía trước (H.61).

Trực tiền quyền địa

- Ở bộ vị (H.61), chân trái ở sau, quét bàn chân sát mặt đất cong tròn từ sau ra trước, đứng theo tư thế ngựa bộ ba. Cùng lúc hai tay bắt đánh hai dương

quyền từ trên xuống, đồng thời đánh móc thẳng hai nắm quyền từ dưới lên. Hai mắt nhìn phía trước (H.62).



H.54



H.55

Tấn đả



H.56
song



H.57
quyền

Tấn, đả, song quyền:

* *Tấn*: - Ở bộ vị (H.62), giữ y tư thế ngựa, tay phải ở sau đâm thẳng nắm quyền ra phía trước. Hai mắt nhìn phía trước (H.63).

* *Đả*: - Ở bộ vị (H.63), chân phải ở sau, đá thẳng từ sau ra trước. Hai mắt nhìn phía trước (H.64).

* *Song quyền*: - Ở bộ vị (H.64), giữ y tư thế ngựa, chân phải trước, chân trái sau. Đồng thời tay trái ở sau đâm thẳng ra phía trước. Hai mắt nhìn phía trước (H.65).

Ở bộ vị (H.65) giữ y bộ vị, tay phải ở trước, tiếp tục đâm thẳng nắm quyền ra phía trước. Hai mắt nhìn phía trước (H.66).



H.58

Hoàng hữu



H.59



H.60

Phục hạc



H.61

Khai linh



H.62

Trục tiền quyền địa



H.63
Tấn



H.64
Dả



H.65



H.66

Song quyền

Hướng hậu dả Thập Tự:

* *Hướng hậu dả*: - Ở bộ vị (H.66), chân trái ở sau, đá theo chiều sau lưng, cùng lúc thu chân về vị trí ngựa trước khi đá. Hai mắt nhìn phía trước (H.67).

* *Thập tự*: - Ở bộ vị (H.67), chân trái ở sau gối lên, nhảy về sau một bước, tọa ngựa theo tư thế ngựa Thập Tự. Hai mắt nhìn phía trước (H.68).

Diện Tý

- Ở bộ vị (H.68), chân trái ở sau bỏ sang bên trái một bước, đứng theo tư thế ngựa ngang. Cùng lúc, tay trái đánh móc nắm quyền từ dưới lên, từ phải qua trái. Tay phải thủ âm quyền nơi cùi chỏ tay trái. Hai mắt nhìn phía trước (H.69).

Hồi tẩu mã giang tiên:

* *Hồi tẩu mã*: - Ở bộ vị (H.69), giữ y tư thế ngựa, tay trái đánh dương quyền từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. Tay phải thủ âm quyền ngang trên trán. Hai mắt nhìn thẳng phía trước (H.70).

* *Giang tiên*: - Ở bộ vị (H.70), chân trái ở bên trái, bước tới trước một bước, đứng theo tư thế ngựa kim kê, cùng lúc, tay trái đánh móc thẳng nắm quyền từ dưới lên trên. Tay phải thủ âm quyền kề nơi chỏ tay trái. Hai mắt nhìn phía trước (H.71).

(Những động tác bái tổ hết bài thảo)

Bái tổ, lập như tiên:

- Ở bộ vị (H.71), chân phải ở sau, bước tới trước một bước, bỏ về bên phải, đứng theo tư thế ngựa tứ bình. Cùng lúc tay phải thủ dương chưởng, tay trái thủ âm chưởng, áp sát nhau, thủ trước ngực, bái tổ. Hai mắt nhìn phía trước (H.72)



H.67

Hướng hậu dả



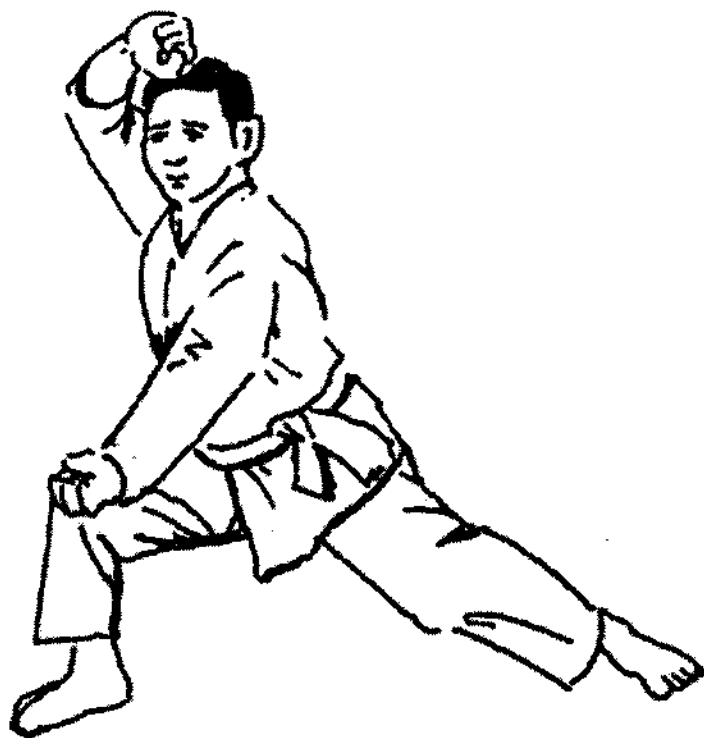
H.68

Thập tự



H.69

Điện tý



H.70

Hồi tẩu mã



H.71
Giang tiên



H.72
Bái tổ, lập như tiên



Hình 115

Ngọc Trản biến thể: Đại ấn chuông

A. Khi sử dụng thế Ngọc Trản để móc hàm hạ đối phương, lúc này B sẽ có phản xạ tự nhiên và vung tay phải lên gạt vòng qua trước mặt để tránh đòn. A phải tức tốc lật ngược lòng bàn tay theo chiều tay gạt của B và đánh ngược lòng bàn tay vào cằm của B (H. 116).



Hình 116

Ứng trảo công

A. Đang sử dụng thế Đại ấn chưởng đánh ngược mặt của B. Thuận đà ấy A cong 5 ngón tay lại và chụp mạnh xuống mắt của đối phương. Động tác này A cần phải thật nhạy và chính xác. Thế này gọi là Ứng trảo công (H.117).

Đại Bàng chuyển thủ

B. Lâm vào thế Ứng trảo cực kỳ hiểm ác của A, lúc này phải nhanh như chớp cung tay trái lên ngang tầm vai và cúi gằm mặt xuống. Thế này gọi là Đại Bàng chuyển thủ (H. 118). Tấn chân trái tới trước đầu gối trái, kê sau chân phải



Hình 117

của A, đồng thời tay trái tấn mạnh cánh tay phải của A và xốc 4 ngón tay chĩa thẳng vào mắt của A. Triệt thế đối phương tiếp theo đó gạt vòng tay trái qua mặt đối phương. Thế này gọi là Liệng điệp liên hoa (H. 119). Cung tay phải đánh chéo vào huyệt thái dương của A. Thế này gọi là Tấn đả tam chiến (H. 120).

Hồi phát địa Hổ

A. Dưa vòng chân phải ra sau về hướng trước mặt chuyển thân nép nghiêng người ra sau, hai bàn tay xòe ra úp xuống đất, mắt nhìn về đối thủ. Thế này

tránh đòn tấn công của B rất tốt và tạo điều kiện thuận lợi để phản công và được gọi là thế Hồi phát địa Hổ (H. 121).



Hình 118



Hình 120



Hình 121

Thanh Long cước

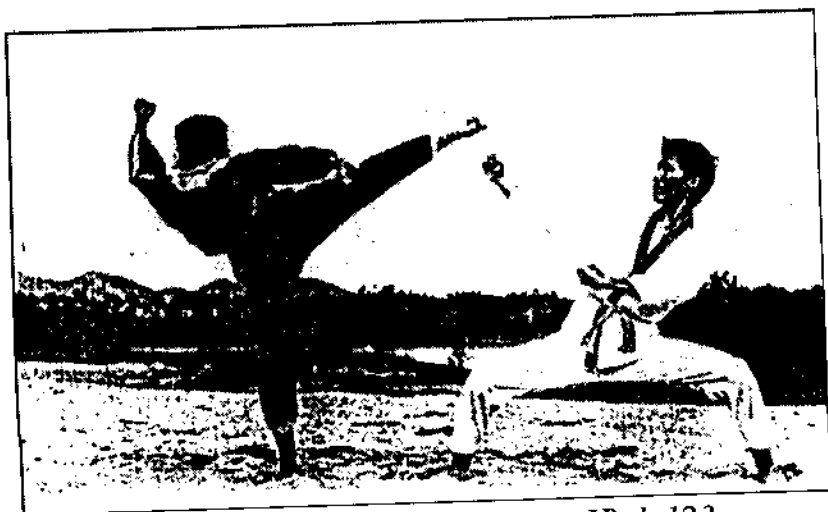
A. Đang ở tư thế Hồi phát địa Hổ, lướt người tới trước, tay phải gạt vòng xuống ra sau lưng, đồng thời kéo gối phải lên cùng lúc tay trái đỡ lên và đập chân phải vào mặt đối phương. Đây là thế Thanh Long cước (H. 122).

Nhị linh quyền

B. Gạt vòng tay trái lên mặt, đồng thời nhảy xích lui ra sau bằng hai chân một lúc. Tay phải ngăn hạ bộ, mắt nhìn thẳng về phía A. Thế này gọi là Nhị linh quyền (H. 123).

Song phi cước

A. Tung người nhảy lên cao về phía trước, vừa nhảy vừa xoay người co chân trái đập thẳng vào mặt B, bàn chân phải co úp gần hạ bộ.



Hình 122

Hình 123

B. Phải thật nhanh nghiêng người ra sau tránh đòn đạp của A. Thế này gọi là Song phi cước (H. 124).



Hình 124

Đại Bàng triển dục

A. Ở tư thế Kim Kê tấn

B. Tư thế Hồng Hổ tấn

B. Co chân phải đá vòng lên huyết thái dương của A bằng ống chân.

A. Đưa tay trái đỡ lên về phía trước mặt, đồng thời nhanh nhẹn bước chân phải lên cận sát đối phương, gập tay phải đánh cùi chỏ tạt ngang quai hàm của B. Thế này gọi là Đại Bàng triển dục (H. 125). Sử dụng thế này phải thật nhanh nhẹn kịp lúc để đối phương không thể nào hồi thủ và phản công.



Hình 125'

Phụ Tử tương tùy

Xòe hai bàn tay, ngón cái co vào lòng bàn tay bốn ngón khít chặt lại, hai cánh tay để chéo vào nhau đâm thẳng 8 đầu ngón tay vào hai bên máng cổ của đối phương. Ngọn thế này là thế phản công ta sẽ áp dụng khi nào đánh hoặc gạt hai tay của đối phương để trống về hướng trực diện và chân trước của ta chặn triệt được chân tấn của đối thủ mới sử dụng. Đây là thế Phụ Tử tương tùy (H. 126).



Hình 126

B- ROI (CÔN)

Roi nằm trong loại binh khí dài gồm hai loại: roi dài (Trường Côn) và roi ngắn (Đoản Côn). Roi làm bằng loại gỗ dẻo hoặc tre đặt. Cao bằng đầu người. To nhỏ tùy theo bàn tay lớn nhỏ. Roi là một nội dụng võ phổ thông chiếm khoảng 30 – 40% tập luyện ở các võ đường. Roi Thuận Truyền do võ sư nổi tiếng Cao Miên, Hồ Ngạnh. Đường roi bí truyền của ông vẫn giữ gìn và lưu truyền trong dân gian mãi đến nay. Qua khảo sát và truy tìm hiện nay ở Bình Định có rất nhiều võ đường giỏi về roi như: võ đường Lý Xuân Cảnh (Lý Xuân Hỷ) ở An Nhơn, võ đường Hà Trọng Sơn, Phi Long Vĩnh và phái võ ở Chùa Long Phương, ở Tuy Phước. Võ đường Phan Thọ ở Tây Sơn v.v.. Nhiều võ sư tiền bối ở thời Tây Sơn có đồ đốc Trần Văn Lộc với bài roi “không tiên”. Thầy dạy Hồ Ngạnh là Hồ Khiêm với đường roi tuyệt kỹ là “Lạc Côn”. Đường roi có một không hai “Dựa sức đối phương để đánh lại đối phương” thường gọi là “cộng lực”. Còn các đường roi bí truyền như: “Đâm so đũa” “Đá văng roi” và “phá vây” v.v.. đó là những đặc trưng của võ cổ truyền Bình Định.

Ban nghiên cứu chuyên đề võ cổ truyền Bình Định đã sưu tầm thu thập được 80 bài roi. Trong đó có 1/2 có lời thiệu. Trong một số bài không có lời thiệu cũng được lưu hành rộng rãi ở Bình Định, nhưng chưa xác định được có phải là của Bình Định hay không?

B.1. CÁC PHÁCH ROI CƠ BẢN CỦA VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

Cấu tạo một bài roi cũng bao gồm hai phần: lời thiệu và động tác. Lời thiệu thường là thể thơ, ca dao dân gian v.v.. Động tác bao gồm động tác riêng lẻ đến động tác liên hợp, các đòn thế tấn công và không thủ theo các phách cơ bản như:

1. Bát, bắt, triệt, châm: sử dụng các phách này nặng về thủ để triệt phá hết các đòn tấn công của đối phương dụ đối phương vào vòng vây để thuận bề sát thủ đối phương nếu đối phương phát hiện né tránh thì lập tức ra đòn “đâm so đũa”.

2. Hoành, khắc, lắc, tэм

Sử dụng các phách này là vừa thủ vừa công.

Phân tích từng phách như sau:

- Bát: là trừ thế đánh bổ từ trên xuống của đối phương.
- Bắ: là trừ đòn đâm từ nửa thân trên của đối phương.
- Triệt: là trừ đòn đánh tạc ngang sườn của đối phương.
- Chận: là trừ thế đánh phát cờ của đối phương.

Nói chung là trừ để dụ đối phương “trả bại” để tấn công trả đòn lại đối phương.

- Hoành: Hoành roi bên trái rồi bên phải để lựa thế thuận tiện để tấn công đối phương.

- Khất: tức là khắc dần roi của đối phương vắng ra xa để phá đòn tấn công của họ.

- Lắc: Trừ và né đòn tấn công đâm thẳng từ thất lưng trở lên của đối phương.

- Tém: Tém gạt tất cả đầu roi đòn đâm thẳng của đối phương. Cần lưu ý khi sử dụng các phách này như sau:

- Dùng thủ để công.
- Trước thủ sau công.
- Trừ công để thủ.
- Thủ giả công thật.

Khi sắp trận đối phương tranh thủ tấn công trước thì buộc ta phải sử dụng “dùng thủ để công”. Thủ không được thụ động, mà phải dùng các phách hợp lý để triệt tiêu đòn tấn công đối phương rồi ra đòn tiêu diệt đối phương. Hay dùng “trước thủ sau công” cũng là thế thủ có thể giả vờ “trả bại” để dụ đối phương vào thế đánh của ta. Hay có lúc dùng “trừ công để thủ” khi đã trừ được các đòn tấn công của đối phương rồi thì không nên tấn công ngay mà phải thủ cho kín chặt không cho đối phương ra đòn tấn công tiếp. Sau khi thủ xem xét phán đoán rất nhanh để xem đối phương phản ứng ra sao mà có đối sách thích hợp. Có thể thủ giả công thật. Để đánh lừa đối phương tưởng ta yếu mệt rồi tấn công ta, lúc đó ta phải nhanh chóng chuyển thủ thành công.

B.2. ROI CHIẾN, ROI TRẬN VÀ ROI ĐẤU TRONG VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

Trong nội dung roi có nhiều môn, mỗi môn có nhiều bài gồm bài biểu diễn

và bài thi đấu. Trong bài biểu diễn gồm bài quy định và bắt buộc theo quy chế thi đấu hiện nay do liên đoàn võ cổ truyền Việt Nam quy định. Thời trước xa xưa về roi cũng có bài biểu diễn để phục vụ cho các ngày lễ hội. Già trẻ, gái trai đều tham gia biểu diễn. Biểu diễn tự nhiên để phục vụ lễ hội, phục vụ nhân dân chứ không phải để đạt thành tích như hiện nay, do đó không có quy chế, không có giám sát, trọng tài gì cả, còn roi thi đấu mang tính chất đối kháng có các loại hình như sau:

1. Về roi chiến:

Là loại thi đấu đối giữa hai người và một người đánh lại nhiều người roi chiến không có bài bản chỉ sử dụng các đòn thế tấn công và phòng thủ. Hiện nay mỗi môn phái ở Bình Định có các đòn roi bí truyền và các bài riêng cho môn phái mình và khi sử dụng cũng khác nhau. Roi chiến có hai tác dụng sát phạt và tử thương, thứ hai là đánh phá công (phá vây) tùy theo số lượng đối phương nhiều hay ít mà sử dụng các đòn thế bí truyền.

Ví dụ: Hồ Ngạnh khi vào đánh với một võ sư người Minh Hương ở Phú Yên. Ông này võ nghệ cũng rất cao cường. Các bạn của Hồ Ngạnh đánh không lại Hồ Ngạnh bảo các bạn lui ra để ông xông trận. Hồ Ngạnh lừa thế trả bại, võ sư người Minh Hương đuổi theo. Trúng kế của Hồ Ngạnh nhanh chóng chiếm được vị trí lợi hại. Võ sư Phú Yên không chịu thua, hai bên lại tiếp tục đánh nhau quyết liệt. Hồ Ngạnh thành linh ra đòn tuyệt kỹ “đâm so đũa”. Đầu roi của ông đâm thủng bụng của đối phương ngã gục chết tại trận (đâm giả trước đâm thật sau).

Bí truyền đòn “Lạc Côn” của võ sư Bàu Đê, khi đánh nhau với một võ sư khác. Đang đánh ông thả rơi đầu roi xuống giữa hai chân. Đối phương tưởng ông rút roi xông tới để đánh, Bàu Đê dùng sức bật ngọn roi lên, đối phương hết đường tránh né bị hất té nhào. Nếu đối phương nặng quá hất không nổi, thì hất một chân làm cho đối phương mất trọng tâm ngã nghiêng.

Roi chiến dùng đánh phá vây khi một người chống lại nhiều người, một người đánh năm người gọi là “roi năm”. Một người đánh 10 người gọi là “roi mười”. Cứ như thế tăng lên bao nhiêu thì gọi bấy nhiêu roi. Muốn đánh giải vây thì phải tìm cho được một nơi để dụ mọi người chú ý vào đó, rồi tìm cách giải vây. Nếu bí quá thì mở đường máu để thoát thân thì gọi là “ra cửa”.

Ví dụ: Võ sư Hồ Khiêm là một võ sư bậc thầy về lối đánh bí quyết này. Một đêm Hồ Khiêm nghe gọi học trò của mình bị dân làng vây đánh. Vì thương học trò ông liền xách roi xông vào trận đánh chẳng cần biết đầu đuôi ra làm sao! Đến nơi ông hô bảo học trò của mình theo ra theo đường máu của ông đã mở. Còn lại một mình trời tối đen như mực không thấy gì cả. Dân làng cứ tưởng là bọn trộm cướp, vừa đánh vừa khua chiêng đánh trống gõ mõ la ó náo động cả một góc trời. Dân làng càng kéo đến đông vây chặt lấy ông, liệu bề chống không nổi, ông phát hiện ra có một nơi chỉ là đàn bà trẻ em. Ông vừa chạy vừa múa roi vùn vụt như gió, mọi người sợ hãi, ông xông thẳng ra phá vây thoát nạn.

2. Về roi trận:

Là loại hình đánh nhau có trận tuyến, thường xảy ra trong các cuộc chiến tranh. Hai bên bày binh bố trận, rồi áp sát vào nhau mà chiến đấu. Có thể đánh từng đôi, nhiều cặp, một người đánh nhiều người. Hai bên dùng nhiều đòn thế, nhiều thao lược để tìm cách để tiêu diệt được nhiều đối phương. Quang Trung – Nguyễn Huệ đã truyền dạy các thế roi đánh “cận chiến” cho các tướng sĩ. Trong các chiến công oanh liệt từ Nam ra Bắc quân đội Tây Sơn áp dụng cách đánh “cận chiến” này đánh đâu thắng đấy, trăm trận trăm thắng và tiêu diệt nhiều tên địch.

3. Roi đấu:

Roi đấu là một trong nội dung thi đấu của triều đại Lê Nguyễn để tuyển chọn nhân tài võ nghệ (Tiến Sĩ Võ) Bình Định cũng có nhiều võ sư thi đấu tiến sĩ võ như:

Hiện còn bia đặt tại khu Van Thanh ở Huế

Để hạn chế tầm nguy hiểm hai đầu roi có bịt vải trong có nhồi bông chấm mực một bên màu đỏ còn bên kia màu xanh. Người nào bị nhiều điểm chấm mực là thua cuộc. Roi này về sau ít người dùng đến.

Trước đây hai ông Hồ Ngạnh ở Thuận Truyền và Diệp Bảo Sanh “Tàn Sáu” (gốc Tàu) ở An Thái. Trước đánh quyền, sau đánh roi. Hai cao thủ gặp nhau, đua nhau ra đòn, quần nhau mấy hiệp. Kết quả Hồ Ngạnh thắng roi, Diệp Bảo Sanh thắng quyền. Rồi hai ông tặng thơ cho nhau.

Hồ Ngạnh tặng Tàn Sáu câu thơ là:

“Thủ Vũ An Thái ngã vô song”

Tay quyền An Thái không có hai

Tàn Sáu tặng lại Hồ Ngạnh:

“Doãn Côn Thuận Truyền di hữu chủ”

Đòn Roi Thuận Truyền chỉ có một.

B.3. BÀI ROI TAM THẬU TÙY HÌNH PHÁP CỦA HỒ NGẠNH

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ VÕ SƯ HỒ NGẠNH (1891 – 1976)

Võ sư Hồ Ngạnh tên thật là Hồ Nhu, sinh năm 1891 (Ất Mão) tại thôn Hòa Bình, xã Bình Thuận. Nhưng nguyên quán của ông là thôn Hảo Ngãi, xã Bình An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Cha của ông Hồ Ngạnh là ông Đốc Năm, một quan võ thời Tây Sơn, mẹ tên là Nguyễn Thị Quyến, người gốc Thừa Thiên.

Hồ Ngạnh có vóc dáng tầm thước, mảnh nhưng chắc chắn, đôi mắt sáng, sống mũi cao hơi quắp. Dáng đi nhanh nhẹn nhẹ nhàng. Thoạt trông ông lại có nhiều dáng dấp thư sinh tao nhã hơn là một người con nhà võ. Ngay từ lúc còn nhỏ, Hồ Ngạnh đã sớm bộc lộ những năng khiếu bẩm sinh về võ thuật. Người thầy dạy võ đầu tiên của Hồ Ngạnh chính là bà Tám Quyến, mẹ của ông, khi dạy những đường nét cơ bản về võ thuật, và cũng chẳng mấy chốc bà Tám Quyến đã bị “cạn vốn” vì đưa con thông minh sáng dạ của mình. Ông đã được mẹ truyền dạy vốn liếng cơ bản ban đầu, và sau đó đã tìm đến các danh sư trong vùng để xin học võ. Ông xin làm đệ tử của Đội Sê, một người nổi tiếng về nội công, hoặc xin học roi của ông Hồ Khim với các tuyệt chiêu bằng đoản côn, roi chiến qua chiến thuật “Bát-Bắt-Triệt-Chận” đối thủ, lúc đó ông vừa tròn 41 tuổi, và danh vang lầy lừng khắp miền Trung.

Cũng như thời thế bấy giờ, cuộc đời Hồ Ngạnh rất lao đao lận đận. Đã có những lúc vì phải bảo vệ danh dự làng võ mà ông và các đệ tử phải chịu nhiều nổi cay đắng với nhiều tai tiếng. Khi còn sống, Hồ Ngạnh đã rất buồn với một vài giai thoại làng võ nói về ông chẳng hạn như chuyện ông đã giết chết con trai của mình bằng đường roi bí truyền. Thực chất người con trai của ông chết vì bệnh. Ông chẳng cần thanh minh dù loại giai thoại thêu dệt ấy đã làm tổn thương đến tình nghĩa cha con rất sâu đậm của ông. Lúc còn sống võ sư

Hồ Ngạnh luôn nhắc nhở dạy dỗ các học trò của mình bằng chính vốn sống, kinh nghiệm đường đời của ông. Rèn luyện võ nghệ phải gắn liền với tu dưỡng đạo đức con người. Ông luôn tâm niệm thà để mai một hoặc thất truyền một phần võ nghệ của mình còn hơn là đi truyền cho kẻ bất nhân. Đường roi, thế roi việc rèn luyện thân pháp cũng quan trọng với ông nhưng quan trọng và cao cả hơn mọi cái là sự quyền biến, mẫn tiệp. Ông thường căn dặn đệ tử của mình là trong kỹ thuật chiến đấu phải luôn luôn cảnh giác, suy nghĩ chín chắn lúc hành động và xử thế, không được vị nể, cả tin và làm những việc có hại cho đời. Khi tuổi đã cao, sức đã yếu Hồ Ngạnh thiên về nghề làm thuốc hơn là dạy võ. Đồng thời cũng thường lui tới cửa Phật, phải chăng nơi cửa thiền ấy sẽ làm cho tâm hồn ông thanh thản hơn với những trắc trở trong lòng khi tuổi đã xế bóng chiều. Võ sư Hồ Ngạnh mất năm 1976 (Bính Thìn) và hưởng thọ 86 tuổi.

Bài “Tam châu tùy hình pháp” là của Hồ Ngạnh người ở Bình An sáng lập ra. Rút từ trong ba bài của vị tướng nước Nam (năm 951). Hồ Ngạnh đã cố học thấu đáo và đã chứng được tâm thao. Từ đó Hồ Ngạnh chọn lọc rút ra mỗi bài của mỗi vị tướng hai câu, mỗi câu 12 thao nhân 6 thành 72 thế, bao gồm đầy đủ trận pháp và chiến pháp.

三 綏 道 形 法

東 花 門 天 青 一 點
 徹 洪 塵 俗 鯨 障 光
 桂 殘 俗 鯨 洪 沙 曲
 一 振 威 光 故 焚 撤
 祥 雲 覽 巴 斗 法 天 青
 搥 陣 圖 形 吒 虛 晶 騰 了 法

Để bài theo lời thiệu chữ Hán “Tam châu tùy hình pháp”

Dịch nguyên âm:

Đông huê môn thiên thanh nhất điểm
Triệt hồng trần lục đoạn chương quang
Quế lãng tục đoạn hồng sa khúc
Nhất chấn oai quang lữ mộng bài
Tuồng vân lăm sắc, đấu pháp thiên thanh
Nhiếp trận đồ hình “tra lư tinh” đằng liễu pháp

Dịch nghĩa:

Cửa Đông huê trời trong một điểm
Dứt cỗi trần sáu trận giao binh
Quế lãng đã mất cát hồng bay
Một sát long trời trong giấc mộng
Mây che nắng nhạt loạn đảo vang trời
Vào cửa tinh binh như không người vây trận pháp

Trước tiên giới thiệu hai câu trong bài “Kinh vận động thủy tiên” của Đinh Bộ Lĩnh.

“Đông huê môn thiên thanh nhất điểm
Triệt hồng trần lục đoạn trường quang”.

Nghĩa là: “Cửa Đông huê trời trong một điểm

Dứt cỗi trần sáu trận giao binh”

Sau khi Trần Minh Công tạ thế, Đinh Bộ Lĩnh đem quân về giữ nước ở đất Hoa Lư, chiêu mộ anh hùng hào kiệt hùng cứ một phương.

Vào mùa thu năm Tân Hợi (951) Đinh Bộ Lĩnh rất tinh thông võ nghệ đã soạn ra nhiều bài để huấn luyện tướng sĩ. Trong đó có bài “Tra lư tinh thông bộ pháp”, “Kinh vận động thủy tiên”... Từ đó các bài cứ tiềm ẩn lưu truyền trong tướng sĩ và nhân dân nước Nam.

Tiếp đến Hồ Ngạnh vận dụng bài thương của Tô Hiến Thành... “Hàn vân câu linh tiên”.

Hai câu đó là: “Quế lãng tục đoạn hồng sa khúc

Nhất chấn oai quang lữ mộng bài”

Nghĩa là: “Quế lãng đã mất cát hồng bay

Một sát long trời trong giấc mộng”

Vào mùa thu năm Tân Dậu (1141) Tô Hiến Thành nhận thấy quốc gia còn nhiều cơn binh lửa. Cho nên sau những buổi luyện quân và duyệt binh tại thao trường, ông tỏ ra chưa thỏa mãn; về tới tư dinh ông cho mời sáu tướng lĩnh tâm phúc có chức trách để truyền lại những kinh nghiệm, thao tác như bài binh bố trận, chiêu tập binh mã và một số bí kíp để giảng dạy cho binh sĩ. Từ đó, bắt buộc quan quân ai ai cũng thành thực võ nghệ, hiểu biết trận pháp và thao lược của một số bài như:

“... Câu la đằng lữ phạm thao”... rồi từ đó lưu truyền lại cho các triều đại sau này.

Hồ Ngạn rút hai câu được trích trong bài:

“... vệ la thành tiên...” của Trần Quốc Toản.

Hai câu đó là:

“Tuồng vân lăm sắc đấu pháp thiên thanh”.

Nhiếp trận đồ hình “tra lư tinh” đằng liễu pháp”.

Nghĩa là: “Mây che nắng nhạt loạn đảo vang trời

Vào cửa tinh binh như không người vây trận pháp”.

Mùa xuân năm Tân Dậu (1257) nghe tin giặc Nguyên ồ ạt kéo quân sang đánh nước ta lần thứ hai. Trần Quốc Toản bức dọc, đứng ngồi không yên, quyết phen này rửa sạch bóng quân thù. Đánh cho chúng không còn manh giáp.

Hằng ngày ông chăm chỉ mài gươm, múa kiếm, ban đêm dưới ánh trăng ôn lại những thao lược và binh pháp đã từng đánh nhau ở trận trước. Sau đó, ông chọn lại những thao quan trọng có tầm sát thương cao, đem ra kết thành một bài, rồi theo Hưng Đạo Vương lên đường đánh quân Nguyên. Đến khi dẹp xong giặc giành lại giang sơn bờ cõi. Nước Nam an thịnh không còn bóng giặc Nguyên.

Mấy năm sau Trần Quốc Toản bỏ việc can qua gác kiếm, gặt công danh phú quý xuất gia theo đạo Phật với hiệu là “Tuệ Trung thượng sĩ”.

Qua một thời gian dài không thấy ai nhắc đến bài này. Nhưng trong pho “Ngọc ấn tâm kinh thao lược” có ghi chép rõ ràng, mãi sau này Hồ Ngạnh mới phát hiện và thu nhận, tập luyện thông thao. Cũng từ đó rút ra hai câu để cấu thành bài *Tam thân tùy hình pháp*.

Hồ Ngạnh học võ sư Hồ Khim tại quê nhà. Theo những bạn đồng nghiệp của ông kể lại rằng: Hồ Ngạnh trước đây là một võ sư tài giỏi, ngao du khắp nơi, ông đã gặp nhiều đối thủ tài ba. Đã từng ra tham gia những trường thi do triều đình tổ chức, mà trong huyền thoại Hồ Ngạnh đã kể phần trên (nhưng ông tham gia thi không chính thức).

Dựa vào đồ hình này làm chuẩn để di chuyển bộ ngựa trong toàn bài với ký hiệu là:

Hướng 1 – 3

Hướng 2 – 4

Hướng 5 – 7

Hướng 6 – 8 (đối xứng nhau)

Hướng số 2 là chính diện

Tâm đồ hình là ngựa trung bình tấn

Kết cấu bài roi “Tam thân tùy hình pháp”

Bài tổ: 5 động tác

Tư thế chuẩn bị: - Người đứng thẳng bàn chân đứng theo hình chữ V, tay trái ngựa nắm hờ để ngang hông trái, tay phải cầm đầu roi chỉ xuống đất, thân roi ở sau cánh tay phải, mắt nhìn về trước, theo hướng số 2 (H.194).

- Nhảy lùi về phía sau một bước thành ngựa kim kê phải theo hướng số 2, tay phải cầm roi đưa xuyên ra trước ở phía phải, đầu roi chỉ lên trên, tay trái vẫn nắm hờ để ngang hông bên phải, mắt nhìn theo đầu roi (H.195).

- Bước chân trái lên ngang tầm bàn chân phải, rồi đưa sang trái thành ngựa Đỉnh tấn trái theo hướng số 6, thân người nghiêng theo chân trái. Hai tay cầm roi đưa từ dưới là mặt đất phía chân phải xiên lên ngang qua mặt, đầu roi chỉ lên trên, mắt nhìn về trước (H.196).

Bài “Tam thất tùy hình pháp” của ông thao lược biến chuyển rất dị thường, khó có ai sáng tạo được như ông. Bài này cấu trúc nghệ thuật rất cao, không bộ nào trùng lặp bộ nào, ở mỗi câu mỗi đoạn có giá trị khác nhau. Về tầm sát pháp thì có yếu điểm về giá trị được chứa ở mỗi câu mỗi đoạn trong bài.

Câu thứ 1: Chuyên phá các đường thương

Câu thứ 2: Chuyên phá các đường đao kiếm

Câu thứ 3: Đánh dụ địch vào thế hiểm

Câu thứ 4: Đánh nơi cần đánh gấp

Câu thứ 5 và 6: Chuyên đánh vào ra nơi loạn quân

Bài có 6 câu, mỗi câu chia làm mười hai đơn thao. Toàn bài có 72 hành pháp liên thao. Phân tích cơ bản của bài.

“Tam thất tùy hình pháp”: Võ sư Hồ Ngạnh

- Người thực hiện: Võ sư Nguyễn Văn Cảnh

- Người chỉ đạo: Lê Thì



H.194



H. 195



H. 196

- Từ tư thế trên ta nghiêng mình sang chân phải, thành ngựa đinh tân phải theo hướng số 8, thân roi đưa ngang khỏi mặt, đốc roi ở trên qua sau cách tay phải, đầu roi vòng từ trên xuống chéo tay, đầu roi chỉ xuống đất. Lúc ấy tay trái liền tháo ra xoay cổ tay đưa từ ngực ra trước mặt, mắt nhìn thẳng về phía trước (H.197).

- Bước chân phải lên thành ngựa kim kê phải theo, hướng số 2, hai tay cầm roi đưa vòng qua cổ từ vai trái sang vai phải, thân roi nằm ngang trên cánh tay

phải, đầu roi chỉ thẳng về trước, mắt nhìn theo (H.198).

Câu 1: Đông huê môn thiên thanh nhất điểm

Thao 1: Từ tư thế cuối cùng của động tác bái tổ. Chân trước bước về trước nửa bước, nghiêng người về phía sau thành ngựa trảo mã tấn trái; đồng thời, tay roi triệt thoát từ trên xuống, chỉ đầu roi xuống đất, mắt nhìn về hướng số 2 (H.199).

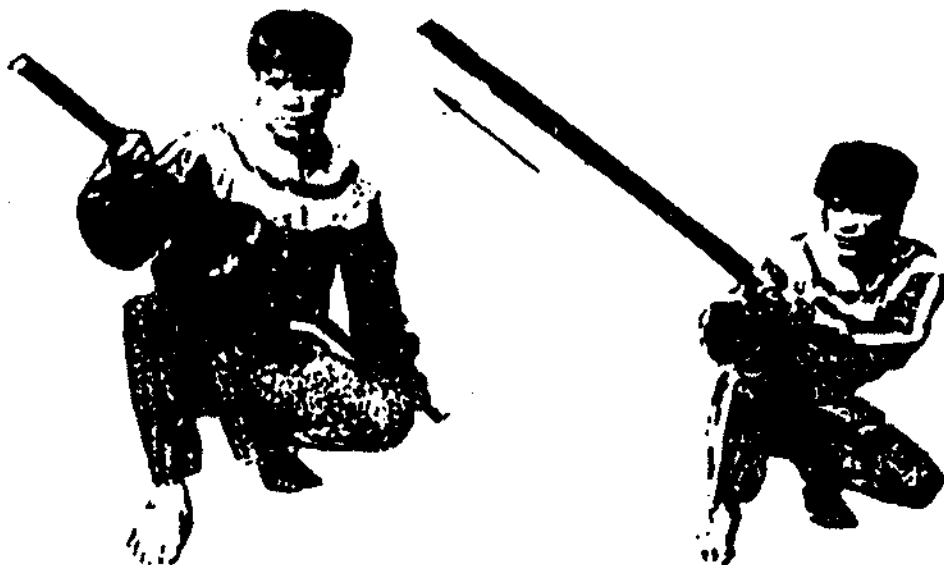


H. 197

H. 198

H. 199

Thao 2: Tiếp theo bước chân phải lên, người hạ xuống thành ngựa tọa ngồi trên gót chân trái (H.200), đâm đầu roi xiên lên thành đường “Đăng Sơn thích”, về hướng số 2 (H.201).



H.200

H.201

Thao 3: Tiếp theo ta chuyển ngựa kim kê trái, theo hướng số 8 (H.202) từ dưới xuyên lên về trước mặt, thành đường “Đích thủy căn”, đốc roi chỉ xuống đất, mắt nhìn về phía trước theo hướng số 8 (H.203).

Thao 4: Lãng vai theo chiều phải sang trái, về hướng số 6, ngựa chuyển thành trảo mã tấn (H.204a); đồng thời, triệt đầu roi từ trên xuống tầm ngang ngực, mắt nhìn theo đầu roi (H.204b).



H.202

H.203

H.204

Thao 5: Cũng về hướng 6, nhấc chân trái lên thân roi dựng đứng (H.205), vớt đầu roi từ dưới lên trên tầm ngang gối trái mắt nhìn về hướng số 6 (H.206).

Thao 6: Tiếp theo cũng về hướng 6, nhảy lên về phía trước một bước thành ngựa trung bình tấn trái (H.207). Tay cầm roi cản một đường “Tổng Pháp căn” từ trong (H.208) ra ngoài (H.209), mắt nhìn về trước.



H. 205



H. 206



H. 207



H. 208



H. 209

Thao 7: Chân phải đưa ra trước quay người một vòng 360 độ, về hướng số 6 thành ngựa kim kê trái, đánh đầu roi qua đầu một vòng, mắt nhìn về trước (H.210).

Thao 8: Chuyển chân trái về sau một bước, thành ngựa kim kê phải, theo hướng số 6 (H. 211), tay roi bắt từ trên xuống ngang khối gối phải rồi dừng lại, mắt nhìn về trước (H.212).



H. 210



H. 211



H. 212

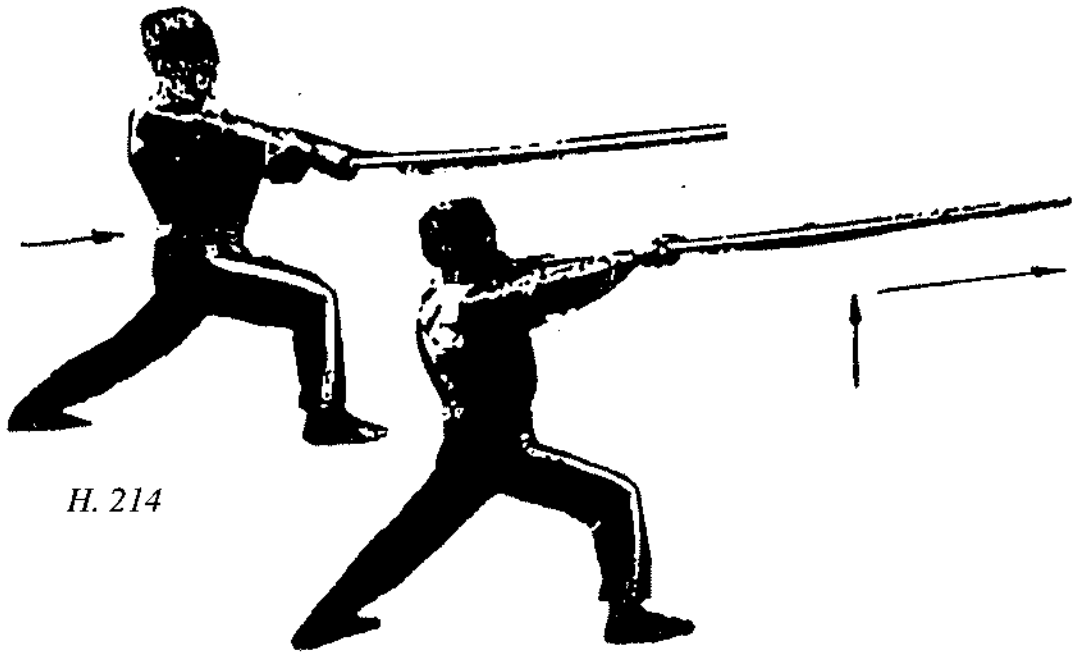
Thao 9: Bước chân trái về hướng số 2, người quay về hướng số 4, thành ngựa kim kê phải, theo hướng số 4 (H. 213a), tay roi bắt từ dưới lên trên qua mặt từ trái sang phải, mắt nhìn theo đầu roi (H. 213b).

Thao 10: Bước vòng chân phải ra sau, thành ngựa đinh tấn phải, theo hướng số 4, tay roi quật một vòng từ sau ra trước (H.214), đầu roi dừng lại trước mặt, mắt nhìn về hướng số 4.

Thao 11: Tư thế trên chuyển đường roi nửa vòng, xĩa từ dưới lên ngang tầm cằm, mắt nhìn theo đầu roi (H.215).



H. 213



H. 214

H. 215

Thao 12: Tiếp theo bước chân phải về hướng số 2, chân trái kéo thành ngựa bại (H.216), người nghiêng về chân trái, mắt nhìn hướng số 4. Đồng thời, cây roi gác lên vai phải (H.217a), đâm xuyên thẳng về trước đường “Đăng Sơn thích” (H.217b).



H. 216



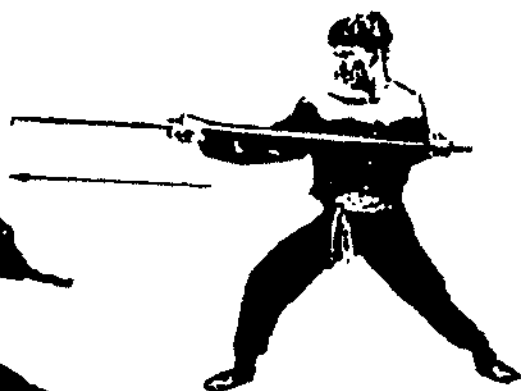
H. 217

Câu 2: Triệt bông trần lục đoạn chương quang.

Thao 13: Ngựa đinh tấn phải về hướng số 4, phăng đầu roi một vòng (H.218), đâm thẳng về trước đường “Lữ Long thích”, mắt nhìn theo (H.219).



H.218



H.219

Thao 14: Lui chân phải về hướng số 2, thành ngựa đinh tấn phải (H.220); đồng thời, người lăn theo bên phải, đốc roi đập từ trên xuống xiên qua đầu theo hướng số một dừng lại tầm ngang ngực (H.221, 222).



H. 220



H. 221



H. 222

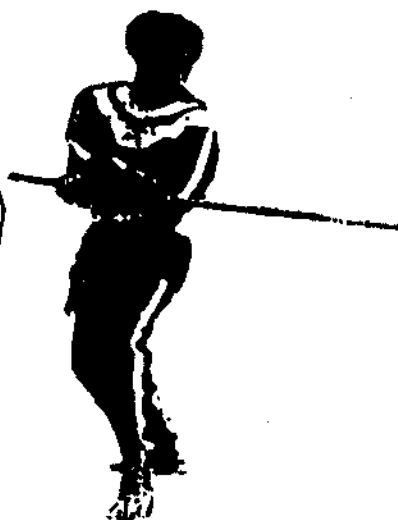
Thao 15: Tiếp theo bước chân phải về sau thành ngựa kim kê trái hướng số 4, nhưng người vẫn ở hướng số 2 (H.223). Đồng thời đập đầu roi từ trên (H.224) xuống hướng số 6 tầm ngang bụng (h.225).



H. 223



H. 224



H. 225

Thao 16: Ta quay người về hướng số 4 thành ngựa đinh tấn phải (H.226).
Dốc roi phạt ngang từ trái sang phải về hướng số 3 rồi dừng lại ngang ngực (H.227).



H. 226



H. 227



H. 236



H. 237



H. 238



H. 239

Thao 23: Cũng đứng tư thế ngựa như trên, xốc ngược đầu roi chéo lại theo chiều nghịch (H.240), từ trên xuống (H.241), hướng chân phải, mắt nhìn theo đầu roi (H.242).



H.240

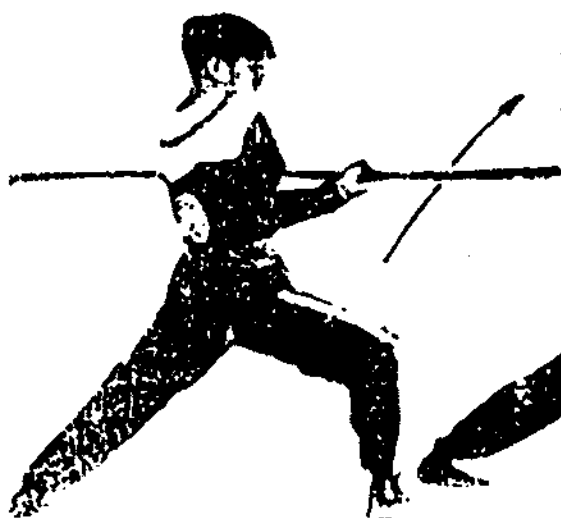


H.241



H.242

Thao 24: Chuyển ngựa thành đinh tấn phải, theo hướng số 4, phát đầu roi từ trên (H.243) xuống chân, ngang gối phải, mắt nhìn đầu roi (H.244).



H.243

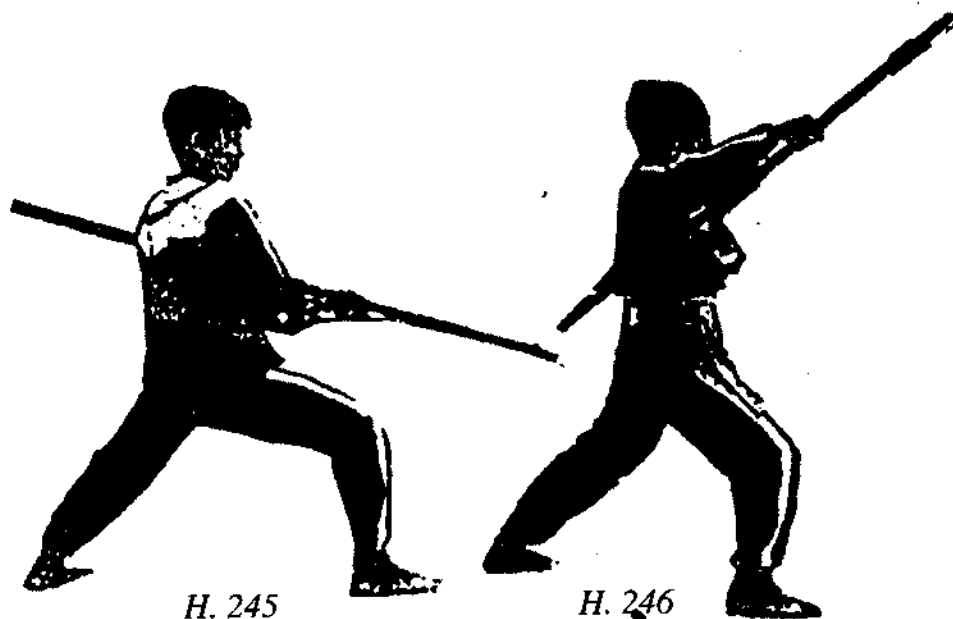


H.244

Câu 3: Quế lãng tục đoạn hồng sa khúc.

Thao 25: Hai chân nhảy lui về sau một bước thành ngựa trung bình tấn phải, về hướng số 4 (H.245), ngựa chuyển thành đinh tấn phải, theo hướng số 4, roi phát chéo tay từ dưới lên về phía vai phải, mắt nhìn theo đầu roi (H.246).

Thao 26: Bước chân trái về hướng số 1, thành ngựa đinh tấn trái (H.247), vẫn giữ roi như trên, hạ đầu roi xuống dưới (H.248) xốc ngược lên, đầu roi dừng lại ở hướng số 1, mắt nhìn thẳng (H.249).



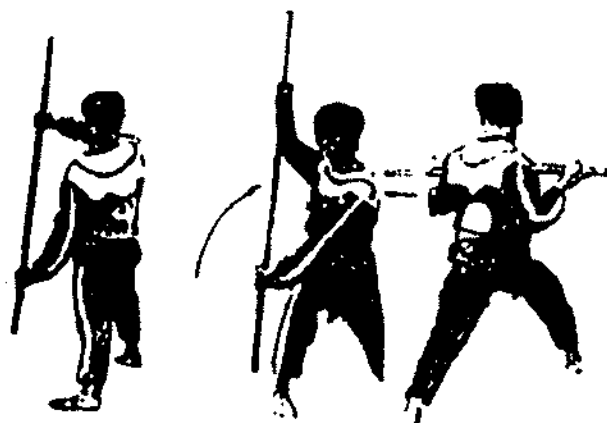
H.247

H.248

H.249

Thao 27: Giữ nguyên ngựa đinh tấn phải, theo hướng số 3 (H.250), chặn đốc roi ngang qua gối, mắt nhìn về trước (H.251).

Thao 28: Đứng tư thế ngựa đinh tấn phải, theo hướng số 3, thọc đốc roi từ trong xuyên ra ngoài về hướng số 5, mắt nhìn theo ngọn roi (H.252).

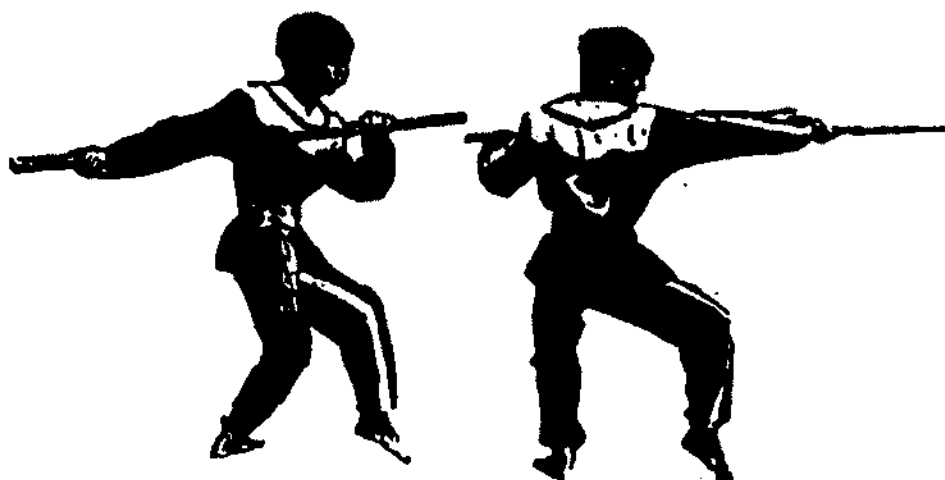


Hình 250

H. 251

H. 252

Thao 29: Bước chân phải theo hướng số 8, chân trái kéo theo thành ngựa kim kê phải (H.253), Phạt ngang đầu roi từ phải sang trái tầm ngang ngực, mắt nhìn theo đầu roi, theo hướng số 6 (H.254).



H. 253

H. 254

Thao 30: Chuyển ngựa đinh tấn phải, theo hướng số 6, phăng tròn đầu roi một vòng nhỏ (H.255), rồi đâm thẳng về trước đường “Lữ Long thích” tầm ngang ngực, mắt nhìn theo đầu roi (H.256).



H. 255



H. 256

Thao 31: Bước chân trái về hướng số 6, xoay người sang hướng số 8, từ trái sang phải thành ngựa kim kê phải (H.257), xóc ngược roi từ hướng số 6 (H.258) lên cao, xuyên qua đầu dừng lại theo hướng số 8, tầm ngang ngực, mắt nhìn theo đầu roi (H. 259).



H. 257

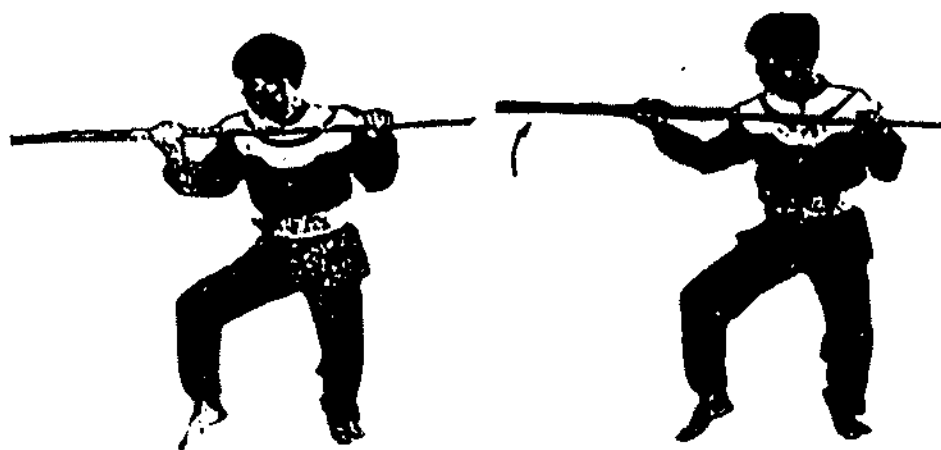


H. 258



H. 259

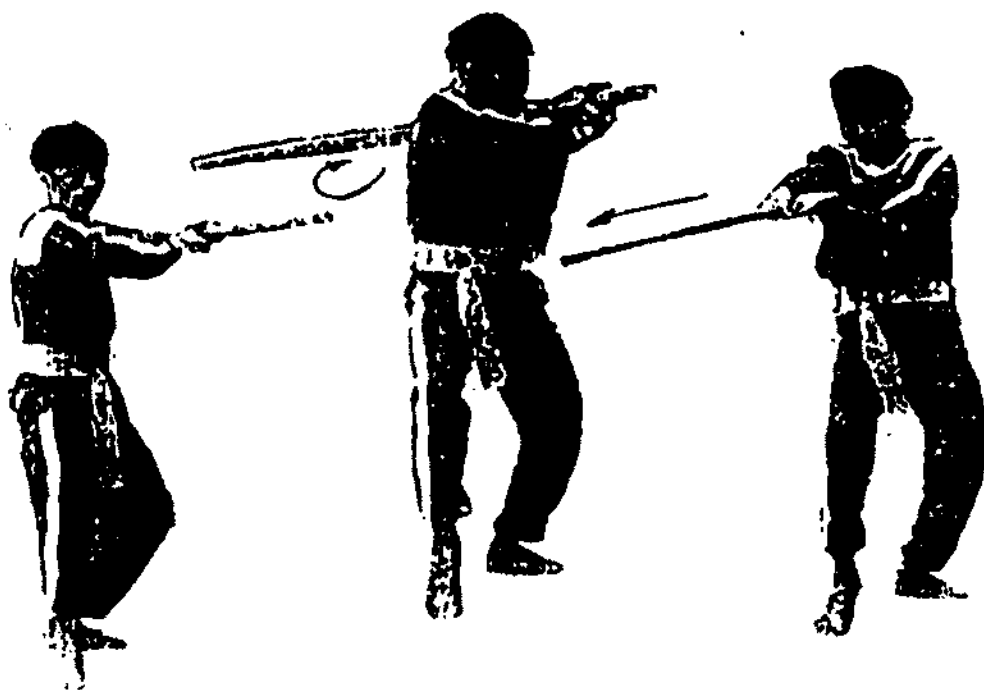
Thao 32: Giữ nguyên tư thế trên, tay lấy bạc đầu roi của đối phương, phạt ngang đầu roi từ trái sang phải (H.260), mắt nhìn về trước (H.261).



H. 260

H. 261

Thao 33: Bước chân trái về hướng số 6, xoay người sang hướng số 8; từ trái sang phải thành ngựa kim kê phải (H.262); đồng thời, quay đầu roi một vòng từ trái sang phải qua đầu (H.263) dừng lại hướng số 8, tầm ngang ngực, mắt nhìn về trước (H.264).

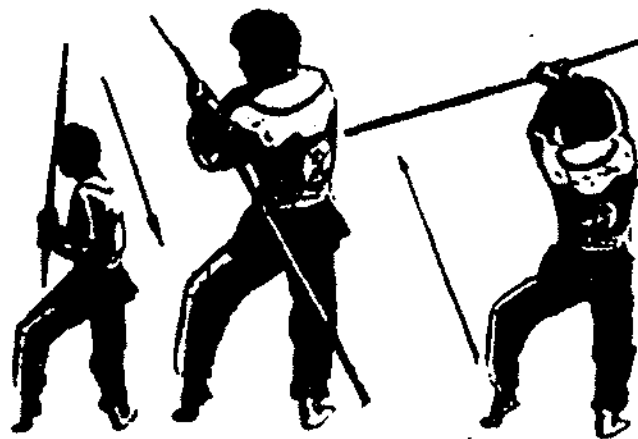


H. 262

H. 263

H. 264

Thao 34: Chân trái bước lên thành ngựa lim kê trái (H.265), theo hướng số 8, tung đầu roi từ dưới lên (H.266, 267) về phía vai trái, hai tay nắm sát vào nhau roi ngang trên đầu, mắt nhìn về trước.



H. 265

H. 266

H. 267

Thao 35: Xoay người thành ngựa kim kê phải (H.268), bước chân phải ra sau lưng, theo hướng số 8 thành ngựa đinh tấn phải, phát vòng đầu roi từ sau lên (H. 269) cao chéch về hướng số 8 phía bên phải, mắt nhìn về trước (H.270).



H. 268

H. 269

H. 270

Thao 36: Bước chân phải ra sau chân trái, người vẫn hướng số 8, thành ngựa đinh tấn trái (H.271), đâm đốc roi thẳng một đường từ trong ra ngoài theo hướng số 2, mắt nhìn theo đầu roi (H.272, 273).



H.271

H.272

H.273

Câu 4: Nhất chân oai quang lưỡng mộng bài

Thao 37: Bước chân phải sang phải, kéo chân trái theo hạ người xuống, nghiêng về chân trái thành ngựa bại (H.274), đập đầu roi từ trên xuống (H.275), ngang tầm chân phải, mắt nhìn về trước (H.276).



H.274



H.275



H.276

Thao 38: Trườn ngựa định tấn phải, theo hướng số 2 (H.277), đâm đầu roi thẳng từ trong ra ngoài, theo đường “Phục hổ thích”, mắt nhìn theo (H.278).



H. 277



H. 278

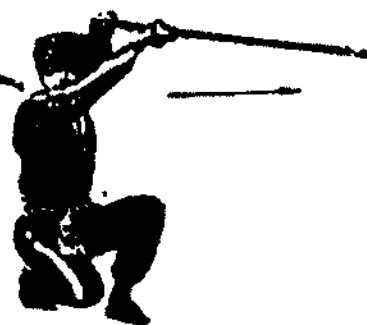
Thao 39: Bước chân trái ra sau chân phải và xoay người từ phải sang trái, hạ xuống thành ngựa tọa, theo hướng số 2 (H.279), quay đầu roi một vòng qua đầu (H.280) rồi dừng lại hướng số 2 (H.281).



H. 279

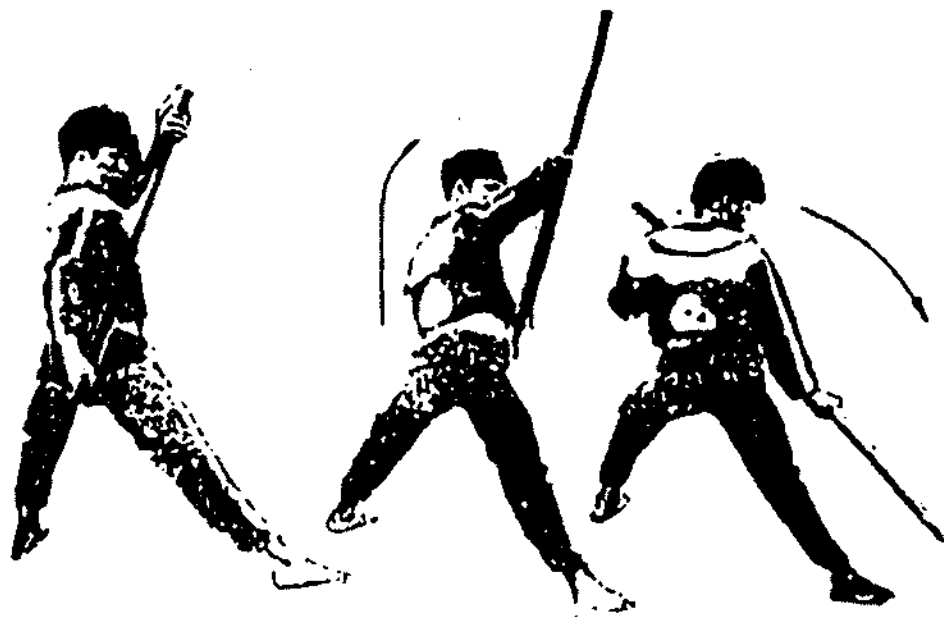


H. 280



H. 281

Thao 40: Bước chân trái ra sau, theo hướng số 4, nghiêng người về hướng số 4, thành ngựa bại (H.282), mắt nhìn về hướng số 2, đầu roi đập từ trên xuống (H.283) ngang gối phải, mắt nhìn về trước (H.284).



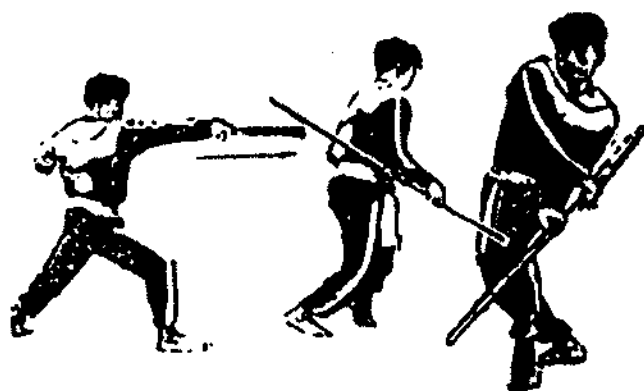
H.282

H.283

H.284

Thao 41: Trườn người tới thành ngựa đinh tấn phải, theo hướng số 2, đâm đầu roi thẳng ra trước theo đường “Ngưu giác thích” tầm ngang ngực, mắt nhìn theo (H.285).

Thao 42: Bước chân trái lên, về hướng số 6, thành ngựa kim kê trái (H.286), đập đốc roi chéo tay từ trên xuống đầu gối (H.287).

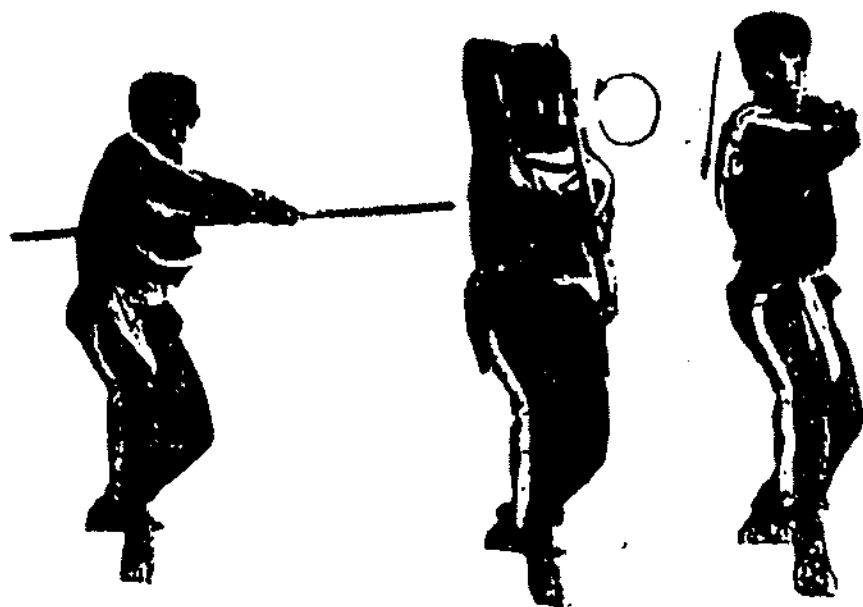


H.285

H.286

H.287

Thao 43: Bước chân phải lên, về hướng số 6, thành ngựa kim kê phải, roi tháo ra (H.288) tay cầm roi gạt hơi chếch từ phải sang trái, qua gối phải rồi dừng lại (H.289, 290).



H.300

H.301

H.302

Thao 48: Bước chân phải về hướng số 2, thành ngựa kim kê phải (H.300), đưa đầu roi vòng qua cổ (H.301), đánh bằng đốc roi từ dưới lên (H.302), mắt nhìn theo đốc roi.



H.303

H.304

H.305



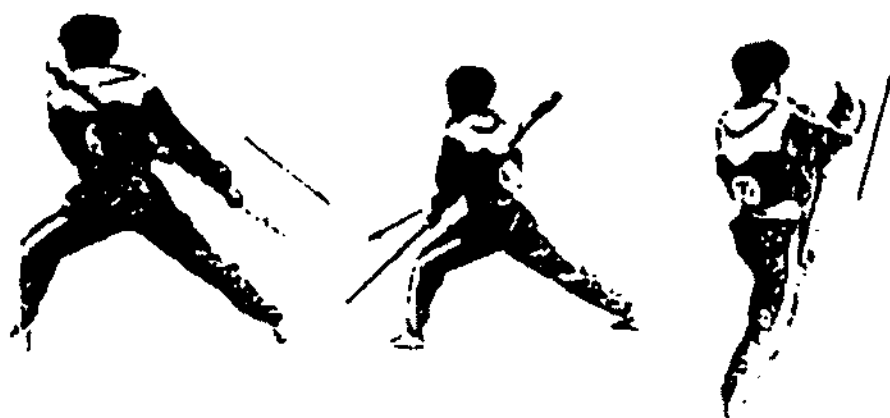
H. 294

H. 295

H. 296

Thao 46: Xoay người ngược lại về hướng số 8, thành ngựa đĩnh tấn trái (H.297), đầu roi xốc ngược lại từ sau ra trước, xiên ngang gối trái, mắt nhìn về trước (H.298).

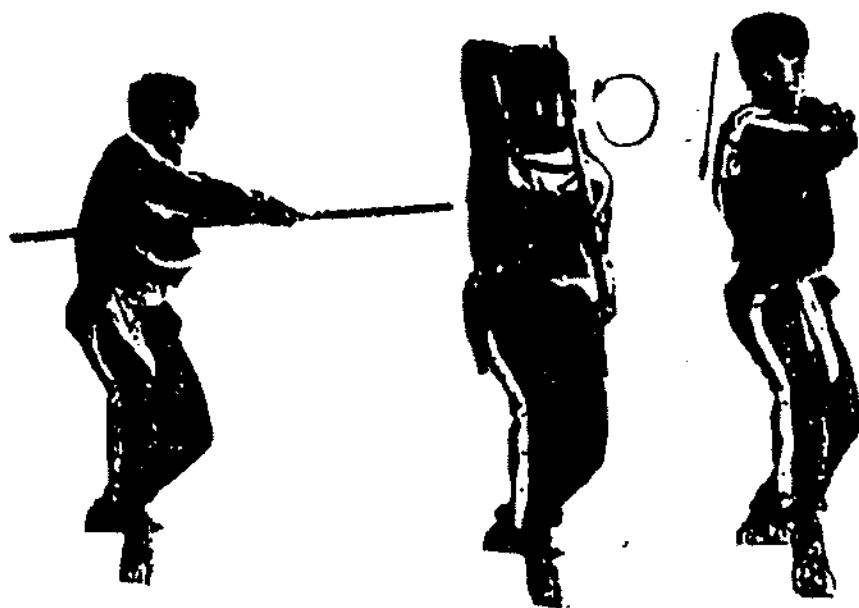
Thao 47: Giữ nguyên tư thế ngựa trên, roi tăng thêm một đạo nữa, từ gối lên cao hơn đầu, theo hướng số 8 (H.299).



H.297

H.298

H.299



H.300

H.301

H.302

Thao 48: Bước chân phải về hướng số 2, thành ngựa kim kê phải (H.300), đưa đầu roi vòng qua cổ (H.301), đánh bằng đốc roi từ dưới lên (H.302), mắt nhìn theo đốc roi.



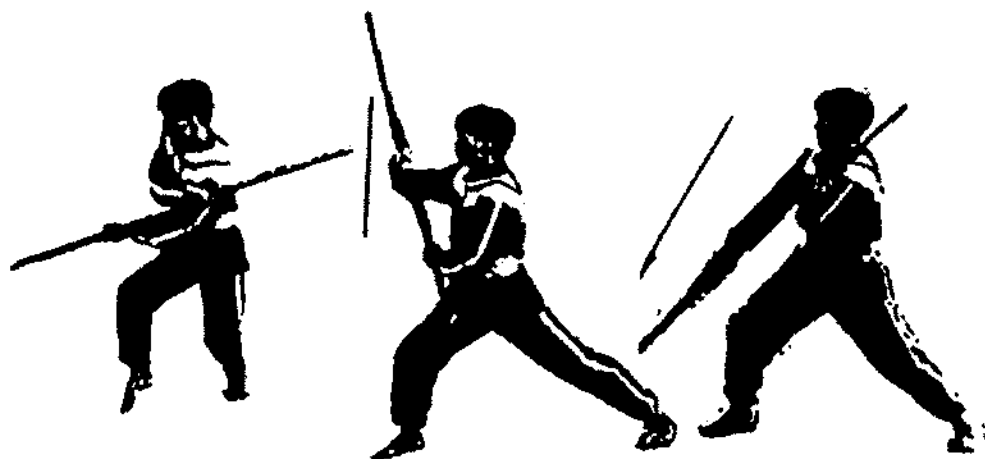
H.303

H.304

H.305

Câu 5: Tường vân lăm sắc dấu pháp thiên thanh

Thao 49: Bước chân phải lên, theo hướng số 8, thành ngựa đinh tấn phải (H.303), phát đầu roi từ dưới lên (H.304), theo hướng số 8 (H.305), mắt nhìn theo đầu roi.



H.306

H.307

H.308

Thao 50: Giữ nguyên ngựa như trên, hạ đầu roi xuống, vòng ngược lại (H.306), gập từ trên xuống (H.307) cùng hướng số 8, ngang tầm ngực, mắt nhìn theo (H.308).



H.309

H.310

H.311

Thao 51: Chuyển ngựa nghiêng về hướng số 6, thành ngựa đỉnh tấn trái (H.309), roi xóc ngược từ dưới lên (H.310), ngựa lúc này nghiêng về chân phải, mắt nhìn theo đầu roi (H.311).

Thao 52: Giữ tư thế ngựa như trên, phăng đốc roi một vòng (H.312), rồi đâm thẳng ra trước đường “Long cương thích”, mắt nhìn theo đốc roi (H.313).



H.312



H.313



H.314

Thao 53: Nghiêng người qua chân phải, thành ngựa đinh tấn phải, đâm dõc roi thẳng ra trước theo hướng số 8 (H.314).

Thao 54: Nhảy bổng người lên (H.315), rơi xuống đất thành ngựa bại (H.316), hướng số 4. Roi xốc ngược lại (H.317), đập đầu roi đâm theo hướng số 4, mắt nhìn theo đầu roi (H.318).



H. 315



H. 316



H.317



H.318

Thao 55: Nhảy bổng người lên về phía trái (H.319), rơi xuống thành ngựa đinh tấn trái, theo hướng số 4, đập đầu roi chéo tay theo đường “Tả dinh địa” (H.320) từ trên xuống là trên mặt đất, mắt nhìn theo đầu roi (H.321).



H. 319



H. 320



H. 321

Thao 56: Nhảy lướt người lên (H.322) thành ngựa bại về phía trái cùng hướng số 4 (H.323), đưa đầu roi từ dưới lên, từ phải sang trái, mắt nhìn thẳng về trước (H.324).



H. 322



H. 323



H. 324

Thao 57: Chuyển thành ngựa kim kê phải, người hạ xuống theo hướng số 4, đầu roi xuyên từ trên xuống theo chiều từ phải sang trái qua gối, đầu roi chỉ xuống đất mắt nhìn theo (H.325).

Thao 58: Bước chân trái lên thành ngựa thảo mã tấn, theo hướng số 4 (H.326), xốc roi đâm (H.327) và dừng lại đầu roi ngang tầm mắt đối phương.



H. 326

H. 327

Thao 59: Xoay người về phía sau lưng, theo hướng số 2, thành ngựa trung bình tấn phải (H.328), xốc ngược đầu roi ra sau phía bên phải rồi đánh chéo tay sang bên trái (H.329), đập đầu roi từ trên xuống theo hướng số 2, ngang tầm là mặt đất (H.330).



H.328



H.329



H.330

Thao 60: Bước chân trái lên, thành ngựa kim kê trái theo hướng số 2 (H.331); đồng thời, bắt đốc roi ngang qua gối trái, mắt nhìn về trước (H.332, 333).



H.331



H.332



H.333

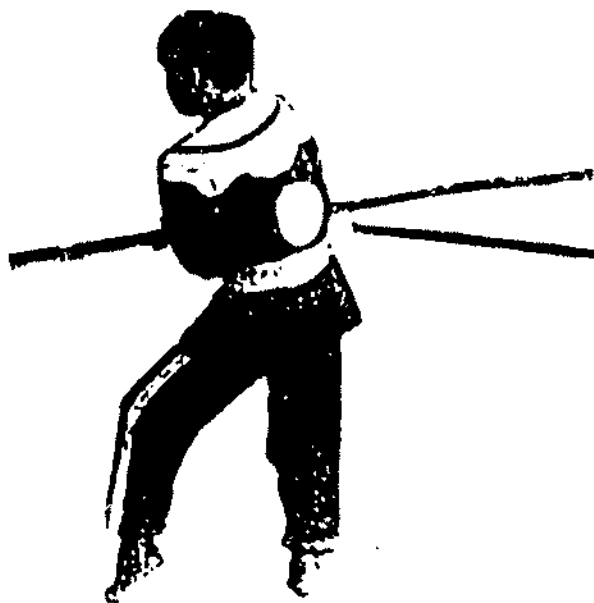
Câu 6: Nhiếp trận đồ hình “tra lư tinh” dằng liễu pháp.

Thao 61: Nhích ngựa sang thành thảo mã tấn theo hướng số 2, (H.334) đầu roi phạt ngang tầm ngực rồi dừng lại trước mặt, mắt nhìn theo (H.335).

Thao 62: Giữ nguyên tư thế như trên, bước chân phải theo hướng số 6, chuyển sang theo hướng số 8, thành ngựa kim kê trái (H.336), đốc roi phạt ngang một đường từ trái sang phải và dừng lại trước mặt, mắt nhìn theo đốc roi (H.337).



Thao 63: Giữ nguyên ngựa như trên, đốc roi đưa về phía sau lưng, tay phải nằm trên tay trái (H.338) đập chéo tay dừng ở trước mặt tầm ngang đùi trái, mắt nhìn về trước (H.339).



H.338



H.339

Thao 64: Bước chân phải lên, thành ngựa kim kê phải theo hướng số 2, vòng roi qua cổ (H.340) rồi tước ngược ngang đốc roi, mắt nhìn về trước (H.341).



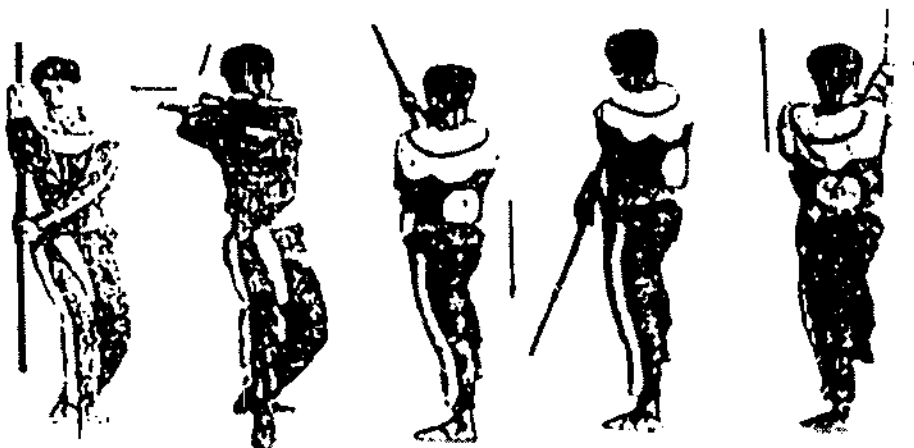
H.340



H.341

Thao 65: Giữ nguyên tư thế ngựa như trên, thân roi chéo tay bắt vòng qua mặt (H.342) rồi đâm thẳng ra trước dừng lại hướng số 2 (H.343).

Thao 66: Bước chân phải ra sau theo hướng số 4, thành ngựa đinh tấn phải (H.344), roi quật thẳng một đường từ dưới lên (H.345), rồi dừng lại ở hướng số 4, mắt nhìn theo (H.346).



H.342

H.343

H.344

H.345

H.346

Thao 67: Bước chân phải lên theo hướng số 2, thành ngựa kim kê phải (H.347) roi xóc (H.348), đảo (H.349) từ trước ra sau theo chiều từ phải sang trái, rồi xĩa về trước tầm ngang vai phải, mắt nhìn theo (H.350).



H.347

H.348

H.349

H.350

Thao 68: Bước chân phải ra sau theo hướng số 4, thành ngựa trảo mã tấn, thả đầu roi xuống đất (H.351) người hướng về hướng số 4, mắt nhìn về hướng số 2. Nhảy về hướng số 4 một bước, ngựa kim kê xoay về hướng số 2, đâm xuyên đầu roi tầm ngang mặt đối phương (H.352).

Thao 69: Chân phải chuyển sang phải một bước thành ngựa trảo mã tấn (H.353) trái hướng số 2, hất đầu roi từ trên xuống xuyên qua gối trái, mắt nhìn theo đầu roi (H.354).



H.351



H.352



H.353



H.354

Thao 70: Đưa chân trái về phía sau lưng cùng hướng số 2, thành ngựa trảo mã tấn trái theo hướng số 4, nhưng mắt nhìn về hướng số 2 (H.355), đầu roi đập chéo tay từ trên xuống, tay phải nằm trên tay trái ngang tầm ngực, mắt nhìn theo (H.356).

Thao 71: Xoay người và chuyển ngựa sang phải về hướng số 2, thành ngựa kim kê trái, roi cản một đường từ dưới lên theo đường “Địch thủy cản” (H.357).



Thao 72: Chuyển ngựa sang bên trái một bước, thành ngựa kim kê phải theo hướng số 2, roi cản một đường từ dưới xuyên lên (H.358), tiếp theo trườn ngựa tới thành trung bình tấn, đâm thẳng ra trước ngựa đối phương (H.359).

Bái tổ: Từ thế trên, lui chân phải về sau một bước thành ngựa đỉnh tấn trái (H.360), đưa đốc roi ra trước, đầu roi xuyên lên, mắt nhìn về hướng số 2, tiếp theo ta nghiêng người về chân sau thân roi hơi sát vào người (H.361), đầu roi chỉ lên trên.

- Bước chân phải lên về hướng số 2, thành ngựa kim kê phải (H.362), vòng đầu roi qua cổ theo chiều từ trái sang phải, rồi đưa thẳng về trước thân roi nằm trên cánh tay phải, mắt nhìn theo đầu roi (H.363).



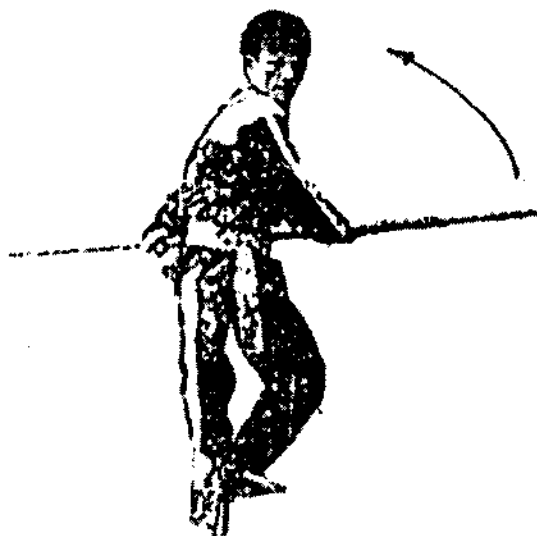
h. 358

h. 359

h. 360

h. 361

- Tiếp theo rút chân trái về ngang chân phải đứng bàn chân theo hình chữ V. Roi xếp lại dựng về phía sau lưng vai phải, đầu roi chỉ xuống đất, mắt nhìn thẳng về trước. Chào (H.364).



H.362



H.363



H.364

C- KIẾM:

Kiếm là một nội dung trong võ cổ truyền Bình Định. Nó được lưu truyền rộng khắp trong tỉnh Bình Định. Hầu hết các võ đường đều giảng dạy nội dung kiếm chiếm khoảng 30 – 40% nội dung chương trình giảng dạy võ thuật.

Nội dung kiếm rất phong phú và đa dạng bao gồm: Độc kiếm, song kiếm và kiếm ngắn (dao găm, lưỡi lê). Kiếm có hai loại như:

Kiếm cong (có bao bọc ngoài) còn gọi là kiếm lĩnh dành cho các cấp chỉ huy. Kiếm cong cán làm bằng loại gỗ tốt, thân kiếm làm bằng thép, lưỡi kiếm sắt bén, sống kiếm dày và thẳng, mũi kiếm nhọn và hơi cong.

Kiếm thẳng là loại kiếm phổ thông (có bao hoặc không có bao) dùng trong tập luyện, thi đấu và giáp trận. Cán kiếm cũng làm bằng gỗ, thân kiếm có hai loại, một loại có một sống một lưỡi, loại thứ hai có lưỡi sống nằm ở giữa.

Kiếm được lưu truyền rộng rãi nhất là ở thời Tây Sơn. Kiếm là một trong những nội dung võ thuật huấn luyện trong quân đội để phục vụ cho chiến đấu. Các tướng lĩnh nhà Tây Sơn từ Nguyễn Huệ, Bùi Thị Xuân và Trần Quang Diệu v.v.. Tự mình biên soạn ra bài kiếm cho mình sử dụng và huấn luyện cho quân

đội. Các binh sĩ của quân đội Tây Sơn người nào cũng tinh thông, giỏi về kiếm.

- Nguyễn Huệ với bài “Tam tinh thần linh kiếm”.
- Bùi Thị Xuân với bài “Song phụng kiếm” và một số bài khác nữa.
- Trần Quang Diệu với bài “Lôi phong tùy hình kiếm”.

Ban nghiên cứu đã sưu tầm tập trung được 30 bài kiếm. Trong đó có 1/2 bài ở thời Tây Sơn và đều có lời thiệu, còn 1/2 lưu truyền rộng rãi trong tỉnh Bình Định và ngoài tỉnh. Có bài được lưu truyền rộng rãi nhưng không có lời thiệu như: Bài Mai hoa kiếm pháp, Long môn kiếm v.v..

Kiếm là một báu vật, người ta thường gọi là “Thanh bảo kiếm”, được gìn giữ và lưu truyền từ đời này sang đời khác. Có võ sư biết mình sắp lâm chung mới gọi con đến dặn dò những điều bí truyền của môn phái rồi mới trao báu vật lại cho con.

C.1. KỸ THUẬT CƠ BẢN VỀ KIẾM:

Kỹ thuật của kiếm rất phức tạp, bao gồm nhiều động tác như: đâm, chém, chặt, phát... Mỗi một thao tác đều có tác dụng khác nhau. Trong một bài kiếm gồm nhiều động tác tấn công, phòng thủ đến các đòn thế bí truyền. Với các kỹ thuật cơ bản như:

C.1.1. Loan kiếm:

Chủ yếu là sử dụng cổ tay, bàn tay nắm sấp vào cán kiếm. Đứng ngựa trung bình tấn, dùng cổ bàn tay loan kiếm vòng tròn bên phải (bàn tay nắm kiếm ngửa), sử dụng chủ yếu ở hai ngón cái và ngón trỏ còn ba ngón khác đưa theo, theo thuận kim đồng hồ, loan kiếm bên trái: bàn tay nắm sấp, dùng cổ tay loan kiếm vòng tròn bên trái theo chiều nghịch kim đồng hồ.

Loan kiếm trên đầu theo hình số 8, kỹ thuật cơ bản cũng sử dụng cổ tay đưa kiếm lên cao khỏi đầu, loan kiếm vòng theo bên phải và bên trái theo hình số 8.

C.1.2. Đâm:

Bàn tay úp (sấp) nắm vào cán kiếm. Ngựa đứng theo yêu cầu tay đâm như đâm trước, Ngựa trung bình tấn, dùng lực cả cánh tay (từ bả vai đến cổ tay) đâm

thăng ra phía trước, chủ yếu dùng lực cổ tay. Nếu dùng kiếm cong thì sống kiếm nằm bên trên. Nếu quay một vòng cổ tay thì nắm sắp sang nắm ngửa để tạo đà đâm được mạnh.

Đâm sau: Xoay người sang phải 90^0 đối ngựa thành đỉnh tấn, mặt nhìn bên phải. Dùng cổ tay quay kiếm một vòng hẹp (ngược kim đồng hồ) đâm thẳng từ trong ra vịn cổ tay từ nắm sắp sang nắm ngửa.

Đâm bên trái và bên phải kỹ thuật cơ bản như đâm trước, nhưng đối hướng sang trái và sang phải.

C.1.3. Chém (chặt):

Chém từ trên xuống. Bàn tay nắm cán kiếm, dùng lực cánh tay chém từ trên cao xuống, lưỡi kiếm nằm bên dưới, đứng ngựa trung bình tấn, chém sang trái thì bàn tay nắm ngửa (âm), nếu chém sang bên phải thì bàn tay nắm sắp (dương).

C.1.4. Phạt – Gạt:

Một tay hoặc hai tay cầm kiếm phạt vào chân (bên dưới) hoặc phạt vào cổ đối phương.

Tay cầm kiếm gạt đỡ đòn chém trên cao vào đầu hay gạt đỡ bên trái, bên phải để đỡ đòn chém vào hai bên sườn.

Ngoài những kỹ thuật cơ bản ra, khi giáp trận thì thiên biến vạn hóa. Tùy theo trình độ cao thấp của đối phương mà sử dụng đến đòn thế bí truyền để sát hại đối phương.

Ví dụ: Đang xáp trận vờ trả bại, ngồi thấp xuống. Đối phương tưởng tài hèn đánh không lại bỏ chạy, thừa thế đuổi theo và đâm thẳng kiếm tới trước. Lập tức dùng lực đưa kiếm lên gạt kiếm của đối phương và nhanh chóng ra đòn hạ sát đối phương.

Ở thời Tây Sơn có nhiều võ tướng giỏi về sử dụng mà còn tự biên soạn ra bài để dùng, còn huấn luyện cho tướng sĩ và quân đội như: Nguyễn Huệ, Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu và còn một số võ tướng khác rất tinh thông về kiếm pháp.

Hiện nay ở Bình Định cũng có nhiều võ đường lưu giữ gia phả về kiếm từ

đời này sang đời khác như: Võ đường Hà Trọng Sơn với bài: Mai hoa kiếm pháp. Võ đường Phan Thọ ở Tây Sơn với bài Song đao phá Thạch. Võ đường Xã Hào (Minh Tinh) ở Tuy Phước với bài Độc giác kiếm. Bài tru hồn kiếm của phái võ nhà chùa (Hạnh Hòa) và còn nhiều võ đường khác nữa.

C.1.5. Đặc trưng của kiếm võ cổ truyền Bình Định:

- Nhanh: Chém chặt nhanh như gió (đánh kiếm nghe vù vù)
- Mạnh: Đâm thật mạnh (mãnh hổ thôi sơn)
- Chặt: Thủ kín, không cho đối phương chạm vào thân thể mình.
- Sát: Đòn nguy hiểm bí truyền (hạ gục đối phương).

C.2. BUI THỊ XUÂN VỚI BÀI SONG PHƯỢNG KIẾM

Bùi Thị Xuân sinh ở thôn Phú Xuân, xã Bình Phú, huyện Bình Khê. Thuở nhỏ bà thích làm con trai ham mê học võ và vào rừng săn bắn. Thầy dạy võ đầu tiên cho Bùi Thị Xuân là một bà lão. Hằng ngày bà đến dạy võ, đến tối ra về, bà về đâu không ai biết! Thị Xuân chỉ biết học võ, cấm không được hỏi bà về tên họ, làm gì ở đâu. Khi Thị Xuân nắm được võ nghệ khá, tương đối, thì bà lão lại trở lại nữa. Thầy dạy thứ hai là võ tướng Ngô Mạnh. Quê ở Ninh Bình vì tránh với triều đình thời nát, sợ liên lụy tránh sự truy lùng bắt bớ, mang theo cháu nội là Ngô Văn Sở, vào lánh nạn, sinh sống rồi dạy võ cho Bùi Thị Xuân.

Bùi Thị Xuân là một nữ tướng (đô đốc) duy nhất của nhà Tây Sơn, được giao nhiệm vụ là huấn luyện Tượng Binh. Những trận đánh lớn. Bà đảm nhận đội quân hậu tập với đoàn voi chiến dũng mãnh, dám xông pha trận mạc chặn đánh trả phía sau, khi quân thù đánh bọc hậu ở căn cứ nghĩa quân Tây Sơn. Một hôm bà cùng chị em đưa đoàn voi ra nơi bãi tập. Bỗng bà nghe tiếng hổ gầm thét. Men theo bìa rừng bà đến nơi có tiếng hổ gầm, bà thấy cảnh tượng rất hãi hùng. Một con cọp hung dữ gầm thét đang muốn đớp mỗi thịt người. Một bên là một chàng trai oai hùng đang sử dụng những đòn thế hiểm để đánh và né sức mạnh tấn công của con cọp. Có lẽ hai bên quần nhau đã lâu, chàng trai đã thấu mệt, máu me đầy người. Trước tình thế hiểm nghèo đó, Bùi Thị Xuân vùng kiếm đâm thẳng vào con cọp, đánh nhau được một lúc con cọp lại dấn đòn, đau quá quần quai bỏ chạy. Bà thu kiếm đến chăm sóc người bị thương, rồi đưa về nhà thờ lão ông chăm sóc chạy chữa thuốc thang, chàng trai đó là Trần Quang Diệu.

Mối tình võ nghệ hai người sống bên giúp đỡ nhau trong võ nghệ và chiến đấu. Hai người đồng tâm hiệp lực, trung thành tuyệt đối với phong trào Tây Sơn. Đã góp sức đánh thắng lợi ở những trận đánh quyết tử.

Sau khi Quang Trung mất đột ngột, phong trào Tây Sơn suy yếu. Các tướng lĩnh hết lòng chống đỡ, nhưng đều bị bại trận, mỗi người thất lạc khắp nơi, tìm nơi ẩn nấp. Bùi Thị Xuân bị bắt ở Hương Hóa tỉnh Nghệ An. Trong lúc sa cơ thất thế bà được gặp lại Trần Quang Diệu cũng ở trong hoàn cảnh tướng bại trận bị bắt. Gia Long giết hại bà một cách gian ác, tàn bạo bằng cách cho voi chà, lôi kếp đạp bà cho đến chết.

Bùi Thị Xuân chết đi nhưng để lại tấm gương oai hùng, “trung quân liệt sĩ” để mãi về sau.

Bùi Thị Xuân là một nữ tướng văn võ song toàn nhất là kiệt xuất về võ nghệ. Bà đã có công to lớn để xây dựng lên dòng võ độc đáo mang đậm màu sắc dân tộc. Đó là võ Tây Sơn. Trong quá trình xây lên giòng võ Tây Sơn, bà cũng đã đóng góp nhiều cho kho tàng võ nghệ đó. Bằng cách tự mình biên soạn ra một loạt bài võ kiếm như: Song phượng kiếm, Âm dương phượng kiếm và một số bài khác nữa.

Nguồn gốc ra đời của bài Song phượng kiếm.

Trời đã hé sáng mà lớp sương mù còn phủ kín cả núi rừng, lại còn ngọn gió bắc thổi bay bay về, làm cho mọi người thấm lạnh thêm. Khi mặt trời lên cao, xóa tan lớp sương lạnh đem hơi ấm về sưởi ấm cho muôn loài chim chóc, chúng vui mừng nhảy hót làm sôi động cả núi rừng. Những đóa hoa rừng cũng đua nhau khởi sắc, đón chào lượt ngày mới tốt đẹp.

Trên bãi tập voi, Bùi Thị Xuân đứng với phong thái oai vệ, cầm kiếm chỉ huy. Chỉ bãi tập trước mặt để mọi người quang tượng đưa voi vào trận, thúc quân xông lên (quân xanh) quần đánh nhau với voi mãi cho đến trưa mới kết thúc. Buổi tập nào Bùi Thị Xuân cũng nhìn trên trời có hai con chim bay lượn trên không theo dõi buổi tập, hết buổi tập hình như hai con chim ngược xuống nhìn bà, rồi từ giã bay mất.

Tối đến trong giấc ngủ trong lành, Bùi Thị Xuân mơ thấy đôi chim phượng từ trên núi cao bay về đậu trên hai cây sếu trước trại. Chúng chợp cánh vui đùa, nhảy hót một lúc rồi bay đi mất. Rồi một buổi tập như thường lệ cũng đôi chim

phượng đó, mỗi con ngậm một thanh kiếm bay đến đậu trước mặt bà đang chỉ huy buổi tập. Rồi bay lượn ba vòng rồi xà xuống, gật đầu ba lần; rồi nhả kiếm ra, rồi vụt bay đi mất. Từ đó đến hết buổi tập không thấy đôi chim quay trở lại. Bà vui mừng xúc động, nhặt lại thanh kiếm lên xem. Cái kiếm làm bằng gỗ lim, thanh kiếm sáng loáng và rất sắc bén. Bà cầm hai thanh kiếm lên lạy trời đất, thánh thần đã ban cho hai thanh kiếm báu, để tập luyện và chiến đấu. Vào lúc hư vô bà luôn đợi hai chim phượng bay về. Lúc đó gà vỗ cánh cất tiếng gáy đầu. Bùi Thị Xuân giật mình tỉnh giấc, mới hiểu đây là mẩu chuyện trong mơ.

Một chiều, Bùi Thị Xuân cùng chị em, đi ra bìa rừng, ngoạn cảnh. Bà đứng nhìn phương trời xa xa thấy nhiều đàn chim đang bay lượn trên bầu trời mênh mông bao la. Bùi Thị Xuân quên đi tất cả, mãi theo dõi động tác bay nhảy của đàn chim với những chấm đen nhỏ trong bầu trời rồi rút thanh gươm múa may một lúc, nhái theo động tác bay nhảy của đôi chim phượng. Trục nhìn lại thì bóng tối đã ngã xuống phủ kín bầu trời mờ mịt. Xung quanh núi rừng chìm trong ử tịch. Các chị em rủ nhau ra về.

Đêm nay Bùi Thị Xuân không sao ngủ được mà ngồi loay hoay hòa lên bài thơ nói về đôi chim phượng bay lượn trong buổi trời đẹp và với tình của một người con gái, khi thấy nước nhà bị mắc phải lầm than.

Thơ rằng: Thiều Quang xuân can thiệp hồng cao
Lượng phượng du du thanh thượng bích
Tình nguyện sơn thủy câu hàm thệ
Mảng số đào thơ lụy kiếm sầu

Tạm dịch ra tiếng Việt:

Đẹp thay phong cảnh cuối đông
Có đôi chim phượng lượn vòng trời xanh
Cuộc kêu nặng nợ bình sanh
Đời người nhi nữ lụy tình kiếm cung

Chợt nhớ đến câu chuyện trong mơ, Bùi Thị Xuân dựa theo ý thơ mà viết ra lời thiệu cho bài song phượng kiếm.

Ngoài kia trăng khuyết đã lên cao, màn sương đêm buông lạnh. Bùi Thị Xuân mang cặp song kiếm đi ra nơi trường dạy võ. Đứng nhìn vào bầu trời mịt

mù u tịch mênh mông xa thẳm, như thu gọn cả non sông vào tầm mắt. Hình dung lại mọi động tác bay lượn của đôi chim phượng. Bùi Thị Xuân vung kiếm đưa qua đưa lại hô phóng theo những động tác đó. Rồi biên soạn thành bài pháp song phượng kiếm. Tập đi tập lại khá lâu, khi đã khá thuần thuộc. Dừng lại, xếp đôi song kiếm lại. Tìm chiếc áo choàng ngoài, ché lên người đã thấm mệt và lạnh. Ra về với nụ cười mừng vui, vì đêm nay bà đã hoàn thành một việc mà bấy lâu hằng mong muốn.

Lời thiệu nguyên âm bằng chữ Hán nôm:

Nguyên âm chữ Hán: BÀI SONG PHỤNG KIẾM

BÀI SONG PHỤNG KIẾM

双 凤 剑
 利剑募魂鎗
 雲飞何月走
 鳳翼到林前
 四季保南邦
 东霜留溪隘
 征日見鳳飞
 西天何劍客
 鳳翼到山蓬

Dịch theo âm chữ Hán:

SONG PHƯỢNG KIỂM

Lợi kiếm mộ hồn thương
Vân phi hà nguyệt tẩu
Phượng dứt đão lâm tiền
Tứ quý bảo Nam Bang
Đông Sương lui Quang Ái
Hậu nhật kiếm loang phi
Tây thiên hà kiếm khách
Phượng dứt đão sơn bồng

Tạm dịch ra tiếng Việt:

ĐƯỜNG GƯƠM ĐÔI PHƯỢNG

Hồn thương theo kiếm báu
Mây, trăng chạy nào quen
Bìa rừng chim phượng múa
Bốn mùa giữ nước Nam
Đông về sương quan ải
Chiều lại thấy chim loang
Trời tây nào kiếm khách
Cánh phượng đến non bồng.

Bài gồm tám câu thơ theo thể ngũ ngôn, mỗi câu có tám thao. Toàn bài có 64 hành pháp liên thao, theo nghệ thuật cấu trúc các thao không trùng lặp. Về tầm sát phạt có mấy ưu điểm như sau:

Câu 1: Chuyên phá đường thương (các binh khí dài)

Câu 2: Chuyên lia đường gươm đão

Câu 3, 4: Dụ địch vào thế hiểm để sát phạt

Câu 5, 8: Chuyên đánh phá vây trong tình thế loạn quân

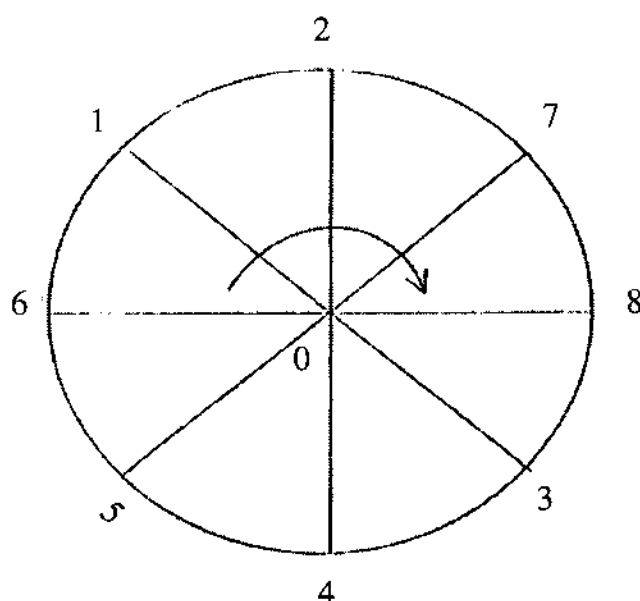
Bài này do Bùi Thị Xuân tự cứu pháp biên soạn ra, trong thời kỳ huấn

luyện tượng binh ở vùng Tây Sơn hạ. Theo lưu truyền là bà dựa vào đôi chim phượng trong mơ, đem gương dâng cho bà. Cảm nhận được cái ân vô hình ấy, mà bà soạn thảo ra bài kiếm này. Soạn xong vào ngày 20 tháng 12 năm Canh Dần (1770). Bà đem truyền dạy lại cho năm chị em đệ tử của bà, năm người con gái này theo bà đánh giặc, được vua Quang Trung phong tặng là Ngũ Phụng Tiến.

C.3. BÀI KIẾM TIÊU BIỂU CỦA VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

SONG PHƯỢNG KIẾM

Lấy đồ hình bát quái làm chuẩn để di chuyển các bộ pháp và thân pháp. Theo các hướng như sau:



Số 2: Hướng chính diện (Tiền)

Số 4: Hướng sau (Hậu)

Số 6: Bên trái (Tả)

Số 8: Bên phải (Hữu)

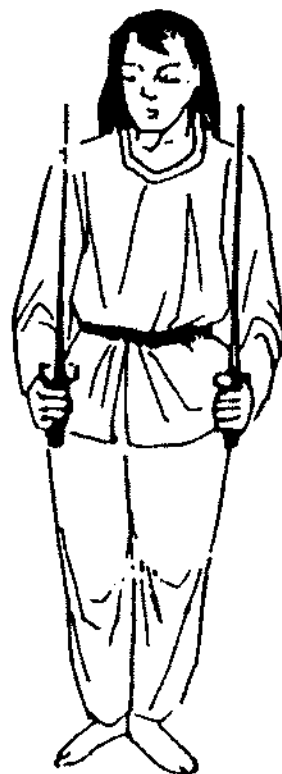
Số: 1, 3, 5, 7 là các hướng chéo nhau

Số 0: Là ngựa trung bình tấn.

Bái tổ (gồm 7 động tác)

Động tác 1:

Tư thế đứng thẳng, bàn chân đứng hình chữ V, người hướng về số 2, hai tay cầm kiếm, hai lưỡi kiếm hướng ra ngoài đặt tại thắt lưng, mũi kiếm chỉ lên trời, mắt nhìn về hướng số 2 (H.1).



H.1

Động tác 2:

Nhảy tung người về sau một bước; đồng thời, lúc ấy ta vung rộng hai lưỡi kiếm sang hai bên chạm vào nhau phía trên đầu (H.2), rơi xuống thành ngựa trung bình tấn, theo hướng số 2; đồng thời, ta găm hai kiếm chéo nhau từ trên xuống ngang tầm bộ hạ, mũi kiếm chỉ xuống đất, mắt nhìn về trước (H.3). Song, ta lật ngược lại kiếm sang ngang, hai lưỡi kiếm hướng ra ngoài hai phía trái và phải (H.4).



H.2



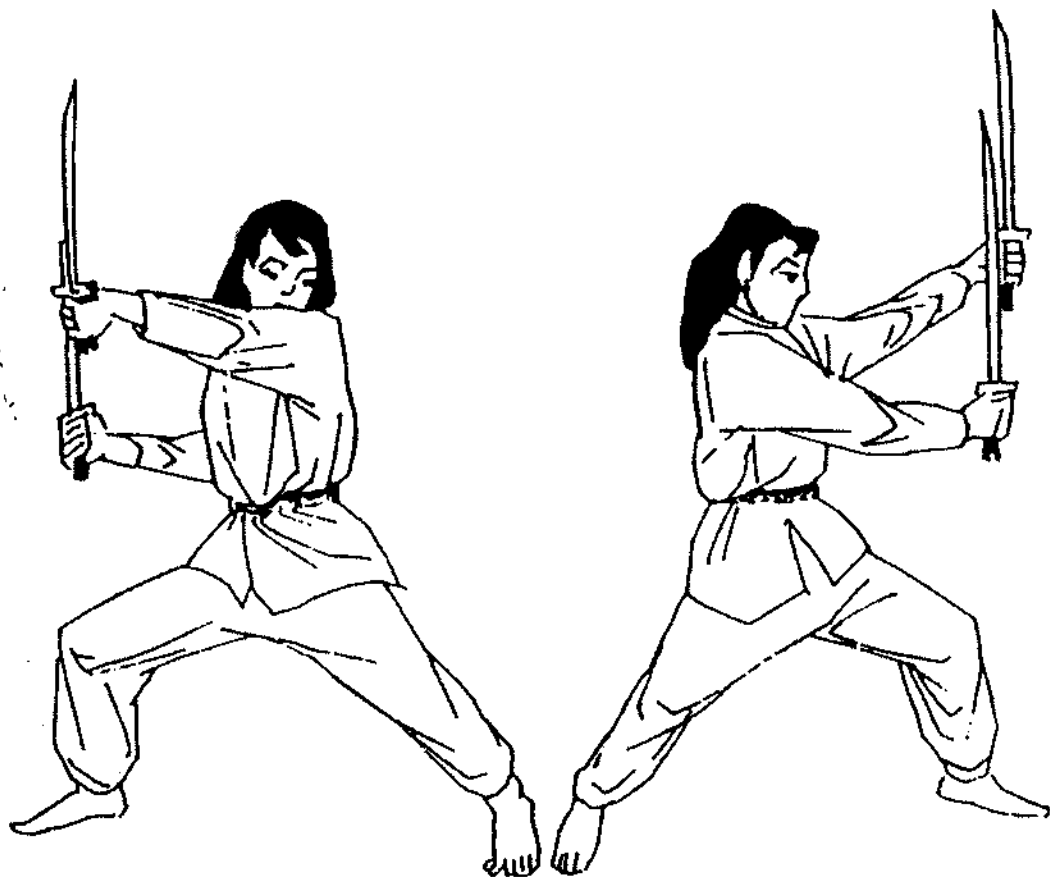
H.3



H.4

Động tác 3:

Nghiêng người về bên chân phải, hai kiếm cùng một lúc đưa qua ngang mặt về bên phải, theo hướng số 8; kiếm trái nằm ngang, kiếm phải dựng đứng, mũi kiếm chỉ lên trời, hai kiếm chạm vào nhau (H.5). Song, ta nghiêng người về bên chân trái thành ngựa đinh tấn trái, theo hướng số 6. Hai kiếm đưa ngang từ hướng số 8 sang hướng số 6, dừng lại tầm ngang ngực, mắt nhìn theo (H.6).



H.5

H.6

Động tác 4:

Đứng tư thế ngựa như trên, vòng hai kiếm từ phía sau lưng, theo chiều từ phải (H.7) sang trái, tay kiếm phải nằm ngang, tay kiếm trái dựng đứng phía bên ngoài tay kiếm phải (H.8).

Song, ta nghiêng người về chân phải thành ngựa đinh tấn phải, theo hướng số 8 ta gạt ngang hai kiếm từ hướng số 6 sang hướng số 8, dừng lại tầm ngang ngực mắt nhìn theo (H.9)



H.7

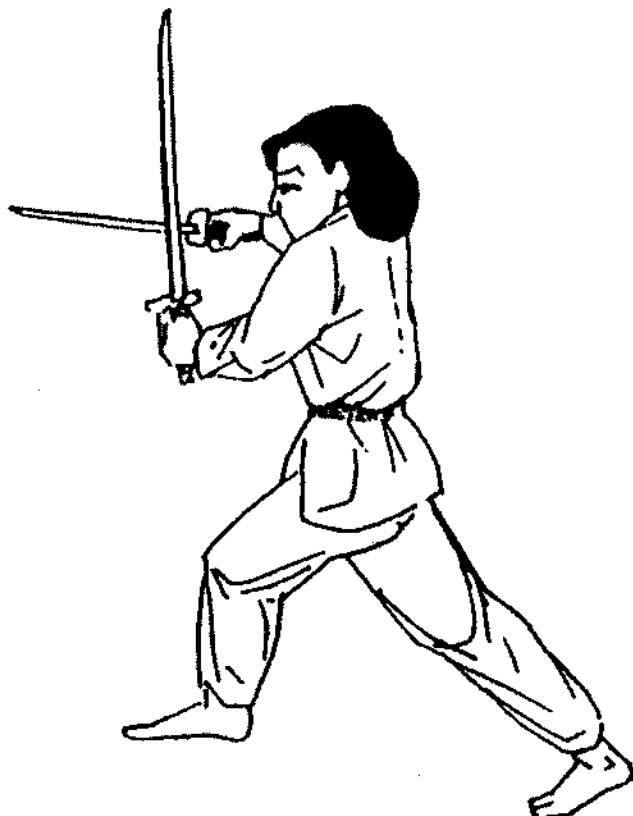


H.8

Bước chân trái lên thành ngựa kim kê tấn trái, hướng số 8; đồng thời, hai lưỡi kiếm chạm vào nhau, mũi kiếm phải chỉ xuống đất, mũi kiếm trái chỉ lên trời tầm ngang trước mặt (H.10). Hai lưỡi kiếm cùng một lúc tay kiếm phải trước ngược từ tầm mặt đưa lên trên về bên phải, tay kiếm trái chém từ tầm mặt xuống đất về phía chân bên trái, mặt nhìn về trước (H.11).

Động tác 6:

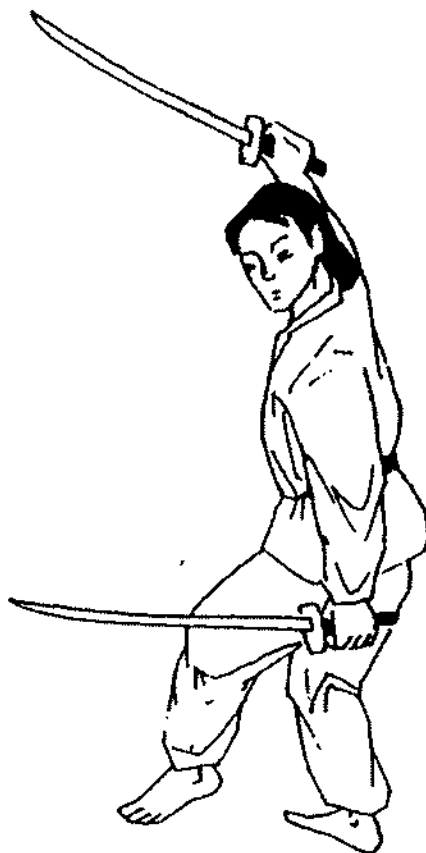
Quay người theo chiều từ trái sang phải tạo thành ngựa



H.9



H.10



H.11

kim kê, hướng số 6; đồng thời, hai kiếm chạm vào nhau, mũi kiếm phải chỉ lên trời mũi kiếm trái chỉ xuống đất tầm ngang mặt (H.12). Tiếp theo hai kiếm cùng một lúc, lưỡi kiếm phải chém xuống đất phía chân bên phải, lưỡi kiếm trái bước ngược đưa lên trời phía vai bên trái, mắt nhìn về hướng số 8 (H.13).

Động tác 7:

Bước chân trái về sau, hướng số 4, thành ngựa kim kê phải, hướng số 2, hai kiếm thu về phía vai bên trái, hai mũi kiếm cùng chỉ xuống đất (H.14). Loang hai lưỡi kiếm song song nhau theo chiều từ trái sang phải, đưa xuống dưới phía bên trái, tầm dưới chân bên trái; bước chéo lên xuyên về vai bên phải (H.15). Đưa hai kiếm về sau phía vai bên phải, hạ hai kiếm xuống dưới phía chân bên phải (H.16), rồi bước từ dưới xuyên lên phía vai bên trái (H.17), cứ thế ta loang song kiếm ba lần, dừng lại phía vai bên phải.



H.12



H.13

Câu 1: Lợi kiếm mộ hồn thương (gồm 8 thao).

Thao 1:

Tay kiếm phải vòng theo chiều từ phải sang trái ra phía sau lưng, gác lên vai bên trái (H.18). Quay người theo chiều thuận về hướng số 4; đồng thời, tay kiếm phải chém ngang từ hướng số 2 sang hướng số 6, dừng lại tầm ngang vai bên phải, bước chân trái lên thành ngựa đỉnh tấn trái, hướng số 4; đồng thời, đâm thẳng từ hông bên trái về trước, hướng số 4, dừng lại tầm ngang ngực, mắt nhìn theo (H.19).

Thao 2:

Bước chân phải về hướng số 4; đồng thời, tay kiếm trái vòng lưỡi kiếm từ trái sang phải ra phía sau lưng, gác lên vai bên phải (H.20). Quay người theo chiều thuận về hướng số 2 thành ngựa đỉnh tấn trái lưỡi kiếm chém từ vai bên phải xuống qua gối chân trái dừng lại. Lúc đó tay kiếm phải vòng theo chiều từ phải sang trái phía sau lưng (H.21), chém từ vai bên trái xuống đất, hai kiếm

song song nhau về hướng số 2, mắt nhìn về trước (H.22).



H.14



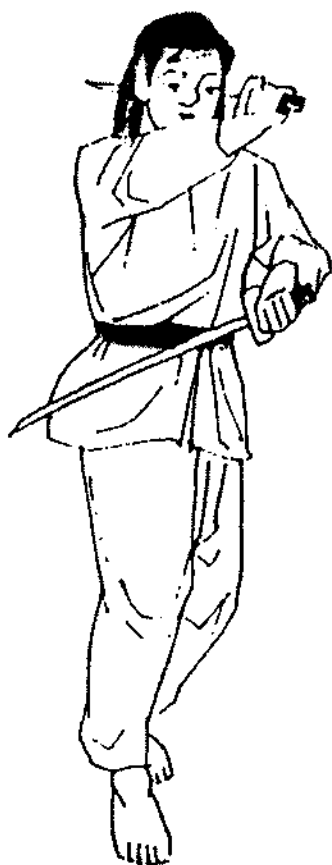
H.15



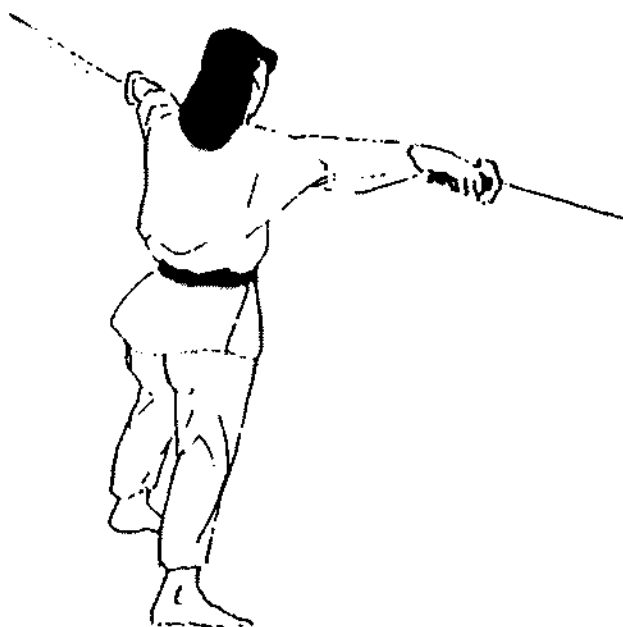
H.16



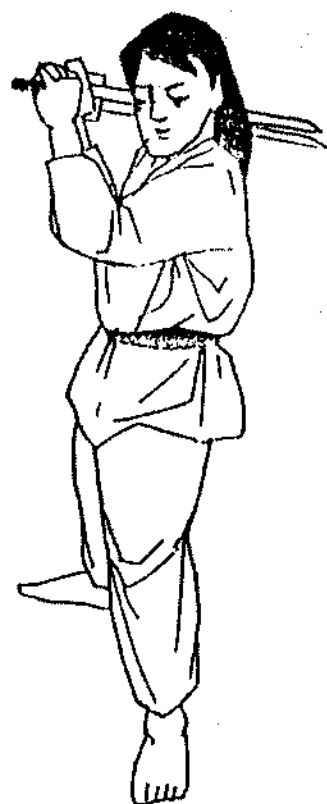
H.17



H.18



H.19



H.20



H.21



H.22



H.23



H.24

Thao 3:

Nhảy tung người lên về trước, hướng số 2; đồng thời, hai tay kiếm đưa về sau hướng số 4, từ dưới phía sau lưng đưa lên qua khỏi đầu hai lưỡi kiếm chạm vào nhau phía trên đầu (H.23), khi rơi xuống thành ngựa định tấn trái, hướng số 2, mắt nhìn theo hai lưỡi kiếm; găm hai lưỡi kiếm từ trên xuống tầm dưới, gối chân trái, hai lưỡi kiếm vẫn chạm nhau, mắt nhìn về hướng số 2 (H.24).

Thao 4:

Rút chân trái về thành ngựa kim kê trái, hướng số 2, hai lưỡi kiếm đưa lên tầm ngực (H.25) hai mũi kiếm chỉ lên trời; gạt hai lưỡi kiếm sang hai bên qua mặt dừng lại, mắt nhìn về hướng số 2 (H.26)



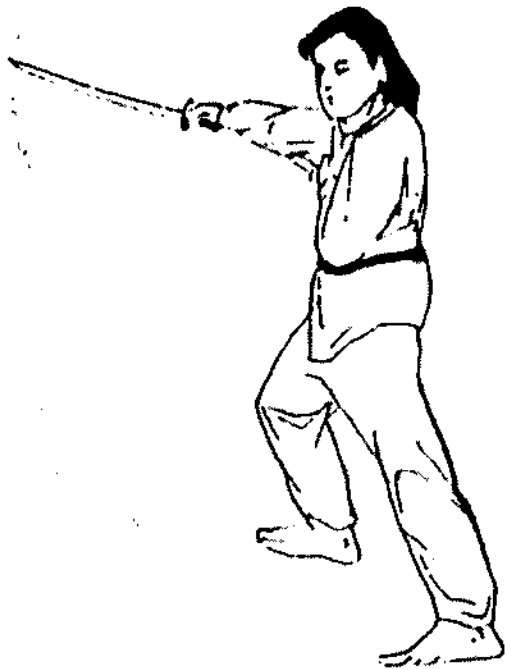
H.25



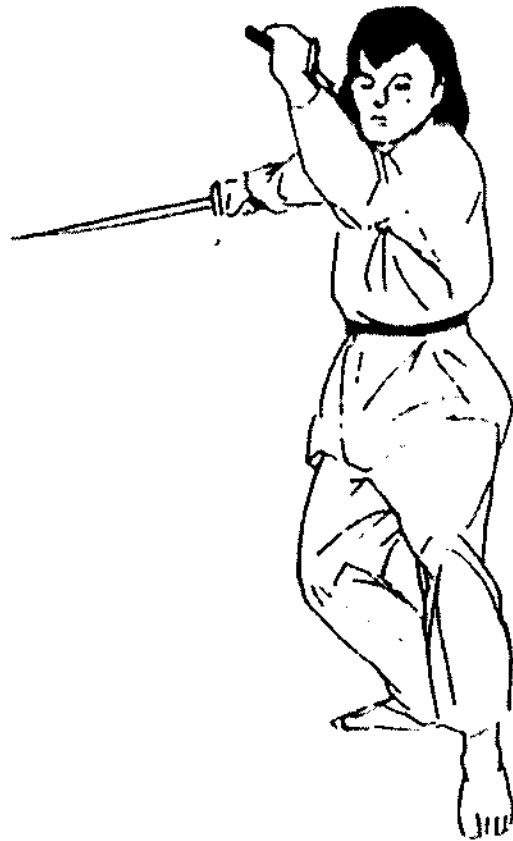
H.26

Thao 5

Bước chân trái về hướng số 2, nghiêng người về bên chân phải thành ngựa bại, hướng số 3; tay kiếm phải chém ngang từ hướng số 2 sang hướng số 3, thu kiếm về ngang tầm vai bên phải; đồng thời, tay kiếm trái đâm từ vai bên trái thẳng tới hướng số 7, lưỡi kiếm ngửa, dừng lại, mắt nhìn về hướng số 2 (H.27).



H.27



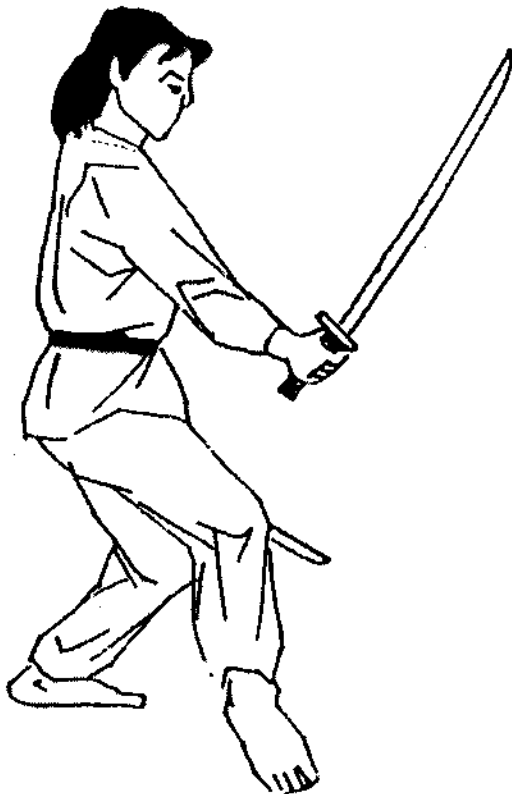
H.28

Thao 6:

Bước chân trái về hướng số 1, thành ngựa kim kê trái kiếm tay phải vẫn giữ nguyên, kiếm tay trái vòng lên theo chiều từ trái sang phải ra phía sau lưng (H.28) chém từ vai bên phải xuống qua gối chân trái dừng lại mắt nhìn về hướng số 1 (H.29).



H.29



H.30



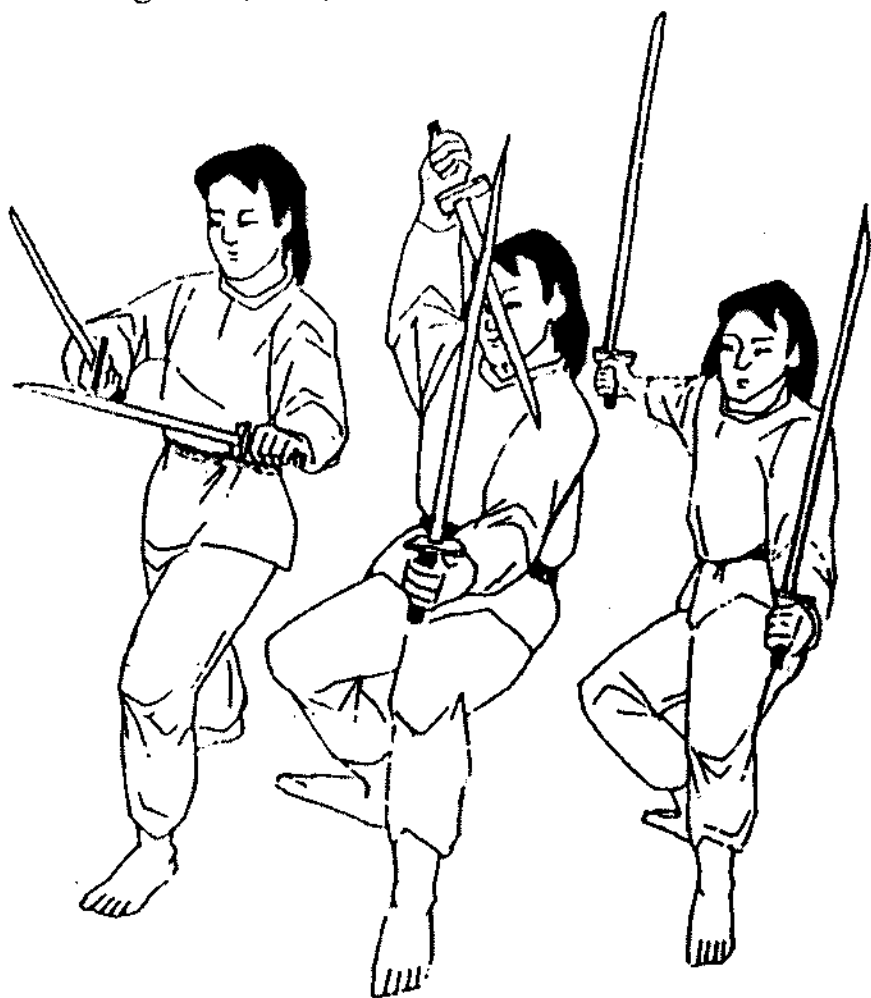
H.31

Thao 7:

Bước chân phải về hướng số 1, thành ngựa kim kê phải kiếm tay trái vẫn giữ nguyên, kiếm tay phải đâm ngược từ dưới hông bên phải lên dừng lại tầm ngang ngực, mắt nhìn theo mũi kiếm (H.30).

Thao 8:

Bước chân phải về sau theo hướng số 4 tạo thành ngựa đinh tấn trái, hướng số 2, kiếm tay trái chặn đứng từ ngực bên trái thẳng tới hướng số 2; đồng thời, kiếm tay phải đưa ngược mũi kiếm về sau, theo hướng số 4 (H.31). Song, chặt từ sau ra trước, hướng số 2, tầm ngang ngực (H.32). Tiếp theo rút chân trái về thành ngựa kim kê trái, kiếm tay phải lật ngựa mũi kiếm lên chạm vào kiếm tay trái dựng lên ngang tầm mắt (H.33). Hai tay cùng tuốt kiếm ra kiếm tay phải đưa về sau lưỡi kiếm ngựa chỉ lên trời, kiếm tay trái đưa về trước tầm ngang gối, mắt nhìn về hướng số 2 (H.34).



H.32

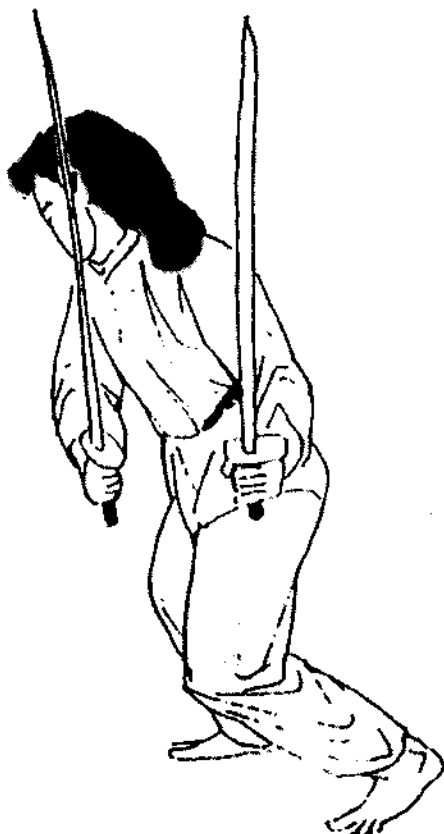
H.33

H.34

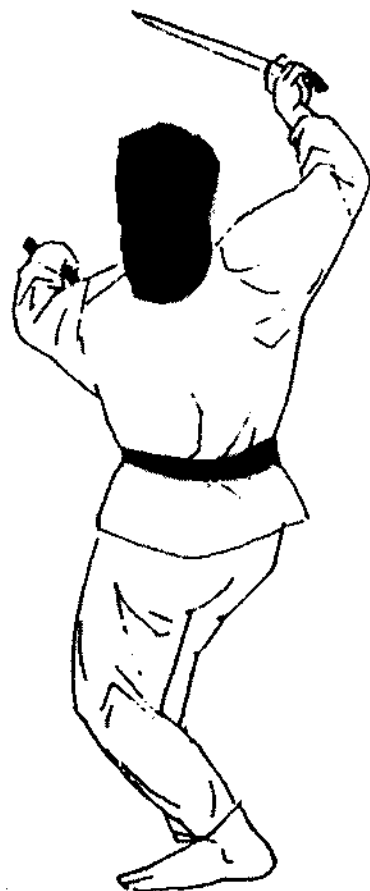
Câu 2: Vân phi hà nguyệt tẩu (gồm 8 thao)

Thao 1:

Bước chân trái về hướng số 2; đồng thời, hai tay kiếm song song đưa về hướng số 2, quay người về hướng số 4, thành ngựa kim kê phải, hướng số 4 (H.35); hai lưỡi kiếm tước ngược từ dưới chân bên trái đưa lên về phía vai bên phải, mắt nhìn về hướng số 4 (H.36).



H.35



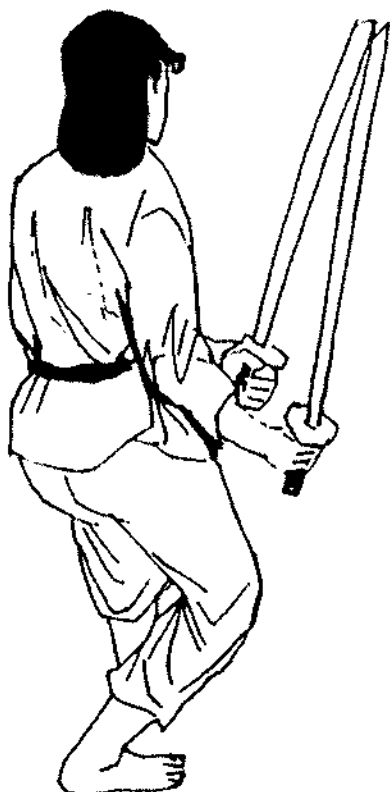
H.36

Thao 2:

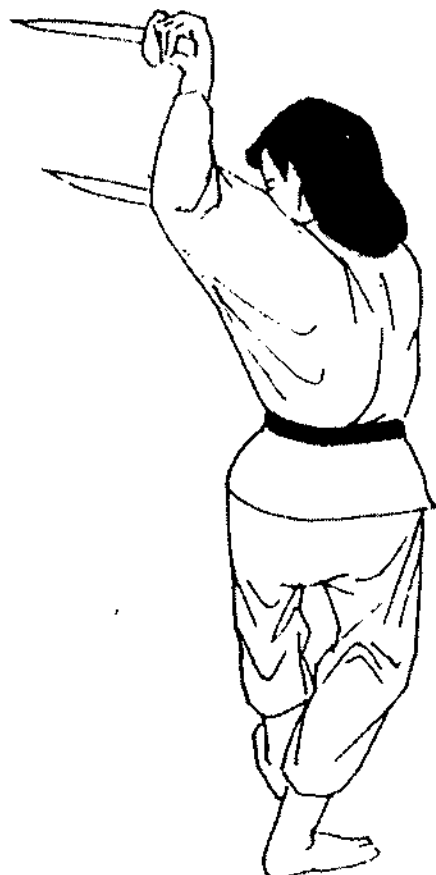
Bước chân trái lên thành ngựa kim kê trái, hướng số 4 hai lưỡi kiếm đưa ngược ra sau về bên phải (H.37); hạ xuống, từ hông bên phải tước ngược hai lưỡi kiếm từ dưới lên về trước phía bên trái mắt nhìn về hướng số 4 (H.38).

Thao 3:

Bước chân phải lên thành ngựa kim kê phải hướng số 4; đưa hai lưỡi kiếm



H.37



H.38

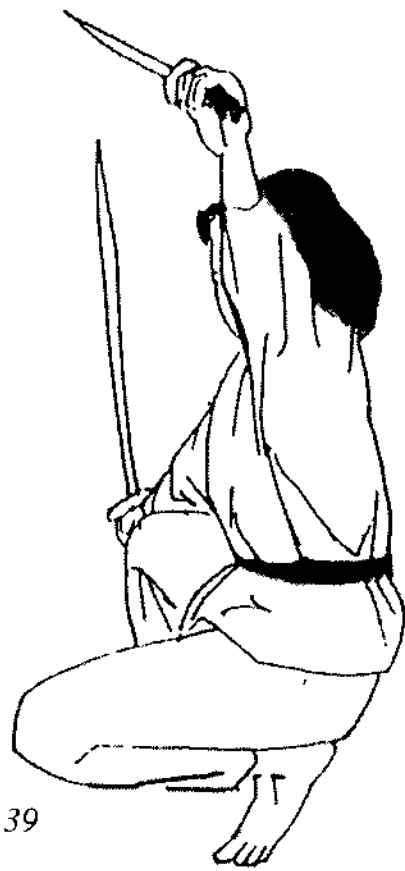
về sau theo hướng số 2, phía bên phải, ta ngồi xuống bên gót chân trái thành ngựa tọa kiếm tay trái đưa từ hông bên phải lên phía trên đầu; đồng thời, kiếm tay phải đâm ngược mũi kiếm từ dưới lên trên tầm ngang ngực, mắt nhìn theo (H.39)

Thao 4

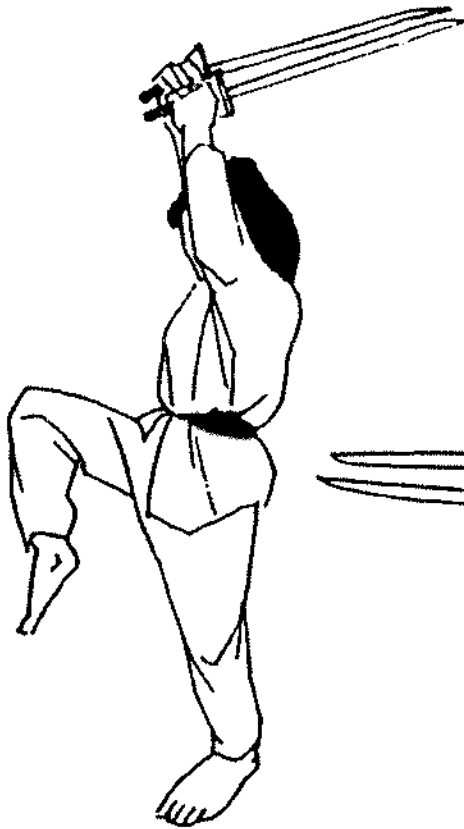
Đứng lên nhấc chân phải về hướng số 8, lúc ấy đâm ngược hai mũi kiếm về sau theo hướng số 6 phía trên đầu, mắt nhìn về hướng số 8 (H.40). Song cả hai lưỡi kiếm chặt từ trên xuống tầm ngang gót chân phải, mắt nhìn về hướng số 8 (H.41).

Thao 5:

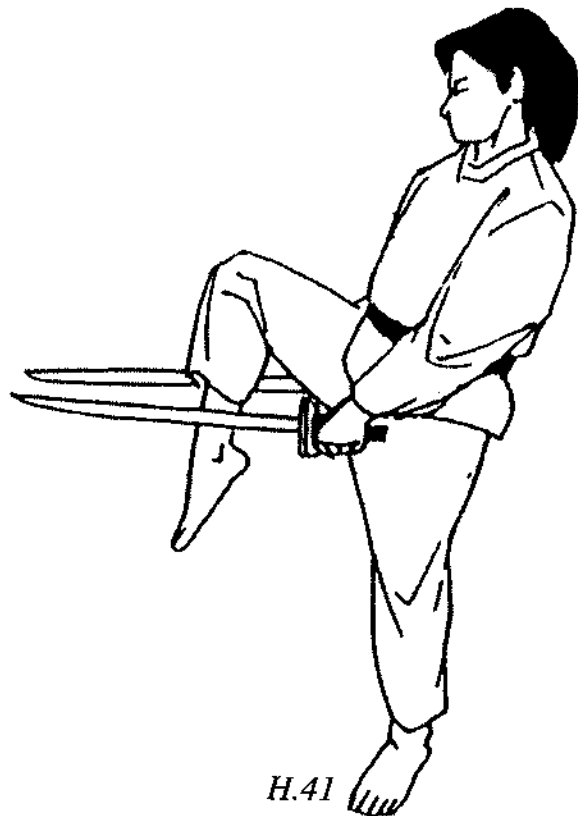
Bước chân phải xuống thành ngựa kim kê phải, hướng số 4 vòng hai lưỡi kiếm từ hướng số 4 qua mặt về hướng số 2 (H.42). Tước ngược hai lưỡi kiếm từ dưới chân bên trái lên trên về phía vai bên phải, mắt nhìn về hướng số 4 (H.43).



H.39



H.40



H.41

Thao 6:

Giữ nguyên tư thế ngựa như trên, hai lưỡi kiếm song song đưa từ trên xuống về phía sau theo hướng số 2, phía vai bên phải (H.44). Tước ngược hai lưỡi kiếm từ dưới chân bên phải lên qua trước mặt về phía vai bên trái, mắt nhìn về hướng số 4 (H.45).



H.42



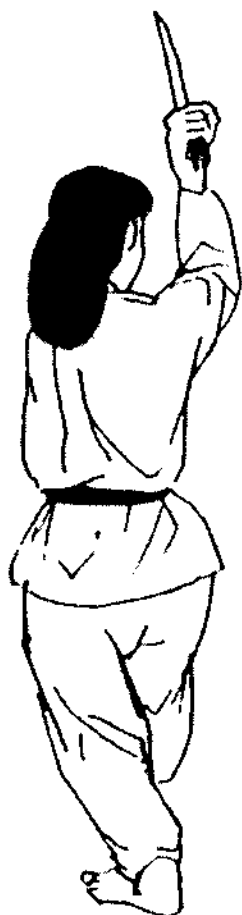
H.43

Thao 7:

Quay người theo chiều từ phải sang trái thành ngựa kim kê trái, hướng số 2; hai lưỡi kiếm chặt từ trên xuống, tầm trên gối chân trái, mắt nhìn về hướng số 2 (H.46).

Thao 8:

Nhảy tung người lên về trước, hướng số 2, lúc ấy hai lưỡi kiếm đưa ngược



H.44



H.45

về sau, hai lưỡi kiếm giáp chéo nhau ở phía trên đầu, thân người rơi xuống thành ngựa đinh tấn trái, hướng số 2; hai lưỡi kiếm chặn từ trên xuống dừng lại tầm trên gối chân trái, mắt nhìn theo (H.47).

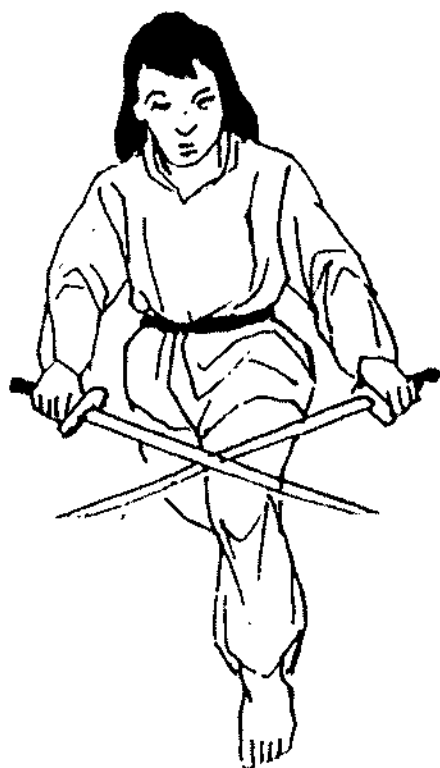
Câu 3: Phụng dật đao lâm tiêu (gồm 8 thao)

Thao 1:

Bước chân phải về hướng số 1, thành ngựa kim kê phải; hai tay kiếm cùng một lúc, kiếm tay trái tước ngược từ hông bên phải lên cao, đồng thời, kiếm tay phải đưa ngược lưỡi kiếm từ dưới hông bên phải về sau, hướng số 3, mắt nhìn về hướng số 1 (H.48).



H.46



H.47



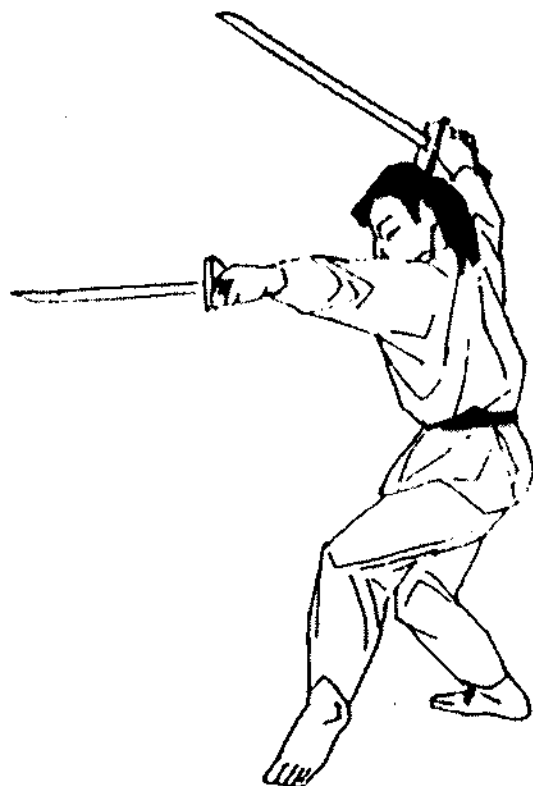
H.48

Thao 2:

Bước chân phải về hướng số 7, hai lưỡi kiếm đưa song song nhau về hướng số 1, (H.49), rồi đưa ngang qua mặt về hướng số 5; đồng thời bước chân trái lên thành ngựa kim kê trái, hướng số 7, hai lưỡi kiếm cùng một lúc, kiếm tay trái đâm từ hông bên trái thẳng tới trước dừng lại, mắt nhìn về hướng số 7 (H.50).



H.49



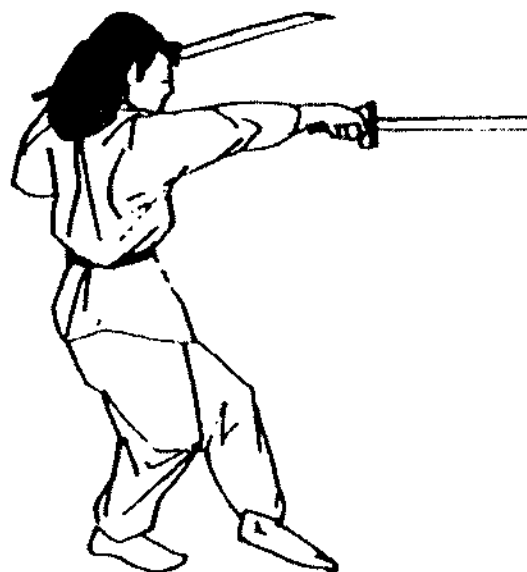
H.50

Thao 3:

Bước chân trái về hướng số 1; đồng thời, hai kiếm đưa song song nhau về hướng số 1; hai mũi kiếm chỉ xuống đất (H.51). Rồi đưa ngang qua mặt lúc này hai mũi kiếm chỉ lên trời về sau theo hướng số 3; bước chân phải lên thành ngựa kim kê phải; đồng thời, hai lưỡi kiếm hạ xuống tầm ngang hông bên phải kiếm tay trái tước ngược từ hông bên phải lên trên về phía vai bên trái dừng lại phía trên đầu kiếm tay phải đâm từ hông bên phải thẳng tới trước dừng lại hướng số 1, mắt nhìn theo (H.52).



H.51



H.52

Thao 4:

Vòng hai lưỡi kiếm từ phải sang trái ra phía sau lưng (H.53); bước chân trái theo chiều từ trái sang phải về hướng số 5, thành ngựa đinh tấn phải, hướng số 7; đồng thời, hai lưỡi kiếm song song vòng về phía vai bên trái hai lưỡi kiếm chém cùng một lúc từ vai bên trái vòng ra trước hướng số 3, mắt nhìn theo lưỡi kiếm (H.54).

Thao 5:

Bước chân phải về hướng số 6, thành ngựa kim kê phải; hai tay kiếm cùng lúc thu về bên chân phải (H.55), kiếm tay trái trước ngược từ dưới lên cao qua khỏi đầu dừng lại hướng số 6, kiếm tay phải đâm ngựa thẳng tới hướng số 2, mắt nhìn về hướng số 2 (H.56).

Thao 6:

Bước chân trái về sau theo hướng số 4; đồng thời, tay kiếm phải vòng từ phải sang trái (H.57), hạ người xuống ngồi trên gót chân trái, hướng số 2; tay kiếm phải chém từ vai bên trái về trước dừng lại, hướng số 7, là là trên mặt đất; đồng thời, tay kiếm trái chém ngược từ dưới lên, hướng số 4, mũi kiếm chỉ lên trời, mắt nhìn về hướng số 7 (H.58).

Thao 7:

Bước chân phải về hướng số 8 hai lưỡi kiếm song song về hướng số 6, tầm ngang vai bên trái, mũi kiếm chỉ lên trời (H.59), hai tay kiếm hạ xuống kề vào chân bên trái mũi kiếm chỉ xuống đất, tiếp theo tước ngược hai lưỡi kiếm từ dưới lên, hướng số 7, mắt nhìn theo (H.60).

Thao 8:

Bước chân phải về sau theo hướng số 4, thành ngựa đinh tấn trái hướng số 2, hai lưỡi kiếm chặt ngược song song về sau theo hướng số 4 (H.61); bước chân phải lên thành ngựa đinh tấn phải, hướng số 2; hai tay kiếm cùng lúc kiếm tay trái tước ngược từ dưới lên phía trên đầu, kiếm tay phải đâm từ hông bên phải xuyên lên về hướng số 2 tầm ngang ngực, mắt nhìn về hướng số 2 (H.62).

Câu 4: Tứ quý bảo nam bang (gồm 8 thao)

Thao 1:

Quay người theo chiều từ phải sang trái về hướng số 4, thành ngựa kim kê

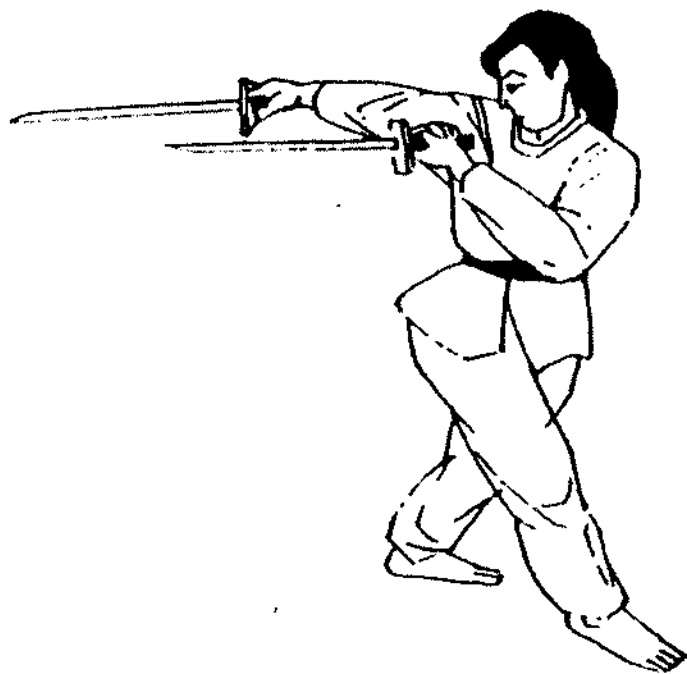


H.53

trái, hai tay kiếm đặt song song về phía vai bên phải (H.63), chém xuyên hai lưỡi kiếm từ vai bên phải về hướng số 3, dừng lại tầm ngang ngực, mắt nhìn về hướng số 3 (H.64).

Thao 2:

Bước chân phải lên, hướng số 4, thành ngựa kim kê phải; đồng thời, hai lưỡi kiếm đặt song song về bên trái (H.65); chém ngược từ hông bên trái xuyên về hướng số 5 dừng lại tầm ngang ngực, mắt nhìn theo (H.66).



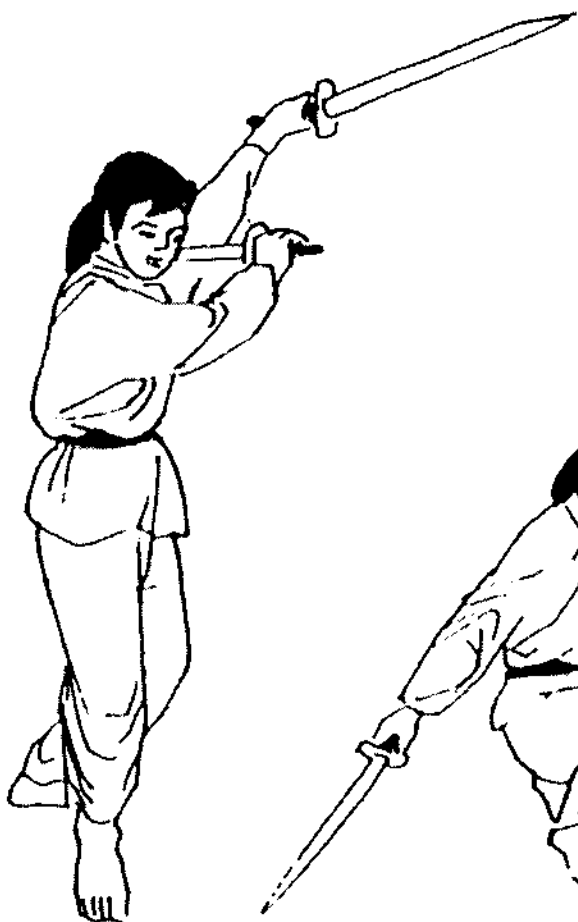
H.54



H.55



H.56



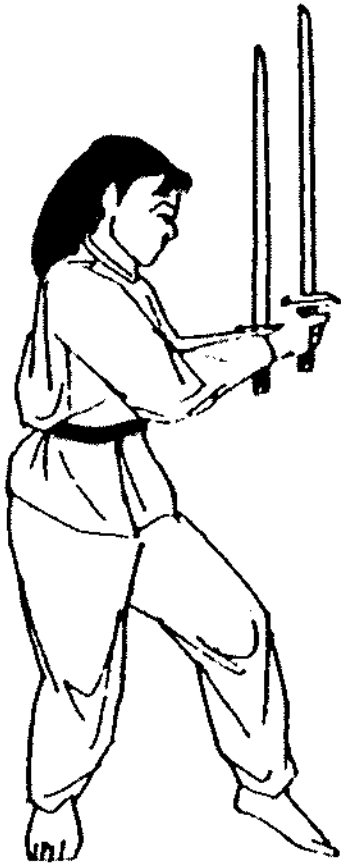
H.57



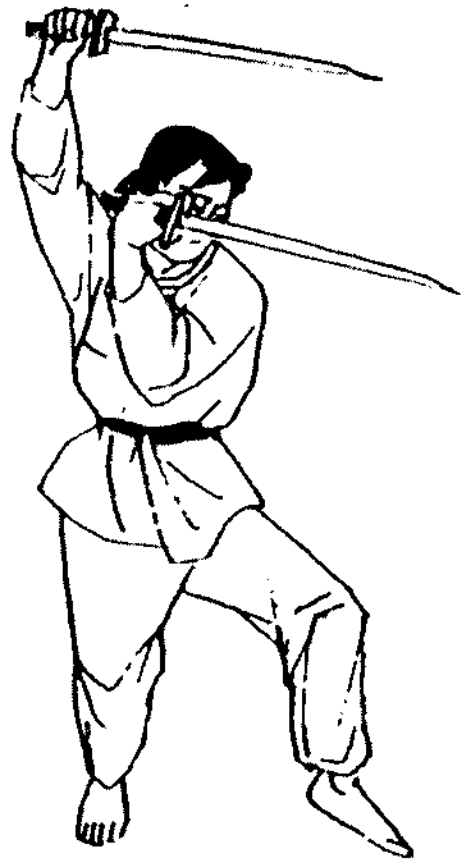
H.58

Thao 3:

Nghiêng vai theo chiều từ phải sang trái về hướng số 2, thành ngựa kim kê trái, hai tay kiếm đặt song song về sau vai bên phải (H.67); đồng thời, hai lưỡi kiếm chặt từ vai bên phải xuống qua gối chân trái, mắt nhìn về trước (H.68).



H.59



H.60

Thao 4:

Giữ nguyên tư thế ngựa như trên, hai lưỡi kiếm đan chéo vào nhau đặt trên đầu gối chân trái (H.69); Sau đó đưa lên tầm trước mặt, gạt hai lưỡi kiếm sang hai bên, hai mũi kiếm chỉ lên trời, mắt nhìn về hướng số 2 (H.70).



H.61



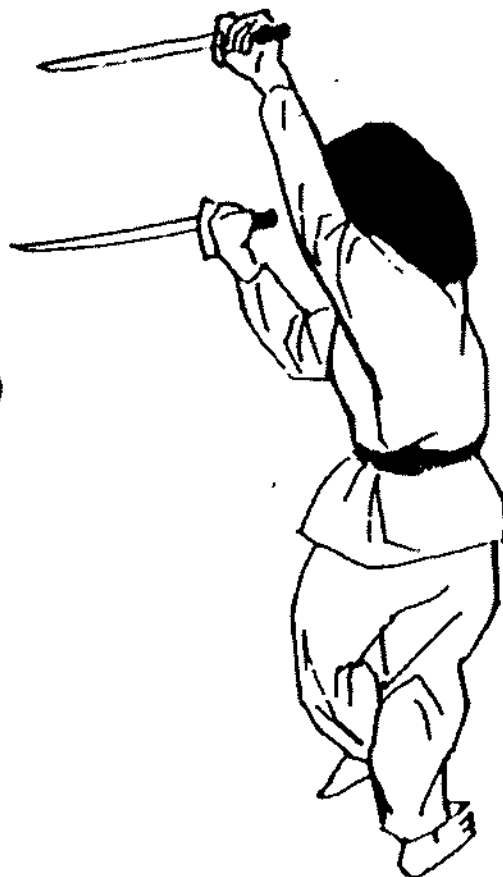
H.62

Thao 5:

Bước chân phải lên, hướng số 2, thành ngựa kim kê phải; hai lưỡi kiếm dựng song song về hướng số 4 (H.71). Song tước ngược từ hông bên phải lên trước mặt, dừng lại hướng số 2, mắt nhìn theo (H.72).



H.63



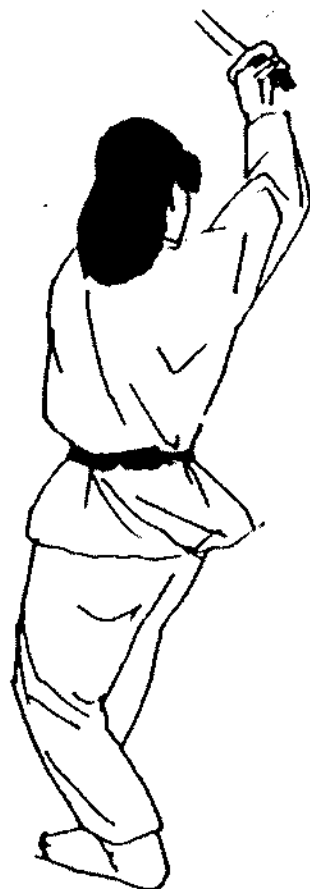
H.64

Thao 6:

Bước chân trái lên thành ngựa kim kê trái, hướng số 2; hai lưỡi kiếm song song đưa về sau phía vai bên trái (H.73), hạ hai lưỡi kiếm xuống tầm hông, bên trái, rồi tước ngược qua mặt lên trên, mắt nhìn về trước (H.74).



H.65



H.66

Thao 7:

Vòng hai lưỡi kiếm song song theo chiều từ phải sang trái ra phía sau lưng (H.75); bước chân trái theo chiều từ trái sang phải về hướng số 6, thành ngựa đinh tấn phải, người hướng về số 8; đồng thời, hai tay kiếm lăng theo chém ngang hai lưỡi kiếm về hướng số 8, mắt nhìn theo (H.76).



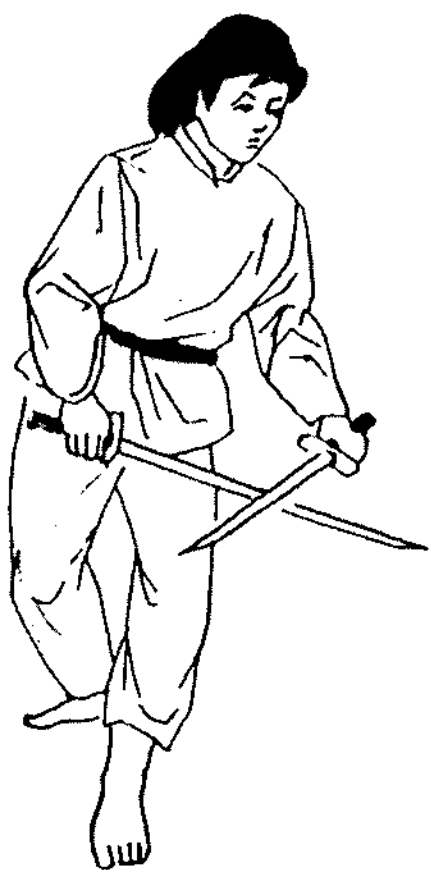
H.67



H.68

Thao 8:

Bước chân phải về hướng số 2, thành ngựa đinh tấn phải; hai lưỡi kiếm chặt về sau (H.77); đồng thời, cùng lúc kiếm tay trái tước ngược từ dưới lên ngang tầm đầu, kiếm tay phải đâm ngược từ dưới lên ngang tầm mặt, mắt nhìn theo mũi kiếm (H.75).



H.69

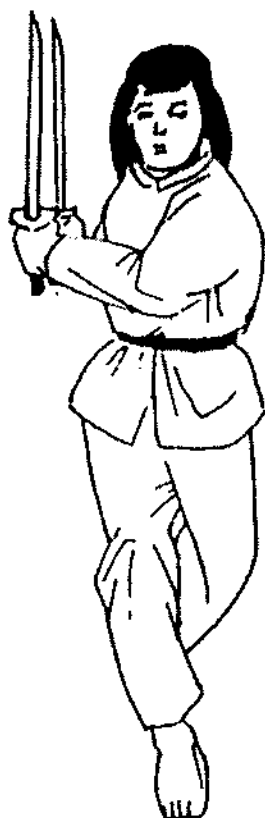


H.70

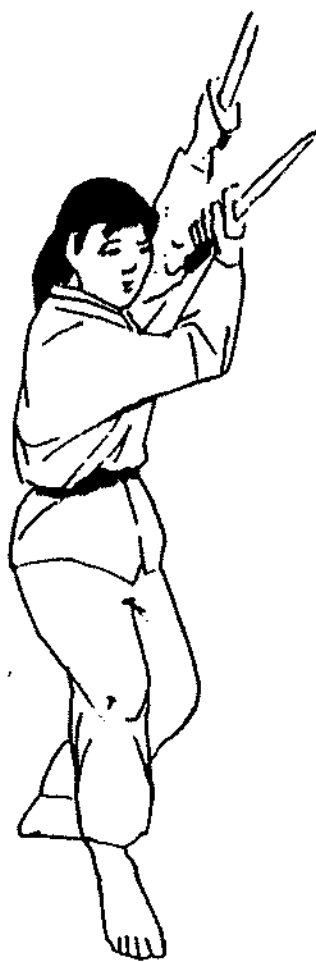
Câu 5: Đông xương lưu quan ải (gồm 8 thao)

Thao 1:

Bước chân trái về hướng số 3, thành ngựa kim kê phải, kiếm tay phải vòng từ phải sang trái ra phía sau lưng (H.79); đồng thời kiếm tay trái canh xiên về



H.71



H.72

trước ngực, hạ người xuống ngồi trên gót chân trái; đồng thời, hai tay kiếm cùng một lúc, kiếm tay phải chặt từ vai bên trái xuyên xuống qua gối chân phải, tầm là trên mặt đất kiếm tay trái chém xuyên về sau, hướng số 5 tầm trên đầu, mắt nhìn về hướng số 7 (H.80).



H.73



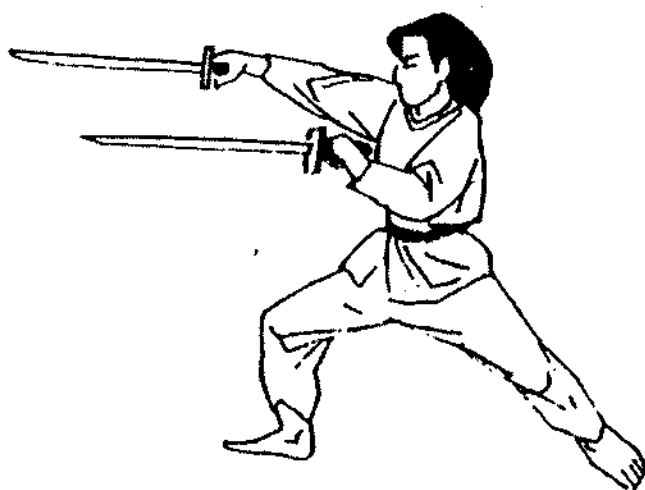
H.74

Thao 2:

Lui chân trái về sau theo hướng số 2; đồng thời, hai lưỡi kiếm song song ở phía vai bên phải về hướng số 7 (H.81). Quay người về hướng số 5, thành ngựa kim kê phải, hạ hai lưỡi kiếm song song tầm hông bên phải, song tước ngược hai lưỡi kiếm từ dưới lên cao hơn đầu, mắt nhìn theo (H.82).



H.75



H.76

Thao 3:

Tư thế như trên đổi sang bên trái, bước chân trái lên thành ngựa kim kê trái; hai lưỡi kiếm canh song song đưa về vai bên trái theo hướng số 7 (H.83); song, tước ngược hai lưỡi kiếm từ dưới xuyên lên tầm cao hơn đầu, mắt nhìn theo (H.84).

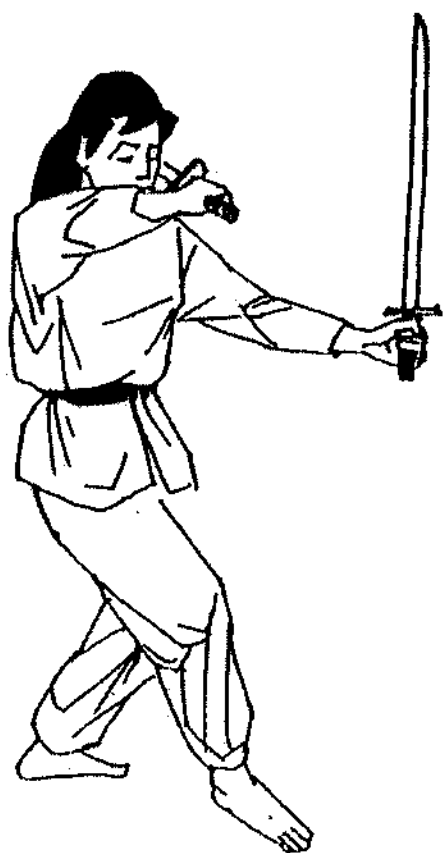


H.77



H.78

Thao 4: Bước chân phải lên, hướng số 4; hai lưỡi kiếm canh song song tầm ngang ngực về hướng số 4, mắt nhìn về hướng số 2 (H.85), quay người từ phải sang trái thành ngựa đỉnh tấn trái, hướng số 2 chặt hai lưỡi kiếm từ trên xuống về hướng số 2 tầm trên mắt cá chân trái, mắt nhìn về trước (H.86).



H.79



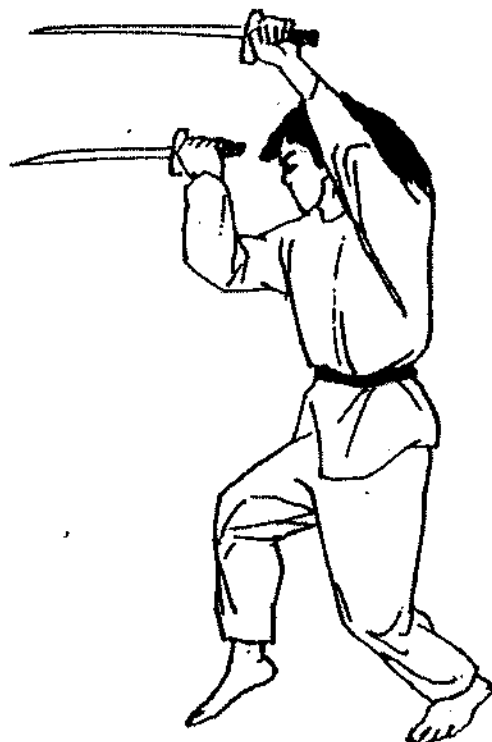
H.80

Thao 5:

Bước chân phải lên, hướng số 8, thành ngựa kim kê phải; đồng thời, tay kiếm phải lật ngửa lưỡi kiếm vòng theo chiều từ phải sang trái ra phía sau lưng (H.87); rồi chém từ vai bên trái xuyên xuống về hướng số 3, dừng lại tầm thắt lưng, mắt nhìn theo lưỡi kiếm (H.88).



H.81



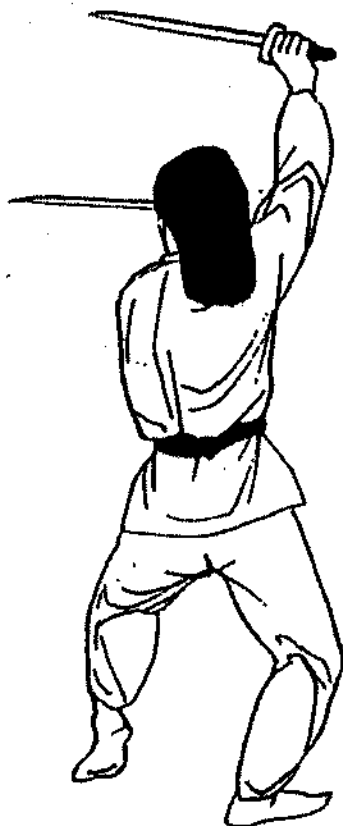
H.82

Thao 6:

Lùi chân trái và quay người theo chiều từ phải sang trái về hướng số 4, thành ngựa kim kê trái; đồng thời, kiếm tay trái vòng lưỡi kiếm từ trái sang phải, chém vòng sang phải xuống về hướng số 3 tầm ngang thắt lưng, mắt nhìn về hướng số 4 (H.89).



H.83



H.84

Thao 7:

Bước chân phải về hướng số 4, thành ngựa kim kê phải, kiếm tay trái thu về đặt tại hông bên trái; đồng thời, kiếm tay phải tước ngược từ dưới chân bên phải đưa cao hơn đầu dừng lại hướng số 4, mắt nhìn theo. (H.90).



H.85



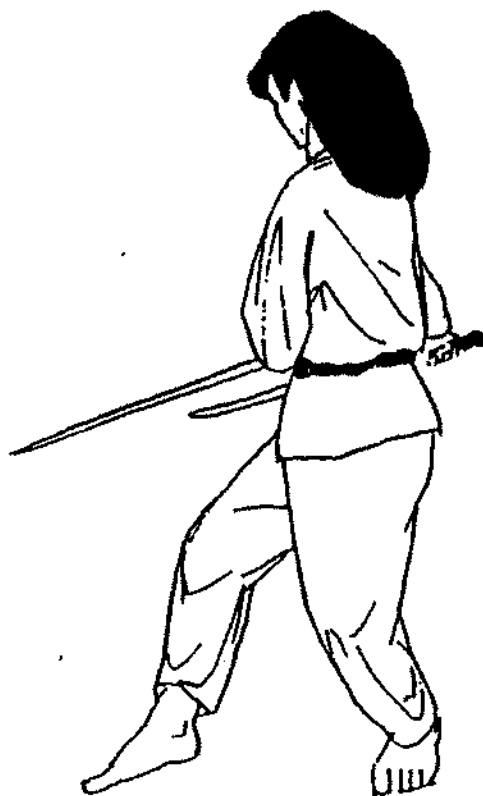
H.86

Thao 8:

Bước chân trái lên hướng số 4, thành ngựa kim kê trái, kiếm tay phải thu về ngang tầm đầu; đồng thời, kiếm tay trái đâm từ hông bên trái thẳng tới trước, dừng lại hướng số 4, tầm ngang thắt lưng mắt nhìn theo (H.91).



H.87



H.88

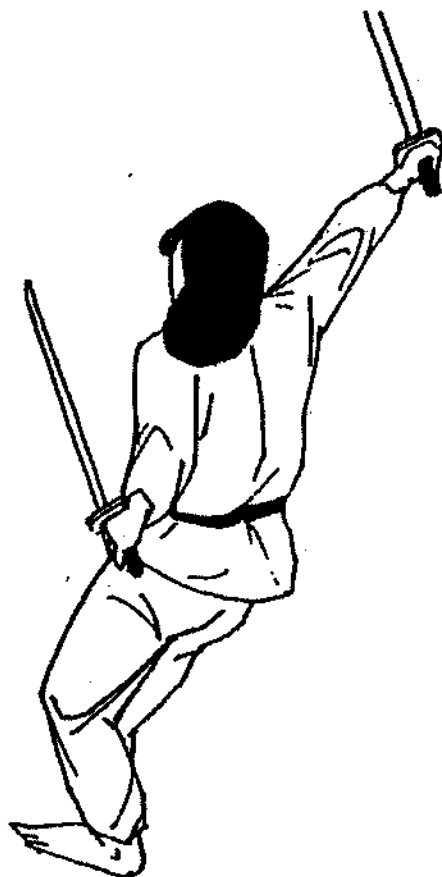
Câu 6: Hậu nhứt kiếm loang phi (gồm 8 thao)

Thao 1:

Giữ nguyên tư thế ngựa như trên, kiếm tay phải vẫn giữ nguyên, kiếm tay trái vòng từ trái sang phải ra phía sau lưng, rồi chạm vào vai bên phải, lùi chân trái về sau hướng số 1; lưỡi kiếm trái chém từ vai bên phải (H.92) xuống tầm qua gối chân trái, mắt nhìn về hướng số 1 (H.93).



H.89



H.90

Thao 2:

Nghiêng người về chân trái, thành ngựa đinh tấn trái, hướng số 1; kiếm tay trái vẫn giữ nguyên, kiếm tay phải đâm từ hông bên phải xuyên lên trước mặt, dừng lại hướng số 1, mắt nhìn theo mũi kiếm (H.94).



H.91



H.92



H.93

Thao 3:

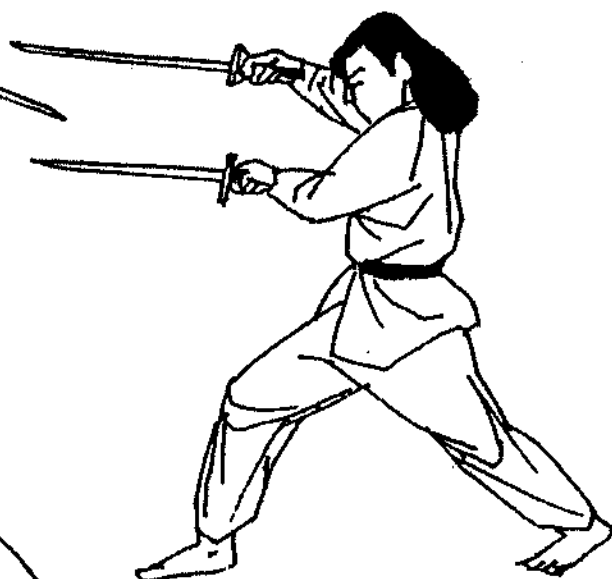
Bước chân phải về hướng số 8, hai lưỡi kiếm vòng song song theo chiều từ phải sang trái ở phía sau lưng (H.95); chém ngang từ hướng số 6 sang hướng số 8 dừng lại tầm ngang ngực, mắt nhìn theo (H.96)



H.94



H.95



H.96

Thao 4:

Giữ nguyên tư thế như trên, vòng hai lưỡi kiếm theo chiều từ phải (H.97) qua trước mặt về phía vai bên trái ở sau lưng (H.98). Nghiêng người về chân bên trái, thành ngựa đĩnh tấn trái, hướng số 6; hai lưỡi kiếm chém từ vai bên phải, hướng số 8 sang hướng số 6, dừng lại tầm cao hơn đầu, mắt nhìn theo lưỡi kiếm (H.99)



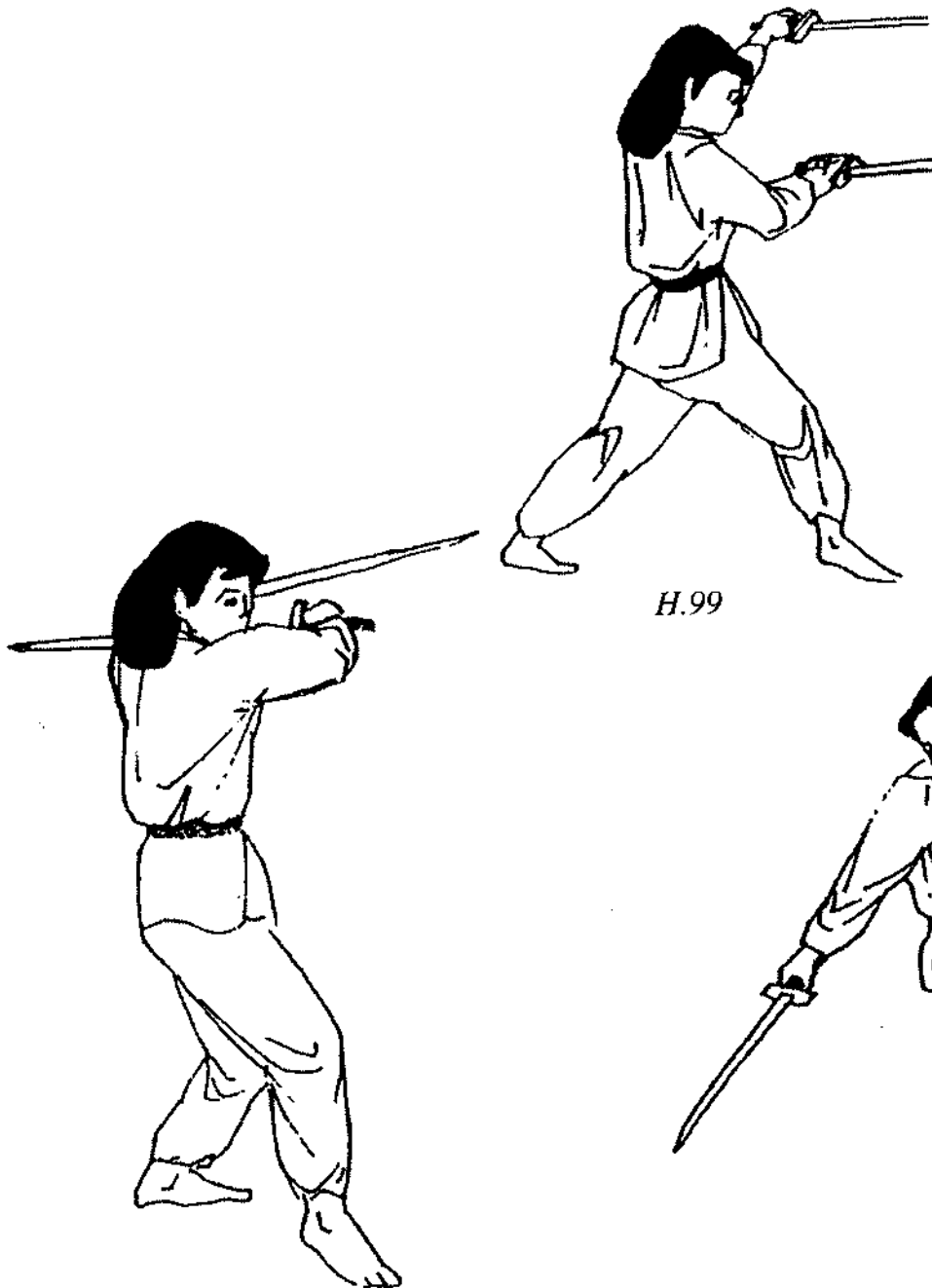
H.97



H.98

Thao 5:

Bước chân phải lên, thành ngựa kim kê phải, hướng số 7; kiếm tay trái vẫn giữ nguyên, kiếm tay phải vòng theo chiều từ phải sang trái ở phía sau lưng (H.100); lưỡi kiếm chém từ vai bên trái xuống dừng lại hướng số 8 tầm qua khỏi gối chân phải, mắt nhìn về hướng số 8 (H.101).



H.99



H.100



H.101

Thao 6:

Bước chân trái lên, thành ngựa kiềm kê trái, hướng số 1; kiềm tay phải vẫn giữ nguyên, kiềm tay trái vòng từ trái sang phải ở phía sau lưng (H.102), lưỡi kiềm chém từ vai bên phải xuống dừng lại, hướng số 1, tầm ngang vế chân phải, mắt nhìn về hướng số 1 (H.103).



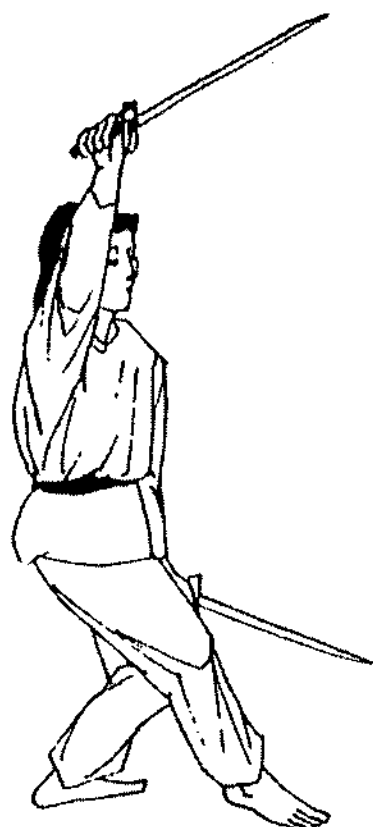
H.102



H.103

Thao 7:

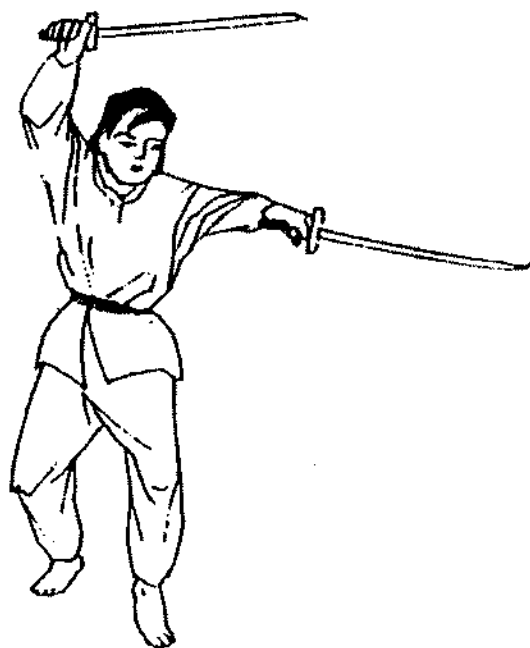
Bước chân phải lên, thành ngựa kiêu kê phải hướng số 1; kiếm tay trái vẫn giữ nguyên, kiếm tay phải tước ngược lưỡi kiếm từ hướng số 3 ở sau lưng lên cao về trước mặt, tầm cao hơn đầu, mắt nhìn theo (H.104).



H.104

Thao 8:

Bước chân trái lên, thành ngựa kim kê trái, hướng số 1, kiếm tay phải vẫn giữ nguyên, kiếm tay trái đâm từ hông bên trái thẳng tới trước mặt, mắt nhìn theo mũi kiếm (H.105).



H.105

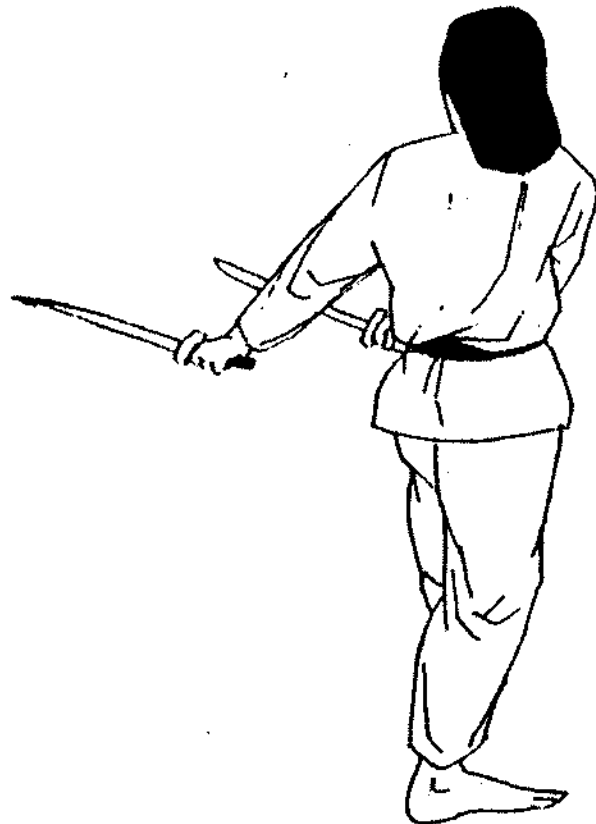
Câu 7: Tây thiên hà kiếm khách (gồm 8 thao)

Thao 1:

Lui chân trái về hướng số 4, thành ngựa đinh tấn trái; đồng thời, hai lưỡi kiếm song song chặt từ hướng số 2 (H.106) lên cao qua khỏi đầu, dừng lại hướng số 4, tầm ngang thắt lưng, mắt nhìn về hướng số 4 (H.107).



H.106



H.107

Thao 2:

Bước chân phải lên hướng số 4, chân trái kéo theo phía sau chân phải (H.108); quay người theo chiều từ phải sang trái; đồng thời, hai lưỡi kiếm đặt song song, mũi kiếm chỉ xuống đất, chuyển thành ngựa đinh tấn trái, hướng số 4; đồng thời, hai lưỡi kiếm chém từ dưới lên cao hơn đầu. Song, ta chặt thẳng xuống dừng lại tầm ngang thắt lưng bên trái, mắt nhìn theo lưỡi kiếm (H.109).



H.108



H.109

Thao 3:

Giữ nguyên vị trí như trên, nhấc chân phải lên, người trụ về chân trái, hai lưỡi kiếm đặt song song về hướng số 3, chặt từ trên cao hơn đầu (H.110) xuống tầm ngang thắt lưng bên phải, mắt nhìn theo (H.111)



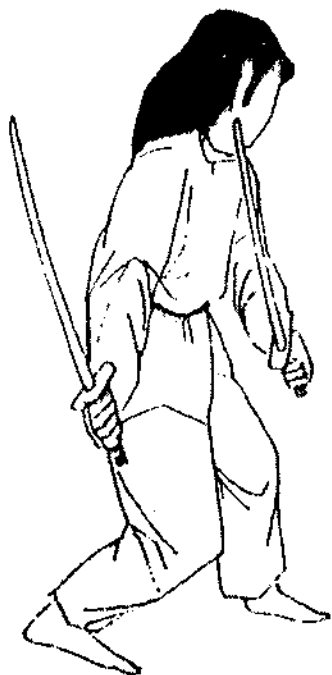
H.110



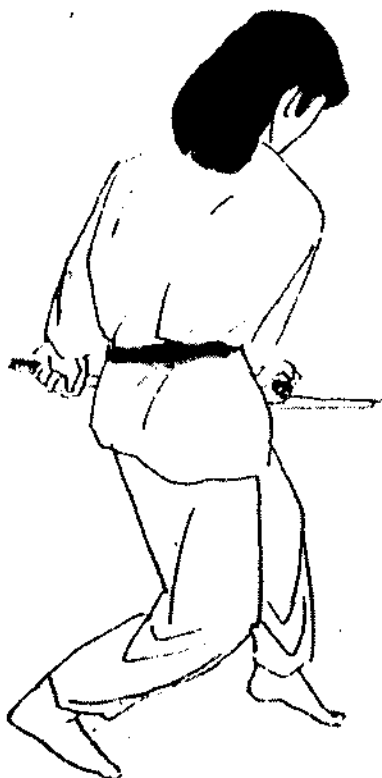
H.111

Thao 4:

Bước chân phải sang bên phải, chân trái bước lên tạo thành ngựa kim kê trái, hướng số 5; đồng thời, lật ngửa hai lưỡi kiếm song song về phía sau, theo hướng số 7 (H.112); chặt từ trên xuống dừng lại tầm ngang gối chân trái, mắt nhìn về hướng số 5 (H.113).



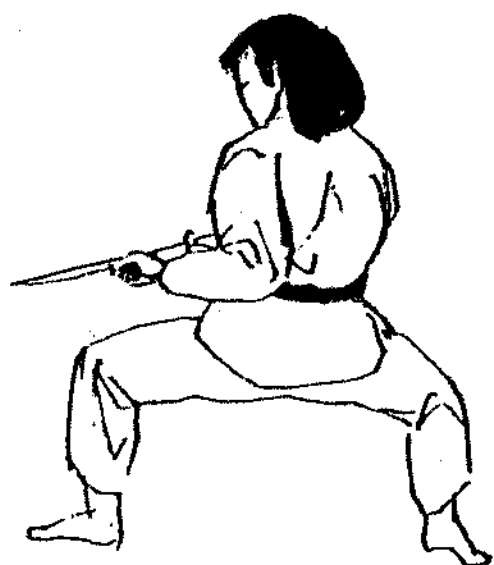
H.112



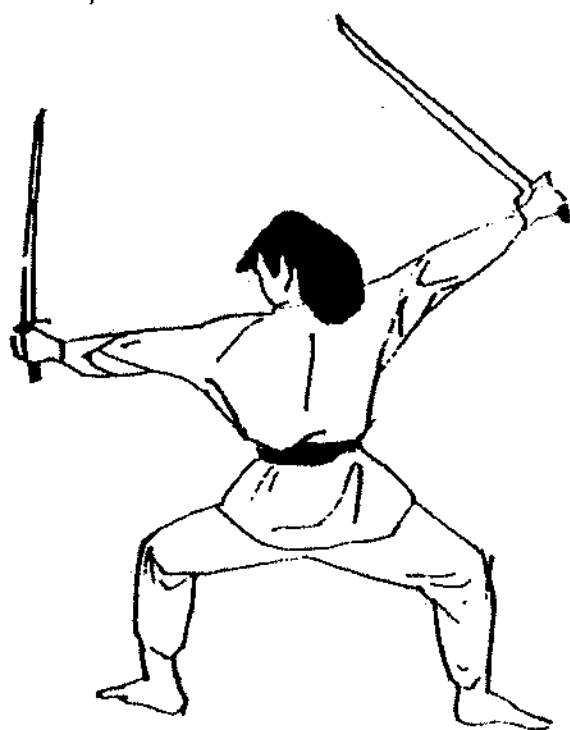
H.113

Thao 5:

Bước chân trái về hướng số 6, tạo thành ngựa trung bình tấn trái, hướng số 6; đồng thời, hai lưỡi kiếm chạm vào nhau đặt tại hông trái (H.114); tiếp theo kiếm tay phải tước ngược từ dưới lên qua khỏi mặt về hướng số 8; đồng thời, kiếm tay trái chặn đứng lưỡi kiếm về hướng số 6 mắt nhìn về phía trước (H.115).



H.114



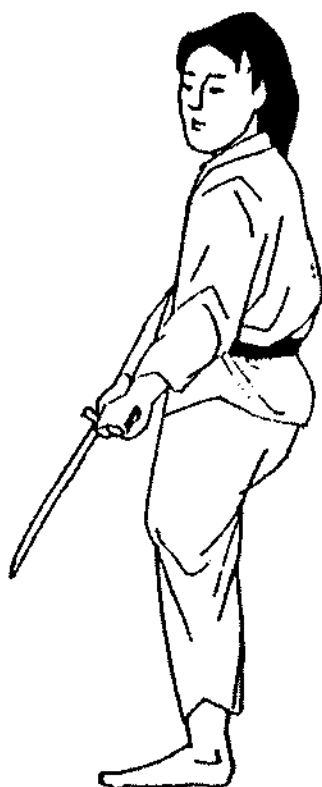
H.115

Thao 6:

Bước chân trái về hướng số 2, thành ngựa bại, hướng số 2; đồng thời, đưa hai lưỡi kiếm về hai bên vòng giáp hai lưỡi kiếm tằm trên đầu (H.116); chận xuống dưới tằm hạ bộ (H.117). Hai lưỡi kiếm cùng lúc, kiếm tay phải từ dưới vung lên cao hơn đầu, theo hướng số 4, kiếm tay trái chận từ bên trong ra bên ngoài, theo hướng số 2, mũi kiếm chỉ xuống đất, mắt nhìn về hướng số 2 (H.118).



H.116



H.117



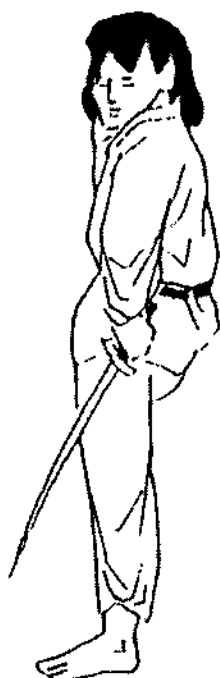
H.118

Thao 7:

Kiểm tay trái vẫn giữ nguyên, kiếm tay phải hạ lưỡi kiếm xuống dưới, nghiêng người về chân trái thành ngựa đĩnh tấn trái, hướng số 2; đồng thời, tước ngược lưỡi kiếm từ dưới lên qua mặt (H.119); rồi chận về sau theo hướng số 4, mắt nhìn về hướng số 2 (H.120).



H.119



H.120



H.121

Thao 8:

Nghiêng người về chân phải, thành ngựa bại, hướng số 2; kiếm tay phải giữ nguyên; đồng thời, kiếm tay trái đâm từ hông bên trái thẳng tới trước, hướng số 2, mắt nhìn theo mũi kiếm (H.121).

Câu 8: Phụng dưỡng đạo sơn bồng (gồm 8 thao)

Thao 1:

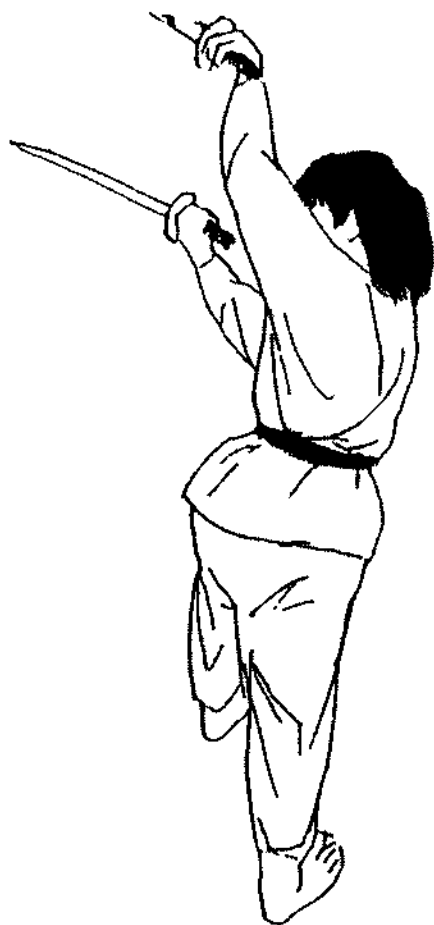
Bước chân trái về sau, thành ngựa đinh tấn phải, hướng số 2; đồng thời, hai lưỡi kiếm đặt song song, đâm ngược hai mũi kiếm về hướng số 4, tầm cao hơn đầu (H.122); Chặt hai lưỡi kiếm về hướng số 2 (H.123) tầm ngang ngực, nghiêng người về chân trái thành ngựa đinh tấn trái, hướng số 4, hai lưỡi kiếm song song hạ xuống đất, tiếp đó tước ngược từ dưới lên dừng lại hướng số 5, mắt nhìn theo lưỡi kiếm (H.124).



H.122



H.123



H.124

Thao 2:

Giữ nguyên tư thế như trên, nghiêng người về chân bên phải, thành ngựa đinh tấn phải, hướng số 2; đồng thời, hai lưỡi kiếm song song hạ xuống, mũi kiếm chỉ xuống đất về hướng số 4 (H.125); tước ngược hai lưỡi kiếm từ dưới lên hướng số 2, mắt nhìn theo. (H.126)



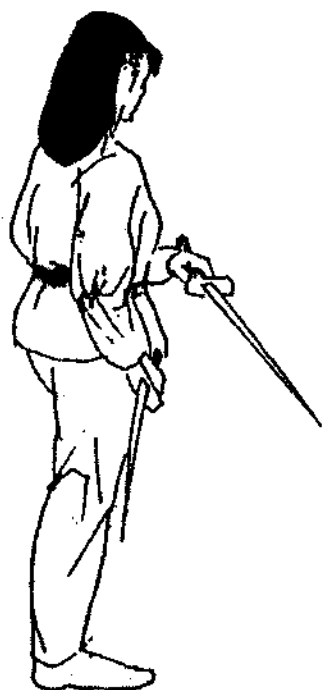
H.125



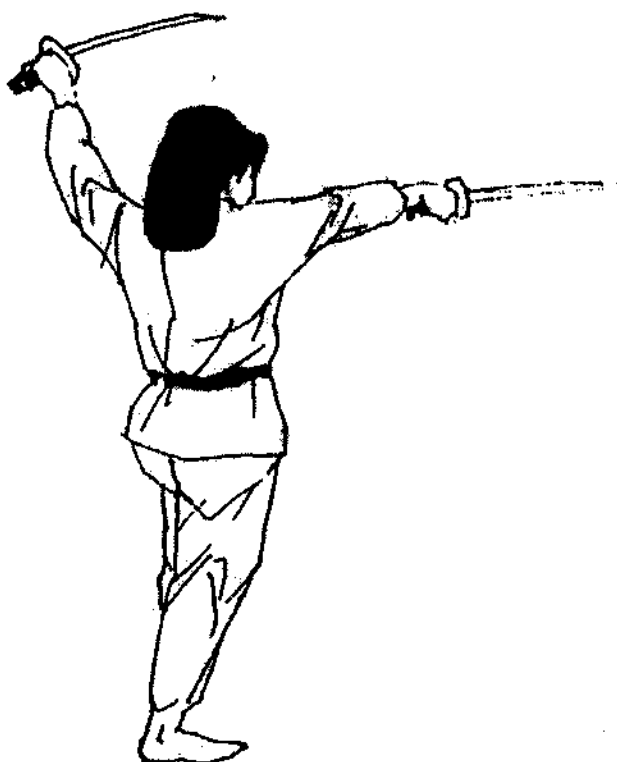
H.126

Thao 3:

Nghiêng người về chân bên trái, thành ngựa đinh tấn trái, hướng số 4, hai lưỡi kiếm hạ xuống về hướng số 2 (H.127); hai tay kiếm cùng lúc, kiếm tay trái tước ngược từ dưới lên, kiếm tay phải đâm từ hông bên phải thẳng tới trước, dừng lại hướng số 5, mắt nhìn theo (H.128).



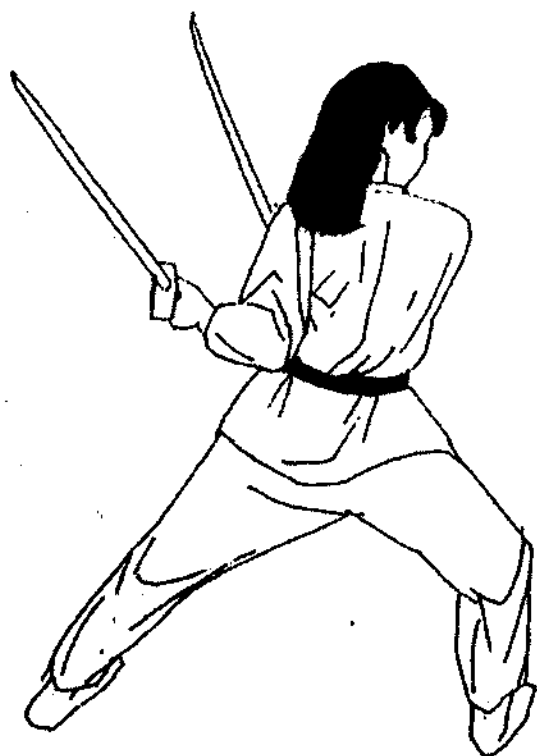
H.127



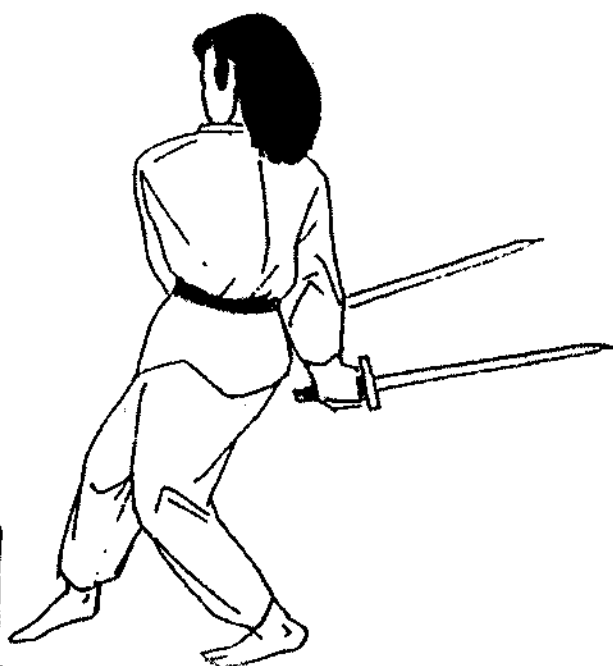
H.128

Thao 4:

Bước chân phải về hướng số 6, đưa hai lưỡi kiếm ngửa về hướng số 8 (H.129); hai chân trái về hướng số 6, tạo thành ngựa kim kê phải, hướng số 8; đồng thời, hai lưỡi kiếm chặt từ trên xuống, hướng số 6 (H.130); tước ngược từ dưới lên xuyên về vai bên trái, dừng lại tầm ngang mặt, mắt nhìn theo (H.131).



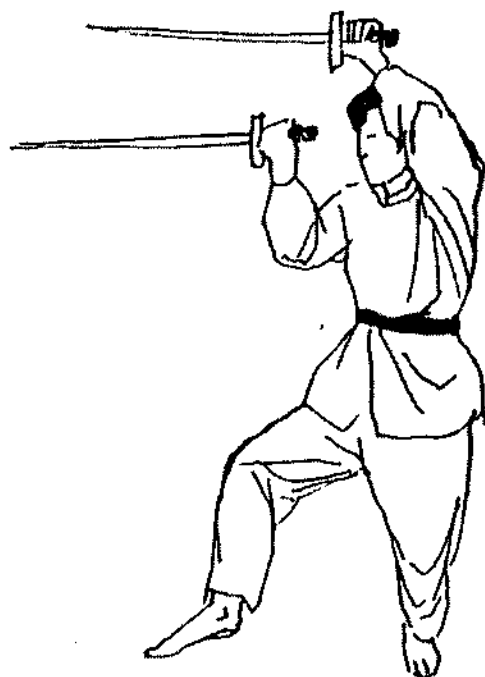
H.129



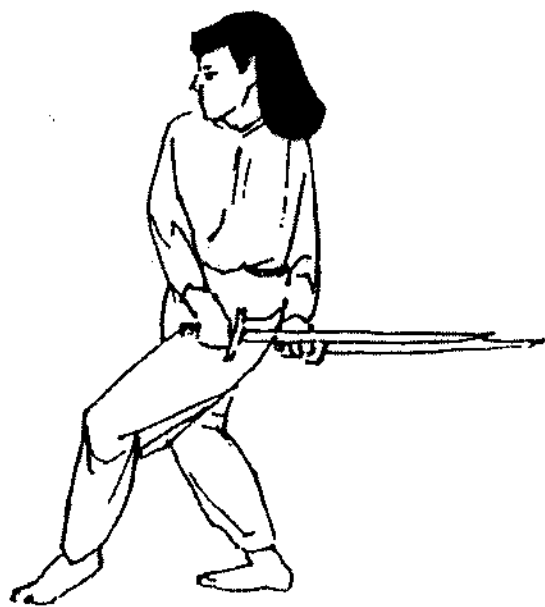
H.130

Thao 5:

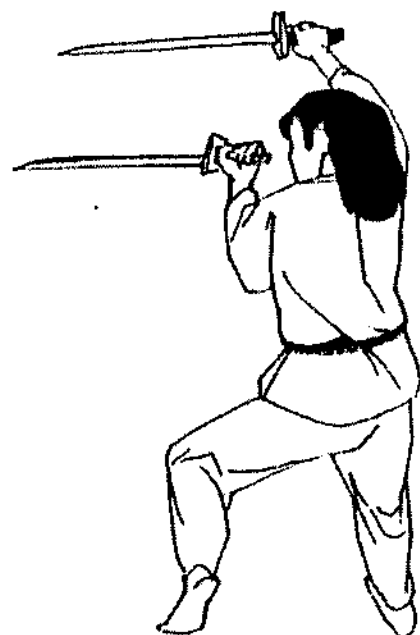
Bước chân trái lên, thành ngựa kim kê trái, hướng số 8. Vòng ngược hai lưỡi kiếm về sau theo hướng số 6 (H.132); tước ngược từ dưới lên xuyên về vai phải tầm trước mặt, mắt nhìn theo (H.133).



H.131



H.132



H.133

Thao 6:

Tư thế như trên, vòng ngược hai lưỡi kiếm về sau lưng từ phải sang trái; đồng thời, bước chân phải về hướng số 4 (H.134). Quay người theo chiều từ trái sang phải, thành ngựa đinh tấn phải, hướng số 4, chém hai lưỡi kiếm từ vai trái thẳng tới trước, dừng lại hướng số 4 tầm ngang vai bên phải, mắt nhìn về hướng số 4 (H.135).

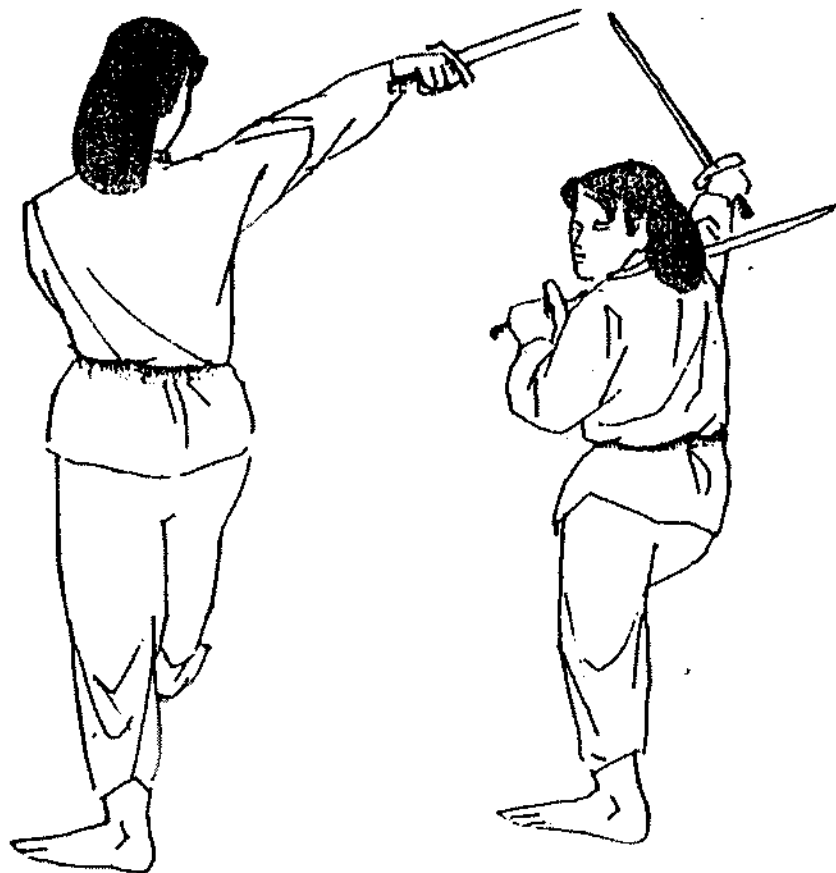


Thao 7:

Giữ nguyên tư thế ngựa như trên, kiếm tay phải vẫn giữ nguyên, kiếm tay trái vòng từ trái sang phải ra phía sau lưng (H.136); lưỡi kiếm chém từ vai bên phải xuyên xuống dừng lại; hướng số 2 tầm trên chân bên phải, mắt nhìn theo (H.137).

Thao 8:

Nghiêng người về bên chân trái, thành ngựa đinh tấn trái, hướng số 2; kiếm tay trái giữ nguyên; đồng thời, kiếm tay phải đâm từ hông bên phải thẳng tới trước, dừng lại tầm ngang ngực, mắt nhìn theo mũi kiếm (H.138).



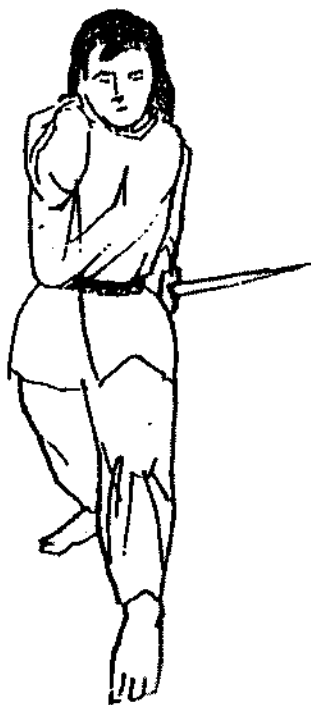
H.135



H.136



H.137

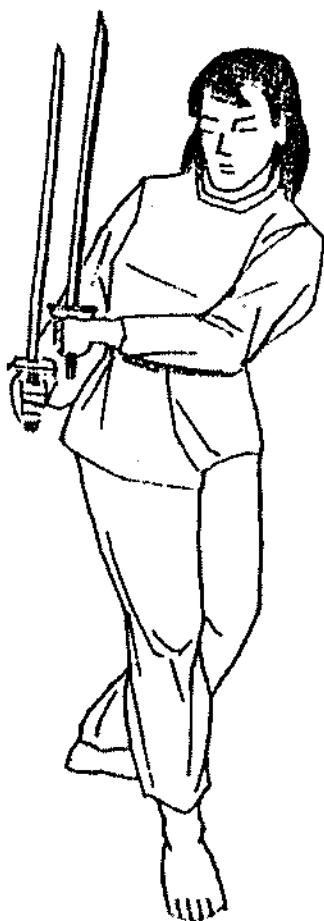


H.138

Bái tổ (gồm 4 động tác):

Động tác 1:

Bước chân phải lên, thành ngựa kiêu kê phải, hướng số 2; đồng thời, vòng ngược hai lưỡi kiếm về sau ở phía bên phải (H.139); hai lưỡi kiếm hạ xuống song song với chân bên phải, tước ngược từ dưới lên xuyên về trước mặt, thuộc vai bên trái, mắt nhìn theo (H.140).



H.139



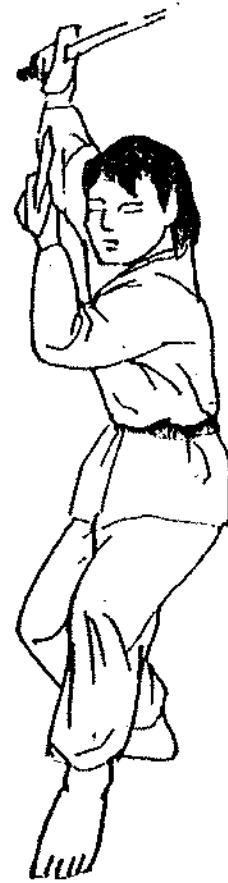
H.140

Động tác 2:

Bước chân trái lên, thành ngựa kim kê trái, hướng số 2; hai lưỡi kiếm hạ xuống, mũi kiếm chỉ xuống đất ở phía bên trái (H.141); tước ngược từ dưới xuyên lên về phía vai bên phải, mắt nhìn theo (H.142).



H.141



H.142

Động tác 3:

Bước chân phải lên, thành ngựa kiêu kê phải, hướng số 2; cùng lúc, kiếm tay phải hạ xuống nằm ngửa trên cánh tay phải mũi kiếm chỉ lên trời, kiếm tay trái cũng hạ xuống nằm trên cánh tay trái, mũi kiếm chỉ lên theo hướng số 4, mắt nhìn về hướng số 2 (H.143).



H.143



H.144

Động tác 4:

Bước chân phải lên ngang tầm chân trái, hai bàn chân đứng hình chữ V, người hướng về số 2; đồng thời, hai tay kiếm đặt tại thắt lưng, thuộc hai bên trái và phải, hai mũi kiếm chỉ lên trời, mắt nhìn thẳng về trước (H.144).

ĐOẠN KẾT

Võ cổ truyền Bình Định là một dòng võ đa năng, phong phú, độc đáo mang đậm màu sắc dân tộc. Nó vừa kế thừa tiếp thu các dòng võ các tỉnh phía Bắc (Võ đàng ngoài), vừa vận dụng hợp lý các dòng võ các địa phương miền Nam (võ đàng trong), vừa kết hợp sáng tạo các dòng võ tại bản địa, võ của các dân tộc như: Chăm, Bana... Vừa rút tỉa những tinh hoa võ Trung Hoa (thiếu lâm), đặc biệt phân tách, tổng hợp và tiếp thu một gia sản to lớn, một kho tàng đồ sộ thời Tây Sơn để xây dựng lên dòng một nền võ học tương đối bao gồm võ lý, võ đạo và võ thuật của võ cổ truyền Bình Định thể hiện các đặc trưng sau:

A. ĐẶC TRƯNG VỀ VÕ LÝ CỦA VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

A.1. Võ cổ truyền Bình Định dựa vào học thuyết “âm dương” của triết học phương Đông làm cơ sở lý luận cho dòng võ của mình. Từ học thuyết “âm dương” bổ sung nguyên lý “ngũ hành” là phương pháp rèn luyện đôi tay theo nội dung: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Trong quá trình vận dụng lại phát sinh: “Tương sinh” để hỗ trợ cho nhau, lại còn sinh ra hiện tượng “Tương khắc” để di chuyển, né tránh khi giao đấu. “Bát quái” là phép luyện đôi chân gồm: Tám quẻ là: càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài. Một quẻ tiêu biểu cho mỗi con vật mà mỗi con vật đều có một bài quyền riêng biệt. “Bát quái” còn định hướng chính xác để bộ ngựa di chuyển. Từ học thuyết “âm dương” vận dụng vào võ học còn xác định được “cương”, “nhu” trong một bài quyền.

A.2. Võ cổ truyền Bình Định còn dựa vào thao tác hoạt động của những con vật để xây dựng các động tác võ riêng lẻ, sau đó biên soạn thành những bài võ như: xà, hổ, long, hươu quyền... Các bài võ đích thực của võ cổ truyền Bình Định như: Bài hùng kế quyền, song đao phá thạch và Thái Sơn...

- Võ cổ truyền Bình Định còn dựa vào thao tác lao động đơn giản của con người đã hình thành được các bộ pháp như: nhấn pháp, khí pháp, thủ pháp và tấn pháp và các đòn thế cơ bản của võ thuật.

A.3. Võ cổ truyền Bình Định còn đặc biệt là kế thừa, vận dụng kho tàng lý luận của nền võ học thời Tây Sơn do công lao to lớn của người nhà võ kiệt xuất – Quang Trung – Nguyễn Huệ. Ông là người tương đưa võ nghệ vào huấn luyện quân đội để xây dựng một đội quân hùng mạnh “bách chiến bách thắng”,

vừa tinh thông võ nghệ vừa chiến đấu giỏi để chiến thắng bất kỳ kẻ thù nào. Thời Tây Sơn là thời kỳ võ nghệ thịnh hành nhất. Nhiều người đua nhau học võ. Võ nghệ là giấy thông hành. Nguyễn Huệ đã thu phục được nhiều võ tướng tài ba như Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu và mười mấy võ tướng khác. Nguyễn Huệ đã kế thừa, chọn lọc nhiều dòng võ trong cả nước và một phần võ Trung Hoa mà sáng lập ra dòng võ Tây Sơn với một nền võ học gồm: võ lý, võ đạo và võ thuật. Ông soạn thảo nội dung võ thuật để huấn luyện quân đội mà cần soạn ra một số bài võ để cho mình sử dụng như: Bài nghiêm thương và bài tam tinh thần linh kiếm. Các tướng lĩnh của ông người nào cũng tự biên soạn bài võ riêng cho mình. Nguyễn Lữ với bài Hùng Kê Quyền nổi tiếng cho đến ngày nay, với các quan điểm như:

“Yếu có thể đánh mạnh

Nhỏ có thể đánh lớn”

Nguyễn Huệ đã đề ra được một số lý luận cơ bản về võ thuật như: Nguyên tắc biên soạn một bài võ gồm hai phần là lời thiệu và động tác. Ông xác định được nội dung và phương pháp tập luyện. Ông cũng đề ra võ nghệ phục vụ cho chiến đấu rất độc đáo, tài ba và rõ ràng. Chúng ta có thể khẳng định là: võ nghệ thời Tây Sơn là nền tảng cho võ cổ truyền Bình Định.

A.4. Võ cổ truyền Bình Định còn kế thừa các tư liệu các gia phả của các môn phái và các gia tộc để lại. Có những môn phái chỉ dạy các nội dung bí truyền trong môn phái mà không dạy ra ngoài. Việc học võ và dạy võ của Bình Định theo lễ giáo gia đình. Không có trường lớp quy mô. Âm thầm kín đáo, cha dạy cho con, chồng dạy cho vợ, anh dạy cho em và chỉ dạy cho nhau trong gia tộc. Theo các gia phả để lại truyền dạy cho nhau từ đời này sang đời khác rất trung thành không lai tạp. Nhiều tư liệu (chữ Hán nôm) mới phát hiện, có tư liệu đã mục nát, nhàu lè, cũng có tư liệu còn nguyên vẹn. Có tư liệu đã giấu kỹ mấy chục năm chưa được phổ biến như: Tư liệu dòng họ Trương ở Phù Mỹ. Cũng có tư liệu nhiều môn phái cùng cất giữ như: Bài Quyền Ngọc Trản và một số bài khác. Mỗi một môn phái đều thủ kỹ một số đòn thế bí truyền như:

Hồ Ngạnh với những đòn roi – phá vây

- lạc côn

Quyền An Vinh: “Đi như lá

Đứng như đá

Công để thủ

Hư hư thật thật”

Đây cũng là một đặc trưng nổi bật của võ cổ truyền Bình Định.

B. ĐẶC TRƯNG VỀ VÕ ĐẠO CỦA VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

Võ cổ truyền Bình Định rất chú trọng giáo dục tinh thần thượng võ, đến “tâm đạo” một võ sư giỏi là một công dân tốt. “Tôn sư trọng đạo”, kính thầy trọng bạn, học võ để tự vệ là chính. Học võ để biết, biết võ để dùng khi cần thiết và dùng võ đúng lúc đúng chỗ. Học võ không phải để dọa ai, mà để giúp đỡ người bị hoạn nạn. Không sát hại người khi bại trận. Học võ để thực hiện cái nghĩa cái nhân. Tiên học lễ hậu học võ. Học lễ phải, học đạo đức, biết đối xử tốt đến mọi người. Võ đạo lấy tâm đạo là mục tiêu phấn đấu, rất ghét kẻ tà đạo. Quy chế thu nhận môn sinh của võ sư Bình Định rất nghiêm ngặt. Võ sư thử đi thử lại nhiều lần, nếu môn sinh thực hiện đầy đủ mọi điều kiện của võ sư đề ra. Võ sư cương quyết từ chối thu nhận môn sinh khi phát hiện có hành vi tà đạo. Lễ nhập môn được tổ chức nghiêm túc. Môn sinh mang lễ vật đơn giản như: trà nước, nhang đèn (có khi còn có con gà) để cúng tổ và tuyên thệ thực hiện đầy đủ quy chế của môn phái. Khi võ sư qua một thời gian truyền dạy thấy môn sinh chăm chỉ luyện rèn, thành khẩn trung thực thì mới truyền dạy những đòn thế bí truyền của môn phái. Có khi, có lúc võ sư thực hiện những đòn thế nguy hiểm, để thử sức phản ứng tốt xấu của môn sinh. Nếu phát hiện thấy môn sinh phản ứng tốt, thì mới hết mình dạy dỗ cho môn sinh thành tài, ngay cả các đòn thế bí truyền.

Qua võ cổ truyền để giáo dục tinh thần dân tộc truyền thống chống ngoại xâm, gìn giữ bản sắc dân tộc. Uống nước nhớ nguồn, tôn trọng những bậc tiền bối, những võ sư bậc thầy với công lao to lớn của họ đã đổ mồ hôi và cả máu xương để xây dựng nên võ học truyền thống của Bình Định lưu truyền từ đời này sang đời khác mãi cho đến ngày nay.

Cũng qua võ cổ truyền để giáo dục tinh thần chiến đấu dũng cảm ngoan cường, chiến đấu đến cùng. Chiến đấu trong mọi tình thế và bất kỳ trên trận địa

nào. Điều này rõ nét nhất là ở thời đại nhà Tây Sơn với các quan điểm:

Nhỏ có thể đánh thắng lớn
Yếu có thể đánh mạnh
Thấp có thể đánh cao
Gần có thể đánh xa.

Quan điểm này được vận dụng vào cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Với lối đánh cận chiến đã làm cho Pháp – Mỹ thất điên bát đảo

C. ĐẶC ĐIỂM VỀ VÔ THUẬT CỦA VÕ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH

Qua vận dụng học thuyết “âm dương”. Võ cổ truyền Bình Định đã phân loại được cương quyền và nhu quyền (cương công và nhu công) vào các bài võ của mình. Lúc cần dùng sức mạnh thì dùng cương, dùng cương để chế ngự nhu. Có lúc lại dùng nhu (mưu mẹo) để hạn chế cương. Võ vận dụng cương và nhu phối hợp là phát huy được sức mạnh tổng hợp của nó.

Qua vận dụng “Ngũ hành pháp” đã xác định được các bộ pháp.

“Song thủ ngũ hành di bản”

là phương pháp rèn luyện đôi tay với các nội dung cơ bản là: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Mỗi một nội dung là một thế đánh như:

Kim:	Mãnh hổ thoi sơn	“Tấn công”
Mộc:	Cường long xuất hải	“Tấn công”
Thủy:	Phụng hoàng triển dực	“Phòng thủ để tấn công”
Hỏa:	Bạch hạt tầm châu	“Phòng thủ”
Thổ:	Cường phong tảo địa	“Tấn công”

Trong quá trình vận dụng “Ngũ hành pháp”, còn xuất hiện sự hỗ trợ nhau là “Tương sinh” và cũng có sự xung khắc, di chuyển né tránh “tương khắc”. Đây là một đặc trưng nổi bật khi sử dụng “Ngũ hành pháp” trong võ cổ truyền Bình Định.

Bát quái pháp là phương pháp rèn luyện cơ bản của bộ chân “bộ ngựa”.

“Lưỡng túc bát quái di căn”.

Nội dung của bát quái gồm: Tám quẻ, tượng trưng cho tám con vật như: long, hổ, hươu, phụng, hạt, kê, xà... Mà mỗi con vật kèm theo một bài quyền để minh họa. Quy luật của bát quái cũng chỉ rõ phương hướng chính xác của các bộ ngựa khi di chuyển như: tiền, hậu, tả, hữu và Đông, Nam, Tây, Bắc. Trên lý luận theo học thuyết âm dương, ngũ hành và bát quái là như vậy. Nhưng trong thực tế võ cổ truyền Bình Định chỉ sử dụng bốn bộ ngựa cơ bản là:

Trung bình tấn

Kim kế

Chữ dinh

Chảo mã.

Còn các bộ ngựa khác cũng rất quan trọng, nhưng mang tính chất phối hợp.

Sự di chuyển của các bộ ngựa trong một bài võ rất quan trọng, về bộ ngựa có trụ vững thì mới phát huy hết sức mạnh của bộ tay. Quá trình di chuyển phải nhẹ nhàng, nhanh chóng và linh hoạt (tức bất ly địa), bàn chân là trên mặt đất (đi như lá) có lúc ngựa đã áp sát vào đối phương mà đối phương không kịp phát hiện và né tránh. Mỗi một bộ ngựa, có tác dụng khác nhau. Trong các đòn thế như: công, thủ, phán và biến tất nhiên phải hội đủ ba điều kiện là nhanh, mạnh và chính xác. Muốn đạt được ba yếu tố trên là phải nắm vững vận dụng và rèn luyện thường xuyên bát quái pháp.

Nội dung võ cổ truyền Bình Định bao gồm rất nhiều môn, mỗi môn gồm nhiều bài. Qua nghiên cứu đã phân 3 loại như sau:

- Quyền (thảo bộ) đã thu thập được gần 180 bài.
- Quyền binh khí gồm: + Binh khí dài
+ Binh khí ngắn
- Võ chiến đấu

Không có điều kiện giới thiệu nhiều, Ban nghiên cứu tập trung giới thiệu kỹ thuật cơ bản ba môn như: Quyền, roi và kiếm của võ cổ truyền Bình Định.

1. Đặc điểm của bài quyền: (Đã thu thập được 80 bài quyền).

Cấu tạo một bài quyền phải hai phần là lời thiệu và động tác. Lời thiệu

thường theo thể thơ, ca dao dân gian... Phần động tác gồm phần mở đầu gồm 3 – 5 động tác, thường mang tính chất “bái tổ”. Phần thân bài gồm từ 50 – 100 động tác, tùy theo cấu tạo của bài yêu cầu. Phần kết thúc thường là một động tác bái tổ. Cấu tạo một bài võ còn bao gồm một số bộ pháp, kết hợp hài hòa giữa động tác công và thủ, cương và nhu, tốc độ nhanh và chậm, ra đòn sắc bén, đánh theo bốn phương như: tiền, hậu, tả, hữu và bốn hướng như: Đông, Tây, Nam, Bắc. Đặc biệt của bài quyền cổ truyền Bình Định phải thể hiện các yếu tố như: nhanh, mạnh, kín và chắc với những đòn thế độc đáo sắc bén. Tấn công phải nhanh, mạnh phòng thủ phải kín và chắc (thủ bất li thân). Khi tấn công thì phải dồn cả sức lực ra đòn đánh nhanh, đánh mạnh để nắm phần thắng (tốc chiến tốc thắng). Khi phòng thủ thì vô cùng kín đáo, nghiêm ngặt.

Võ cổ truyền Bình Định còn chú trọng nguyên tắc: “Công thủ đi liền”, “đi như lá, đứng như đá”. Đánh đá phải nhanh, thu về cũng phải nhanh. Hết công lại thủ, hết thủ lại công không cho đối phương trở tay kịp.

Trá bại để dụ đối phương vào chỗ hiểm yếu để tiêu diệt gọn. Hay né tránh để bảo toàn sức lực khi bị tấn công (Hư hư thật thật). Vận dụng “cương công” và “nhu công” trong một bài quyền hợp lý cũng rất quan trọng. Thể hình người Việt số đông là nhỏ thấp. “Lấy nhu thắng cương” cũng là một nghệ thuật của người dùng võ. Nhất là trong chiến đấu đối kháng. “Mạnh dùng sức, yếu dùng chước”.

Tất cả các điều nêu trên là quá trình vận dụng học thuyết “âm dương vào võ cổ truyền Bình Định”.

2. Đặc điểm về roi (côn) trong võ cổ truyền Bình Định:

Roi thuộc loại binh khí dài và là một nội dung võ được lưu truyền rộng rãi trong tỉnh, chiếm khoảng 30 – 40% chương trình dạy võ thuật ở trong các CLB và võ đường trong toàn tỉnh. Vừa qua Ban nghiên cứu đã thu thập được 80 bài roi, trong đó đã xác định 1/2 là của Cổ truyền Bình Định.

2.1. Đặc trưng kỹ thuật cơ bản của roi thể hiện qua 8 phách roi là:

Bát – Bát – Triệt – Châu

Hoanh – Khắc – Lắc – Tém.

Đặc điểm nổi bật của tám phách này là dùng để tấn công và phòng thủ. Dùng công để thủ, trước thủ sau công hay trừ công để thủ, thủ giả công thật. Trong một bài roi đều cấu tạo có công và thủ, lúc nào sử dụng là tùy theo trình độ cao thấp của đối phương, xem xét đối phương ra đòn ra sao? mà sử dụng các phách cơ bản nói trên để đánh trả và sát hại đối phương. Còn khi xáp trận thì dùng đòn thế là chủ yếu, nhưng võ sĩ biết phân tích và áp dụng các đòn thế đó trên cơ sở tiếp thu kỹ thuật của các bài roi để học được.

2.2. Roi chiến, roi đấu và roi trận:

Làng Thuận Truyền lưu giữ và truyền bá ba loại roi này do võ sư Hồ Ngạnh truyền dạy. Hồ Ngạnh là một võ sư có đường roi bí truyền bậc thầy, ít người sánh kịp (danh bất hư truyền). Ông đi lại nhiều nơi trong khu vực và cả nước. Những ngày sống ở triều đình ông vừa dạy võ vừa sưu tầm các dòng võ ở cung đình. Ông đã có công nghiên cứu và sưu tầm ba loại roi nói trên. Sau khi về quê ông đã truyền dạy mấy loại roi này cho môn phái và gia tộc của mình, chưa lưu truyền rộng rãi.

- Về roi chiến nằm trong võ đối kháng (võ chiến đấu được lưu truyền rộng rãi ở trong tỉnh và ngoài tỉnh. Roi chiến đánh hai người, một đánh nhiều người. Khi sử dụng roi chiến thường là không có bài bản mà chỉ dùng những đòn thế bí truyền. Roi trận trước đây sử dụng trong chiến tranh. Trận đấu có trận tuyến. Hai bên bày binh bố trận, sử dụng những binh thư chiếu pháp để đánh nhau, sử dụng nhiều loại binh khí như: dao, mác, gậy, kiếm... có trận đấu ít, cũng có mấy cặp đấu nhiều, có hàng trăm hàng ngàn người tham gia. Còn roi đấu trước đây ở các triều đại nó là một nội dung thi đấu tuyển võ sĩ.

- Về roi đấu: Trước đây các triều đình nhà Nguyễn, vua Minh Mạng cho mở nhiều khoa thi để tuyển chọn người tài giỏi, để ra làm việc nước. Quy chế thi cử, điều kiện người dự thi và nội dung thi cử tương đối hoàn chỉnh. Roi đấu là một trong nội dung thi cử, roi làm bằng gỗ dẻo, cao vừa đúng chiều cao của con người, đầu roi có bọc vải, bên trong nhồi bông để tránh nguy hiểm. Một đầu chấm mực đỏ, một đầu chấm mực xanh. Người điểm mực ít là thắng cuộc. Sau khi ở triều đình về, Hồ Ngạnh đem truyền dạy trong môn phái và gia tộc, ít được lưu truyền ra bên ngoài.

2.3. Các đòn roi bí truyền của võ cổ truyền Bình Định:

Mỗi môn phái võ ở Bình Định đều lưu giữ những đòn thế bí truyền (Tuyệt kỹ) chỉ truyền dạy trong môn phái. Hồ Ngạnh có đòn roi bí truyền là “Đâm so đũa”; ông bầu Đê có đòn roi bí truyền là “Lạc côn”; “Hồ Khiêm có đòn roi bí truyền là “Công lực” và một số đòn roi bí truyền của các võ sư khác như: Phá vây, mở đường máu, đổi tay...

Khi muốn sử dụng các đòn roi bí truyền này, trước tiên là phải đánh lừa và dụ đối phương vào thế trận bày trước, khi đối phương mắc lừa, sa bẫy thì lúc đó sử dụng đòn bí truyền mà hạ sát đối phương.

3. Vài nét đặc trưng của kiếm:

Kiếm thuộc loại binh khí ngắn bao gồm kiếm cong, kiếm thẳng và kiếm ngắn. Kiếm là một nội dung võ được lưu truyền rộng rãi trong tỉnh Bình Định và một số vùng lân cận. Kiếm chiếm khoảng 20 – 30% nội dung Võ cổ truyền Bình Định. Ban Nghiên cứu đã thu thập được 20 bài kiếm, trong đó kiếm thời Tây Sơn (các võ tướng thời Tây Sơn tự nghiên cứu và biên soạn ra bài để sử dụng) chiếm ½. Các bài kiếm số nhiều là có lời thiệu, cũng có một số bài không có lời thiệu. Các bài kiếm truy tìm được ở Bình Định (trừ kiếm thời Tây Sơn) còn chưa xác định được nguồn gốc xuất xứ, ai biên soạn cũng chưa xác định được. Tuy rằng các võ đường còn lưu giữ bài kiếm gia truyền của môn phái mình; Bình Định cũng còn gìn giữ một số bài kiếm của các vị anh hùng dân tộc thời xưa như: “Phong vân kiếm pháp” của Phạm Ngũ Lão biên soạn xong vào tháng 9-1317 (Giáp Dần); “Tây Quy Kinh Môn Tiến” của Phạm Ngũ Lão tháng 12-1320 (Canh Thân); “Tru Hồn Kiếm” của Đinh Tiên Hoàng năm 968 – 979; “Đoạn khúc âm hồn kiếm” của Nguyễn Trung Như ngày 16-02-1768 (Mậu Tý) các bài này trích trong quyển “Tây Sơn bí kiếp”.

Vừa qua trong quá trình nghiên cứu có phát hiện một số tư liệu (chữ Hán – Nôm) trong đó có nhiều tư liệu về kiếm (sẽ đưa vào phần phụ lục).

4. Về y võ:

Một đặc điểm nổi bật là các võ sư ở Bình Định, vị nào cũng biết chữa trị chấn thương trong khi tập luyện và thi đấu theo thuốc võ gia truyền của từng môn phái hay cá nhân của võ sư theo các phương pháp như sau:

4.1. Nắn, xếp lại xương khi bị nứt, dập và gãy xương. Sau đó dùng thuốc đặc trị bó lại vết thương:

- Dùng phương pháp xoa bóp, nắn lại vết thương khi bị bong gân, trật khớp. Sau đó, tùy vết thương nặng nhẹ mà dùng thuốc xoa hay là bó thuốc.

Trên đây là một số phương pháp dùng thuốc võ để chữa trị vết thương bên ngoài (ngoại khoa).

4.2. Dùng thuốc võ để chữa trị bên trong (nội khoa):

Có những vết thương bị sưng bầm, tụ máu. Ngoài dùng thuốc võ để xoa cần phải dùng thuốc uống.

Có những vết thương khi đánh nhau bị trúng đòn khi giao đấu; tuy bề ngoài không thể hiện vết thương nhưng bên trong (nội tạng) khi mới trúng đòn không thấy đau đớn gì cả nhưng càng về sau càng nguy hiểm. Chỉ có thuốc võ đặc trị (giải độc) mới có thể chữa được. Thuốc đặc trị thuốc loại bí truyền ít được phổ biến rộng.

Ngoài ra còn có thuốc võ uống (thường ngâm rượu) để tăng sức hay giải mệt mỗi khi tập luyện và thi đấu.

5. Võ trong nghệ thuật và nhạc trống võ:

5.1. Hầu hết các ngày lễ hội cổ truyền ở các địa phương đều tổ chức biểu diễn võ và thi đấu võ đài đã thu hút đông đảo người xem.

5.2. Nhà soạn tuồng lỗi lạc của Bình Định là Đào Tấn. Ông đã soạn nhiều vở tuồng nổi tiếng, đã đưa võ nghệ vào hát bội với một tỷ lệ lưu lượng nhất định. Ông nói: Muốn học hát bội trước tiên người nghệ sĩ phải học võ ít nhất là sáu tháng và phải nắm được nhiều nội dung võ khác nhau như: Quyền tay không, quyền với binh khí và kỹ thuật giao đấu bất kỳ ở môi trường nào cũng sử dụng được thuần thục”.

5.3. Nhạc trống võ Tây Sơn:

Nhà Tây Sơn dùng nhạc trống võ để động viên quân đội trong huấn luyện và chiến đấu. Dùng 12 chiếc trống từ nhỏ đến lớn, dùng bản nhạc bao gồm 3 phần như: Xuất phát, xông trận và Khải hoàn. Cho dù trải qua một thời gian dài, biết bao thăng trầm, nhà Nguyễn nghiêm cấm nhưng bản nhạc này vẫn được

âm thầm, kín đáo gìn giữ, cất giấu còn được lưu truyền mãi đến ngày nay.

Khu bảo tàng Quang Trung được chỉnh trang và tôn tạo càng hoành tráng, bề thế, đúng một bảo tàng lịch sử. Ở đây trưng bày nhiều tư liệu và hiện vật quý giá thời Quang Trung, trong đó có võ thuật. Từ nhà từ đường của ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ, cây me, giếng nước và nhà bảo tàng, đặc biệt là khu biểu diễn nhạc võ Tây Sơn để lại nhiều kỷ ức kính phục, trân trọng và yêu mến của người xem. Đúng là quê hương của Võ nghệ – “Miền đất võ”.

Phụ lục I**DANH SÁCH CÁC VÕ SƯ BÌNH ĐỊNH LOẠI I***(Tính từ năm 1990)*

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	QUÊ QUÁN	TUỔI	THÂM NIÊN	BẰNG	GIẤY NHẬN	THẤT LŨNG	GHI CHÚ
1	Hà Trọng Sơn	Tuy Phước	Trên 60	40 năm	1	1 (đỏ)	Đỏ	
2	Nguyễn Điệp	Quy Nhơn	-	-		-	-	Từ Tâm bá trang
3	Trần Nghê	-	-	-	-	-	-	
4	Nguyễn Kim Sơn	-	-	-	-	-	-	
5	Nguyễn Văn Thành	Tuy Phước	-	-	-	-	-	
6	Mười Mỹ	-	-	-	-	-	-	
7	Đặng Vĩnh Nghê	Tây Sơn	-	-	-	-	-	Xã hào
8	Trần Dẫn	-	-	-	-	-	-	
9	Phan Thọ	-	-	-	-	-	-	
10	Nguyễn Trá	-	-	-	-	-	-	
11	Mai Xuân Toại	An Nhơn	-	-	-	-	-	
12	Phi Long Vinh	Tuy Phước	-	-	-	-	-	
13	Thanh Hoàng	-	-	-	-	-	-	
14	Lâm Ngọc Phi	-	-	-	-	-	-	
15	Bảy Tòng	Quy Nhơn	-	-	-	-	-	

Liên đoàn võ cổ truyền Bình Định cấp lần I
Năm 1990

Phụ lục II DANH SÁCH CÁC VÕ SƯ BÌNH ĐỊNH LOẠI II

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	QUÊ QUÁN	TUỔI	THÂM NIÊN	BẰNG	GIẤY NHẬN	THẤT LUNG	GHI CHÚ
1	Kim Đình	Quy Nhơn	Dưới 50	25-30 năm	1	Màu vàng	Vàng	
2	Kim Dũng	-	-	-	-	-	-	
3	Đình Văn Tuấn	-	-	-	-	-	-	
4	Hà Trọng Ngự	-	-	-	-	-	-	
5	Minh Tịnh	Tuy Phước	-	-	-	-	-	
6	Nguyễn Lê Thanh	Quy Nhơn	-	-	-	-	-	
7	Hàm Hữu Nghĩa	Tuy Phước	-	-	-	-	-	
8	Lê Thành Công	-	-	-	-	-	-	
9	Hạnh Hòa	-	-	-	-	-	-	
10	Nguyễn Sáu	-	-	-	-	-	-	
11	Hồ Xuân Kỳ	Tây Sơn	-	-	-	-	-	
12	Lê Thành Khán	-	-	-	-	-	-	
13	Trang Quang Diễm	Phù Cát	-	-	-	-	-	
14	Lý Xuân Hỷ	An Nhơn	-	-	-	-	-	
15	Nguyễn Đức Thọ	-	-	-	-	-	-	
16	Kim Hòa	Phù Mỹ	-	-	-	-	-	
17	Vạn Thanh	Tuy Phước	-	-	-	-	-	

**Liên đoàn võ thuật Bình Định cấp lần I
Năm 1990**

DANH SÁCH VÕ SƯ BÌNH ĐỊNH
ĐƯỢC CẤP THẺ HUẤN LUYỆN VIÊN

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	QUÊ QUÁN	THÂM NIÊN	GIẤY CHỨNG NHẬN	THẤT LƯNG	TUỔI	GHI CHÚ
1	Đoàn Qui	Tuy Phước	10-15	Màu trắng	Nửa vàng nửa đỏ	Dưới 40	
2	Hồ Bảo Thoại	-	-	-	-	-	
3	Hồng Khanh	-	-	-	-	-	
4	Đoàn Phong	-	-	-	-	-	
5	Chi Thanh		-	-	-	-	
6	Đặng Đức Bình	Tây Sơn	-	-	-	-	
7	Đinh Ngọc Chiến		-	-	-	-	
8	Mai Vĩnh Phúc	-	-	-	-	-	
9	Lê Xuân Cảnh		-	-	-	-	
10	Nguyễn Văn Điệp		-	-	-	-	
11	Hà Trọng Thất	Tuy Phước	-	-	-	-	Con Hà Trọng Sơn
12	Lê Thanh Hương	Quy Nhơn	-	-	-	-	
13	Đinh Văn Chuông	-	-	-	-	-	
14	Trần Kỳ Thành	-	-	-	-	-	
15	Nguyễn Văn Cảnh	-	-	-	-	-	
16	Nguyễn Đức Thắng	-	-	-	-	-	

Liên đoàn võ cổ truyền Bình Định cấp
Năm 1990

Phụ lục I

**NỘI DUNG VỞ CỔ TRUYỀN BÌNH ĐỊNH
CÁC BÀI QUYỀN**

TT	TÊN BÀI QUYỀN	NGƯỜI CUNG CẤP	QUÊ QUÁN	LỜI THIỆU	GHI CHÚ
1	Hùng kê quyền	Ngô Bông	Quảng Nghĩa	Có	
2	Ngọc Trản	Minh Tinh	Tuy Phước	-	
3	Tứ Hải	Kim Huệ	Quy Nhơn	-	
4	Phượng Hoàng	Năm Sơn	Tây Sơn	-	
5	Thiên Sư	Bá Trắng	Quy Nhơn	-	
6	Thần Đồng	Nguyễn Điệp	-	-	
7	Lão Mai	Thanh Tùng	Tây Sơn	-	
8	Tứ Môn	Kim Hùng	Quy Nhơn	-	
9	Thất Bộ	Kim Dũng	-	-	
10	Miêu Tây Diện	Xuân Hùng	Phù Cát	-	
11	Bạch Diệu	Minh Tinh	Tuy Phước	-	
12	Tiên ông	Đinh Bá Ngọc	Tây Sơn	-	
13	Ba Châu Hồ	-	-	Không	
14	Tứ Linh Quyền	Đinh Văn Tuấn	Quy Nhơn	-	
15	Ngũ Hành	Minh Tinh	Tuy Phước	-	
16	Hắc Hồ Du Sơn	Phan Thọ	Tây Sơn	-	
17	Mai Hoa Quyền	Kim Dũng	Quy Nhơn	-	
18	Tứ Diện Quyền	An Thái	Tây Sơn	-	
19	Hải Quyền Kim Qui	Ngọc Lợi	Tuy Phước	-	
20	Thập Lục Quyền	Niên Vinh	Phù Cát	-	
21	Thiên Quyền	-	-	-	
22	Hầu Quyền	Bùi Long Thành	Quy Nhơn	-	
23	Nhị Hồ Mai phục quyền	Đức Vũ	Tây Sơn	-	An Thái
24	Ngũ Công Quyền	Đinh Văn Tuấn	-	-	

25	Xà quyền	Đinh Văn Tuấn	Quy Nhơn	Có	
26	Ngọc Ngư quá hải	-	-	-	
27	Hổ Môn Quyền	-	-	-	
28	Hầu môn quyền	-	-	-	
29	Long Quyền	Minh Tinh	Tuy Phước	-	
30	Kê quyền	-	-	-	
31	Hạc quyền	-	-	-	
32	Phụng quyền	-	-	-	
33	Tứ môn quyền	Tư Ngại	Tây Sơn	-	An Thái
34	Sư Tử Hí cầu	Tư Ngại	Tây Sơn	Không	An Thái
35	Thái Hổ Sơn	Đặng Phi Việt	Tuy Phước	-	
36	Công Phụng Triều Dương	Nguyễn Khánh	Phù Cát	-	
37	Hổ Tầm Dương	-	-	-	
38	Thảo bộ Nhất Công	Mười Mỹ	Tuy Phước	-	
39	Long Hổ Hội	Tứ Đức	Phù Mỹ	-	
40	Thất Tinh Quyền	Bùi Long Thành	Quy Nhơn	-	
41	Hồng Quyền	Kim Hùng	-	-	
42	Lão Hổ quyền	Phạm Thọ	Tây Sơn	-	
43	Mãnh hổ trường quyền	Hạnh Hòa	Tuy Phước	Có	Chùa Long Phước
44	Đồng Nai	Xuân Bình	Đắc Lắc	-	
45	Thảo Nhất Long	Bá Ngọc	Thuận Hải	-	
46	Quyền Hiến Long	Trương Vạn Dân	Huế	-	TP. Huế
47	Thiên Ngưu Quyền	-	-	-	-
48	Quyền Tứ Linh Triều Bắc Đẩu	-	-	-	

Tổng cộng bài có lời thiệu: 27

**Liên đoàn võ thuật Bình Định cung cấp
Năm 1991**

STT	TÊN BÀI ROI	LỜI THIỆU	GHI CHÚ
1	Thái Sơn	Có	Bài quy định của LĐVCTVN Xuất xứ tại thuần truyền
2	Đoản Côn	-	
3	Tấn Thất	-	
4	Ngũ môn phá trận	-	
5	Hộ lỗ thành pháp	Không	
6	Cấp câu sa tiên	-	
7	Bút đoản côn	-	
8	Huỳnh Long côn	Có	
9	Long Đổ Thất Chiến	-	
10	Cầm tú tiên ông	-	
11	Tiên sơn roi	-	
12	Long sơn roi	-	
13	Thái sơn lưu thủy	-	
14	Thái sơn xung khu	Không	
15	Kim long roi	-	
16	Liễu Quang roi	-	
17	Thiên Phong roi	-	
18	Triệu tử	-	
19	Vạn mã hùng sơn	-	
20	Lục tấn bá tiên	-	
21	Ô Long Tiên	Có	
22	Lục Tấn Chiêu Tiên	-	
23	Tiên sơn thảo roi	-	
24	Cầm câu lữ tiên	-	

STT	TÊN BÀI RƠI	LỜI THIỆU	GHI CHÚ
25	Lăng Kinh Kim tiên	Có	
26	Thần đồng	-	
27	Tiên ông	-	
28	Tứ Ngung	-	
29	Mộc Liên	-	
30	Thất bộ	-	
31	Tấn nhất	-	
32	Chấp thủ đăng côn	-	
33	Tấn nhất Ô Du	-	
34	Khởi pháp côn	-	
35	Tề Mi côn	-	
36	Hầu côn	Không	
37	Tứ môn	Có	
38	Lão hổ Quy Sơn	-	
39	Bát quái	-	
40	Thiên Côn	-	
41	Hải Sơn Côn	-	
42	Bát côn trận	Không	
43	Trường Côn Trận	-	
44	Bàng Phi	-	
45	Từ Bình Côn	-	
46	Độc Côn	-	
47	Thần động phá trận	-	
48	Thiết bản kiều	-	
49	Tý Côn	-	

STT	TÊN BÀI ROI	LỜI THIỆU	GHI CHÚ
50	Bông côn	Không	Trích trong quyển “Tây Sơn liệt oanh chi binh pháp”
51	Lục tấn chiêu tiên	Có	
52	Lục vân thủy tiên	-	
53	Tiên thương thảo Quyết	-	
54	Vân Sơn	Không	
55	Thần ôn tiên	-	
56	Tứ trụ	Có	
57	Trục chỉ	-	
58	Phương Hoàng	-	
59	Không tiên	-	
60	Tam châu tuy hình pháp	-	
61	Roi ông Đế	-	

Tổng cộng bài có lời thiệu: 38

**Liên đoàn võ thuật Bình Định
Sưu tầm tổng hợp
Năm 1991**

Phụ lục III CÁC BÀI KIẾM ĐANG LƯU HÀNH TẠI BÌNH ĐỊNH

SỐ TT	TÊN BÀI KIẾM	NGƯỜI SÁNG TÁC VÀ CUNG CẤP	LỜI THIỆU	GHI CHÚ
1	Phi sơn hải kiếm Pháp	Trương Vạn Dân	Có	Ở Huế cung cấp
2	Âm dương phương kiếm	Bùi Thị Xuân	-	Chùa Long Phước cung cấp
3	Song phương kiếm	-	-	-
4	Tru hồn kiếm	Đinh Tiên Hoàn (Năm Kỷ Mão 979)	-	-
5	Phong vân kiếm Pháp	Phạm Ngũ Lão (Năm Giáp Dần 1317)	-	-
6	Tử Long Môn thần Kiếm	Nguyễn Phụng Tiên	-	-
7	Đoạn khúc âm hồn kiếm	Nguyễn Trung Như (Năm Mậu Tý 1768)	-	-
8	Dường gương theo sấm và gió	Trần Quang Diệu (Năm Nhâm Tuất 1802)	-	-
9	Lôi phong tùy hình kiếm	-	-	-
10	Tam tinh thần linh kiếm	Nguyễn Huệ (năm Tân Mão – 1771)	-	-
11	Tứ Long Môn thần kiếm	Bùi Thị Xuân (Năm Canh Dần – 1770)	-	-
12	Tây quy kinh môn Tiên	Phạm Ngũ Lão (Năm Giáp Dần – 1255)	-	-
13	Xích kiếm ô long tiên	-	-	-
14	Độc kiếm	Nguyễn Bá Ngọc	-	Bình Thuận
15	Song Đao	-	-	-
16	Song đao phá thạch	Phan Thọ	-	Tây Sơn
17	Mai Hoa Kiếm	Hà Ngọc Sơn	-	Tuy Phước
18	Độc giác kiếm	-	-	-
19	Long môn kiếm	Kim Dững	-	Quy Nhơn
20	U linh thương kiếm	Lý Công Uẩn (Năm Giáp Tuất – 974)	-	Hạnh Hòa

**Do Liên đoàn Võ thuật Bình Định cung cấp
năm 1990**

DANH SÁCH VÕ SƯ TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Do Liên đoàn võ thuật Bình Định cấp năm 1990)

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	QUÊ QUÁN	ĐÃ CẤP BẰNG VÕ SƯ	GHI CHÚ
1	Nguyễn Điệp	Quy Nhơn	Bằng loại I	Chết
2	Bá Trắng	-	-	Nguyễn Nghê
3	Từm	-	-	Chết
4	Minh Nhín	-	Không	
5	Dương Hoài Sơn	-	-	
6	Trần Văn Số	-	-	
7	Kim Sơn	-	-	
8	Hải Sơn	-	-	
9	Phi Hùng	-	-	
10	Kim Huệ	-	-	
11	Kim Dũng	-	Loại II	Chết
12	Ki Đình	-	-	
13	Nguyễn Lê Thanh	-	-	
14	Hồng Ngự	-	-	
15	Đình Văn Tuấn	-	-	
16	Phan Thọ	Tây Sơn	Loại I	
17	Đặng Vĩnh Nghê	-	-	Chết
18	Trần Dân	-	-	
19	Nguyễn Trá	-	-	
20	Hương Kiểm Mỹ	-	Không	
21	Lê Thành Phiên	-	-	
22	Lê Văn Chánh	-	-	
23	Trần Khanh	-	-	

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	QUÊ QUÁN	ĐÃ CẤP BẰNG VÔ SƯ	GHI CHÚ
24	Sáu Hà	Tây Sơn	Không	
25	Văn Sơn Ngọc	-	-	
26	Hải Sơn	-	-	
27	Hồ Sơn Kỳ	-	Loại II	
28	Lê Thành Khán	-	-	
29	Phi Long	-	Không	
30	Đào Hoàng	-	-	
31	Hồ Sử	-	-	Cháu nội Hồ Ngạnh
32	Xảo Hào	Tuy Phước	Loại I	Mười Mỹ
33	Hà Trọng Sơn	-	Loại I	
34	Phi Long Vinh	-	-	
35	Nguyễn Văn Thành	-	-	
36	Thanh Hoàng	-	-	
37	Lâm Ngọc Phú	-	-	
38	Thành Công	-	Không	
39	Hàm Hữu Nghĩa	-	-	
40	Hồng Kim Nghi	-	-	Cha Hồng Khanh
41	Hồng Kim Khanh	-	Thẻ huấn luyện viên	
42	Minh Tinh	-		
43	Bửu Thắng	-	Loại II	Chết
44	Hạnh Hòa	-	Loại II	Chùa Long Phước
45	Vạn Thanh	-	-	-
46	Đoàn Quý	-	Thẻ HLV	
47	Nguyễn Thanh Hương	-	-	

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	QUÊ QUÁN	ĐÃ CẤP BẰNG VÔ SƯ	GHI CHÚ
48	Lý Thanh Nhân	An Nhơn	Không	
49	Lý Xuân Hỷ	-	Loại II	
50	Nguyễn Đức Thọ	-	-	
51	Bình Sơn	-	Không	
52	Vũ Lê Cang	-	-	
53	Nguyễn Thông	-	-	
54	Năm Chấn	-	-	
55	Trần Quang Diễn	Phù Cát	Loại II	
56	Dương Hoài Sơn	-	Không	
57	Nguyễn Quang Hiệp	-	-	
58	Hồng Sơn	-	-	
59	Hà Trọng Thất	-	Thẻ HLV	
60	Đào Duy Kiệt	-	Không	
61	Cưu Xưa	-	-	
62	Xã Lượng	-	-	
63	Kiểm Trung	-	-	
64	Đàm Lương	-	-	
65	Kim Hòa	Phù Mỹ	Loại II	
66	Kim Sĩ	-	Không	
67	Hương kiểm sát	-	-	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tên	Tác giả	Thời gian
1. Trên đất Nghĩa Bình	Nhiều tác giả	1986
2. Tây Sơn – Nguyễn Huệ	nt	–
3. Nhà Tây Sơn	Quách Tấn	–
4. Tây Sơn lương tướng ngoại truyện	Nhiều tác giả	
5. Những mẫu chuyện thời Tây Sơn	–	
6. Việt Nam văn sử yếu	Dương Quang Hàm	
7. Người Việt đất Việt	Toàn Ánh	1970
8. Nếp cũ – con người Việt Nam	–	–
9. Võ Bình Định	Phan Châu Thanh	Trước 1975
10. Võ Bình Định châu truyền	Diệp Bảo Sanh	–
11. Lược sử võ cổ truyền Việt Nam	Mai Văn Muôn	1991
12. Thể thao dân tộc ở Việt Nam	–	
13. Nhất nam có bản “2 tập”	Ngô Xuân Bính	1989
14. Võ dưỡng sinh	Nguyễn Khắc Viện	1983
15. Thập bát ban la hán quyền	Toàn Ánh	1970
16. Võ dân tộc cổ truyền	Đinh Văn Tuấn	1992
17. Võ thuật đạo	Nguyễn Xuân Bính	1993
18. Võ cổ truyền Việt Nam	Nguyễn Bá Ngọc	1991
19. Miền đất võ	Nhiều tác giả	1986
20. Quyền Bình Định	–	1989
21. Roi Bình Định	Lê Thị – Hạnh Hòa	1999
20. Tuyển tập võ Bình Định	Lê Thị – Kim Đình	1996
21. Võ nghệ quốc ngữ ca	Viện Hán môn	
22. Sông Côn nổi sóng “4 tập”		
23. Võ say	Trung Quốc	
24. Võ rắn	–	
25. Các tạp chí Võ thuật	HN.SG.BĐ	
26. Bước đầu nghiên cứu nguồn gốc và đặc trưng Võ cổ truyền Bình Định	Ban chuyên đề	2000

27. Một số tư liệu về võ	Trung Quốc – Pháp	
28. Đại học sử ký toàn thư “4 tập”	NXB Khoa học Xã hội	1967 – 1973
30. Thiếu lâm cơ bản	NXB Long An	1989
31. La hán quyền phân thế	Hoàng Thanh	1970
32. Tự học võ cổ truyền “Việt Nam – Bình Định”	Lạc Hà	1988
33. - Thiết truyền quyền -Bắc phái Phật gia truyền	Hồng Lĩnh	1988 – 1989
34. Phương pháp sơ luyện đao – kiếm	Thư viện Hán Nôn A1381	
34. Tự điển triết học	NXB Mạc Tư Khoa	1986
35. Những tuyệt chiêu của võ thuật	Phan Kim Huệ	1989
37. Thăng Long – Đông Đô – Hà Nội	NXB Hà Nội	1990
38. Bình Định tỉnh chí	Thư viện NB	
39. Đại Nam chính biến liệt truyện	–	
40. Đại Nam thống nhất chí	–	
41. Việt Nam sử lược	Trần Trọng Kim	
42. Hoàng Lê Nhất thống chí.		
43. Hoàng Việt nhất thống dư địa chí	Lê Quang Định	

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	3
Lời mở đầu	5
Chương một: Võ cổ truyền Bình Định	
Mục một: Quá trình hình thành & phát triển võ cổ truyền Bình Định	9
I. Vài nét về Bình Định	9
II. Quá trình hình thành người Bình Định	12
II.1. Người bản địa	12
II.2. Những người di cư vào Bình Định	14
a) Người Đàng ngoài (phía Bắc) vào Bình Định	14
b) Gia đình họ Nguyễn vào lập nghiệp ở Bình Định	16
c) Các danh nhân Bắc Hà vào sinh sống tại Bình Định	19
c.1. Thầy giáo Trương Văn Hiến	19
c.2. Đình Văn Nhưng	22
c.3. Đại tướng Ngô Mạnh	23
c.4. Dòng họ Trương	24
c.5. Võ sư Trần Kim Hùng	26
III. Người Trung Hoa di cư đến Bình Định	27
1. Diệp Trường Phát (Tàu Sáu)	28
2. Dòng họ Lý (Lý Hùng)	29
Mục hai: Võ cổ truyền Bình Định qua các thời kỳ	31
I. Thời kỳ sơ khai của võ cổ truyền Bình Định	31
II. Võ cổ truyền Bình Định hình thành từ võ của người bản địa	32
III. Người Đàng ngoài vào góp phần hình thành phát triển võ cổ truyền Bình Định	35
IV. Võ Trung Hoa cũng góp phần hình thành võ Bình Định	38
V. Võ nghệ trong nhà chùa	40
Chương hai: Võ cổ truyền Bình Định thời Tây Sơn	42
Mục một: Bối cảnh lược sử thời Tây Sơn	42

I. Ấp Tây Sơn	47
1. Tây Sơn thượng đạo	47
2. Tây Sơn hạ đạo	48
II. Thân thế và sự nghiệp võ nghệ nhà Tây Sơn	49
III. Ba anh em nhà Tây Sơn	51
1. Nguyễn Nhạc	52
2. Nguyễn Huệ	53
3. Nguyễn Lữ	68
IV. Tây Sơn tam kiệt ra đời	92
1. Nguyễn Huệ với bài Nghiêm thương	93
2. Bùi Thị Xuân với bài Song phượng kiếm	97
3. Trần Quang Diệu với bài Lôi phong tỳ hình kiếm	103
V. Vài nét về võ Tây Sơn	114
VI. Lược sử tác giả quyền: Tây Sơn danh tướng bí kiếp Nguyễn Trung Như	119
Mục hai: Võ nghệ thời nhà Nguyễn	129
I. Sự sụp đổ của nhà Tây Sơn	129
II. Trường thi võ và các võ sư nổi tiếng của Bình Định	130
III. Võ sư Bình Định tham gia các khoa thi của triều đình Nguyễn	132
1. Tiến sĩ võ người Bình Định	132
2. Các võ sư nổi tiếng của Bình Định	133
Võ sư Trung Quân	134
Võ sư Bầu Đê, danh bất hư truyền	135
Chương ba: Các môn phái nổi tiếng võ cổ truyền Bình Định	139
Mục một: Các môn phái trong tỉnh	139
I. Roi thuận truyền và tên tuổi võ sư Hồ Ngạnh	139
II. Quyền An Vinh	142
III. Võ phái Tuy Phước	145
IV. Võ phái Tây Sơn	147
Mục hai: Võ cổ truyền Bình Định ở ngoài tỉnh	150
I. Phía Bắc (Bình Định gia – người sáng lập – Trần Hưng Quang)	150
II. Võ Bình Định ở phía Nam	152
1. Võ phái Sa Long Cương	152
2. Võ trận Bình Định	152
3. Tây Sơn Bạch Long	152
4. Tây Sơn thiếu lâm	152

III. Võ cổ truyền đến nước ngoài	153
1. Võ cổ truyền Bình Định tại Mockba	153
2. Ringa – Lapvia	159
3. Paris – Pháp	167
Mục ba: Nội dung võ cổ truyền Bình Định	181
A. Nội dung võ thời Tây Sơn	181
B. Nội dung võ cổ truyền Bình Định	183
B.1. Về quyền	183
B.2. Võ với binh khí	184
B.3. Võ chiến đấu	184
B.4 Võ đài	186
Chương bốn: Cơ sở lý luận và kỹ thuật cơ bản võ cổ truyền Bình Định	188
Mục một: Cơ sở lý luận của võ cổ truyền Bình Định	193
I. Vận dụng học thuyết âm dương	194
II. Võ cổ truyền Bình Định hình thành dựa vào thao tác lao động của con người và tính năng vận động của các loài động vật	197
III. Võ cổ truyền Bình Định dựa vào cơ sở lý luận võ nghệ thời Tây Sơn để hoàn thành nền võ học của mình	200
IV. Võ cổ truyền Bình Định dựa vào các tư liệu, gia phả của các môn phái và gia tộc để làm cơ sở lý luận cho dòng võ mình	201
Mục hai: Kỹ thuật cơ bản một số môn võ cổ truyền Bình Định	207
A. Quyền thuật	207
a) Nhãn pháp	207
b) Khí pháp	208
c) Chưởng pháp	210
c.1. Nắm nắm	210
c.2. Bàn tay	210
c.3. Cùi bàn tay	211
c.4. Chưởng	212
c.5. Ngũ chưởng	214
d) Thủ pháp	214
e) Tấn pháp	223
Bài quyền tiêu biểu của võ cổ truyền Bình Định	236
a) Dẫn giải động tác bài quyền Ngọc Trản	240
b) Dẫn giải phân thế Ngọc Trản	282

B- Roi (côn)	289
B.1. Các phách roi cơ bản	289
B.2. Roi chiến, roi trận và roi đấu	290
B.3. Bài roi Tam thủ tùy hình pháp của Hồ Ngạnh	293
C- Kiếm	331
C.1. Kỹ thuật cơ bản về kiếm	332
C.2. Bùi Thị Xuân với bài Song Phượng Kiếm	334
c.3. Bài kiếm tiêu biểu của võ cổ truyền Bình Định	339
Đoạn kết	402
A. Đặc trưng về võ lý của võ cổ truyền Bình Định	402
B. Đặc trưng về võ đạo của võ cổ truyền Bình Định	404
C. Đặc điểm về võ thuật của võ cổ truyền Bình Định	405
* Các phụ lục	412
* Tài liệu tham khảo	424

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tiến sĩ MAN NGOC LÝ

Giám đốc Sở KH-CN Bình Định

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ VĂN MINH

Giám đốc Sở TDTT Bình Định

Nhóm Biên tập:

VÕ XUÂN THANH

Phó Giám đốc Sở KH-CN Bình Định

NGUYỄN VĂN MINH

Phó Giám đốc Sở TDTT Bình Định

Võ sư KIM ĐÌNH

Huấn luyện viên Nguyễn Quang Trung

*In 300 cuốn, khổ 20 x 28,5 cm, tại Công ty In Bình Định, 114 Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn.
ĐT: 822810 - 811326. Giấy phép xuất bản số: 102-04/XB-IN do Sở VHTT Bình Định cấp ngày
17-11-2004. In xong và nộp lưu chiểu tháng 03-2005.*

❖ **Đã xuất bản:**

- Miền đất võ (Nhà XB TDTT - 1986)
- Quyền Bình Định (nt - 1988)
- Roi Bình Định (nt - 1990)
- Kiếm Bình Định (nt - 1991)
- Tuyển tập Võ Tây Sơn Bình Định (nt - 1992)

❖ **Đang in:**

- Lịch sử Võ cổ truyền Việt Nam

❖ **Sắp xuất bản:**

- Khảo cứu võ nghệ thời Tây Sơn
- Phép luyện võ xưa và nay
- 100 bài thiệu Võ cổ truyền Bình Định
- Danh sư đất võ
- Lịch sử Thể dục Thể thao Bình Định giai đoạn 1975 - 1992.